



COLUMBUS

BỐN CHUYẾN HẢI HÀNH

(1492 – 1504)

LAURENCE BERGREEN

Đặng Tuyết Anh dịch – Võ Minh Tuấn hiệu đính

*Dựa trên các ghi chép của Columbus
và những người đồng hành*

New York Times Bestseller

OMEGA+

NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI



COLUMBUS

BỐN CHUYẾN HẢI HÀNH

(1492-1504)

COLUMBUS: THE FOUR VOYAGES, 1492-1504

Copyright © Laurence Bergreen, 2011

All rights reserved including the right of reproduction in whole or in part in any form.
This edition published by arrangement with Viking, an imprint of Penguin Publishing Group,
a division of Penguin Random House LLC.

COLUMBUS: BỐN CHUYẾN HẢI HÀNH (1492-1504)

(Dựa trên các ghi chép của Columbus và những người đồng hành)

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2016
Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa cứng áo ôm, 2018.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ
hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản
của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách
ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Bergreen, Laurence

Columbus: Bốn chuyến hải hành (1492-1504) : Dựa trên các ghi chép của Columbus và những người đồng
hành / Laurence Bergreen ; Đặng Tuyết Anh dịch ; Võ Minh Tuấn h.đ.. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega
Việt Nam, 2018. - 640tr. ; 24cm

Tên sách gốc: Columbus: The Four Voyages (1492-1504)

ISBN: 9786047753864

1. Colombo, Cristoforo, 1451-1506, Nhà hàng hải, Italia 2. Thám hiểm 3. Châu Mỹ
970.015092 - dc23

TGL0117p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: hoptac@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: rights@omegaplus.vn

LAURENCE BERGREEN

COLUMBUS
BỐN CHUYẾN HẢI HÀNH
(1492-1504)

Đặng Tuyết Anh *dịch*
Võ Minh Tuấn *hiệu đính*

Nhà xuất bản Thế giới

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TS Nguyễn Ngọc Anh; TS Nguyễn Tuệ Anh; Nguyễn Cảnh Bình; TS Nguyễn Tuấn Cường;
Vũ Trọng Đại; ThS Phạm Diệu Hương; TS Phạm Sỹ Thành; TS Trần Toàn Thắng; ThS Đậu Anh Tuấn;
PGS TS Lê Anh Vinh; TS Trương Minh Huy Vũ.



ĐƠN VỊ BẢO TRỢ TRUYỀN THÔNG

TẠP CHÍ TIA SÁNG



<https://www.facebook.com/tiasang.tapchi>

Website: <http://tiasang.com.vn/>



<https://www.facebook.com/tramdocvn>

website: <http://tramdoc.vn/>

Dành tặng mẹ
và
trong nỗi nhớ về cha và em

MỤC LỤC

Danh sách các nhân vật chính 10

Danh sách các bản đồ..... 12

Phần mở đầu: Tháng 10 năm 1492 13

Chú thích về khoảng cách và ngày tháng 26



PHẦN 1
KHÁM PHÁ

Chương 1 33 Ngày..... 28

Chương 2 Người con của Genoa 75

Chương 3 Đắm tàu 121

Chương 4 “Những người từ trên trời” 149

PHẦN 2
CHINH PHỤC

Chương 5 Dòng sông máu 180

Chương 6 Cuộc nổi loạn..... 238

Chương 7 Giữa những người Taíno..... 278

Phần chuyển tiếp: Thời kỳ trao đổi Columbus 326

PHẦN 3
THỜI KỲ SUY TÀN

Chương 8	“Tiếng gầm lớn”	332
Chương 9	Cuộc nổi loạn của Roldán	365
Chương 10	“Xích lại gửi tôi về”	401

PHẦN 4
HỒI PHỤC

Chương 11	El Alto Viaje	426
Chương 12	Những kẻ bơ vơ chốn thiên đường.....	466
Chương 13	Ngày 29 tháng 2 năm 1504.....	491
Phần kết	Ngày Columbus	529



Lời cảm ơn.....	535
Chú thích nguồn dẫn.....	541
Tài liệu tham khảo chọn lọc	563
Mục từ tra cứu	580
Nguồn tham khảo phụ lục hình ảnh	588
Phụ lục hình ảnh.....	593

Một ông già hao mòn, tàn phế,
Bị đày tới bờ biển man rợ, xa, xa quê hương,
Giam cầm bởi biển, và đỉnh đồi tối tăm bất tri, mười hai tháng ròng thê lương,
Đau đớn, vất vả với khổ sai, ốm yếu, gần đất xa trời,
Ta rảo bước ven hòn đảo
Trút bỏ trái tim trĩu nặng. . . .

Hỡi người lái tàu vô hình! từ nay về sau bánh lái thuộc về Người;
Hãy cầm lái – (kỹ năng tâm thường của ta có là gì với sự điều hướng
của Người?)
Bàn tay ta, đôi chân ta giờ không còn sức lực;
Trí óc ta rệu rã, bối rối;
Hãy để những ván gỗ tàu ra đi – Ta sẽ không nói lời từ biệt!
Ta sẽ bám lấy Ngài, hỡi Chúa, cho dù sóng gió có vùi dập ta;
Ngài, chính Ngài, chỉ ít ta còn biết.

Phải chăng đây là lời tiên tri, hay ta mê sảng?
Ta biết gì về cuộc đời? về bản thân ta?
Ta còn chẳng biết đến công trình của chính ta, dù quá khứ hay hiện tại;
Những phỏng đoán mập mờ, vô định trải dài trước mắt ta;
Về những thế giới mới, tốt đẹp hơn, sự sinh sôi mạnh mẽ của chúng;
Chế giễu, làm ta bối rối.

Và những điều ta chợt thấy - chúng mang ý nghĩa gì?
Như thể một phép màu, một bàn tay thần thánh cởi trói cho đôi mắt ta,
Hình bóng mờ ảo, to lớn, mỉm cười giữa bầu trời,
Và trên con sóng xa xôi vô số con thuyền lướt tới,
Và những bài ca với ngôn ngữ mới chào mừng ta.

— *Lược trích từ “Lời cầu nguyện của Columbus”,
Walt Whitman, 1871*

DANH SÁCH CÁC NHÂN VẬT CHÍNH

Christopher Columbus, Đô đốc Đại dương

Bartholomew Columbus, em trai Columbus, *Adelantado* (“Nhà tiên phong”)

Diego Columbus, em trai Columbus

Felipa Moñiz, vợ Columbus

Diego Columbus, con trai Columbus với Felipa Moñiz

Ferdinand Columbus, con trai Columbus với Beatriz de Arana

Ferdinand II of Aragon, Nhà vua xứ Castile

Isabella I of Castile

Juan Rodríguez de Fonseca, giám mục và giáo sĩ của Isabella

João II of Portugal, “Quân vương Hoàn hảo”

Manuel I of Portugal

Vicente Yáñez Pinzón, thủy thủ xứ Palos, Tây Ban Nha

Martín Alonso Pinzón, anh trai Vicente

Francisco Martín Pinzón, anh trai Vicente

Diego Alvarez Chanca, bác sĩ, bạn của Columbus

Juan de la Cosa, người vẽ bản đồ

DANH SÁCH CÁC BẢN ĐỒ

Bốn chuyến hải hành của Columbus 18–19

Đường đi của Hải hành thứ nhất, 1492–1493 32–33

Đường đi của Hải hành thứ hai, 1493–1496 184–185

Hispaniola và Cuba 216

Đường đi của Hải hành thứ ba, năm 1498..... 336–337

Trinidad và vịnh Paria 348

Đường đi của Hải hành thứ tư, 1502–1503..... 432– 433

Cha Ramon Pané, linh mục, phái viên được cử đến gặp người Taíno

Antonio de Torres, bạn đồng minh của Columbus

Luis de Torres, người phiên dịch của hải hành đầu tiên

Guacanagarí, tộc trưởng người Taíno

Guarionex, tộc trưởng

Caonabó, tộc trưởng người Carib

Anacaona, vợ của Caonabó, bị giết bởi người Tây Ban Nha

The Quibián, tộc trưởng

Alonso de Ojeda, Đại úy của Columbus và cũng là đối thủ của ông

Amerigo Vespucci, nhà thám hiểm, quan chức người Florence

Francisco Roldán, kẻ nổi loạn trong hải hành thứ ba

Francisco de Bobadilla, nhà điều tra pháp lý

Nicolás de Ovando, Thống đốc của Hispaniola

Francisco Porras, kẻ nổi loạn trong hải hành thứ tư

Diego Méndez, người dẫn đầu trong nhiệm vụ giải cứu của hải hành thứ tư

Bartolomé de Las Casas, chiến binh, thầy dòng, nhà biên niên sử

PHẦN MỞ ĐẦU



THÁNG 10 NĂM 1492

“Tôi ra khơi theo hướng tây tây nam, và ở chuyến đi này chúng tôi mang theo nhiều nước ngọt hơn mọi lần”, Christopher Columbus viết trong nhật ký hải trình của mình hôm thứ Năm, ngày 11 tháng 10 năm 1492, gần với thời khắc quyết định của chuyến thám hiểm. Việc đó đã không xảy ra ở thời khắc sớm hơn, do những thủy thủ đoàn sợ hãi và ngang ngược trên ba con tàu của ông định nổi loạn. Bản thân ông cũng không tránh khỏi nổi hoài nghi, Columbus cố nhắc nhở đám nổi loạn về lời thề trách nhiệm của họ, “nói với họ rằng, dù tốt hay xấu, họ phải hoàn thành công việc khó khăn mà các vị Quân chủ Công giáo” – Isabella xứ Castile và Ferdinand xứ Aragon, những người đồng cai trị Tây Ban Nha – “đã phái họ đi”. Ông không dám mạo hiểm làm mất lòng các nhà bảo trợ hoàng gia mà mình đã phải vận động họ tới cả chục năm để được nhận nhiệm vụ này, nên ông khẳng định, “Tôi lên đường tìm Ấn Độⁱ và sẽ tiếp tục cho đến khi nào hoàn thành sứ mệnh đó, với sự giúp đỡ của Chúa”. Và tốt hơn là họ nên theo sự dẫn dắt của ông hoặc có nguy cơ gánh chịu một sự trừng phạt tàn bạo.

i. Nguyên văn: “Indies”, trên thực tế là châu Mỹ. Columbus khi đó tìm ra châu Mỹ đã lầm tưởng là Ấn Độ. Trong cuốn sách này, chúng tôi giữ cách dịch “Indies” thành “Ấn Độ”.(HĐ)

* Các chú thích của người hiệu đính sẽ được ghi tắt ‘(HĐ)’, các chú thích của biên tập sẽ được ghi tắt ‘(BT)’ ở cuối chú thích, các chú thích còn lại là của dịch giả.

Bỗng dừng những lời cầu nguyện của ông dường như được đáp lại: “Tôi nhìn thấy những dấu hiệu của đất liền”. Dấu hiệu đầu tiên là “Một đàn chim biển khá đông bay qua trên đầu”. Dấu hiệu khác là một cây sậy mỏng manh lênh bênh trôi ngang tàu chỉ huy của ông, *Santa María*, và nó còn xanh, cho thấy nó mọc ở gần đây. Thủy thủ trên tàu *Pinta* cũng phát hiện thấy điều tương tự, cùng với một tấm ván mỏng “do người làm ra”, được một bàn tay vô danh chạm trổ, có lẽ bằng một “dụng cụ bằng thép”. Thủy thủ trên tàu *Niña* thì thấy một que củi, bằng chứng tương tự về việc họ đã gần với đất liền. Ông khuyến khích thủy thủ đoàn nói lời cảm ơn thay vì nổi loạn vào giây phút quan trọng này, tăng gấp đôi số người canh gác, và hứa thưởng hậu hĩnh cho thủy thủ đầu tiên phát hiện được đất liền.

Và sau đó hàng giờ liền, hoàn toàn chẳng có gì cả.

Khoảng 10h tối hôm đó, Columbus bốn chôn đi tuần ở tầng trên cao nhất của boong phía đuôi tàu. Trong ánh sáng lờ mờ, ông nghĩ mình thấy cái gì đó giống “một ánh nến nhỏ chập chờn”. Có thể đó là cây đuốc trên thuyền của ngư dân ban đêm, hay chắc của ai đó trên đất liền “đang đi từ nhà này sang nhà khác”. Có thể đó chỉ là một bóng ma ảo giác, thường gặp trên biển, kể cả với đôi mắt của người lão luyện. Ông triệu hai viên sĩ quan đến; một người đồng tình với nhận xét của ông, người kia thì chế giễu. Chẳng ai thấy gì cả, còn Columbus thì không tin vào trực giác của chính mình. Từ kinh nghiệm cá nhân, ông biết đời sống ở biển thường đưa ra những lựa chọn khắc nghiệt. Nếu ông thành công trong công cuộc khám phá vùng đất căn cứ của đế chế Tây Ban Nha cách tổ quốc hàng ngàn dặm, ông sẽ sớm thực hiện được lời cam kết của mình với những nhà bảo trợ hoàng gia và nhận danh hiệu anh hùng cùng sự giàu có ngoài sức tưởng tượng. Sau mọi nghi ngờ và thử thách mà ông đã phải chịu đựng, việc ông hoàn thành sứ mệnh sẽ là minh chứng hùng hồn nhất.

Nhưng nếu thất bại, ông sẽ phải đối mặt với sự nổi loạn của thủy thủ đoàn bất trị, bị thất sủng vĩnh viễn, và viễn cảnh về cái chết ở một góc biển cô độc nào đó xa quê hương.

Trong suốt hải hành thứ nhất, Columbus ghi chép chi tiết các suy nghĩ và hành động của mình, trong đó ông tìm cách biện minh trước các vị Quân chủ, trước Chúa của ông, và trước bản thân. Ông tin rằng lịch sử sẽ lắng nghe. Trong ghi chép của mình, ông bắt đầu bằng việc giải thích về tiền đề của chuyến đi từ góc độ của cuộc Tái chinh phụcⁱ, đòi lại bán đảo Iberia đã bị người Islam giáo chiếm đóng hàng thế kỷ. Đối với Columbus, thành công của chiến dịch quân sự này khiến cho chuyến ra khơi của ông trở nên khả thi, và nếu tính đến niềm đam mê khám phá những điều bí ẩn của ông, thì đó là điều không tránh khỏi.

Trình bày với “các đấng Quân vương, Vua và Nữ hoàng Ki-tô giáo cao quý, xuất sắc, và hùng mạnh nhất của Tây Ban Nha và các Đảo ngoài biển khơi, Vua và Phu nhân của chúng ta, vào thời điểm năm 1492” – ở đây là các vị Quân chủ, Ferdinand và Isabella, nói theo cách khác – ông nhắc lại về cuộc chiến của họ với người Moorⁱⁱ (người Islam giáo), đặc biệt nhớ việc họ chiếm lại được “thành phố Granada rất vĩ đại” – thành trì cũ của người Moor. Columbus từng ở đó, hoặc ông tuyên bố như vậy. Ông “thấy Lá cờ Hoàng gia của các Bệ hạⁱⁱⁱ” xuất hiện trên “mấy ngọn tháp của Alhambra”, trung tâm quyền lực trước đây của

i. Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha: “Reconquista”, một quá trình kéo dài hơn 700 năm (từ đầu thế kỷ 8 đến năm 1492), trong đó các vương quốc Ki-tô giáo tái chiếm bán đảo Iberia từ tay người Islam giáo (năm 711, người Moor bắt đầu chinh phục bán đảo này, vốn trước đó thuộc về Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha), hoàn tất quá trình Tái chinh phục.

ii. Bao gồm người Berber, người châu Phi da đen, người Ả-rập có nguồn gốc Bắc Phi, từng xâm chiếm bán đảo Iberia trong hơn 700 năm. Tại thời điểm đó họ là người Islam giáo, còn trước đây thì theo tôn giáo khác.

iii. Tức các vị Quân chủ Ferdinand và Isabella. (HĐ)

người Moor. Ông thậm chí còn thấy “Vua Moor ra khỏi cổng thành và hôn đôi bàn tay cao quý của các Bệ hạ”. Thậm chí khi đó, Columbus nhắc họ rằng, ông đang nghĩ về kế hoạch vĩ đại của mình nhằm thiết lập giao thương với vị “Đại Hãn” huyền thoại ở phương Đông, “Vua của các Vua”. Và khi điều đó xảy ra, theo như cách ông kể lại các sự kiện mang tính sử thi, thì các vị Quân chủ, vốn là kẻ thù công khai của “bái thần giáo và dị giáo” đã quyết định phái ông – Christopher Columbus – tới Ấn Độ để cải hóa con người ở vùng đất xa xôi đó đến với “Đức tin thần thánh của chúng ta” – đức tin *duy nhất*. Viết lại đôi chút về sự kiện để lấy lòng Ferdinand và Isabella, ông tuyên bố là họ “ra lệnh rằng tôi không được đi bằng đường bộ” – tại sao lại phải đi đường bộ khi ông là một nhà hàng hải? – mà “bằng con đường về phương Tây”, nói cách khác là bằng đường biển.

Khi kể lại về lịch sử mới xảy ra gần đây này, chắc chắn Columbus đã kết hợp cả vào đây việc trục xuất người Do Thái khỏi Tây Ban Nha, được thực thi theo một sắc lệnh hoàng gia vào ngày 31 tháng 3 năm 1492, ông vui mừng đón nhận nó như cú hích cuối cùng cho chuyến hải hành. “Sau khi tất cả người Do Thái bị đuổi khỏi lãnh địa và nơi cai quản của các Bệ hạ cùng trong tháng 1, các Bệ hạ đã ra lệnh cho tôi rằng với đội tàu đã trang bị đầy đủ thì tôi cần khởi hành đi Ấn Độ, và theo đó ban cho tôi nhiều ân huệ.” Và những ân huệ ở đây là gì. Họ “phong tước quý tộc cho tôi, do đó từ giờ trở đi tôi được xưng là ‘Don’ và là ‘Đô đốc Đại dương và Phó vương và Thống đốc Vĩnh viễn’ của mọi hòn đảo và đất liền mà tôi khám phá ra và chinh phục được”. Không chỉ vậy, “Con trai cả sẽ kế vị tôi, và cứ vậy từ đời này sang đời khác mãi mãi”. Về vui thích của ông cho thấy tước hiệu thế tập và của cải đã truyền cảm hứng cho ông ra đi không kém bất kỳ điều gì.

Tiếp theo, giọng văn của ông trở nên thực tế và khách quan hơn.

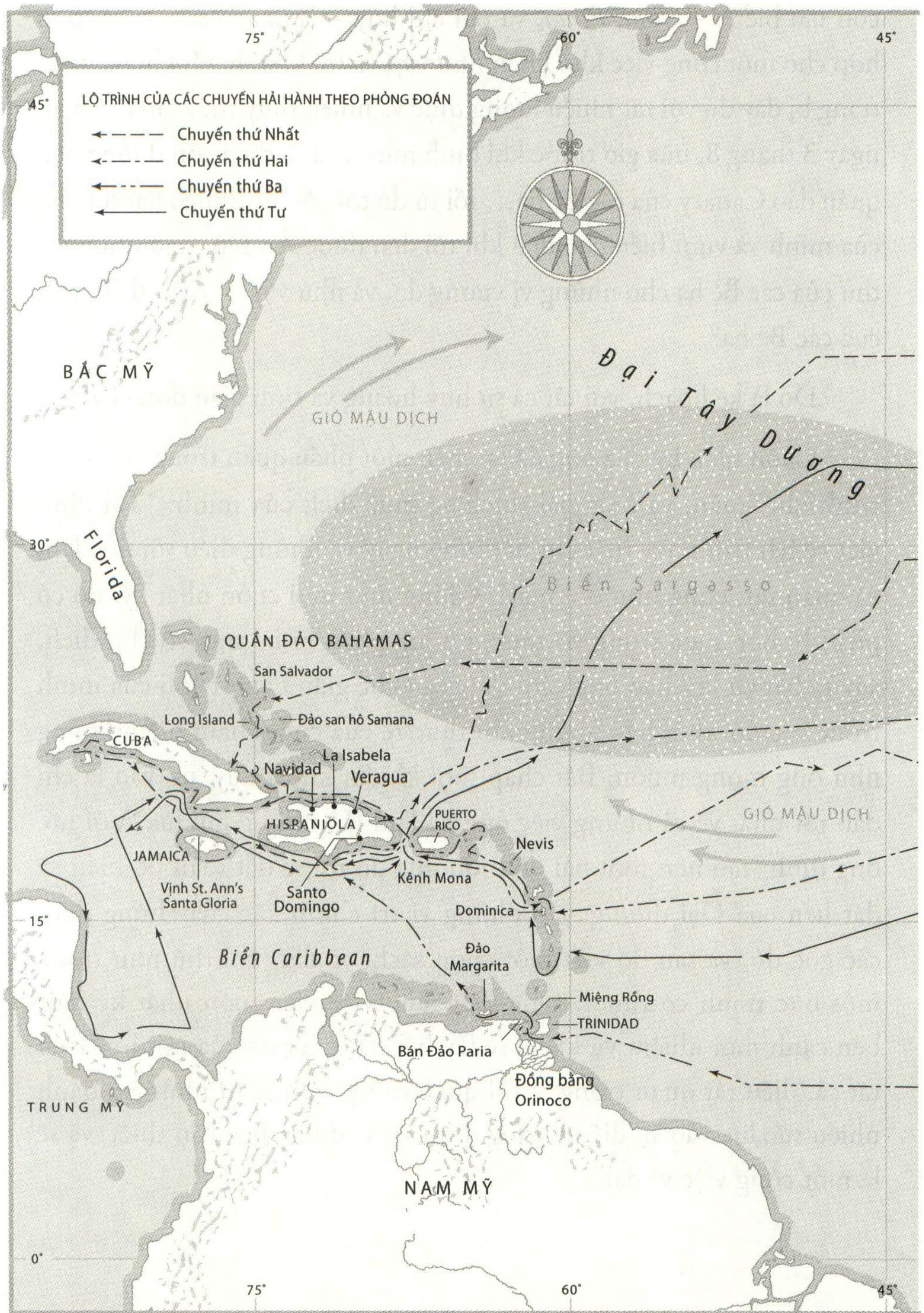
“Tôi rời thành phố Granada vào thứ Bảy, ngày 12 tháng 5 cùng năm 1492, và đến thị trấn Palos, một cảng biển, nơi tôi sẵn sàng với ba

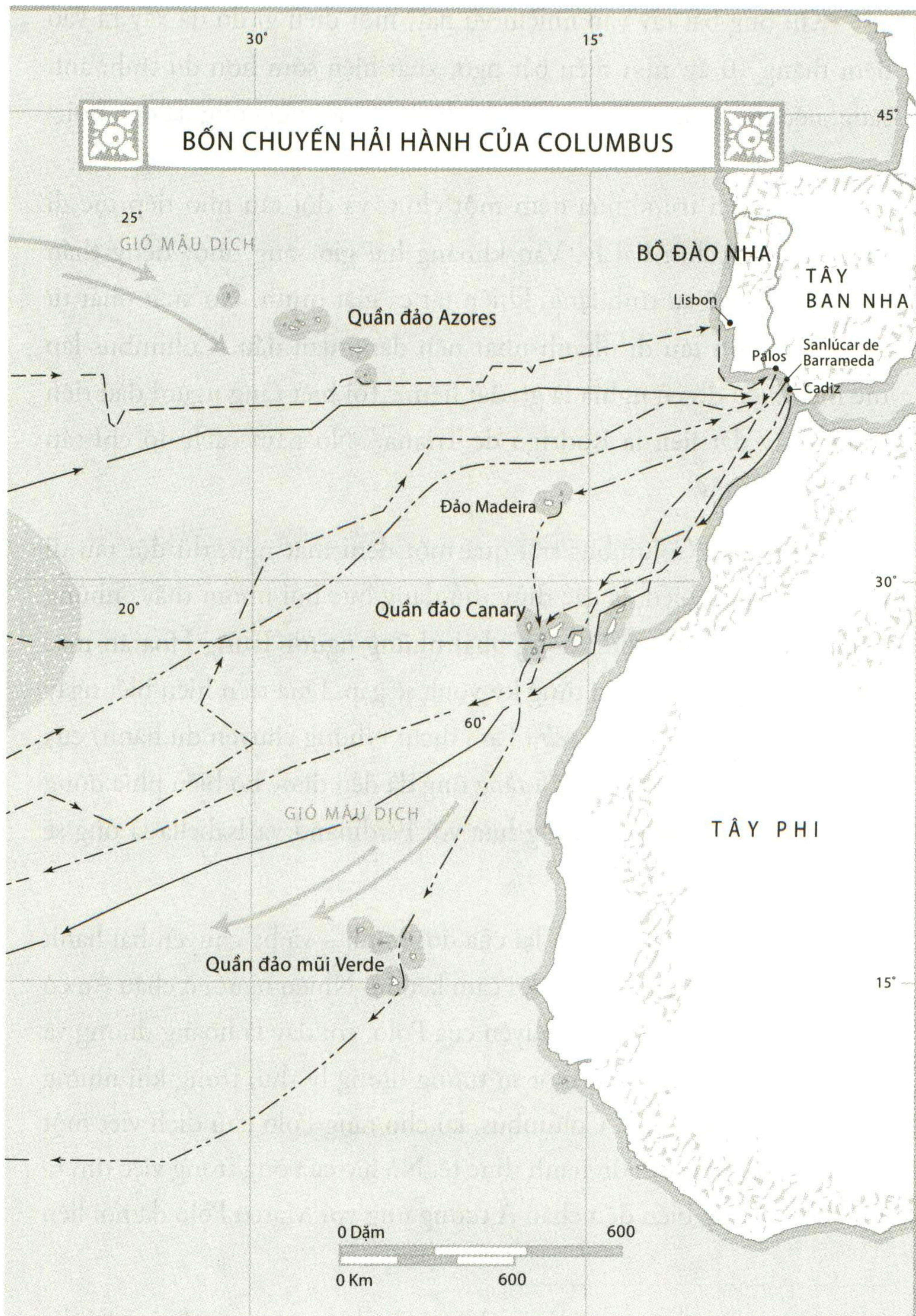
con tàu biển” – *Niña*, *Pinta*, và tàu chỉ huy – *Santa María* – “rất phù hợp cho một công việc khó khăn như vậy, và tôi khởi hành khi đã được trang bị đầy đủ với rất nhiều lương thực và nhiều thủy thủ, vào thứ Sáu, ngày 3 tháng 8, nửa giờ trước khi bình minh, và đi theo con đường đến quần đảo Canary của các Bệ hạ... rồi từ đó tôi có thể đi theo hành trình của mình và vượt biển cho đến khi tôi đến được Ấn Độ, trao những lá thư của các Bệ hạ cho những vị vương đó, và như vậy đã tuân theo lệnh của các Bệ hạ”.

Đó là kế hoạch, với tất cả sự huy hoàng và tính giản đơn của nó.

Cuốn nhật ký của ông đã tạo nên một phần quan trọng của hành trình khó khăn, và ông giải thích về mục đích của mình: “Tôi định viết về hải trình này thật chi tiết từng ngày về những điều tôi nên làm và quan sát, cũng như đối mặt”. Giống như mọi cuốn nhật ký, nó có phần bị bóp méo trong vô thức, những phần bị bỏ qua có chủ đích, xảy ra bất cứ khi nào ông cảm thấy cần che giấu hành trình của mình trước các đối thủ, hay những khi thực tế của cuộc thám hiểm không như ông mong muốn. Bất chấp mọi khiếm khuyết ấy, nó vẫn là chỉ dẫn tốt nhất về cả những việc ông đã làm lẫn những dối lừa. Với nó, ông định “tạo nên một hải đồ mới, qua đó tôi sẽ đặt toàn bộ biển và đất liền của Đại dươngⁱ vào những vị trí chính xác của chúng dưới các góc độ, và sau đó viết một cuốn sách, và đặt mọi thứ như trong một bức tranh có thực”. Ông biết rằng việc viết cuốn nhật ký này, bên cạnh mọi nhiệm vụ khác, sẽ lấy hết năng lượng của mình. “Trên tất cả, điều rất quan trọng là tôi quên cả ngủ”, ông tự nhủ, “và dành nhiều sức lực vào sự điều hướng định vị, vì đó là điều cần thiết, và sẽ là một công việc vĩ đại”.

i. Nguyên gốc: “Ocean Sea”. Columbus hàm ý Đại Tây Dương.





Khi ông bắt tay vào nhiệm vụ này, một điều gì đó đã xảy ra vào đêm tháng 10 ấy, một điều bất ngờ, xuất hiện sớm hơn dự tính: ánh sáng, nếu đó là ánh sáng, từ một bờ biển xa, nói rằng ông đã đến nơi.

Trăng lên trước nửa đêm một chút, và đội tàu nhỏ tiếp tục đi được khoảng chín hải lý. Vào khoảng hai giờ sáng, một tiếng thần công đã phá vỡ sự tĩnh lặng, khiến tất cả giật mình. Nó xuất phát từ tàu *Pinta*, con tàu đi nhanh nhất nên đang dẫn đầu. Columbus lập tức hiểu điều đó có nghĩa là gì: đất liền. “Tôi biết rằng người đầu tiên trông thấy đất liền là Rodrigo de Triana.” Nó nằm cách đó chỉ sáu dặm về phía tây.

Trong lúc Columbus trải qua một đêm mất ngủ, thì đội tàu đi đủ gần men bờ biển để các thủy thủ đang bức bối nhòm thấy “những người trần truồng” chứ không phải những người Trung Hoa ăn mặc cầu kỳ và đẹp đẽ mà ông từng kỳ vọng sẽ gặp. Dựa trên hiểu biết ngây thơ của ông qua cuốn *Travels* (Tạm dịch: Những chuyến du hành) của Marco Poloⁱ, nhà hàng hải tin rằng ông đã đến được bờ biển phía đông của Trung Hoa như ông từng hứa với Ferdinand và Isabella là ông sẽ đến đó.

Ông sẽ dành phần còn lại của đời mình – và ba chuyến hải hành tiếp theo – cố gắng thực hiện lời cam kết đó. Nhiều người ở châu Âu có khuynh hướng gạt bỏ câu chuyện của Polo, coi đấy là hoang đường và có tính thương mại, như một sự tưởng tượng lý thú, trong khi những người khác, đặc biệt là Columbus, lại cho rằng Polo chủ đích viết một cuốn sách hướng dẫn du hành thực tế. Nỗ lực của ông trong việc tìm ra một con đường biển đến châu Á tương ứng với Marco Polo đã nổi lên

i. Nhà hàng hải, nhà buôn người Venice (1254-1324), kể lại các chuyến đi của mình đến châu Á, trong cuốn *The Travels of Marco Polo* (Tạm dịch: Những chuyến du hành của Marco Polo).

khoảng cách giữa thế giới trung cổ đầy ma thuật và sức mạnh với thế giới khắc nghiệt của kẻ săn mồi và con thú trong thời kỳ Phục hưng. Mặc dù Marco Polo đã hoàn thành chuyến đi của mình từ 200 năm trước, nhưng Columbus vẫn mong đợi tìm thấy đế chế Mông Cổ còn nguyên vẹn và Hãn Hốt Tất Liệt hay một Đại Hãn khác giống với ông ta, còn sống mạnh khỏe và sẵn sàng giao thương. Nhưng Hốt Tất Liệt mất đã lâu, và đế chế của ông ta đã trong lụi tàn.

Bị bủa vây bởi ảo tưởng của mình, Columbus dễ dàng kết luận rằng ông đã đến được một hòn đảo hay vịnh ở rìa Trung Hoa, một bước nhảy vọt đạt được chỉ bằng cách bỏ qua châu Mỹ và Thái Bình Dương trong kiến thức địa lý lộn xộn của ông. Và đối với phần thưởng đã hứa, lẽ ra phải dành cho thủy thủ khiêm nhường Rodrigo de Triana, người đầu tiên thấy đất liền, thì Columbus lại quyết định rằng việc ông nhìn thấy ngọn nến vậy gọi là điều quan trọng hơn, và thế là ông giữ lại số tiền cho mình.



Đó có còn là vấn đề nữa không? Với tư cách một nhà thám hiểm, vị Đô đốc Đại dương thường bị cho là một người cơ hội, khám phá ra điều vĩ đại nhưng chẳng bao giờ thừa nhận nó là cái gì, biến những người mà mình tìm thấy thành nô lệ, khuyến khích tội diệt chủng, và làm xấu đi mối quan hệ giữa các dân tộc trước đó chưa biết nhau. Thậm chí ông còn bị cho là đã mang bệnh giang mai về châu Âu để rồi hành hạ châu Âu suốt hàng thế kỷ sau đó. Bào chữa cho hành động và di sản của mình, ông nói rằng mình hành động chỉ như công cụ của Chúa, kể cả việc ông cầu khẩn các vị Quân chủ của mình, Ferdinand và Isabella của Tây Ban Nha, ban cho mình và gia đình sự giàu có. Giới sử gia tranh cãi khá lâu rằng Columbus chỉ đơn thuần khám phá lại châu Mỹ, rằng người Viking, người Celt, và người Anh-điêng đã đến “Tân Thế giới” từ lâu trước khi ông cập bến đây thặng trọng. Nhưng mấy chuyến hải

hành của Columbus đến Tân Thế giới khác với tất cả các sự kiện trước đó về phạm vi của bi kịch nhân loại và tác động lên hệ sinh thái. Trước ông, Cựu và Tân Thế giới vẫn còn là các lục địa, hệ sinh thái, và xã hội tách biệt; kể từ sau đó, số phận của chúng đã gắn liền với nhau, dù tốt hơn hay xấu đi.

Đến tận những ngày cuối đời mình, Columbus vẫn tin rằng ông đã ra khơi đi tìm và cuối cùng cập bến ở rìa châu Á. Ảo tưởng không thể lay chuyển về Trung Hoa là động lực cho toàn bộ sự nghiệp thám hiểm sau đó của ông. Không một nhân vật nào trong kỷ nguyên khám phá ấy có thể sánh được với ông sự nhầm lẫn về địa điểm. Nếu Columbus là người đặt tên cho khám phá của chính mình, hẳn ông đã gọi đó là “Asia” (châu Á) chứ không phải “America”ⁱ (châu Mỹ).

Bị ám ảnh bởi sứ mệnh mà Chúa đã giao phó là tìm ra châu Á, Columbus thực hiện bốn chuyến hải hành trong khoảng thời gian một thập kỷ, mỗi chuyến rất khác nhau, được thiết kế để chứng minh rằng ông có thể vượt biển đến Trung Hoa trong vòng vài tuần và cải đạo cho những người ông tìm thấy ở đó sang Ki-tô giáo. Nhưng vì những chuyến đi ngày càng trở nên phức tạp rắc rối, và khi Columbus thất bại trong việc hòa giải những sự việc mang tính bạo lực trong vai trò là một thuyền trưởng và thống đốc với các đòi hỏi về đức tin, ông trở nên ngày càng vô lý và cực đoan, đến mức có vẻ như ông sống nhiều hơn trong ánh hào quang thay vì trong thực tế tàn nhẫn mà những chuyến đi của ông đã phơi bày trần trụi. Nếu như chuyến đi thứ nhất minh họa cho những phần thưởng của sự thám hiểm, thì ba chuyến đi tiếp theo minh họa cho cái giá phải trả về chính trị, đạo đức, và kinh tế.

i. Phần sau của cuốn sách sẽ đưa ra lý giải cho tên gọi “America” trong khi “châu Mỹ” chỉ là cách dịch thông thường, không toát lên ý nghĩa của từ đó.

Hải hành nổi tiếng thứ nhất (1492–1493) minh họa cho việc phát hiện ra Tân Thế giới với mọi lời hứa hẹn của nó, và báo trước nhiều rắc rối sẽ đến. Sau chiến thắng này, mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn nhiều trong suốt quá trình chuẩn bị vội vã cho hải hành thứ hai (1493–1496). Columbus dự định củng cố các thành tích đi biển của mình từ năm trước đó, thuộc địa hóa Tân Thế giới, và định vị Trung Hoa một lần cuối. Nhưng do bất lực trong việc điều hành các thủy thủ của đội tàu đã được tăng cường thêm nhân lực này, và bất lực cả trong việc giải câu đố về Trung Hoa, nên ông đã gần như đánh mất toàn bộ những gì mình từng có.

Chuyến hải hành đen tối thứ ba (1498–1500) có tính chất hoàn toàn khác, đã đưa Columbus đi xa về phía nam hơn trước đó. Mặc dù ông tỏ ra đầy dũng khí là đã tìm được Trung Hoa, nhưng ông buộc phải thừa nhận rằng có lẽ mình đã tình cờ va vấp phải một “thế giới mới” tách biệt và xa lạ. Trong lúc đó, cách thức quản lý một đế chế Tây Ban Nha non nớt mới ra đời và công cuộc tìm kiếm vàng của ông đã biến thành sự ngược đãi tàn nhẫn đối với người Anh-điêng. Trên đất liền, bậc thầy hàng hải đã trở thành nạn nhân của việc thiếu năng lực quản lý hành chính.

Khi chuyến đi diễn ra, Columbus trở nên tách biệt khỏi thực tế, đánh mất mình trong những mộng tưởng bao la hảo huyền. Có lúc, ông tự thuyết phục rằng mình đã tìm ra cánh cửa tới thiên đường. Trong suốt cuộc tìm kiếm của ông, phần lý trí, dưới dạng tinh thông về hàng hải, và phần huyền bí đôi lúc phối hợp với nhau hài hòa trong hành động, nhưng thường là chúng bất đồng với nhau, dẫn đến những xung đột trong cả thế giới tự nhiên và siêu nhiên. Bất chấp chuỗi ảo tưởng của mình, Columbus vẫn khám phá ra rất nhiều vùng đất mà nếu ông giữ được quyền kiểm soát và quyền chuyển giao tước hiệu cho người thừa kế – như Ferdinand và Isabella từng hứa – thì ông và triều

đại mới của mình sẽ cai quản một vương quốc còn rộng lớn và hùng mạnh hơn chính Tây Ban Nha. Vì vậy, Ferdinand và Isabella bèn quyết định thay ông bằng một viên chức cấp thấp hơn, nhưng để thỏa mãn tính phù phiếm của ông, họ cho phép ông giữ lại mấy tước hiệu trống rỗng kiểu như đô đốc và phó vương.

Chưa từng nản lòng, Columbus cầu xin các vị Quân chủ của mình cho phương tiện để lại đi đến Tân Thế giới. Mong muốn của ông chẳng mấy chốc được toại nguyện, mà tại sao lại không chứ? Cử Columbus ra đi thì tiện hơn là giữ ông ở nhà.

Hành trình bão táp lần thứ tư (1502–1504), thường được gọi là High Voyageⁱ, là một công chuyện gia đình, và Columbus đưa theo cậu con trai Ferdinand để giúp bảo vệ di sản gia đình. Những mô tả của Ferdinand về cuộc đời cha mình là kho tài liệu thường bị bỏ qua, chứa đựng các thông tin và quan sát về Columbus, không theo cách lịch sử phán xét ông, mà theo cách những người thân nhìn nhận về ông – câu chuyện về một người cha và con trai bị mắc kẹt trong tham vọng đế vương. Điều bắt đầu như một hành trình mang tính xác minh cá nhân về danh dự của ông đã kết thúc như một Robinson Crusoe – chuyến phiêu lưu bị đắm tàu và cứu thoát mạng sống bị đe dọa của tất cả những người tham gia. Chẳng có gì ngạc nhiên khi đây là chuyến đi Columbus thích nhất trong số bốn chuyến đi của mình.

Ở phạm vi hẹp, những thành tựu của Columbus hoàn toàn không phải là tiên định hay rõ ràng. Một bầu không khí hỗn độn luôn bao trùm suốt cuộc đời và những cuộc thám hiểm của ông, cho dù ông luôn cố để thể hiện sự bình thản của mình. Nhưng như Ferdinand con trai ông đã làm rõ, cha mình luôn bị tổn thương –

i. Tạm dịch: Hải trình Lạc quan. (HĐ)

trước những ý thích bất chợt của các vị quân vương, trước sóng gió bão táp, và trước tâm trạng của thủy thủ phục vụ dưới quyền ông. Ông xuất hiện như một con tin của số phận trong trò chơi đầy may rủi của việc mở rộng châu Âu; hết lần này đến lần khác, nếu không vì chính ảo tưởng cá nhân của mình, thì những kỳ tích của ông có thể đã đi theo hướng này hay hướng khác.

CHÚ THÍCH VỀ KHOẢNG CÁCH VÀ NGÀY THÁNG

Dặm hàng hải: xấp xỉ 6.080 foot.ⁱ

Sải: theo truyền thống, là khoảng cách giữa hai đầu ngón tay của một người khi dang rộng đôi cánh tay, hoặc 6 foot.ⁱⁱ

Hải lý: xấp xỉ 3 dặmⁱⁱⁱ trong hàng hải.

Với một số ngoại lệ nhỏ, ngày tháng được tính theo lịch Julius^{iv}, loại lịch bắt đầu có hiệu lực từ năm 45 và được Columbus sử dụng.

Năm 1582, Giáo hoàng Gregory XIII khởi xướng một loại lịch mới mà ngày nay vẫn được sử dụng để bù trừ những sai lệch bị tích lại trong lịch Julius. 10 ngày đã bị bỏ đi, như vậy ngày 5 tháng 10 năm 1582 thành ngày 15 tháng 10.

Do đó, nguyệt thực mà Columbus chứng kiến ở Jamaica vào ngày 29 tháng 2 năm 1504 tương ứng với ngày 10 tháng 3 năm 1504 theo lịch Gregory.

i. 1 foot (số nhiều: feet) xấp xỉ 30,48 cm. 1 dặm hàng hải xấp xỉ 1,852 km.

ii. 1 sải xấp xỉ 1,82 m.

iii. 1 hải lý xấp xỉ 5,556 km.

iv. Được gọi theo tên Hoàng đế La Mã Julius Caesar, người đưa ra loại lịch này.

PHẦN 1



KHÁM PHÁ

CHƯƠNG 1



33 NGÀY

Vào sáng thứ Sáu, ngày 12 tháng 10, Columbus cập bến phiêu lưu, theo sau là anh em nhà Pinzón: Martín Alonso thuyền trưởng tàu *Pinta*, và Vicente Yáñez thuyền trưởng tàu *Niña*. Chỉ mấy giờ trước đó, hai anh em thích gây gỗ này đã sẵn sàng nổi loạn chống lại Columbus, khi tin rằng ông đang dẫn họ vào chỗ hủy diệt thật sự; giờ thì họ bước trên đất liền, nơi sinh sống của những người có thiện chí. Đây là thời khắc tiếp xúc đầu tiên.

Chẳng mấy chốc, hai nhóm người đến từ hai nửa bán cầu tách biệt đã bị cuốn vào nghi thức cơ bản nhất: trao đổi. Các thổ dân da ngăm đưa ra mấy con vẹt kâu inh ỏi mắt chớp chớp và những cuộn sợi bông, để nhận lại vài chiếc chuông nhỏ chuyên dùng để theo dấu chim khi đi săn, và vốc hạt thủy tinh từ các vị khách xanh xao. Đám sĩ quan thể hiện phong cách hoàng gia, trong khi đó Columbus đang tìm cách chính thức hóa khám phá của mình, cho triệu tập thư ký đội tàu và viên kiểm soát đến để “chứng kiến việc tôi đang chiếm hữu Hòn đảo này cho Vua và Nữ hoàng”. Qua đó, ông đã tuyên bố chủ quyền trên hòn đảo san hô nhỏ nhoi ở Bahamas, nay thường được coi là San Salvador.

Những người ở hòn đảo mà Columbus ghé thăm là người Taíno, một tộc người sinh sống trải rộng, giỏi trồng ngô và củ mài, và làm đồ gốm. Dù có phong thái hòa nhã, nhưng họ có thể là những chiến binh hung dữ,

và họ đã gặp đúng đối thủ của mình. Việc người Tây Ban Nha đặt chân lên Tân Thế giới đã báo hiệu sự hủy diệt của nền văn hóa Taíno, nhưng hiện tại thì tộc người này sở hữu một sự pha trộn giữa nét tinh tế và sự ngây thơ mà Columbus cố gắng tóm tắt trong nhật ký của mình:

Tất cả những người tôi gặp đều là nam giới trẻ, không ai quá 30 tuổi, cơ thể cường tráng và gương mặt rất đẹp, tóc họ khô xơ, gần như đuôi ngựa, và ngắn, họ để tóc che lông mày, trừ một búi phía sau để dài và không cắt bao giờ. Một số người tô vẽ cơ thể mình màu đen (và da họ giống màu da của người vùng đảo Canary, không đen cũng không trắng), một số tô vẽ cơ thể mình màu trắng, một số lại tô màu đỏ, và một số khác thì với bất kỳ màu nào mà họ tìm thấy. Một số tô vẽ mặt, một số tô vẽ cơ thể, một số chỉ tô vẽ mắt, số khác chỉ tô vẽ mũi. Họ không trang bị vũ khí, hay chẳng biết gì về việc đó, vì khi tôi cho họ xem mấy thanh kiếm thì họ nắm vào lưỡi chúng và bị đứt tay vì không biết. Họ chẳng có sắt. Các mũi lao của họ là một dạng gậy không có sắt, một số ở đầu có răng cá và vài thứ khác.

Người Tây Ban Nha đã đi suốt cả quãng đường, vượt qua Đại dương, trông đợi tìm gặp một nền văn minh ưu việt. Mới bối rối làm sao khi họ được gặp “những người trần truồng” và “thiếu thốn mọi thứ”. Columbus và người của ông sẽ phải thận trọng để không làm họ bị tổn thương, thay vì ngược lại. “Tôi thấy một số người mang những vết thương trên cơ thể, và ra hiệu hỏi đó là gì, họ ra hiệu với tôi là người từ mấy đảo khác gần đó đã đến đây bắt họ, họ đã tự vệ. Và tôi tin rằng người từ đất liền có thể đến đây bắt họ làm nô lệ.”

Nô lệ. Ý nghĩ ấy lập tức dội vào Columbus như một sự hợp lý, thậm chí đáng mong muốn. “Họ hẳn sẽ là những nô lệ tốt”, ông tiếp tục “và có kỹ năng tốt, vì tôi thấy họ nhắc lại rất nhanh bất cứ điều gì được nói với họ”. Và trong cùng khoảnh khắc đó, ông đánh giá rằng “dễ dàng biến họ thành người Ki-tô giáo, vì với tôi dường như họ chẳng thuộc về tôn giáo nào”. Ông lên kế hoạch trình diện sáu trong số những người trần truồng không tên tuổi này trước các nhà bảo trợ hoàng gia của mình, Ferdinand và Isabella, “rồi họ có thể học nói”.

Vào buổi sáng, hàng trăm người Anh-điêng tụ tập ngoài bãi biển há hốc mồm nhìn ba con tàu từ nơi xa đến. Những người khác thì đến bằng thuyền độc mộc (“được làm giống như một chiếc thuyền dài từ một thân cây”) chở được 40 hay 50 người, họ đẩy thuyền đi bằng một vật gậy tò mò mà các thủy thủ châu Âu, dù cả đời đã quen thuộc với biển cả, cũng chưa từng nhìn thấy. Không có từ nào để mô tả, Columbus gọi nó là “thứ giống như cái bàn xẻng của thợ làm bánh”, nó có một chiếc lưỡi rộng, cơ bản là phẳng, được gắn với một tay cầm dài. Chúng ta hiểu đó là mái chèo.

Họ mang thêm quà cho Columbus, người xua đuổi họ đi như “mấy chuyện vật vãnh quá chán không cần mô tả”. Vàng mới là thứ mà ông và Tây Ban Nha muốn, chứ không phải đồ trang sức rẻ tiền hay mấy con vẹt. Ông liếc thấy những lượng vàng nhỏ trên đồ trang sức đeo ở mũi họ, và lập tức bắt đầu hỏi han nguồn gốc của thứ kim loại quý này. Nếu bản năng của ông là chính xác, thì vàng này đến từ Cìpangoⁱ – tức Nhật Bản. “Tôi định đi để xem liệu mình có thể tìm được đảo Cìpango không”, ông nhấn mạnh. Ông tự tin rằng những con người hòa nhã trên mấy chiếc thuyền độc mộc kia sẽ dẫn ông tới đảo.

Sau cuộc chạm trán đầu tiên này, đội tàu của Columbus đi men theo bờ đảo San Salvador. Bất cứ nơi nào họ đến, trên bờ biển đều nổ ra sự phấn khích. Một số cư dân nhảy chồm lên mời họ đồ ăn và nước uống, còn số khác, bao gồm cả đàn ông lẫn đàn bà, đi vội đến chỗ tàu của họ và hét, “Đến đây xem mấy người từ trên trời rơi xuống!” Dường như với Columbus, những người trên bờ đang cảm tạ Chúa vì họ đang cúi rạp người xuống đất.

Ông muốn cập bờ lần nữa, nhưng bản năng đi biển cảnh báo ông tránh xa khỏi “những rạn đá ngầm khổng lồ bao quanh toàn bộ hòn đảo này”. Thật điên tiết, “bên trong rạn đá ngầm này là một vài vũng nước nông, nhưng biển thì chuyển động chẳng khác gì nước trong một

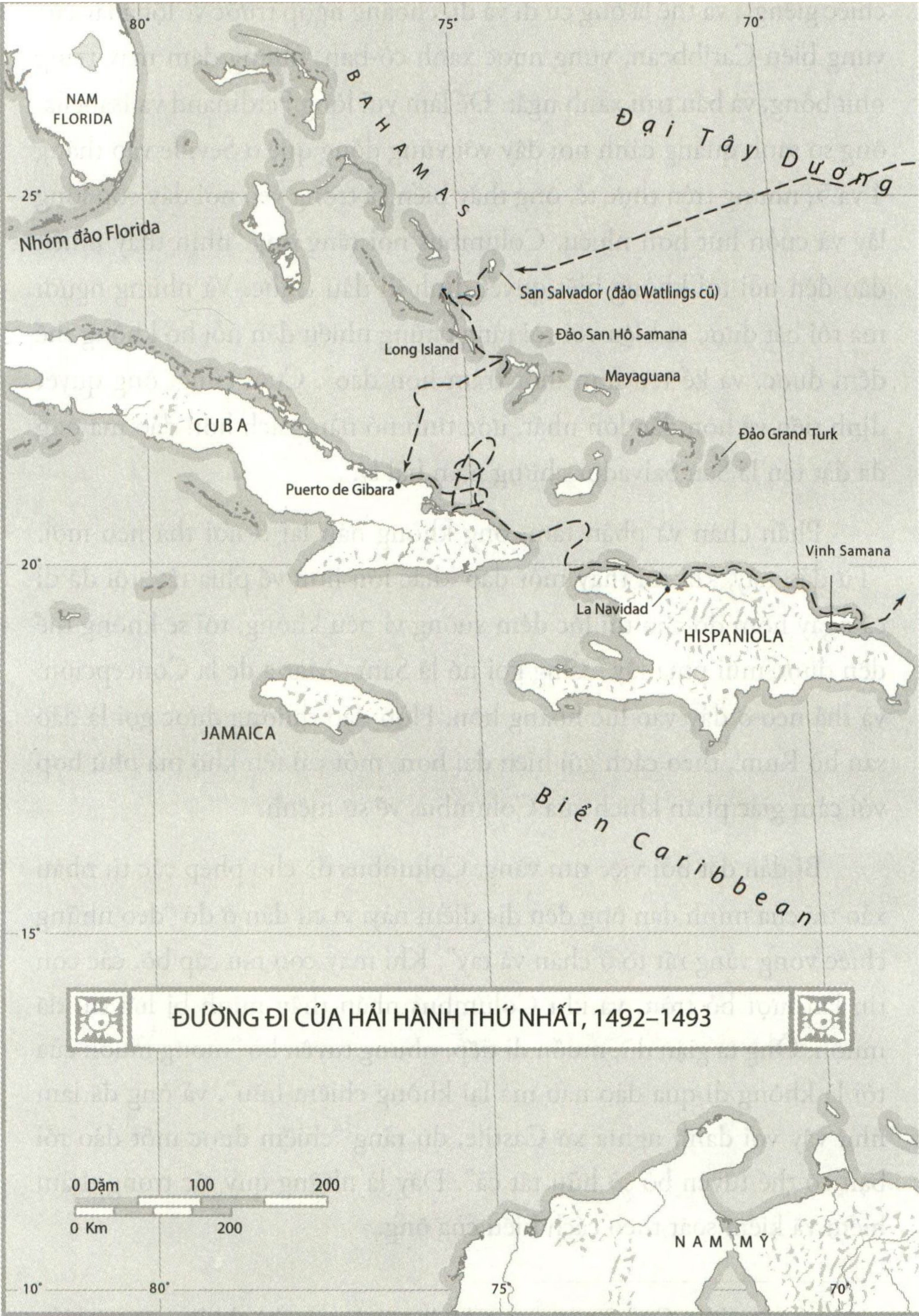
i. Theo cách gọi của Marco Polo. (HĐ)

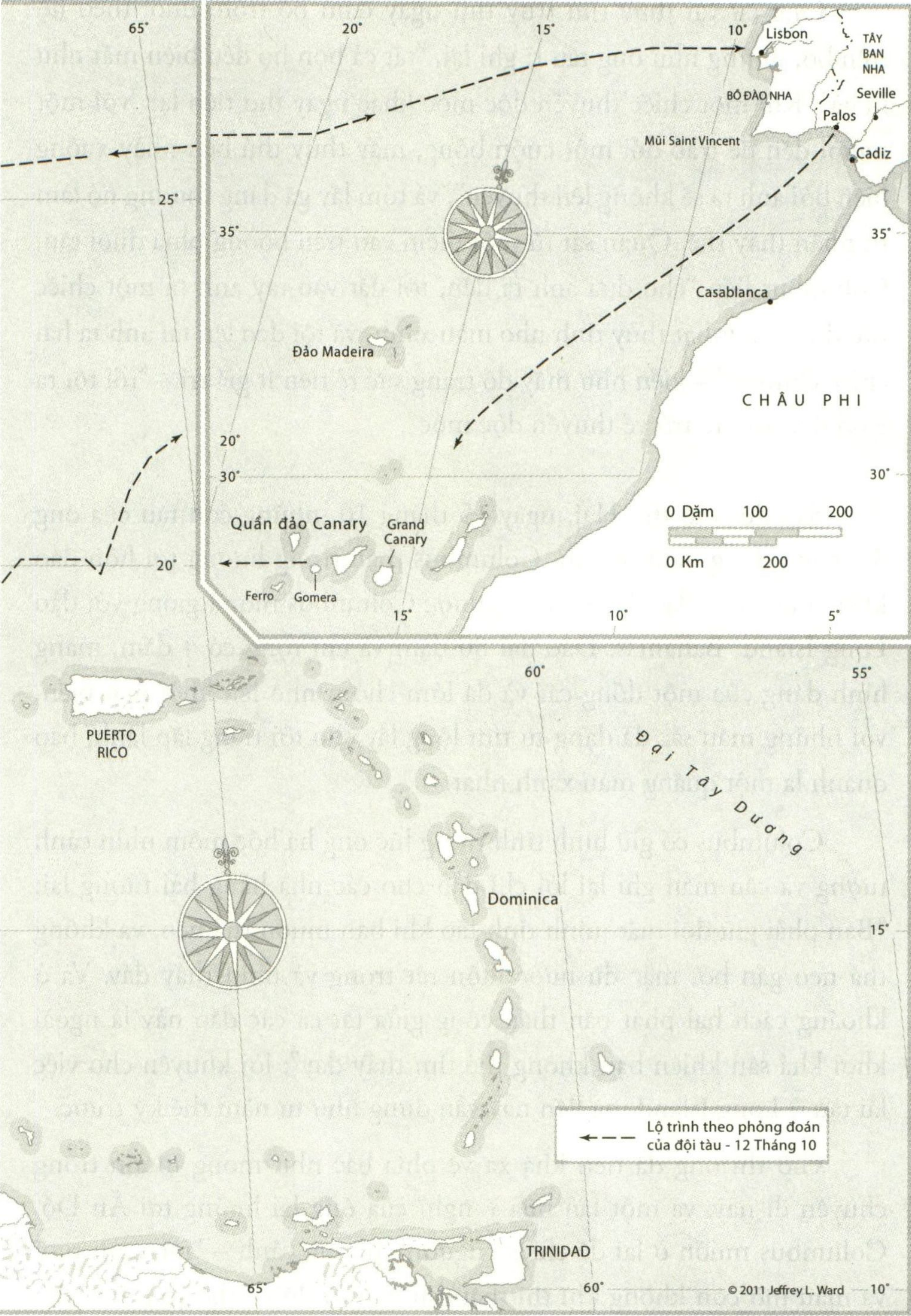
chiếc giếng”, và thế là ông cứ đi và đi, choáng ngợp trước vẻ lộng lẫy của vùng biển Caribbean, vùng nước xanh cô-ban, những đám mây trắng như bông, và bầu trời xanh ngắt. Để làm vui lòng Ferdinand và Isabella, ông so sánh quang cảnh nơi đây với vùng đồng quê ở Seville vào tháng 4 và 5, nhưng trên thực tế, ông thấy biển cả trong veo nơi đây còn lộng lẫy và cuốn hút hơn nhiều. Columbus nói rằng ông “nhìn thấy nhiều đảo đến nỗi tôi không biết quyết định đi đâu trước. Và những người mà tôi bắt được ra hiệu với tôi rằng chúng nhiều đến nỗi họ không thể đếm được, và kể tên hơn một trăm hòn đảo”. Cuối cùng, ông quyết định tiến về hòn đảo lớn nhất, ước tính nó nằm cách hòn đảo mà ông đã đặt tên là San Salvador chừng năm hải lý.

Phấn chấn và phân tâm, ông không nán lại ở nơi thả neo mới. “Từ đảo này, khi tôi thấy một đảo khác lớn hơn về phía tây, tôi đã đi cả ngày hôm đó cho tới lúc đêm xuống vì nếu không, tôi sẽ không thể đến được mũi phía tây.” Ông gọi nó là Santa María de la Concepción, và thả neo ở đây vào lúc hoàng hôn. Hòn đảo thường được gọi là đảo san hô Rumⁱ, theo cách gọi hiện đại hơn, một cái tên khó mà phù hợp với cảm giác phấn khích của Columbus về sứ mệnh.

Bị dẫn dắt bởi việc tìm vàng, Columbus đã cho phép các tù nhân xảo trá của mình dẫn ông đến địa điểm này, vì cư dân ở đó “đeo những chiếc vòng vàng rất to ở chân và tay”. Khi mấy con tàu cập bờ, các con tin lần lượt bỏ trốn, và khi Columbus nhận thấy mình bị lừa thì đã muộn. Ông ta giận dữ, muốn đi tiếp, nhưng tuyên bố “mong muốn của tôi là không đi qua đảo nào mà lại không chiếm hữu”, và ông đã làm như vậy với danh nghĩa xứ Castile, dù rằng “chiếm được một đảo rồi bạn có thể tuyên bố sở hữu tất cả”. Đây là những quy tắc trong thám hiểm và kiểm soát theo cách hiểu của ông.

i. Nguyên văn: “Rum Cay”. Từ “cay” có nghĩa là một đảo cát nhỏ nhô lên trên mặt biển, được tạo nên ở trên những rạn san hô hoặc đá. Tiếng Taíno gọi “hòn đảo” là “cairi”, biến đổi thành “cayo” trong tiếng Tây Ban Nha và “cay” trong tiếng Anh. (BT)





Ông cử vài thủy thủ truy tìm ngay đám bỏ trốn, đuổi theo họ trên bờ, nhưng như ông rầu rĩ ghi lại, “tất cả bọn họ đều biến mất như lũ gà”. Khi một chiếc thuyền độc mộc khác ngâi thơ tiến lại “với một người đến để trao đổi một cuộn bông, mấy thủy thủ bèn nhảy xuống biển bởi anh ta sẽ không lên thuyền”, và tóm lấy gã đáng thương nọ làm tù nhân thay thế. Quan sát từ một điểm cao trên boong phía đuôi tàu, Columbus liền “cho đưa anh ta đến, tôi đặt vào tay anh ta một chiếc mũ đỏ cùng ít hạt thủy tinh nhỏ màu xanh, và tôi đeo lên tai anh ta hai chiếc chuông” – kiểu như mấy đồ trang sức rẻ tiền ít giá trị – “rồi tôi ra lệnh đưa anh ta trở về thuyền độc mộc”.

Sau đó, vào thứ Hai, ngày 15 tháng 10, những con tàu của ông được gió đông nam đưa đi, Columbus thận trọng hướng tới hòn đảo khác, mà tất cả đặc điểm của nó được Columbus mô tả giống với đảo Long Island, Bahamas. Đảo dài 80 dặm và chỉ rộng có 4 dặm, mang hình dáng của một đồng cát và đá lởm chởm nhô lên khỏi mặt biển, với những màu sắc đa dạng từ tím lộng lẫy cho tới trắng lấp lánh, bao quanh là một quầng màu xanh nhạt.

Columbus cố giữ bình tĩnh trong lúc ông há hốc mồm nhìn cảnh tượng và cần mẫn ghi lại lời chỉ dẫn cho các nhà hàng hải tương lai: “Bạn phải giữ đôi mắt mình tỉnh táo khi bạn muốn thả neo, và không thả neo gần bờ, mặc dù nước luôn rất trong và nhìn thấy đáy. Và ở khoảng cách hai phát bắn thần công giữa tất cả các đảo này là ngoài khơi khá sâu khiến bạn không thể tìm thấy đáy”: lời khuyên cho việc lái tàu ở Long Island mà đến nay vẫn đúng như từ năm thế kỷ trước.

Giờ thì ông đã tiến khá xa về phía bắc như mong muốn trong chuyến đi này, và một lần nữa ý nghĩ của ông lại hướng tới Ấn Độ. Columbus muốn ở lại để chiêm ngưỡng phong cảnh – “rất xanh tươi và màu mỡ còn không khí thì thật dịu mát, ở đó có thể có nhiều thứ mà tôi chưa biết” – nhưng ông đang đi làm nhiệm vụ “tìm vàng” và Đại Hãn.

Ông đã đi vào một trong các mê cung của những đảo và eo đất phức tạp nhất hành tinh, khiến nhiệm vụ trở nên phức tạp hơn. Từ thượng tầng khí quyển nhìn xuống, hàng trăm dặm trên cao, những hòn đảo giống như những chiếc lá bóng loáng nằm rải rác, lốm đốm vàng, và bóng bệh trên lớp chất lỏng lam ngọc, dập dờn, bung tỏa, phát sáng. Từ mực nước biển, như Columbus và các thủy thủ đều thấy, chúng không kém phần ấn tượng, trông như đang nổi lên từ mặt biển căng phồng giống ma quỷ hiện hình, hay mấy mảnh vỡ của các ngôi sao hoặc tiểu hành tinh rơi xuống Trái đất.

Những người mà ông gặp dường như đang tham gia vào một hoạt cảnh lịch sử phi thời gian, và Columbus, luôn tò mò, đã ghi lại các ấn tượng của mình. Ở eo biển chạy giữa Santa María và Long Island, ông bắt gặp một người một mình điều khiển thuyền độc mộc, chèo từ đảo này sang đảo khác. “Anh ta mang theo một ít bánh to cỡ nắm tay, một quả bầu đựng nước, một cục đất màu đỏ tươi được nhào trộn, và mấy chiếc lá khô mà hẳn là thứ quý giá trong số đó, vì họ có tặng tôi một ít... làm quà.” Mấy chiếc lá khô đó hóa ra là lá của loại cây nằm trong giống những cây trồng cổ xưa nhất của loài người, nhưng ở châu Âu vẫn chưa biết nó. Rõ ràng chúng đã được xử lý, vì mùi hăng cứ phảng phất trong không khí, ngấm vào lỗ chân lông của những ai đụng vào và ngửi khói của chúng. Chúng thuộc về chi *Nicotiana*: cây thuốc lá.

Người đàn ông nọ đi theo tàu *Santa María* và ra hiệu anh ta muốn lên tàu. Columbus đồng ý với lời yêu cầu và “đưa chiếc thuyền độc mộc của anh ta lên boong, mọi thứ anh ta mang theo đều được trông coi, mời anh ta dùng bánh mì, mật ong và nước uống”. Đô đốc trịnh trọng hứa sẽ “trả lại anh ta mọi đồ đạc, rằng anh ta có thể tin chúng tôi” và thông báo là phái viên của các vị Quân chủ từ tâm của xứ Tây Ban Nha đã cho anh ta mọi thứ anh ta cần.

Đến cuối ngày 16 tháng 10, hành động vị tha nhỏ nhoi của Columbus đã đem lại lợi ích to lớn. Đội tàu tình cờ đang tìm nơi thả

neo, bức bối bởi việc những rạn san hô mềm không thể mang lại nơi dừng chân đáng tin cậy chống lại sự khuấy động của biển cả. Người được ông cho nước uống, đồ ăn, và đi nhờ đã nhận ra tình thế. “Anh ta đưa ra lời giải thích tốt đẹp về chúng tôi khiến cả đêm đó không hề thiếu những chiếc thuyền độc mộc mang đến cho chúng tôi nước và những gì họ có. Tôi ra lệnh chiếc thuyền nào cũng phải được tặng một cái gì đó, dù chỉ là vài chuỗi hạt, 10 hay 12 hạt thủy tinh được xâu bằng dây, và một số chuông đồng, loại ở Castile giá một maravedí mỗi chiếc” – tiền xu Tây Ban Nha trị giá khoảng 12 cent mỗi đồng.

Vượt qua sự lưỡng lự không muốn lên bờ, Columbus cập bờ Long Island, và gặp điều bất ngờ thú vị từ phía cư dân, “theo một nghĩa nào đó là những người này thuần hơn, dễ bảo, và tinh tế hơn, vì tôi quan sát khi mang bông và các thứ khác đến tàu, họ biết mặc cả tốt hơn người khác”. Ông thấy nhẹ nhõm vì người dân đảo đều mặc quần áo, nó có vẻ cho thấy sự tinh tế và văn minh của họ. “Tôi thấy quần áo vải bông được làm giống như áo choàng ngắn, và con người có cách tự chăm sóc tốt hơn, phụ nữ ở phần trước cơ thể đeo một miếng vải nhỏ vừa đủ che chỗ kín của họ.”

Cây cối sum suê và tối màu che phủ hòn đảo. Những cây được ken đặc mọc trên các rạn đá ngầm, tỏa ra những vùng tối ẩm đạm. Những cây mọc đầy gai trên bờ biển ngăn lối đi vào trong đảo. Nếu có thể mở con đường mòn vượt qua các bụi cây thì lại dễ bắt gặp một vùng nước u ám lơ lửng trong chiếc hố sâu màu xanh đậm. Ở khu vực khác trên đảo, các hang động mời gọi kẻ dũng cảm nhất hay liều lĩnh nhất khám phá độ sâu của chúng. Tất cả đều kỳ lạ và khác với những gì mà con người biết đến. Columbus ngạc nhiên rằng: “Tôi thấy nhiều cây cối rất khác với cây cối của chúng ta, và nhiều cây trong đó có những kiểu cành cây khác nhau trên cùng một thân cây, mỗi cành một kiểu riêng, đây là điều kỳ lạ nhất trên thế giới. Sự đa dạng giữa mọi thứ thật là vô cùng lớn!” Ông bắt gặp hệ thực vật đi theo một quy trình tiến hóa khác

với hệ thực vật cùng thời với nó ở châu Âu. Lấy lại hơi thở, ông nhớ lại, “ví dụ, một cành cây có vài chiếc lá giống như lá cây thân đốtⁱ, cùng những chiếc lá khác lại giống lá cây nhũ hương; và như vậy trên một cây có tới năm hoặc sáu loại lá rất khác nhau”. Làm sao lại có thể như vậy được? Chúng không phải do bàn tay con người lai ghép, “vì người ta có thể nói đó là ghép mô tự phát”. Cho dù Columbus đang mô tả loại cây nào, thì sự kinh ngạc của ông là rất rõ. Sự sinh sôi nảy nở của đời sống hoang dã như vậy cũng có thể thấy ở các loài cá – “thật kỳ diệu và khác biệt với cá của chúng ta; họ có một số giống như cá dây, màu sắc rực rỡ nhất trên thế giới, xanh, vàng, đỏ, với muôn màu sắc; những con khác thì được tô điểm theo hàng nghìn cách, màu sắc hết sức rực rỡ, khiến không ai có thể kìm nén được sự kinh ngạc hay không thích ngắm nhìn chúng; còn cả cá voi nữa”. Sự kinh ngạc tột độ và niềm phấn khích tràn ngập lịch trình đồ sộ của ông. Hay những cam bẫy của thế giới này đã dẫn ông lâm đường lạc lối một cách chí mạng?

Columbus, bình thường thì khá quyết tâm, giờ cứ lang thang qua vùng Bahamas suốt cả tuần, như thể trốn vào một giấc mơ. “Tôi phát hiện ra một bến cảng tuyệt vời với một cửa, hay đúng ra phải nói là hai cửa, vì nó có một cái đảo ở giữa, cả hai cửa cảng đều rất hẹp, ở giữa đủ chỗ cho 100 con tàu, nếu nó sâu và sạch”, ông ghi lại vào ngày 17 tháng 10 khi tiếp cận mũi Santa María. “Lúc này tôi tản bộ giữa mấy cái cây đẹp đẽ nhất mà tôi từng thấy, nhìn ngắm màu xanh tươi phát triển rực rỡ như thể vào tháng 5 ở Andalusia, và tất cả cây cối đều khác với cây cối ở nơi của chúng ta giống như ngày khác đêm.” Quang cảnh đã quyến rũ ông và khiến ông bối rối. “Không ai có thể nói chúng là những cây gì, cũng không thể so sánh chúng với cây cối ở Castile.” Hình ảnh của vô vàn cỏ cây hoa lá không thể xác định được khiến ông “đau khổ vô cùng”, kiểu như bị quá sáng mắt hay không thốt được nên lời.

i. Kiểu như cây mía, tre, trúc, song, mây... (HĐ)

Chỉ có vàng mới đánh thức ông ra khỏi những cơn mơ màng. Khoảnh khắc phát hiện một người đàn ông “đeo một chiếc khuyên vàng ở mũi” có các nét khắc khiến ông lập tức cố gắng tiến hành trao đổi, “và họ trả lời tôi rằng chưa từng có ai dám đòi đổi nó”. Nếu trực giác của ông là chính xác, thì chiếc khuyên vàng khắc chữ Trung Hoa hoặc Nhật Bản, nhưng ông không thể kiểm tra được điều đó.

Hôm sau “từ đất liền thoảng đưa lại mùi hương rất nhẹ và ngọt ngào của hoa cỏ cây cối, đó là điều ngọt ngào nhất trên thế giới”. Và phía trước là một đảo nhỏ hơn, rồi lại một đảo khác, nhiều đến mức ông tuyệt vọng vì sẽ không khám phá được hết chúng “bởi tôi chẳng thể làm được điều đó trong 50 năm, đáp ứng mong muốn được nhìn thấy và khám phá nhiều nhất có thể trước khi quay về với các Bộ hạ (theo ý nguyện của Chúa) vào tháng 4”. *50 năm*: ông vừa mới bắt đầu đánh giá về tầm cỡ và sự bí ẩn của những vùng đất mình tìm ra. Cái gì cũng lạ lùng và khác biệt – cây cối, con người, mùi xạ hương của hoa cỏ thoảng đưa từ một đảo gần đó. Bây giờ mới là tháng 10, Tân Thế giới chỉ mới tồn tại một tuần trong nhận thức của ông. Còn hơn sáu tháng nữa cho đến khi ông phải trở về Tây Ban Nha, và điều gì mà chẳng có thể xảy ra trong cái thế giới chưa được khám phá này.

Các mục trong nhật ký ngày càng nhiều lên, ông thuật lại những trải nghiệm của mình ở biển với sự tự tin và tài hùng biện. Bề ngoài, nhật ký là để chuyển tải những điều kịch tính gây giật mình và những điều mới mẻ trong cuộc hành trình của ông, trong đó mọi thứ đều là một sự khám phá, mọi trải nghiệm và cảm giác đầu tiên đều được ghi lại dưới cảm nhận của người châu Âu, và với sự nhạy cảm của người châu Âu – cụ thể hơn, là cảm nhận của xứ Castile vương giả mà Columbus muốn mô phỏng. Ông gắng pha trộn tính hống hách với sự thông minh, như thể nắm cả thế giới trong tay để nghiên cứu. Đối với Columbus, một kẻ tha hương đến từ Genoa, một thủy thủ kiêm nhà buôn và một nhà hàng hải tự đào tạo, giọng điệu quý tộc là một sự thủ vai được mài giũa kỹ lưỡng,

đáng chú ý vì những điều mà ông bỏ qua hay đánh giá thấp hoặc hiểu nhầm, cũng như những khám phá gây choáng váng mà ông đã ghi lại.

Trong lúc chuyến đi diễn ra, cuốn nhật ký đã khôn khéo biến thành một tuyên ngôn về sự khám phá, và hơn thế, thành một tấm gương mà ông không thể ngưng nhìn vào vì nó phản ánh tâm nhìn, khát vọng, mong muốn của ông đối với sự vĩ đại và bản thân. Dưới con mắt mình, những trải nghiệm và quan sát của ông thuyết phục đến mức chúng cản trở khả năng của ông trong việc phản ứng trước thực tế luôn thay đổi của chuyến thám hiểm. Thay vào đó, ông bị giam cầm trong những kỳ vọng cứng nhắc của mình.

Vấn đề còn rắc rối hơn khi các nhà nghiên cứu cuốn nhật ký trữ danh của ông phải dựa vào bản sao của cuốn nhật ký gốc đã thất lạc, viết về hải hành thứ nhất. Nó đến từ hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất là từ người con trai ngoài giá thú của Columbus – Ferdinand, một thủy thủ sau thành nhà sử học. Và nguồn thứ hai là từ Bartolomé de Las Casas, thầy dòng và là nhà chép biên niên sử. Dĩ nhiên, Ferdinand tìm cách đánh bóng tên tuổi đã bị vấy bẩn của cha mình, trong khi Las Casas lại tìm kiếm một tầng địa ngục đủ sâu để quăng nhà thám hiểm xuống đó. Nhưng thái độ của Las Casas đối với Columbus mang nhiều sắc thái hơn là chỉ một nhà phê bình theo đuổi một mục đích. Ông ta ý thức được về sự phức tạp của công việc mà mình là người chứng kiến và tham gia, song cũng có khả năng nhìn ra những sự kiện trong một bối cảnh lịch sử rộng lớn hơn, vừa sống ở trong cũng như ở ngoài thời khắc đó. Ông ta không có bản gốc viết tay của cuốn nhật ký; thay vào đó, ông ta dựa trên một bản lỗi mà đôi lúc ông ta ghi lại những lời phàn nàn mang tính học thuật về nó. Bên cạnh những lỗi sao chép thường lệ, người sao chép vô danh mà Las Casas dựa vào có xu hướng gây rắc rối khi nhầm lẫn giữa “dặm” với “hải lý”, thậm chí giữa “phía đông” với “phía tây”. Những lỗi như vậy khiến cho việc lần lại một cách chính xác con đường của Columbus trở nên khó khăn.

Là một người đấu tranh cho phẩm giá và nhân quyền của người Anh-điêng, Las Casas đã đưa vào khá nhiều đoạn trong đó Columbus ngưỡng mộ những vị chủ nhà của mình. Las Casas thay đổi thường xuyên giữa việc trích dẫn trực tiếp từ bản sao có trước, trong đó Columbus nói ở ngôi thứ nhất, và các tóm tắt chi tiết nói đến vị Đô đốc ở ngôi thứ ba, đem lại ấn tượng là giống như Caesar, Columbus nói đến bản thân theo cách như vậy. (Las Casas đầy cẩn thận đã phân biệt giữa hai việc này bằng cách dùng dấu ngoặc kép cho những đoạn trích dẫn trực tiếp.)

Các thông tin mập mờ, đôi lúc cố ý đánh lừa của Columbus về thủy triều, bến cảng, bãi cát ngầm, và mẻo đi biển còn làm vấn đề rắc rối hơn nữa. Các mô tả này được trù định để khiến trong hàng thế kỷ những nhà chép biên niên sử và các nhà thám hiểm tương lai phải nghiến răng vì thiếu thông tin hàng hải chính xác và hữu ích – đúng như dự định của Columbus. Việc tiết lộ những lý thuyết và thực hành hàng hải của mình đi ngược lại với bản năng của người Genoa cố hữu trong ông với tư cách một hoa tiêu và thủy thủ. Tiết lộ thì nguy hiểm hơn là che giấu. Nếu không cẩn thận, có thể ông sẽ thấy mình bị bỏ lại ở Seville hay Lisbon, chứng kiến những chuyến đi sao chép lợi dụng các khám phá của ông. Cho nên ông quấn quanh với những mô tả chung chung về các bờ biển, bến cảng, thủy triều, và chỗ nước nông trong một nỗ lực che giấu điều đã đánh thức ông, kể cả khi ông viết với con mắt dành cho hậu thế.

Lúc thì lúng túng, khi lại quá tự tin, ông vật lộn với vấn nạn cơ bản nhất của sự khám phá: vị trí của mình. Đối tượng thám hiểm của ông là “Ấn Độ”, nhưng mối quan tâm cơ bản của ông vẫn là bản thân, những nỗi vất vả, và cảm giác của ông về chủ nghĩa anh hùng. Bất cứ khi nào Columbus đứng ngoài các sự kiện khám phá quan trọng và bình tĩnh kể lại, thì việc bộc lộ ý Chúa đều trở thành một chủ đề quan trọng; khi ông phụng sự Chúa, không có chuyện tình cờ mà chỉ có mức

độ hiến dâng. Khi phụng sự Chúa, ông thấy mình như một giáo sĩ của công cuộc khám phá.

Nhưng khi đức tin của Columbus vượt quá thực tế, hay khi tính kiêu căng và nỗi lo thắng thế, ông đã không chống nổi phần bản năng đen tối hơn trong mình. Ông có vẻ như không chú ý tới sự an toàn của người khác, và đáng lo là sẵn sàng hy sinh tất cả vì một mục đích được đề cao mà không thể đạt được, dù đó là việc khám phá ra đế chế của Đại Hãn hay việc giải phóng Jerusalem. Trong các bi kịch này, ông thấy mình như một nhân vật anh hùng bị hành hạ. Những mộng tưởng của ông càng vĩ đại thì ông càng trở nên vô nhân tính. Một phần nhật ký viết về sự bất ổn trong đam mê của ông, ghi lại một vài nỗi đau khổ của ông xuất phát từ cảm nhận về nỗi sợ hãi và sự áp bức, được giảm nhẹ đi chủ yếu bởi những dự báo về niềm vinh quang và quyền hạn tuyệt đối. Ông không đơn thuần là một nhà thám hiểm, ông còn là một người khuếch đại các chuyến đi lẫn những cuộc chiến nội tâm của mình. Thiên hướng này đối với việc tự bi kịch hóa là một phần lý do vì sao các kỳ tích của Columbus lại đáng ghi nhớ đến thế; ông nhất định phải biến chúng thành như vậy.

Khi nhật ký ngày một dày lên, nó trở thành một ghi chép quan trọng về chuyến đi, bánh lái cho tinh thần của vị Đô đốc, một nơi nương tựa chống lại những cơn bão có thực ngoài đời và trong nội tâm. Tuy nhiên, nó không phải là một nguồn an ủi với Columbus. Trong cảm giác trông đợi sự biện minh, vị Đô đốc thường tỏ ra điên rồ và sẵn sàng chiến đấu hơn bao giờ hết trước những khám phá của mình và các thách thức đến từ chúng. Ông dần ý thức rằng mình đang đi vào một cuộc chiến lâu dài mà trong đó mỗi chiến thắng dường như đều kèm theo một bước đi sai lầm, những hậu quả không lường trước được, hay thậm chí một tội ác tiềm tàng. Thật nghịch lý, khi quyền lực và sự xuất chúng (trong tâm trí ông) của ông tăng lên, thì sự dễ bị tổn thương nơi ông cũng tăng lên – trước người Anh-điêng, trước những đối thủ như

anh em nhà Pinzón, trước một cảm giác mơ hồ nhận thấy rằng vốn liếng đặt cược vào chuyến đi là cao hơn và mang nhiều tham vọng hơn so với ban đầu ông đưa ra. Thay vì tìm một tuyến đường biển tương tự với mấy chuyến du hành của Marco Polo và một con đường giàu sang cho bản thân, ông đã sa chân vào “một thế giới khác”, theo cách gọi của ông, nơi chẳng có tấm bản đồ nào dẫn dắt mình. Ông bị lạc lối và sai lạc trong mọi mục đích thực tế, song ông đã không thể thừa nhận là có khả năng đó đối với mình và những người khác trong chuyến đi. Sẽ tốt hơn nhiều khi khẳng định rằng ông vẫn chưa tìm thấy cái mà ông muốn tìm, nhưng chỉ riêng khẳng định đó cũng chẳng đem lại niềm an ủi bao nhiêu. Càng tìm nhiều, ông càng trở nên hoảng loạn, vì để chế mà ông đang tìm đã cho thấy nó rộng hơn và đa dạng hơn rất nhiều so với ông hình dung.

Trong khi Columbus đi tìm hòn đảo hy vọng, kinh ngạc trước “tiếng hót của những con chim nhỏ” và “cỏ cây giống như tháng 4 ở Andalusia”, giữa lúc đang tìm kiếm vàng, thì ông nghe một tộc trưởng nói về một “đảo lớn” mà nhà thám hiểm quả quyết “chắc chắn là Nhật Bản”. Và để thăm quốc đảo đó, ông đã “quyết tâm đi vào lục địa”, tức là Trung Hoa, “và tới thành phố Quinsay”, từ cổ mà Marco Polo dùng để gọi kinh đô của nhà Tống, ngày nay được biết đến dưới tên gọi Hàng Châu, thành phố lớn nhất và giàu có nhất của thế giới trung cổ. Trong bối cảnh huy hoàng đó, Columbus tưởng tượng mình đang trình “những lá thư của các Bệ hạ tới Đại Hãn, xin câu trả lời và quay về cùng với nó”.

Mặc dù đang ở giữa Bahamas, nhưng ông vẫn tin rằng mình đã đến ngưỡng cửa châu Á. Trên thực tế, Quinsay nằm cách vị trí của ông ở vùng Caribbean tới hơn 8.000 dặm, nhưng độ dài này mâu thuẫn với những giả định mà ông đoán chắc về kích cỡ của địa cầu và vị trí các châu lục – các nhà hàng hải và nhà nghiên cứu vũ trụ khác ở châu Âu không hẳn đã có khái niệm chính xác hơn về mấy vấn đề này. Chẳng

thể biết được chính xác Columbus đã nghiên cứu những bản đồ địa cầu nào, nhưng một trong những bản đồ có ảnh hưởng nhất hồi đó là của Martin Behaim, một người Đức chuyên vẽ bản đồ và làm việc cho Bồ Đào Nha, thực sự cho thấy Çipango ngay trong tầm tay. Columbus không thể thú nhận rằng có khả năng những bản đồ địa cầu này và mọi giả định về chúng đều sai một cách ngoạn mục.

Khi không chìm đắm trong mộng tưởng về Trung Hoa, Columbus trở lại với ảo tưởng khác của mình: vàng.

Ông dành đêm hôm đó và ngày hôm sau, 22 tháng 10, “chờ xem có thấy vị vua ở đây hay những người khác mang đến vàng hoặc thứ gì đáng kể không”. Nhiều người đến xem, một số thì trần truồng, số khác lại tô vẽ cơ thể màu đỏ, đen, hay trắng, mang đến bông hoặc các sản vật địa phương khác để đổi lấy mấy vật dụng đơn giản của châu Âu. Dấu hiệu duy nhất về vàng hiện diện dưới dạng đồ trang sức mà vài người Anh-điêng “đeo ở mũi”. Họ vui lòng đổi các vật này lấy vài chiếc chuông, nhưng sau khi xem xét chiếc khuyên mũi, ông phản nản, “Ít vàng quá, hầu như chẳng có gì”.

Từ vàng, tâm trí ông quay về với châu Á. Ông cho rằng mình cách Nhật Bản, hay Çipango, chỉ một ngày đường biển, chứ không phải 8.000 dặm chia cắt ông với đích đến không hẳn là có thật. Vào ngày 23 tháng 10, ông viết về việc tình cờ đi tới Cuba, “mà tôi tin chắc là Çipango”, để tìm vàng. Ông tự nhủ, “Xem trên bản đồ địa cầu thì tôi thấy nó ở khu vực này”. Martin Behaim đã tuyên bố như vậy.

Lúc nửa đêm, Columbus nhổ neo và định hình con đường đến Cuba, nhưng khi màn đêm buông, ông đành bất lực trong việc thể hiện nỗ lực dũng cảm của mình, vì gió “thối mạnh và tôi không biết tới đảo Cuba thì còn bao xa”. Theo đó, ông hạ buồm, trừ lá buồm phía trước, cho tới khi mưa buộc ông phải cuộn nốt lá buồm đó. Bốn ngày trôi qua, “và mưa mới dữ dội làm sao!”

Hôm Chủ nhật 28 tháng 10, ông đi vào một con sông sâu không có chướng ngại gì – có lẽ là sông Bahía Bariay ở Cuba – và thả neo trong vòng ôm đầy che chở của nó, ở đó ông ngắm nhìn “cây cối dọc theo con sông, đẹp và xanh, khác với cây cối chỗ chúng ta”. Ông vất vả mô tả về hệ động thực vật một cách cực kỳ thận trọng, như thể sự hào phóng của thiên nhiên có thể thay thế hay khiến ông xao nhãng khỏi những điều kỳ diệu mà ông vẫn chưa tìm được – vàng, gia vị, và bằng chứng rõ ràng về Đại Hãn, người mà ông đã phải vượt qua cả một đại dương để tìm gặp, mà không biết rằng có tới hai đại dương và hai thế kỷ ngăn cách họ với nhau.

Thay vào đó, ông viết về những loài hoa, những chú chim hót, và một con chó không sữa, chắc đã được thuần hóa bởi “những ngư dân địa phương đã bỏ trốn vì sợ hãi”. Ở mấy túp lều của họ, ông thấy một cảnh tượng bí hiểm: “những chiếc lưới làm bằng sợi và dây dừa, lưới câu làm bằng sừng, ngọn lao làm bằng xương, những ngư cụ khác, và nhiều bếp lửa trong đó”. Nhưng cư dân của miền quê thanh bình này đâu? Hơi thở bị nén lại và bước chân ngập ngừng, thủy thủ của ông để phòng khi rón rén đi qua ngôi làng có thời gian vô định.

Ra lệnh không được làm xáo trộn thứ gì, ông quay về tàu của mình và tiếp tục hành trình ngược dòng, mò mẫm tìm những từ so sánh cao nhất để mô tả Cuba: “Phong cảnh đẹp nhất mà đôi mắt từng nhìn thấy: đây những bến cảng tốt và các con sông sâu”. Khi ông gặp người Anh-điêng, họ nói đến 10 con sông lớn, và ông viết, “không thể đi quanh đây trên những chiếc thuyền độc mộc của họ trong vòng 20 ngày”. Ông không chấp nhận đề xuất ngụ ý rằng Cuba là một hòn đảo. Nếu không phải ông đã đặt chân lên ngưỡng cửa của châu Á, thì ông ở đâu? Đó là một câu hỏi theo đuổi toàn bộ giả thuyết của cuộc hành trình.

Ông tự thuyết phục mình rằng các cư dân, hay người Anh-điêng, có nhắc đến “mỏ vàng và ngọc trai”, và tuyên bố ông đã bắt gặp thoáng qua “những vỏ trai” có thể chứa ngọc, và dựa trên sự hiểu nhầm này, kết luận rằng “những con tàu của Đại Hãn, những con tàu vĩ đại” đã đi trước ông.

Bế tắc, tò mò, với mong muốn lợi dụng, ông lên đảo, ngưỡng mộ những nơi ở lớn mà ông vất vả để mô tả theo cách diễn đạt mà ông hiểu: “Chúng được làm theo kiểu lều của người Moor, rất lớn, và trông giống như mấy túp lều ở nơi cắm trại, không đều đặn như các dãy phố, mà chỗ này một chiếc chỗ kia một chiếc; còn bên trong thì được quét dọn sạch sẽ, đồ đạc được làm cẩn thận... từ các cảnh cọ rất đẹp”. Chỗ này chỗ kia là những chiếc mặt nạ, một số là mặt nạ đàn ông, số khác là mặt nạ đàn bà, trang trí cho các bức tường, nhưng ông không thể khẳng định “liệu mấy thứ này để cho đẹp hay để thờ cúng”. Một lần nữa, ông nhấn mạnh, “họ không dụng đến một thứ gì cả”.

Vào thứ Ba, ngày 30 tháng 10, đội tàu lại lên đường, tàu *Pinta* chở theo mấy người Anh-điêng dẫn đường, còn Columbus thì vẫn có kế hoạch gặp Đại Hãn. Đến ngày 1 tháng 11, ông lên bờ ở gần Puerto de Gibara, bờ phía đông bắc của Cuba, sử dụng những hành khách Anh-điêng của mình làm trinh sát và phái viên. Như lúc trước, họ lại tham gia vào công cuộc tìm kiếm vàng vô vọng. Trong lần này, ông thấy “một mẫu bạc đã được gia công đeo ở mũi” của một người Anh-điêng, chi tiết đó đã thổi bùng sự tò mò nơi ông. Thủy thủ của ông tham gia giao tiếp với dân bản địa bằng ngôn ngữ ký hiệu, hiểu nhầm một xung đột bộ tộc thành cuộc chiến tranh lớn giữa cư dân trên đảo và Đại Hãn. “Chắc chắn đây là lục địa”, ông tuyên bố, và rằng Quinsay nằm cách đây chỉ tầm 100 hải lý. Đã đến lúc chuẩn bị một bữa tiệc cho những người thám hiểm vì đến được thủ phủ huyền thoại của Trung Hoa.

Columbus cử đi “hai người Tây Ban Nha: một người tên là Rodrigo de Xerez, sống ở Ayamonte, còn người kia tên là Luis de Torres... xứ Murcia, vốn sinh ra là một người Do Thái, và như người ta nói, biết tiếng Hebrewⁱ, tiếng Syria, và chút ít tiếng Ả-rập”. Hai người Anh-điêng

i. Tiếng Do Thái cổ.

đi cùng những người thám thính, và mang theo “các chuỗi hạt để dùng chúng mua đồ ăn”. Họ được lệnh phải tìm vị vua của hòn đảo, trình quốc thư, trao đổi quà cáp, và tìm ra địa điểm thực của mình. Họ có sáu ngày để hoàn thành nhiệm vụ.

Dù Columbus cố sức giải thích, nhưng Luis de Torres chỉ mới là một *converso*ⁱ gần đây – hay người mới cải sang Ki-tô giáo và có lẽ là một người không sẵn lòng lắm. Người ta tin rằng tên ban đầu của anh ta là Yosef Ben Ha Levy Haivri, “Joseph con trai của Levy người Do Thái”, và anh ta sẽ là người gốc Do Thái đầu tiên định cư ở Tân Thế giới. Columbus mang Torres theo trong chuyến đi vì cả kỹ năng chính trị lẫn khả năng ngôn ngữ của anh ta. Họ có thể sẽ có các cuộc trao đổi với giới nhà buôn Ả-rập, và trong trường hợp họ gặp gỡ con cháu của bộ tộc bị thất lạc của Israelⁱⁱ, thì Torres được trông đợi sẽ là người giao tiếp với họ. Trên thực tế, Columbus hoàn toàn không chuẩn bị cho việc nói chuyện với “người Ấn Độⁱⁱⁱ” bằng ngôn ngữ của chính họ và viện đến ngôn ngữ ký hiệu được ứng biến tại chỗ, một cách làm gây ra sự mập mờ và khó hiểu mà ông coi là lời khẳng định cho những ý tưởng hoang đường của mình về Đại Hãn.

Vào sáng ngày 3 tháng 11, Columbus lên chiếc xuống lớn của con tàu để chờ nhóm thám hiểm và khảo sát một “cảng rất đáng chú ý, nước rất sâu và lộ rõ những tảng đá”, với một bãi biển rất thích hợp cho việc lật nghiêng thân tàu để sửa chữa.

i. Người Do Thái đã cải đạo sang Ki-tô giáo, ở Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, đặc biệt là vào thế kỷ 14 – 15. (BT)

ii. Ý nói đến 10 trong tổng số 12 bộ tộc của Israel cổ đại đã bị thất lạc sau khi miền Bắc Israel bị người Assyria xâm chiếm vào khoảng năm 722 TCN.

iii. (Trên thực tế là người Anh-điêng) Vì Columbus nhầm châu Mỹ là Ấn Độ, nên ông nhầm người Anh-điêng là người Ấn Độ. Và cách gọi này đã ảnh hưởng đến nhận thức và được sử dụng rộng rãi bởi những người cùng thời với ông. (BT)

Trong vài ngày sau, ngày 4 tháng 11, Martín Alonso Pinzón, người tự coi mình là đồng lãnh đạo chính thức của chuyến thám hiểm, lên bờ và thu được một kết quả rất hứa hẹn, “hai mẫu quế”, đúng là *Canella winterana*, một loại quế đại đang nở hoa, tỏa ra mùi thơm ngòn ngọt. Ông ta nôn nóng muốn trao đổi món hàng đáng mong ước này, và lẽ ra đã làm thế nếu như không vì “hình phạt mà Đô đốc đã đề ra”. Thậm chí theo thủy thủ trưởng tàu *Pinta* thì có cả những lùm cây quế mọc gần đó, nhưng sau khi thẩm tra, Columbus khẳng định là không phải. Các nhà thám hiểm Tây Ban Nha chăm chú lắng nghe những câu chuyện về vàng và ngọc trai “có số lượng vô hạn”. Càng nghe thì họ càng trở nên cả tin hơn, cho tới khi Columbus ghi lại thông tin về cánh đàn ông có những chiếc đầu chó, “họ ăn thịt người và khi giết một người họ chặt đầu anh ta rồi uống máu và cắt đứt bộ phận sinh dục của anh ta”. Các câu chuyện kỳ dị như thế nghe như những chuyện bịa đặt được Ngài John Mandevilleⁱ kể lại, vốn hấp dẫn và nổi tiếng ở Đông Âu không kém gì những chuyện của Marco Polo. Những việc như vậy không thể xảy ra ở đây – hay là có thể?



Hôm thứ Ba, ngày 6 tháng 11, nhóm thám thính gồm Rodrigo de Xerez và Luis de Torres quay về, mô tả chuyến thăm dò của họ. Họ nói, trong vòng 12 hải lý họ tìm thấy một “ngôi làng” với 50 túp lều và 1.000 người sinh sống, những người này đón tiếp các vị khách “đầy trang trọng”. Họ vui mừng báo cáo rằng các cư dân “chạm vào họ và hôn tay chân họ, kinh ngạc và tin rằng họ từ trên trời xuống”. Họ được đưa ghế trong khi các vị chủ nhà thì ngồi xổm dưới chân họ, trong lúc một trong những người Anh-điêng đi cùng bèn giải thích với đám đông rằng mấy vị khách này là người Ki-tô giáo, “là người tốt”. Một sự thành

i. Được coi là người đã viết cuốn *The Travels of Sir John Mandeville* (Tạm dịch: Những chuyến du hành của Ngài John Mandeville), xuất hiện lần đầu tiên vào khoảng năm 1371, nguyên tác tiếng Pháp. Nội dung gồm hàng loạt sự kiện và hiện tượng kỳ dị, chẳng hạn chuyện Mandeville đến thăm hòn đảo có cư dân mình người đầu chó.

kính diên cuồng liên xảy ra. “Đàn ông đi ra và đàn bà tiến vào, rồi ngồi xổm quanh họ giống như vậy, hôn tay chân họ, sờ nắn để chắc chắn họ cũng là da thịt giống mình; cầu xin họ ở lại ít nhất năm ngày.” Các vị khách hồi đáp theo kiểu con buôn đầy tính toán, chia ra những mẫu gia vị mà họ tìm kiếm, gồm quế, hạt tiêu, và vài thứ tương tự, hỏi cư dân xem có thể tìm thấy chúng ở đâu, nhưng chỉ nhận được mấy chỉ dẫn mơ hồ (“đâu đó, về phía đông nam”) trong câu trả lời. Họ không tìm thấy người Trung Hoa, người Ả-rập, con cháu của những bộ tộc Israel bị thất lạc, và dấu tích của Đại Hãn. Nhưng họ đã tìm được bạn bè và đồng minh tiềm năng. 500 người đàn ông và đàn bà muốn đi cùng khi họ trở về “với trời”, như thổ dân tưởng tượng. Họ chỉ cho phép một nhóm người có được ân huệ đi theo mình.

Quay về tàu, “hai người Ki-tô giáo gặp trên đường nhiều người đang đi tới các nơi, những người đàn bà và đàn ông, với khúc củi cháy dở trong tay, [và] thảo mộc để hít khói của nó”. Nhận xét ngắn này nói đến thuốc lá, một thói quen mới mẻ và lạ lẫm với người Tây Ban Nha khi họ quan sát thấy người Anh-điêng quấn xì gà và châm lửa vào *thuốc lá* rồi hít sâu làn khói ấy. Nhưng đối với Columbus, người mà lúc này vẫn mù tịt về giá trị thương mại và tính gây nghiện của loại lá có mùi thơm này, thì gia vị vẫn là thứ cây trồng đáng giá nhất.

Sau khi nghe báo cáo, thay vì quan tâm đến thất bại của chuyến thám hiểm vì không đạt được mục đích, Columbus lại đưa ra cho Ferdinand và Isabella một sự đánh giá cặn kẽ và tinh tế về “người Ấn Độ” xung quanh ông, khi ông cố thừa nhận tính nhân văn rõ rệt của họ với khả năng cải sang Ki-tô giáo:

Họ là một dân tộc rất chân thật và không hiếu chiến... rất nhún nhường và da không quá đen so với dân đảo Canary. Tôi khẳng định, thưa Bệ hạⁱ, rằng nếu họ được tiếp xúc với những con người mộ đạo

i. Nguyên văn: “Most Serene Princes”.

và biết ngôn ngữ, tất cả họ sẽ thành người Ki-tô giáo, tôi hy vọng nhân danh Chúa của chúng ta rằng Bệ hạ sẽ... cải đạo cho họ giống như Người đã tiêu diệt những kẻ không tìm cách để xưng tội trước Cha, Con và Thánh thần.

Thể hiện niềm hy vọng chân thành này, Columbus dự đoán là nếu Ferdinand và Isabella đi theo con đường này, họ sẽ “được tiếp nhận nồng nhiệt trước Đấng tạo hóa muôn đời” khi đến thời điểm họ “rời lãnh địa của mình”. Với lối diễn đạt hoa mỹ đầy cảm hứng đó, ông chuẩn bị cho đội tàu rời đi. Trong vòng một ngày, một ngọn gió mạnh nổi lên đưa những con tàu ra xa.

Hai tuần tiếp theo, Columbus ngày càng điên tiết với những sai lầm về kỹ thuật và bản đồ hàng hải của mình, vẫn cứng đầu theo đuổi sự vĩ đại đã được khai hóa của phương Đông ngay cả khi vẻ lộng lẫy của vùng Caribbean có quyền rũ ông đi nữa. Cuối cùng, ông quay về Cuba để tiếp tục cuộc thám hiểm kiên nhẫn của mình, từ con sông này đến con sông khác, suy tư về “những thành phố của Đại Hãn mà chắc chắn sẽ được khám phá”.

Ông không đếm nổi số cảng mình đã ghé qua, không thể nhận ra hay gọi tên tất cả những cây cọ, cây to, cây bụi, và cây đại khác, rồi những ngọn núi cao đến mức với ông dường như chẳng có ngọn núi nào cao hơn trong cả thế giới này, “cũng chẳng có ngọn núi nào đẹp hơn và rõ hơn, không có mây và tuyết phủ”. Quá nhiều đảo đến mức không thể đếm xuể, ông coi đó là “những đảo được tìm thấy trên mấy tấm bản đồ thế giới ở tận cùng Viễn Đông”. Ông suy luận rằng ở đó có “sự giàu có vô tận với những đá quý và gia vị, và rằng chúng trải dài tít tắp về phía nam và trải rộng ra mọi hướng”. Trước tất cả những điều này, Columbus “vô cùng kinh ngạc”.

Bất cứ nơi nào ông tới, cả “đảo lẫn đất liền”, Columbus đều dựng lên một cây thánh giá, một công việc gian nan. Ông viết về việc tạo nên

những cây thập tự từ những thân cây, và tuyên bố rằng “Có thể nói rằng một người thợ mộc cũng không thể làm được [nó] có quy mô hơn”. Mỗi khi dựng xong cây thánh giá, ông và người của mình trang trọng cầu nguyện trước nó, như những người hành hương trong công cuộc tìm kiếm một Jerusalem mơ hồ.

Ông nhận ra rằng Cuba khá đông dân với người Anh-điêng sống thành cộng đồng. Vào Chủ nhật, ngày 10 tháng 11, một chiếc thuyền độc mộc lại gần với sáu người đàn ông và năm người đàn bà đến chào hỏi. Columbus đáp lại lòng hiếu khách của họ bằng cách “cầm chân” họ với mong muốn mang theo họ khi quay về Tây Ban Nha. Ông củng cố số lượng của họ với thêm bảy người phụ nữ và ba cậu bé nữa. Ông giải thích lối suy nghĩ của mình: “Tôi làm điều này vì đàn ông sẽ cư xử tốt hơn ở Tây Ban Nha nếu có đàn bà từ đất nước họ so với khi không có”.

Ông nói rằng quyết định của mình dựa trên những kinh nghiệm cá nhân về việc “bắt giữ” cư dân ở vùng biển Tây Phi đưa về Bồ Đào Nha. “Nhiều lần tôi giữ đàn ông Guinea để họ có thể học được ngôn ngữ ở Bồ Đào Nha, và sau khi họ quay về người ta trông đợi sẽ sử dụng họ để làm điều gì đó ở đất nước của chính họ, nhờ có bạn bè tốt mà họ đã được giao tiếp và nhận được những món quà”, nhưng sự việc không bao giờ như mong đợi. Ông khẳng định, vấn đề là nếu không có đàn bà của mình thì đàn ông sẽ không hợp tác. Lần này thì kết quả sẽ khác. Những tù nhân mới đây của ông, “khi có đàn bà của mình, sẽ thấy rằng tốt hơn là làm theo điều được yêu cầu, và những người đàn bà này sẽ dạy cho người của chúng ta tiếng nói của họ”, thứ tiếng mà ông coi là “giống nhau ở mọi hòn đảo này của Ấn Độ”.

Như để chứng minh cho ý kiến của mình, ông ghi lại một đoạn ngắn mà vẫn còn rõ nét trong trí nhớ: “Đêm đó có một con thuyền độc mộc chở người chồng của... hai người đàn bà và là cha của ba đứa trẻ, một trai hai gái, tới đây, ông ta nói muốn đi cùng họ và ra sức năn nỉ tôi”. Columbus cho phép kẻ năn nỉ đó được tham gia đoàn thám hiểm.

“Tất cả bọn họ giờ đây được an ủi khi có ông ta”, vị Đô đốc ghi lại, nhưng ông thất vọng thông báo rằng đồng minh mới nhất này của ông đã “ngoài 45 tuổi”, quá già cho những công việc nặng nhọc.

Vào ngày 11 tháng 11, Columbus viết rằng cư dân Cuba có vẻ “không thực hành tôn giáo”, nhưng ít nhất họ không phải là những kẻ “sùng bái tượng thần”, và ông khẳng định họ “rất hiền lành và không biết ma quỷ là gì, cũng không giết người hay trộm cắp; họ không có vũ khí và nhút nhát đến mức cả trăm người bọn họ chạy trốn trước một người chúng ta, dù rằng họ có thể đang diễn trò với chúng ta”. Ông khuyến nghị: “Các Bệ hạ cần đưa ra quyết định biến họ thành người Ki-tô giáo, vì tôi tin rằng nếu Người bắt đầu, trong một khoảng thời gian ngắn Người sẽ cải đạo được vô vàn cư dân sang đức tin thiêng liêng của chúng ta, sẽ thu được nhiều đất đai của cải và tất cả những người này cho Tây Ban Nha”. Tại sao lại như vậy? “Vì chắc chắn ở những nước này có một lượng vàng vô cùng lớn.” Ông nêu rõ, người Anh-điêng bận rộn khai thác vàng “và đeo nó ở cổ, tai, tay và chân họ, những chiếc vòng rất to”. Vàng và vàng: còn có lý do nào tốt hơn cho việc thành lập một đế chế bên kia bờ đại dương?

Ngay trước khi hoàng hôn buông xuống chiều hôm đó, Columbus đã giương buồm và tiến về phía đông từ hướng nam đến mũi đất mà ông đặt tên là mũi Cuba.

Trong số tất cả những ngày ông phải chịu đựng trên biển tính đến giờ, thì thứ Tư ngày 21 tháng 11 có vẻ là ngày nguy hiểm hơn cả, không chỉ bởi ông mắc phải một loạt các đánh giá sai lầm ngày càng tăng về hàng hải. Dựa vào những nhận xét nóng vội, giản lược trong nhật ký của ông, có vẻ là ông đang cố gắng sử dụng thước đo độ để xác định vị trí của mình. Thước đo độ chỉ ra ông ở vĩ độ 42, nhưng “dường như đối với ông thì ông không thể cách xa [xích đạo] đến thế”. Nhận định của ông là đúng. Vĩ độ 42 chạy qua đường biên giới giữa New

York và Pennsylvania; còn trên thực tế, ông ở vĩ độ 21. Ít nhất thì ông đã biết rằng có điều gì đó sai lệch trầm trọng, nó “hiển nhiên là tại vĩ độ 42 trên Trái đất thì không thể có nơi nào lại nóng, trừ phi vì lý do tình cờ nào đó”. Giận dữ, ông kêu ca rằng thước đo độ chắc chắn bị lỗi và cần phải sửa.

Nếu như chỉ dựa vào việc định hướng theo các vì sao, Columbus hẳn đã bị chệch đường, nhưng ông sở hữu một tài sản quý báu khác tạo ra sự khác biệt: cảm nhận thiên phú về biển, về gió và thời tiết. Giống như các nhà hàng hải khác của thời đó, Columbus không dựa vào “cực Bắc thực sự” (cực Bắc địa lý) hay vào “cực Bắc từ” (nơi trường điện từ của Trái đất bất ngờ chỉ xuống). Thay vào đó, ông vạch ra hành trình, hay hướng đi của mình với sự tham khảo về gió, tám loại cả thủy, mỗi loại mang một cái tên Ý truyền thống. Tramontana chỉ gió bắc, Greco gió đông bắc, Levante gió đông, Sirocco gió đông nam, Ostro hay Auster gió nam, Libeccio hay Africo gió tây nam, Ponente gió tây, và Maestro gió tây bắc. Vì những tên gọi này nói đến địa lý quen thuộc của vùng Địa Trung Hải, nên Columbus và các nhà hàng hải khác đã đơn giản hóa hệ thống này thành tám hướng chính: N, NE, E, SE, S, SW, W, và NWⁱ. Để làm rõ hơn, ông đưa thêm vào tám hướng ở giữa – *los medios vientos* – hay nửa ngọn gió. Đó là các hướng NNE, ENE, ESE, SSE, SSW, WSW, WNW, và NNWⁱⁱ. Còn có một sự phân chia tiếp theo, mỗi điểm tương ứng với $11\frac{1}{4}$ độ, hay một điểm la bàn.

i. Đây là các tên viết tắt theo tiếng Anh, lấy từ chữ cái đầu của các hướng trong tiếng Anh: North – bắc; South – nam; East – đông; West – tây. Như vậy, tám hướng chính ở đây sẽ là N – bắc, NE – đông bắc, E – đông, SE – đông nam, S – nam, SW – tây nam, W – tây, và NW – tây bắc.

ii. Tương ứng sẽ có NNE – bắc đông bắc; ENE – đông đông bắc, ESE – đông đông nam, SSE – nam đông nam, SSW – nam tây nam, WSW – tây tây nam, WNW – tây tây bắc, và NNW – bắc tây bắc.

Columbus giữ im lặng về năng khiếu thực sự đáng chú ý của mình: khả năng dẫn đường dự đoán, nghĩa là đi biển theo kinh nghiệm, ước lượng thời gian và khoảng cách bằng những dụng cụ đơn giản như dây hay phao hay mốc bờ. Ông là một bậc thầy về trực giác khi thông thạo những cách thức cổ xưa nhất trong nghề hàng hải. Tất cả những bản đồ, hải đồ, và nền giáo dục chính thống mà ông có được đầy nhọc nhằn – rất ấn tượng, song cũng rất sai lệch – chẳng có ích với ông bao nhiêu. Ông dựa vào trực giác và kinh nghiệm của mình về thủy triều và gió. Đối với ông, màu nước biển và cấu tạo của mây quan trọng hơn những tính toán toán học của các nhà nghiên cứu vũ trụ hàng đầu thời đó. Họ chưa bao giờ đi biển còn Columbus thì đã từng. Phương pháp dẫn đường dự đoán của ông tỏ ra chính xác đến mức ông đã đi từ Tây Ban Nha tới Tân Thế giới mà không gặp rắc rối gì ngay từ lần đầu tiên, và không thể tin nổi là chẳng bị mất đi người nào. Và mỗi lần sau đó, ông lại cải tiến hành trình của mình dựa trên kinh nghiệm thay vì lý thuyết.

Cuộc khủng hoảng bắt đầu vào ngày 22 tháng 11 khiến ông choàng tỉnh khỏi cái mê cung toán học mà ông đang mò mẫm trong đó: “Vào hôm đó Martín Alonso Pinzón” – đối thủ cạnh tranh chính của ông trước vinh quang của chuyến đi – “rời đi cùng chiếc tàu buồm nhỏ *Pinta* khi chưa được Đô đốc cho phép hay mong muốn”. Columbus không biết lý do. Thời tiết thì đẹp. Có lẽ Pinzón đã định vị được một nguồn vàng và muốn giữ bí mật. Gây ấn tượng bằng một lưu ý đáng ngại, Columbus thêm rằng ông đã bắt đầu thu thập chứng cứ chống lại vị thuyền trưởng nổi loạn, gồm “Nhiều điều ông ta đã làm và nói với tôi”.

Việc ra đi không được phép của Martín Alonso Pinzón gây ra rắc rối, vì chuyến đi được lợi từ sự hợp tác chuyên nghiệp giữa hai thuyền trưởng. Bức chân dung thuyền trưởng tàu *Pinta* (trưng bày ở Bảo tàng Hàng hải Madrid) cho thấy một người đàn ông trẻ chín chắn trông giống một học giả hay sĩ quan hầu cận hơn là một con hải cẩu hay kẻ nổi loạn. Ánh mắt u buồn cho thấy ông ta đang chìm đắm trong suy

nghĩ hay nhìn một vật ở nơi xa. Ông ta sinh ra ở Palos, nên có thể nói là sinh ra ở biển, vào năm 1441, và bây giờ ngoài 50 tuổi, đầy kinh nghiệm, thậm chí già dặn với tư cách là một thuyền trưởng.

Mới ngày 25 tháng 9, Columbus còn viết đầy tán thưởng trong sổ lộ trình của mình về một hải đồ “trong đấy có vẽ như Đô đốc đã phát hiện ra những hòn đảo nhất định trên biển đó”. Martín Alonso bày tỏ ý kiến rằng những hòn đảo ấy ở gần đây, được Columbus đồng tình, và việc đội tàu không xác định nổi vị trí của chúng có thể là do “những dòng chảy khiến các tàu đều bị hướng về phía đông bắc”. Cho rằng tình hình là như vậy, Columbus yêu cầu Pinzón đưa lại tám hải đồ để tiếp tục nghiên cứu “cùng với hoa tiêu của mình và các thủy thủ”.

Lúc hoàng hôn, “Martín Alonso lên boong ở đuôi tàu của mình, và rất vui vẻ hét lên với Đô đốc, đòi ông phải hào phóng” – một phần thưởng – “cho việc nhìn thấy đất liền”. Đất liền nào? Columbus thận trọng giữ kín tên và địa điểm của hòn đảo mơ hồ để các đối thủ của ông không thể lợi dụng được khám phá này.

Trước khi trả tiền, ông “quỳ xuống cảm ơn Chúa, và Martín Alonso cũng đọc Kinh Vinh Danhⁱ cùng với người của mình”. Chẳng mấy chốc, dây chèo của tàu *Niña* kéo kẹt dưới sức nặng của các thủy thủ, họ trèo lên đó để gắng nhìn thấy đất liền, chỉ cách có 25 hải lý theo tính toán của Columbus. Ông đã nhầm. Đoàn tàu đi tiếp cả ngày hôm đó, hôm sau, và một tuần tiếp theo, những con tàu vẫn tìm kiếm đất liền. Trong nhật ký của mình, Columbus tiết lộ rằng ông đã nói dối về khoảng cách để trấn an thủy thủ đoàn rằng họ đang tiếp cận mục tiêu, chậm rãi nhưng chắc chắn, song có thể ông tạo ra lý do này để che giấu tính toán sai lệch của mình.

Liệu Martín Alonso Pinzón có phản đối chiến lược này, hay nghi ngờ về sự sáng suốt trong những lựa chọn hàng hải của họ, điều đó

i. Nguyên văn tiếng La-tinh: “Gloria in excelsis Deo”.

không được Columbus ghi lại. Sự thách thức mang lại cảm giác bị kích cho một hải trình đang có nguy cơ đánh mất lý do tồn tại của nó, và đem lại cho ông một cơ hội để chứng tỏ khí phách. Ông bị hút vào cuộc khủng hoảng như thể đó là biểu hiện của ý chí thần thánh. Cho đến lúc này, ông đã làm nên sự nghiệp bằng cách chứng minh người khác sai, không phải vì ông nắm lý thuyết hay câu trả lời tốt hơn, mà vì ông bền lòng hơn. Ông tin rằng mình có thể đặt vị thuyền trưởng phản bội vào chỗ của ông ta. Nhưng trước hết, Columbus phải tóm cổ được ông ta đã.

Trên thực tế, ông đối mặt với thách thức từ cả ba anh em nhà Pinzón.

Người thứ nhất là Vicente Yáñez Pinzón, người sở hữu một phần của tàu *Niña* và *Pinta*, cả hai đều là những tàu buồm nhỏ – những con tàu kết hợp dây chèo phương Tây với buồm phương Đông, hay buồm hình tam giác, để dễ điều khiển hơn. Con tàu chỉ huy của Columbus, *Santa María*, đơn giản được biết đến dưới tên gọi chung là *nao*, nó tròn trĩnh, vững chắc, thân rộng, và nhiều khả năng là được đóng theo phương pháp đã đi vào truyền thống của nghệ thuật đóng tàu xứ Basque. Juan de la Cosa, người cũng là thuyền trưởng của tàu, sở hữu nó. Còn người thứ hai là Francisco Martín Pinzón, thuyền trưởng tàu *Niña*.

Như vậy bao quanh Columbus là anh em nhà Pinzón, sự hỗ trợ của họ đóng vai trò vô cùng quan trọng giúp ông vượt qua được những nghi ngờ về chuyến đi từ các thủy thủ ở Palos, nơi đội tàu của ông ra khơi, và từ Huelva và Moguer gần đó. Đối với các thủy thủ đây thực tế, Columbus tỏ ra là một kẻ mơ mộng ngây thơ, một người ngoại quốc nói đến chuyện vượt đại dương mà không ai trong họ biết tới trường hợp thành công trước đó. Đôi lúc người ta gọi là *Mar Tenebroso*, tức “Biển tối”, trên thực tế đồng nghĩa với cái chết – để đến với những vương quốc tưởng tượng như Trung Hoa và Nhật Bản mà có thể không tồn tại, ngoại trừ trong tâm trí những kẻ hoang tưởng và giới học giả; nhưng giờ đây Columbus yêu cầu họ tin tưởng mình, đặt cược sinh

mạng họ vào cuộc truy tìm vô vọng của ông. Ông gặp phải sự chống đối cương quyết, cho đến khi Martín Alonso Pinzón khuyến khích họ tham gia bằng những lời lẽ rằng: “Các bạn, hãy đi với chúng tôi chuyến này. Các bạn sống ở đây trong cực khổ. Hãy đi với chúng tôi chuyến này, và với hiểu biết nhất định của tôi, chúng ta sẽ tìm được những ngôi nhà mái lợp vàng và tất cả các bạn sẽ trở về trong thịnh vượng và hạnh phúc”. Lời nói, uy tín, và tấm gương của Pinzón đã kéo được các thủy thủ ngả về phía Columbus. “Chính vì lời đảm bảo này về sự thành đạt và niềm tin nói chung vào ông ta mà rất nhiều người đã đồng ý đi cùng ông ta”, một trong những thánh giả của ông ta nói.

Thực sự thì ông ta đã làm cho Columbus nhiều hơn thế. Theo lời Arias Perez Pinzón con trai ông ta, cha mình tình cờ có một người bạn, một nhà vũ trụ học hay nhà lập bản đồ vũ trụ, làm việc ở thư viện Vatican và ông ta đã chuyển cho một bản sao hải đồ cho thấy người ta có thể vượt Đại Tây Dương theo hướng tây đến Nhật Bản. (Không có kiến thức về Tân Thế giới và Thái Bình Dương nên sự suy đoán như vậy cứ lan tràn.) Con trai ông ta nói, Martín Alonso quyết định sắp đặt chuyến đi của chính ông, nhưng gặp phải sự cự tuyệt ở Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Trong công cuộc tìm kiếm một bến đỗ bình an, sự hỗ trợ tinh thần, và những lời khuyên đầy hiểu biết, Columbus tìm đến Chứng viện Thánh María de la Rábida, một chứng viện dòng Francisco tọa lạc cheo leo nơi thành phố Palos de la Frontera. Ở đây ông gặp Martín Alonso Pinzón, người đã đưa ra bản sao của tấm hải đồ. Columbus khi đó đang chuẩn bị rời Tây Ban Nha sang Pháp để tìm kiếm sự ủng hộ, nhưng khi có được tài liệu quan trọng này, cuối cùng ông đã có thể giành được sự ủng hộ của các vị Quân chủ Tây Ban Nha.

Cho nên sự biến mất bất ngờ, không một lời giải thích của Martín Alonso Pinzón vào ngày 22 tháng 11 báo hiệu điều gì đó hơn cả một hành động chống đối thông thường. Và vì Pinzón là người sở hữu một phân đội tàu, nên Columbus không thể xử lý ông ta giống như cách

ông có thể xử lý một thủy thủ thông thường và trừng phạt anh ta vì tội phản bội; nhiều nhất thì ông cũng chỉ có thể chờ đợi, mưu mẹo hơn ông ta, và cuối cùng là chứng minh ông ta sai. Song vẫn còn có lý do để hy vọng. Có thể trông đợi là hai anh em của Pinzón sẽ tiếp tục đòi hỏi, nhưng họ vẫn trung thành với Columbus chứ không phải với người anh em ruột của mình. Columbus không thể đoán được hành vi của họ hàm ý điều gì về việc làm của Martín Alonso Pinzón, nhưng ông được củng cố bởi sự trung thành của họ; trên thực tế, ông trông đợi không ít.

Về phần mình, Martín Alonso Pinzón tin rằng ông ta cũng chịu trách nhiệm về chuyến đi như Columbus. Song chính là Columbus, chứ không phải Pinzón, đã thỏa thuận với Ferdinand và Isabella về những điều kiện của chuyến đi, bao gồm một loạt thỏa ước (hay giao kèo) chi tiết và rõ ràng về trách nhiệm cùng quyền hạn của ông. Không có được sự ủy nhiệm tương tự, nên Pinzón hành xử như thể ông ta bị buộc phải hợp tác với một người Genoa bí hiểm, nóng tính tên là Christopher Columbus, người đã ra đi để tìm kiếm vinh quang cho mình, có thể khiến tất cả họ bị mất mạng trong các lần chạm trán với bão tố, quái vật đại dương, những rạn san hô, hoặc chết đói.

Cho đến lúc này, ông đã giành được kỳ tích chưa từng có tiền lệ trong lịch sử khám phá, vượt qua Đại Tây Dương mà không bị mất đi người nào. Ngược lại, Martín Alonso Pinzón lại trở nên thất thường hơn bao giờ hết.

“Đêm nay Martín Alonso đi theo con đường về phương Đông”, Columbus ghi lại vào ngày 22 tháng 11 trong lúc ông hướng đến một hòn đảo tên là Vaneque, bị cám dỗ bởi sự hứa hẹn về vàng, hoặc do người Anh-điêng nói vậy. Suốt đêm đó Columbus tiến về phía hòn đảo, và rồi, trước sự bất ngờ của ông, có vẻ như Pinzón đã đổi hướng và đang “tiến về phía ông, và đêm thì rất sáng còn ngọn gió nhẹ lại thuận chiều cho việc tiến về phía ông, nếu ông ta muốn vậy”. Qua đôi mắt mệt mỏi,

vị Đô đốc dần nhận ra rằng ông đã nhầm; có lẽ Pinzón đã hướng về phía con tàu chỉ huy nhưng sau đó ông ta lại đổi ý. Sự khó hiểu trong động cơ và kế hoạch của ông ta làm Columbus điều đứng, vì ông đã vạch ra con đường đến hòn đảo mà ông gọi là Bohío, nơi người Anh-điêng truyền tai nhau hàng loạt lời đồn đại quen thuộc liên quan đến “những người chỉ có một mắt ở trước trán” và bọn ăn thịt người đáng sợ. Khi người Anh-điêng nhận ra con đường Columbus chọn sẽ dẫn tới Bohío, “họ lặng người đi”, ông viết. Columbus không hoàn toàn bác bỏ lời đồn đại về bọn ăn thịt người, nhận xét rằng ông tin “ở đây có điều gì đó”. Bohío sẽ phải chờ.

Trong bóng tối trước bình minh Chủ nhật ngày 25 tháng 11, Columbus cập bờ tại Cayo Moa Grande, thuộc bờ biển phía đông bắc của Cuba. Việc bắt đầu cuộc thám hiểm vào Ngày của Chúa là một điều bất thường, nhưng ông hành động theo bản năng “rằng chắc chắn ở đây có một con sông tốt”. Linh cảm của ông tỏ ra đúng khi ông “đi tới con sông và nhìn thấy vài hòn đá sáng lên dưới lòng sông với những đường vân màu vàng” – thực ra chúng là pi-rit sắt, hay vàng của kẻ ngốcⁱ – nhưng Columbus lại tin rằng mình đã khám phá ra đồ thật. “Ông ra lệnh thu thập một số hòn đá này để mang về cho các vị Quân chủ.”

Cuộc điều tra này nhanh chóng dẫn ông tới một thứ kém giá trị hơn vàng, nhưng có giá trị thực tiễn cao hơn: gỗ để sửa và gia cố mấy con tàu. “Khi tới đó, đám thủy thủ trẻ hét lên rằng họ nhìn thấy những cây thông; ông nhìn về phía mấy dãy núi dài có sườn dốc, và thấy nhiều cây thông lớn đến kinh ngạc mà ông không cần phóng đại về chiều cao và sự thẳng tắp của chúng, giống như những cái trục đứng cao lớn, rồi ông nhận ra rằng có thể đóng những con tàu, với vô số những tấm ván, và cột buồm cho những con tàu tốt nhất của Tây Ban Nha. Ông thấy những cây sồi và cây dương mai, hay nói đúng hơn là những cây

i. Do có ánh kim và sắc vàng nên trông tưởng là vàng. (HĐ)

giống như vậy, “và một con sông tốt, và phương tiện để xây nhà máy cửa. Ông thấy trên bãi biển nhiều hòn đá khác có màu của sắt và những màu khác mà một số người nói là đến từ các mỏ bạc, tất cả đều do dòng sông mang tới. Tại đây ông đốn cây để làm một trục buồm tam giác và cột buồm cho cánh buồm nhỏ phía bánh lái của tàu buồm *Niña*”. Mũi đất bên cạnh rộng đến mức “100 con tàu có thể nằm đó mà không cần dây chèo hay neo”. Ông hình dung một xưởng đóng tàu lớn, bận rộn thu hoạch những cây thông vững chãi để đóng “nhiều tàu như mong muốn”, tất cả đều được quét hắc ín sẵn sàng. Những khả năng về một tiền đồn lâu dài ở vùng đất mới được khám phá này đã kích thích cơn bột phát của trạng thái ngây ngất và sự cường điệu ở Columbus. Dường như các viễn cảnh của việc định cư lại được củng cố thêm vững chắc với mỗi lần cập bến; bầu không khí trở nên ngọt ngào hơn, quang cảnh vui mắt hơn, và không đâu hơn ở đây, ở Cuba. Ông khẳng định, bất cứ ai trông thấy mảnh đất này, sẽ thấy “đây những điều kỳ diệu”. Và tất nhiên, Trung Hoa ở ngay phía sau chân trời.

Columbus tiếp tục ca ngợi vùng đất mà ông mới khám phá, nhắc đến “chín bến cảng rất đáng chú ý mà mọi thủy thủ đều coi là các kỳ quan, năm con sông tuyệt vời... những ngọn núi rất cao và đẹp... những thung lũng đẹp nhất... đây cây cao rậm rạp nhìn vô cùng hùng vĩ”. Mỗi lo lắng cồn cào ở nơi thiên đường này là “nỗi lo sợ khủng khiếp” về bọn ăn thịt người, nghe đồn là thường đột kích vào các nhóm để bắt đi các cư dân nhút nhát của đảo. Những người Anh-điêng mà ông mang lên tàu như mấy hành khách kiêm tù nhân đã khiếp đảm khi họ nhận ra ông đang đi về phía lãnh địa của chúng, “lo rằng chúng biến họ thành món ăn, mà ông cũng không thể ngăn nỗi nỗi sợ của họ”. Thay vào đó, họ lảm nhảm về bọn ăn thịt người một mặt và “những khuôn mặt chó”. Columbus chọn cách xử lý những lời đồn đại như sau: “Đô đốc tin là họ nói dối, và nghĩ rằng đám người bắt giữ họ chắc hẳn phải là người dưới quyền của Đại Hãn”.

Vào ngày 27 tháng 11, từ Baracoa, gần điểm cực Đông nhất của Cuba, ông viết phần tóm tắt đầy đủ nhất của mình. Ông điều chỉnh tính toán của mình theo hướng tăng lên, luôn tăng lên, một phần vì ông bị thuyết phục bởi giá trị chiến lược của khu vực này, thậm chí nếu đó không phải là Trung Hoa, và một phần để các vị Quân chủ không quá chú ý vào tình thế khó xử là ông không hoàn thành điều đã hứa. “Cả ngàn lời cũng sẽ không đủ, cũng chẳng thể viết ra hết, vì nơi đây quá quyến rũ”, ông viết về Cuba và các vùng đất quanh nó. Liệu có ai nghi ngờ về sự thật của những gì ông quan sát thấy? “Tâu các Bệ hạ, chắc chắn khi có những vùng đất như vậy sẽ có nhiều khoản lợi không đếm xuể; nhưng thần không nấn ná ở bất cứ cảng nào.” Lời biện minh của ông về việc đi xuyên qua Đại Tây Dương với biết bao rủi ro và cái giá không nhỏ, chỉ để lờ đi chính điều ông tìm kiếm, hoàn toàn không thuyết phục: “Thần tìm kiếm để tới được nhiều đất nước nhất như thần có thể, để mang về cho các Bệ hạ câu chuyện về chúng”, lại lờ đi tiếp, “và thần không biết ngôn ngữ, và con người của những vùng đất này không hiểu thần cũng như thần không hiểu họ, chẳng ai trên tàu hiểu họ cả”.

Nhận xét này không giống với nhiều cuộc trò chuyện cùng người Anh-điêng mà ông đã ghi lại trong nhật ký của mình, trong đó ông mô tả người Anh-điêng đã kể ông nghe về vàng, cây cối, hay các bến cảng. Kể cả kéo theo là những sự hiểu lầm đáng kể, giữa hai bên một số không tránh khỏi, và một số có chủ đích, thì chắc chắn Columbus và người của mình đã có vô vàn cuộc trò chuyện với những vị chủ nhà Anh-điêng về giao thương, tôn giáo, Ki-tô giáo, và địa lý trong khu vực, kể từ khi đội tàu lần đầu tiên cập bến đất liền vào ngày 12 tháng 10. Mỗi bên xác nhận những tiên đoán và tưởng tượng mang tính huyền bí và tôn giáo của bên kia. Người Anh-điêng nghĩ là đội tàu của Columbus đã hiện thực hóa niềm tin sơ khai lâu đời, rằng thánh thần hay các sinh vật được thánh thần tạo ra giống như họ sẽ tới thăm các đảo, còn Columbus thì tin rằng bất cứ những gì mà ông gặp đều là ý Chúa, dấu

cho người Taíno không hoàn toàn giống như ông nghĩ. Sự thừa nhận từ cả hai bên hòa trộn với sự mơ hồ về nhau. Nhưng điều tiềm tàng không được nói ra ẩn sau sự khám phá từ cả hai bên lại rất khác nhau. Đối với người Anh-điêng, điều đó đồng nghĩa với một sự thăm viếng từ bên trên, và hàm ý được nâng lên thay vì bị hạ xuống. Đối với Columbus, nó hàm ý khả năng khai thác, bắt làm nô lệ, và chiếm hữu cá nhân về của cải một cách vô hạn.

Để giao tiếp với người Anh-điêng, ông dựa vào người phiên dịch của mình là Luis de Torres, nhưng chẳng mấy chốc đã rõ là anh ta không biết các ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp ở mấy hòn đảo này. Để thay cho anh ta, Columbus dụ dỗ người Anh-điêng lên thuyền làm người hướng dẫn và phiên dịch, chỉ để nhận ra rằng “tôi thường hiểu nhầm mấy người Ấn Độ mà tôi đưa theo, nhầm cái này thành cái kia, và tôi không tin họ lắm” – chẳng phải vì ông không thể hiểu họ, mà vì “họ cố bỏ trốn”. Columbus lại tự mâu thuẫn với bản thân một lần nữa, khi viết rằng sau cùng thì ông đành học tiếng của người Anh-điêng “từng ít một”, và “tôi sẽ nhờ dạy thứ ngôn ngữ này cho người nhà mình”. Ông còn tiết lộ, “tôi thấy là cho đến giờ chỉ có một thứ tiếng”, hàm ý rằng ông đã quen thuộc phần nào với tiếng nói của họ.

“Một thứ tiếng” mà ông nói đến là Arawak, ngày nay được xếp vào nhóm ngôn ngữ Maipurea, dùng rộng rãi ở vùng Caribbean và Nam Mỹ. Trong cuộc thám hiểm bữa bãi nhưng kỹ lưỡng ở lòng chảo Caribbean, có lẽ ông đã gặp hai phương ngữ khác của tiếng Arawak – tiếng Cuba và Bahama.

Văn hóa Anh-điêng, kể cả nền nông nghiệp, khiến Columbus hết sức quan tâm. Trong một lá thư gửi Ferdinand và Isabella, ông nói đến những vùng đất mà mình khám phá ra giống như một *tabula rasa*ⁱ về tôn giáo và kinh tế, nơi mà các vị Quân chủ của ông sẽ để

i. Nguyên văn tiếng La-tinh, nghĩa là “tấm bảng trắng”.

lại dấu ấn để chế lâu dài. “Các Bệ hạ sẽ ra lệnh xây dựng một thành phố và pháo đài ở những nơi này”, ông dự đoán, “những đất nước này sẽ được cải đạo; và thần chứng nhận” – một câu mang sức mạnh của lời thề – “trước các Bệ hạ rằng dường như đối với thần, không thể có vùng đất nào đầy ánh nắng lại phì nhiêu hơn, trong sự ôn hòa giữa cái lạnh và cái nóng, trong sự dồi dào nguồn nước mát lành, và những con sông không giống như sông ở Guinea vốn đều độc hại”, ông ghi lại như một điều vừa nghĩ đến sau đó. Và như mọi người ở triều đình đều đã biết, Guinea rơi thẳng vào tầm ảnh hưởng chi phối của Bồ Đào Nha.

Để ngăn người Bồ Đào Nha và những kẻ ngoài cuộc thích xen vào việc của người khác, chẳng hạn người Pháp hay Ả-rập, khởi nhúng mũi vào thiên đường mới được khám phá này, Columbus thúc giục Ferdinand và Isabella “không đồng ý cho bất cứ người nước ngoài nào được buôn bán hay đặt chân đến đây, trừ người Ki-tô giáo, vì đó sẽ là kết thúc và là khởi đầu của việc làm táo bạo”, một ý kiến mà các vị Quân chủ và những thế hệ giáo sĩ sẽ cùng đồng ý một cách trọng thể. Nó sẽ duy trì cơ hội cuối cùng nhưng cũng là lập luận thuyết phục nhất của ông: cho dầu có điều gì đó sai lầm, hay dù ông không hoàn thành chuyến đi của mình, thì ông vẫn đang mang Ki-tô giáo đến với người Anh-điêng trước bất cứ ai.

Đánh giá về những thành công của mình cho tới lúc đó, Columbus có cơ sở vững chắc hơn liên quan đến sức khỏe của thủy thủ. Ông huênh hoang rằng “thậm chí chưa có ai bị đau đầu hay ốm liệt giường; trừ một người đã có tuổi bị đau sỏi thận, căn bệnh mà ông ta phải chịu cả đời, và ông ta đã khỏe lại sau hai ngày”. Tình trạng vui vẻ đó “có trên cả ba con tàu”. Đó là một điều may mắn lớn khi xét đến bản chất không tính trước được của chuyến đi, cách nhìn bị bóp méo của Columbus về địa lý, sự đi biển dựa trên trăng sao thiếu tin cậy của ông, và những con tàu đơn sơ, thiếu vệ sinh của họ.

Ngay khi Columbus vừa thông báo với các vị Quân chủ về tầm nhìn vĩ đại của mình, ông liền được nghe một báo cáo đáng lo ngại từ vài thủy thủ. Họ nói với ông, trong lúc tìm kiếm “họ đã tìm thấy một miếng bánh sáp trong một ngôi nhà”, một vật thờ cúng mà ông thấy hứng thú đủ để mang nó về Tây Ban Nha và trình cho các vị Quân chủ. Còn nữa, “các thủy thủ tìm thấy ở một ngôi nhà là một chiếc đầu lâu đựng trong túi, được bọc lại bằng một chiếc túi khác và treo trên cột”. Theo mô tả của họ, những chiếc đầu lâu đã khô ấy được trang trí quanh nơi ở, tạo thành một hoạt cảnh khủng khiếp. Columbus cho rằng mấy thứ này “chắc là những ai đó trong số tổ tiên của dòng họ; vì các ngôi nhà đó là kiểu nhà dượng như có nhiều người cùng sinh sống, và hẳn họ là từ cùng một huyết thống”.

Giọng văn dù có vẻ từng tưng, nhưng ông cực kỳ mong mỏi tìm được sự an toàn tương đối nơi vùng nước mở này, thế rồi mưa to, mây đen, và gió tây nam thổi mạnh ở phía đuôi tàu khiến không thể điều khiển được. Mưa to đến mức đám thủy thủ trên thực tế không kịp vượt nước mưa trên mặt, và mưa kéo dài từng hồi, rồi thế chỗ là những làn sương mù dịch chuyển. Một giờ sau, mưa lại rơi và bắt đầu rền rĩ trong khung cảnh sũng nước. Ngày hôm sau, 30 tháng 11, cơn gió ẩm ướt chuyển hướng sang phía đông, ngược với đường đi của ông.

Không thể ra biển được, ông bèn cử một nhóm thăm dò gồm tám thủy thủ và hai người Anh-điêng (làm phiên dịch và dẫn đường) đi xem xét địa bàn và nhà cửa nơi đây. “Họ đến nhiều nhà và chẳng tìm thấy ai hay cái gì, vì tất cả đã trốn đi”: một Tân Thế giới trống rỗng không người đầy ám ảnh. Cuối cùng, họ tìm được “bốn người đàn ông trẻ đang đào bới trên cánh đồng của mình”, nhưng giây phút mấy người Anh-điêng nọ nhìn thấy đám xâm nhập, “họ quay người chạy trốn; không thể bắt được họ”. Những cư dân hoảng sợ ấy để lại phía sau các dấu hiệu ấn tượng của nền văn minh, “nhiều ngôi làng, và đất đai rất màu mỡ đều được trồng trọt, và những con sông vĩ đại,

và gần một con sông họ thấy một chiếc thuyền độc mộc hoặc xuồng dài tầm 95 palmⁱ, được làm từ một thân cây rất đẹp, đủ chỗ cho 150 người trên đó và điều khiển nó”, tức là nếu có người ở đó, nhưng không có bóng dáng ai.

Những con tàu được neo lại không mấy dễ dàng, trong tư thế sẵn sàng trôi ra biển. Mưa nặng dần mỗi ngày, thủy thủ buồn bực lo rằng sẽ có một cơn bão nổi lên và phá hủy những con tàu, nhưng Columbus tin là một khối đá to nơi cửa cảng sẽ bảo vệ chúng khỏi thời tiết tồi tệ nhất, hay ông đã nói như vậy. Nhưng tình hình của họ bấp bênh hơn so với ông nghĩ hoặc ông nói với mọi người. Nếu gió đổi chiều, khối đá sẽ hoàn toàn chẳng giúp được gì.

Cuối cùng, ông cũng nhìn thấy mấy bóng người, dù họ không đứng yên một chỗ. Hôm đó là thứ Hai, ngày 3 tháng 12, Columbus liều mạng vào đất liền, đi theo một con lạch đầy gió, bắt gặp “năm chiếc thuyền độc mộc rất lớn,... rất đẹp và được làm cẩn thận”. Khen ngợi những chiếc thuyền với tư cách là nhà hàng hải, ông tuyên bố chúng là một sự pha trộn rất ưng ý giữa hình thức và công năng. Trong lúc tiếp tục đi, ông bắt gặp “một nhà chứa thuyền được làm rất tốt và có mái che, cho nên nắng mưa không thể làm hư hại [những chiếc thuyền độc mộc]”. Bên trong, được bảo vệ bởi nhà thuyền, ông thám thính thấy một “chiếc thuyền được làm từ một thân cây giống như những chiếc khác”, có thể sánh ngang với một chiếc thuyền lớn hoặc xà lan có “16 ván ngang”. Tính nghệ thuật của chiếc thuyền đã gây ấn tượng sâu sắc với ông. “Thật vui khi được nhìn thấy tài nghệ của họ với dáng vẻ đẹp đẽ.” Một niềm vui đối với ông, nhưng không phải niềm vui đối với giới quý tộc Tây Ban Nha, những người đã cử ông đi để cứu vớt các linh hồn, thúc đẩy việc buôn bán với Đại Hãn, và trong quá trình này, chiếm lợi thế trước người Bồ Đào Nha xảo quyệt. Các mẫu vật là

i. 1 palm = khoảng 0,20873 m.

những món đồ thủ công bản xứ chẳng khiến giới chức Tây Ban Nha quan tâm mấy. Vàng là thứ mà họ muốn, vàng và quyền lực.

Rời khỏi nhà thuyền, Columbus “leo lên một ngọn núi” và từ đỉnh núi nhìn bao quát những cánh đồng rộng “được trồng nhiều thứ của vùng đất này”. Là con người của biển cả, Columbus lạ lẫm với tên gọi của các loại quả và rau mà ông gặp; một số ông coi là cây bí đỏ, hay *calabaza*, nằm trong số những cây đầu tiên được trồng.

Bỗng “những người dân làng” xuất hiện. Ngay khi nhìn thấy một nhân vật lạ trên núi, họ liền bỏ chạy. Ông phái những người Anh-điêng dẫn đường của mình đến trấn an họ, và tặng các món quà là mấy chiếc chuông nhỏ, nhẫn đồng, hạt thủy tinh xanh và vàng. Đối với những người Anh-điêng khó hiểu, Columbus “đảm bảo với các vị Quân chủ rằng 10 người họ có thể khiến 10.000 người [Anh-điêng] kia bỏ chạy, vì họ nhút nhát và rụt rè”. Đúng là họ được trang bị với giáo mác đơn giản, nhưng khi xem xét, đó chẳng qua chỉ là những cây sậy đầu nhọn được làm khô cứng bằng lửa. Muốn có mấy cây sậy đó, Columbus sử dụng “một mẹo hay, dối chác theo kiểu để họ trao hết chúng”. Và thế là người Anh-điêng rụt rè đã bị vị Đô đốc tinh ranh, người mà họ e sợ và kính trọng, tước mất các vũ khí thô sơ của mình.

Ngay khi Columbus tin rằng ông đã dụ dỗ và tước bỏ được vũ khí của đám đông, thì những người Anh-điêng giơ tay lên trời và hét to. Bất ngờ ông trông thấy gương mặt một người Anh-điêng “trở nên vàng như sáp” trong lúc anh ta điên cuồng ra dấu với Columbus rằng có người – chắc là người Carib – đang đến gần. Người Anh-điêng chỉ tay về phía một chiếc cung tên đã được lên dây trong tay một người Tây Ban Nha, ra hiệu rằng “tất cả họ đều sẽ chết” bởi mối đe dọa vô hình này. Để nhấn mạnh thêm điều đó, người Anh-điêng nắm lấy một bao kiếm và rút kiếm ra, vung nó lên.

Những người Anh-điêng bỏ chạy, với Columbus bình thản theo sau. Khi ông đuổi kịp họ, tất cả đã sẵn sàng chiến đấu. “Có rất nhiều

người, tất cả đều tô vẽ cơ thể màu đỏ và trần truồng như lúc mới được mẹ sinh ra, và một số người cắm lông chim và chùm lông khác trên đầu, tất cả đều cầm những ngọn lao.” Columbus tiếp tục tước vũ khí của họ bằng cách hồi lộ và đánh lạc hướng. “Tôi đến gần họ và đưa họ mấy mẩu bánh mì rồi đòi lấy giáo của họ, đổi lại tôi đưa cho người này một chiếc chuông nhỏ, người khác một chiếc nhẫn đồng, người khác nữa thì ít hạt, nên ai cũng hài lòng.” Đổi lại, người Anh-điêng đưa ra những cây giáo quý báu, vì “họ nghĩ rằng chúng tôi đến từ trên trời”. Giá như họ có vàng và gia vị ông tìm kiếm, những thứ quý báu đó sẽ được lấy đi một cách dễ dàng biết mấy.

Ngày hôm đó kết thúc bằng việc Columbus đi vào “một ngôi nhà đẹp” với “những tác phẩm đáng kinh ngạc” treo trên trần nhà; ông không biết phải mô tả thứ mình đang ngắm nghía ra sao, có vẻ đó là những tấm thảm được dệt cầu kỳ, trang trí bằng vỏ sò, ấn tượng đến mức ông nghĩ mình đang tình cờ đi vào một ngôi đền. Bằng cách ra hiệu, ông hỏi người Anh-điêng liệu họ có cầu nguyện ở đây không, và “họ bảo không, rồi một người trong số họ trèo lên và đưa cho tôi tất cả những gì có ở đó”.

Sáng ngày 4 tháng 12 có một ngọn gió nhẹ, và cuối cùng thì Columbus đã có thể lên đường từ bến cảng mà ông gọi là Puerto Santo. Ông đi dọc theo bờ biển, đi qua một mốc mà ông gọi là mũi Lindo, thường được coi là Punta Fraile, Cuba.

Ông thăm dò “một vịnh tuyệt vời” mà có thể là một eo biển hay hành lang dẫn tới đế chế của Đại Hãn, và giương buồm đi cả đêm “để nhìn thấy vùng đất dẫn tới phương Đông”, nhưng cuối cùng ông đã từ bỏ tham vọng của mình theo lời khuyên của những người Anh-điêng dẫn đường. Bờ biển mà lúc này ông đang khám phá, với các dấu hiệu của nó về một vương quốc phương Đông, trên thực tế thuộc về Cuba, “mà đến lúc đó ông vẫn coi là lục địa vì sự rộng lớn của nó, do ông đã thoải mái đi khoảng 120 hải lý dọc theo nó”.

Bằng việc xem xét khả năng Cuba là một hòn đảo – chứ không phải là mũi đất của lục địa châu Á – Columbus dường như đã từ bỏ một trong những hy vọng ấp ủ nhất trong chuyến đi. Ông vẫn chưa tìm ra châu Á cũng như Đại Hãn, song vẫn chưa thể thừa nhận với bản thân rằng mình đã tìm ra một lục địa khác nào đó. Không thể giải được câu đố địa lý của mình, ông đã đánh mất mình trong hành động ra khơi, một lần nữa hướng về phía đảo Hispaniola, không ngừng khám phá, vì cái gì thì ông không thể nói ra.

Khi màn đêm vừa buông, Columbus liền cử tàu *Niña* đi trước để “nhìn thấy cảng khi trời còn sáng, vì tàu đó đi nhanh hơn; và tiến vào cửa cảng” – trên bờ biển mà nay là Haiti – “nơi giống như vịnh Cadiz, và vì đã là ban đêm, nên tàu cho xuống đèn vào trước để thăm dò cảng, và sẽ dùng ánh sáng của một ngọn nến” để chỉ đường. Columbus đến gần, “hy vọng rằng chiếc xuống sẽ đưa ra những báo hiệu để vào cảng”, nhưng rồi “ánh sáng trên chiếc xuống tắt”. Kết quả là tàu *Niña* “rời khỏi bờ và chiếu ánh sáng vào vị Đô đốc, và khi tiến đến gần con tàu, họ nói với ông về điều đã xảy ra. Lúc này, người trên xuống chiếu một ánh sáng khác; chiếc tàu buồm nhỏ [*Niña*] tiến về phía nó, còn Đô đốc thì không thể, và cả đêm đó đi lòng vòng”.

Sau vũ điệu rắc rối này của gió, dòng chảy, và ánh đuốc lập lờ, một ngày mới, ngày 6 tháng 12, đã hừng, và Columbus “thấy mình cách cảng bốn hải lý”. Ông bắt gặp những ngọn lửa trên bờ, khói của chúng “giống như những mồi hiệu”, có lẽ là cảnh báo về một cuộc chiến tranh bộ lạc trên đất liền, cuộc chiến mà ông cảm thấy mình được miễn trừ theo một cách riêng biệt.

“Vào giờ cầu kinh chiều, ông tới cảng, và đặt cho nó cái tên Puerto de San Nicolas, bởi hôm đó là ngày lễ Thánh Nicholas, vì lòng tôn kính đối với Ngài”, Columbus viết, ca tụng “vẻ đẹp và sự lộng lẫy” của nó. Ông coi việc đặt tên bất cứ nơi đâu ông đến là quyền lợi và trách nhiệm,

bất kể nơi đó đã có tên gọi theo truyền thống, và trong nhiều trường hợp, tên mà ông đặt đã chốt cứng lại, xóa đi lịch sử trước đó. Có một sức mạnh trong sự đặt tên, gần như thể ông đang cải đạo những thứ quanh mình sang Ki-tô giáo; đặt tên cũng là một cách tuyên bố.

Coi nó ưu thế hơn tất cả những cảng khác mà ông đã viếng thăm trong chuyến đi của mình, Columbus khám phá chu vi hòn đảo, đo độ sâu, tìm kiếm các đầu mối hiểm nguy, và hài lòng tuyên bố, “Ở đây không có một bãi cát ngầm nào”. Chiều dài của nó có thể dễ dàng chứa “cả ngàn chiếc carrackⁱ”, một lời ám chỉ khó hiểu đối với các vị Quân chủ của ông về tiềm năng của khu vực. “Toàn bộ khu cảng đầy gió và không có người sinh sống hay cây cối”, ông nhận xét. Vẻ huy hoàng mở rộng dưới tầm nhìn, một phong cảnh màu lục bảo trong nền xanh ngọc lung linh. “Vùng đất nằm rất cao, và tất cả đều rộng mở thoáng đãng.” Ở hướng khác, ông thấy “một vùng đồng bằng rộng lớn”, những ngôi làng lớn, những chiếc thuyền độc mộc dài tới mức đặt được 15 tấm ván ngang, chúng chạy trốn thay vì đến gần các con tàu của ông. Một người Anh-điêng đi cùng bỗng nhiên tuyên bố rằng họ “rất mong muốn được quay về vùng đất của họ”, nhưng ông nghi ngờ về động cơ của họ, còn họ lại không nghi ngờ về động cơ của ông.

Vào 7h sáng hôm sau, lúc bắt đầu phiên gác sáng, Columbus giương buồm và để lại cảng Thánh Nicolas phía sau đuôi tàu.

Cơn mưa đang đến gần, báo hiệu sẽ có những trận mưa như trút nước nguyên ba ngày. “Gió thổi mạnh từ phía đông bắc”, ông ghi vừa đủ ngắn gọn, trên thực tế sức gió đã kéo lê cả neo của mấy con tàu, “điều khiến Đô đốc ngạc nhiên”. Một lần nữa, những người dẫn đường của ông lại nhìn thấy các dấu hiệu sinh sống của con người, nhưng khi

i. Một loại thuyền có ba hay bốn cột buồm, sử dụng cả hai loại buồm vuông và buồm tam giác, được phát triển vào thế kỷ 14 -15 ở châu Âu.

họ lên bờ thì người dân đã biến mất vào rừng rậm nhiệt đới. Hình ảnh một Columbus lúng túng vừa khẩn nài vừa khiến người bản xứ vùng Caribbean sợ hãi là điều trái ngược với tập hợp các hình ảnh quả cảm thường được biết đến về vị Đô đốc đầy tự tin, với nhiệt huyết thiêng liêng, mang Ki-tô giáo và luật lệ Tây Ban Nha đến với những dân tộc chưa được khai sáng. Và nó cũng mâu thuẫn với lập luận rằng ông lên kế hoạch khai thác, bắt giữ làm nô lệ, làm biến chất, hay tàn sát người Anh-điêng rụt rè đa phần không có vũ khí, những người mà ông đang cố gắng học tiếng nói của họ, và ngưỡng mộ trình độ đi biển của họ. Vào lúc này, ông không phải người mang lại luật lệ cũng chẳng phải kẻ đi gieo rắc bệnh tật, như những nhà bình luận và nhà vẽ chân dung từng mô tả về ông hàng thế kỷ nay, mà là một nhà hàng hải nghiêm túc, không biết sợ và bị lạc lối (và là một nhà viết sử biên niên tư lợi), gặp khó khăn trong việc tạo ấn tượng về sứ mệnh và tầm quan trọng của bản thân với người khác, bắt đầu ngay từ thủy thủ đoàn của mình. Chỉ có người Anh-điêng, vốn chưa bao giờ nhìn thấy người như ông, mới bị ấn tượng, và họ phản ứng bằng cách bỏ chạy. Càng trở nên quen thuộc với ông và người của ông, họ càng bị lôi kéo về phía nhà thám hiểm, một phần vì ông đã khéo léo hối lộ họ bằng những món nữ trang nhỏ, và một phần vì cảm giác khó nói về số phận tiềm tàng được chia sẻ giữa hai nhóm người khác biệt nhau này. Hành vi của họ, cách họ gắn bó với ông giống như các magnet bị hút vào một thanh nam châm, cho thấy rằng dù ông có lúng túng về việc ông đang ở đâu và bất kể sự do dự nơi ông, thì cảm nhận về mục đích to lớn của ông đã tự truyền sang những vị chủ nhà. Đồng thời, ông cũng là một nhà buôn Genoa tinh ranh, tìm kiếm các nguồn để buôn bán và khai thác.

Việc thám hiểm thêm khu vực Hispaniola và các đảo lân cận – không rõ chính xác là những đảo nào, do Columbus thường viết rời rạc – đã khiến ông tương tác với người Taíno nhiều hơn cùng với mối bận tâm của họ trước người Carib hay cướp bóc và ăn thịt người. “Tất

cả những hòn đảo này sống trong nỗi sợ khá lớn về người Caniba nọ”, ông than. “Và thế là tôi nhắc lại điều mình đã nói, rằng Canibaⁱ không là ai khác ngoài người của Đại Hãn, hẳn phải ở rất gần đây và có thuyền, đến để bắt họ, và vì họ không quay về nên người ta cho rằng họ đã bị ăn thịt.” Không để ý tới sự trớ trêu trong quan sát của mình, Columbus nhận xét, “Mỗi ngày chúng tôi lại hiểu thêm về những người Ấn Độ này, và họ cũng thế, mặc dù nhiều lúc họ hiểu cái này thành cái khác”. Ai là người hiểu nhầm nhiều hơn, người Anh-điêng hay chính Columbus, vốn luôn tin rằng mình đã đến được châu Á, nơi ngưỡng cửa của Đại Hãn?

Ngày hôm sau, ngày 12 tháng 12, đã cung cấp thêm bằng chứng về những cơn bốc đồng đầy mâu thuẫn của Columbus. Nó bắt đầu với việc các thủy thủ dựng lên một “cây thánh giá lớn ở lối vào cảng”. Khi việc này đã hoàn thành, ba thủy thủ bèn đi sâu vào đất liền, nghe đâu là để “xem cây cối và thực vật”, nhưng chỉ để đối mặt với “một đám người rất đông”, tất cả đều trần truồng và bỏ chạy khi thấy bóng mấy kẻ đột nhập. Lần này, theo lệnh của Columbus, họ bắt được một phụ nữ, tình cờ lại “trẻ trung và xinh đẹp”, và mang cô ta, hoàn toàn ngây thơ và trần truồng, đến trước Đô đốc, người “đã cho cô ta mặc quần áo, cho cô ta những hạt thủy tinh, quả chuông nhỏ, và nhẫn đồng, rồi ông trân trọng đưa cô vào bờ, theo thói quen của mình”.

Columbus cho rằng người phụ nữ trẻ muốn được ở lại với mấy phụ nữ khác bị bắt giữ, những người mà ông định sẽ giao cho Ferdinand và Isabella như các món quà từ xứ lạ. Đáng quan tâm hơn, “Người phụ nữ này đeo trên mũi một mẩu vàng nhỏ, một dấu hiệu cho thấy trên đảo này có vàng”. Đối với Columbus, dấu hiệu ấy, bất kể nhỏ đến thế nào, không đơn thuần là một sự chỉ dấu hay manh mối, mà là một biểu

i. Do trong tài liệu Columbus nghiên cứu, Đại Hãn được viết là “gran Can”, nên ông gọi người Carib là người “Caniba”, hàm ý là thần dân của “gran Can”. (BT)

hiện của sự giàu có và sức mạnh ẩn giấu của mấy hòn đảo này, và như vậy đủ để tạo hứng khởi cho ông tiếp tục cuộc tìm kiếm của mình.

Columbus cử một nhóm nữa đi, họ bắt gặp một ngôi làng lớn với “1.000 ngôi nhà và hơn 3.000 người”, tất cả đều chạy trốn khi người Ki-tô giáo và người Anh-điêng dẫn đường đang đến gần. Người Anh-điêng dẫn đường hét lên rằng họ không cần phải sợ, “rằng những người Ki-tô giáo không phải đến từ Caniba mà từ trên trời, và rằng họ đã cho tất cả những ai mà họ gặp nhiều thứ”. Phần lớn những người đang bỏ chạy đó đều chú ý đến người Anh-điêng, quay lại, và “đến gần người Ki-tô giáo rồi đặt tay mình lên đầu họ, như một dấu hiệu của sự tôn trọng và tình bạn”. Bất kể những sự đảm bảo, “tất cả bọn họ đều run rẩy”.

Khi nỗi sợ đã dịu đi, người Taíno mời người Ki-tô giáo vào nhà mình và mời họ món “rễ” – cụ thể là những loại củ – “giống các củ cà rốt lớn mà họ trồng ở khắp vùng này”. Những củ này có hai loại, một loại thân củ kiểu như khoai tây, và một loại rễ củ. Loại rễ củ chất phác màu nâu này với những đầu củ nhiều màu hơi đỏ tạo nên nguyên liệu chính trong bữa ăn của người Anh-điêng: sắn, loại củ cứng giàu tinh bột. (Đôi khi nó mang những cái tên là yucca và manioc.) Thủy thủ của Columbus nhận thấy rằng nền nông nghiệp Taíno đã vượt xa kỹ thuật phạt-và-đốt của các quốc gia nhiệt đới khác. Để trồng sắn, người Taíno cần cù tạo nên những luống đất được vun vào thành những cánh đồng nhỏ, khoảng từ 1m đến gần 3m, gọi là *conuco*, dùng để chống lại sự xói mòn, giúp thoát nước trong mùa mưa, và để giữ được cây sắn tới tận ba năm, chống lại khả năng đói kém. Với cây sắn, “họ làm bánh, nấu và nướng, nó có mùi vị giống như hạt dẻ”. Theo thời gian, người Tây Ban Nha gọi thứ củ màu nâu chất phác này là “bánh mì của người Ấn Độ”.

Củ sắn giàu ca-lo hơn các thức ăn khác, và nếu chưa được nấu chín thì hầu như không có mùi vị. Nhưng sắn tươi cần phải được chế biến cẩn thận: nó chứa một lượng muối Xyanua nhỏ (cyanogenic glucoside)

mà cần phải được lọc sạch bằng cách nạo ra và ủ men. Hấp thụ sản chưa được chế biến sẽ gây ra căn bệnh viêm tụy mãn tính hoặc viêm tụy cấp đầy đau đớn. Chỉ 40 miligam cyanogenic glucoside trong sản là đủ giết chết một con bò. Để chế biến sản thành ăn được, phụ nữ Anh-điêng mài củ và trộn bột đã khô với nước để tạo nên thứ bột sền sệt, rồi họ trải nó ra thành một lớp mỏng trên một chiếc sàng. Việc chế biến kéo dài năm tiếng đã tiêu hủy phần lớn chất cyanogenic glucosides độc hại trong củ sản, và tạo ra chất hydrogen cyanide, cũng cực độc, bốc hơi vào không khí. Chỉ như vậy, sau đó bột sản mới an toàn cho người ăn.

Cây sản chỉ là một trong nhiều loại cây mà Columbus và người của mình chưa biết – thực tế là ở châu Âu chưa biết. Đô đốc, bác sĩ Chanca của đội tàu, và người của ông ngạc nhiên trước hình dáng kỳ lạ của những quả ớt, các loại đậuⁱ, lạc, và *batata* hay khoai lang, mọc tại vùng đất Caribbean màu mỡ. Thậm chí thú vị hơn là hàng tá các loại trái cây mới lạ đối với khẩu vị của người châu Âu. Những vị khách Tây Ban Nha lần đầu tiên được thấy và nếm đu đủ, xoài, ổi, vú sữa, táo lõi vàngⁱⁱ và chanh leo. Và có cả *piña* hay dứa, “mọc trên những cái cây giống như cây kế sữa hay cây thừaⁱⁱⁱ với nhiều lá mềm”, một vị khách bị mê hoặc nhận xét, cố gắng so sánh chúng với những loại cây châu Âu quen thuộc hơn. Loại quả này có gai và vỏ “dày như quả dưa” và trông mất khoảng một năm. Nó được cho là có mùi “thơm hơn đào”, và chỉ cần một hay hai quả thì không gian nơi ở đã tràn đầy mùi thơm ngọt ngào.

Còn nhiều hơn thế nữa. Khi người Anh-điêng biết là Columbus thích có một con vẹt, họ đã mang đến rất nhiều chim vùng nhiệt đới như Columbus và người của ông thích mà không đòi hỏi đổi lại gì. Đây là

i. Trong giai đoạn này, những loại đậu được trồng ở khu vực châu Mỹ phần lớn thuộc chi Đậu ngự (Phaseolus), ví dụ như đậu lima hay còn gọi là đậu ngự, đậu kidney gọi là đậu tây hay đậu thận, đậu navy gọi là đậu hải quân. (BT)

ii. Nguyên văn: “mammee apple”. (BT)

iii. Nguyên văn: “aloe”, hay còn được gọi là American aloe, cùng họ với cây dứa. (BT)

những sinh vật đẹp tuyệt vời, óng ả với các màu đỏ thắm, xanh cô-ban, và vàng, điểm những chấm đen trắng quanh đầu. Dài bằng cánh tay người, chúng có vẻ cảnh giác và linh hoạt. Khi không nghiền các loại hạt trong cặp mỏ mạnh mẽ, chúng bắt chước giọng nói con người và thậm chí có vẻ hiểu chuyện. Ngoại trừ con người ra, trong số những sinh vật được các thủy thủ của Columbus gặp trên đảo, lũ vẹt thông minh và thích giao tiếp nhất.

Lũ vẹt không làm Columbus xao lãng khỏi vẻ đẹp khác thường của những phụ nữ đang dàn ra trước họ; nếu như trước đây ông từng há hốc miệng nhìn họ gần như khỏa thân và chẳng chút e lệ, thì giờ đây ông viết về “hai thiếu nữ da trắng như thể họ ở Tây Ban Nha”, họ sống ở một khu vực mà “đất đai được trồng trọt... và về phía trung tâm của thung lũng là một con sông rộng và đẹp có thể tưới cho toàn bộ vùng đất. Tất cả cây cối đều xanh tươi và đầy trái, thực vật đầy hoa và khá cao, các con đường rất rộng và đẹp”. Từ chỗ này trở đi, Columbus bứt phá ra khỏi các giới hạn của diễn ngôn thông thường đối với cuốn nhật ký hàng hải, có lúc đã loại bỏ mọi lời nhắc đến thủy triều và gió và buồm để đưa ra những mô tả mê li đầy mộng ảo. Ông viết, “Không khí giống như tháng 4 ở Castile”, dội lại với những âm thanh làm say lòng người, đem tới cho ông “niềm vui thích lớn nhất trên thế giới”, với toàn bộ thiên nhiên hòa nhịp. “Ban đêm, mấy con chim nhỏ hót ngọt ngào, lũ dế và ếch cất tiếng, cá thì giống như ở Tây Ban Nha; nghe đâu có nhiều cây nhũ hương và cây thùa và cây bông” – nhưng, ông buộc phải nói thêm, dứt khỏi cơn mơ màng, “họ không tìm thấy vàng”. Sự say mê đã bị tan vỡ, ông bận rộn cố gắng đo chiều dài của ngày và đêm bằng mấy chiếc đồng hồ cát, nhưng không đạt được kết quả mong đợi, và ông buộc phải thú nhận, “có thể đã có một lỗi nào đó ví như người ta đã không lật chúng lên một cách cẩn thận, hoặc cát không rơi qua được”. Có thể cảm nhận rõ lời cầu nhàu của ông về tình thế bế tắc. Rõ ràng là trí tưởng tượng và bản năng của ông vẫn chính xác hơn và có ảnh hưởng sâu rộng hơn là sự vụng về của ông trong việc xử lý những dụng cụ bị lỗi.

Hôm sau, ông rời Puerto de la Concepción – nay là vịnh Moustique, Haiti – và tiến về một đảo núi lởm chởm dốc đứng, khiến thủy thủ đoàn nhớ đến cái lưng của một con rùa, vì vậy nó được gọi là đảo Rùa hay Tortoise, và nổi tiếng nhất với cái tên Tây Ban Nha là Tortuga. Ông ngắm nhìn “một vùng đất rất cao nhưng không phải núi, nó rất đẹp và đông dân cư”. Ông quyết định thử đến Tortuga lần nữa vào hôm sau, ngày 15 tháng 12, lần này thì thả neo “cách nửa hải lý ở phía khuất gió ngoài khơi một bãi biển, đáy bằng phẳng để neo đậu”.

Columbus để lại nhiều lời bóng gió rằng ông đang trở nên u sầu và bị mất phương hướng nơi thiên đường. Ông đã đến, và ông vẫn bị lạc lối. Ông khao khát tìm được vàng mà ông đã hứa với các vị Quân chủ của mình và với bản thân, hơn thế nữa là một cảm giác lớn hơn về mục đích. Trong nhật ký của ông phảng phất cảm nhận về chuyện đến tận bây giờ ông vẫn thất bại trong việc gặp được Đại Hãn hay những người cai trị đầy quyền lực và hùng mạnh khác, mục đích cho chuyến hải trình đầy tham vọng của ông chưa thực hiện được. Ông đã chứng kiến những gì từng xảy ra với Bartolomeu Dias, nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha, trên đường ông ta từ mũi Hảo Vọng quay về Lisbon bốn năm trước. Dias đã mất hai năm vật lộn và giành giật để đạt được mục đích này, mạo hiểm sinh mạng của mình và cả thủy thủ đoàn, chỉ để nhận được sự lãnh đạm từ ông vua phù phiếm và thất thường của Bồ Đào Nha. Hai năm sau, vào năm 1490, vẫn cố gắng nhằm chiếm được sự sủng ái từ ông vua của mình và sự vinh danh vẻ vang, Dias đã lên đường trong một chuyến thám hiểm mới và bỏ mạng.

Sự nghiệp đầy bi kịch của nhà hàng hải quý tộc này nổi lên như một lời cảnh báo, điều mà Columbus không định lặp lại nơi thiên đường màu mỡ ông đã khám phá ra. Tâm trí ông đòi hỏi một số phận vĩ đại hơn thế.

CHƯƠNG 2



NGƯỜI CON CỦA GENOA

Bất kể ông đi đâu, hay trở thành người thế nào, Columbus vẫn là người con của xứ Genoa, của bến cảng Liguriaⁱ nơi mà việc dũng cảm thám hiểm biển khơi là một phong cách sống.

Vào năm 1291, anh em nhà Vivaldi xứ Genoa – Ugolino và Vadino, tập hợp người cho một chuyến vượt biển tới Ấn Độ, được lên kế hoạch cẩn thận và có sự chu cấp tài chính đầy đủ. Dựa vào một ý tưởng bị đơn giản hóa quá mức về địa lý và kích thước Trái đất, họ tin rằng mình có thể đến đích bằng cách đi về phía tây, hoặc có thể bằng cách đi vòng qua châu Phi. Họ có những tấm bản đồ và hải đồ các cảng, cho thấy đường bờ biển chi tiết, và họ đi bằng những chiếc thuyền galleyⁱⁱ giống như loại thuyền được các thủy thủ người Genoa sử dụng từ những năm 1270. Nếu họ đến được đích, lịch sử chắc hẳn sẽ kỷ niệm Ngày Vivaldi chứ không phải Ngày Columbus. Nhưng đám thuyền galley ị ạch của hai anh em cho thấy chúng không phù hợp với những cơn sóng biển cao, và đội thuyền dũng cảm biến mất không một dấu vết.

Vào năm 1336, Lanzarotto Malocello đi theo con đường của mình tới quần đảo Canary, đặt tên Lanzarote cho một trong những đảo đó.

i. Khu vực miền biển nằm ở phía tây bắc nước Ý ngày nay.

ii. Loại thuyền sàn thấp, chạy bằng buồm và một hàng mái chèo ở mỗi bên thân thuyền, thường do nô lệ hoặc tù nhân chèo.

Chỉ năm năm sau, Nicoloso da Recco đã đến được quần đảo Azores. Những chuyến thám hiểm bằng đường biển đầy tham vọng hơn bao giờ hết trở thành điều không tránh khỏi. Nhiều thủy thủ dũng cảm người Genoa thành lập các nhóm hợp tác với vương quốc Bồ Đào Nha, và vào năm 1317, một người Genoa trở thành người đứng đầu hạm đội hải quân mới xuất hiện của Bồ Đào Nha. Bệnh dịch hạch và sự bất ổn chính trị làm chậm lại nhưng không dừng hẳn bước tiến khám phá. Cho tới năm 1441, khi António de Noli đến được quần đảo mũi Verde, ý tưởng tìm thêm các đảo luôn vẫy gọi trên khắp Đại Tây Dương về phía nam và phía tây trở thành một lực hấp dẫn đối với Columbus và các nhà hàng hải tham vọng người Ý khác.

Những sự kiện bi thảm ngoài biển tạo nên một phần quan trọng trong nền văn hóa của Genoa và của khu vực Liguria quanh đó, là bối cảnh cho một số nơi định cư cổ xưa nhất của con người ở châu Âu. Vùng bờ biển dốc và lởm chởm đá của Liguria mang lại đất đai giàu có và màu mỡ, nhưng diện tích hạn chế. Lượng đất trồng trọt khiêm tốn buộc nông dân phải tạo nên những dải đất hẹp ăn vào sườn núi. Loại cây trồng đáng tin cậy nhất là giống nho Savona, được trồng ở phía tây Genoa. Những hạn chế này buộc người Liguria phải hướng ra biển để tìm kiếm sinh kế và sự sống còn. Rơi vào hoàn cảnh bắt buộc, thủy thủ và hoa tiêu, người chèo thuyền và dựng cột buồm xứ Liguria hiện lên như những người Ý giỏi nhất và dũng cảm nhất, hay có lẽ là những kẻ liều mạng nhất. Một câu thành ngữ Liguria cảnh báo, “*O mare o l'é male*”: Biển cả là quỷ dữ.

Tuy nhiên, đó lại là một con quỷ cần thiết.

Suốt dọc chiều dài của nó, khu vực được biết đến dưới tên gọi Liguria Riviera có các cảng tự nhiên và nhân tạo cho những thủy thủ mạo hiểm ra khơi vì sinh kế. Cảng Genoa khá rộng rãi, bao trùm lên tất cả, nhô ra một đoạn nửa vòng tròn từ những ngọn đồi của Sarzana, với điểm nhấn là bến tàu. Những con tàu tìm kiếm *mandraccio*, hay

nơi trú ẩn, trong bến cảng. “Hải cảng ôm xung quanh thành một hình vòng cung, không cho những cơn giận dữ của biển phá hủy tàu bè, được con đê chắn sóng bảo vệ mà nghe đâu nếu có làm nó bằng bạc thì cũng chỉ tốn kém hơn chút ít”, Enea Silvio Piccolomini (sau này là Giáo hoàng Pius II) đã viết về bến cảng quê hương của Columbus vào năm 1423.

Đây là nơi Columbus đã ra đời vào năm 1451. Những câu hỏi và giả thuyết khác nhau về xuất thân của Columbus từ lâu đã cung cấp những địa điểm rất khác nhau về nơi ông sinh ra và lớn lên như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, và Bắc Phi, nhưng các bằng chứng, gồm 453 tài liệu có tính pháp lý và thương mại, một cách áp đảo đã đặt ông vào Genoa, là con trai của Domenico Columbus, một thợ dệt, chủ quán rượu, và là một chính khách địa phương.

Bartolome de Las Casasⁱ, sau này là một nhà phê bình tàn nhẫn về nhà thám hiểm, đơn giản tuyên bố là “Christopher được thừa nhận ở mọi nơi rằng ông ấy sinh ra là người Genoa”. Các câu chuyện về tổ tiên của ông khẳng định rằng “tổ tiên ông ấy là những người có địa vị và đã từng giàu có”, như thể để giả định rằng Columbus tìm cách phục hồi vị thế dòng họ, những người “có vẻ như đã làm hao tổn gia tài của họ qua các cuộc chiến và tranh chấp tương tàn diễn ra liên miên trong suốt lịch sử của Lombardy”, khu vực chi phối ở phía bắc nước Ý.

Liên quan đến cái tên Columbus, Las Casas mô tả rằng ở thời xa xưa, tên đó là “Colonus”, nhưng ông “đã quyết định tự gọi mình là Colón”, một sự thay đổi mà Las Casas gán cho là “ý Chúa, người đã lựa chọn ông ấy để thực hiện nhiệm vụ được trao dưới cái tên Christopher Colón”. Theo sự diễn giải chủ quan của Las Casas về cái tên này, “ông ấy được gọi là Christopher, nghĩa là, *Christum ferens*, tiếng La-tinh nghĩa là người mang cây thánh giá”.

i. (1484-1566), nhà lịch sử, cải cách xã hội và thầy dòng Dominica người Tây Ban Nha.

Columbus có thói quen ký tên một cách bay bướm để nhấn mạnh danh tiếng của mình như một người đàn ông “đáng giá hơn người khác vì đã mang nhiều người vốn chìm trong sự lãng quên qua nhiều thế kỷ đến với tri thức và sự thờ phụng Chúa”. Las Casas giải thích rằng Colón có nghĩa là “người mới định cư”, điều mà ông ta đánh giá là “danh hiệu thích hợp dành cho một người mà nghề nghiệp và nỗ lực của mình dẫn tới việc khám phá ra bao linh hồn”.

Một Columbus vào lúc trưởng thành đã xuất hiện trong những ghi chép của Genoa vào tháng 10 năm 1470 liên quan đến một vụ chuyển nhượng thương mại. “Sáng danh Chúa”, tài liệu bắt đầu, “Christopher Columbus, con trai của Domenico, hơn 19 tuổi, với sự có mặt của Domenico cha mình, được sự ủy quyền, tư vấn, và đồng ý của người cha... đã công nhận một sự thật công khai, rằng anh ta đưa và trả cho Pietro Belesio xứ Porto Maurizio, con trai của Francesco, người cũng có mặt ở đây, 48 lira, 13 soldo và 6 denari di genovini,ⁱ số tiền này để thanh toán cho phần còn nợ vì mua bán rượu được Pietro ký gửi cho Christopher và Domenico”. Domenico đảm bảo rằng con trai mình thực hiện nghĩa vụ dưới sự có mặt của một số nhân chứng, bao gồm cả Raffaele xứ Bisagno, một thợ làm bánh.

Công việc của Domenico với tư cách một người thợ dệt và chải len cho bạn bè mình ở Genoa cho thấy, căn cứ vào uy tín của nghề len, ông ta có xuất hiện trong giới thương mại của Genoa. Thợ dệt len duy trì phường hội của riêng họ. Không chỉ là một nghiệp đoàn, phường hội còn đem lại cho thành viên của nó một lối sống. Vào thời thơ ấu của Columbus ở La Superba, theo cách Genoa tự gọi, phường hội đó có hơn 80 thành viên. Nó giải quyết những bất đồng trong buôn bán, đại diện cho các thành viên trước tổng trấn, thu xếp những bài kiểm tra cho người muốn tham gia, và tổ chức đám cưới đám ma cho các thành

i. Các đơn vị tiền tệ trước kia của Ý.

viên, bao gồm cả những món quà và những nghi lễ tôn giáo có tính đặc thù riêng.

Phường hội dạy dỗ con cái của các thành viên, và dưới sự bảo hộ của nó mà Christopher được học số học, địa lý, và hàng hải. Các trường học đưa ra hai chương trình. Những ai học cả tiếng La-tinh trả 10 soldo cho đặc quyền này; còn những học sinh khác trả 5 soldo. Tiếng La-tinh được sử dụng cho các văn bản, các bài báo khoa học, và các phát ngôn chính thức khác; trong những trường hợp còn lại, thường được dùng hơn là thổ ngữ Genoa với biến tố ngọt ngào của tiếng Pháp. “*Son zeneize, rizo ræo, strenzo i denti e parlo ciæo*” là một thành ngữ phổ biến của khu vực. “Tôi là người Genoa, tôi ít khi cười, tôi nghiền răng, và tôi nói điều tôi định nói”: các thái độ đã cô đọng lại trong Columbus. Khi rời Genoa, ông biết ít nhất hai thứ tiếng, tiếng Genoa và tiếng La-tinh, rồi sau đó ông học được tiếng Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.

Mẹ Columbus, Susanna Fontanarossa, thuộc về một gia đình phát đạt sở hữu nhiều đất đai ở Quezzi, một ngôi làng trong thung lũng Bisagno, gần Genoa. Cha bà ta là Jacobi di Fontanarubea, thường được biết đến là Giacomo Fontanarossa. Susanna là một cái tên phổ biến trong khu vực, và gắn liền với nhà thờ Santa Susanna ở Rome. Bà ta sinh khoảng năm 1425, và khi kết hôn bà ta đã mang lại của hồi môn bao gồm một căn nhà và mảnh đất, cả hai sau đó đều đã được bán. Bà ta và chồng mình là Domenico, cha của Columbus, sinh ít nhất năm người con: Giovanni Pelegrino, Bartholomew, Diego, Bianchinetta, và một người con sau này được gọi tên là Christopher Columbus. Bà ta mất khoảng năm 1480, nhìn chung ít được thế giới biết đến, dù bà ta có ảnh hưởng lớn với mấy đứa con của mình.

Buôn bán đường biển đóng vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại của Genoa, và chính quyền địa phương quản lý việc này rất cẩn thận. Giữ vị trí quan trọng nhất trong bộ máy điều hành gồm: Văn phòng Biển

có quyền đưa ra quyết định cuối cùng về cảng và bờ biển, Văn phòng Cộng đồng quản lý các vũng tàu và cầu tàu, cũng như việc sơ tán bến cảng cần thiết cho sự an toàn của tàu bè. Không kém phần quan trọng là Văn phòng Sức khỏe, làm việc tích cực để ngăn ngừa việc các con tàu khi trở về mang theo dịch hạch và những căn bệnh tương tự. Không một ai trên con tàu đang cập cảng được phép đặt chân lên đất liền khi chưa có giấy phép, và để có được nó thì phải trả một khoản phí cho đại diện của Văn phòng Sức khỏe đặt tại cầu Spinola của Genoa. Nếu thủy thủ đoàn có khả năng đã bị phơi nhiễm với dịch hạch trong chuyến đi, họ sẽ bị cách ly nghiêm ngặt. Người ăn xin nếu bị bắt được sẽ bị phạt ba roi, và người hủi bị cấm vào thành phố, cũng không ai được phép cho họ ăn hay ở. Bất kể những quy định này, dịch hạch vẫn là vị khách thường xuyên và gây nên nỗi kinh hoàng ở Genoa, tệ hơn vào mùa hè, giảm nhẹ vào mùa đông. Để tự bảo vệ, các hộ gia đình đốt quần áo và những vật dụng khác mà bị cho là đã lây nhiễm.

Giới chức Genoa còn vươn ra khỏi lối vào cảng, theo dõi những con tàu khi chúng đi và đến các địa điểm trong toàn bộ khu vực Địa Trung Hải. Tàu đi từ Genoa thường được theo dõi bởi những người lính gác ở Lanterna và những người lính gác khác đóng dọc theo bờ biển. Nếu họ phát hiện thấy một sự việc bất thường – một con tàu nhìn có vẻ nguy hiểm hay một vụ tai nạn ngoài biển – họ sẽ thông báo những nghi ngờ của mình đến Lanterna bằng tín hiệu khói nếu đó là ban ngày hay bằng ngọn lửa nếu đó là ban đêm.

Vào năm 1490, những tín hiệu khói đã báo động cho Genoa trước một cuộc tấn công của cướp biển từ Nice. Thành phố tổ chức một cuộc trả thù cấp tốc, tóm cổ lũ xâm chiếm một cách bất ngờ, giải phóng người của mình, đóng góp thêm vào danh tiếng hung dữ của thành bang. Genoa trừng phạt kẻ thù và tự chăm lo cho chính nó. Nó đặt lãnh sự ở các thành phố chiến lược quan trọng, và các nơi này đều đặn trao đổi thông qua thư tín chuyển theo đường tàu biển, còn khi khẩn cấp

thì bằng tín hiệu khói. Mạng lưới thông minh này đem lại cho Genoa lợi thế về quân sự và chiến lược hơn các đối thủ. Các đối thủ tỏ thái độ bức bối và sự bất bình bằng những cuộc trả thù bất cứ khi nào có thể, bằng việc bắt giữ thuyền galley của người Genoa và bỏ tù tất cả những người trên thuyền. (Marco Polo xứ Venice tuy là một trong hàng ngàn kẻ thù của Cộng hòa Genoa, nhưng đã phải hứng chịu chính cách đối xử này.) Genoa đáp trả các mối đe dọa tăng lên bằng cách ra lệnh cho những chiếc thuyền đi thành từng đoàn, trang bị vũ khí đầy đủ, và sẵn sàng đáp trả sự tấn công. Cướp biển Genoa nổi tiếng về sự tàn ác cũng như việc buôn bán nô lệ. Họ thường xuyên đánh nhau với người Catalan và người Pháp, những người mà đã từ từ dùng vũ lực và hôn nhân chiếm Cộng hòa Genoa. Dần dần nước cộng hòa mất đi ảnh hưởng của nó, và những cường quốc lớn hơn, mới mẻ hơn xuất hiện. Gia vị, đặc biệt là hạt tiêu, và đá quý, trước kia được chở bằng thuyền đến Genoa, giờ đi đến Lisbon và sau đó là Madrid do trung tâm thương mại đã chuyển từ vùng Địa Trung Hải sang bán đảo Iberia. Trong vũ trụ đang bị thu hẹp của nó, Genoa chú trọng việc buôn bán với những bến cảng của Bắc Phi, điều có thể mang lại lợi nhuận vô cùng lớn cũng như những nguy hiểm khôn cùng, và chú trọng việc trao đổi ngoại tệ, một vũ đài nơi giới chủ ngân hàng được biết đến như những người giao dịch mau lẹ và cứng rắn.

Christopher Columbus sinh ra và lớn lên chính trong thời kỳ lộn xộn đó.

Vào năm Christopher Columbus được sinh ra, 1451, Tây Âu đang dần dần phát triển, tràn đầy cảm hứng bởi những tư tưởng và nghệ thuật lan truyền từ Ý, nhưng Genoa thì chìm trong các làn sóng bất ổn chính trị. Hai năm sau, thành phố bị giáng một đòn thương mại với sự sụp đổ của Constantinople, kéo theo là sự sụt giảm dần đều về thương mại ở Địa Trung Hải. Trong những năm đầu đời của Columbus, vận may của người Pháp hồi phục, và năm 1458 khi Christopher 7 tuổi,

viên tổng trấn Genoa đã nhượng lại Genoa cho Vua Charles VII của Pháp, thu về một gia tài cá nhân từ việc bán vương quốc của mình cho kẻ thù. Sự chuyển hướng của một loạt các sự kiện đầy ô nhục này xảy ra vì những bè phái đối kháng người Genoa đã muốn mời một lực lượng ngoại bang – người Pháp – cai trị hơn là nhóm nào khác. Đã có lần, hòa bình có vẻ sắp đến với Genoa.

Sau chiến thắng này, điều đã có thể đã dẫn tới sự hòa hợp chính trị, hai phe phái chính của Genoa là Fregoso và Adorno lại tiếp tục đánh nhau. Có những cuộc nổi loạn, mưu sát, và những cuộc xung đột dân sự tự ăn thịt mình và bị thổi rửa ngay trên bậu cửa nhà Columbus.

Vào mùa thu năm 1459, khi Columbus sắp 8 tuổi, cậu sống cách Porta di Sant'Andrea của Genoa khoảng gần 50m, nơi từng xảy ra một vụ xung đột bạo lực. Vào thời điểm đó, Tổng trấn Pietro Fregoso, sau khi đã thua liên tiếp trong những trận đánh với người Pháp, và sau đó bị những đối thủ nhà Adorno hạ thấp, thấy mình bị dồn vào tường thành, chỉ còn ba hiệp sĩ bảo vệ, là tàn tích của một đội quân đã từng bất khả chiến bại. Trong lúc phi nước đại từ cổng thành này sang cổng thành khác tìm lối thoát, ông ta chạm trán những kẻ truy đuổi. Một trong số đó là Giovanni Cosa, người đã đuổi kịp và nện vào đầu ông hai lần bằng cây chùy sắt chết người. Tổng trấn Pietro thoát được vụ tấn công này chỉ để đối mặt với một cơn mưa đá tảng từ trên các mái nhà ném xuống. Không thể thoát khỏi thành phố, người đứng đầu bị thương đã lao đảo phi về cung điện của mình, nơi ông ta ngã xuống và chết sau đó ít giờ. Không lâu sau, thi thể ông ta bị vứt ra ngoài phố, nơi những kẻ thù chính trị đã tụ tập để phanh nó ra thành nhiều mảnh. Trong lúc đó, quân đội của ông ta cùng với người em của ông ta là Massimo cũng cố gắng chạy trốn, chỉ để gặp phải sự hành hình khiếp đảm tương tự.

Cách chỗ Tổng trấn Pietro bị phanh thây gần 100m là nơi gia đình Columbus sống, ở Vico Dritto di Ponticello, trong một ngôi nhà

của Domenico. Có thể cậu bé nhỏ tuổi đã chứng kiến sự kiện kinh hoàng – ném đá, phanh thây – và nghe thấy tiếng hú hét của những kẻ chiến thắng khát máu. Và nếu cậu ý thức được về cơn giận dữ đó, cậu sẽ có lý do để sợ đến chết, bởi Domenico, bố cậu, liên minh với phe Fregoso và vận may của ông ta cũng ra đi cùng với họ.

Sau đó, một giải pháp cho sự tranh chấp tương tàn hé lộ.

Người cai trị Milan, Francesco Sforza, với sự giúp đỡ của những công dân Genoa, những người đã phát ốm vì các cuộc chiến chính trị cốt nhục tương tàn, đặc cử vị trí thị trưởng thành phố năm 1463. So với những xung đột không ngừng xảy ra trước đó, chế độ của Sforza là một thành công lớn, một khoảng thời gian khá yên bình và thịnh vượng. Nhưng phái Sforza không mấy coi trọng đặc điểm nổi bật của Genoa: thương mại đường biển. Bị xao lãng, ngành hàng hải của Genoa tàn lụi dần, những thuộc địa ít ỏi mà thành phố từng có đã bị mất đi; đế chế Genoa, luôn thiếu quả quyết và mong manh, bị thu hẹp lại đến mức Corsicaⁱ cũng vượt qua nó. Viễn cảnh cho các nhà hàng hải và thám hiểm tham vọng như Christopher Columbus đã tan biến.

Lớn lên như một kẻ lạc loài tại chính thành phố quê hương và quen với biển khơi từ khi còn rất nhỏ, Columbus dành toàn bộ thời gian còn lại trong đời mình để vật lộn khôi phục đế chế đã mất này. Cuộc tìm kiếm lúc đầu mang tính cá nhân, rồi chuyển sang mang tính chính trị, và đã đưa Columbus đi xa hơn ông nghĩ, vượt ra ngoài nước Ý và châu Âu, ra khỏi Địa Trung Hải, Anh và Iceland, ra khỏi quần đảo Canary, đi tới tận Tân Thế giới. Chỉ có một cuộc tìm kiếm sử thi mới có thể sánh với tham vọng của ông; những gì kém hơn đều không đủ để so sánh. Điều bắt đầu như một sự khôi phục sẽ kết thúc như một sự khám phá.

i. Corsica là tên gọi một hòn đảo ở khu vực Địa Trung Hải trong tiếng Ý, tên tiếng Pháp là Corse, nằm về phía tây của Ý.

Thời tuổi trẻ của Columbus, Genoa chìm trong những cơn vật lộn của sự chuyển biến nhanh chóng. Cửa hàng, nhà kho, chuồng ngựa, và chợ búa chồng chất lên nhau trong sự hỗn độn ồn ào và hồi hám. Những ngôi nhà gỗ đặc trưng của thời trung cổ nhường chỗ cho những ngôi nhà xây bằng đá với nền lát gạch, những chiếc lò sưởi lớn, và những lô gia trải dài theo các con phố hẹp đầy gió được gọi là *carrugi*. Những ngôi nhà mới hơn ấy có phòng tắm với bồn tắm, bồn rửa mặt, thùng chứa nước, và xà phòng trong chiếc hộp màu ngà đến từ Savona. Vào thời Columbus, thủy thủ trên các con tàu trong *mandraccio*ⁱ thường ngược về phía tây nhìn chăm chăm những tòa nhà bằng đá xám ảm đạm với điểm nhấn là các tháp màu nâu đỏ và tường có lỗ châu mai gây chóng mặt.

Đó là một trong những thành phố lớn nhất ở Tây Âu, với dân số khoảng 75.000 người, tương đương London, Paris, hoặc Venice. Vào thời kỳ thịnh vượng, cảng đầy thuyền bè cùng lũ khách ở những điểm đến phổ biến nhất của Genoa mà ngay lập tức có thể nhận ra họ qua cách ăn mặc và thổ ngữ. Người Lombardⁱⁱ khác người Tuscanⁱⁱⁱ và người Levant^{iv} ở chiếc quần ống túm phồng lên. Người Thổ Nhĩ Kỳ với khăn xếp đội trên đầu đi thành từng nhóm nhỏ, giống như người Hy Lạp, có thể nhận ra họ từ chiếc áo váy trắng cộc xếp ly được gọi là *fustanella*. Có thể dễ dàng nhận ra người Catalan với chiếc mũ *barretina* đỏ mà họ đội trên đầu; người Sardinian mặc quần ống túm màu đen, đội mũ trùm đầu và áo trắng rộng, nên dễ dàng nổi bật.

Bắt đầu từ năm 1439, quần áo người Genoa mặc được Văn phòng Đạo đức quy định nghiêm ngặt. Văn phòng thi hành một loạt

i. Vững đậu dành cho tàu nhỏ.

ii. Một bộ tộc người German.

iii. Một địa danh của Ý.

iv. Khu vực ngày nay tập trung quanh Syria, Palestine, và Jordan.

luật lệ điều chỉnh việc chi tiêu để chấn chỉnh đạo đức bằng cách hạn chế đồ xa xỉ và dư thừa, cũng như nạn mai dâm. Những luật lệ này hạn chế lượng tiền mà người Genoa có thể chi cho các món hàng xa xỉ, và kể cả đám cưới cũng hạn chế trong 50 khách. Chúng cũng quy định các ngày mà gái điếm, một mặt hàng chủ lực trong đời sống về đêm của Genoa, có thể đi rong ngoài đường phố. Chúng tính thời gian của gái điếm với khách hàng theo nửa tiếng, được đánh dấu bằng một ngọn nến bập bùng. “Cô gái với một ngọn nến”, như cách gái điếm được gọi, bị cấm vào nghĩa địa hay đến gần nhà thờ, và phải đeo huy hiệu mang dấu hiệu nghề nghiệp của mình. Nếu bị bắt được ở ngoài khu vực được phép, họ sẽ bị trừng phạt bằng cách cắt mũi và sinh kế của họ cũng tiêu tan.

Vẫn là Văn phòng Đạo đức điều hành các vấn đề về trang phục và gái điếm đó còn điều hành những giao dịch hôn nhân. Tình ái hiếm khi có mặt trong trao đổi. Phụ nữ đã kết hôn phải chăm lo nhà cửa; họ được cho là cũng ử rữ như chồng mình vậy. Chỉ cần có một nửa cơ hội, người Genoa có thể là những người vung tay quá trán, đặc biệt là về đám cưới, nhưng cuối cùng những quy định và luật lệ đã thắng thế cho đến tận các tiểu tiết.

Luật lệ hạn chế chi tiêu quy định rằng đàn ông phải mặc quần áo màu xám đứng đắn. Màu đỏ và tím không được cho phép. Giá trị của đồ trang sức và váy áo mà phụ nữ sở hữu bị hạn chế nghiêm ngặt, nếu vượt quá giới hạn cho phép thì người sở hữu sẽ bị phạt. Hình phạt cũng mở rộng tới hành vi cá nhân. Phụ nữ ngoại tình bị phạt 30 lira và nếu không trả được cô ta sẽ bị chặt đầu. Người chồng đuổi vợ ra đường để có chỗ cho tình nhân của mình bị phạt 25 lira. Hôn nhân diễn ra khi người phụ nữ – thực ra là thiếu nữ – tròn 15 tuổi, cuộc mặc cả được xác lập bằng một cái bắt tay, không có mặt cô dâu, chỉ có đại diện gia đình, công chứng viên, và người làm mối. Ở Genoa, một vụ giao dịch là thương lượng mua bán, dù là vì tình yêu hay vì tiền.

Tình trạng nô lệ gắn chặt với cấu trúc của nền kinh tế Genoa, đặc biệt việc buôn bán trẻ em gái mới 13 hay 14 tuổi. Mỗi gia đình Genoa, kể cả gia đình bình thường nhất, đều có một hay hai nữ nô lệ. Mặc dù Ki-tô giáo cấm tình trạng nô lệ, nhưng một ngoại lệ lại được tạo ra đối với những nô lệ không phải người Ki-tô giáo; họ là người Nga, Ả-rập, Mông Cổ, Bulgaria, Bosnia, Albania, và Trung Hoa. Những kẻ buôn bán nô lệ và cướp biển thường xuyên bán họ vào Genoa; đôi lúc mạng lưới rộng lớn của chúng còn có cả các cô gái Ki-tô giáo mà chúng bắt cóc được và sẽ cho chuộc với giá cao. Những vụ chuyển nhượng là chính thức, được lập chứng thư và công chứng. Phần lớn nô lệ được mua bán “trong tình trạng hiện có”. Nếu những nô lệ từng được đảm bảo về mặt sức khỏe lại phát bệnh động kinh hay các vấn đề sức khỏe khác, người chủ sẽ yêu cầu hủy hợp đồng. Một số người mua thận trọng thì giữ cô gái họ chọn trong một thời gian thử thách để xem liệu cô ta có còn phù hợp và thích nghi được với cuộc sống nô lệ ở Genoa hay không. Một khi được người chủ ở Genoa mua, các cô gái trở thành tài sản đơn thuần, phải đáp ứng nhu cầu tình dục của ông chủ cũng như của bạn bè ông ta. Những nhà buôn mà có khả năng nuôi được một nàng hầu, và ở thành phố thịnh vượng này thì nhiều người có khả năng đó, sẽ giữ nàng hầu trong một ngôi nhà tách biệt với gia đình. Người chủ của ngôi nhà xác định những điều khoản về sự sắp xếp với phòng công chứng địa phương, đặc biệt khi liên quan đến các vấn đề nhạy cảm như quyền thừa kế đối với trẻ em sinh ra ngoài giá thú.

Không phải mọi nô lệ đều ngoan ngoãn, và đôi lúc có người cố gắng bỏ trốn, hay thậm chí đầu độc ông chủ. Nếu bị bắt, cô ta sẽ bị tra tấn kéo dài cho đến khi thú nhận tội lỗi, và thêm vào đó, nhận tội làm phù thủy và theo dị giáo. Khi đó cô ta bị buộc phải chịu “sự sám hối trên lửa”, nghĩa là bị thiêu sống. Những vi phạm ít nghiêm trọng hơn của nô lệ thì thường bị phạt roi ở nơi riêng biệt. Đây là tình trạng nô lệ mà Christopher Columbus quen thuộc.

Giới nhà buôn tụ tập quanh Piazza Banchi, trung tâm buôn bán của Genoa, rải rác ở đó là các *scagni*, hay quầy hàng, của những chủ ngân hàng, người đổi tiền, và người cho vay; họ thực hiện việc buôn bán với khách hàng tại quầy bằng cách dùng một chiếc cân để cân vàng và bạc. Những con la với các kiện hàng to chất đầy trên lưng lê bước qua những con phố hẹp đầy gió. Một số con mang mấy chiếc bao tải dệt bằng sợi đay – gọi là *zerbini* – cả hai bên hông, tương tự như túi yên ngựa, đi lại giữa những ngôi nhà cao đến không tưởng, cái bóng đơn điệu của chúng thỉnh thoảng lại bị phá vỡ bởi ánh nắng đổ xuống một khu vườn hay nhà tắm nắng trang trí đầy hoa. Khi trời nóng hay lạnh, các đường phố tù túng tỏa ra một mùi hôi, trộn lẫn với mùi phân, gia vị, hắc ín sử dụng trong việc sửa những con tàu bị rò rỉ, và dầu mỡ mà thợ thuộc da dùng để bảo quản và làm mềm mấy tấm da cứng. Trong cái mùi nồng nặc ấy, các *bastagi*, hay người khuân vác, dỡ hàng hóa trên lưng lừa xuống, chất lên tàu hoặc ngược lại. Tiếng huyên náo của họ dội vào những vách đá của Genoa, một hỗn hợp âm thanh được tạo ra từ tiếng búa nện xuống thỏi sắt nóng trên đe, tiếng đập nhẹ hơn của cái vỏ xuống đai thùng, những tiếng ra lệnh inh tai cho thủy thủ của các con tàu, và tiếng thủy thủ reo hò lúc họ thả hay kéo dây chèo. Người bán rong hát những bài tụng ca của họ về cá, quần áo, hoa quả, bất cứ thứ gì mà họ hy vọng biến thành tiền, và đằng sau họ, các ông chủ cửa hàng kiên nhẫn chờ đợi khách hàng đi biển. Những phường hội của thợ làm buồm, thợ xảm tàu, thợ đóng thùng, thợ mộc, thợ làm đèn, thợ hàn neo và súng thần công, rồi những ngành khác gắn liền với ngành đóng và bảo dưỡng tàu tụ tập xung quanh các xưởng đóng tàu.

Tâm trí và trái tim của thành phố, giống như nền kinh tế, đều tập trung vào biển cả. “Người Genoa, cùng với việc yêu thương gia đình hơn cả bản thân, thì luôn sẵn sàng bỏ lại gia đình ở phía sau để vượt biển tới những đất nước xa lạ”, được viết bởi nhà nghiên cứu lịch sử người Genoa – Emilio Pandiani. “Trên hết anh ta là một nhà buôn và một nhà hàng hải.”

Nơi bến cảng chật hẹp, tàu bè, tâm điểm của niềm tự hào và sự điên cuồng trong thương mại của Genoa, chen chúc tìm chỗ đậu và sự chú ý. Chúng chủ yếu là những chiếc galley truyền thống, được nhận ra bởi hai hàng chèo ở hai bên, mỗi hàng do năm hay sáu người điều khiển. Nếu không có gió, khoảng 100 người chèo thuyền sẽ sẵn sàng dưới sự điều hành của hoa tiêu, hay *comito*. Khi cần, họ tụ tập trên boong với những tấm áo giáp dài che hết cơ thể gắn các phù hiệu lấp lánh, tạo thành một tấm khiên chắn bằng người chống lại sự tấn công. Những người khác mang cung cùng các mũi tên và máy phóng để bắn “thuốc hỏa công” – có lẽ là dầu hỏa đang cháy – cùng với thiết bị để móc và nhảy sang tấn công tàu khác khi giao tranh. Ở đằng trước, gần mũi tàu, các cỗ máy chiến tranh kiểu như máy bắn đá luôn sẵn sàng. Đây là những súng bắn khổng lồ có khả năng tấn công kẻ thù với một loạt thứ gây chết người, bao gồm đá và bom lửa.

Những chiếc galley dài tới hơn 30m với chiều rộng có thể lên tới hơn 3,5 tới 4,5m. Sống và sàn tàu thường được làm từ gỗ sồi. Chúng có hai cột buồm mảnh và cao gần 23m, mỗi cột đều có những lá buồm hình tam giác. Nghe đâu lá buồm La-tinh đặc biệt, dễ điều khiển này có nguồn gốc từ những con thuyền La Mã hồi thế kỷ thứ 3, mặc dù đã từ lâu chúng gắn với thủy thủ Ả-rập, đặc biệt là lũ cướp biển hay tấn công mấy vùng bờ biển yếu ở châu Âu hay châu Phi. Những dạng galley chính quen thuộc với Columbus là dạng hẹp, dễ điều khiển, được gọi là *zenzil*, và dạng galley lai căng, được phân biệt bằng phần đuôi tròn và rộng hơn. Dạng đầu thường được dùng trong đánh nhau còn dạng sau trong vận chuyển và buôn bán.

Nhân sự gồm có thuyền trưởng hay *patrono*, hoa tiêu, thư ký tàu, thợ sửa súng hay *insegnator*, thợ mộc và thợ xảm để bảo dưỡng tàu, thợ cắt tóc kiêm bác sĩ phẫu thuật, người trông thùng để nhắc nhở về dự trữ nước ngọt quý báu, người chạy bàn và nhiều người hầu khác, đầu bếp, 20 thủy thủ thạo mọi việc, người thạo về vũ khí, và một số cậu bé

học việc trên tàu. Thời trẻ của Columbus, phần lớn người chèo thuyền là người tự do, về sau họ được thay bằng nô lệ hay tù nhân bị buộc lao động khổ sai. Dưới chế độ hà khắc này, nô lệ chèo thuyền bị xích vào ghế chèo và bị hành hạ bởi đòn roi nhức nhối của người trông coi giữa tiếng còi vang lên đánh dấu thời gian. Các nhà hàng hải Genoa như Columbus đã học cái nghề cực nhọc của mình trên những con thuyền như vậy.

Là một thủy thủ học việc, Columbus nhiều khả năng đã tham gia vào các chuyến thám hiểm trên biển dọc theo vùng Liguria Riviera, đến tận phía tây của vùng biển lấp lánh màu xanh cô-ban Địa Trung Hải như Nice, về phía đông đến thị trấn Porto Venere ở tỉnh La Spezia, và về phía nam đến Corsica, đảo lớn thứ tư ở Địa Trung Hải và là một thuộc địa có giá trị của Genoa.

Sau đó ông ra khơi hàng ngàn dặm đến đảo Chios của Hy Lạp ở biển Aegean. Dù khoảng cách từ Liguria đến đó rất xa xôi, nhưng đảo Chios vẫn nằm dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của người Genoa. Dù chỉ bằng một phần mười dân số địa phương, nhưng những kẻ xâm lược thương mại duy trì ảnh hưởng của mình bằng cách cho phép cư dân được tự do tôn giáo trong khi khai thác tiềm năng kinh tế của đảo thông qua một tổ chức tài chính gọi là *maona*, dưới sự quản lý của một quan chức hành chính hay *podestà*, được Genoa chỉ định. Với hệ thống này, người Genoa thành lập các điểm buôn bán và cửa hàng để buôn bán những mặt hàng đem lại nhiều lợi nhuận như muối và hắc ín. Họ cũng buôn bán “nước mắt Chios”, loại nhựa màu trắng ngà, hay còn gọi là nhựa mát-tít, được chiết xuất từ cây nhũ hương (*Pistacia lentiscus*) – mọc trên sườn đồi. (Với vị khói và có tính khô se, nhựa mát-tít vẫn đang được sử dụng trong kẹo cao su.)

Khi Columbus từ Chios trở về, cha ông đã chuyển nhà từ Vico Dritto di Ponticello tới ngọn đồi gần Savona, có lẽ do ông ta liên minh

với bên thua trong vụ xung đột chính trị của Genoa, hay có thể vì [đây là] một môi trường an toàn hơn.

Chẳng mấy chốc Columbus lại lên tàu *Bechalla* chở một lô hàng cây nhũ hương từ Chios đến Bồ Đào Nha, Flanders, và Anh. Đó là vào tháng 5 năm 1476, khi đó ông gần 25 tuổi. Nhiều nước ở khu vực Địa Trung Hải bị lôi kéo vào xung đột quân sự; do đó, Genoa đã cho mấy tàu hộ tống. Đội tàu chở Columbus bao gồm ba chiếc galley, một tàu chiến, và tàu *Bechalla*, với thủy thủ đoàn từ Liguria. Dù còn trẻ, nhưng có lẽ ông đã đi biển như một thủy thủ thực thụ.

Ngày 13 tháng 8, khi đội tàu ở ngoài khơi bờ biển Bồ Đào Nha thì bất ngờ chạm trán với một đội tàu hùng hậu của Pháp và Bồ Đào Nha dưới sự chỉ huy của Guillaume de Casenove, một chỉ huy tàu săn lùng liêu lĩnh (hay lính đánh thuê hàng hải). Trên lý thuyết, Genoa và Pháp hòa hảo, nên Casenove không có lý do gì để tấn công, nhưng ông ta luôn có thể tìm được một lý do về kỹ thuật để biện minh cho sự hung hăng của mình. Mặc dù quân số ít hơn, nhưng người Genoa đã dũng cảm vật lộn với kẻ địch, nghĩa là họ đã làm chủ trước những kẻ tấn công, và cố gắng đánh bại chúng trong trận đánh giáp lá cà. Đến cuối ngày, ba tàu Genoa và bốn tàu địch đã chìm trong trận chiến, với hàng trăm người chết. Mấy tàu sống sót bỏ chạy đến những cảng an toàn. Tàu *Bechalla* không nằm trong số này.

Khi tàu của Columbus chìm, ông liền nhảy xuống biển. Ở thời đó, không có mấy thủy thủ tự hào về khả năng bơi của mình, và niềm hy vọng lớn nhất của ông là được cứu, nếu không thì vớ được một tấm ván tàu vỡ trôi nổi nào đó. Đó là điều Columbus đã làm. Thỉnh thoảng, ông vừa đẩy tấm ván vừa bơi vào bờ, và khi đã quá mệt không bơi được nữa, ông trèo lên nó để nghỉ. Ông bị thương, cụ thể như thế nào và ở đâu thì không rõ, vết thương khiến ông càng kiệt sức và tuyệt vọng hơn. Cuối cùng ông bơi được sáu dặm, có lẽ là sáu dặm dài nhất mà ông từng vượt qua, đến được bờ và thành phố cổ Lagos, nằm ở cực

Đông nam của Bồ Đào Nha, không xa thành phố Sagres, gốc tiếng La-tinh là “Sacrum Promontorium” hay Holy Promontory (mũi Thiên), nơi cung cấp chỗ ẩn nấu cho các thủy thủ chuẩn bị đi vòng quanh mũi St. Vincent, điểm cực Tây của bán đảo Iberia. Chính là ở đây, tại Sagres, mà Hoàng tử Henry nhà Hàng hảiⁱ đã tập hợp dưới trướng một nhóm người theo chủ nghĩa chiết trung – người đi biển, nhà thiên văn học, và người đóng tàu – trước đó cả một thế hệ. Khó mà hình dung Columbus kẻ đắm tàu bơ vơ, bám vào mảnh vỡ của con tàu đã mất, dạt vào một địa điểm nào thích hợp hơn dải đất bằng phẳng chật hẹp và lộng gió vươn ra Đại Tây Dương này. Quen với việc nghiên cứu những hiện tượng tự nhiên để tìm ra các dấu hiệu và linh cảm, thủy thủ dĩ nhiên là những người mê tín, và Columbus không phải ngoại lệ. Dường như đó là số phận, dưới hình thức một vụ đắm tàu, kéo người thủy thủ trẻ tuổi đầy tham vọng ra khỏi Genoa và đặt anh ta bên bờ của những điều chưa biết.

Cư dân Lagos đối đãi với các thủy thủ đắm tàu như Columbus một cách nhân đạo, và khi hồi phục sau cơn thử thách, ông đã đến Lisbon, tại đây ông tìm được nơi nương náu ở khu người Genoa của thành phố.

Năm sau đó, ông thực hiện một hành trình thậm chí còn nguy hiểm hơn, lần này là đi về phía bắc. “Tôi ra khơi năm 1477, vào tháng 2, cách đảo Tile hàng trăm hải lý” – nhiều khả năng hơn cả đó là “Thule”, hay Iceland, nơi duy trì việc buôn bán với Lisbon – “và người Anh, đặc biệt là những người từ Bristol, mang các món hàng của họ đến đảo này, nơi mà rộng lớn như nước Anh. Và vào mùa khi tôi ở đó biển không đóng băng, nhưng thủy triều lớn đến mức ở một số nơi chúng cao tới 26 *braccia*” – khoảng hơn 15m, theo ước tính của ông –

i. (1394-1460), một nhân vật quan trọng trên vũ đài chính trị Bồ Đào Nha thế kỷ 15 và trong những ngày đầu của đế chế Bồ Đào Nha.

“rồi rút xuống mức thấp y như vậy”. Có vẻ là Columbus đã không trải nghiệm bất cứ thứ gì kiểu như thủy triều cao hơn 15m, trừ phi ông đối mặt với một trận sóng thần do một trong những trận phun trào núi lửa thường xuyên ở vùng lân cận Iceland gây ra. Trong chuyến đi này hay chuyến đi khác của ông đến Ireland, ông đã gặp “người Cathay”, nghĩa là người Trung Hoa. Ở Galway, ông viết về việc nhìn thấy “một người đàn ông và một người đàn bà có bề ngoài kỳ lạ trên hai chiếc thuyền trôi lênh đênh”. Họ là ai? Họ từ đâu đến? Họ có phải là người châu Á, hay một dân tộc nào đó chưa được biết đến?

Vào mùa xuân năm 1477, Bồ Đào Nha cam kết mạnh mẽ với công cuộc thám hiểm, và trong sự thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực, đã tuyệt vọng tìm kiếm những thế giới mới và cư dân ở đó để đánh chiếm và khai thác. Các đoàn thám hiểm Bồ Đào Nha đã chiếm đóng quần đảo Azores, phía tây bờ biển châu Phi từ năm 1439, và đang tiến xa hơn về phía nam. Kỷ nguyên thám hiểm đang diễn ra.

Thủ phủ và là thành phố cảng chính của Bồ Đào Nha đang phát triển đến đỉnh cao. Năm 1476, Alfonso V đã nhường ngai vàng cho con trai mình, João II, và việc chuyển đổi này đã đem lại một kỷ nguyên bành trướng khác xa so với bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử đất nước này. Ở Lisbon xa hoa, Columbus được thấy những chiếc tàu buồm nhỏ rất khác biệt mà đã trở thành những con tàu chính của cuộc thám hiểm, một sự kết hợp giữa các cánh buồm vuông và buồm tam giác, được phát triển hàng thế kỷ trước dưới sự bảo trợ của Hoàng tử Henry nhà Hàng hải. Những con tàu mạnh mẽ, dễ điều khiển, có khả năng đón gió, và như vậy chịu đựng được bão táp, sóng biển, chúng đưa các nhà thám hiểm Bồ Đào Nha đi xa khắp nơi. Ở gần vũng tàu, ông có thể loáng thoáng nghe thấy những ngôn ngữ quen thuộc như tiếng Iceland, Anh, Tây Ban Nha, Genoa, Flanders, cũng như những thành ngữ châu Phi mới mẻ. Lúc nào cũng có các con tàu từ hàng chục đất nước dỡ hàng là những món gia vị thơm, và chuyển đồ dự trữ lên tàu

cho chuyến đi tiếp theo. Nơi hậu cảnh, những nhà rót vốn người Ý, Bồ Đào Nha, và Do Thái cấp tiền cho các hoạt động kinh doanh, trong khi João II, náu mình trong cung điện của ông gần đó, chăm chú theo dõi với cái nhìn ủng hộ, nếu không muốn nói là thêm muốn.

Đã quen với những khó khăn của Genoa và các hiểm nguy của vùng Địa Trung Hải, có thể thông cảm cho Columbus khi ông tin rằng mình đã đi vào một chốn thiên đường thám hiểm. Không giống những bến cảng khá tù túng vốn quen thuộc với ông, Lisbon nằm ở cửa sông Tagus, nơi con sông đổ ra Đại Tây Dương. Một ngọn gió thuận đưa những con tàu vượt qua bãi cát nơi cửa sông, đi vào nơi mênh mông của đại dương rộng mở. Về phía bắc là Iceland và Anh, về phía nam là quần đảo Azores và châu Phi. Không ai biết ở phía tây có gì, nhưng trên toàn châu Âu, các giả thuyết được vua chúa, giới tăng lữ, và các nhà vũ trụ học quảng bá đưa ra đã lập luận rằng một đội tàu đi về phía tây cuối cùng sẽ đến được những vùng đất xa xôi mà Marco Polo đã đặt chân đến hai thế kỷ trước đó: Trung Hoa, châu Á, Ấn Độ. Quốc gia châu Âu đầu tiên nào làm được điều này sẽ chiếm lợi thế chiến lược và kinh tế to lớn hơn mọi đối thủ cạnh tranh.

Khi lên ngôi vua Bồ Đào Nha vào năm 1481, Vua João mới 26 tuổi (kém Columbus 4 tuổi) và đã chuẩn bị cho việc cai trị. Cha ông ta truyền lại cho ông ta một đất nước đã được củng cố nhưng gần như phá sản, đất nước mà nhà vua trẻ đề xuất mở rộng thành một đế chế. Thậm chí trước khi nắm quyền, ông ta đã cai trị bên cạnh cha mình, làm quen với những mối quan tâm mở rộng ngai vàng ở châu Phi, và lãnh đạo vùng Junta dos Matemáticos đang mở rộng nhanh chóng, chịu trách nhiệm điều phối công cuộc thám hiểm của vương quốc trên đất liền và trên biển. Ông ta cải cách thuế, khôi phục lại khả năng chi trả cho ngai vàng Bồ Đào Nha, và noi gương người chú vĩ đại của mình – Hoàng tử Henry nhà Hàng hải – khôi phục việc mở rộng đế chế Bồ Đào Nha.

Giới sử học và giới nghiên cứu về chế độ quân chủ Bồ Đào Nha nhớ đến ông ta như là “Quân vương Hoàn hảo” sau những quy tắc tàn nhẫn của Niccolò Machiavelliⁱ trong việc thực thi quyền lực. Đáng nói hơn, João II có biệt danh “Bạo chúa”, chuyên quyền tàn bạo, bị giới quý tộc của ông ta xem thường và đố kỵ. Trích dẫn vài ví dụ về việc thực hành quyền lực độc đoán của ông ta: ông ta lệnh cho tất cả những ai có lâu đài phải đệ trình danh hiệu lên nhà vua để xác nhận, chúng có thể được ban cho hoặc bị rút lại. Ông ta cử người đại diện cho nhà vua để giám sát việc giới quý tộc quản lý bất động sản của họ. Và ông ta chủ trì việc hủy bỏ những cơ quan công quyền trao quyền tài phán của giới quý tộc đối với các công việc pháp lý trong hạt của họ. Đó mới chỉ là bước khởi đầu. Ông ta còn hủy hoại hai trong số các gia tộc Bồ Đào Nha hùng mạnh nhất, nhà Viseu và nhà Braganza. Nhà Braganza là những chủ đất lớn nhất trên toàn Bồ Đào Nha, và Fernando II, Công tước xứ Braganza, kiểm soát một đội quân tư nhân gồm 10.000 người và 3.000 ngựa. Công tước Viseu, ngoài các tước hiệu, bất động sản, và dinh thự của mình, còn là lãnh chúa của những tiền đồn ngoài khơi xa mới được thành lập của Bồ Đào Nha – khu định cư trên đảo Madeira và quần đảo Azores, và trở thành chướng ngại vật với những khát vọng uy quyền của nhà vua.

Trong trường hợp thứ nhất, João II đã làm rung chuyển vương quốc của mình bằng cách xử tử một đối thủ tiềm năng đối với ngai vàng, Fernando II xứ Braganza. Trong trường hợp này, những lá thư đã đưa ra ánh sáng âm mưu lật đổ ngai vàng giữa Fernando II với các vị Quân chủ Tây Ban Nha – Ferdinand và Isabella. Công tước xứ Braganza nhanh chóng bị bắt, bị xử vì tội mưu phản, và sau lời phán quyết có tội không tránh khỏi, đã bị chém đầu. Sau đó, bất động sản

ⁱ (1469-1527), tên đầy đủ là Niccolò di Bernardo dei Machiavelli, là một nhà ngoại giao, nhà chính trị, nhà triết học, sử gia nổi tiếng người Ý thời kỳ Phục hưng. Ông thường được coi là cha đẻ của ngành Chính trị học hiện đại, là tác giả của tác phẩm *Quân vương*. (BT)

của nhà Braganza bị tịch thu, và những thành viên sống sót của gia tộc này phải chạy trốn sang vương quốc Castile để tìm kiếm sự an toàn. Không lâu sau đó, João II chuyển sự chú ý của mình sang một kẻ thù khác vừa bị phát hiện, kết luận rằng anh họ ông ta, Infante Diogo, Công tước xứ Viseu, có kế hoạch lật đổ ông ta. Trong vụ này, ông ta đã bỏ qua việc xét xử và đích thân đâm Diogo đến chết. Điều khiến cho cái chết ấy gây sốc hơn nữa là việc gia đình họ có mối quan hệ họ hàng. Vợ của João II là Leonor xứ Viseu.

Đây là hoàn cảnh chết người mà Columbus sa vào. Mặc dù ông bắt đầu nắm vững về biển và tỏ ra không sợ hãi trong việc chỉ huy một con tàu, nhưng ông còn phải học rất nhiều về con người, về quyền lực, và chính trị. Ông có thể dễ dàng vạch ra đường đi, nhưng chưa có khả năng lấy lòng một ông vua. Tiêu đề một chương sách do Ferdinand con trai ông chọn khi viết tiểu sử của vị Đô đốc phản ánh cách tiếp cận lấy mình làm trung tâm của Columbus: “Đô đốc đã trở nên giận dữ với Vua Bồ Đào Nha, người mà ông đề xuất khám phá Ấn Độ ra sao”. Với bất cứ ai biết rõ triều đình Bồ Đào Nha, chưa nói gì đến hàng hải, tuyên bố này đầy vẻ ngạo mạn. Không ai dám giận dữ với vị vua này, vì ông ta có khuynh hướng bất ngờ dùng bạo lực. Cũng không ai dám đề xuất “khám phá Ấn Độ” như thể đó là một yêu cầu thẳng thừng. Người ta phải nhún nhường cầu xin sự ủng hộ để thực hiện chuyến hải hành thám hiểm dưới danh nghĩa nhà vua. Và tất nhiên, Columbus không bao giờ thực hiện được hoàn toàn mục tiêu đề ra của mình. Khéo léo và quyết đoán trên biển bao nhiêu, thì ông lại vụng về và lúng túng trên bờ bấy nhiêu, ông thúc giục nhà vua nhìn sự vật theo cách của ông, chấp thuận một con đường biển tới châu Á, nhưng João chỉ quan tâm đến những nhà thám hiểm khác và đến hướng đông chứ không phải hướng tây. Diogo Cáo nhận được sự ủng hộ của nhà vua để khám phá miền Trung châu Phi vào năm 1482, và năm năm sau, Bartolomeu Dias đi vòng quanh mũi Hảo Vọng dưới danh nghĩa Bồ Đào Nha.

Columbus dành tám năm ở Lisbon, cố gắng biến tầm nhìn của mình về thám hiểm thành hiện thực, và những ghi chép về thời kỳ này của ông, nếu chúng thực sự tồn tại, chỉ là phác thảo sơ lược. Trận động đất ở Lisbon vào ngày 1 tháng 11 năm 1755 đã phá hủy những ghi chép và các món đồ tạo tác vô giá khác gắn liền với cả ông lẫn đa phần lịch sử của Lisbon. Tuy nhiên, còn sót lại một vài chi tiết ít ỏi. Đầu tiên là ám chỉ của ông – trong những trang nhật ký về hải hành thứ nhất – cho đến sự tham gia của ông vào việc buôn bán nô lệ thịnh vượng của Bồ Đào Nha. Người Bồ Đào Nha là những người châu Âu đầu tiên đến được bờ biển phía tây của châu Phi, Guinea, và nhà thám hiểm Antão Gonçalves trở thành người Bồ Đào Nha đầu tiên mua nô lệ ở đó. Người Bồ Đào Nha coi mình có quyền sở hữu nô lệ thông qua sắc lệnh giáo hoàng. Vào năm 1452, Giáo hoàng Nicholas V ủy quyền cho Vua Bồ Đào Nha, Alfonso V, bắt người “Saracen” làm nô lệ – tức người Islam giáo – “những kẻ dị giáo và những kẻ vô đạo”, một thứ quyền được ông ta xác nhận trong một giáo lệnh sau đó ba năm, trong trường hợp còn thắc mắc về ý định của ông ta.

Việc buôn bán nô lệ thời kỳ đầu của Bồ Đào Nha có một số hình thức, từ sự thừa kế nô lệ cho đến nô lệ theo giao kèo: lao động cưỡng bức trong một khoảng thời gian cố định, đôi lúc với khoản tiền công khiêm tốn. Đây là hình thức nô lệ quen thuộc với Columbus. Ông viết ngắn gọn về việc ông thử đưa toàn bộ các gia đình từ Guinea sang Bồ Đào Nha, không chỉ mỗi đàn ông, và về sự thất vọng của ông rằng thử nghiệm đó cũng không đảm bảo là nô lệ sẽ trung thành hơn hay hợp tác hơn. Theo Columbus nhìn nhận, vấn đề là ở sự hỗn loạn trong các chất giọng khác nhau ở Guinea. Kinh nghiệm từ việc buôn bán nô lệ ở Bồ Đào Nha đã tạo tiền đề cho ông trong việc quan sát người Anh-điêng như những nô lệ tiềm năng. Họ có mạnh mẽ không? Có hợp tác không? Có đủ sức khỏe để chịu đựng các chuyến đi vượt Đại Tây Dương với khí hậu lạnh hơn không? Họ sẽ có giá trị hơn với tư cách nô lệ, hay với tư cách là người cải sang Ki-tô giáo?

Trong những năm tháng ở Lisbon, em trai Columbus – Bartholomew, kém ông 10 tuổi, đã tham gia cùng ông. Một người quen, Andrés Bernáldez, trước kia ở Seville, mô tả Bartholomew hồi ấy là “kẻ đi săn những cuốn sách in, người thực hiện việc buôn bán của mình trên mảnh đất Andalusia này”, và là một “người rất thông minh dù ít học, rất thành thạo về vũ trụ học và bản đồ thế giới”.

Là một người kinh doanh đầy hiểu biết về bản đồ, Bartholomew thiết lập việc kinh doanh của mình ở Lisbon và biến Christopher thành đối tác. Có vẻ như các cuộc chuyện trò giữa hai anh em đã giúp ông hình thành những lý thuyết của mình về việc vượt biển đến Trung Hoa, ông chưa hoàn toàn từ bỏ ý tưởng sai lầm cơ bản mà Paolo dal Pozzo Toscanelliⁱ để lại cho châu Âu thời kỳ Phục hưng. Bản đồ của ông này thiếu cả Thái Bình Dương và châu Mỹ, nhưng vẫn được tin cậy vì nó phân nào thể hiện thế giới như người châu Âu thời đó – không riêng gì Columbus – muốn thấy, nhỏ hơn và dễ quản lý hơn so với thế giới trên thực tế, có Ấn Độ, các gia vị của nó, và Đại Hãn đều trong tầm với. Nếu như Columbus cùng với phần còn lại của châu Âu biết được khoảng cách thực sự của địa cầu, chắc hẳn ông sẽ chẳng đề xuất vượt nửa vòng trái đất đến Ấn Độ, và cũng chẳng có ông vua nào ủng hộ việc này.

Hợp tác với Bartholomew, Christopher đi lại trong khu vực nhỏ bé nhưng đầy ảnh hưởng của người Genoa ở Lisbon, ông được coi là một người bên bĩ và có khả năng trong kinh doanh. Những người Genoa xa xứ và những kẻ vụ lợi từ lâu đã khai thác những con đường để gia nhập vào các xã hội khác. Họ liên hôn với người bản xứ, thay tên đổi họ, học tiếng địa phương, phục vụ giới chức địa phương – bất kể điều gì để có được vị thế và sự tôn trọng.

i. (1397-1482), nhà thiên văn học, toán học, và vũ trụ học người Ý.

Vào một Chủ nhật, Columbus tham dự Thánh lễⁱ tại tu viện Convento dos Santos của Lisbon, Tu viện các Thánh, nơi ông nhìn thấy một cô gái trẻ khoảng 19 tuổi, và điều đó được thuật lại trong những ghi chép vô cùng ủy mị về cuộc gặp gỡ của họ, cô nhận thấy sự sùng đạo *của ông*. Cô tên là Felipa Moñiz, con gái của một người Ý thuộc giới thượng lưu là Bartolomeo Perestrello, người khá tích cực trong việc biến đảo Madeira thành thuộc địa, và có vợ là Caterina Visconti. Bối cảnh khi đó khiến Columbus được cho là đang tìm kiếm một người vợ thượng lưu. Tu viện Convento dos Santos được duy trì bởi các nữ tu chăm lo cho vợ và con gái của những người đang chiến đấu nơi xa xôi. Đây là một trong số ít các địa điểm được chấp nhận cho người độc thân gặp gỡ những phụ nữ trẻ phù hợp, hẳn ông có cơ hội gặp được người phụ nữ có thể đáp ứng tham vọng của mình. Vẫn còn vài chi tiết hiếm hoi về sự tán tỉnh, và Ferdinand con trai ông chỉ đưa ra sự tái khẳng định thông thường về hành vi của cha mình: “Vì ông cư xử một cách rất đáng kính, và là một người có hình thức đẹp đẽ, rất trung thực, nên bà ấy trò chuyện với ông, vui thích mối quan hệ bạn bè với ông ấy và trở thành vợ ông ấy”.

Theo một mô tả do Ferdinand con trai ông viết sau đó khá lâu, cô gái trông thấy một “người đàn ông vạm vỡ to cao hơn bình thường, khuôn mặt dài với đôi gò má hơi cao, nhưng không béo cũng không gầy. Ông ấy có một chiếc mũi khoằm và cặp mắt màu sáng; da ông ấy cũng sáng nhưng ánh lên sắc hồng đầy sức sống. Hồi trẻ tóc ông ấy màu vàng” – hay theo một số mô tả, ánh đỏ – “nhưng khi ông ấy vào độ tuổi 30 tất cả biến thành màu trắng. Trong việc ăn uống và ăn mặc, ông ấy luôn là người tiết chế và giản dị. Với người lạ, cách nói chuyện của ông ấy nhã nhặn, còn với thành viên trong gia đình ông ấy luôn rất dịu dàng, với tính cách giản dị và luôn gây thiện cảm”.

i. Nguyên văn: “Mass”. Hay còn gọi là lễ Misa, là nghi lễ Phụng vụ thánh thể chính dưới nhiều hình thức khác nhau trong Ki-tô giáo phương Tây. (BT)

Như con trai ông nỗ lực ghi lại, ông là người cực kỳ ngoan đạo. “Trong các vấn đề tôn giáo, ông ấy nghiêm khắc với việc nhịn ăn hay cầu kinh đến mức có thể coi ông ấy như một thành viên dòng tu. Và ông ấy là kẻ thù lớn với việc nguyên rửa và chửi thề, đến mức tôi không bao giờ nghe thấy ông ấy thốt ra lời nguyên rửa nào ngoài ‘Lạy Thánh Fernando!’” Nếu đó là sự thực, thì ác cảm của Columbus đối với ngôn ngữ thô tục đã biến ông thành một của hiếm tuyệt đối giữa những con người của biển cả. “Khi ông ấy giận dữ với ai đó, lời trách móc của ông ấy là, ‘Mong Chúa tha tội cho anh!’ vì đã làm hay nói điều đó. Và khi ông ấy phải viết điều gì đó, ông ấy sẽ không động đến bút nếu không viết những từ này trước tiên, *Jesus cum Maria sit nobis in via*,ⁱ bằng nét chữ tinh tế đến mức ông ấy có thể kiểm được bánh mì chỉ với việc viết lách.” Đây là một trong những mô tả chi tiết và chính xác nhất còn lại về Columbus, được lý tưởng hóa bởi lòng mộ đạo, song cũng sâu sắc.

Đối với Columbus thì đó là một cuộc hôn nhân vô cùng thuận lợi. Con trai một thợ dệt, chủ quán rượu, và chính khách địa phương là đồng minh với phe thất bại trong nền chính trị Genoa, bỗng dưng có được những mối quan hệ đầy hứa hẹn và đáng chú ý trong thế giới riêng biệt của tầng lớp quý tộc Bồ Đào Nha và công cuộc thám hiểm. Mặc dù Genoa được biết đến là nơi chống lại tư tưởng bảo hoàng, nhưng ông đã bỏ qua ấn tượng sai lầm rằng ông, theo một cách nào đó, được liên minh với giới quý tộc Genoa. (Cuối cùng, sự bí hiểm này sẽ dẫn tới những tưởng tượng với suy đoán về gốc gác của ông: là người Bồ Đào Nha, Do Thái, hay Catalan. Việc này đã được để lại cho Ferdinand con trai ông – người viết tiểu sử đầu tiên về ông – đưa ra những điều chỉnh mà sau đó được các nhà sử học xác nhận.)

Felipa có mối liên hệ gần gũi hơn với giới quý tộc. Về đẳng mẹ, bà ta có mối liên hệ với gia đình hoàng gia Bồ Đào Nha từ thế kỷ 12.

i. Dịch nghĩa: “Cầu xin Jesus và Maria phù hộ cho chúng con”.

Ông của bà ta – Gil Ayres Moñiz – cai quản một vùng giàu có ở khu vực Algarve của Bồ Đào Nha, một chiến lợi phẩm phải khó khăn mới giành được từ người Ả-rập thời đó đang kiểm soát khu vực này, và đã chiến đấu bên cạnh Hoàng tử Henry nhà Hàng hải trong trận Ceutaⁱ năm 1415. Nhà hàng hải người Genoa tóc đỏ hay vàng tỏ ra có khả năng nổi bật hơn cả, dũng cảm và có thể mang lại sự giàu có mới từ nơi khác – Hy Lạp? châu Á? hay châu Phi? – cho gia đình và chiếm được vị trí bên cạnh những bậc tiền bối ưu tú bên nhà vợ. Trong giới tinh hoa Bồ Đào Nha, nhờ có sự bảo trợ hoàng gia được đảm bảo nhờ cuộc hôn nhân này, Columbus có thể được tha thứ với ý nghĩ rằng con đường là rộng mở: khám phá, giành lấy những vùng đất xa xôi và tước hiệu vinh quang, có trách nhiệm tạo ra một gia đình lớn để nối dõi và khiến tên tuổi mình trở nên bất diệt.

Về phía cha mình, Felipa còn có những mối quan hệ thú vị, hay thậm chí là phức tạp hơn. Gia tộc Perestrello nổi tiếng bao nhiêu về sự thiếu thận trọng và những đứa con hoang, thì cũng nổi tiếng bấy nhiêu vì các mối liên hệ chính trị và tôn giáo. Bartolomeo từng lấy vợ vài lần, và Felipa là sản phẩm của cuộc hôn nhân thứ hai, còn theo một sổ ghi chép khác thì là của cuộc hôn nhân thứ ba. Những anh chị em của bà ta gồm Bartolomeo con và một em gái là Violante mà nghe đâu Columbus có mối quan hệ thân thiết. Theo một huyền thoại đã có từ lâu, bố vợ của Columbus được Hoàng tử Henry nhà Hàng hải trao quyền sở hữu đảo Porto Santo nhỏ bé, cách đảo Madeira về phía đông bắc 30 dặm. Bartolomé de Las Casas, người có mối quan hệ cá nhân với ông ta – và bất đồng sâu sắc về đối tượng trong những nghiên cứu học thuật của ông ta – phỏng đoán rằng Perestrello sở hữu công cụ, bản đồ, và hải đồ các lãnh địa của mình mà cuối cùng đã thuộc về Columbus,

i. Tên một thành phố nhỏ nằm trên bờ biển phía bắc châu Phi. Việc chinh phục Ceuta đánh dấu một bước quan trọng trong việc hình thành và mở rộng đế chế Bồ Đào Nha ở châu Phi.

và “từ việc nhìn thấy và đọc được những thứ đó, ông ấy cảm thấy rất vui sướng”. Nghe nói là Perestrello chẳng có chút kinh nghiệm hay khả năng đi biển, và kể cả nếu lời mô tả này có được thêm thắt đi nữa, thì vẫn có vẻ Hoàng tử Henry nhà Hàng hải trao cho Perestrello quyền kiểm soát và thừa kế đảo Porto Santo nhỏ bé là do kết quả của việc vận động bằng mưu mẹo, chứ không phải do sự thám hiểm dũng cảm của ông ta. Có thể Columbus coi Porto Santo như chiếc bàn đạp để từ đó bắt đầu những cuộc thám hiểm của chính ông khi đến thời điểm thích hợp. Đây chính là mô hình thu nhỏ cho các tham vọng vĩ đại hơn của ông: tìm ra một hòn đảo, tuyên bố sở hữu nó dưới danh nghĩa của nhà vua và đất nước, khai thác nó vì lợi ích cá nhân và triều đình.



Sau lễ cưới, Columbus và Felipa chuyển đến căn nhà của bố mẹ vợ nổi tiếng. Dù Felipa đã trở thành ai thì bà vẫn vô hình đối với hậu thế, và không có bằng chứng nào cho thấy cuộc hôn nhân của họ là vì tình yêu. Nhưng nhà Perestrello đã mang lại cho Columbus, một thủy thủ tạm dùng được đến từ Genoa, một bối cảnh mới để theo đuổi sự nghiệp của mình, nhờ mẹ vợ, người mà như Las Casas kể lại, “nhận thấy rằng Columbus có một niềm đam mê đối với biển cả và vũ trụ, vì những người say mê điều gì đó sẽ nói về nó cả ngày lẫn đêm”. Cho nên bà ta kể cho Columbus về việc “Perestrello chống mình có một niềm say mê lớn đối với những thứ gắn liền với biển cả và ông ấy đã đi biển như thế nào, theo yêu cầu của Hoàng tử Henry [nhà Hàng hải] và với sự đồng hành của hai hiệp sĩ khác, để biến đảo Porto Santo, mới được phát hiện chỉ vài ngày trước đó, thành nơi định cư”. Porto Santo trở thành nền móng cho sự may mắn và tiếng tăm của Perestrello: một bài học cụ thể cho chàng tân lang Columbus.

Bà mẹ vợ đưa cho Columbus “những dụng cụ, tài liệu, và hải đồ” của ông chồng quá cố như thể trao lại chiếc quyền trượng từ thế hệ này sang thế hệ khác, và cuối cùng Columbus sống trên mảnh đất

của bố vợ, Porto Santo, nơi vợ của Columbus sinh đứa con trai đầu lòng, Diego.

Ở Porto Santo và nơi mới được khám phá bên cạnh, đảo Madeira, “có rất nhiều tàu buồm lớn chở người định cư đến, và những khám phá mới hằng ngày được nói đến khá nhiều”. Las Casas kể rằng Columbus trò chuyện với các thủy thủ trở về từ “biển phía tây” vốn đã “đến thăm quần đảo Azores và Madeira và những đảo khác”. Đặc biệt, có một người tên là Martin, “một hoa tiêu phục vụ triều đình Bồ Đào Nha”, kể một câu chuyện gây tò mò. Khi còn cách mũi Vincent 450 hải lý về phía tây, “ông ta trông thấy một mẩu ván trôi trên biển gần tàu mình, và khi kêu lên thì thấy nó được chạm trổ rất độc đáo, mặc dù có thể không đúng nhưng ông ta đánh giá là bằng dụng cụ làm từ sắt. Vì đã mấy ngày liền gió thổi lại từ phía tây, nên ông ta cho rằng mẩu ván đó có xuất xứ từ một hòn đảo hay những hòn đảo nào đó nằm về phía tây”.

Việc nhìn thấy những vùng đất lạ đầy trêu người có rất nhiều. Một “thủy thủ một mắt” tuyên bố rằng trong một chuyến đi đến Ireland anh ta thoáng thấy “Tartary”ⁱ, hay miền Trung Á, “vì nó cong vòng về phía tây, nhưng thời tiết xấu ngăn họ không đến được nơi đó”. Cho dù thủy thủ một mắt ấy có nghĩ anh ta nhìn thấy gì đi nữa, thì khả năng đó không phải là Trung Á, nhưng nó vẫn chưa tồn tại trên bản đồ châu Âu. Và rồi có “một thủy thủ từ Galicia tên là Pedro de Velasco, trong một lần trò chuyện với Christopher Columbus ở Murcia” – một thành phố thuộc miền Đông Tây Ban Nha – “nhắc đến một chuyến đi đến Ireland, anh ta đã ra khơi, đi rất xa về phía tây bắc và tới vùng đất ở phía tây Ireland”. Có lẽ đó là Iceland, hay Nova Scotia, hay một lục địa

i. Tên gọi được sử dụng từ thời trung cổ cho đến tận thế kỷ 20, nói đến một dải đất rộng lớn ở phía Bắc và Trung Á kéo dài từ biển đến dãy Ural và đến Thái Bình Dương, nơi chủ yếu có người Thổ Nhĩ Kỳ và Mông Cổ sinh sống.

tưởng tượng nào đấy tồn tại đâu đó giữa địa lý và thần thoại. Cần có một cuộc thám hiểm để xem đó là gì. Columbus biết một nhà buôn giàu có ở Genoa, Luca di Cazana, từng bị một hoa tiêu Bồ Đào Nha tên là Vicente Dias, làm phiền đòi ủng hộ ba hay bốn chuyến thám hiểm để tìm kiếm một hòn đảo huyền bí, “đi hơn 100 hải lý và chẳng tìm thấy gì cả”. Sau những thất bại như vậy, cả người hoa tiêu và nhà tài trợ đều từ bỏ hy vọng “tìm thấy vùng đất đang gây xôn xao”. Và hai cuộc thám hiểm nữa với cùng một mục đích được công khai thừa nhận đều biến mất, “chẳng để lại một dấu tích gì”.

Một thủy thủ khác, Pedro Correa, lấy em vợ của Columbus, làm chứng cho câu chuyện của hoa tiêu Martin. Las Casas kể, anh ta thể rằng “anh ta cũng gặp một mẫu gỗ do những ngọn gió đưa đến từ vùng đó, và rằng nó cũng được chạm trổ theo cách tương tự”. Không chỉ có thế, anh ta còn nhìn thấy “những ống tre to đến mức một ống ấy có thể đựng được tới sáu lít nước hay rượu”. Columbus nói rằng ông nghe được những câu chuyện giống như thế từ Vua Bồ Đào Nha. Đối với Columbus thì có vẻ như Vua João “bị thuyết phục là mấy ống tre ấy đến từ một hòn đảo hay các hòn đảo nào đó không xa về phía tây, hoặc là chúng được gió và dòng chảy đưa đến từ Ấn Độ, vì chúng hoàn toàn không giống bất cứ thứ gì đã biết ở châu Âu”. Ông cũng được nghe kể về những cây thông dạt lên bờ mấy hòn đảo ở Đại Tây Dương, “mặc dù trên toàn bộ quần đảo Azores chẳng có cây thông nào mọc cả”. Người ta lan truyền một câu chuyện trêu người hơn về xác hai người đàn ông bị sóng đánh tấp vào Azores, có “khuôn mặt rất rộng và những đường nét rất khác với người Ki-tô giáo”.

Thêm vào câu chuyện hấp dẫn ấy là các tường thuật về những chiếc bè, được mô tả như “mấy con thuyền của người Ấn Độ với căn nhà trên đó”, và toàn bộ thế giới đó dường như đang mời chào sự khám phá và suy đoán. Các vật thể trôi ngẫu nhiên này cũng kỳ lạ và bí ẩn như thiên thạch từ những thế giới xa xôi rơi xuống Trái đất. Có

cái gì đó kỳ lạ ở ngoài kia. “Tất cả những chuyện như vậy tất nhiên đã nhen nhóm lên ngọn lửa đam mê của Christopher Columbus về toàn bộ công việc”, Las Casas nhận xét, “và chúng cho thấy Chúa cũng đẩy ông ấy theo hướng đó”. Đặc biệt một trường hợp cụ thể, như Las Casas nói là “nhân tố quyết định”, và mãi mãi là đối tượng của sự tranh cãi, đã đóng băng trong tâm trí Columbus. Nó bắt đầu với một chiếc tàu buồm từ Tây Ban Nha định đi đến Flanders, hay có lẽ là Anh, nhưng đã bị thổi bay khỏi hành trình như thể trong chuyện cổ tích hay cơn ác mộng, và khám phá ra một hòn đảo.

Thủy thủ đoàn chỉ vừa đủ sức sống sót qua thử thách, để rồi bỏ mạng trên đường trở về Tây Ban Nha. “Phần lớn họ đã chết vì đói và bệnh tật do làm việc quá sức, còn một vài người sống sót khi về đến đảo Madeira thì bị ốm và ít lâu sau thì chết ở đó.” Columbus “loáng thoáng nghe được về toàn bộ sự việc từ mấy kẻ đắm tàu đáng thương về đến đảo Madeira hoặc từ chính viên hoa tiêu”. Câu chuyện sau đó có lẽ là ông đã mời viên hoa tiêu đến ở với mình, để được chất vấn cho tới khi ông ấy qua đời lặng lẽ trong ngôi nhà của Columbus. Trước khi chết, viên hoa tiêu được cho là đã đưa cho chủ nhà của mình một “báo cáo chi tiết về tất cả những điều đã xảy ra và để lại cho ông ấy một ghi chép viết tay về hướng mà con tàu đã theo, con đường họ đã đi, khoảng cách họ đã vượt qua, kinh độ và vĩ độ có liên quan, và vị trí chính xác của hòn đảo họ đã tìm thấy”. Do hồi đó người ta vẫn chưa thể xác định đúng kinh tuyến, nên “vị trí chính xác” của hòn đảo là rất đáng ngờ.

Một trong các ghi chép đáng thuyết phục nhất về những vùng đất xa xôi đến từ ngòi bút của “Ngài Paolo”, một bác sĩ người Florence có mạng lưới thư tín rộng rãi với các nguồn cung cấp tin tức trong triều đình Bồ Đào Nha. Biết được những thông tin này, Columbus lấy lòng vị bác sĩ bằng cách gửi tặng một quả địa cầu thông qua Lorenzo Girardi, một trung gian người Florence sống ở Lisbon. Sau khi gửi đi biểu tượng rõ ràng này của việc thám hiểm, Columbus thông báo về kế hoạch to

tát của riêng mình trong việc thám hiểm và buôn bán những hạng mục quý như gia vị. Ngài Paolo bị ấn tượng, trả lời thư bằng tiếng La-tinh, tóm tắt những hiểu biết của mình về Trung Hoa và sự giàu có của nó, giúp Columbus hiểu biết hơn về miền đất hoang đường với một viễn cảnh địa cầu đang dần xuất hiện. “Đừng ngạc nhiên về việc tôi mô tả khu vực đó là ‘phương Tây’”, ông khuyên Columbus, “khi những vùng đất này thường được biết đến như ‘phương Đông’ vì bất cứ ai đi về phía tây sẽ luôn tìm được những vùng đất này ở về phía tây, cũng giống như ai đi qua đất liền về phía đông sẽ tìm thấy chúng ở phía đông”. Và ông ta gửi kèm một tấm hải đồ minh họa điều mình muốn nói.

Ngài Paolo trình bày chi tiết về Trung Hoa và về nhiều nhà buôn của đất nước này. “Ở đó có nhiều tàu bè, thủy thủ, và nhà buôn như ở các nơi khác trên thế giới.” Tại thành phố “Zaiton” mà có lẽ ông ta định nói đến Hàng Châu, thủ phủ giàu có của Nam Trung Hoa, “mỗi năm hàng trăm con tàu lớn chất lên và dỡ xuống hàng hóa của họ toàn hạt tiêu, chưa nói đến nhiều tàu nữa chở gia vị từ những vùng đất khác”. Ông ta cũng thông báo cho Columbus về một “quốc vương được biết đến với tư cách Đại Hãn, cái tên mà trong ngôn ngữ của chúng ta” – tiếng Ý – “có nghĩa là hoàng đế của các hoàng đế”. Tổ tiên của vị Hãn này, Paolo thuật lại, “vô cùng mong muốn có được mối liên hệ và giao lưu với người Ki-tô giáo, và khoảng 200 năm trước đã cử sứ giả đến gặp Giáo hoàng đề nghị ông ấy gửi cho họ một số lượng lớn những người có học và thông thái mà có thể hướng dẫn họ về đức tin của chúng ta, nhưng những người được gửi đi buộc phải quay về vì những khó khăn mà họ gặp phải trên đường”. Trong khi Paolo tiếp tục câu chuyện, có thể thấy rõ là câu chuyện của ông ta dựa nhiều vào câu chuyện phổ biến của Marco Polo, liên quan đến mấy chuyến phiêu lưu của nhà thám hiểm xứ Venice đến châu Á từ năm 1279 đến 1295, và dựa vào những câu chuyện của một sứ giả người Trung Hoa. Trong câu chuyện của vị bác sĩ, các sự kiện của hai thế kỷ trước dường như đang xảy ra trong hiện tại, vì ông ta đã hòa trộn hai thời đại vào

một bức tranh gồm những cung điện hoàng gia, những con sông rất dài và rộng, “vô vàn thành phố” nằm rải rác dọc theo các bờ sông (có trường hợp, 200 thành phố nằm dọc theo một con sông), “những cây cầu rộng làm hoàn toàn bằng đá hoa cương và được trang trí bằng các cột đá hoa cương”, nơi gia vị, đá quý, vàng, bạc, và nhiều “thứ có giá trị khác” chảy qua.

Làm sao để đến đó? Đơn giản, theo Ngài Paolo bác sĩ: “Từ thành phố, theo một đường thẳng về phía tây, có 26 điểm được đánh dấu trên bản đồ, mỗi điểm đại diện cho 250 dặm, anh sẽ đến được thành phố nổi tiếng nhất của Quinsay” – cái tên khác được Marco Polo dùng để gọi thành phố thủ phủ Hàng Châu, và theo nguồn tin vợ vắn của Ngài Paolo – “trong vòng chu vi 100 dặm” rồi đi liền một hơi đến “Çipango”, tên Marco Polo gọi Nhật Bản. “Hòn đảo này giàu có nhất về vàng và ngọc trai và đá quý, anh nên biết rằng đến dài và cung điện hoàng gia được phủ bằng vàng nguyên chất.” Lại một lần nữa, việc đến đó không phải vấn đề với người đã thành thạo. “Vì chưa biết đường, nên tất cả những thứ này bị giấu kín trước chúng ta, dù rằng người ta có thể đi đường biển tới đó mà không gặp nguy hiểm hay khó khăn gì.”

Columbus hồi âm là ông có thể tìm ra vương quốc kỳ lạ này bằng đường biển theo tuyến đường đã được chỉ ra trên bản đồ mà Ngài Paolo cung cấp, người mà cần nhắc lại là không phải một nhà hàng hải. Phấn khởi với sự tán thành, ông ta trả lời, “Tôi vui mừng khi thấy tấm bản đồ của mình được hiểu rõ ràng và biết rằng một hải trình như vậy không chỉ là có thể về mặt lý thuyết mà giờ đây sẽ trở thành sự thực, đem lại niềm vinh dự và lợi ích đáng kính cùng danh tiếng vĩ đại nhất cho tất cả người Ki-tô giáo”. Như thể chính mình đang cử Columbus đi, ông ta hứa hẹn một chuyến đi đến với “những vương quốc hùng mạnh, những thành phố sang trọng, và những tỉnh thành giàu có nhất thừa thãi mọi thứ cần thiết”, chưa nói đến gia vị và đá quý, giới cai trị

còn mong muốn có mối quan hệ với phương Tây hơn cả phương Tây muốn quan hệ với họ, để trao đổi sự thông thái, hiểu biết, và tôn giáo. “Tôi không ngạc nhiên về việc anh, một người đàn ông rất dũng cảm”, Ngài Paolo viết cho Columbus, “thấy trái tim anh đang bùng lửa với mong muốn biến những điều này thành hiện thực”.

Columbus đã mở rộng những manh mối này về các đảo phía tây chưa được khám phá bằng nỗ lực học thuật của chính mình. Ông nghiên cứu cuốn sách mang đầy ảnh hưởng của Ptolemyⁱ, *Geography* (Địa lý), cuốn sách từ Constantinople đến được châu Âu vào khoảng năm 1400. Vào thời gian 1406-1409, Jacopo Angeli da Scarperiaⁱⁱ dịch nó sang tiếng La-tinh. Đây là cuốn sách đầu tiên được in hình minh họa nổi trong lần xuất bản ở Bologna vào năm 1477, và sau đó được dịch sang vài thứ tiếng châu Âu. Họa đồ của Ptolemy vừa gợi cảm hứng vừa gây sai lầm rất lớn. Ptolemy, sống vào thế kỷ 2, đã đánh giá thấp kích cỡ của Trái đất chỉ bằng một phần sáu kích cỡ thật. Ông ta không biết về sự tồn tại của lục địa châu Mỹ và của Thái Bình Dương, vùng biển lớn nhất trên hành tinh. Việc xác định kinh độ vẫn là vấn đề cần được giải quyết, và sẽ còn chưa được giải quyết cho tới gần cuối thế kỷ 18. Vì tất cả những lý do này, việc dựa vào cuốn *Geography* của Ptolemy vừa mang tính sai lầm nhưng đồng thời cũng tạo cảm hứng.

Tại đâu đó, ở điểm lắp ghép tấm họa đồ bị hư hại của Ptolemy, những truyền thuyết về thế giới cổ xưa, ghi chép của Marco Polo, và giai thoại của thủy thủ đặt ra manh mối về một phần thưởng vĩ đại đang chờ được khám phá. Columbus đã có kế hoạch của mình, giờ đây ông cần sự ủng hộ của một nhà tài trợ hoàng gia hùng mạnh, và tiền.

i. ((?)100-(?)168). Tên đầy đủ Claudius Ptolemaeus, là nhà bác học người Hy Lạp. Ông viết nhiều tác phẩm trong các lĩnh vực toán học, thiên văn học, địa lý và âm nhạc.

ii. Còn được gọi là Jacopo d'Angelo hay Giacomo, một học giả người Ý thời Phục hưng. Tên ông gắn liền với làng Scarperia ở Mugello của Cộng hòa Florence.

Sống ở Bồ Đào Nha với người vợ Bồ Đào Nha có quan hệ tốt, dĩ nhiên là Columbus đã đệ trình đề xuất của mình lên Vua Bồ Đào Nha. Đến lúc này, Columbus đã tự coi mình là người Bồ Đào Nha, dù người Bồ Đào Nha vẫn coi ông là một thủy thủ mới phát người Genoa định cư ở Lisbon, một trong những khu ngoại kiều lớn nhất của người Genoa mà có thể bắt gặp đâu đó. Họ vẫn nghi ngờ về những người ngoài như ông có thể thành công giữa họ.

Lơ là với các vấn đề này và phẫn chấn bởi những ghi chép mình đã thu thập được, Columbus gây áp lực, yêu cầu nhà vua cung cấp ba tàu buồm cho chuyến hải hành, trong đó có những chiếc hòm đựng hàng hóa để trao đổi như vải từ Flanders, chuông nhỏ, bát to bằng đồng, đồng tấm, chuỗi hạt thủy tinh nhiều màu, gương nhỏ, kéo, dao, kim, kim băng, áo vải bạt, quần áo vải thô, mũ đỏ – những vật dụng và đồ trang sức rẻ tiền để chinh phục các vùng đất và con người rõ ràng đang lẫn trốn ở nơi nào đó ngoài Biển Tây.

Những vấn đề thực tế này dễ dàng được thực hiện. Nhưng các đòi hỏi cá nhân Columbus đưa ra cho Vua João thì phiền phức và phi thực tế hơn nhiều. Ông muốn có một tước hiệu, muốn là “Hiệp sĩ Đinh thúc ngựa vàng”ⁱ sẽ cho phép ông và con cháu mình có được danh xưng với từ “Don”. Ông cũng mong muốn được nhận tước hiệu lớn nhất mà mình có thể nghĩ ra: Đô đốc Đại dương, “với tất cả những ưu đãi của chức vị, đặc quyền, quyền lợi, thu nhập, và quyền miễn trừ mà các đô đốc xứ Castile nhận được.”

Thậm chí đối với người Bồ Đào Nha, vốn quen với sự cường điệu, mô tả trên gân như ngớ ngẩn. Là một người có tài nói chuyện không biết mệt và thích tự quảng cáo bản thân, Columbus không bao giờ biết khi nào thì nên dừng, và ông yêu cầu được bổ nhiệm làm “phó vương và tổng trấn vĩnh viễn của mọi hòn đảo và đất liền được

i. Nguyên văn: “Knight of the Golden Spurs”.

khám phá dù đó là do ông hay do kết quả của chuyến đi này”. Và ông lên kế hoạch thưởng cho mình một phần mười của “tổng số tiền nhà vua thu được liên quan đến vàng, bạc, ngọc trai, đá quý, kim loại, gia vị, các món đồ giá trị khác, và hàng hóa dưới bất kỳ hình thức nào, đến từ tự nhiên, hoặc đa chủng loại, mà được mua, trao đổi, khám phá, hay đoạt được trong chiến trận trên toàn bộ những vùng đất dưới sự cai quản của ông”. Rõ ràng Columbus coi mình như một đối tác trong chương trình thám hiểm của triều đình, và là người cai quản của một vương quốc trong tương lai – hơn thế, một vương quốc lớn hơn và giàu có hơn chính Bồ Đào Nha.

Trong cái triều đình Bồ Đào Nha nhỏ bé, đây những chuyện ngôi lê đôi mách, chứng hoang tưởng của ông không dễ dàng được bỏ qua. João de Barrosⁱ, một sử gia cung đình, mô tả chân dung vị Đô đốc Đại dương tương lai là “một kẻ rất khoác lác và huênh hoang, đầy những tưởng tượng và hư cấu”, và do đó “nhà vua không mấy tin vào những gì ông ta nói”. Tuy nhiên, João II sau đó có hỏi ý kiến ba chuyên gia về các tuyên bố của Columbus: Bác sĩ Calzadilla, Ngài Rodrigo, và Ngài Josepe, “người Do Thái cuối cùng”, theo lời Las Casas. “Nhà vua tin cậy ba người này khi vấn đề liên quan đến việc thám hiểm và vũ trụ học, và họ, theo nhà văn của chúng ta, coi những lời của Columbus là hoàn toàn hoang đường.” Có vẻ như lời từ chối là tất yếu không tránh khỏi. Thay vào đó, nhà vua có vẻ lưỡng lự, và khiến Columbus phải chờ câu trả lời.

Ba chuyên gia mà Vua Bồ Đào Nha hỏi ý kiến phải mất nhiều ngày để hỏi han nhà hàng hải về kế hoạch của ông. Hăm hở gây ấn tượng, Columbus nói ra tất cả, và khi họ kết thúc cuộc trò chuyện với ông, João II tỏ ra là người ăn ở hai lòng khi ông ta cương quyết ra lệnh

i. ((?)1496-1570), một trong những sử gia vĩ đại đầu tiên của Bồ Đào Nha, nổi tiếng với tác phẩm *Décadas da Ásia* (Tạm dịch: Những thập kỷ châu Á).

tiến hành một cuộc thám hiểm lén lút dựa trên thông tin thu được từ nhà hàng hải người Genoa.

Sự lừa dối vẫn tiếp tục. João II đã đánh lừa Columbus khi cử một tàu buồm tiếp tế được cho là hướng đến quần đảo mũi Verde và những đảo khác, suốt thời gian này vẫn trì hoãn không đưa ra câu trả lời chính thức của mình cho Columbus. Khi chiếc tàu lê lết về được đến Lisbon trong tình trạng thê thảm – với lá buồm rách nát và cột buồm gãy – người dân hỏi han các thành viên thủy thủ đoàn đã kiệt sức. Đám sống sót kêu ca về những khổ cực họ phải chịu đựng ngoài biển và tuyên bố không thể đến được đất liền qua con đường biển. Khi mục đích thực sự của chuyến đi biển đã được phơi bày, sự lẩn tránh của Vua João trở nên rõ ràng với mọi người.

Ở thời điểm quan trọng này, Felipa người vợ trẻ của Columbus chết mà không rõ nguyên nhân, hoặc biến mất mãi mãi. Một quan điểm đa nghi hơn cho rằng Columbus đã bỏ rơi Felipa ở Bồ Đào Nha, nơi mà những mối quan hệ của gia đình cô đã từng hữu ích, để thử vận may của mình ở Tây Ban Nha, nơi chúng không còn tác dụng. Mặc dù hoàn cảnh về cái chết của cô, hay thậm chí năm mất, vẫn là điều chưa rõ ràng, nhưng việc ông bất ngờ ra đi không nhất thiết có nghĩa là ông bỏ rơi vợ mình; có thể ông đã lên kế hoạch cử người về đón cô nếu ông thành công ở nơi khác. Nhưng thậm chí có vẻ hợp lý hơn là cô không tồn tại, chỉ vì cô không bao giờ được nhắc đến nữa.

Ông đã dành tám năm cho công việc vĩ đại mà chưa hề thấy kết quả của nó ngoài sự chối từ và bối rối. Tuổi trẻ của ông đang qua đi, ông đã bước sang tuổi 40 – độ tuổi ngoài trung bình đối với một thuyền trưởng – chưa đạt được bao nhiêu cho những năm tháng lang thang mà hoài bão chưa thành. Ông là một người góa vợ nơi đất khách với tiền đồ đang lụi tàn và một cậu con trai nhỏ cần sự chăm sóc của ông. Mái tóc dài bông bênh đã ngả sang màu trắng. Chẳng có gì để ông có

thể cảm thấy biết ơn. Nhưng ông may mắn vẫn còn sống trước những hiểm nguy của triều đình Bồ Đào Nha và biển cả.

Đầy miễn cưỡng, ông hướng hoài bão của mình đến các nhà bảo trợ khác cho cuộc thám hiểm, Ferdinand và Isabella của Tây Ban Nha, kể cả khi phần nào đó trong ông mong mỗi một ngày có thể trở về Bồ Đào Nha trong chiến thắng. Còn bây giờ thì ông tìm kiếm vận may của mình ở Castile.

Nản lòng, Columbus giao trách nhiệm thám hiểm cho Bartholomew em trai mình, và thể hiện chút mưu mẹo, ông cử anh ta sang Anh để cầu xin Vua Henry VIIⁱ (cha của Henry VIIIⁱⁱ) sự hỗ trợ đã bị Vua Bồ Đào Nha khó hiểu và cứng rắn từ chối.

Đối với những ai biết anh em nhà Columbus, đều hiểu sự chuyển giao quyền lực bất ngờ này có logic nhất định. Bartholomew được tiếng là một “người rất khôn ngoan và dũng cảm, hiểu rõ đường đi nước bước trong cuộc sống và mưu mẹo hơn Christopher Columbus”, Las Casas đánh giá. Bartholomew biết tiếng La-tinh và “nhiều kinh nghiệm hơn về cách đối nhân xử thế”. Anh ta nổi tiếng là một nhà hàng hải sành sỏi như Christopher, thạo hơn về hải đồ và các công cụ đi biển.

Bị nhạt nhòa trước người con trai và người thừa kế nổi tiếng hơn – Henry VIII, Henry Tudor đã giành ngôi bằng việc đánh bại Richard IIIⁱⁱⁱ trên chiến trường và thành lập triều đại Tudor lâu dài. Đối với một vị quân vương của thời đó, ông ta là người thận trọng và có trách nhiệm. Bartholomew Columbus tán tỉnh phỉnh phờ theo cách của mình xung

i. (1457 – 1509), hay còn gọi là Henry Tudor, Vua Anh từ năm 1485 đến 1509.

ii. (1491 – 1547), Vua Anh từ năm 1509 cho đến khi mất vào năm 1547.

iii. Richard III là Vua Anh từ năm 1483 cho tới khi mất vào năm 1485, ở độ tuổi 32, trong trận chiến Bosworth Field. Ông là vị vua cuối cùng của nhà York và của triều đại Plantagenet.

quanh nhà vua, và để chiếm được sự tin yêu của bậc quân chủ, anh ta đã trình diện ông ta cùng với một *mappa mundi*, thuật ngữ tiếng Latinh để chỉ một tờ giấy, hay tấm bản đồ về thế giới, trên đó đánh dấu những vùng đất mà anh trai ông, Christopher Columbus, có kế hoạch tuyên bố sở hữu. Tấm bản đồ chứa thông tin ngắn gọn về người mang nó bằng tiếng La-tinh: “Nơi sinh của anh ta là Genoa và tên anh ta là Bartolome Colon xứ Terrarubia, đã hoàn thành công việc này tại London vào ngày 13 tháng 2 năm 1488 của Chúa. Ngợi ca Chúa”.

Trong lúc đó, Columbus kiếm được bản sao một bức thư do Toscanelli, người vẽ bản đồ và nhà toán học đến từ Florence biên soạn, đề ngày 24 tháng 6 năm 1474. Toscanelli nói đến một “con đường ngắn hơn bằng đường biển tới những vùng đất của gia vị, so với con đường mà các anh” – những người Bồ Đào Nha – “đến Guinea”. Ông ta tuyên bố một con tàu xuất phát từ Lisbon theo hướng tây, sau khi đi qua 5.000 dặm biển, sẽ đến được Quinsay, thủ phủ giàu có của Trung Hoa mà Marco Polo đã mô tả. Còn nữa. Một con đường biển khác sẽ mang con tàu đến “hòn đảo cao quý Cipango”, tức Nhật Bản theo cách gọi của Marco Polo, nơi mà độc giả của những mô tả nhiệt thành từ nhà thám hiểm người Venice biết là “giàu có nhất về vàng và ngọc trai và đá quý, anh nên biết rằng đến đài và cung điện hoàng gia được phủ bằng vàng nguyên chất”. Nếu đúng, và đó là một chữ *nếu* vĩ đại, Bồ Đào Nha có thể tạo dựng một liên minh với một đất nước giàu có đến nỗi không thể tưởng tượng nổi. Hay hơn nữa, Toscanelli tuyên bố, “Theo những ấn số, không còn các khoảng không rộng lớn trên biển cần phải vượt qua nữa”. Quan sát đơn giản này xuất phát từ một hiểu lầm nghiêm trọng về địa cầu (và tất cả đều biết nó là một hình cầu; điều đó chẳng mấy khi phải tranh cãi). Giống như Ptolemy trước đó, Toscanelli bỏ qua lục địa châu Mỹ và Thái Bình Dương – những khía cạnh khiến một chuyến vượt biển như vậy đến châu Á thành ra không thể.

Thậm chí còn hơn cả Ptolemy, Toscanelli khiến Columbus tin rằng Caribbean là ngưỡng cửa vào Trung Hoa. Sớm hay muộn thì sẽ có một đất nước nào đó, và một ông vua nào đó, sẽ đầu hàng trước tiếng còi báo hiệu về đế chế của anh em nhà Columbus.

Trong lúc Bartholomew đang lấy lòng Vua Henry, thì Christopher, phần khởi trước những nghiên cứu của mình, đã tới Tây Ban Nha để lôi kéo Ferdinand và Isabella vào công cuộc đó. Nhưng lần tiếp đón đầu tiên ở Tây Ban Nha gây thất vọng đến mức cuối năm 1487, ông viết thư cho Vua João, vốn đã từng bác bỏ và hạ nhục ông, xin phép được trở lại Bồ Đào Nha.

Ngược lại với mọi trông đợi, bậc quân chủ Bồ Đào Nha đã trả lời vào ngày 20 tháng 3 năm 1488, bằng giọng hòa giải, cảm ơn Columbus vì “ý định tốt đẹp và sự yêu mến”, và một cách đáng ngạc nhiên, nói rằng, “ta sẽ rất cần đến năng lực và tài năng tinh diệu của người”, những lời thực sự thổi bùng ngọn lửa tham vọng của Columbus. Đề nghị ấy đến cùng với một sự đảm bảo rằng “người sẽ không bị bắt, giam giữ, triệu tập, buộc tội, hay xử tội, vì bất cứ lý do gì, theo luật hình sự. Do đó, ta đề nghị người và giục người đến mau và đừng ngại ngần làm như vậy vì bất cứ lý do gì”.

Columbus đến Lisbon vào năm 1488, cùng thời điểm với Bartolomeu Dias, nhà hàng hải yêu thích của Vua João hồi đó, vừa trở về từ cuộc thám hiểm vùng bờ biển châu Phi. Vậy là Columbus đành nhin nhục khi phải chứng kiến đối thủ cạnh tranh qua mặt mình về thành tích và được Vua João quý mến. Có phải Columbus bị đưa vào tình thế như vậy? Thực ra là nhà vua triệu hồi ông làm vật thay thế trong trường hợp Dias không trở về từ chuyến đi của mình, và Columbus, bị dẫn dắt bởi tham vọng, sự ngây thơ và sự phù hoa, đã sập bẫy. Ông đành rời Bồ Đào Nha lần nữa vào năm 1488, hướng đến Tây Ban Nha, nơi ông sẽ thực hiện một nỗ lực quyết tâm để giành được sự

ủng hộ cho công việc của mình. Bị hạ thấp và thất vọng, ông không bao giờ còn muốn nhìn thấy Bồ Đào Nha nữa.

Về sau, Columbus thú nhận với bậc quân chủ đã thực sự ủng hộ ông, Vua Ferdinand của Tây Ban Nha, “Tôi đến gặp Vua Bồ Đào Nha, vốn biết về vấn đề thám hiểm hơn bất cứ bậc quân chủ nào, và Nhà Vua đã bịt mắt và che tai mình lại đến mức trong suốt 14 năm ông ta không hiểu điều tôi nói”. Nhưng Ferdinand đã nghe, và Isabella đã hiểu điều Columbus đang nói. Trước đôi tai của bà ta, ông nói rằng mình có thể đem lại cho bà ta những phương tiện để quản lý một đế chế xuyên đại dương mà sẽ vượt qua đế chế của bất cứ một dân tộc châu Âu nào.

Ferdinand xứ Aragon và Isabella xứ Castile gặp nhau lần đầu tiên chỉ năm ngày trước khi họ kết hôn vào ngày 19 tháng 10 năm 1469, tại Palacio de los Vivero ở Valladolid. Vua trẻ hơn Nữ hoàng gần một tuổi, và vào ngày cưới của mình, họ chỉ mới 18 và 17 tuổi, là anh em họ. Nữ hoàng không xinh và Vua không đẹp trai. Nhưng họ là những người Ki-tô giáo ngoan đạo. Cả hai đều là con của những vị vua thuộc nhà Trastámaraⁱ và là những nhân vật nổi tiếng. Ở độ tuổi 12, Ferdinand đã chỉ huy binh lính của mình dẫn tới chiến thắng trước người Catalan, và khi bà mẹ đầy tham vọng của Ferdinand, Juana Enríquez, một người Castile, mất vì bệnh ung thư năm 1468, Ferdinand đã đọc di chúc cho mẹ và xác định vị trí của mình là người trị vì tiếp theo của triều đại. Ít tháng sau đó, những người đại diện của Isabella tìm ra ông ta và hộ tống ông ta đến Castile để cưới vợ.

Ngay từ đầu, cuộc hôn nhân của họ đã là một sự thu xếp bất thường mang lại cho Isabella quyền lực ngang bằng, hoặc trong một số trường hợp còn lớn hơn, quyền lực ở người chồng trẻ. Với những điều khoản được thỏa thuận bởi một đội cố vấn, bà ta một mình cai quản

i. Một triều đại gồm các nhà vua ở Tây Ban Nha, bắt đầu trị vì xứ Castile vào năm 1369 và sau đó mở rộng lãnh thổ đến các vùng Aragon, Navarre và Naples. Kết thúc vào năm 1555.

vương quốc Castile ở phía bắc miền Trung Tây Ban Nha. Trên cơ sở mối quan hệ chính thức phức tạp của họ, liên minh của họ lớn mạnh. Ferdinand có đam mê nhân tình của mình còn Isabella có tôn giáo để giải khuây. Bất kể điểm khác biệt cá nhân của họ là gì, trước công chúng, họ đều trình diễn rằng họ yêu và tôn trọng nhau, điều cần thiết để duy trì việc cùng trị vì.

Những năm đầu trị vì của họ là thời kỳ thử thách đối với cả hai. Họ dựa vào các cố vấn giàu kinh nghiệm hơn và những người trung gian để đẩy lui các thách thức về quyền lực và tài chính. Nằm trên bờ vực của tình trạng vỡ nợ, họ thực hiện những biện pháp mới về thuế, thường là từ việc bán nông sản để có tài chính cho tham vọng của họ. Một trong những thử thách nguy hiểm nhất xảy ra vào năm 1476 là khi Alfonsoⁱ, Vua Bồ Đào Nha, tấn công Castile với sự hỗ trợ của giới quý tộc Castile. Các vị Quân chủ không để cho điều đó tiếp tục thách thức. Vào ngày 1 tháng 3 năm đó, Vua Ferdinand đánh thắng Alfonso trong trận quyết định ở thành phố sản xuất rượu vang mang tên Toro ở phía bắc Madrid, và bắt đầu nhiệm vụ nặng nề là củng cố đế chế đã bị tan rã. Ferdinand và Isabella dần được biết đến với tư cách là Los Reyes Católicosⁱⁱ, các vị Quân chủ Công giáo, một biệt hiệu tồn tại trong suốt thời gian trị vì lâu dài của họ.

Vào năm 1479, Ferdinand nối ngôi cha mình làm vua xứ Aragon, những lãnh thổ và vương quốc của Ferdinand và Isabella được hợp thành một. Không phải từ thế kỷ thứ 8 mới tồn tại một thực thể chính trị thống nhất mà có thể gọi là España, hay Tây Ban Nha. Các vị Quân chủ Công giáo không ngu quên trong chiến thắng của mình. Họ bắt đầu giành lại quyền lực chính trị từ cả giai cấp tư sản lẫn quý tộc, và

i. (1432 – 1481) Được biết đến là Vua Alfonso V trị vì Bồ Đào Nha từ năm 1438 đến 1481.

ii. Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha.

họ hạn chế quyền lực của Cortes, hay Nghị viện, xuống thành đơn vị chức năng đơn thuần phục vụ vì sự vinh quang của các vị Quân chủ. Họ giành được sự ủng hộ rộng rãi cho những nỗ lực và củng cố quyền lực của mình. Người Do Thái và Islam giáo, các thành phần quan trọng trong buôn bán, đời sống tri thức, và thương mại của Tây Ban Nha, sẽ là những người tiếp theo bị hạ bệ. Có lẽ điều có ý nghĩa là biểu tượng hoàng gia của Isabella là một bó tên, các đầu nhọn của chúng cảnh báo kẻ thù nào đó về ngôi báu, và biểu tượng của Ferdinand là một chiếc ách đôi được mang bởi hai con bò đực, thể hiện sự thừa nhận của ông ta đối với quyền lực của Isabella.

Do dị giáo lan tràn trong toàn lãnh địa, những người đại diện cho các vị Quân chủ đã lập nên Tòa án Dị giáo vào năm 1480 để đưa những kẻ bị buộc tội ra xử. Một số người thoát được mà không mất gì nhiều ngoài mấy thứ trần tục, những người khác thì bị buộc tội chết. Nỗi sợ đối với Ferdinand và Isabella tăng lên, và dưới cú thúc của họ Tây Ban Nha dường như hồi phục phần nào đáng về tự tin và lòng mộ đạo trước kia. Như một biểu tượng hùng mạnh, thành phố thần thánh Jerusalem vẫn là mục tiêu tối hậu của chiến tranh. Chẳng bao lâu, việc chiếm lại nó đã được nói đến nhằm hoàn thành phần việc còn dang dở của các cuộc Thập tự chinh.

Vào năm 1480, lực lượng Ki-tô giáo đánh bật người Islam giáo ra khỏi bán đảo Iberia. Hơn 50 thành phố bị người Islam giáo chinh phục đã trở về với Ki-tô giáo trong vòng 10 năm. Trong khi các nhà thờ Islam giáo biến thành nhà thờ Ki-tô giáo, những cuộc tấn công vẫn còn dai dẳng, dựa vào súng thần công và sức gỗ nặng phá thành để bao vây hết thành phố này đến thành phố khác. Để có tiền chi cho chiến dịch quân sự vĩ đại này, các vị Quân chủ Công giáo quay sang cầu cứu Giáo hoàng, người đã cho phép hoàng gia đánh thuế thập phânⁱ để không rơi

i. Thuế thập phân yêu cầu người đóng thuế nộp một phần mười thu nhập.

vào vỡ nợ. Thuế và các khoản vay bắt buộc cũng giúp làm đầy ngân khố hoàng gia, nhưng biện pháp đơn giản nhất là tịch thu tài sản của người Do Thái và Islam giáo. Đặc biệt, thành phố Seville giàu có bị ảnh hưởng trầm trọng bởi tình trạng khẩn cấp của Tòa án Dị giáo.

Columbus xuất hiện giữa cuộc chiến kéo dài này vào đầu năm 1485, tìm kiếm sự ủng hộ của Ferdinand và Isabella cho toàn bộ một dự án mới, khám phá một tuyến đường biển xuyên đại dương đến với Ấn Độ. Quá trình ve vãn lâu dài của nhà hàng hải người Genoa 34 tuổi với Vua João của Tây Ban Nha đã tỏ ra vô ích, và những nỗ lực lôi kéo sự quan tâm của Pháp và Anh trong chiến lược hoàng gia của ông cũng chẳng đi đến đâu. Ông thậm chí đã quay về Genoa để cố gắng khơi dậy mối quan tâm về một cuộc thám hiểm, nhưng chẳng gặp được chút nhiệt tình nào ở nơi mình sinh ra.

Chán nản, ông quay về Tây Ban Nha, tại đây kế hoạch to tát của ông đã lóe sáng khi ông trải tấm bản đồ thế giới cho thấy Ấn Độ và những vùng đất khác của Đại Hãn. Theo như người bạn tâm giao Andrés Bernaldez, việc trưng ra tấm bản đồ này “đã làm thức dậy trong họ mong muốn biết đến những vùng đất đó”. Ferdinand tìm cuốn *Geography* của Ptolemy để tự mình xem xét những điều mà Columbus vừa nói đến.

Quá trình Tái chinh phục diễn ra chậm chạp và không ngừng. Một số tỉnh lặng lẽ quy phục trước những quy định và thuế má của Castile, các tỉnh khác bướng bỉnh chống lại. Vào năm 1487, một trong những thành trì kháng cự bướng bỉnh nhất là Málaga, thành phố cảng trên bờ biển phía nam của Tây Ban Nha, đã sụp đổ sau bốn tháng bị bao vây, sau đó hầu hết cư dân bị các vị Quân chủ Công giáo bắt làm nô lệ và bán đi, nhằm cảnh cáo những ai chống lại ý chí của Ferdinand và Isabella.

Chiến lợi phẩm lớn nhất là xứ Granada, dần chuyển từ trung thành với Islam giáo sang trung thành với Ki-tô giáo. Vào tháng 11

năm 1491, khi chẳng còn lựa chọn nào, sultanⁱ của Granada, đành thu xếp một hiệp ước đầu hàng bí mật với Ferdinand và Isabella. Vào ngày 2 tháng 1 năm 1492, lực lượng Tây Ban Nha chiếm Alhambraⁱⁱ, “Pháo đài Đỏ” của thế kỷ 14 làm nơi ở cho các tiểu vương Islam giáo cuối cùng, hay thủ lĩnh, ở miền Nam Tây Ban Nha; bốn ngày sau, Ferdinand và Isabella tiến vào Granada đầy ngoạn mục. Columbus tuyên bố mình có mặt ở đây để chứng kiến lịch sử đang được tạo ra vào hôm đó. “Tôi thấy Lá cờ Hoàng gia của các Bệ hạ được những bàn tay mạnh mẽ cắm lên mấy ngọn tháp của Alhambra”, sau này ông viết, “và tôi thấy Vua Moor ra khỏi cổng thành và hôn đôi bàn tay cao quý của các Bệ hạ và của Hoàng thân chúa công của tôi”. Có lẽ ông chỉ được nghe nói về vụ đầu hàng. Dù sao đi nữa, ông cũng muốn các vị Quân chủ của mình biết rằng ông gắn bó chặt chẽ đến thế nào với những mục đích hoàng gia của họ.

Không giống như người Do Thái, vốn bị đối xử khắc nghiệt, người Islam giáo có thể sở hữu tài sản, thờ cúng như họ muốn, và sống theo những luật lệ của mình. Sự hòa giải tỏ ra ngắn ngủi. Hai năm sau, một cuộc nổi loạn nổ ra, và các vị Quân chủ ra lệnh cho số người Islam giáo còn lại hoặc cải sang Ki-tô giáo hoặc rời khỏi Tây Ban Nha. Một thế kỷ sau đó, họ cũng sẽ bị trục xuất.

Việc chinh phục Granada đã củng cố vương quyền ngày càng đẫm máu của các vị Quân chủ Công giáo, vốn đã có được sự tự tin và phương tiện để thực hiện một loạt sáng kiến được thiết kế nhằm tiếp tục củng cố đế chế Ki-tô giáo của họ, và theo đuổi mục đích tối hậu là chiếm lại Jerusalem. Họ tiến quân vào châu Phi, vừa để Ki-tô giáo lan truyền xa và rộng nhất có thể, vừa để chiếm vàng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 1492, Ferdinand và Isabella ký một sắc lệnh nhằm mục đích

i. Vua Islam giáo. (HĐ)

ii. Quần thể cung điện và pháo đài ở thành phố Granada, Tây Ban Nha.

trục xuất người Do Thái khỏi Tây Ban Nha. Họ có thể, hoặc cải sang Ki-tô giáo để giữ được cung cách sống, gia đình, và của cải của mình, hoặc rời bỏ đất nước trước ngày 31 tháng 7. Mấy năm trước, vào năm 1477, một Isabella còn ngây thơ và lý tưởng hơn từng xem mình như một người bảo vệ dân Do Thái, đã ký một sắc lệnh đưa ra biện pháp bảo vệ họ. “Người Do Thái là người của ta, và họ ở dưới sự bảo vệ và quyền lực của ta”, khi ấy bà ta đã tuyên bố. Sau đó bà ta quay lưng lại với họ, và đến năm 1489, người Do Thái ở Tây Ban Nha bị thiêu sống vì bị cho là phản bội. Lúc này, dư luận đã quay lưng và chống lại người Do Thái đầy mạnh mẽ, mạnh đến mức trên thực tế việc trục xuất được xem là quá chậm. Ferdinand và Isabella thấy mình đang cố hòa nhịp với cơn cuồng nộ của lòng thù hận và cuộc nội chiến mà họ đã gieo mầm.

Vào năm 1492, Isabella mời Columbus trở lại Tây Ban Nha, nơi các vị Quân chủ liên tục đi thăm thú những lâu đài, cung điện, và tu viện một cách thân thiện. Lối sống tiêu dao của họ giúp họ giữ liên hệ với lãnh địa và thuộc hạ, nhưng nó cũng tạo nên một khoảng trống quan liêu mà trong đó các tài liệu và mệnh lệnh thường xuyên bị đi lạc. Mặc dù những giao dịch của Columbus với các vị Quân chủ và những chuyến đi của ông đã được ghi lại cẩn thận, nhưng vẫn có những kẽ hở đáng kể, nguyên nhân một phần là do tình trạng này.

Khi Christopher Columbus lại một lần nữa xuất hiện giữa họ và yêu cầu sự ủng hộ cho chuyến đi của mình, thì những kế hoạch của ông, vẫn luôn cường điệu như thế, xuất hiện như một trò tiêu khiển được chào đón, giúp quên đi những công việc nặng nhọc của Tòa án Dị giáo, và là sự thực hiện một phần mục đích của họ trong việc tạo dựng một đế chế Ki-tô giáo. Columbus nói chuyện khá lâu với Isabella, và bà ta dần bị thuyết phục rằng sứ mệnh mà ông đề xuất có thể hữu ích cho họ. Chỉ cần ba con tàu, sẽ không tốn kém đối với ngai vàng đang bị áp lực nặng nề, các chi phí sẽ được bù lại bằng thuế và bán những đặc

ân. Để thể hiện lòng tin chân thành, bà ta đưa ra những món nữ trang của mình làm đồ thế chấp: một cử chỉ đầy xúc động, nhưng chẳng thể kỳ vọng là có ai đó tuyên bố sở hữu chúng. Ba tuần sau khi trục xuất người Do Thái khỏi Tây Ban Nha, các vị Quân chủ Công giáo đã ký sắc lệnh dưới đây:

Chúng tôi cử Cristóbal Colón với ba chiếc tàu buồm vượt Đại dương tới Ấn Độ thực hiện nhiệm vụ liên quan đến việc phụng sự Chúa và mở rộng đức tin Ki-tô giáo cũng như vì ích và lợi của chúng ta.

CHƯƠNG 3



ĐẮM TÀU

“Đêm đó gió thổi mạnh từ phía đông đông bắc”, Columbus viết vào khoảng ngày 17 tháng 12 năm 1492, biết ơn Tortuga đã che chở cho những con tàu nhỏ của họ. Buổi sáng, ông ra lệnh cho thủy thủ đoàn buông lưới đánh cá, và trong lúc họ làm vậy, những người dân – giờ đây luôn được gọi là “người Ấn Độ” – nô đùa với họ, và thú vị hơn, đưa ra mấy mũi tên mà họ nói là do bọn ăn thịt người không ai thấy nhưng lại luôn hiện diện làm ra. Thứ vũ khí này là những “cái que hình ống, dài, mảnh, được nung cứng và nhọn”. Người Anh-điêng chỉ vào hai người đàn ông có cơ thể bị cấu xé và “cho họ hiểu rằng bọn ăn thịt người đã cắn xé hai người đó nhồm nhoàm đầy miệng”. Có vẻ như người Anh-điêng đang tìm cách tạo lập một liên minh với các vị khách của mình để chống lại kẻ thù chết người này, nhưng Columbus – nhà hàng hải người Genoa hay nghi ngờ – vẫn chưa bị thuyết phục, và ông tiếp tục việc đổi chác lấy vàng cũng như khen ngợi sự thông minh của những người Anh-điêng chịu hợp tác.

Buổi tối, ông ghi lại, một chiếc thuyền lớn chở 40 người đàn ông đến Tortuga. Khi những chiến binh trên thuyền đặt chân lên bãi biển, vị tộc trưởng địa phương giận dữ ra lệnh cho họ quay trở lại nơi họ đã đến, hắt nước biển và ném đá theo họ. Sau khi họ đã rời đi trên chiếc thuyền của mình, vị tộc trưởng nọ bèn cầm một hòn sỏi và thay vì ném

nó vào người Tây Ban Nha, lại nhẹ nhàng đặt nó vào tay vị chủ soái của người Tây Ban Nha như một cử chỉ hòa bình.

Khi chiếc thuyền và mối đe dọa nó mang theo đã biến khỏi tầm mắt, vị tộc trưởng mô tả – thông qua phiên dịch – cuộc sống của họ tại Tortuga. Ở đó có vàng không? Ở Tortuga có nhiều vàng hơn ở Hispaniola, nhưng không có mỏ vàng. Dù thế, “đất nước giàu có đến nỗi không cần phải làm việc nhiều để duy trì cuộc sống hay có quần áo mặc, vì họ trần truồng”. Không chú ý tới các chi tiết cho thấy sự biếng nhác đầy tội lỗi của những người Anh-điêng này, Columbus cũng đầu tiếp tục cuộc tìm kiếm vàng của mình, hiểu rằng có thể tìm được một nguồn vàng trong chuyến đi bốn ngày vào đất liền, hay “chỉ một ngày nếu thời tiết đẹp”.

Sau đó, khi gió lặng đi, Columbus và người của mình lui về tàu của họ để chuẩn bị kỷ niệm ngày lễ mà ông gọi là Lễ Truyền tinⁱ (nay được gọi là Our Lady's Expectation) vào ngày 18 tháng 12. Trong lúc Columbus đang ăn tối bên dưới *sterncastle*ⁱⁱ (một cấu trúc trên boong chính), thì 200 người xuất hiện, mang theo vị vua trẻ trên kiệu. Tất cả, ông ghi lại một lần nữa, đều trần truồng, hoặc gần như vậy. Khi kiệu được hạ xuống, “anh ta đi đến và ngồi xuống cạnh tôi rất nhanh, không để cho tôi kịp ra chào hay đứng lên khỏi bàn, mà khẩn khoản đề nghị tôi ăn tiếp”. Trong lúc những người Anh-điêng đứng xếp hàng ngay ngắn trên boong “với sự tôn trọng và thiện ý nhất trên thế giới”,

i. Nguyên văn: “Commemoration of the Annunciation”, còn được gọi là Ngày của Đức Mẹ, kỷ niệm chuyến viếng thăm của sứ thần Gabriel đến Mary, thông báo rằng bà sẽ thụ thai và sinh hạ Jesus.

ii. Còn có tên gọi khác là “aftcastle”, là cấu trúc những khoang trên của boong tàu phía lái của một chiếc tàu buồm (ở phía sau cột buồm thứ ba). Nó thường được thiết kế ở những con tàu galley hoặc galleass thời Trung cổ để tạo ra vị trí thuận lợi với chiều cao mà từ đó cung thủ có thể đó bắn những mũi tên có lửa sang tàu địch; đây cũng là một nơi bố phòng để đánh trả trong trường hợp đối phương nhảy lên boong. (BT)

Columbus mời vị vua trẻ cùng ăn, và hài lòng nhận thấy rằng anh ta ăn tất cả “các món”, còn đối với đồ uống, “anh ta đơn giản nâng [nó] lên môi rồi đưa cho những người khác, và luôn với một dáng vẻ cao quý tuyệt vời và rất khiêm lời”.

Sau bữa ăn, một hầu cận người Anh-điêng đưa ra một món quà khiến Columbus hài lòng. Đó là chiếc thắt lưng mà “hình dạng giống những chiếc thắt lưng ở Castile nhưng có cách làm khác”. Vị Đô đốc xem xét món đồ cẩn thận, như thể quyết định xem nó có được giá ở Tây Ban Nha, và đổi lại thì đưa cho vị tộc trưởng “những hạt hồ phách mà tôi đeo ở cổ mình, và một vài đôi giày màu đỏ, và một chai nước cam”, khiến người nhận chúng trầm trồ tán thưởng.

Bị ngăn trở vì bất đồng ngôn ngữ và không có người phiên dịch đáng tin cậy, nên Columbus cho rằng những dấu hiệu và lời nói của vị vua có nghĩa rằng “toàn bộ hòn đảo là dưới quyền ra lệnh của tôi”. Và từ lỗ hổng giao tiếp này đã làm nảy sinh niềm tin, ít nhất trong tâm trí Columbus, rằng ông đang chiếm được một đế chế của chính mình. “Sau khi đã muợn và anh ta muốn rời đi, Đô đốc tiễn anh ta lên thuyền một cách rất trang trọng với nhiều phát thần công, và khi cập bờ, anh ta lên kiệu rồi rời đi cùng hơn 200 người, và chẳng mấy chốc con người đáng kính ấy đã được rước đi trên vai người Ấn Độ.” Đó là một việc hài lòng của ngày hôm đó, đầy hy vọng, ảo tưởng, và dối lừa.

Sau khi nhổ neo, Columbus đi theo hướng đông dưới trăng tròn tới chỗ rất có khả năng là Lombardo Cove trên vịnh Acul thuộc Haiti ngày nay, một nơi được che chở và yên bình, kể cả theo các tiêu chuẩn của vùng Caribbean. “Cảng này là đẹp nhất”, ông hân hoan.

Hôm sau, vị Đô đốc phởn phơ về phát hiện của mình, huênh hoang trong nhật ký và rất có thể là với cả những bạn tàu, rằng chẳng đâu trong 23 năm trên biển của ông sánh được với chốn này, và nó

“hơn hẳn mọi nơi và sẽ đủ chỗ cho tất cả tàu bè trên thế giới” với chiều dài bốn dặm của mình.

Vào khoảng 10h tối hôm đó, một chiếc thuyền chở đầy người Anh-điêng từ trong bờ tiến ra chỗ tàu chỉ huy “để gặp Đô đốc và người Ki-tô giáo, và để trăm trở về họ”. Tiếp theo là một phiên trao đổi nhanh chóng, và Columbus cử đi một nhóm thám hiểm, sau khi trở lại họ đã báo cáo về một “ngôi làng to”. Đối với Bartolomé de Las Casas, người viết sử ký về Columbus, từng bỏ ra hàng năm trời sống giữa người Anh-điêng, thì các khu định cư đó là cảnh trí quen thuộc ở phía bên này của thế giới. Ông ta viết “người dân làm nhà từ gỗ và rơm, hình dạng như một cái chuồng. Chúng rất cao và rộng rãi, mỗi cái đủ cho ít nhất 10 người sống trong đó. Chúng tựa trên mấy cây cột lớn, to cỡ bắp chân hay thậm chí bắp đùi, dựng thành vòng tròn, cắm xuống đất cạnh nhau ngập khoảng bằng nửa thân người; tất cả chụm vào nhau ở mái, ở đó chúng được buộc bằng một loại dây leo trước kia gọi là *bejuco*”. Ông ta tiếp tục đưa độc giả vào một chuyến tham quan có hướng dẫn đầy thán phục về nơi ở của người Anh-điêng. “Với những chiếc mái này và vỏ cây màu đen, cùng vỏ cây khác bị tước ra mà vẫn giữ màu trắng, họ tạo nên tác phẩm có hoa văn mắt cáo với các cách sắp xếp và trang trí giống như những bức tranh trong một ngôi nhà... Các ngôi nhà khác thì được trang trí bằng mấy cây sậy được tước ra có màu rất trắng. Có những cây sậy rất nhỏ và mỏng manh.”

Ban đầu thì rụt rè, dần dần các cư dân “hết sợ” và “rất nhiều đàn ông, đàn bà, và trẻ con” đổ xô tới chỗ bánh mì “rất trắng và ngon”, Columbus ngạc nhiên viết, “và họ mang cho chúng tôi nước đựng trong những quả bầu và bình đất nung có hình dạng như bình ở Castile”, hoặc đối với ông chúng có vẻ như vậy. Các món quà ông nhận được có cả vàng – vàng quý! – hơn nữa, người Anh-điêng thực hiện vai trò của mình với sự tin tưởng. “Dễ dàng nhận ra khi một cái gì đó được trao tặng bằng cả trái tim”, ông kết luận.

Lúc ấy bản năng hám lợi của ông đã được thỏa mãn, vị Đô đốc khen ngợi những vị khách hào phóng, họ “chẳng có giáo hay tên hay bất cứ thứ vũ khí nào”. Quyết định rằng chẳng có gì để sợ, Columbus cử một nhóm sáu người đến ngôi làng, ở đó họ cố gắng giải thích một lần nữa rằng họ không phải từ trên trời rơi xuống như người Anh-điêng tin thế, mà đã vượt biển đến đây trong sự phụng sự Ferdinand và Isabella, các vị Quân chủ Công giáo xứ Castile. Trong cảm giác về kỳ vọng được tôn cao, Columbus cuối cùng quyết định lên bờ và đến thăm lại. Ngay khi ông cho biết ý định của mình, “thật tuyệt làm sao, rất nhiều người đổ ra bãi biển, đàn ông, đàn bà và trẻ con, hét lên rằng ông không được rời đi mà phải ở lại với họ”. Columbus ở lại an toàn trong chiếc xuồng lớn của mình, đón nhận những đồ ăn như một bữa tiệc di động đang được bày ra. Nhận mấy chú vẹt và các món quà khác, và phân phát “những hạt thủy tinh và nhẫn đồng và chuông nhỏ – không phải vì họ đòi hỏi gì mà do ông thấy như vậy là đúng”. Và vì, với một bước nhảy vọt đặc trưng khác, “ông đã coi họ là người Ki-tô giáo”.

Đến bất kỳ nơi nào, ông đều phản ứng với cùng một cảm nhận về sự kinh ngạc và lòng tự tôn, như thể những cảnh sắc tuyệt mỹ này được tạo ra là vì lợi ích của ông, và như ông tự nhủ sau đó, vì những vị bảo trợ hoàng gia của mình. Bị giam giữ trong các giả định của thời trung cổ, khả năng hiểu biết và trí tưởng tượng của ông đã nỗ lực diễn giải những cảnh sắc gây kinh ngạc đó theo những phạm trù mà ông hiểu biết. Thế giới mà ông nhìn ngắm và phụ thuộc vào nó để sống vừa mang tính tự nhiên vừa mang tính siêu nhiên; ông chỉ cần dò đoán các ý định của Đấng sáng tạo để triệt để khai thác chúng. Ông tin rằng quan điểm của mình về người Anh-điêng là chính xác – những sinh vật tiến bộ và hấp dẫn và có tiềm năng hữu ích – hơn những gì mà họ thực sự là, hay có thể là. Và nếu họ tỏ ra nghi ngờ, ông sẽ vui mừng mà khai sáng cho họ. Ông sững sốt chứ không mất lòng khi nghe nói người Anh-điêng cho rằng đội tàu của ông đến từ trời, đặc biệt vì sự

hiếu lâm ấy đã mang lại cho ông cơ hội để thiết lập uy tín của mình. Đám đông tụ tập lại để nhìn ông, họ trưng các phụ nữ của mình ra vì ông. Đến lượt mình, ông ngưỡng mộ họ theo cách mà người ta ngưỡng mộ một con ngựa chiến lợi phẩm hay một con chó tốt, vẫn còn hoang dã nhưng lại có khả năng, thậm chí háo hức, được thuần hóa, khi ông viết rằng “chẳng còn thiếu gì ngoài việc biết tiếng của họ và ra lệnh, bởi mỗi lệnh được đưa ra cho họ họ sẽ tuân theo không phản kháng”. Giá như Columbus, với vị thế vững chắc của mình, có thể có được sự tôn trọng như vậy ở Tây Ban Nha, hay bất cứ nơi nào ở châu Âu.

Trong vòng tay “được che chở và sâu” của vịnh Acul, bao quanh là “những con người rất tốt bụng, hiền lành và không có vũ khí”, ông say sưa thưởng thức thiên đường của người thám hiểm. Thậm chí cửa lạch nhỏ cũng đủ rộng để từng con tàu lần lượt đi qua mà không gặp sự cố gì. Hơn nữa, “bất kỳ chiếc tàu nào cũng có thể nằm trong đó mà không sợ bị những chiếc tàu khác có thể đến và tấn công mình vào đêm”. Ông quyết định đặt tên vịnh là Puerto de la Mar de Sancto Tomás, “vì hôm nay là ngày lễ của Ngài”.

Đến thứ Bảy, ngày 22 tháng 12, Columbus đầu hàng trước sự thôi thúc đi tìm vàng, và lúc rạng đông, đội tàu nhẹ nhàng thả neo giữa mực nước biển đang dâng lên. Trong đầu mình, ông hình dung một địa điểm có nhiều vàng hơn đất, hoặc người Anh-điêng đã khiến ông tin như vậy. Đáng ngại thay, “thời tiết không cho phép”, và ông nhanh chóng trở về chỗ thả neo ở Hispaniola, nơi ông được hộ tống bởi lãnh chúa địa phương là Guacanagarí, người liên tục mang đến cho Đô đốc những món quà hào phóng, đáng nhớ nhất là đai thắt lưng có “chiếc mặt nạ với đôi tai to làm từ vàng được dập mỏng, tương tự như cái lưỡi và mũi”. Khi xem kỹ hơn, ông thấy rằng “chiếc thắt lưng là món trang sức rất tinh xảo, giống như những viên ngọc trai hình thù kỳ dị được làm từ các mẫu xương cá màu trắng và một số thì màu đỏ, kết vào với

nhau kiểu như được thêu hay khâu lại bằng chỉ với kỹ thuật vô cùng tinh xảo mà mặt bên này là chỉ và mặt bên kia là thắt lưng, nhìn nó có vẻ như những đường thêu rất đẹp, mặc dù tất cả đều màu trắng, như thể đó là một tấm mạng trong cái khung”. Ông đã thử và đánh giá nó là “chắc đến mức tôi tin rằng súng hỏa mai” – một loại vũ khí xách tay nạp đạn ở đầu nòng với độ chính xác hạn chế nhưng nếu ở gần thì khá nguy hiểm – “không thể xuyên qua nó được, hoặc nếu có vô cùng khó khăn”.

Vào Chủ nhật, Columbus lại ra khơi, sau khi thể hiện những lo ngại thông thường về việc ra biển vào Ngày của Chúa, “đơn giản vì lòng trung thành của ông với Chúa chứ không phải vì sự mê tín nào cả”. Không vấn đề gì cả khi vàng đang vậy gọi.

Trước khi ông đến được với vàng, vàng đã đến với ông, do vị thủ lĩnh địa phương mang tới. Đô đốc phản ứng đầy ngạc nhiên sau khi đã chuẩn bị cho việc mặc cả khó khăn, “đối với người Ấn Độ thì chẳng đáng gì, còn đối với người Tây Ban Nha lại thật đáng thèm khát và xa vời”. Ông và người của mình chỉ phải đưa “một mẫu thủy tinh nhỏ và bát đĩa bằng sành hay những vật khác chẳng giá trị gì” để nhận được mấy mẫu vàng, và lúc các vụ chuyển nhượng diễn ra, người Tây Ban Nha thấy họ chẳng cần đưa gì để nhận được vàng quý giá, một việc làm bị Đô đốc của họ cấm, sau khi ông quan sát thấy rằng người Anh-điêng đưa vàng miễn phí chỉ để đổi lấy sáu hạt thủy tinh, “do đó ra lệnh cho họ” – những người Tây Ban Nha – “không được lấy gì từ người Ấn Độ trừ phi đưa họ có thứ gì đó để đổi lại”. Những thứ được đổi chác bao gồm hạt thủy tinh, vải bông, những con ngỗng, hay bất cứ thứ gì có trong tay. Đội ngũ những người Anh-điêng cứ đông dần tới gần 120 chiếc thuyền, “tất cả đều chứa đầy người, và ai cũng mang đến cái gì đó, đặc biệt là bánh và cá và nước trong bình đất nung, và nhiều loại hạt gia vị tốt, cuối cùng là họ thay nhau vác trên lưng qua sông và vùng lầy lội”, để cho vui cũng như vì một mục đích nào đó, tranh nhau thể hiện sự tôn trọng và niềm hân hoan với các thủy thủ và con tàu của họ.

Lễ hội trở nên náo loạn hơn. Columbus đánh giá rằng có hơn ngàn người Anh-điêng đến con tàu nhỏ của ông, mỗi người đều mang một món đồ cống nạp, “và trước khi họ đến trong khoảng cách nửa tầm tên bắn với con tàu, họ đứng lên trong chiếc thuyền độc mộc của mình với món đồ họ mang đến trên tay và nói, ‘Cầm đi này! Cầm đi này!’” Người Tây Ban Nha đã làm như vậy, trong khi khoảng 500 người Anh-điêng nữa bơi tới chỗ tàu *Santa María* đậu cách bờ khoảng một hải lý để thể hiện sự kính trọng của mình.

Ban đêm, một đoàn hộ tống gồm vài chiếc xuồng của người Anh-điêng đi vào cảng để thăm người Tây Ban Nha, tuyên bố rằng họ từ xa đến. Đến lúc này thì Columbus và người của mình, vốn đã quen với việc nhận đồ cống nạp là vàng mà không cần phải tìm kiếm, dự tính sẽ trải qua kỳ Giáng sinh ở bến cảng tuyệt vời này, nơi mà ông đoán là thuộc về một hòn đảo “lớn hơn nước Anh”, cách ông truyền tải đem lại cảm giác rằng nó thực sự rất lớn, phù hợp với độ gần ước chừng với nơi được cho là châu Á.

Một chuyến thăm chính thức từ một thủ lĩnh Anh-điêng đã nhắc nhở Columbus, người luôn chú ý tới các vấn đề về vị thế, suy nghĩ về thuật ngữ xa lạ *cacique*. “Đô đốc không thể hiểu liệu họ sử dụng thuật ngữ đó để chỉ ‘vua’ hay ‘thủ lĩnh’.” Đối với danh xưng đó, Columbus “không biết liệu họ dùng từ này để chỉ ‘quý ông’ hay ‘thống đốc’ hay ‘quan tòa’”. Trên thực tế, một cacique có thể được coi là một tộc trưởng quan trọng chỉ đứng dưới vua.

Vị tộc trưởng này thể hiện tầm quan trọng của mình bằng cách mang theo đoàn tùy tùng 2.000 người, họ “thể hiện sự kính trọng đối với tất cả mọi người trên tàu và quần chúng”, bằng cách mang đồ ăn, nước uống, vải bông, và nhất là với Đô đốc, những con vẹt màu sắc sặc sỡ. Và tất nhiên, nhiều vàng hơn nữa. Cuối cùng, người Anh-điêng rời đi, “mang trên lưng họ thứ mà tộc trưởng và người khác đã cho họ xuồng mấy con thuyền vẫn đang ở chỗ cửa sông”.

Lúc này là thứ Hai, ngày trước Giáng sinh, và ngay khi làn gió nhẹ đầy hứa hẹn ngoài khơi làm lay động các dây chèo, ông ra lệnh nhổ neo, đem theo một người Anh-điêng “có vẻ tỏ ra có thiện chí và hết lòng hơn, hay là người nói năng dễ chịu hơn”, chịu trách nhiệm định vị các mỏ vàng khó nắm bắt mà Đô đốc đang tìm kiếm dựa trên việc anh ta nhắc đến từ “Çybao”. Columbus nghĩ ông nghe thấy người dẫn đường phát âm một từ gần giống từ Çipango, cái tên mà Marco Polo gọi Nhật Bản. Trên thực tế, Cibao nói đến vùng trung tâm của đảo Hispaniola, và trên cơ sở mong manh đó, Columbus vội vã kết luận rằng đội tàu của ông đã đến được châu Á của Marco Polo, ở đây những ngôi nhà có mái bằng vàng.

Nhận thấy sự hồi hộp của Đô đốc, vị tộc trưởng lại làm cho sự nhầm lẫn trong giao tiếp trầm trọng hơn bằng cách nói về một “lượng lớn vàng ở đó”. Ông ta chỉ vào “cái đai được dập từ vàng” mà mình đang đeo. Columbus khao khát có được sự giàu có lấp lánh này dưới danh nghĩa của Ferdinand và Isabella.

Đến 11h đêm Giáng sinh, với mấy con tàu của mình đang chạy đầy tự tin trước ngọn gió nhẹ, Đô đốc “quyết định vươn vai đi ngủ”. Ông kiệt sức trước sự khắc nghiệt của chuyến đi giống như những thủy thủ khác, và cũng do đã uống nhiều mừng ngày lễ. Và đó là khi rắc rối bắt đầu. “Vì trời lạnh, nên viên thủy thủ điều khiển con tàu quyết định đi ngủ, và giao tay lái cho cậu bé tập sự, điều mà Đô đốc luôn nghiêm khắc cấm trong suốt chuyến đi, dù có gió hay trời lạnh, đó là họ không được để cậu bé tập sự lái.” Dù sao thì lúc này, một thiếu niên khoảng 14–15 tuổi đang điều khiển tàu *Santa María*.

“Lạy Chúa xin chúc lành lúc nửa đêm, sau khi Đô đốc đã ngả lưng nghỉ ngơi, xung quanh hoàn toàn yên ả và biển giống như [nước] trong chiếc bát tô” – một loại bát nông thường có tay cầm – “tất cả nằm ngủ, còn tay lái vẫn trong tay cậu bé, rồi dòng chảy đưa con tàu va vào một

bãi ngầm, dù lúc đó là đêm, tạo nên âm thanh khiến người ta có thể nghe và nhìn thấy họ dù cách cả hải lý”. Tiếng va rợn người của sống tàu nghiêng vào cát. Con tàu sững lại, mắc cạn. Chuyến thám hiểm có ý nghĩa nhất, chuẩn bị hàng năm trời, được những người cai trị quyền lực nhất châu Âu ủng hộ, bị đe dọa kết thúc vào một đêm trời lặng và biển êm trong đôi tay – chính xác chỉ là một bàn tay nhỏ bé – của cậu bé ngây thơ đang điều khiển con tàu.

“Cậu bé, người cầm tay lái và nghe thấy tiếng động của biển, gọi giạt giọng khiến Đô đốc nhảy chồm lên và nhanh đến mức chưa ai kịp cảm thấy rằng họ vừa bị mắc cạn.” Ẩn dưới mặt nước, không phải một mà là ba rạn san hô, tạo thành một rào chắn ẩn sâu và bất trắc.

Columbus găm lên với Juan de la Cosa, thuyền trưởng và là người sở hữu tàu *Santa María*, nhắc mọi người giữ gìn chiếc xuống lớn dặt theo ở đuôi tàu, chộp lấy neo, và quăng nó vào xuống. Cùng mấy thủy thủ tuyệt vọng khác, Cosa nhảy xuống xuống trong lúc Đô đốc cho rằng họ đang có những động thái để cứu tàu *Santa María*. Trên thực tế, họ đang chạy trốn đến chỗ tàu *Niña*, “cách nửa hải lý về hướng gió”. Nhưng người trên con tàu đó không cho họ lên. Giận dữ, họ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc quay về với con tàu đắm *Santa María*.

Columbus quan sát tình cảnh với đầy sự cảnh giác: thủy thủ đang rời bỏ con tàu của ông, nước trở nên nông hơn, biển khiến thân tàu bị nâng cao hơn bao giờ hết trên rạn san hô chết người, và con tàu bắt đầu bị nghiêng ngả, như thể đang chuẩn bị gãy chết. Ông “ra lệnh chặt cột buồm chính và con tàu được giảm tải hết mức có thể, xem liệu họ có thể cứu nó ra khỏi [rạn san hô]”, nhưng tàu *Santa María* vẫn cứ húc vào rạn san hô cho đến khi “nó nằm nghiêng về một phía trên mặt biển (mặc dù ở đây có ít hay hầu như không có dòng chảy) và sàn gỗ bị toác ra”.

Trong tình thế tuyệt vọng ấy, Columbus mệt rũ rời, nằm dài cho tới khi trời sáng. Khi đã có thể nhìn xa hơn bãi biển vào tận rừng sâu,

ông cử Diego de Arana, được xếp hạng là “nguyên soái đội tàu”, và Pedro Gutiérrez, “quản gia nội cung” đi tìm sự giúp đỡ từ Guacanagarí, vị thủ lĩnh Anh-điêng, vốn coi người Tây Ban Nha như những sinh vật siêu nhiên.

Trong lúc đó, Đô đốc nói rằng ông “đã khóc”, một sự thú nhận đáng lưu ý. Các quan chức thì thường ra lệnh, kỷ luật, hay làm gương cho kẻ khác. Nhưng Đô đốc Đại dương vì quá căng thẳng, sợ hãi, và có thể cả cảm thấy nhục nhã, đã rơi nước mắt. Ông là Christopher Columbus, người-mang-thánh-giá, như ông nghĩ về bản thân. Làm sao mà tai họa này lại có thể xảy ra?

Người Anh-điêng vội vã đến cứu người Tây Ban Nha, dỡ những món hàng quý báu xuống khỏi tàu *Santa María*. “Anh ta dọn sạch boong tàu trong một thời gian rất ngắn, đó chính là sự khẩn trương tuyệt vời và sự quan tâm mà nhà vua đem lại.” Columbus nhận xét trong nước mắt rằng người Anh-điêng cũng chu đáo như vậy để bảo vệ mọi thứ trên đất liền mà họ đã dỡ xuống khỏi tàu. Nhưng sự giúp đỡ và nhạy cảm của nhà vua đối với những thủy thủ đau buồn không dừng lại ở đây. “Thỉnh thoảng anh ta lại cử một hai người thân của mình đến chỗ Đô đốc đang rơm rớm để an ủi, nói với ông rằng ông không cần phải bận lòng hay lo lắng, rằng anh ta sẽ cho ông bất cứ thứ gì mình có.”

Khi Mặt trời lên và tỏa sáng trên quang cảnh đắm tàu và sự cứu hộ, Columbus quan sát tài sản và thấy rằng kể cả ở Tây Ban Nha họ cũng không được an toàn hơn, hay được đối xử tốt hơn so với ở đây. Và ông tiếp tục ứa nước mắt, có lẽ bởi lòng biết ơn và sự nhẹ nhõm chứ không phải vì nỗi sợ thuần túy, ghi lại vở kịch trong nhật ký của mình cho hậu thế. “Ông và mọi người đều khóc”, ông quan sát một lần nữa, bổ sung một ghi chú gây tò mò, bỏ ngỏ cho những diễn giải khác nhau: “Tất cả đều là những người đầy yêu thương và không tham lam, và phù hợp cho mọi mục đích. Thân đảm bảo với các Bệ hạ” – tức Ferdinand và Isabella ở xa nhưng nhìn-thấu-hết – “rằng trên toàn thế giới không

có dân tộc nào tốt hơn, cũng không có đất nước nào tốt hơn. Họ yêu thương hàng xóm như chính bản thân mình, và họ có giọng trò chuyện ngọt ngào nhất trên thế giới, và hiền lành, và luôn tươi cười”. Mặc dù họ trần truồng “như khi họ được mẹ sinh ra”, ông nói, nhưng họ vẫn giữ được “tính cách tốt”. Vị vua thể hiện sự tự kiểm chế đáng ngưỡng mộ “đến mức thật dễ chịu khi thấy những điều này”. Có lẽ đó là tính bất ngờ của sự kiện đắm tàu, hay di chứng của việc quá chén. (nếu nó xảy ra), hay những nghĩa rộng hơn mang tính tình cảm về ngày lễ – dù lý do là gì – việc tàu *Santa María* bị đắm và việc cứu được mọi thứ nó chở và thủy thủ đoàn là do có bàn tay kỳ diệu của Chúa trong cách nghĩ của ông. Thông qua sự thay đổi về nhận thức này, ông nghĩ ra một kế hoạch tham vọng để cứu vớt chuyến đi, danh dự của ông, và danh dự của Tây Ban Nha khỏi tai họa.

Sau hôm Giáng sinh, trong khi vẫn lau nước mắt và thể hiện sự biết ơn đối với những vị cứu tinh Anh-điêng, đối với các vị Quân chủ của mình, ông bắt đầu định hình lời đáp lại trước những xung động đầy vị tha của người Anh-điêng: một đế chế Tây Ban Nha bên kia đại dương và những nô lệ trung thành để duy trì nó. Đối với Columbus, có vẻ như người Anh-điêng đã được chuẩn bị để nắm lấy vai trò này; thực vậy, vai trò của người phục vụ mà họ đã đóng vai này trên thực tế. Tất nhiên, đây là nhận định của ông chứ không phải của họ, và nó có nguồn gốc từ trải nghiệm lâu dài của ông với chế độ nô lệ, đặc biệt nô lệ phụ nữ, ở Genoa, nơi những nô lệ tạo thành một phần quan trọng và riêng biệt của nền kinh tế và các hộ gia đình. Trong tư duy của ông, họ cũng giống như người Ả-rập, người châu Á, và người Đông Âu, tất cả đều không phải Ki-tô giáo, cung cấp nhân công miễn phí cho Genoa.

Trước mắt, ông giữ kế hoạch này cho riêng mình, và những hành động hào phóng lại tiếp diễn vào hôm sau, khi Guacanagarí đắm lệ hứa hẹn với Columbus và người của ông “hai ngôi nhà rất to, và sẽ cho thêm nữa nếu cần”, cùng với những chiếc thuyền cần thiết để chở

hàng hóa của con tàu, và đủ nhân lực, tất cả đều “không lấy bất cứ mẫu bánh nào hay bất cứ thứ gì”. Với mong muốn đáp lễ và ghi nhận sự tốt bụng của họ bằng một thứ gì đó, bất cứ thứ gì, Đô đốc lại dùng đến cái cách tặng thêm mấy cái chuông nhỏ, và khi nhìn thấy món đồ trang sức rẻ tiền kêu leng keng này thì người Anh-điêng bèn thốt lên “*chuque, chuque*” và tỏ ra “sắp phát điên vì chúng”. Columbus hài lòng nhận bốn mẫu vàng “to như bàn tay” để đổi lại, ông vui vẻ ghi “không phải trả gì”. Đô đốc trở nên vui vẻ “và nhà vua rất vui khi thấy Đô đốc vui”. Tối đó, hai vị chỉ huy ăn tối cùng nhau, ban đầu trên tàu *Niña*, vị chỉ huy người Tây Ban Nha ăn mừng việc ông được giải thoát và sự ban thưởng cho lòng tham của ông, vị chỉ huy người Anh-điêng ăn mừng về sự hào phóng của chính mình, và sau đó là trên bờ, ở đó họ ăn ngẫu nhiên “củ mài, tôm hùm đá, thịt thú, những món khác mà họ có, và bánh (sắn)”. Columbus hài lòng nhận thấy người Anh-điêng thể hiện cách thức ăn uống đúng mực, và sau đó ông làm sạch tay mình bằng cách chùi vào thảo mộc theo kiểu của chủ nhà.

Sải bước qua “mấy lùm cây cạnh các ngôi nhà” người Tây Ban Nha thấy họ được hộ tống tới khu nhà khách bởi “cả ngàn người, tất cả đều trần truồng”, ngoại trừ Guacanagarí, vì tôn trọng những vị khách của mình, “lúc này đã mặc chiếc áo và găng tay mà Đô đốc tặng anh ta, và vui sướng với những chiếc găng tay hơn bất cứ thứ gì”. Họ nói về các vấn đề chiến lược, về những đối thủ hung dữ của người Anh-điêng, người Carib, mang cung và mũi tên mô phỏng khá giống với của người Tây Ban Nha nhưng không được làm bằng sắt, và cách mà người Carib bắt giữ người Anh-điêng theo ý muốn. Ngay lập tức, “Đô đốc ra hiệu rằng các vị Quân chủ xứ Castile sẽ ra lệnh tiêu diệt người Carib, và sẽ ra lệnh trói tay tất cả bọn họ mang đến”. Để phô diễn thêm sức mạnh, Columbus ra lệnh bắn thần công và hỏa mai. Hai phát súng, được tạo nên bởi công nghệ thuốc súng vẫn còn xa lạ với người Anh-điêng, đã làm rung chuyển sự yên tĩnh của vùng bờ biển Caribbean, khiến người Anh-điêng ngã lăn xuống đất. Lát sau, họ mang đến cho Columbus,

người bảo vệ họ, “một chiếc mặt nạ to đính những mẫu vàng lớn ở tai và mắt và mấy chỗ khác”, cùng với các đồ trang trí bằng vàng mà họ trang trọng đặt lên đầu và cổ vị Đô đốc.

Từ lúc đó, ý tưởng về một pháo đài, từng chỉ có trong mơ, trở thành nhiệm vụ và nỗi ám ảnh của Columbus. Khi ông cảm thấy hơi thở của số phận khích lệ ông, ông đã quy hàng nó như thể đó là cơn bão. “May mắn lớn” về việc đâm phải rạn san hô và làm vỡ con tàu trong cuộc chèo chèo miệt mài đêm Giáng sinh đã trở thành “ý chí tiên định của Chúa”, và hoàn thành với mục đích mà Columbus bất ngờ tiên đoán: “rằng ông có lẽ sẽ để mọi người ở lại đây” để mở ra một thuộc địa, và trở thành nhân tố xúc tác cho nhiều chuyến đi đến Trung Hoa hơn nữa.

Khi suy nghĩ về tai nạn, ông đã thay đổi quan điểm đáng kể trong giải thích của mình. Nguyên nhân tai nạn không phải do bàn tay non nớt của cậu bé tập sự trên khoang lái vào thời điểm hoàn toàn không đúng lúc, khi tàu *Santa María* va phải một rạn san hô nằm-đó-nhưng-vô-hình trong đêm giữa lúc Columbus đang ngủ; giờ đây ông khẳng định rằng nguyên nhân là do “sự phản bội của thuyền trưởng và mọi người... khi từ chối thả neo từ phía đuôi để kéo thuyền bằng dây chèo” – tức là kéo mạnh – “như Đô đốc ra lệnh”. Không có thêm bất kỳ thông tin gì về cậu bé không may mắn hay sự mệt nhọc của Columbus nữa, cũng như việc kỷ niệm ngày lễ; “sự phản bội” đã xảy ra.

Nếu những mệnh lệnh của ông được tuân thủ, “con tàu lẽ ra đã được cứu”. Ông buộc tội “người của xứ Palos”, bến cảng Tây Ban Nha mà từ đó chuyến đi bắt đầu, ở đó ông không nhận được “những con tàu lớn phù hợp cho chuyến đi” mà ông tin là ông đáng được nhận. Theo lệnh của Ferdinand và Isabella, thị trấn Palos đã cung cấp hai trong ba con tàu cho đội của ông, *Niña* bé nhỏ, như tên của nó cho thấy, và *Pinta* thanh nhã. Điều này không giải thích được cho việc làm mất tàu *Santa María* mà bản thân Columbus dự phần trong đó. Sự phản bội

và tai nạn phù hợp với một kế hoạch thiêng liêng lớn hơn, “được định trước” để đưa ông đến tiếp xúc với mảnh đất và con người nơi đây, ông nghĩ vậy. Cho đến trước khi xảy ra sự kiện này, Columbus viết, “ông luôn đi với ý định khám phá và không nán lại ở một địa điểm quá một ngày”. Không hơn. Sự tiết lộ có tính tư lợi này thể hiện một mục đích khác ở ông, không giống lời huênh hoang rằng ông có thể vượt biển từ Tây Ban Nha đến Trung Hoa.

“Giờ thì tôi ra lệnh dựng lên một cái tháp và một pháo đài, tất cả đều được làm rất tốt, và một con hào sâu, không phải vì tôi tin rằng đó là điều cần thiết cho những người này, mà vì tôi cho rằng với họ tôi có thể chinh phục toàn bộ hòn đảo này, nơi tôi tin là còn lớn hơn Bồ Đào Nha” – đối thủ chính của Tây Ban Nha về đế chế – “và tăng gấp đôi số người sinh sống”. Trong trật tự thế giới đã được điều chỉnh này, ông nhìn nhận người Anh-điêng, những người bảo vệ hiền lành, hào phóng, tháo vát, dưới một ánh sáng tàn nhẫn mới, “trần truồng, không có vũ khí và rất nhút nhát, vô phương cứu chữa”.

Những giọt nước mắt của ông đã khô, và điều ông xác định là rõ ràng; ông cho rằng thời cơ đã chín muồi cho việc khai thác. Sự yếu đuối của họ trở thành điểm mạnh của ông, và ông quay sang nhiệm vụ xây dựng đế chế được Chúa giao phó. “Đúng là cần phải xây dựng cái tháp này”, ông kiên quyết, “và nó đã được xây như đúng yêu cầu, ở nơi cách xa các Bộ hạ đến thế, họ có thể nhận ra tài nghệ về nhiều mặt của các Bộ hạ và điều các Ngài có thể làm, do đó họ có thể phụng sự” – Columbus chọn lựa từ ngữ của mình một cách thận trọng – “bằng tình yêu và nỗi sợ”.

Vật liệu cho thành lũy được lấy từ tàu *Santa María*, được chuyển đổi cho mục đích mới, “những tấm ván của nó đủ để xây cả một pháo đài”. Họ làm việc miệt mài, hoàn thành cấu trúc thô sơ chỉ trong vòng chục ngày, một mô hình thu nhỏ của sự giam hãm và trật tự trong một biển cả của tự do và những hỗn loạn ngẫu nhiên. Thể hiện sự tiến triển

nhANH chóng trong các kế hoạch của mình, ông ra lệnh “dự trữ bánh mì và rượu vang cho hơn một năm, và hạt để gieo, và xuống của con tàu, và một thợ xảm, một thợ mộc, một pháo thủ và một thợ đóng thùng”. Ông hình dung một dòng suối của cải dưới hình thức vàng và gia vị chảy từ pháo đài này thẳng đến Castile và là lý do cho một cuộc Thập tự chinh mới. Ông trở nên chìm đắm trong cảm giác về một sứ mệnh thần thánh đến mức ông tuyên bố rằng “mọi thứ thu được trong Công cuộc này cần được chi vào việc chinh phục Jerusalem”, như có lần ông từng nói với các vị Quân chủ của mình, và ông nhớ lại là họ đã cười bao dung trước ý nghĩ đó. Bất nhất, đây cảm hứng và tư lợi, Columbus đang chứng tỏ mình là một nhà thám hiểm xuất sắc nhưng tính khí thất thường.

Náu mình trong chủ nghĩa duy tâm về tôn giáo và chính trị, việc xây dựng pháo đài bất ngờ và chưa được ủy quyền đó phục vụ trước hết và trên hết cho lợi ích của Columbus. Cho tới khi bắt đầu kế hoạch này, ông chỉ ký hợp đồng cho một chuyến hải trình duy nhất. Giờ đây ông sẽ phải trở lại với danh nghĩa của Tây Ban Nha, chỉ để giải phóng thủy thủ đoàn, những người đã trở thành con tin cho tham vọng của ông, bị bỏ lại ngoài khơi Haiti, không thể trở lại quê hương cho tới khi ông đem họ về. Chỉ có Columbus, vài sĩ quan và hoa tiêu biết pháo đài này nằm ở đâu trên thế giới này, và chỉ họ mới có thể tìm lại nó. Nếu Bartolomeu Dias đã có thể nghĩ ra một kế hoạch sánh được với kế hoạch này, ông ta sẽ không bị vị quân vương của mình, Vua João của Bồ Đào Nha, gạt sang một bên. Columbus sẽ không để cho Ferdinand và Isabella có được lựa chọn tương tự. Họ sẽ phải có trách nhiệm cử ông đi một chuyến nữa. Vì mọi sự lường trước và liều lĩnh ấy, mà chuyến đi của ông đến Tân Thế giới, thay vì kết thúc, đã trở thành chương mở đầu cho một cuộc phiêu lưu lớn hơn hình thành đế chế, chinh phục, và chuyển hóa, ông hy vọng đây là con đường sẽ đưa mình vào lịch sử.

Guacanagarí trở lại lúc bình minh ngày thứ Năm, 27 tháng 12, hy vọng trì hoãn sự ra đi của Columbus bằng lời hứa hẹn có nhiều vàng hơn. Đô đốc tiếp tục tranh thủ thiện chí của anh ta bằng cách mời Guacanagarí, em trai anh ta, và một “người rất gần gũi” khác dùng bữa cùng với ông, khi họ bất ngờ thay đổi chiến thuật, thể hiện mong muốn đi cùng với Columbus đến vương quốc Castile kỳ diệu. Cảm giác cấp bách của họ chỉ tăng lên khi vào giữa bữa ăn, những người Anh-điêng khác đến mang theo tin tức về tàu *Pinta*; nó thả neo “ở một con sông phía cuối đảo này”.

Columbus chớp ngay cơ hội để gửi cho Martín Alonso Pinzón bất ổn và bất tuân phục một lá thư hòa giải. Columbus cần Pinzón. Kế hoạch của vị Đô đốc thiết lập một pháo đài ở nơi hoang sơ của Ấn Độ sẽ không thành công nếu thủy thủ của ông đe dọa làm phản. Tệ hơn nữa là việc Pinzón trở về Tây Ban Nha và lan truyền một phiên bản khác về các sự kiện, cho thấy một Columbus ưa phiêu lưu mạo hiểm và khờ dại chứ không phải một bầy tôi theo chủ nghĩa lý tưởng của xứ Castile, có thể gây ra một chuỗi sự kiện tai họa. Nếu phiên bản của Pinzón lan tràn, các vị Quân chủ có thể nghiêng sang tha thứ thay vì trừng phạt ông ta về việc suýt nổi loạn.

Trong lúc Columbus nấn ná giữa những người Anh-điêng, điều hành việc xây dựng và tổ chức nhân sự ở pháo đài, thì người Anh-điêng tỏ ra ganh đua để giành được sự quý mến của ông. Theo lời kể của Columbus, một thủ lĩnh khẩn nài ông sử dụng một “chiếc đục cầu kỳ làm từ vỏ cây cọ”, trong khi một vị khác lúc đầu giả vờ không biết về sự có mặt của ông rồi sau đó chạy lại chỗ ông và “đeo lên cổ ông một miếng vàng to mà ông ta cầm trong tay” trong nỗ lực đánh bại đối thủ của mình. Sự xu nịnh và hối lộ này tiếp diễn qua suốt Chủ nhật, lên đến đỉnh điểm là một buổi lễ tiễn đưa mà Columbus thấy là không cưỡng lại được. Vị tộc trưởng thân chinh đón Đô đốc với sự phô trương và trịnh trọng, cầm tay ông dẫn tới một kiểu bệ và ghế. Ông ta mời

Columbus ngồi xuống, rồi tháo chiếc vòng đội đầu đính vàng và đặt lên đầu nhà thám hiểm. Đáp lại cử chỉ đó, Columbus tháo chiếc cổ áo được đính những viên đá quý nhiều màu và cài nó quanh cổ vị tộc trưởng. Ông cũng tặng chiếc áo khoác đỏ đẹp ông đang mặc cho vị tộc trưởng Anh-điêng đó, và thậm chí còn gửi cho ông ta đôi giày tốt để dùng. Cuối cùng, ông lồng vào ngón tay ông ta một chiếc nhẫn bạc to. Nó nhắc vị tộc trưởng người Anh-điêng tới chiếc hoa tai bạc mà một thủy thủ đeo. Với sự trao đổi quà mang tính nghi thức và việc thể hiện thiện chí, chuyến đi của Columbus đã gần đến hồi kết và ông muốn được yết kiến các vị Quân chủ trước khi đối thủ của ông là Pinzón về đến nơi. Ông có vẻ như đã sẵn sàng, với dã tâm trong lòng.

Vào thứ Hai, ngày cuối cùng của năm, cuối cùng thì Columbus cũng chuẩn bị để dong buồm về Tây Ban Nha, “lấy nước và củi” và lên kế hoạch “gửi ngay tin tức tới các vị Quân chủ để họ có thể cử tàu đi khám phá những điều còn bỏ ngỏ”. Ông có thể tiếp tục chuyến thám hiểm của mình, đi dọc theo bờ biển về phía đông “cho đến khi ông nhìn thấy toàn bộ đất nước đó”, nhưng khi ngẫm lại, ông nhận thấy rằng mình đã bị bỏ lại với chỉ một con tàu, và “có vẻ không hợp lý khi phơi mình ra trước những hiểm nguy có thể xảy ra trong cuộc thám hiểm”, cũng như “mọi điều tệ hại và bất tiện” xuất phát từ việc “chiếc tàu nhỏ *Pinta* bỏ đi”. Bởi thế, Columbus bóng gió rằng ông đang chuẩn bị để đối mặt với sự tuyên truyền xấu xa mà ông hình dung đối thủ của mình là Martín Alonso Pinzón sẽ lan truyền. Điều mà Đô đốc không muốn các vị Quân chủ để tâm là sự giải thích không xác đáng về việc làm mất tàu *Santa María*, hay sự biến mất bí ẩn của tàu *Pinta*, hay việc không tìm được Đại Hãn, hay những trường hợp gây lúng túng khác. Tốt hơn là chú trọng vào pháo đài mới được xây vội vã của ông và những kế hoạch thuộc địa hóa vùng đất lạ mà ông khám phá ra.

Việc khởi hành chậm trễ cuối cùng đã diễn ra vào ngày 2 tháng 1 năm 1493. Columbus giao cho Diego de Arana, Pedro Gutiérrez, và

Rodrigo Escobedo chịu trách nhiệm về pháo đài, và theo chủ ý của vị Đô đốc, trông nom người Anh-điêng. Với sự đe dọa của người Carib hung dữ luôn hiện diện trong tâm trí người Anh-điêng, người Tây Ban Nha đã trình diễn những khẩu thần công của mình, chỉ ra “cách [họ] khoét lỗ bên mạn tàu và cách quả đạn bay rất xa ra biển thế nào”. Ông dựng lên một trận chiến giả giữa người của mình và người Anh-điêng để thể hiện rằng “họ không cần phải sợ người Carib, kể cả khi chúng đến”. Ông hậu thuẫn cho lời đảm bảo của mình bằng nguồn lực có thật, cử ra 39 người trong đó có phiên dịch Luis de Torres ở lại nơi pháo đài, cùng với đủ lương thực và kể cả bác sĩ, tất cả họ đều là những “con người của biển khơi”.

Cho dù có các đảm bảo này, người Anh-điêng vẫn sợ hãi và cố hết sức để cám dỗ Columbus, người bảo vệ của họ, bằng món quà tặng khó cưỡng nổi. Một người của Guacanagarí thông báo với Columbus rằng nhà vua đã “ra lệnh làm một bức tượng bằng vàng rỗng to như Đô đốc”. Liệu điều gì có thể ấn tượng hơn, hay tính toán hơn để ve vuốt tính háo danh của Columbus bằng bức tượng vô giá này? Họ hứa chỉ chục ngày nữa bức tượng sẽ được hoàn thành.

Thứ Sáu hừng lên với ngọn gió nhẹ, và Columbus quyết tâm ra đi, sử dụng con tàu nhanh nhẹn *Niña* để thăm dò một con kênh và xác nhận là ở đó không có san hô; vừa đi ông vừa ghi lại các đảo nhỏ và vịnh, nhưng ngọn gió nhẹ đã làm chậm bước ông sáng hôm đó. Ông vẫn tiếp tục bày tỏ, dù kém tin tưởng hơn, rằng Trung Hoa huy hoàng mà Marco Polo mô tả chắc hẳn ở gần đây, nhưng vương quốc đó cũng khó nắm bắt như El Doradoⁱ bí ẩn.

Vào Chủ nhật, trong khi đang đi dọc theo bờ biển phía bắc của vùng đất mà ông đặt tên là Hispaniola, ông e ngại về những rạn san

i. Thành phố huyền thoại nổi tiếng trong lịch sử loài người, được cho là nằm khuất sâu trong rừng già Amazon, được bảo vệ cực kỳ cẩn mật, rất khó tìm đường vào và một khi vào thì sẽ không thể trở ra.

hồ và vũng nước nông ẩn náu khắp nơi, hay giấu mình dưới mặt nước lấp lánh của mỗi bến cảng, như vô vàn những con quái vật của biển khơi nhe răng cắn xé thân tàu thành từng mảnh. Giữa những mối nguy hiểm này, tàu *Pinta*, bị cho là đã lạc, xuất hiện nơi chân trời, đi dọc theo chiều gió về phía tàu *Niña* và Columbus. Hai con tàu đi cùng nhau tới 10 hải lý để tìm chỗ thả neo an toàn, rồi sau đó Martín Alonso Pinzón lên tàu, bỏ qua những nghi lễ thông thường, “để xin lỗi, khẳng định rằng ông ta đã rời bỏ ông [Columbus] ngoài ý muốn”.

Giận điên người, Columbus cho rằng tuyên bố của Pinzón là “sai tuốt”. Pinzón làm như vậy do “láo xược và tham lam”. Hành động của ông ta là hành động của quỷ Satan. Người Anh-điêng tin là Pinzón đã rời bỏ đội ngũ trong cuộc theo đuổi vàng vô ích, đi suốt cả con đường đến Jamaica – người Tây Ban Nha gọi là “Yamaye” – một hành trình chục ngày nếu đi xuống. Columbus tuyên bố rằng cách cư xử vô phép của Pinzón chung quy là “láo xược và phản bội”.

Nước là kẻ thù của gỗ, và tàu *Niña* cần phải sửa chữa, bơm và bít chỗ rò vào hôm sau, ngày 8 tháng 1, đến khi Columbus cho là con tàu có thể chịu được sóng gió. Ông chờ đợi tin tức về bức tượng vàng kích cỡ người thật đã được hứa tặng ông, nhưng mãi chẳng có gì. Vào thứ Ba, ngọn gió mạnh từ phía đông nam lại khiến việc khởi hành của ông bị trì hoãn lần nữa. Ông vẫn lo lắng về các hành động của anh em nhà Pinzón là Martín Alonso và Vicente Yáñez, những người đã rời bỏ ông vào 21 tháng 11. “Để thoát khỏi bạn đồng hành tệ đến thế mà ông vẫn phải che giấu cho họ (những kẻ vô kỷ luật), và dù bên cạnh ông có nhiều người tốt (nhưng giờ không phải lúc giải quyết chuyện phạt), ông vẫn quyết định quay về và không chậm trễ thêm nữa.”

Như thường lệ, việc thoáng nhắc tới vàng tác động đến ông như một thứ ma túy gây nghiện khá mạnh, đủ để khiến ông xao nhãng khỏi những mối bận tâm và mục tiêu khác. Columbus nghe thấy từ

các thủy thủ rằng họ đã tìm thấy vàng ở một cửa sông – có lẽ là sông Yaque – trong lúc họ lấy nước cho tàu *Niña*. Ông mơ về một con sông rộng và sâu “đầy những vàng, và chất lượng tốt đến mức điều đó thật kỳ diệu”. Ông ra lệnh cho thủy thủ “đi ngược con sông một đoạn ngắn” để tìm vàng, và khi họ lấy đầy thùng nước rồi quay về tàu *Niña*, “họ thấy những vụn vàng” – vàng! – bám vào đai thùng. Ông gọi vùng nước đó là Río de Oro – Sông Vàng. Suy nghĩ của Columbus một lần nữa hướng tới thực tế và sự cần thiết phải trở về Tây Ban Nha “hết tốc lực để đem về tin tức và để rời bỏ bạn đồng hành tệ hại mà ông có, và ông luôn nói rằng họ là một đám nổi loạn”. Cả hai bên đều hoàn toàn nghĩ xấu về nhau.

Sau một loạt những sự trì hoãn và diễn tập gần nhất, ông đánh giá mình mới chỉ đi khỏi pháo đài 27 dặm, nơi mà ông gọi là La Navidad, sau ngày đắm tàu và để kỷ niệm sự khởi đầu của đế chế Tây Ban Nha tại Hispaniola. Vào nửa đêm ngày 9 tháng 1, ông lại giương buồm, chẳng mấy chốc trở nên bức bối bởi những rạn san hô và các con lạch không thấy được. Ông thấy các cảnh đẹp, những con rùa (“rất to, như mấy tấm khiên gỗ lớn”) và “ba nàng tiên cá nhô cao từ mặt biển”, nhưng ông vội bổ sung, “họ không đẹp như người ta thường vẽ, mặc dù ở mức độ nào đó khuôn mặt họ có nét của con người”. Trên thực tế, những sinh vật này thuộc họ bò biển hay lợn biển, loài ăn cỏ thường gặm cỏ ở những vùng nước nông, có hình thù gớm guốc nặng khoảng hơn 330kg, dài khoảng hơn 3m với đôi mắt cách xa nhau và vẻ bề ngoài buồn rầu.

Việc thả neo vào ngày tiếp theo đã đưa Columbus, khi vẫn ở trên tàu *Niña*, đến với một cửa sông rộng mà ông gọi là Río de Gracia. “Một bến cảng tốt có đất liền bao quanh” vẫy chào từ xa, nhưng sự tồn tại của loài sâu tàu, hay con hà, cảnh báo ông nên tránh xa. Một khi hà bám được vào những tấm ván, sẽ chẳng cách nào loại bỏ được chúng, và chúng sẽ phá hủy con tàu từ bên trong. Ông rời khỏi nơi thả neo khó

khăn này vào nửa đêm thứ Sáu, và tự tin thông báo về “bước tiến lớn nhờ gió và dòng chảy thuận lợi. Không dám thả neo vì sợ các bãi ngầm, và thế là để tàu trôi cả đêm”.

Thậm chí trước bình minh, tàu *Niña* đã kéo neo lên và định hình đường đi nói chung là về phía đông. Columbus thêm muốn khám phá “một khoảng không vĩ đại và rất đẹp giữa hai dãy núi lớn” dẫn tới một cảng đầy cá mồi, nhưng ông e là khi tàu *Niña* tiến vào cảng, gió có thể đổi chiều. Thay vào đó, ông đi vòng quanh từ mũi đá này tới mũi đá khác, liều thả neo giữa “một vịnh tuyệt vời” bao xung quanh “một hòn đảo bé nhỏ”. Ông ước tính độ sâu là 12 sải khi ông thả neo, rồi cho một chiếc xuống đi tìm kiếm nước và người, nhưng các cư dân, như ông thuật lại, tất cả đã bỏ trốn, và mang theo họ cả niềm hy vọng có được bức tượng bằng vàng với kích cỡ như người thật. Ông dừng lại để nhìn ngắm không gian xung quanh bao la và hình dáng vùng đất mà ông đang đi dọc theo bờ biển của nó. Có phải ông đã đến một vịnh hay đảo mới? Hay đường bờ biển bất tận và đa dạng này vẫn “cùng một vùng đất với Hispaniola”? Nếu vậy, “ông kinh ngạc về độ lớn của đảo Hispaniola”.

Vào Chủ nhật, vị Đô đốc có thời gian và sự yên bình để quan sát tổng thể. Ông kiên nhẫn đợi “sự kết hợp giữa Mặt trăng với Mặt trời” mà ông tính sẽ xảy ra sau bốn ngày nữa, vào ngày 17 tháng 1, khi đó Mặt trời sẽ đối đỉnh với Sao Thổ, được ông tuyên bố là “nguyên nhân của những làn gió lớn”.

Trong lúc Columbus nghiên cứu bầu trời, bận tâm với những gì mà các dấu hiệu thiên văn đã báo trước về số phận ông, thì các thủy thủ lên chiếc xuống của tàu *Niña* để vào bờ tìm thức ăn, “và họ thấy một số người có cung tên, nên họ chờ để nói chuyện với mấy người này”.

Một chiến binh muốn lên tàu *Niña* để gặp chính Đô đốc, và khi Columbus đến gặp trực tiếp anh ta, cuộc gặp đã tỏ ra đáng ngại. Mặt

anh ta bôi một chất mà Columbus cho là than, nhưng có vẻ đó là chất nhuộm được lấy từ một loại hoa trái địa phương. “Anh ta để tóc rất dài, túm lại và buộc ra đằng sau, rồi cuộn lại thành búi nhỏ cắm mấy chiếc lông vẹt, và anh ta cũng trần truồng như những người khác.” Columbus tin rằng người Anh-điêng này là một người Carib, nhưng theo ý kiến của Las Casas, phái viên này là người Taíno, đã mượn vũ khí của người Carib để tự vệ. Điều đó chẳng thành vấn đề với Đô đốc, người chỉ nói về vàng. Liệu ở vùng này có tìm được tí vàng nào không? Rất nhiều, người Anh-điêng trả lời, chỉ vào phần đuôi khá to của tàu *Niña* hàm ý một số lượng lớn. “*Tuob*”, anh ta gọi nó như vậy, một tên gọi mới cho thứ chất quý ấy, và nói rằng có thể tìm thấy nó trên đảo Boriquén, vùng đất của Valiant Lordⁱ, như người Taíno vẫn dùng để chỉ Puerto Rico.

Để đổi lại tin tình báo này, Columbus ra lệnh ban cho người Taíno tốt tính này đồ ăn, “những mẫu vải xanh đỏ, và ít hạt thủy tinh”, và cho anh ta lên bờ với mệnh lệnh là khi trở về mang theo vàng. Columbus đã nhìn thấy những dấu vết của vàng được khâu trên quần áo của người Taíno, và cho rằng vàng hẵn là sẵn có. Khi chiếc xuồng đưa người Taíno đến bờ, có ít nhất 55 người đàn ông với “mái tóc rất dài, như tóc phụ nữ ở Castile” xuất hiện từ phía sau những cái cây, mỗi người cầm một cây cung. Người Taíno lúc trước đã lên tàu *Niña* bèn quay sang người bên mình và thuyết phục họ hạ cung xuống, thứ mà người của Columbus đề nghị mua, cùng với các mũi tên. Tâm trạng của người Anh-điêng bất ngờ trở nên thù địch: “Sau khi đã bán hai chiếc cung, họ không muốn bán nữa, mà chuẩn bị tấn công người Ki-tô giáo và bắt họ”.

Họ cầm dây thừng lao đến, chuẩn bị trói nạn nhân như khúc dạo đầu của chuỗi những sự tù đày, tra tấn, và giết chóc. “Nhìn thấy họ

i. Nghĩa là: “Lãnh chúa Anh hùng.”

đang chạy đến chỗ mình, người Ki-tô giáo, luôn sẵn sàng như Đô đốc khuyển, liền tấn công và chém một người Anh-điêng một vết to vào hông, và làm bị thương một người khác vào ngực bằng một mũi tên.” Trước cảnh đó, những người Taíno còn lại chạy khỏi chiến trường.

Lẽ ra đó sẽ là một cuộc trao đổi thương mại hòa bình, thì đã biến thành đẫm máu và man rợ, nhưng sự xoay chiều bất chợt của các sự kiện lại có tác dụng trấn an hơn là khiến Đô đốc mất tinh thần. Ông thổ lộ trong nhật ký rằng ông lấy làm tiếc về ác ý sinh ra từ mâu thuẫn; đồng thời, ông cũng chẳng hề nuối tiếc: những người Anh-điêng sẽ phải biết “sợ người Ki-tô giáo”. Mặc dù ông tỏ ra dừng dừng về tiếng tăm của người Carib, nhưng ông thay đổi ý kiến rằng những người Ki-tô giáo không phải vừa gây ra đổ máu cho người Taíno, mà là cho người Carib, “những diễn viên tồi” và “những kẻ ăn thịt người”.

Giờ thì họ đã bị trừng trị, hay ông hy vọng thế. Nếu họ đụng phải các thủy thủ Tây Ban Nha ở pháo đài La Navidad, họ sẽ “sợ mà không dám gây hại cho mấy người đó”. Và kể cả nếu họ không phải người Carib, thì “họ chắc hẳn phải có những phong tục tương tự” và cũng sẽ bị răn đe theo cùng một cách. Trong trường hợp nào đi nữa, thì những mối quan hệ ấm áp và tình cảm bạn bè giữa người Anh-điêng và Tây Ban Nha cũng đã tiêu tan. Mặc dù Columbus đã cố xua đuổi người Carib độc ác ra khỏi suy nghĩ của mình, nhưng nó cứ hiện lên trong nhật ký của ông, qua việc ông thường xuyên nhắc đến những chiến binh hung tợn này, tức là họ vẫn ở trong tâm trí ông, và đối với người Taíno ưa chuộng hòa bình, họ gây ra một mối nguy hiểm thường trực.

Đến ngày 15 tháng 1, ba tuần sau vụ đắm tàu, Columbus vẫn còn phải dôn lục cho quyết định rời bỏ người Anh-điêng và lời hứa chưa thực hiện được của họ về vàng do những hậu quả đang chờ ông ở Tây Ban Nha. Ông mời vài người Anh-điêng lên tàu *Niña* và cho một chiếc xuồng mang mấy người Tây Ban Nha lên bờ thăm dò. Ông thú nhận

rằng mình không thể biết nhiều về một đất nước trong vòng vài ngày, “vì sự khó khăn về ngôn ngữ, thứ tiếng mà Đô đốc không hiểu trừ phi đoán mò, và cũng vì họ không hiểu điều ông đang cố gắng nói”.

Để giúp cho việc này, Columbus bèn giữ lại bốn thanh niên trên tàu *Niña*, giao tiếp với họ bằng ngôn ngữ ký hiệu. Những thanh niên này ra hiệu họ biết các đảo gần đó rất rõ, và có thể làm người dẫn đường và người trung gian nếu cần. Vậy là họ nhập đoàn cùng người Tây Ban Nha trong chuyến đi quay trở về Tây Ban Nha, không chú ý tới những yếu tố mà họ sẽ gặp phải khi ở ngoài khơi, và khi ở châu Âu nếu họ sống sót. Từ phía người Anh-điêng, Columbus cũng nghe được câu chuyện liên quan đến một đảo khác, *Matinino*, nghe đâu là có nhiều đồng. Họ nói thêm, đảo “chỉ có phụ nữ ở”. Columbus quyết định đi thẳng đến đó, gặp đám phụ nữ và mang các mẫu vật đi theo mình.

Câu chuyện gợi lại mô tả của Marco Polo về đảo Đàn ông và đảo Đàn bà, nằm đâu đó ở “Ấn Độ rộng lớn hơn”. Đối với Columbus và người châu Âu thì truyền thuyết đầy hấp dẫn liên quan đến nhà thám hiểm người Venice là sự thật. Có lẽ sau tất cả, Đô đốc đã định vị được mình trong thế giới của nhà thám hiểm người Venice. “Tôi đảm bảo với bạn rằng trên hòn đảo này đàn ông không sống cùng vợ hay bất cứ người đàn bà nào, mà tất cả đàn bà sống trên một hòn đảo khác, được gọi là đảo Đàn bà.” Theo Polo, đàn ông thường đến thăm đảo, hưởng khoái lạc trong ba tháng rồi lại rời đi.

Lần tìm từ ngữ thích hợp để giao tiếp với dân trên đảo, Columbus nghiên cứu cung và tên của họ, được làm từ “chồi của những cây sậy”. Người Anh-điêng gán một chiếc răng cá ở đầu, thường được tẩm chất độc. Ông cũng nhận thấy có rất nhiều bông và ớt, “cay hơn hạt tiêu” nhưng “người ta sẽ không ăn nếu thiếu ớt vì họ thấy nó rất lạnh”. Hạt tiêu đen truyền thống của châu Âu thuộc về chi *Piper*, trong khi ớt xanh và ớt đỏ bóng loáng thuộc về *Capsicum*, và loại này ở đây nhiều đến

mức ông đánh giá rằng có thể “chất đầy ớt ở Hispaniola lên 50 chiếc tàu buồm”. Nhưng ớt có giá trị ở Tây Ban Nha không?

Ông nhận thấy các thảm tảo biển dày đã làm nghẽn cảng. Lúc trước ông đã từng thấy nó “ở vịnh khi họ tình cờ phát hiện ra” và theo kinh nghiệm của ông thì nó chỉ mọc ở những chỗ nước nông gần đất liền. Ông đoán rằng “nếu vậy, những hòn đảo Ấn Độ này rất gần quần đảo Canary”, điểm ra khơi của ông trước khi tiến ra Đại Tây Dương còn chưa được lập hải đồ mà ông gọi là Đại dương, “và vì lý do đó ông tin rằng họ chỉ cách điểm đến chưa đến 400 hải lý”. Trên thực tế, ông sẽ phải vượt qua hơn hai lần khoảng cách đó.

Thức tảo biển trôi nổi luôn hiện hữu là loại tảo nâu, thường được gọi là tảo mơ, hay *sargassum*, cái tên biển Sargasso rộng lớn cũng từ đó mà ra. Đội tàu của ông đã lạng lã và vô tình đi vào một vùng biển không giống các vùng biển khác, kéo dài 2.000 dặm về phía đông từ Bermuda. Nước biển Sargasso rất xanh, trong đến mức ông có thể nhìn sâu xuống lòng biển đến 60m. Biển sâu tới hơn 4500m, tương đương gần 3 dặm. Vùng biển kỳ lạ không có bờ này chính là nơi hợp lưu của bốn dòng chảy, được biết đến như vực xoáy Cận xích đạo Bắc Đại Tây Dươngⁱ. (Trong hải dương học, vực xoáy chỉ một hệ thống các dòng hải lưu xoay vòng, được sinh ra bởi những chuyển động gió ở quy mô lớn.) Khi Columbus đi ngang qua biển Sargasso, ông đã trải nghiệm một sự kết hợp độc đáo của gió và nước và đời sống thực vật dưới hình thức tảo mơ.

Giống như nhiều thủy thủ, ông sợ các thảm dày trôi nổi ấy sẽ quấn vào máy con tàu của mình và dẫn đến tai họa. Trên thực tế, tảo

i. Biển Sargasso nằm ở giữa Bắc Đại Tây Dương và đây là vùng biển duy nhất trên thế giới không có bờ biển. Phía tây biển Sargasso là hải lưu Gulf Stream, phía bắc là hải lưu Bắc Atlantic, phía đông là hải lưu Canary và phía nam là hải lưu Equatoria Bắc Atlantic. Những hải lưu này tạo thành vực xoáy Cận xích đạo Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Subtropical Gyre).

mơ quá mỏng manh để có thể tạo nên một rào cản. Nó gồm những mảnh nhỏ chứa ôxi, cacbon điôxít và nitơ để nổi được, tên của nó xuất phát từ những cấu trúc nhỏ này, khiến cho các thủy thủ Bồ Đào Nha nhớ tới một loại nho mà họ gọi là *salgazo*. Tên gọi như vậy dần biến đổi thành từ *sargaço*, hay tảo biển, và về sau các thảm rong trôi được xếp vào chi *Sargassum* (có sáu loài *Sargassum*, trong đó có hai loài chiếm đa số là *Sargassum natans* và *Sargassum fuitans*). Columbus gọi đơn giản là “rong” và nó tồn tại khắp nơi, che phủ hàng triệu dặm vuông hoặc hơn, của biển Sargasso và Đại Tây Dương. Thỉnh thoảng, những cơn bão lại phân tán loại tảo này sang vùng lòng chảo Caribbean, vịnh Mexico, và hải lưu Gulf Streamⁱ, dòng chảy này đưa nó lên phía bắc, dọc theo bờ Đại Tây Dương. Cùng lúc, hải lưu Gulf Stream đẩy nó lên bờ, rồi cuốn nó ngược trở lại vào vòng xoáy của biển Sargasso. Cho nên Columbus gặp những đám rong này ở bất cứ nơi nào ông đến.

Ngày 16 tháng 1, hành trình trở về khởi hành được ba tiếng thì trời mới sáng, dưới ngọn gió nhẹ vừa phải ngoài khơi. Dựa vào bốn người dẫn đường Anh-điêng, ông đi về hướng của người Carib, “những người mà tất cả các đảo này đều rất sợ, bởi nghe đâu với vô vàn thuyền độc mộc, người Carib có mặt ở khắp vùng biển này, và người ta nói rằng họ ăn thịt những người mà họ có thể bắt được”.

Theo phương pháp dẫn đường dự đoán của ông, sau khi đi được 64 dặm, những người dẫn đường Anh-điêng ra dấu rằng đích đến của họ sẽ “nằm về phía đông nam”. Thay vì thế, ông lại hướng buồm theo gió, đi thêm hai hải lý nữa, và tàu *Niña* bắt được ngọn gió mà ông coi là đủ để đưa tàu đi suốt cả chặng đường về Tây Ban Nha.

i. Nguyên văn: “Gulf Stream”, hay còn gọi là “dòng Vịnh”, một hải lưu mạnh, ấm và chảy nhanh ở Đại Tây Dương xuất phát từ vịnh Mexico, chảy qua eo biển Florida tới bờ biển phía đông nước Mỹ và đảo Newfoundland. (BT)

Tự tin trong ông trào dâng. Ông đã sống sót qua cuộc hải trình, vượt qua một vụ nổi loạn cục bộ, và phát hiện được một phần thế giới chưa được biết đến. Ông thậm chí đã dựng được một pháo đài có người ở tiền đồn xa xôi đó. Nhưng các thành công của ông chưa dừng lại ở đây. Ông đã tự chứng tỏ cho chính bản thân mình giá trị của “kế hoạch vĩ đại”, và chẳng mấy chốc, ông sẽ chứng tỏ điều đó với Ferdinand và Isabella. Chẳng điều gì có thể làm thay đổi các thành công này, với ngoại lệ có thể là sự xấu xa của Pinzón hay sự can thiệp của thần thánh.

Hai con tàu sống sót trong đội tàu nhỏ (*Pinta* ở không xa phía sau) thẳng tiến ra biển khơi với đầy hiểm nguy. Điều chờ đợi ông trên bán đảo Iberia còn bất định và nguy hiểm hơn bất cứ điều gì ông từng đối mặt nơi biển cả dịu êm và trên những bãi cát trắng mịn của vùng Caribbean.

CHƯƠNG 4



“NHỮNG NGƯỜI TỪ TRÊN TRỜI”

Các triệu chứng của việc bị tách rời khỏi phụ nữ quá lâu len cả vào nhật ký của Columbus. Ông thú nhận việc mình bị ám ảnh về “đảo Martinino” mà người Anh-điêng nói rằng “chỉ có phụ nữ” sinh sống – một viễn cảnh đáp ứng những lời cầu nguyện của nhiều thủy thủ và thậm chí lôi cuốn cả vị Đô đốc vốn thận trọng hơn. Theo lời đồn đại ở đây, mỗi năm một lần các bé gái sơ sinh được đưa đến một hòn đảo nhất định, trong khi những bé trai mới sinh cũng được rút đi tương ứng.

Ông càng hỏi những người dẫn đường Anh-điêng về chỗ chính xác của hòn đảo, thì họ càng mơ hồ về vị trí của nó, và sự lẩn tránh của họ càng khiến mối quan tâm của ông tăng lên. Khi theo đuổi một ảo ảnh là lúc Columbus nhiệt huyết hơn cả. Ông cân nhắc việc tiến hành những hành động thám hiểm, nhưng ông ghi lại mình “không dám nấn ná”, chưa nói đến kẻ thù và đối thủ của ông ở quê nhà sẽ mô tả chuyện đi vòng vèo vào con đường tình dục này ra sao. Thời tiết đẹp và làn gió mát mẻ đã khuyến khích Columbus dứt ra khỏi ý nghĩ về các nàng tiên cá vùng Caribbean và theo đuổi con đường về phía bắc và đông hướng tới Tây Ban Nha. Ông viết, lúc hoàng hôn, gió bắt đầu dịu lại.

Hệ thống tính ngày của Columbus rất kỳ cục, kể cả có theo chuẩn của hàng hải đi nữa. Thủy thủ thường bắt đầu ngày mới vào giữa trưa

chứ không phải nửa đêm, nhưng Columbus thích bắt đầu ngày mới của mình lúc bình minh, ít nhất đối với chuyến ra khơi. Đối với hải hành quay về như lần này, ông đánh dấu ngày từ hoàng hôn hôm nay tới hoàng hôn hôm sau. Những thay đổi này có nghĩa là các tính toán về tiến trình từ ngày này sang ngày khác của đội tàu thường không đều đặn, và thường không trùng khớp nhau.

Việc ghi lại thời gian trên các tàu của Columbus cũng có những sự bất nhất và không đều đặn như thế. Hoa tiêu của ông đánh dấu thời gian bằng một chiếc đồng hồ cát lớn chạy bằng tay được gọi là *ampolleta*. Vào những ngày đẹp trời, ông có thể điều chỉnh những sai lệch về thời gian bằng cách quan sát thời điểm Mặt trời lên đến đỉnh, nghĩa là điểm cao nhất thẳng trên đỉnh đầu. Sau đó, trong vòng vài giờ, mọi thứ được điều chỉnh, nhưng ngoài biển chẳng có gì giữ nguyên được lâu. Trên bầu trời và trên mặt đất, tất cả đều chuyển động.

Không bao giờ hoàn toàn thoát khỏi cái khung tư duy kiểu trung cổ của mình, Columbus dựa vào thời gian biểu truyền thống của giáo hội, kể cả ở biển. Buổi lễ đầu tiên, hay là lúc rạng đông, bắt đầu vào lúc 6 giờ sáng, cầu kinh sáng vào lúc 9 giờ sáng, kinh chính Ngọ vào giữa trưa, kinh giữa chiều vào lúc 3 giờ chiều, kinh chiều vào lúc 6 giờ chiều, và kinh cuối ngày vào lúc 9 giờ tối.ⁱ Đôi khi những giờ này có thể linh hoạt, buổi lễ đầu tiên thường vào bình minh, diễn ra khi bình minh lên, kinh chiều vào lúc chiều muộn hay chập tối, và kinh cuối ngày trước khi các thủy thủ đi ngủ. Vào giờ kinh chiều, khi hoàn cảnh cho phép, Columbus triệu tập tất cả mọi người lại đọc hay theo dõi trong lúc các lời cầu nguyện vang lên, và những người gác ngày giao ca cho những người gác đêm.

i. Những buổi cầu kinh này trong tiếng Anh lần lượt có tên là Prime, Terce, Sext, Nones, Vespers, và Compline.

Chính khi đó, trong ánh sáng ban ngày đang dần lụi tàn, ông thấy một cảnh đáng nhớ: một con chim ngốcⁱ, loài chim biển hình thù kỳ dị, tên nó được đặt dựa vào từ “dunce” trong tiếng Tây Ban Nha mà mọi thủ thủy đi biển đều biết. Chẳng mấy chốc một con chim ngốc khác xuất hiện và sau đó là tảo: những dấu hiệu và hứa hẹn về đất liền.

Vào thứ Sáu, ngày 18 tháng 1, biển bị khuấy tung lên với lũ cá ngừ, một trong số ít những loài cá mà Columbus và thủy thủ đoàn nhận biết được, một dấu hiệu đầy khích lệ rằng họ đang đến gần Tây Ban Nha. Nhắc lại về sự hiểu biết của thủy thủ, Columbus thể hiện niềm tin rằng họ, với một con chim cốc biển đồng hành, sẽ đưa con tàu tới một ngôi làng ven biển gọi là Conil, gần thành phố Cadiz, tại đây họ được cho là sẽ tập hợp lại. Hay như các thủy thủ chắc hẳn sẽ nói, lũ cá ngừ đang kéo họ đến với những cô gái thành phố, nổi tiếng vì sắc đẹp và đối đáp tục tĩu. Ngày tiếp theo mang lại lũ chim ngốc và những loài chim biển khác, nhưng chẳng có dấu hiệu của Cadiz hay vẻ đẹp của nó. Và đến Chủ nhật, ông mong mỏi về đến nhà, hình dung làn gió biển “êm ái và ngọt ngào như Seville trong tháng 4 và tháng 5”, khi nó phảng phất thổi qua mặt biển dịu dàng, không một gợn sóng.

Ông thay đổi đường đi của mình giữa hướng bắc, bắc đông bắc, “và đôi lúc đi theo hướng giữa đông bắc và bắc” mất nhiều thời gian đến mức chẳng mấy chốc tàu *Niña* xông về phía tàu *Pinta* “để nói chuyện với nó”, hàm ý về việc ông đã biết về những ý định gần nhất của Pinzón. Bỗng dưng trời trở lạnh, và ông hình dung sẽ lạnh hơn khi ông đi về phía bắc, “và đêm cũng dài hơn rất nhiều do địa cầu hẹp dần”. Quan sát này chỉ là một trong nhiều quan sát được Columbus đưa ra, cho thấy ông hiểu rất rõ và đánh giá rằng Trái đất hình tròn, hay gần như vậy, và chắc chắn không phải là mặt phẳng.

i. Do loài chim hiền lành này có thói quen đậu trên boong hay mạn tàu và rất dễ bắt.

Những loài chim xuất hiện nhiều hơn, có cả chim hải âu, và nhiều tảo hơn, “nhưng không nhiều cá lắm, vì nước lạnh hơn”. Nhưng vẫn chẳng có dấu hiệu nào của đất liền, và ông không rõ mình đang ở đâu trong Đại dương, hay ở đâu trong tương quan với hải trình ra khơi của mình. Trong tình trạng khó chịu, hôm sau gió ngưng thổi, và chẳng còn gì hay hơn để làm, mấy hành khách người Anh-điêng bơi lội trong làn nước biển mặn và sâu, còn những người châu Âu thận trọng hơn đang canh giữ họ thì đứng nhìn từ boong tàu *Niña*.

Đêm đó, gió lại nổi lên nhưng hay thay đổi, đùa giỡn tàu *Niña*, song Columbus và thủy thủ đoàn đã củng lại cái mong muốn đi tiếp. Họ chờ tàu *Pinta* đuổi kịp, nhưng nó tỏ ra bị tê liệt. “Nó di chuyển khó nhọc theo hướng gió”, Columbus ghi lại, “bởi lá buồm phía bánh lái chẳng giúp gì được mấy cho nó do trụ buồm không chắc chắn”. Trước sai sót đó, Đô đốc đã buộc tội đối thủ có ý phá hoại. “Nếu thuyền trưởng Martín Alonso Pinzón thật sự quan tâm và cung cấp cho nó một chiếc cột buồm tốt từ Ấn Độ”, ông trách mắng, “nơi có khá nhiều loại cột này, khi ông ta vội vã rời bỏ họ và chỉ nghĩ đến chuyện chất đầy hàng lên thuyền, thì ông ta hẳn đã làm tốt rồi”.

Columbus cảm thấy thoải mái với thực tại là đại dương vẫn “luôn rất êm ả như trong một con sông”, và ông cảm ơn Chúa vì điều đó, bởi Người rõ ràng vẫn luôn ưu ái ông hơn tất cả những người khác.

Tình hình cứ tiếp diễn như vậy cho đến hết tháng 1 và tới giữa tháng 2 năm 1493. Một hôm, thủy thủ “giết được một con cá heo và một con cá mập to”. Đêm đó, nước “rất êm ả” lặn lẽ lướt dưới thân tàu, làm ánh phản chiếu của bầu trời vỡ vụn thành những mảnh lấp lánh.

Vào tối Chủ nhật, ngày 3 tháng 2, Columbus thử vận may của mình với thước trắc tinhⁱ và thước đo độ, những thiết bị mà trong hàng

i. Nguyên văn: “astrolabe”. (BT)

thế kỷ các nhà hàng hải ở nhiều nơi trên thế giới vẫn sử dụng. Hình thức đơn giản nhất của thước trắc tinh gồm một chiếc đĩa được đánh dấu chia độ và một cây kim. Nó được dùng để đo lường trong thiên văn học, đặc biệt là độ cao của những vật thể trên bầu trời và tính vĩ độ. Thiết bị của Columbus rất thô sơ và ông không rành trong việc sử dụng nó. Thước đo độ, một thiết bị truyền thống khác dùng trong việc lái tàu dựa vào các thiên thể vũ trụ, gồm một phần tư vòng tròn được chia độ và một ống ngắm. Nó được thiết kế để đưa ra những tính toán về số đo góc của độ cao trong thiên văn học, và thường được làm từ gỗ hay đồng.

Columbus hy vọng đo được độ cao của Sao Bắc Đẩu để xác định vị trí của mình nhưng không thành. Ông đổ lỗi cho biển động, hay như ông viết, “biển cuộn lên không cho phép điều đó được thực hiện”. Song, câu trước đó của ông là mặt biển “rất êm ả”. Khả năng nhiều hơn là ông bức bối vì thấy bản thân thiếu kỹ năng trong việc sử dụng các thiết bị này, kể cả khi thời tiết yên ả. Là một nhà hàng hải có khả năng dẫn đường dự đoán một cách sành sỏi, có thể đọc được dòng chảy, mây và gió với sự chính xác kỳ lạ, nhưng Columbus lại không làm chủ được các thiết bị này. Do vậy, ông đành từ bỏ thước đo độ và thước trắc tinh để dựa vào cảm giác của mình, đặc biệt là vào đôi mắt tinh tường. Ngược lại với tính cách nhìn xa trông rộng, Columbus vẫn là một thuyền trưởng người Genoa thực dụng, thiếu kiên nhẫn với công nghệ hàng hải mới nhất.

Những cơn gió mậu dịch nhanh chóng đẩy tàu *Niña* đi, và nó đi được 200 dặm trong khoảng thời gian 24 tiếng bắt đầu từ ngày 6 tháng 2. Hoa tiêu Vicente Yáñez, được sự hỗ trợ của thủy thủ Bartolomé Roldán, đã thuyết phục bản thân và thuyền trưởng rằng họ đang đến gần quần đảo Azores, điểm nhô ra xa nhất về phía tây của châu Âu vào Đại Tây Dương. Họ tự cho rằng họ đã thấy đảo Flores, được khám phá

cách đó gần 20 năm, và tiếp theo là đảo Madeira. Nhưng trong trường hợp này, năng khiếu dẫn đường dự đoán của Columbus đã đánh lừa ông về vị trí của hai hòn đảo ấy và vị trí của tàu *Niña*. Ông tin mình đang ở cách Flores 75 hải lý về phía nam, trong khi trên thực tế ông cách 600 dặm về phía đông và 200 dặm về phía nam của địa điểm mà ông đoán chừng, song ông vẫn tin vào diễn giải của mình, và tìm cách xác nhận bằng sự xuất hiện của những chùm tảo biển mà các thủy thủ gắn với quần đảo Azores.

Columbus càng ở lâu trên biển, sự sai lệch giữa vị trí thực và vị trí ông đoán càng nhiều, đồng nghĩa với mỗi nguy cũng lớn hơn. Như chuyến đi cho thấy, bài kiểm tra tối hậu về khả năng hàng hải ở ông xuất hiện không phải trong chuyến tàu ra khơi – điều thể hiện tầm nhìn của ông, chứ không phải mức độ chính xác về định vị hàng hải, với mỗi lần nhìn thấy đất liền ở Tân Thế giới đều được coi là một “khám phá” – mà là trong hành trình trở về, khi ông hướng tới một đích đến cụ thể, chứ không phải một ý tưởng viễn vông do Marco Polo đưa ra, hay kết quả của những tính toán dựa trên sự đo đạc thiếu chính xác. Không biết mình đang ở đâu khi bắt đầu quay về, và cương quyết tin rằng ông đang ở đâu đó ngoài khơi “Ấn Độ”, ông thấy mình trong tình thế vô cùng bất lợi khi cố tìm lại đường đi của mình, và vấn đề càng trở nên tệ hơn sau mỗi hải lý ông đi qua. Ông bị lạc mà không nhận ra, như ông đã bị lạc kể từ ngày những đường nét mềm mại của quần đảo Canary chìm dần vào sương mờ.



Giữa khoảng thời gian tương đối yên bình này trong hành trình trở về, Columbus chuẩn bị để tự vệ một lần nữa trước các thách thức mà chắc chắn sẽ đến từ Pinzón, người Bồ Đào Nha, và những đối thủ khác, bằng cách tóm tắt các kỳ tích của mình cho Luís de Santangel, nhà Quản lý Quỹ Hoàng gia của Nữ hoàng, để chuyển tới các vị Quân

chủ. (Có thể hiểu được việc Columbus viết hai lá thư như vậy, mỗi lá thư cho một bên, nhưng chỉ lá thư cho Luís de Santangel là vẫn còn.) Được công bố sau đó chỉ vài tuần, vào tháng 4 năm 1493, lá thư được coi là văn bản đầu tiên nói về châu Mỹ, và có lẽ là phiên bản quan trọng và có giá trị nhất.

“Lá thư về chuyến hải hành thứ nhất” của Columbus ra sức đánh bóng các sự kiện trong chuyến đi thứ nhất của mình. Nếu nhật ký của ông đọc lên như một loạt các ấn tượng được tạo ra nhanh chóng, lộn xộn, thường xuyên mâu thuẫn nhau, thì lá thư của ông tiết lộ những ấn tượng được cân nhắc hơn, mà ông trông đợi chúng sẽ đảm bảo cho vị trí của mình trong kế hoạch. Từ khi khởi đầu cho đến lúc kết thúc, ông cương quyết nhấn mạnh tính tích cực và loại bỏ tính tiêu cực trong các khía cạnh của chuyến đi. “Vì tôi biết ngài sẽ hài lòng với thành công lớn mà Chúa ban cho chuyến đi của tôi”, ông mở đầu, “nên tôi viết để thông báo với ngài về việc trong 33 ngày tôi đã đi từ quần đảo Canary đến Ấn Độ như thế nào, với đội tàu mà các vị Quân chủ lừng danh nhất của chúng ta đã ban cho tôi. Và ở đó tôi tìm thấy nhiều hòn đảo có vô vàn người sinh sống, và tôi đã chiếm hữu tất cả chúng cho các Bệ hạ bằng cách tuyên bố và trưng ra lá cờ hoàng gia, và chẳng ai phản đối”.

Mặc dù ông thực sự không biết mình đã đến đâu, nhưng ông tiếp tục giải thích về việc đặt tên cho những khám phá của mình: “Với đảo đầu tiên mà tôi tìm thấy, tôi đặt tên là Saint Salvador để vinh danh Đức Chúa Trời, vì Ngài với sự phi thường đã ban cho tất cả những điều này; người Anh-điêng gọi hòn đảo đó là Guanahani. Với đảo thứ hai tôi đặt tên là Isla de Santa María de la Concepciónⁱ; với đảo thứ ba là Fernandina; với đảo thứ tư, Isabela, với đảo thứ năm, Juana, và cứ như vậy với mỗi đảo tôi lại đặt một cái tên mới”. Thật tuyệt vời làm sao khi phát hiện ra và đặt tên cho một thế giới mới.

i. Hòn đảo được đặt tên như vậy để vinh danh Đức Mẹ Maria.

Đối với vấn đề gây rắc rối nhiều hơn, ông bổ sung, “khi tôi đến Cuba, tôi men theo bờ biển phía bắc của nó về hướng tây, và thấy nó thật rộng, tôi nghĩ đây hẳn phải là lục địa, một tỉnh của Cathay”. Ở đây ông viết lại câu chuyện của chính mình. Theo như nhật ký của ông chỉ ra, ban đầu ông tin rằng Cuba là một hòn đảo rất lớn, và nếu đúng là như vậy, nó không thể nối liền với Cathay, hay Trung Hoa, một kết quả mà sẽ phá vỡ lời hứa của ông với các vị Quân chủ, cũng như mục đích của chuyến thám hiểm và sự hiểu biết của ông về vũ trụ. Nhà thám hiểm không muốn đối đầu với các hệ quả từ sự khám phá của mình, nên ông phải viện đến một sự hư cấu hợp lý, giải thích rằng lúc ông đi dọc theo bờ biển Cuba, ông chỉ thấy “lác đác các ngôi nhà mà người sống ở đó đã chạy trốn ngay khi chúng tôi đến gần”, và trong hành trình của mình, ông “nghĩ rằng tôi chắc chắn sẽ đến một số thành phố hay thị trấn lớn”. Tệ hơn, “đường bờ biển đưa tôi về phía bắc” và mùa đông đang đến, không phải là ông thực tế trông đợi gì khi đối đầu với băng giá và tuyết ở vùng khí hậu cận nhiệt đới này, nơi mà cái nóng và độ ẩm thường xuyên gây khó khăn cho Columbus và mọi người vì lúc ra đi họ mặc đồ len và lạnh, còn ở đây người Anh-điêng cởi trần. Giả vờ là đang chạy trốn cái lạnh – và làm sao mà các vị Quân chủ biết được sự khác nhau đó, trừ phi họ thực sự đi đến tận nơi? – ông quyết định đi về phía nam, nhưng cả hướng đó ông cũng không muốn tiếp tục đi nữa, mà thích buông neo ở một “cảng tuyệt vời mà tôi đã quan sát được”. Cho đến lúc ông kết thúc câu chuyện cổ tích nho nhỏ về việc chạy trốn mùa đông khắc nghiệt ở Cuba, thì các vị Quân chủ (và những cố vấn của họ) sẽ thôi tự hỏi liệu cuối cùng Cuba có phải là một hòn đảo không. Nó có vẻ là một phần của “Ấn Độ” hơn cả.

Giả vờ tò mò trong khi trên thực tế ông lại tránh đi theo một lộ trình hợp lý cho những con tàu của mình, ông cử hai người lên đất liền để tìm “một ông vua của những thành phố lớn”. Ông cử hai người thám thính đi tìm các trung tâm của thương mại và văn minh,

và ba ngày mò mẫm nơi hoang dã chỉ dẫn đến “những ngôi làng nhỏ với vô vàn người, nhưng chẳng có gì quan trọng”. Nhiều khả năng là Columbus đã cẩn thận thay đổi một số phần trong nhật ký để che giấu vị trí chính xác của mình khỏi các đối thủ, và khả năng ông cũng đã không trung thực về cuộc thám hiểm Cuba còn dở chừng của mình.

Thay vì theo đuổi sự thật về địa lý, ông lại lao đến một hòn đảo khác mà ông gọi là Hispaniola. Người Anh-điêng nói với ông về nó, hoặc ông nói như vậy. Câu chuyện ông kể ngày càng hay hơn, và ông tiếp tục thêm mắm muối, kể cả khi cuốn nhật ký của ông, với cảm giác về sự kỳ diệu và tính mơ hồ của chính nó, mâu thuẫn với câu chuyện thần thoại trong lá thư của ông.

Ông mô tả Hispaniola như một cơ hội tuyệt vời cho việc xây dựng đế chế. “Nó có nhiều bến cảng lớn, tốt hơn bất cứ cảng nào tôi biết ở các vùng đất Ki-tô giáo, và có nhiều sông lớn. Tất cả đều tuyệt vời.” Trên thực tế, mọi thứ ở đó đều “tuyệt vời” – thực vật, cây cối, hoa quả – và bản thân Hispaniola “là một kỳ quan” đầy “những bến cảng tốt đến khó tin” với “những con sông tuyệt vời” chứa vàng (không hẳn), “nhiều gia vị” (không đúng), cùng “những mỏ lớn chứa vàng và kim loại khác” (một sự phóng đại rành rành).

Về nỗi sợ của ông trước “mùa đông” Cuba, chỉ Columbus mới có thể xác nhận các tuyên bố này. Ông thích đánh thức những vùng đất “cao chót vót” những núi đá lởm chởm, và những dãy núi. “Tất cả đều đẹp vô cùng, muôn hình vạn dạng và có thể tiếp cận được, được phủ kín bởi hàng ngàn loại cây khác nhau cao vút, và chúng có vẻ như chạm đến tận trời.” Một số ra hoa, một số kết quả, “và có tiếng hót của chim sơn ca cùng hàng ngàn loài chim nhỏ khác vào tháng 11”. Ông viết tiếp, kể về đất đỏ màu mỡ (đúng), những bãi biển mịn đầy cát lấp lánh (đúng), cư dân dễ dàng hợp tác, tất cả họ dường như là một phần của môi trường dễ chịu (chưa chắc), và làn nước trong như pha lê mà ông chưa từng thấy ở nơi nào (lần này thì đúng tuyệt đối). “Ngài không thể

tin nếu chưa nhìn thấy”, ông tuyên bố. Thậm chí cả Marco Polo, người cũng có xu hướng cường điệu hóa, không nhận xét về những cảnh thiên nhiên được tinh tế và hấp dẫn như vậy, và vì lợi ích của các vị Quân chủ, Columbus tự hỏi liệu có phải ông đang đặt chân vào thiên đường. Ở Hispaniola, “những núi đá lởm chởm và những dãy núi và những đồng bằng và những đồng cỏ và những dải đất rất đẹp đẽ và giàu có để trồng trọt gieo hạt, để chăn nuôi mọi thứ, để xây dựng thị trấn và làng mạc”. Và Columbus tiếp tục viết như thế, được vỗ về bởi âm thanh của biển cả, được khích lệ bởi viễn cảnh trở về Tây Ban Nha trong vinh quang, mọi cơn bão và cuộc chiến đều đã lùi lại phía sau khi ông đánh thức những hòn đảo nhỏ diệu kỳ trong chuyến đi của mình.

Khi ông hướng sự chú ý tới cư dân của “hòn đảo này”, ông trở nên thành thật hơn, và đối với người chưa thấy những gì ông thấy, thì nó hoàn toàn gây bối rối. Họ vô cùng nhân văn và nhạy cảm, họ hoang dã và nguy hiểm, họ bắn tên vào ông, họ đề nghị làm tượng ông bằng vàng to như người thật, họ coi đội tàu của ông là sự hoàn thành một lời tiên tri lâu đời, và họ đuổi ông ra khỏi vùng đất của mình. Hành xử của họ thay đổi ở mỗi bến cảng mà ông ghé thăm. Việc khái quát về họ gặp khó khăn, nếu không muốn nói là không thể, nhưng ông sẽ cố.

Trước hết là: tất cả họ đều “trần truồng, đàn ông và đàn bà, như khi họ được mẹ sinh ra, trừ vài người đàn bà che chắn một chỗ chỉ bằng một chiếc lá hay tấm lưới sợi bông”, ông khuyến cáo, và đánh giá họ như một người Genoa hám lợi. “Họ không có sắt thép hay vũ khí, họ cũng không có khả năng sử dụng chúng, dù họ là những người cường tráng với cơ thể đẹp đẽ, bởi họ nhút nhát đến kỳ lạ” và thậm chí từ chối sử dụng các chiếc gậy nhỏ hơi nhọn mà đôi lúc họ mang theo. Khi Columbus lên bờ, “vô số người” bị cảnh đó lôi cuốn chỉ để rồi chạy trốn. “Thậm chí một ông bố cũng sẽ không ở lại vì con mình, và điều này không phải bởi người ta đã làm điều gì đó có lỗi

với ai”. Tóm lại, họ “nhút nhát vô phương cứu chữa”, và hào phóng đến phi lý. “Trong số bất cứ thứ gì họ có, nếu ngài hỏi xin họ, họ sẽ chẳng bao giờ nói không; thay vào đó họ sẽ mời ngài cùng chia sẻ nó, và thể hiện tình yêu như thể họ đang trao cả trái tim mình, dù đó là vật có nhiều hay ít giá trị.”

Ông mô tả những nỗ lực mà mình đã thực hiện để chuẩn bị cho việc cải đạo họ sang Ki-tô giáo: “Tôi cho họ hàng ngàn thứ xinh xắn mà tôi mang theo để có được tình yêu của họ và hướng họ trở thành những người Ki-tô giáo. Tôi hy vọng có được tình yêu và sự phụng sự của họ cho các Bệ hạ và toàn thể dân tộc Tây Ban Nha, thuyết phục họ thu thập và chuyển cho chúng ta những thứ mà họ sở hữu thừa thãi và là thứ chúng ta cần” – ví dụ như những người phụ nữ trẻ của họ, có lẽ ông sẽ thêm như vậy nếu ông định viết toàn bộ sự thật, điều mà ông đã không làm. Ông khoe rằng ông, Đô đốc Đại dương nhận được “sự đón tiếp nồng hậu ở mọi nơi, khi họ đã vượt qua nỗi sợ hãi... vì xưa nay họ chưa bao giờ nhìn thấy người mặc quần áo hay những con tàu kiểu như vậy”.

Ông học cách giao tiếp với họ “hoặc bằng lời nói hoặc qua dấu hiệu”, nhưng dù họ có trao đổi gì đi nữa, thì người Anh-điêng vẫn “tin chắc rằng tôi, cùng với mọi người và các con tàu này, đến từ trên trời”. Niềm tin đó không hề lay chuyển, và có ở khắp nơi. Dù ông đi bất cứ đâu, cư dân đều hoảng hốt “vừa chạy từ nhà này sang nhà khác và sang cả mấy thị trấn bên cạnh, vừa kêu to ‘Đến đây! Đến đây! Xem những người đến từ trời!’”.

Phấn chấn với sự tâng bốc, Columbus mô tả việc xây dựng đế chế của mình bằng những lời lẽ to tát, ông tuyên bố rằng mình đã phát hiện ra những mỏ vàng gắn liền với Đại Hãn, mặc dù tuyên bố ấy chỉ dựa vào việc ông nhìn thấy một vài dải vàng. Như thể những hồi kèn trumpet đang vang lên xung quanh ông, Columbus tuyên bố là mình

“sở hữu một thị trấn lớn mà tôi đặt tên là La Villa de Navidad, và ở đó tôi đã xây dựng một pháo đài và những sự phòng vệ mà lúc này vừa mới hoàn thiện”.

Trên thực tế, đó không phải thị trấn mà cũng chẳng phải thành trì như ông hàm ý, nó chỉ là một pháo đài khiêm tốn được ghép vôi với nhau bằng những tấm gỗ tận dụng từ tàu *Santa María* bị đắm và do 39 thủy thủ trông coi, được trang bị sơ sài để sinh tồn trong một môi trường xa lạ. Là nơi định cư đầu tiên của người châu Âu ở Tân Thế giới, nó đóng vai trò như một biểu tượng mạnh mẽ. Trong trí tưởng tượng của các vị Quân chủ, nó sẽ hiện ra như một tòa thành đầy cờ xí và tường có lỗ châu mai, một tu viện quân sự giữa những kẻ ngoại đạo. Nói cách khác, nó là một điểm bán hàng tuyệt hảo, được bảo vệ bởi những con tin mà ông đã đặt ở đó. Columbus khẳng khẳng rằng họ không gặp bất cứ nguy hiểm nào, và rằng họ vui vẻ với sự bảo vệ của nhà vua bản xứ, người mà “tự hào khi mời tôi và đối đãi với tôi như anh em”. Cho dù nếu nhà vua có thay đổi tình cảm, thì “cả anh ta và người của anh ta đều không biết sử dụng vũ khí”, Columbus nói.

Một điều nữa: ông muốn làm cho các vị Quân chủ tin rằng “tôi không tìm thấy những con quỷ hình người mà nhiều người chờ đợi. Ngược lại, mọi người dân đều rất tốt bụng”. Ông thừa nhận đã nghe những báo cáo liên quan đến “một giống người mà ở tất cả các đảo đều cho là rất hung dữ và ăn thịt người” – người Carib hung tợn, chuyên cướp bóc mấy đảo yếu ớt và thực hành nghi lễ cúng tế người – “họ có nhiều thuyền độc mộc mà họ dùng để đi khắp các đảo của Ấn Độ và cướp phá và lấy đi nhiều như họ có thể” nhưng dù sao các chiến binh này “cũng không dị dạng hơn những người khác, ngoại trừ việc họ có thói quen để tóc dài như phụ nữ”. Sự hung dữ của họ xuất phát từ sự nhút nhát của các nạn nhân. Nói cách khác, một cách nghiêm túc, họ không được coi là chiến binh.

Cuối cùng, ông ban tên gọi cho những người mà ông khám phá ra: họ là người *Indio*ⁱ, một thuật ngữ xuất phát từ quan niệm sai lầm là họ sống ở Ấn Độ. Không thành vấn đề, miễn là họ có nhiều tài nguyên mà Tây Ban Nha cần: không chỉ vàng mà cả nhũ hương, “thứ cho đến bây giờ mới chỉ tìm thấy ở Hy Lạp, trên đảo Chios” – theo Columbus biết từ trải nghiệm cá nhân trong quá trình tập sự khó khăn với tư cách một thủy thủ người Genoa – cùng với cây thù, đại hoàng, quế, và “hàng ngàn thứ có giá trị khác”. Điều này cứ như là một sự kiểm kê hàng hóa ấn tượng, nhưng một người hay nghi ngờ và có sẵn định kiến xấu về Columbus sẽ hiểu rõ vấn đề và nhận thấy là còn thiếu nhiều thứ, nhất là vàng, mục quan trọng nhất trong chương trình của các vị Quân chủ. Nếu Columbus tìm thấy nhiều vàng, ông sẽ nhấn mạnh về nó hơn tất cả. Và tất nhiên, ông không tìm thấy Đại Hãn hay đế chế của ông ta, dù ông có giả vờ nhiệt thành đến đâu, rằng nó nằm ngay sau đường chân trời. Và các cư dân, mà nay được gọi là người bản địa, không thuộc về nền văn minh tiến bộ như Marco Polo mô tả; họ thiếu các năng lực về công nghệ, toán học, nghệ thuật, và quân sự được nhà thám hiểm người Venice liệt kê. Columbus cố gắng biến sự thiếu hụt năng lực công nghệ của họ thành lợi thế của ông; nếu họ không có những vũ khí tinh vi, họ hẳn sẽ dễ bị sai bảo. Cho dù ông có mô tả về họ thế nào đi nữa, thì rõ ràng là họ vẫn không thể trở thành những đối tác buôn bán sành sỏi. Ông chẳng tìm thấy mấy thứ có ích ngay đối với các vị Quân chủ và những kế hoạch của họ về đế chế. Tuy vậy, chuyến đi của ông đã tạo ra sự thôi thúc đầy quyết tâm đối với việc thám hiểm, xây dựng đế chế, và lòng tham.

Vào lúc ông viết bản tóm tắt này, ông không thể, và người khác cũng thế, hình dung được những hệ quả trước mắt hay hàm ý lâu dài của chuyến đi này. Với ông, đó là việc hoàn thành một lời tiên tri thiêng

i. Tiếng Tây Ban Nha, chỉ thổ dân da đỏ châu Mỹ. (HĐ)

liêng. Với các vị Quân chủ và quan chức dưới quyền họ, đó là dự định chiếm đất và là một cách để cướp bóc vàng. Thay vào đó, thông qua những lực lượng mà Columbus tình cờ khởi động và chỉ hiểu mơ hồ, nó trở thành chuyến thám hiểm quan trọng nhất từng được thực hiện.

Columbus ký trên tài liệu: “Viết trên boong tàu buồm”, như ông vẫn gọi con tàu nhỏ nhắn vững chãi *Niña*, “ngoài khơi quần đảo Canary, ngày 15 tháng 2 năm 1493. Bề tôi của các ngài. Đô đốc”. Ông biết là hôm đó ông đang ở ngoài khơi đảo Santa María của quần đảo Azores, chứ không phải quần đảo Canary. Thói quen che giấu địa điểm đã thành cố hữu đến mức ông không thể không thực hiện trò lừa bịp này kể cả khi báo cáo với các vị Quân chủ của mình.

Đến khi nét bút vừa ráo mực, con tàu nhỏ của ông lại bị nhấn chìm vào một cơn dông tố khác.

Vào Chủ nhật, 10 tháng 2 năm 1493, Đô đốc và thủy thủ của mình đã sẵn sàng khởi hành. Thậm chí với sự giúp đỡ của hai hoa tiêu, Sancho Ruiz và Peralonso (hay Pedro Alonso) Niño, ông viết, “Đô đốc thấy mình lệch hướng nhiều, thấy mình bị lùi lại sau đáng kể” – nghĩa là xa hơn về phía tây – “so với họ”. Ông cho rằng họ đang đến gần Castile và “bằng ân huệ của Chúa, khi họ nhìn thấy đất liền, sẽ rõ ai đoán chính xác hơn”.

Những con chim chao mình ngang qua, khiến ông tin rằng mình chắc hẳn đang gần đất liền. Thay vào đó, vào thứ Ba, ông chứng kiến “sóng to gió lớn, và nếu như chiếc tàu buồm không... thật vững chãi và được chuẩn bị tốt, ông e sẽ bị lạc”. Đó là ngày có thời tiết tồi tệ nhất mà Columbus phải đối mặt trong toàn bộ chuyến đi, với những ánh chớp xé toạc bầu trời. Ông cuộn buồm và “gần như đi suốt đêm dưới mấy cột buồm trơ trọi, chỉ giữ lại “một mảnh buồm” giữa vùng biển động. “Đại dương trở nên đáng sợ, và những con sóng chồm lên nhau, dồn ép mấy con tàu.”

Đến ngày thứ Năm, họ đã ở đâu đó về phía tây quần đảo Azores, một nhóm đảo nằm cách bờ biển Bồ Đào Nha về phía tây cả ngàn dặm. Do cơn gió mạnh kéo sang thứ Năm, ngày 14 tháng 2, nên số phận của con tàu lang thang *Pinta* trở thành điều rất đáng lo, như Columbus kể lại ở một trong những đoạn nhật ký đầy cảm xúc: “Đêm đó gió mạnh lên và những con sóng rất đáng sợ, đuổi theo nhau, tràn qua rồi ngăn cản con tàu đến mức nó không tiến lên nổi hay thoát được khỏi chúng, rồi chúng trùm lên con tàu”. Thậm chí đối với một thủy thủ dày kinh nghiệm, một số cảnh tượng vẫn thật đáng kinh hãi, cảnh báo chuyện đắm tàu, như cảnh những con sóng cao như tháp đổ ụp lên đầu, như thể biển cả cuồng loạn đang muốn nhấn chìm con tàu. Để đối phó, Columbus ra lệnh hạ đầu trục cột buồm chính thấp xuống ở mức con tàu có thể đi mà buồm của nó không bị xé rách hay bị sóng biển tràn qua boong cuốn mất. Khi chiến thuật đó thất bại, và thậm chí biển cả trở nên ghê gớm hơn, Columbus “bắt đầu lướt thẳng” – nghĩa là, chạy trước cơn bão mà không dùng buồm – “vì chẳng thể làm gì được nữa. Rồi chiếc tàu buồm *Pinta* có Martín Alonso [Pinzón] trên đó cũng bắt đầu chạy thẳng trước nó, và biến mất, mặc dù Đô đốc phát tín hiệu suốt đêm và những người khác trả lời, cho tới khi đã rõ là ông không thể làm được gì thêm vì sức mạnh của cơn bão, và vì ông thấy ông ta đã đi rất xa khỏi con đường của Đô đốc”. Đó là lần cuối cùng Columbus nhìn thấy tàu *Pinta*. Các con tàu luôn biến mất trong mấy cơn bão dữ dội như thế này, giữa biển cả sóng cồn và mưa rát mặt, bị quất tứ phía cùng những con sóng cao, và biến mất vào rãnh nước.

Tạm quên số phận tàu *Pinta*, đêm đó mỗi bận tâm lớn nhất của Đô đốc là sống sót. “Vào lúc bình minh gió và biển còn khủng khiếp hơn, biển trào dâng dữ dội hơn”, và con tàu tiến lên “chỉ với buồm chính và thấp, cho phép nó nổi lên trên những con sóng lười, khiến chúng không nuốt chửng được tàu”. Ông đi theo hướng giữa đông bắc và đông trong sáu tiếng đồng hồ kiệt sức, vượt được 7,5 hải lý, hay

khoảng 30 dặm. Columbus thề rằng nếu sống sót qua thử thách này, họ sẽ làm một chuyến hành hương tạ ơn tới Santa María de Guadalupe, địa điểm linh thiêng lừng danh rất khó đến được ở Extremadura, Tây Ban Nha, còn được gọi là Powerful Lady of Silence, được làm bằng gỗ lấy từ châu Á. Họ sẽ “mang theo một cây nến nặng năm poundⁱ và... tất cả cùng thề rằng ai bắt trúng thăm sẽ phải thực hiện chuyến hành hương này”. Đối với họ, nghi lễ là vấn đề sống còn.

Giữa cơn bão bất tận, được thúc đẩy bởi lòng trung thành và có lẽ đã bị phát điên, Columbus nói rằng ông “ra lệnh mang đến những hạt đậu gà với số lượng bằng số người trên tàu, dùng dao đánh dấu chữ thập trên một [hạt đậu], và đặt tất cả vào một chiếc mũ được xóc kỹ”. Luôn là con cưng của số phận, Columbus là người đầu tiên thò tay vào mũ và ông “bốc ra hạt đậu có dấu chữ thập, như vậy ông là người trúng thăm, và kể từ đó ông coi mình như một người hành hương và phải đi để thực hiện lời thề”. Các thủy thủ đang sợ hãi còn tạo ra nhiều kế hoạch hơn nữa để thực hiện những hành động mộ đạo như một cách tăng thêm cơ hội sống sót, được tiếp nhận sau khi chết, hay như một sự xao lãng khỏi nỗi đau khổ của bản thân mà đã trở nên đáng sợ hơn hết vào thời khắc này.

“Sau đó, Đô đốc và mọi người thề rằng ngay khi đặt chân lên đất liền lần đầu tiên, tất cả họ sẽ mặc những chiếc áo của họ đi thành đám rước để cầu nguyện trong một nhà thờ nhằm vinh danh Đức Mẹ. Ngoài những lời thề thông thường hay chung chung, mỗi người đều có một lời thề riêng, vì không ai nghĩ sẽ có thể thoát được, tin rằng tất cả họ sẽ chết, do cơn bão kinh khủng mà họ đang trải qua.” Tự vấn, dù đã quá muộn, Columbus ước gì mình đã mang nhiều đồ dự trữ, nước và rượu hơn, chỉ để giúp con tàu *Niña* nhỏ bé đầm hơn vào thời điểm này, nhưng ông đã bị xao lãng bởi chuyện tìm kiếm đảo Đàn bà, nơi

ⁱ Trong thời kỳ này, 1 pound xấp xỉ khoảng 0,329 kg. (BT)

mà ông từng tự thuyết phục mình có thể mang lên tàu những thứ quý báu đó. “Biện pháp sửa chữa sai lầm mà ông tìm thấy cho trường hợp cần thiết này là khi có thể, họ lấy nước biển vào đầy các thùng đã không còn nước và rượu, và với cách này họ đã đáp ứng yêu cầu.”

Columbus trở nên tin rằng “Chúa của chúng ta muốn ông bỏ mạng”. Đồng thời, ông tự nhủ về sứ mệnh của mình và tin tức về những kỳ tích mà ông đang mang về cho Ferdinand và Isabella. Tin tức càng trở nên quan trọng trong đầu, ông càng trở nên sợ hãi rằng mình không thể mang nó về, rằng mọi khám phá và hy sinh của ông sẽ là vô ích, “và rằng một con muỗi cũng có thể làm gián đoạn và ngăn cản nó”. Ông suy ngẫm về sự thiếu lòng tin nơi mình, và dù thế nó vẫn đủ để đưa ông về Tây Ban Nha để có được sự bảo trợ của hoàng gia, và để giúp ông vượt qua biển cố cho tới thời điểm này: sự khó khăn trong việc cư xử với đoàn thủy thủ, và sự nổi loạn của họ chống lại ông. Với sự giúp đỡ của Chúa, ông đã nỗ lực để thắng thế. Giá mà ông đã có thể sống qua được tai họa dù chỉ lâu hơn một chút.

Nhằm để lại chút ghi chép về những việc mình đã hoàn thành, ông cuống cuống vô lấy “một tấm giấy da dê và viết lên đó tất cả những gì ông có thể về mọi thứ ông đã thấy, chân thành yêu cầu bất cứ ai tìm được nó thì mang tới cho các vị Quân chủ. Tấm giấy da dê này được ông bọc trong một miếng vải phủ sáp, gói kỹ lưỡng, và ra lệnh cho mang đến một chiếc thùng gỗ lớn để đặt nó vào trong, không ai biết đó là gì ngoài việc xem đó là hành động của sự mộ đạo, rồi ông ra lệnh ném nó xuống biển” như một phiên bản của thông điệp trong chai, chúc thư của ông cho hậu thế sẽ bị giạt lên những bến bờ của lịch sử. (Chiếc thùng đã không bao giờ được tìm thấy.)

Trong lúc con tàu *Niña* bất lực lao đi trước ngọn gió, lắc lư và đập dềnh về hướng đông bắc, những lời cầu nguyện nhiệt thành của ông chẳng đủ để mang đến cho ông sự tự tin rằng mình sẽ sống sót qua đêm,

nói gì đến thành công trong sứ mệnh của mình, hay như ông viết “sự yếu đuối và lo lắng... không cho phép tâm hồn tôi được nguôi ngoai”.

Và rồi, sau khi hoàng hôn buông, “bầu trời bắt đầu quang đãng ở góc phần tư phía tây”. Gió đổi chiều đã đem lại một tia hy vọng rằng sau tất cả, ông sẽ sống sót. “Sóng biển vẫn hơi cao”, ông nhận xét, “nhưng cũng đang dịu dần”. Một giờ sau, khi bình minh lên, thủy thủ đoàn nhìn thấy một sự hiện hình như bóng ma, và dần rõ nét thành một địa hình phía xa. Columbus lần này đã phán đoán chính xác, kết luận rằng họ đã đến được gần quần đảo Azores, trong khi “các hoa tiêu và thủy thủ thấy họ đã ở đất nước Castile”.



Sau khi cơn ác mộng tồi tệ nhất dường như đã trôi qua, “cả đêm đó tôi đã phải đi ngược gió để tới gần bờ”, Columbus viết vào ngày 16 tháng 2, “nơi mà đã được nhận định là một hòn đảo”. Ông hướng về phía đông bắc, rồi sau đó lệch một chút về phía bắc đến bắc đông bắc, và lúc hoàng hôn thì lái về phía đông để đến được hòn đảo bí hiểm ấy, lúc này đã bị “một đám mây lớn” bao trùm, và khi đó ông thả pháo nhẹ nhõm khi “thấy một đảo khác” nằm cách đó có lẽ là 8 hải lý, hay 50 dặm. Khả năng đây là São Miguel (St. Michael), với một ngọn gió ngược cương quyết ngăn không cho ông tiếp cận. Không nản lòng, Columbus miệt mài đi ngược chiều gió cả ngày, cho tới khi màn đêm buông, “ai đó nhìn thấy ánh sáng nơi khuất gió”. Có lẽ nó phát ra từ hòn đảo họ nhìn thấy đầu tiên – nhật ký của Columbus không rõ ràng ở điểm này – và tàu *Niña* đã đi ngược gió suốt đêm. Lúc này, Columbus đã kiệt sức. Ông đã không ngủ đã ba hay bốn ngày, sống dưới áp lực khủng khiếp, ăn ít, “và chân ông tê dại do luôn bị phơi ra trước cái lạnh và nước biển”.

Vào tối Chủ nhật, khi biển đã dịu đi, Columbus trấn tĩnh lại và đi quanh nơi trú ẩn. Tàu *Niña* thả neo, và “ngay lập tức bị mất” neo

trong khi Đô đốc cố gắng gọi ai đó trên bờ. Ông không có lựa chọn nào ngoài việc giương buồm lên và ở ngoài khơi suốt đêm. Sáng hôm sau, ông neo lại ngoài bờ biển phía bắc của đảo, “và biết chắc rằng đó là Santa María, một trong các đảo của Azores”. Ông đã được an toàn, ít nhất là vào thời điểm này.

Sau khi neo tàu an toàn ở cảng và giải thích rằng mình đã đến đây như thế nào, Columbus nghe thấy “dân đảo nói rằng chưa bao giờ họ thấy một cơn bão nào mạnh như cơn bão trong 15 ngày vừa qua”, và họ lấy làm lạ là không biết Columbus đã thoát khỏi sự cuồng nộ của cơn bão bằng cách nào. Rõ ràng, câu hỏi ngây thơ ấy che giấu sự nghi ngờ. Liệu Columbus có nói với họ sự thật?

Nhằm gây ấn tượng với khán giả của mình, Đô đốc đã buột miệng nói tới sự khám phá thần kỳ về vùng đất Ấn Độ. Ông tiếp tục huênh hoang rằng “việc điều khiển tàu của ông rất chính xác” – khác xa so với sự thật – “và rằng ông đã sắp đặt con đường của mình rất rõ ràng”, ngoại trừ việc phóng đại tốc độ của mình, và kết quả chính là quãng đường mà ông đã đi qua. Ít nhất việc ông đoán mình đã đến quần đảo Azores là chính xác.

Để giữ thể diện và tránh bị lộ chuyện tình cờ dạt vào đảo Santa María, ông “giả vờ mình đi xa hơn quãng đường đã đi qua nhằm gây lúng túng cho hoa tiêu và thủy thủ, những người đã chấm dấu” – nghĩa là đánh dấu bằng đinh ghim – “trên tấm hải đồ, để ông vẫn là bậc thầy trên con đường đến Ấn Độ”.

Các chủ nhà của ông không tin, nhưng họ che giấu sự nghi ngờ bằng lòng hiếu khách. Người đứng đầu hòn đảo – Juan de Castañeda (hay có lẽ là người phó của ông ta) – cử mấy người đưa tin cùng đồ ăn thức uống ra phía con tàu. Để đáp lại, “Đô đốc ra lệnh đón tiếp những người đưa tin một cách thật nhã nhặn, ra lệnh dọn giường cho họ ngủ lại đêm đó, bởi đã là chiều tối và ngôi làng thì ở xa”. Khi đang thực hiện

những nghi thức ngoại giao này, Columbus bỗng nhớ lại lời thề mà ông đưa ra hôm thứ Năm, “khi ông đang ở trong cơn thịnh nộ của bão tố”, nên đã yêu cầu vị linh mục của tu viện Nossa Senhora dos Anjosⁱ, có nghĩa là “Đức Mẹ Đồng Trinh của các thiên thần”, tổ chức Thánh lễ. Việc hoàn thành bốn phận tôn giáo này đã dẫn tới một xung đột về ngoại giao. Trong lúc các thủy thủ cầu nguyện, cả thị trấn “bèn hạ gục họ và bắt họ làm tù nhân”.

Không biết gì về sự vi phạm trắng trợn này, Columbus bồn chồn ngóng người của mình trở về. Đến 11h sáng, họ vẫn chưa về, và ông nghi rằng họ đã bị bắt giữ. Ông ra lệnh cho tàu *Niña* nhổ neo và hướng về phía nhà thờ nhỏ, nơi một đám đông kỵ sĩ có vũ khí đã xuống ngựa và chuẩn bị bắt ông. Cùng lúc đó, người đứng đầu hòn đảo “đứng trên chiếc xuống lớn và hỏi Đô đốc [Columbus] về giấy thông hành”. Đô đốc đồng ý cho ông ta lên tàu *Niña* “và làm tất cả những gì ông ta mong muốn”.

Thể hiện một sự nhẫn nại lạ thường và trí tuệ mẫn tiệp sau thử thách nơi biển cả, Columbus “cố gắng dùng những lời lẽ nhẹ nhàng để người đứng đầu hòn đảo thả người của mình, bởi Columbus không tin là ông ta sẽ làm thế sau khi ông xuất trình giấy thông hành, người mà sau khi đề nghị hòa bình và an ninh trật tự thì đã không giữ lời”.

Khi tranh cãi trở nên gay gắt, Columbus yêu cầu được biết vì sao nhiều thủy thủ của mình lại bị bắt giữ giữa lúc đang hành lễ. Ông tuyên bố rằng hành vi thô lỗ của người đứng đầu sẽ “xúc phạm Vua Bồ Đào Nha”; trong khi ở Tây Ban Nha, người Bồ Đào Nha “được đón tiếp hết sức lịch sự và được an toàn như ở Lisbon”. Ông đưa ra cho xem những giấy tờ chính thức từ Ferdinand và Isabella mà ông mang theo, gọi ông là “Đô đốc Đại dương và Phó vương Ấn Độ, nơi giờ đây thuộc về các

ⁱ Được coi là nhà thờ đầu tiên được xây dựng ở Azores vào thế kỷ 15, sau đó đã được tu sửa lại vào thế kỷ 17. (BT)

Bệ hạ”. Ông có các chữ ký và những con dấu, và để chứng minh cho luận điểm của mình, ông trưng chúng ra ở một khoảng cách an toàn. Columbus lập luận, nếu người đứng đầu không thả các thủy thủ, thì ông ta có thể tin rằng, ông sẽ đi đến Seville, tại đó ông sẽ báo cáo về sự vi phạm trắng trợn và người của ông ta sẽ bị trừng phạt.

Người đứng đầu đảo Santa María trả lời rằng ông ta chẳng biết gì về các vị Quân chủ xứ Castile, chẳng hề ấn tượng với mớ giấy tờ của Columbus, và trong chừng mực có liên quan đến ông ta, Columbus nên cân nhắc rằng ông đang ở Bồ Đào Nha. Theo cuốn nhật ký, thì cung cách của ông ta “có phần đe dọa”, và Columbus suy đoán liệu có phải giữa hai nước đã xảy ra sự tuyệt giao trong thời gian ông ra khơi. Cả người đứng đầu và Đô đốc tiếp tục đối đầu, và Columbus có lúc đã dọa sẽ mang “hàng trăm người Bồ Đào Nha tới Castile và biến toàn bộ hòn đảo thành chốn không người”. Columbus trở về tàu chỉ huy của mình mà không giải thoát được con tin để vượt qua một cơn bão khác.

Cơn bão cuối cùng tỏ ra đủ mạnh để làm đứt các dây neo của con tàu. Sau khi sửa chữa và chứa đầy nước biển trong các thùng để dẫn nặng, Columbus quyết định nhổ neo ngay khi có cơ hội đầu tiên. Chẳng mấy chốc tàu *Niña* rời khỏi đảo Santa María và mọi thứ phiền nhiễu của nó để hướng tới St. Michael. Nếu ông không thể tìm được nơi thả neo tốt hơn, và sự tiếp đón tốt hơn ở đảo bên cạnh, “ông chẳng còn cách nào ngoài việc chạy ra ngoài biển khơi”.

Dường như ông đã dễ dàng tìm ra Tân Thế giới, và chỉ gặp khó khăn khi thương thảo ở quần đảo Azores. Ông chỉ muốn tuyên bố chiến công của mình, nhưng ông chẳng thể tìm được ai muốn nghe. Đối với người Bồ Đào Nha sống ở Azores, Columbus là một kẻ đi xâm lấn chứ không phải một nhà thám hiểm. Chỉ Ferdinand và Isabella, những người bảo trợ của ông, mới thật sự trân trọng và công nhận các chiến công của ông, khi ông giải phóng được mình khỏi cái bẫy hiều khách giả dối của người Bồ Đào Nha.

Thứ Năm, ngày 21 tháng 2, Columbus lại một lần nữa chiến đấu với biển cả hung dữ và những cơn gió mạnh, giữa lúc ông đã cố gắng mà không thành trong việc định vị St. Michael, “do các đám mây lớn và thời tiết xầm xì mà gió và biển gây nên”. *Niña* sắp sửa bị đắm. Sức mạnh của cơn bão khiến ông “kinh ngạc”. Với mọi kinh nghiệm đi biển xung quanh các quần đảo như Azores và Canary, ông chưa bao giờ gặp điều gì như thế, còn ở Ấn Độ, ông từng đi biển “cả mùa đông đỏ mà không phải thả neo”, hoặc khi nghĩ lại thì có vẻ là thế. (Trên thực tế, những cơn bão Caribbean đôi lúc buộc ông phải thả neo cho đến khi chúng dịu đi.)

Bình minh lên cũng chẳng hé lộ thêm chút nào về mục tiêu của ông là St. Michael, nên ông quyết định quay về Santa María “để xem liệu ông có thể lấy lại được người của mình và chiếc xuống và neo và dây chèo mà ông đã để lại ở đó”.

Những sự nhục mạ nhỏ nhẻ lại bắt đầu ngay khi ông vừa thả neo. Một viên chức đứng trên mấy tầng đá nhìn ra cảnh cảnh báo ông phải ở nguyên đó. Rồi một chiếc xuống chở “năm thủy thủ và hai linh mục và một người chép thuê” cập ngay mạn tàu. Các thủy thủ đều có vũ khí. Columbus cho phép họ ở lại đêm đó trên tàu khi chẳng có lựa chọn nào khác. Buổi sáng, họ yêu cầu được xem những dấu hiệu có thẩm quyền mà “các vị Quân chủ của Castile” trao cho Columbus, và một cuộc xung đột liền xảy ra. Columbus kể lại rằng ông đã phá vỡ tình thế bế tắc bằng cách thuyết phục những kẻ xâm nhập về thẩm quyền của ông, và cuối cùng người Bồ Đào Nha bèn thả tất cả số người đi lễ mà họ đã bắt giữ.

Sang đến Chủ nhật, thời tiết vốn bất ổn đã trở nên dễ chịu, và sau khi lấy thức ăn, nước ngọt, cùng nhiều đồ dằn nặng, Columbus đi về phía đông, hướng tới Tây Ban Nha và sự hoan hô mà ông chờ đợi. Dù vậy, càng về gần đến nhà, mối nguy mà ông đối mặt càng trở nên lớn hơn. Thời tiết xấu đã đẩy tàu *Niña* chệch đường. “Thật đau đớn vì có

một cơn bão như vậy khi họ đã gần như ở cửa nhà”, ông giải bày trong nhật ký. Vào tối ngày 2 tháng 3, “một cơn gió mạnh nổi lên xé rách toàn bộ buồm và ông thấy mình rơi vào mối nguy hiểm lớn”.

Như lúc trước, thủy thủ quây lại bốc thăm để chọn ra một người đi lễ ở Santa María de la Cinta, gần Huelva, và một lần nữa “thăm rơi vào Đô đốc”. Chẳng có thời gian để trao đổi, vì cường độ cơn bão đã tăng gấp đôi, và họ thấy mình bị thổi không phải về Tây Ban Nha như họ định, mà về phía một địa điểm họ không muốn đến: Lisbon.

Và cơn bão vẫn cứ mạnh dần thêm.

“Đêm hôm trước”, Columbus viết về các sự kiện của ngày 4 tháng 3, “họ trải qua một cơn bão kinh khủng đến mức họ nghĩ mình bị lạc trong biển nước đổ lên họ từ hai phía, và những cơn gió dường như nâng con tàu buồm lên không trung; và nước từ trên trời, và chớp lóe lên tứ bề”. Ông không có thời gian để xem xét nghịch cảnh của mình: ông đã đi suốt cả chặng đường đến Ấn Độ và trở về, chỉ để đối mặt với những mối nguy hiểm tồi tệ nhất ở vùng biển châu Âu. Những người gièm pha về Columbus sau này buộc tội vị Đô đốc đã cố tình đi về phía Lisbon với lý do chạy trốn cơn bão để tìm kiếm một kế hoạch lén lút với Bồ Đào Nha. Dựa trên những mô tả của ông và người khác về thời tiết khắc nghiệt, thì kế hoạch của ông chỉ chứa đựng duy nhất một việc là duy trì sự sống còn.

Ông “tiến lên phía trước một chút, mặc kệ mối hiểm nguy lớn, hướng ra ngoài biển, và thế là Chúa đã bảo toàn cho họ đến ngày hôm đó”, một nhiệm vụ mà Columbus nói nó đồng nghĩa với việc chịu đựng “những cực nhọc và kinh hoàng bất tận”. Bị nước vào và hầu như không thể điều khiển, những thủy thủ đoàn đã kiệt sức lái tàu *Niña* đi đến gần một mốc mà Columbus nhận ra là Rock of Sintra, bán đảo phía bắc sông Tagus, chảy vào Lisbon. Ông có một sự lựa chọn: hoặc cố gắng đổi chiều đi vào cơn bão và gần như chắc chắn rơi vào lãng quên,

bị mất mạng và thất bại trong Công cuộc Chinh phục Ấn Độ; hoặc đi đi vào con sông, và ông đã làm như vậy “vì ông không thể làm gì khác”. Ông đến làng chài đầu tiên là Cascais, gần cửa sông Tagus, và bắt chấp bão tố, tìm nơi buông neo.

Những kẻ tò mò tụ tập trên bờ, tự hỏi bằng cách nào mà các thủy thủ sống sót được qua cơn bão dữ dội và còn đi lễ. Columbus nghe thấy từ các thủy thủ khác nói rằng “chưa bao giờ có một mùa đông với những cơn bão dữ dội như vậy, và rằng 25 con tàu đã bị mất tích ở Flanders”, một địa điểm quen thuộc đối với những con tàu rời Lisbon, “và rằng các tàu khác đã nằm đây bốn tháng không thể ra khơi”. Trong bối cảnh này, việc tàu *Niña* sống sót có vẻ là kỳ diệu.

Ý nghĩ đầu tiên của Columbus là về Vua João, nhưng chẳng có gì đáng hài lòng trong việc chứng minh rằng vị quân vương Bồ Đào Nha khinh khỉnh nọ đã sai. Thay vào đó, Đô đốc viện dẫn đến Ferdinand và Isabella, giải thích rằng họ đã “ra lệnh cho ông phải vào các cảng của Bệ hạ để yêu cầu những thứ cần thiết, rồi dùng tiền chi trả cho việc đó”. Ngay khi trời quang hơn, ông sẽ hăm hở ra khơi đến Lisbon “vì một số kẻ lưu manh nghĩ rằng ông mang theo nhiều vàng nên sẽ lên kế hoạch thực hiện hành động bất lương nào đó”. Sẽ cần đến mọi chiến thuật và năng lực ngoại giao của ông để thuyết phục người Bồ Đào Nha rằng ông không cướp bóc những quyền lợi được bảo vệ của họ trên bờ biển Guinea – điều mà Tây Ban Nha đã hứa sẽ tránh – mà thực sự đang trở về từ Ấn Độ. Cách giải thích nào cũng sẽ khiến Vua João tức giận.

Bất ngờ hơn cả, là sự xuất hiện sau đó của “chủ nhân của con tàu lớn của Vua Bồ Đào Nha” đang thả neo gần đó: Bartolomeu Dias. Lần cuối khi Columbus thấy là vào năm 1488, nhà hàng hải dũng cảm này đang vinh quang trở về Lisbon sau khi khám phá ra mũi Hảo Vọng. Lúc đó, ông ta được nhà vua sủng ái, nhà vua ấy đã từng từ chối ủng hộ kế hoạch của Columbus nhằm tìm ra con đường biển đến Ấn Độ. Nhưng bốn năm rưỡi đã tạo nên những thay đổi. Không còn là thuyền

trưởng nữa, Dias bây giờ là cấp phó, hay chủ nhân, của một chiếc tàu khiên tốn chuyên phục vụ nhà vua. Còn Columbus, Đô đốc Đại dương, đã hoàn thành tốt đẹp sứ mệnh nhìn xa trông rộng của mình dù có bị hiểu sai, một thành công mà sau đó sẽ hủy hoại mối quan hệ của ông với nhà vua rất đa nghi này.

Dias trơ trẽn đi theo tàu *Niña* “và bảo Đô đốc lên chiếc xuống nhỏ để tới giải thích cho những người đại diện của vua và thuyền trưởng”.

Không, Columbus trả lời, ông sẽ không làm một việc như vậy, “trừ phi bị ép buộc do không thể chống lại lực lượng có vũ khí”. Dias đưa ra một thỏa hiệp: Columbus có thể chọn cử người phó của mình đi, nhưng là một người Genoa cứng đầu, Columbus khẳng định ông chỉ đi khi bị ép buộc, và rằng “truyền thống của các vị Đô đốc dưới quyền các vị Quân chủ xứ Castile là chết trước khi họ nộp mình hay người của họ”.

Đối mặt với sự hiên ngang đó, Dias dịu lại đôi chút, yêu cầu được xem những giấy tờ ủy quyền từ Ferdinand và Isabella, mà lúc đầu Columbus đã đề nghị xuất trình. Columbus đưa chúng ra, và sau khi nghiên cứu, Dias trở lại chiếc xuống nhỏ về tàu của mình để giải thích tình hình cho thuyền trưởng, người mà “trong âm thanh âm ĩ của trống, kèn trumpet, và sáo, đã lên boong chiếc tàu buồm [*Niña*], nói chuyện với Đô đốc, và đề nghị làm tất cả những gì ông ra lệnh”.

Hôm sau, 6 tháng 3, những kỳ tích của Columbus được bàn tán đến ở Lisbon, và mọi người coi chiến công của ông là đáng kính nể. Tất nhiên, cả họ lẫn vị Đô đốc Đại dương đều bị nhầm lẫn và lúng túng về việc ông đã làm được điều gì. Ông không đến được châu Á, như ông đã khiến mọi người tin như vậy. Song những việc làm thực sự của ông thậm chí còn ấn tượng hơn, và sau này nó mới xuất hiện, bi thảm và biến chuyển hơn cả các tuyên bố hoang tưởng của ông. Thay vì thiết lập một tuyến đường thương mại mới, ông đã khám phá ra một thế giới mới.

Dù sao đi nữa, ông chứng minh lập luận của mình rằng ông đã tới Trung Hoa bằng cách trưng ra các hành khách người Anh-điêng mà ông mang về cùng, tự thuyết phục bản thân và công chúng về tính chính đáng trong những tuyên bố của ông. Ông viết, “hôm nay rất nhiều người từ Lisbon đến để gặp ông và những người Ấn Độ, điều đó thật ngạc nhiên, và tất cả họ đều vô cùng kinh ngạc, nói lời tạ ơn Chúa của chúng ta”.

Sau một thời gian dài, cuối cùng Vua João II gửi tới một bức thư, mời Columbus đến với đám công chúng hoàng gia ở một tu viện. Nhà thám hiểm bị bao vây thì thích ở lại với con tàu của mình hơn, do mục đích mang tính hình thức và sự an toàn cá nhân, nhưng ông không có lựa chọn nào ngoài việc tuân thủ yêu cầu, “để xóa bỏ sự nghi ngờ”. Như một sự dụ dỗ, “nhà Vua ra lệnh cho những người đại diện của mình rằng mọi thứ mà Đô đốc và người của ông và chiếc tàu buồm [*Niña*] cần sẽ được ông ấy cung cấp miễn phí”.

Columbus lên đường đến tu viện xứ Vertudes, mưa gió khiến ông tận tối mới tới nơi. Sự đón tiếp lãng phí mà ông nhận được là một toan tính để làm giảm đi nỗi nghi ngại của ông, và ông tự hào thấy rằng nhà vua “đón tiếp ông trang trọng và thể hiện sự sùng ái dành cho ông”. Sau những lời ngọt ngào là phần thương lượng khó khăn. Khám phá của Columbus rất ấn tượng, như mọi người đều thừa nhận, nhưng trong quá trình đó, ông đã vi phạm Hiệp ước Alcáçovas – chẳng nhẽ ông không ý thức được về việc đó? Theo Hiệp ước được ký kết vào năm 1479 này, chỉ cần nhắc đến một khả năng đó là Bồ Đào Nha thực thi quyền của họ đối với bờ biển phía tây của châu Phi và quần đảo mũi Verde, trong khi Tây Ban Nha có quyền bá chủ đối với quần đảo Canary. Và như vậy, những khám phá của Columbus thuộc về Vua João II chứ không phải Ferdinand và Isabella, và chắc chắn không thuộc về Đô đốc, người bỗng dưng thấy mình bị gài bẫy trong các cuộc thương thảo hiểm nghèo hết như mấy cơn bão mà ông vừa trải qua.

Columbus trả lời rằng ông chưa bao giờ nhìn thấy Hiệp ước đó và chẳng biết gì về những điều khoản của nó. Ông đã làm theo lệnh của các vị Quân chủ, tuân thủ cẩn thận lệnh của họ về việc tránh Guinea. Có lẽ nhận thấy không thể xác minh việc Columbus đã đi đâu hay không đi đâu trong chuyến hải trình, và hài lòng với câu trả lời của vị Đô đốc thừa nhận quyền của Bồ Đào Nha, Vua João tỏ ra bớt gay gắt, và đáp lại rằng mình chắc chắn là không cần có trọng tài trong chuyện này. Nhà vua cố hết mức để moi từ Columbus về chuyến đi của ông. Ông đã đến thăm những nước nào, và cư dân của những nước đó là ai? Liệu ông có tìm được vàng, ngọc trai, hay những đá quý khác? Theo Las Casas, khi nhà vua hỏi chuyện thì “luôn giữ vẻ mặt dễ chịu, che giấu nỗi đau khổ mà ông ta có trong tim”. Columbus huênh hoang một tắc lên trời về các chiến công của mình mà không nhận ra tác hại của những lời tuyên bố ấy đối với ông vua đổ kỵ.

Rui da Pinaⁱ, một sử gia triều đình Bồ Đào Nha, người hẳn đã chứng kiến cuộc trò chuyện đó, nhận xét rằng “Nhà vua tự trách mình bởi đã sơ suất trong việc xua đuổi ông, vì thèm muốn danh vọng và thẩm quyền đối với khám phá này, mà lúc đầu Columbus đã tới để thỉnh cầu ông”. Phiên bản chính thức là như vậy. Đằng sau cái mặt nạ nhún nhường, Vua João trù tính một giải pháp gây ớn lạnh đối với vấn đề của nhà thám hiểm trở cờ. Ông ta có thể xử tử Columbus, hay theo cách khác, ông ta có thể làm ra vẻ ai đó muốn ông phải chết. Và việc này có thể tiến hành một cách bí mật, với lời buộc tội gán cho một sai sót nào đó mà nhà thám hiểm mắc phải. Cuối cùng, thay vì thế, nhà vua đón tiếp Columbus một cách trang trọng trước khi hất cẳng ông ra khỏi đất nước.

Vào ngày 15 tháng 3 năm 1493, tàu *Niña* cập bến cảng mà từ đó nó đã ra đi vào ngày 3 tháng 8 năm 1492, với tàu *Pinta* đi ngay phía sau, được đẩy đi bởi “một làn gió nhẹ”.

i. (1440-(?)1522), nhà biên niên sử Bồ Đào Nha.

Columbus đã hoàn thành sứ mệnh của mình, theo cách hiểu của ông, và trông đợi được đón tiếp với sự tôn trọng nhất. Ít nhất cuộc thám hiểm cũng đã hoàn thành, một tương lai rạng rỡ đang bày ra trước ông và Tây Ban Nha. Sau những năm tháng đợi chờ, việc khám phá đã được thực hiện nhanh chóng, chỉ hơn bảy tháng chút ít, rõ ràng là không tốn một giọt máu và không bị mất đi một ai, đủ để kinh ngạc – không mất gì trừ một con tàu bị đắm mà mọi người trên đó đều đã được cứu, và cảm giác phần nào tê tái về kẻ phản bội Martín Alonso Pinzón. Thậm chí mối đe dọa ông ta đặt ra cho Columbus vẫn bộc lộ khi Pinzón trở về thị trấn quê hương mình ở Palos de la Frontera, bị ốm rất nặng, và chết sau ít ngày từ biển trở về. Nguyên nhân được cho là bệnh giang mai, mà nếu thế thì chắc hẳn ông ta đã bị mắc bệnh rất lâu trước khi ra khơi cùng Columbus, và nó đã ngủ yên trong hệ thần kinh của ông ta hàng năm trời, cho tới khi nó xuất hiện trong chuyến đi khi đã là giang mai giai đoạn ba, lý giải cho cách cư xử bất cần, mất lý trí của ông ta. Tóm lại, ông ta bị điên, gây nguy hiểm cho chính mình hơn là cho người khác.

Giờ đây, Columbus nhăm nháp chiến công của mình. Những vùng đất mới mà ông khám phá ra gần gũi hơn với Tây Ban Nha, và Columbus kể về chúng ôn hòa hơn phiên bản của Marco Polo. Đất đai màu mỡ, con người chẳng phải là lũ quỷ mà ông nghĩ sẽ gặp. Chỉ có số phận của những thủy thủ đóng tại pháo đài ở Hispaniola là chưa rõ.

Ông có kế hoạch đến Barcelona “bằng đường biển, thành phố mà ông có tin tức rằng các Bộ hạ đang ở đó, để kể cho họ câu chuyện về toàn bộ chuyến đi mà Chúa đã cho phép ông thực hiện”. Ông hồi tưởng vắn tắt về sự chống đối mà mình gặp phải khi lên kế hoạch cho chuyến đi này, và “ý kiến của rất nhiều nhà bảo trợ cấp cao... tất cả họ đều chống lại tôi, cho rằng việc này là ngu ngốc”. Có lẽ những người

phê phán ông, giống như Vua Bồ Đào Nha và các cố vấn của ông ta, sẽ thấy họ đã sai lầm như thế nào.

Ông đã khôn ngoan, ông đã cứng rắn, và ông cũng đã xảo trá, nhưng trên tất cả, ông đã may mắn đến kỳ lạ. Số lần ông đúng và sai như nhau, thể hiện rõ ràng nhất thông qua đích đến của ông, nhưng ông cũng lanh lợi, có khả năng tự thay đổi hoàn toàn khi điều đó phục vụ cho mục đích của mình. Lời lẽ của ông được ghi lại trong nhật ký là dứt khoát, nhưng chiến thuật của ông lại linh hoạt và mang tính cơ hội.

“Vì thần biết rằng các Bệ hạ sẽ hài lòng với thành công lớn mà Chúa đã ban cho chuyến đi của thần”, Columbus viết trong bức thư nổi tiếng gửi các vị Quân chủ khi kết thúc chuyến hải hành thứ nhất, “thần viết để thông báo với các Bệ hạ việc thần đã đi từ quần đảo Canary tới Ấn Độ trong vòng 33 ngày thế nào” – thực ra là một hòn đảo ở Caribbean – “với đội tàu mà vị Quân chủ lừng danh nhất đã ban cho thần. Thần tìm thấy rất nhiều hòn đảo đông dân và chiếm chúng làm sở hữu cho các Bệ hạ; thần làm điều đó bằng cách tuyên bố và giương cao lá cờ hoàng gia”.

Ông tuyên bố, những tiếp xúc ban đầu của ông với cư dân Tân Thế giới mang tính thăm dò và tôn trọng, thậm chí phấn khích. “Tôi hy vọng chiếm được tình yêu và sự phụng sự của họ dành cho các Bệ hạ và toàn thể dân tộc Tây Ban Nha”, ông viết. “Họ không có tôn giáo, và cũng không theo bất kỳ thần giáo; nhưng tất cả đều tin rằng sức mạnh và lòng tốt có ở trên trời, và họ tin chắc rằng tôi với các thủy thủ và đội tàu này đến từ trên trời... Không phải vì họ ngu ngốc – hoàn toàn ngược lại, họ là những kẻ rất thông minh, họ mô tả mọi thứ rất rành mạch – mà vì họ chưa từng nhìn thấy những người mặc quần áo hay tàu thuyền giống thế này.”

Vẫn tin rằng mình đã đến Ấn Độ, Columbus điều chỉnh cách hiểu của ông về một khám phá quan trọng khác, hòn đảo Cuba, để

nó phù hợp với mục đích của ông. Ban đầu, ông gọi tên nó một cách chính xác là hòn đảo trong nhật ký của mình. Sau đó, khi ông nhận ra mình sẽ phải chứng tỏ cho Ferdinand và Isabella rằng ông đã đến được phương Đông, ông bèn viết lại nó thành “lục địa”, nghĩa là Trung Hoa, và cư dân của nó là thần dân của Đại Hãn. Ferdinand và Isabella chỉ định Columbus làm Phó vương của những hòn đảo này mà không nhận thấy rằng họ đang tạo nên một vương triều trong tương lai, có khả năng còn mạnh hơn bất cứ vương triều nào ở châu Âu.

PHẦN 2



CHINH PHỤC

CHƯƠNG 5



DÒNG SÔNG MÁU

Đối với Columbus, vấn đề chiếm được ông ưu tiên khi trở về là số phận của 39 người bị bỏ lại ở La Navidad. Ông đã đặt cuộc sống của họ và danh dự của Tây Ban Nha vào nguy hiểm. Và ông phải quay lại “Ấn Độ” để cứu họ, hoặc để tìm hiểu điều gì đã xảy ra với những con tin của tham vọng của ông.

Chuyến hải hành thứ nhất của ông là một thành công thực sự. Việc ông trở về với đội tàu và những thủy thủ còn sống, tương đối khỏe mạnh và nguyên vẹn là điều kỳ diệu. Ông cho rằng thành công của mình là do ý Chúa. Điều ông khám phá hay thám hiểm được chính xác là gì còn phụ thuộc vào sự diễn giải của con người và khá khó xác định. Ông tuyên bố hàng chục đảo mà ông viếng thăm tạo thành phần mở rộng của Ấn Độ, hay Trung Hoa, rằng nhân vật Đại Hãn và những khả năng về giao thương mà ông ta đưa ra ẩn trốn đâu đó ở phía bắc và phía tây của làn nước xanh màu lam ngọc ở nơi đội tàu nhỏ của ông đã từng đến. Ông đưa ra nhật ký của mình làm bằng chứng, được củng cố bởi lời kể của những người khác đi cùng ông, trong hy vọng có được sự giàu có và các tước hiệu và vinh quang mà ông tin là mình đáng được hưởng, thậm chí được phong chức sắc tôn giáo. Sau khi đã được thêm mắm thêm muối và biên tập cẩn thận để đáp ứng những mong đợi của

Ferdinand và Isabella và trách nhiệm theo hợp đồng đối với họ, cuốn nhật ký đó có ý thể hiện rằng ông đã hoàn thành và thậm chí vượt mức nhiệm vụ của mình ở chỗ thành lập được một tiền đồn Tây Ban Nha tại những hòn đảo mà ông đã khám phá trên đường đến Ấn Độ. Nhưng mạng sống của 39 người Tây Ban Nha canh giữ ở đó đang bấp bênh. Ông đã tạo nên một tình thế mà trong đó ông sẽ là kẻ chiến thắng, hay nếu mọi việc không như ý thì sẽ là kẻ gánh tội.

Pháo đài nhỏ đóng vai trò là hạt nhân cho một tầm nhìn về đế chế mà Columbus đã trù tính kể từ hải hành thứ nhất, và đến lúc này kế hoạch đã hình thành rõ ràng trong đầu ông. Ông hình dung 2.000 người đi khai hoang sẽ định cư ở Hispaniola. Họ sẽ xây dựng “ba hoặc bốn thị trấn”, thu thập vàng và canh giữ cẩn thận, xây dựng các nhà thờ với “những tu viện trưởng hoặc thầy dòng để thực hành thánh lễ, thực hiện việc thờ phụng thần thánh, và cải đạo cho người Ấn Độ”. Ông giải thích kế hoạch của mình trong việc điều hành tàu bè, vận chuyển hàng hóa, và bảo vệ những món hàng xuất khẩu quý giá, đặc biệt là vàng, với những chi tiết rất nhỏ để làm hài lòng giới chức Tây Ban Nha đang quản lý hoạt động hằng ngày của vương quốc. Ông trưng ra một ấn tượng quen thuộc đầy chi tiết vụn vụn về công việc hành chính của mình, gây ra ấn tượng sai lầm là khi thực hiện nó sẽ khó khăn. Về vấn đề hàng hải mà ông vốn sở hữu sự lão luyện phi thường, ông hầu như chẳng có gì để nói.

Bên cạnh mấy dòng chữ mang tính giao đãi, Columbus thúc giục Ferdinand và Isabella khẩn trương hành động, trước khi người Bồ Đào Nha hay một đối thủ khác vượt mặt Tây Ban Nha. Thay vì chỉ là một chiến công hàng hải chưa từng có tiền lệ, chuyến đi sẽ trở thành chuyến đi đầu tiên trong số nhiều hành trình để xây dựng nên đế chế giàu có nhất, vĩ đại nhất, và là đế chế thương mại lớn nhất trên thế giới. Hoặc Columbus hy vọng như vậy. Tài liệu đã đơn giản hóa thực tế phức tạp của “người Ấn Độ” để giải thích cho điều ông cho là

đúng. Ông bỏ qua việc nhắc đến mối đe dọa từ người Carib, sự khó khăn của việc lập lại chiến công hàng hải của ông, sự đồng đánh của thời tiết, và tất nhiên, sự hiểu nhầm kỳ lạ về vị trí của các khám phá của ông. Ông nói dối có chủ đích chứ không hề nhầm lẫn về ý đồ của mình. Tây Ban Nha sẽ có được một đế chế mới và ông sẽ điều hành nó, trở nên giàu có trong quá trình đó bằng cách lập ra một triều đại. Ưu điểm của kế hoạch là sự quen thuộc; nó bắt chước cách tiếp cận của người Tây Ban Nha – và trong vấn đề này là cả người Bồ Đào Nha – trong việc thám hiểm và thuộc địa hóa vùng bờ biển châu Phi cũng như những hòn đảo ngoại lai ở phía nam và phía tây bán đảo Iberia, các đảo Madeira và Gomera và quần đảo mũi Verde, chúng không đủ lớn để tạo thành một đế chế, nhưng tạo nên một phạm vi ảnh hưởng mà có thể phát triển thành một đế chế. Việc thực hiện kế hoạch của Columbus đồng nghĩa với việc đẩy biên giới của đế chế này ra hàng ngàn dặm về phía tây.

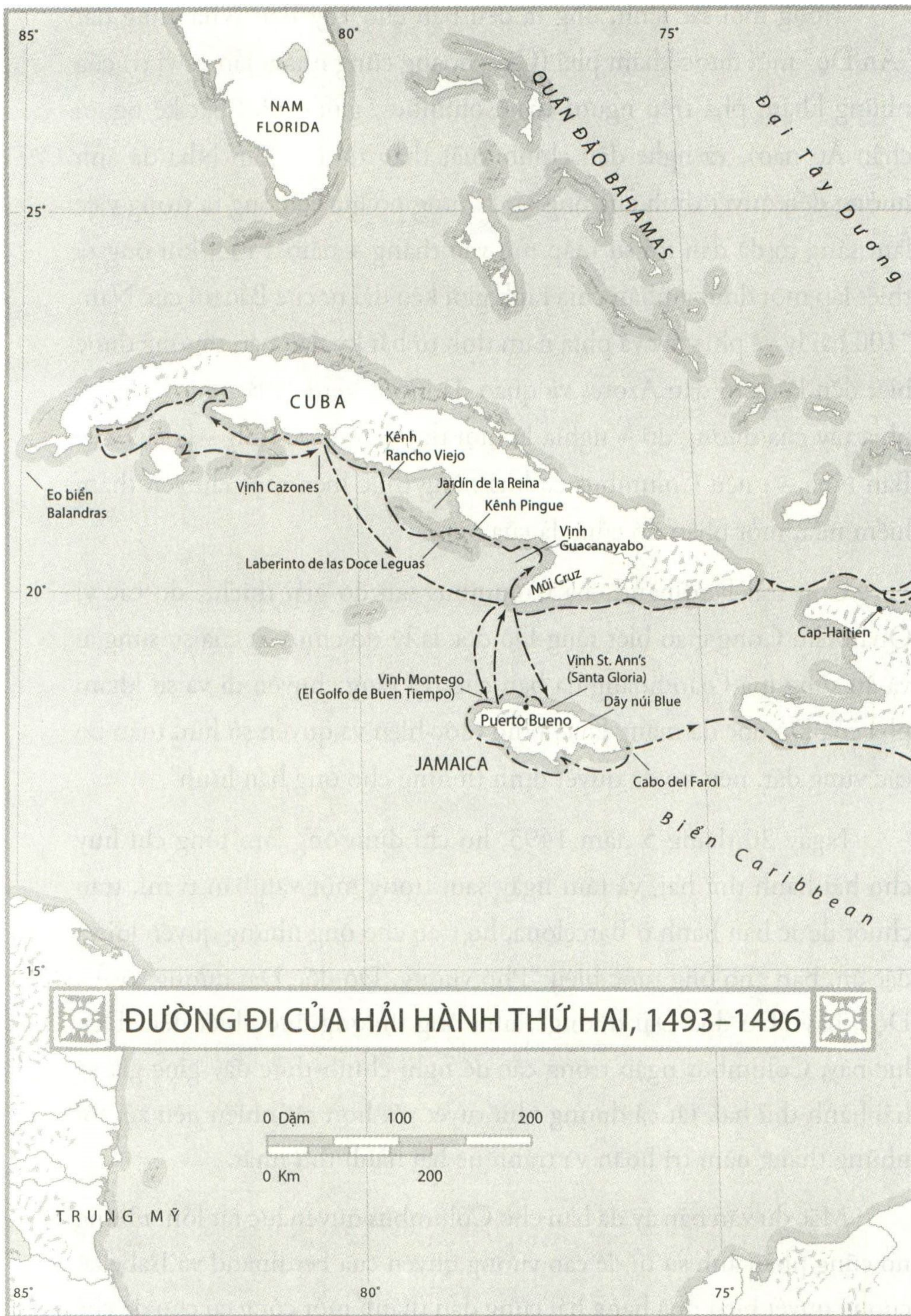
Giáo hoàng Alexander VI theo dõi sát những khám phá của Columbus, nhận thấy là chúng có thể mở rộng tầm với của Giáo hội Rome và quyền lực cá nhân của ông ta. Nhưng điều quan trọng là việc ông ta phân chia chiến lợi phẩm giữa các quốc gia đang tranh chấp để quản lý và khai thác tài nguyên. Hành động như một bên trung gian, Alexander ban hành bốn sắc lệnh – các tuyên bố chính thức – phân chia những vùng đất mới được khám phá và của cải của chúng giữa hai đối thủ hàng đầu là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, vừa là đồng minh trong vấn đề đức tin nhưng lại là đối thủ trong vấn đề chính trị và thương mại. (Ý, nước cung cấp khá nhiều nhân lực cho việc thám hiểm, đứng thứ ba, sau họ xa.) Các sắc lệnh này dựa trên giả định rằng những quốc gia Ki-tô giáo, bằng quyền hạn thiêng liêng, tuyên bố chủ quyền đối với những vùng đất phi Ki-tô giáo mới được khám phá cùng với dân cư ở đó.

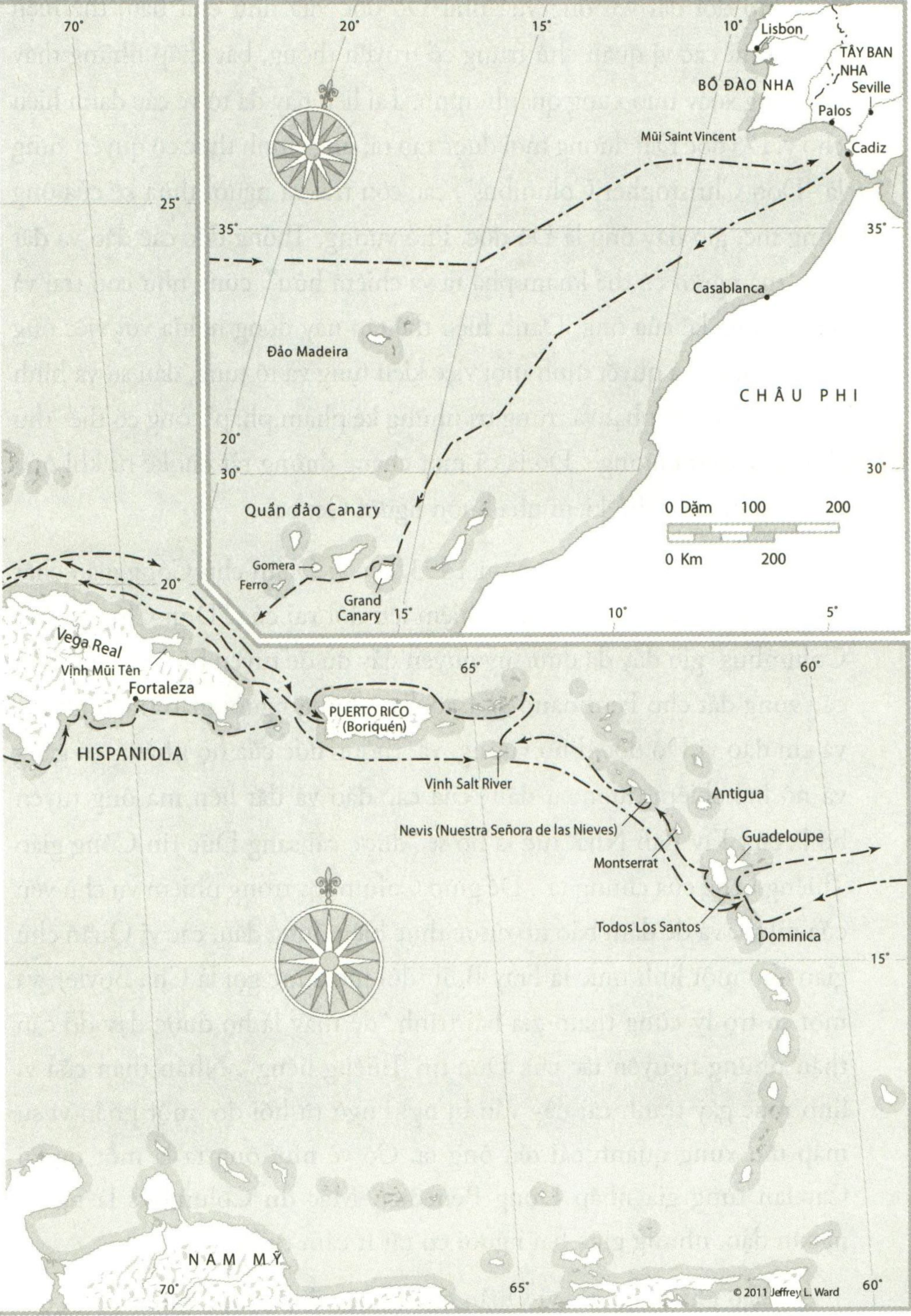
Trong mỗi sắc lệnh, ông ta đều ban cho Tây Ban Nha vùng đất “Ấn Độ” mới được khám phá (Giáo hoàng cũng nhầm lẫn về vị trí của những khám phá trên người của Columbus, giống như bất kể người châu Âu nào), và nghe đâu chính xuất thân từ Tây Ban Nha đã ảnh hưởng đến quyết định của ông ta. Những nỗ lực của ông ta trong việc làm sáng tỏ đã dẫn tới sự mập mờ vào tháng 4 năm 1493, khi ông ta thiết lập một đường phân chia ranh giới kéo dài từ cực Bắc tới cực Nam “100 hải lý về phía tây và phía nam tính từ bất kỳ đảo nào thường được biết đến là quần đảo Azores và quần đảo mũi Verde”. Bất cứ thứ gì về phía tây của đường đó – nghĩa là mọi thứ đều được tính – là của Tây Ban Nha, và nếu Columbus có khả năng thực hiện một chuyến thám hiểm nữa, một phần đó cũng là của ông.

Con trai Ferdinand của Columbus sau đó giải thích, “do các vị Quân chủ Công giáo biết rằng Đô đốc là lý do chủ yếu của sự sung ái và ân sủng mà Giáo hoàng đã ban cho, và rằng chuyến đi và sự khám phá của Đô đốc đã mang lại cho họ tước hiệu và quyền sở hữu toàn bộ các vùng đất, nên họ đã quyết định thưởng cho ông hậu hĩnh”.

Ngày 20 tháng 5 năm 1493, họ chỉ định ông làm tổng chỉ huy cho hải hành thứ hai, và tám ngày sau, trong một văn bản tỉ mỉ, trau chuốt được ban hành ở Barcelona, họ trao cho ông những quyền lợi và đặc ân, ban cho ông tước hiệu “Phó vương, Đô đốc Đại dương và Ấn Độ”, hay “Đô đốc Đại dương”, như ông thường được biết đến. Đến lúc này, Columbus ngập trong các đề nghị chính thức đầy giục giã về hải hành thứ hai, tất cả dường như tuyệt vời hơn rất nhiều nếu xét tới những tháng năm trì hoãn và tránh né hải hành thứ nhất.

Mặc dù văn bản ấy đã ban cho Columbus quyền lực rất lớn, nhưng nó cũng phản ánh sự tự đề cao vương quyền của Ferdinand và Isabella, cương quyết biến nhà hàng hải cứng đầu thành một công cụ cho đế chế và ý chí của họ.





Họ đối đãi với ông vừa như Đô đốc vừa như chư hầu, thể hiện mình như các vị quân chủ trung cổ truyền thống, bất chấp những thay đổi đang xoáy trào xung quanh mình. Tài liệu này đã tô vẽ các danh hiệu cho vị Đô đốc Đại dương mới được tạo ra, ông chính thức có quyền xưng là “Don Christopher Columbus”, các con trai và người thừa kế của ông cũng thế, giờ đây ông là Đô đốc, Phó vương, Thống đốc các đảo và đất liền “mà người có thể khám phá ra và chiếm hữu”, cũng như con trai và người thừa kế của ông. Danh hiệu thế tập này đồng nghĩa với việc ông có thể “nghe và quyết định mọi việc kiện tụng và tố tụng, dân sự và hình sự”, ông có thể “phạt và trừng trị những kẻ phạm pháp”, ông có thể “thu thuế phí và trả lương”. Đó là cả một chặng đường rất dài kể từ khi ông còn là một thủy thủ kiêm nhà buôn người Genoa.

Vào ngày 29 tháng 5 năm 1493, các vị Quân chủ Công giáo chất thêm những vinh dự và trách nhiệm lên đôi vai của “Don Christopher Columbus” giờ đây đã được ủy quyền đầy đủ để tuyên bố và chiếm hữu các vùng đất cho Ferdinand và Isabella, những người giao trách nhiệm và chỉ đạo vị Đô đốc, Phó vương, và Thống đốc của họ nhằm “cố gắng và nỗ lực chiếm được cư dân” của các đảo và đất liền mà ông tuyên bố là của Tây Ban Nha, tức là họ sẽ “được cải sang Đức tin Công giáo Thiêng liêng của chúng ta”. Để giúp Columbus trong nhiệm vụ chủ yếu của mình, và để đảm bảo nó được thực hiện đúng đắn, các vị Quân chủ giao cho một linh mục là Fray Buil (đôi lúc được gọi là Cha Boyle), và một số trợ lý cùng tham gia hải trình “để thấy là họ được dạy dỗ cẩn thận những nguyên tắc của Đức tin Thiêng liêng”. Nhân thân của vị linh mục gây tranh cãi này vẫn bị nghi ngờ từ hồi đó, một phần vì sự mập mờ xung quanh cái tên ông ta. Có vẻ như ông ta là một người Catalan từng gia nhập Dòng Benedict. Mặc dù Columbus là người ngoan đạo, nhưng giữa hai người có rất ít cảm tình.

Theo ghi chép, các vị Quân chủ khẳng định rằng “sau khi đội tàu đến đó an toàn, Đô đốc sẽ ép buộc những người đã đến đây... phải đối

xử với người Ấn Độ thật tử tế và yêu thương và kiềm chế việc gây bất cứ tổn hại nào cho họ”. Không chỉ thế, Columbus “sẽ còn hào phóng tặng họ những thứ trong số hàng hóa của các Bộ hạ mà ông ấy mang theo để trao đổi, và ban vinh dự cho họ”. Trên thực tế, nếu các thành viên của đội tàu cư xử không phải với người Anh-điêng “theo cách nào đi nữa”, Columbus được lệnh “trừng phạt họ nghiêm khắc”. Mệnh lệnh có vẻ rất dứt khoát trên văn bản, nhưng lại không hề như vậy trong thực tế.

Để thực hiện những mục đích được đề cao này, Columbus thành lập một đội tàu xứng đáng với Ferdinand và Isabella. Lần này, theo mệnh lệnh hoàng gia, mọi thứ đều rất thuận lợi cho ông. Tập hợp các chỉ dẫn được cân nhắc cẩn thận này đã đánh dấu một bước tiến rất lớn khi các vị Quân chủ đánh giá cao nhiệm vụ của Columbus, họ hy vọng phần thưởng sẽ đến với mọi người trong thế giới này, và trong thế giới tiếp theo. Chi phí cho đội tàu theo danh nghĩa là do nhà vua chi trả. Trên thực tế, Công tước xứ Medina Sidonia cho vay năm triệu maravedí cho mục đích này, phần lớn trong số đó được đảm bảo bằng tài sản và nữ trang thu được từ người Do Thái trong cuộc Thanh trừng.

Cộng sự của vị Đô đốc trong chuyến đi đều là những người gần gũi với nhà vua: Juan de Soria, đại diện cho kiểm toán viên hoàng gia, và Don Juan Rodríguez de Fonseca, đại diện cho quyền lực tối cao là nhà thờ, trước đây là phó giám mục xứ Seville và sau đó là giám mục xứ Burgos. Đôi khi ông ta phản đối và giám sát những nỗ lực của Columbus trong việc trang bị cho đội tàu; dù thế, Đô đốc vẫn buộc phải coi Fonseca là một đồng minh trong công cuộc chinh phục.

Một chủ nghĩa hiện thực mới đã chỉ đạo những đường đi nước bước. Không còn nữa câu chuyện về việc buôn bán với Đại Hãn, mặc dù có khả năng là ông ta vẫn tồn tại một cách lơ lửng trong hải trình. Columbus tiếp tục cố gắng nối kết các vùng đất và con người mà ông đã gặp với những gì được mô tả trong nhật ký du hành đầy cường điệu

của Marco Polo. Trên thực tế, nhà thám hiểm người Venice chết từ năm 1324, còn đế chế Mông Cổ đã nhanh chóng tan rã.

Những mệnh lệnh của Columbus cũng đưa ông tới chỗ xây dựng nên “cục hải quan để cất giữ mọi hàng hóa của các Bệ hạ”. Kế hoạch này vay mượn rất nhiều từ mô hình của Bồ Đào Nha và khiến cho khía cạnh thương mại của chuyến phiêu lưu trở nên rõ ràng. Gần như một ý nghĩ muộn màng, Ferdinand và Isabella cho phép Columbus khám phá theo cách mà ông thấy là phù hợp: “sau khi đến được các Đảo, nếu Đô đốc tin rằng sẽ là cần thiết khi cử một số tàu và vài người đến những nơi nhất định để khám phá ra những gì đến nay còn chưa được khám phá, hoặc vì mục đích trao đổi... thì mọi thuyền trưởng và thủy thủ mà ông ấy chỉ thị đều được yêu cầu phải thực hiện và hoàn thành lệnh của ông ấy”. Thậm chí ở đây, việc buôn bán còn được khuyến khích, và như một phần thưởng khi các vị Quân chủ ban cho Columbus một phần lợi nhuận tương đối: “Đô đốc sẽ nhận một phần tám những gì có thể thu được dù đó là vàng hay các thứ khác có thể tìm được trên các Đảo và Lục địa”.

Chưa lúc nào ông được đề cao như lúc này trong sự nghiệp của mình. Ông có những nguồn lực rộng rãi và đặc quyền hoàng gia để sử dụng, bắt đầu với 17 chiếc tàu dưới quyền điều khiển của mình. Ba chiếc được phân loại đơn giản là *nao*, hay tàu thủy chuyên dụng. Columbus đặt tên tàu chỉ huy là *Santa María*, theo tên gọi của con tàu bên bờ mà ông đã điều khiển trong hải hành tương đối khiêm tốn thứ nhất, và nó có một biệt danh âu yếm là *Mariagalante*. Nó thuộc sở hữu của Antonio de Torres, anh em với nữ gia sư của Hoàng tử Don Juan. Mối liên hệ với các vị Quân chủ Công giáo rất ấn tượng và hàm ý sự phê chuẩn của họ. *Colina* và *Gallega* là những con tàu cũng quan trọng như vậy. Trong số 14 tàu còn lại, 12 chiếc là tàu buồm nhẹ, dễ điều khiển. Những người có con mắt quan sát tinh tường đã nhận thấy tàu

Santa Clara chính là tàu *Niña* của hải hành thứ nhất, nhưng dưới một cái tên khác. Vài chiếc trong số những chiếc tàu buồm có buồm vuông, nghĩa là chúng mang lá buồm vuông truyền thống lắp trên cột buồm chính và cột buồm trước, còn lá buồm hình tam giác thì ở cột buồm phía bánh lái, sau cột buồm chính. Rút kinh nghiệm từ những sai lầm của hải hành thứ nhất, Columbus khẳng định rằng ít nhất một số tàu trong đội tàu mới của ông cần có mớn nước nông để khám phá các con sông và chỗ nước cạn mà không bị mắc cạn.

Theo Ferdinand con trai ông, các tàu được đưa đến “với đầy đủ đồ dự trữ và mang theo mọi thứ và số người cần thiết cho việc định cư ở những vùng đất ấy, có cả thợ thủ công các loại, người lao động, và nông dân để làm việc ở đó”. Khi chuẩn bị cho hải hành thứ nhất, Columbus đã từng bị khó xử với mỗi thành viên thủy thủ đoàn mà ông có thể tìm được, và ra khơi trong thiếu thốn, nhưng lần này thì “nhiều người ứng cử đến mức cần phải hạn chế số người có thể đi” mặc dù đội tàu lớn hơn gần sáu lần so với chuyến đi trước của ông. Các con tàu mang theo những con ngựa, chưa được biết đến ở Caribbean, và những súc vật thồ khác có thể sẽ hữu ích trong việc định cư ở Hispaniola. Đoàn của ông gồm trên 1.000 quý ông, người bình dân, và tội phạm đã tạo thành một xã hội Tây Ban Nha thu nhỏ, đang chờ đợi và có lúc đã náo nức mong được đưa đến Tân Thế giới với sự giàu có của nó dưới sự dẫn dắt của Christopher Columbus.

Nhiều người tái tục vai trò của mình như trong hải hành thứ nhất, một tình huống nói lên rất rõ uy tín của Columbus với tư cách là một nhà hàng hải và sự hứa hẹn giàu sang dễ dàng. Đó là những người Genoa, vài người xứ Basque sinh ra để sống ở biển, và những người khác từ mấy thị trấn của Tây Ban Nha như Palos, Huelva, và Moguer, nơi thủy thủ lui về nghỉ ngơi giữa các chuyến đi. Dễ thấy sự vắng mặt của nhà Pinzón đây ảnh hưởng trong bảng phân công. Nhiều người ở

Tây Ban Nha tin vào tuyên bố của nhà Pinzón, rằng họ góp phần trong mọi thành công của Columbus khi tham gia hải hành thứ nhất. Vị Đô đốc lần này sẽ chỉ có một mình trước bão táp và sóng gió, chúng sẽ phơi bày những yếu kém của ông một cách tàn nhẫn, và sẽ chẳng có Pinzón nào đến cứu ông.

Nhóm thuyền trưởng của ông bao gồm các quan chức và nhà lãnh đạo chính trị. Ví dụ, Alonso Sánchez de Carvajal là thị trưởng của Baeza chứ không phải một nhà hàng hải có kinh nghiệm. Một thành viên khác tên là Pedro de Las Casas, cha của Bartolomé de Las Casas, người đã chứng kiến việc Columbus trở về Seville sau hải hành thứ nhất. (Người ta tin rằng Diego Calderón, ông của Bartolomé, là người Do Thái và đã bị thiêu chết ở Seville vào năm 1491.) Ba người chú bác của Bartolomé de Las Casas cũng có mặt trên boong, đảm bảo mối liên kết gia đình chặt chẽ với Columbus.

Mặc dù bác sĩ của đội tàu là Diego Alvarez Chanca đã từng chữa trị cho Nữ hoàng Isabella, và các bác sĩ ở Tây Ban Nha hiếm khi được tôn trọng, nhưng ông ta vẫn vui với sự tin cậy của Columbus và được coi là một trong các bác sĩ tốt nhất ở vùng đất đó. Trong tất cả những người cùng lên tàu với Columbus, Chanca thuộc số có học thức hơn cả. Nếu không phải là người khá thông minh, thì ông ta cũng cho thấy mình là người suy nghĩ duy lý và tháo vát trong nhật ký hải trình mà ông duy trì.

Hai thành viên khác trong bảng phân công của đội tàu tiếp tục tham gia để giành được danh tiếng. Trên tàu *Mariagalante*, người vẽ hải đồ Juan de la Cosa, từng tham gia hải hành thứ nhất với tư cách vừa là chủ tàu và là thuyền trưởng của tàu chỉ huy *Santa María* của Columbus, sẽ cùng đi với Columbus trong hải hành thứ ba; sau đó, ông ta sẽ ra khơi cùng Amerigo Vespucci, người đã có thời gian là đối thủ của Columbus. Juan de la Cosa đã vẽ nên tấm bản đồ Mappa Mundi nổi tiếng vào năm 1500, được coi là bản đồ đầu tiên của người châu Âu

về Tân Thế giới, và là bản đồ duy nhất còn lại về những chuyến đi của Columbus do một thành viên trong đoàn thực hiện. (Bản đồ này hiện được trưng bày tại bảo tàng Hàng hải ở Madrid.)

Tiếp theo là người lính đánh thuê dễ mẫn và đầy tham vọng, Juan Ponce de León, người sau này vươn lên trở thành thống đốc đầu tiên của Puerto Rico theo sắc lệnh của chính quyền Tây Ban Nha. Chỉ 11 năm sau khi tham gia với tư cách là hành khách thượng lưu trong chuyến thám hiểm thứ hai, ông ta đã tự chi trả cho chuyến thám hiểm của mình, một chiến công mà ngay cả Columbus đang ở đỉnh cao ảnh hưởng của mình cũng không làm được. Vào ngày 2 tháng 4 năm 1513, Ponce de León sẽ gặp một vùng đất rộng mà ông ta coi là đảo. Ông ta gọi nó là La Florida do những tán lá um tùm của nó, và vì lúc đó rơi vào mùa lễ Phục sinh, ở Tây Ban Nha được coi như lễ Pascua Florida – lễ hội Hoa. Ông ta đã đến được đầu đó ở Bắc Mỹ, và chỉ riêng điều đó thôi đã là một chiến công đáng kể. Trong tất cả các chuyến đi của mình, Columbus chưa bao giờ chạm đến và thậm chí chưa bao giờ biết đến sự tồn tại của khu vực Bắc Mỹ.

Trong khi Columbus thành công, thì Vua João II của Bồ Đào Nha điên cuồng tìm cách đảo ngược sắc lệnh giáo hoàng, vốn đe dọa giảm bớt hoặc thậm chí hủy diệt đế chế Lusitaniaⁱ. Một Tây Ban Nha thống nhất có thể tồn tại mà không cần đến tài nguyên từ một đế chế bên kia đại dương, nhưng một Bồ Đào Nha nhỏ bé, thưa dân lại cần có của cải từ các thuộc địa của nó để sống còn. Sau một năm chịu đựng những mối đe dọa về hành động hải quân và khẩn nài sự hợp tác trên bán đảo Iberia, Vua João II tán tỉnh Ferdinand và Isabella cử đại diện đến một

i. Hay được gọi là “Đế chế Lusitania của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha” – Hispanic Lusitania, là một địa phận La Mã cổ của người Iberia, được đặt ở nơi ngày nay là phía nam sông Douro của Bồ Đào Nha giao với một phần của miền tây Tây Ban Nha (gồm khu tự trị Extremadura và một phần của tỉnh Salamanca). (BT)

hội nghị cấp cao nhất ở Tordesillas, Tây Ban Nha, vào ngày 7 tháng 6 năm 1494, tại đó một hiệp ước đã được ký kết giữa hai vương quyền nhằm chuyển đường phân chia ranh giới sang 370 hải lý về phía tây của quần đảo mũi Verde, mặc dù sự điều chỉnh này đã để ngỏ cho sự mập mờ sau đó. Cái đường đó ở đâu – ở giữa các đảo hay ở bờ phía tây? Không ai có thể nói chắc chắn. Hơn nữa, kích cỡ của địa cầu bị hiểu sai một cách trầm trọng, nên thậm chí nếu mọi người đi đến một sự thống nhất về vị trí của đường đó theo lý thuyết, thì cũng chẳng ai có thể thực sự tìm được con kỳ lân địa lý này.

Điều tưởng như là một chiến thắng kỹ thuật đơn thuần của Bồ Đào Nha hóa ra lại quan trọng. Sự thay đổi đó đồng nghĩa với việc tàu bè có treo cờ được phép đi theo những con đường giao thương dọc theo bờ biển phía tây của châu Phi. Quan trọng hơn nhưng lại ít được đánh giá cao là việc vẽ lại đường phân chia ranh giới đã mang đến cho Bồ Đào Nha vùng đất Brazil rộng lớn, màu mỡ, và phần lớn chưa được khám phá.

Nhưng giờ đây, trật tự mới ưu ái đế chế vừa mới xuất hiện của Tây Ban Nha. Người ta nói rằng cá nhân Columbus đã ảnh hưởng đến cách nghĩ của Giáo hoàng, và ông buộc lòng phải theo đuổi công việc. Ông đã 43 tuổi, độ tuổi không còn trẻ đối với một thủy thủ, và ông sẽ hành động tốt trong khi vẫn tận hưởng ân sủng triều đình và đủ mạnh mẽ để chịu đựng chuyến vượt Đại Tây Dương. Như tấm gương từ cha mình cho thấy, việc bị tước quyền công dân về mặt chính trị chỉ cách đó có một cuộc cách mạng.

Một không khí hội hè ngự trị ngày khởi hành, vào ngày 25 tháng 9 năm 1493 tại cảng Cadiz. “Những cái ôm nhau tạm biệt được trao, những con tàu cắm cờ rời cảng, trong khi các lá cờ đuôi nheo quần quanh dây chằng cột buồm và màu sắc hoàng gia trang điểm phần đuôi mọi con tàu”, một trong các hành khách là Guillermo Coma, “một quý tộc Tây

Ban Nha” nhớ lại. Trong lúc đó, các nhạc công “chơi sáo và đàn lia, khiến những nữ thần biển, nàng tiên cá, và mỹ nhân ngư phải lặng đi vì những khúc nhạc ngọt ngào. Bờ biển vang lên tiếng om sòm của kèn trumpet và tiếng tù và, còn đáy biển vọng lại tiếng rền của thần công”.

Ngọn gió tươi mát đẩy nhanh 17 con tàu hướng tới đích của chúng. “Vào ngày 28 tháng 9, nhiều con chim nhỏ từ đất liền, chim cu gáy, và những loại chim nhỏ khác bay đến với tàu của Đô đốc khi đã ở cách Tây Ban Nha 100 hải lý; có vẻ như chúng đang bay đi trú đông ở châu Phi.” Chúng có con đường cố định về phía nam, còn Columbus có con đường của mình, về phía đông và tây. Giữ đúng hướng đi, vào thứ Tư, ngày 2 tháng 10, ông đến được Grand Canary, một vùng đất xanh tươi nhô lên từ biển. Ông thả neo, nhưng không lâu. Đến nửa đêm, ông nhổ neo đi Gomera, và tới hòn đảo nhỏ tươi tốt ba ngày sau.

Gomera đã có người định cư từ thời La Mã, và các cư dân biệt lập trên đảo giao tiếp với nhau bằng thứ ngôn ngữ Silbo Gomero có tiếng huýt gió kỳ lạ gồm những nốt lên và xuống. Columbus không có thời gian để trầm trồ trước ngôn ngữ hiếm thấy này. Nhiệm vụ phải làm đã thu hút hết sự chú ý của ông, khi ông đã có đồ dự trữ cần thiết, đặc biệt là động vật. Bầy thú vượt Đại Tây Dương bao gồm lợn và bò, cừu và dê, 24 con ngựa giống, 10 con ngựa cái, và 3 con la. Vì không thể sống sót suốt nhiều tuần trong các chuồng nuôi nhốt trên tàu, nên những con vật này được ưu tiên chiếm không gian trên các đài chỉ huy. Xếp hàng in hình trên nền trời, đầu khể lắc lư, chúng tạo ra một cảnh tượng giống như trên con tàu của Noah trong Kinh thánh.

Có một điều nữa gây xao lãng trên đảo Gomera: Doña Beatriz de Bobadilla. Cô ta còn được biết đến ở quần đảo Canary như là “Bobadilla nữ thợ săn, một phụ nữ hiếm có”.

Trên đường đi trong hải hành thứ nhất của mình, Columbus từng tạm dừng tại San Sebastián, Gomera, từ ngày 3 tới ngày 6 tháng

9 năm 1492, đủ lâu để có một cuộc gặp gỡ lãng mạn với người cai trị đảo, Beatriz de Bobadilla. Là một phụ nữ quyến rũ lạ thường ở tuổi 30, cô ta đã xác nhận là thuộc về dòng dõi quý tộc xuất thân ở Castile, và phục vụ Nữ hoàng Isabella như một thị nữ ở tuổi 17; trong vai trò này cô ta đã rơi vào bùa mê của Vua Ferdinand. (Cho dù tự nhận là chung thủy với vợ mình, nhưng Ferdinand duy trì một loạt vụ ngoại tình bí mật.)

Vào khoảng thời gian này, Hernán de Peraza khi viếng thăm triều đình đã mang theo nhiệm vụ không mấy dễ chịu là giải trình về cái chết của một viên chỉ huy liên quan đến ông ta. Ông ta được Nữ hoàng Isabella miễn tội để đổi lấy lời thề phải xâm lược đảo Grand Canaryⁱ dưới danh nghĩa Tây Ban Nha. Và còn một điều kiện nữa, một “sự sám hối ít nặng nề hơn” như được mô tả theo truyền thống: cưới cô gái trẻ Beatriz de Bobadilla, và bằng cách đó tách cô ta khỏi Ferdinand. Chỉ bằng một cú đánh, Isabella vừa có được lòng trung thành của Peraza, vừa loại được đối thủ trẻ hơn và hấp dẫn hơn trước sự si mê của chồng mình. Beatriz de Bobadilla cùng Hernán de Peraza nhanh chóng tổ chức đám cưới và trở về Gomera, rồi Peraza bị thổ dân Guanche ở đây giết chết, nhằm chống lại việc cai trị chuyên chế của ông ta.

Góa phụ Beatriz de Peraza tỏ ra không kém phần tàn nhẫn. Cô ta nhử các hiệp sĩ và nhân vật địa phương đến tòa thành của mình. Một số người sống sót trong cuộc đối mặt giữa họ, một số khác thì không. Nghe nói là một trong các vị khách của cô ta đã gieo rắc những lời đồn đại hớ hênh về hành vi khiếm nhã của *viuda*ⁱⁱ. Cô ta bèn mời ông ta đến tòa thành, ở đó họ trò chuyện một chút rồi cô ta gọi đầy tớ đến trói vị khách lại. Ông ta nhận sai và xin lỗi nhưng vô ích. Cô ta ra lệnh cho đầy tớ buộc thòng lọng quanh cổ và treo ông ta lên xà ngang của tòa

i. Đảo lớn thứ hai trong quần đảo Canary gồm bảy hòn đảo.

ii. Tiếng Tây Ban Nha, tức góa phụ.

tháp. Cô ta bình thản theo dõi ông ta giãy chết trong đau đớn, và cho treo cái xác lủng lẳng trên một cây cọ, cảnh cáo những kẻ định loan tin đồn về Doña Beatriz.

Mặc kệ phản ứng của người địa phương về hành vi của mình, cô ta tái giá, và chẳng mấy chốc thấy mình bị lôi kéo vào cuộc xung đột lãnh thổ với một đối thủ chính trị là Fernán Muñoz, người mà cô ta cũng ra lệnh treo cổ. Cuối cùng, cô ta kết thúc cuộc đời mình bằng thuốc độc.

Những sự kiện kinh khủng đó vài năm nữa mới xảy ra. Còn giờ đây, nữ thợ săn muốn Columbus ở lại với cô ta tại Gomera, khi ông mới bắt đầu chuyến hải hành thứ hai. Columbus lần lửa và ra sức gây ấn tượng với cô ta. Một trong những người bạn thích tán gẫu của ông, Michele de Cuneo xứ Savona, người đi cùng ông trong chuyến đó, trợn mắt về số lượng “những bữa tiệc, loạt súng chào, và sự chào mừng mà chúng tôi thực hiện ở đó... tất cả vì người đàn bà nơi đây, người mà vào lần trước, Đô đốc của chúng tôi đã si mê vì tình”. Một mô tả khẳng định rằng cô ta muốn ông ở lại đó lâu dài làm chồng mình, tránh xa biển khơi và thám hiểm. Đó là điều ông không muốn làm, dù là vì cô ta hay vì bất cứ ai.

Vào thứ Hai, ngày 7 tháng 10 năm 1493, Columbus, sau đã xử lý xong các sự vụ và vấn đề của mình ở Gomera, cùng đội tàu 17 chiếc của mình lên đường tới Ấn Độ.

Lúc rời đi, Columbus đưa các lệnh đã được niêm phong cho thuyền trưởng từng tàu, họ không được mở ra trừ phi thời tiết buộc phải thay đổi đường đi. Ông yêu cầu về việc giữ bí mật bởi ông không muốn những người khác, đặc biệt là người Bồ Đào Nha, biết về đường đi của ông.

Thứ Năm, ngày 24 tháng 10 năm 1493, ông đã đi được hơn 400 hải lý về phía tây, quan ngại vì không gặp tảo biển, mặc dù ở điểm này

trong hải hành thứ nhất ông từng gặp nhiều. Rồi, “trước sự bất ngờ của mọi người”, một con chim nhạn xuất hiện vào hôm ấy và trong hai ngày sau đó. Vào ngày tiếp theo, “những con sóng cuộn cao, bóng tối bao trùm khắp nơi còn đêm đen phủ kín biển cả, chỉ trừ những nơi có ánh chớp lóe lên và tiếng sấm vọng lại. Không gì nguy hiểm hơn một vụ đắm tàu trong những tình huống này”, Guillermo Coma nhớ lại. Mưa gió quật vào những con tàu mạnh đến mức “thanh ngang căng buồm gãy răng rắc, buồm bị rách thành từng mảnh, và dây chèo đứt rời. Những tấm ván kêu kèn kẹt và cầu tàu bị sóng đánh tung, trong khi một số [tàu] bị treo trên đỉnh sóng còn một số khác thì nằm lơ lửng dưới đáy biển khi nước rẽ ra”. Những con tàu có nguy cơ va vào nhau như mấy món đồ chơi trong một cái ao.

Trong cơn rối loạn, ngọn lửa của Thánh Elmoⁱ xuất hiện ở giữa họ. Được đặt theo tên Thánh Erasmus xứ Formiae, hay Thánh Elmo, vị thánh bảo trợ của thủy thủ vùng Địa Trung Hải, ngọn lửa của Thánh Elmo tỏa ra thứ ánh sáng xanh hoặc tím bị ion hóa hay bị nhiễm điện bởi cơn bão, thường đi kèm với âm thanh ù ù hoặc tiếng rít. Giới thủy thủ mê tín, phụ thuộc vào những điềm báo dẫn dắt cuộc đời họ ngoài biển cả, đã coi ngọn lửa của Thánh Elmo như một dấu hiệu ân sủng thần thánh.

Ngày 2 tháng 11, Columbus xem xét bầu trời, quan sát “những đám mây sẫm màu đầy đe dọa ở phía trước, khiến ông tin rằng đất liền đã ở gần”. Ông hạ thấp buồm, tiếp tục quan sát, và vào rạng sáng ngày 3 tháng 11 thì nhìn thấy cảnh tượng của một đảo núi, được những cư dân biệt lập đã lâu nơi đây gọi là Charis. Không có gì thêm. Tới nơi vào Chủ nhật, ông đặt tên thánh cho nó là Dominica, như thể cải đạo cho chính hòn đảo.

i. Một hiện tượng thời tiết, trong đó plasma phát sáng do sự phóng điện từ một vật sắc nhọn trong một điện trường mạnh tạo ra, ví dụ giữa cơn bão hoặc do núi lửa phun trào.

Tin về việc nhìn thấy đất liền lan từ tàu này sang tàu khác.

¡Albricias!

¡Que tenemos tierra!

Phần thưởng! Chúng ta thấy đất liền!

Ông thấy một đảo khác, và một đảo nữa, tất cả là bốn đảo, ngày nay được biết đến là quần đảo Leeward – các đảo tận phía bắc của nhóm đảo Lesser Antilles, nằm ở nơi hợp lưu giữa Đại Tây Dương và biển Caribbean. (“Leeward” nói tới những ngọn gió phổ biến ở khu vực này; các đảo thuộc quần đảo Windward mà nằm xuôi chiều gió được gọi là leeward, đón những ngọn gió mậu dịch. Quần đảo Leeward bao gồm quần đảo Virgin thuộc Anh và Mỹ, Nevis, Saint Kitts, Saint-Barthélemy, Antigua, và Guadeloupe.) Sự xuất hiện thần kỳ của quần đảo này làm tất cả phấn chấn, họ lên boong để cùng ngân nga lời cầu nguyện, hát thánh ca tạ ơn và cứu rỗi. Trong lúc họ làm như vậy, những con vật mà họ mang theo như gà, gà trống, và nhất là ngựa, phát ra một hợp âm chói tai đầy phấn khích.

Columbus đã thực hiện thành công chuyến đi vượt Đại Tây Dương thứ hai của mình, lần này với 17 con tàu, tất cả đều không bị tai nạn nào nghiêm trọng, qua một khoảng cách 800 hải lý – khoảng 2.400 dặm – từ đảo Gomera, trong vòng chỉ 20 ngày. Dựa vào đánh giá, bản năng của mình và ngọn gió thuận, ông đã đi theo tuyến đường tối ưu giữa Gomera và quần đảo Leeward, cho thấy ông có thể dẫn dắt một chuyến đi vượt Đại Tây Dương mà không cần anh em nhà Pinzón; trên thực tế, ông đã vượt họ trong cuộc chơi này. Tất nhiên, ông chẳng đến được gần những nơi mà lần trước ông đã cập bờ ở khu vực Ấn Độ, đặc biệt là không đến được gần những người bị kẹt ở La Navidad. Tuy thế, người của ông đều an toàn, và hải hành thứ hai đã có một khởi đầu thuận lợi.

Ông cố gắng đậu lại ở bờ đông của Dominica, nhưng không tìm được chỗ thả neo. “Biển động và bão và mây mù đang kéo đến”, sau

này ông giải thích với Ferdinand và Isabella. Rắc rối chỉ mới bắt đầu. “Thần cho đội tàu lúc này khá tản mát quay lại và tập hợp tất cả chúng lại gần nhau. Sau đó thần cử chiếc tàu buồm được trang bị tốt nhất tới điểm phía bắc”, nhưng ông không nói gì về hành trình của nó. “Thần lo lắng vì thời tiết đang xấu đi.” Cuốn buồm lại và triệu hồi các tàu khác, ông “tới một đảo khác cách Dominica 10 hải lý”. Columbus nén nổi thất vọng mà không hề nhận ra mình vừa tránh được việc đối mặt với bọn ăn thịt người nghe đâu sống ở đó. Trong những năm sau này, câu chuyện sẽ được lan truyền như vậy, người châu Âu dừng lại trên hòn đảo này đã có một thời gian khó khăn – chỉ cho tới ngày bọn ăn thịt người trở nên ốm yếu sau khi ăn thịt một thầy dòng đến mức chúng tránh bất cứ ai ăn mặc như một tu sĩ. Vì lẽ đó, khi những con tàu Tây Ban Nha vượt Đại Tây Dương và không có lựa chọn nào ngoài việc tìm thức ăn hoặc nước ở Dominica, họ giao cho một tu sĩ, hay một thủy thủ ăn mặc như tu sĩ, làm việc này.

Không thể tìm ra nơi đảm bảo cho việc thả neo, Columbus liền ra lệnh cho đội tàu đến một đảo gần đó. Người Carib ăn thịt người gọi nó là Aichi, còn người Taíno, con mồi của họ, gọi nó là Touloukaera. Không chú ý đến lịch sử hiếu chiến của hòn đảo, ông đặt tên thánh cho mẩu đất đang mời chào này là Marie Galanteⁱ, theo tên tàu chỉ huy. Ông buông neo, liều mạng lên bờ, và theo lời con trai ông, “bằng những nghi thức trọng thể phù hợp với việc khôi phục sự sở hữu dưới danh nghĩa các vị Quân chủ Công giáo ông đã tuyên bố trước mọi hòn đảo và lục địa của Ấn Độ trong hải hành thứ nhất”. Có sức mạnh hơn bao giờ hết, vị Đô đốc Đại dương trở về với lĩnh vực của mình.

Bác sĩ của chuyến thám hiểm, Diego Alvarez Chanca, trầm trồ viết về việc nhìn thấy đất liền: “Trên vùng đất này có những khu rừng

ⁱ Tên đảo này được đặt theo tên biệt danh “Mariagalante” của con tàu chỉ huy Santa María, cả hai cùng có nghĩa là “Gallant Mary” - “Đức Mẹ Maria Vĩ đại”. (BT)

rậm rạp đến nỗi thật tuyệt diệu khi nhìn thấy chúng và điều đặc biệt gây kinh ngạc là nhiều những loài cây mà chẳng ai biết – một số có quả, số khác có hoa, và tất cả đều xanh tốt”, trong khi vào thời gian này trong năm thì cây cối ở Tây Ban Nha để lộ ra những cành xám tro trụi. Nơi đây, bầu không khí rung rinh như thể có phép màu. “Chúng tôi thấy một cái cây mà lá của nó có hương thơm đỉnh hương dễ chịu nhất tôi từng được ngửi”, ông ta trầm trồ. Một số thành viên thủy thủ đoàn bị quyến rũ, bèn ném thử loại quả xa lạ. Ngay lập tức, “mặt họ sưng lên và họ bị thiêu đốt và đau đớn tưởng như mắc bệnh dại mà không thứ đồ lạnh nào có thể chữa được”. Hai tiếng sau, những vị khách đến từ Tây Ban Nha rời đi trên mấy con tàu của mình mà lưỡi vẫn còn nóng rực.

Đội tàu đến một đảo um tùm chỉ cách chín dặm về phía bắc một cách đây ngoạn mục. Columbus viết, “đảo này có hình dáng giống như đỉnh của một viên kim cương, cao đến mức kinh ngạc, và từ đỉnh của nó tuôn ra một dòng suối lớn, nước bắn tung tóe ra mọi hướng; từ nơi tôi đứng là những dòng suối khác nhỏ hơn chảy theo hướng còn lại, một trong số đó mạnh đến mức dòng chảy khá gắt của nó giống như nguồn nước mạnh mẽ tuôn ra từ một chiếc thùng, trắng xóa, và chúng tôi không thể tin đây là nước chứ không phải một dải đá trắng”. Cảnh thủy thủ thì cá cược: đá hay nước? Khi thả neo, họ đã có câu trả lời: đó là nước, trên một hòn đảo đầy những dòng suối. “Khi đến đảo tôi liền đặt tên nó là Santa María de Guadalupe”, ông viết, gợi nhắc đến một tu viện ở Tây Ban Nha có tên Santa María de Guadalupe de Extremadura. Đó là ngày 14 tháng 11.

Gió bất ngờ đổi chiều, đem lại những đám mây mù nặng trĩu và mưa như trút. Columbus mất một ngày căng thẳng đối phó với gió to và sóng biển mạnh. Khi thời tiết dịu đi một chút, ông lấy ra chiếc kính thiên văn nhỏ và quan sát con người lơ mơ qua mấy cái cây thưa thớt. Ông ra lệnh thả neo, nhưng dân đảo sợ hãi đã bỏ trốn trước khi người

Tây Ban Nha có thể tiếp xúc với họ. Columbus viết rằng “tôi đến được phía bắc, nơi phần lớn dân cư sinh sống, và tôi tiến đến rất gần bờ và cả đội neo lại”.

Columbus cử một thuyền trưởng lên bờ, tại đây ông ta “tìm thấy nhiều sợi bông chưa xe, bó sợi, và thực phẩm dự trữ”, theo lời Chanca. Nhưng người đâu?

Ferdinand viết “người của chúng tôi chỉ tìm thấy mấy đứa trẻ, họ đặt vào tay chúng vài chiếc chuông nhỏ để trấn an cha mẹ chúng khi họ quay về”. Người Tây Ban Nha xem xét mọi thứ và nhận xét “ngỗng giống ngỗng của chúng ta”, còn những con vẹt kỳ dị to như gà trống thì xù bộ lông màu đỏ son, xanh da trời, và trắng. Trở nên mạnh dạn, họ dùng thử một loại quả giống như trái dưa nhưng vị ngọt và thơm hơn. Họ thấy có cung tên, vông, và lưu ý không lấy đi bất cứ thứ gì khỏi khu xóm bỏ hoang để “người Ấn Độ có thể tin tưởng hơn vào người Ki-tô giáo”.

Khi xem xét kỹ hơn, cảnh nhà cửa thanh bình biến thành một cơn ác mộng. “Trong nhà họ”, Columbus viết, “tôi thấy treo những cái giỏ và rất nhiều bộ xương người cũng như đầu lâu treo trong mỗi nhà”. Ông run rẩy bắt gặp “một mảnh đuôi tàu lớn của một con tàu Tây Ban Nha. Tôi tin rằng nó là từ con tàu mà tôi để lại ở La Navidad năm ngoái”. Một sự im lặng lạnh gáy bao trùm những nhà thám hiểm. Họ có cảm giác mình đang bị theo dõi, nhưng là ai theo dõi?

“Còn về con người”, Columbus viết cho các vị Quân chủ, “một vài người bị bắt và một vài người bị trông thấy; tất cả họ đều đã trốn vào những khu rừng xa xôi hẻo lánh, và vì cây cối rất rậm rạp nên không thể bắt được trừ vài người phụ nữ mà thần sẽ gửi về cho các Bệ hạ”. Họ là những người lánh nạn, nạn nhân của sự hung ác và nạn ăn thịt người. “Theo quan điểm của thần, họ bị bắt làm nô lệ hoặc thê thiếp.” Họ ra hiệu bằng cử chỉ là “chồng họ bị ăn thịt, những phụ nữ khác có con trai và anh em trai bị ăn thịt, và rằng bản thân họ cũng buộc phải ăn thịt”.

Đáng buồn là còn nhiều điều hơn như thế. “Thần cũng tìm thấy vài cậu bé bị mang đến đây và đứa nào cũng bị cắt mất bộ phận sinh dục.” Thoạt tiên, Columbus nghĩ rằng chúng đã bị thiến “do sự ghen tuông vì đàn bà của họ”, nhưng ông nhận thấy “họ làm như vậy để vỗ béo chúng, giống như gà trống thiến ở Castile, để họ có thể ăn trong các bữa tiệc; và họ không bao giờ giết phụ nữ”.

Liệu cánh thủy thủ ở La Navidad có gặp kết cục tương tự như những bộ xương khủng khiếp tại nơi ở của người Anh-điêng đã cho thấy? Liệu Columbus có để họ bị cúng tế theo cách này? Điên cuồng với cảm giác tội lỗi và hoảng loạn, ông định đi từ đảo này sang đảo khác, tiêu diệt bất cứ chiếc thuyền nào mà ông gặp để trả thù, “nhưng mong muốn giúp đỡ những người mà thần để lại ở đây không cho phép thần có thời gian tìm kiếm, lòng thần cũng không hề thanh thản”.

Công cuộc khám phá Guadeloupe của ông làm phát lộ một chuỗi các ngôi làng bị bỏ hoang, nhưng trong một làng nhỏ người của ông bắt gặp “một đứa trẻ độ một tuổi bị bỏ rơi một mình trong cái lều đó suốt sáu ngày”. Hằng ngày người của ông đi ngang qua chiếc lều, “và họ luôn thấy đứa trẻ bên cạnh bó tên, và nó thường đi ra con sông gần đó để uống nước rồi trở về lều, nó luôn vui vẻ và hài lòng”. Bị ám ảnh bởi ý nghĩ về đứa trẻ này ở một mình tại nơi hoang vu, Columbus bèn can thiệp, để bảo trợ cho đứa trẻ “trước Chúa và số mệnh”, và nói thêm rằng, “vậy nên tôi giao nó cho một người phụ nữ đến đây từ Castile”. Những tham khảo về người phụ nữ này và những người khác như bà ta là quá mờ nhạt, nên không thể nói tới vai trò của họ là gì, nếu có. Trong trường hợp này, đứa trẻ Anh-điêng bị bỏ rơi lớn lên dưới sự chăm sóc của bảo mẫu. “Giờ thì nó rất ngoan”, Columbus khoe với Ferdinand và Isabella, “nó nói và hiểu ngôn ngữ của chúng ta rất tốt, và đó là điều tuyệt vời”. Ông muốn gửi nó về Tây Ban Nha ngay lập tức, “nhưng thần e rằng nó có thể chết, vì còn rất bé”.

Giống như các nhà thám hiểm khác vào thời đó, Columbus coi những tuyến đường và khám phá của ông là bí mật thương mại, vì chúng mà hằng ngày ông phải chịu nguy hiểm đến tính mạng, và hết sức giữ gìn bảo vệ chúng khỏi những kẻ cơ hội và đối thủ. Trong lúc đó, người vẽ hải đồ tin cậy của ông là Juan de la Cosa thu thập những dữ liệu để đưa ra một chỉ dẫn chính thức về quần đảo mới được khám phá, nhưng hiện giờ chúng đã không còn, và tấm bản đồ nổi tiếng của ông ta có từ năm 1500 chứa đựng ít thông tin chi tiết liên quan đến khu vực này. Ở một thời điểm trong hải hành thứ hai, ông ta thu thập “những bản vẽ về mọi đảo được khám phá cho đến lúc đó cùng với những đảo đã được khám phá vào năm trước, tất cả đều trên một tấm bản đồ mà tôi mất nhiều công sức tạo ra”, nhưng kể cả nếu những hải đồ này còn, thì chúng cũng ít có giá trị.

Một số tên gọi do Columbus chọn hồi ấy trong hải trình nay vẫn còn, dưới dạng viết tắt, cung cấp manh mối về các địa điểm của ông. Santa María de Montserrat, được đặt tên theo một tu viện gần Barcelona, nay là Montserrat. Santa María de la Antigua, được đặt tên theo Đức Mẹ Đồng Trinh ở Nhà thờ Lớn Seville mà nghe đâu Columbus đã cầu nguyện trước bức tượng đó, nay là Antigua. Nhưng San Martín của Columbus thì đã chuyển giao tên của nó cho một đảo nằm về phía tây bắc; từ đó trở đi, nó được gọi là Nuestra Señora de las Nieves, Our Lady of the Snows (Đức Mẹ Tuyết). Cái tên đây liên tưởng đó nói đến một điều kỳ diệu được gắn với Đức Mẹ Đồng Trinh Mary chứ không phải tuyết có thật trên đảo, vì nơi đây không hề có tuyết.

Trong lúc đặt tên cho các đảo này, Columbus dẫn đội tàu đi qua một thế giới có vẻ như đang được hình thành mỗi ngày, những ngọn núi xuất hiện trong bóng tối lúc hoàng hôn, vươn đến tận mây trời vào lúc trưa, và lui lại vào bóng tối trước khi biến hẳn vào màn đêm điểm sao. Đi về phía tây trong Công cuộc Tìm kiếm Ấn Độ và lướt trên mặt biển luôn thay đổi từ màu xanh cô-ban tới màu xanh chàm, những con

tàu dường như đang chơi trò trốn tìm, không chỉ với các đảo và dòng chảy mà ngay cả với hiện thực.

Buổi sáng, Đô đốc cử hai chiếc tàu nhỏ đi tìm bắt một người Anh-điêng để chỉ đường đến Hispaniola và pháo đài La Navidad của nó đang bị nguy hiểm. Hai chiếc tàu quay lại với hai cậu bé, chúng giải thích rằng mình đến từ Boriquén, hay Puerto Rico, và bị người Carib bắt cóc. Trong một chuyến thăm dò khác, những chiếc tàu mang về sáu phụ nữ tìm chỗ lánh nạn khỏi người Carib trên tàu Tây Ban Nha. Columbus đã từ chối, đưa cho họ mấy chiếc chuông và vài món quà nhỏ khác, rồi đưa họ trở về đất liền, tại đó người Carib liền túm lấy họ và trơ trẽn giật các món trang sức rẻ tiền ngay trước mắt người Tây Ban Nha.

Khi những chiếc tàu trở lại lần thứ ba để lấy củi và nước, mấy phụ nữ lại van nài các vị khách cho họ trú ẩn. “Vì được đón tiếp tử tế và được hào phóng tiếp tế đồ ăn nên họ nghĩ các vị thần linh đã đến để giúp họ”, Guillermo Coma thuật lại. Những phụ nữ kẹp chặt chân quanh cột buồm và van nài được ở lại thay vì trở về với người Carib, “giống như lũ cừu bị đem đi giết thịt”.

Những phụ nữ biết ơn này đã tiết lộ mọi thứ họ biết về các hòn đảo trong vùng, và bí mật chỉ điểm người Carib cho người Tây Ban Nha. Người Carib thường làm phụ nữ có thai và ăn thịt con của họ. Những nạn nhân là đàn ông cũng không khá hơn. Nếu bị bắt sống, họ ngay lập tức bị giết và ăn thịt. Chanca viết là người Carib “cho rằng thịt người ngon đến mức trên toàn thế giới chẳng có thứ cao lương mỹ vị nào sánh bằng”. Một đồng xương người là minh chứng cho sự ưa thích đặc biệt của họ: “Tất cả những thứ có thể nhai được đã bị nhai sạch, và tất cả những thứ còn lại là những thứ không thể ăn được, vì không ăn nổi”. Chanca choáng váng trước hình ảnh và mùi của “một chiếc cổ người... đang được đun trong nồi”. Kinh khủng hơn, “khi bị

bắt, những đứa bé trai bị cắt mất bộ phận sinh dục và được giữ làm người hầu cho đến khi trưởng thành, từ lúc đó trở đi, khi nào người Carib muốn làm lễ kỷ niệm, họ giết chúng và ăn”. Minh chứng cho câu này, mặc dù theo một cách rất cực đoan, là ba cậu bé Anh-điêng “đã bị thiến”, trốn thoát khỏi người Carib và tìm kiếm chỗ ẩn nấp giữa người Tây Ban Nha.

Trong lúc Columbus chuẩn bị ra khơi để tìm đến đảo Hispaniola, ông thấy một nhóm chín người đàn ông – tám người lính và thuyền trưởng của họ – đã lên bờ và chưa trở về. Không ai trên các tàu biết chuyện gì đã xảy ra với họ. Tầng cây thấp rậm rạp đã che giấu vị trí của họ. Bị rơi vào tình huống giữa việc bỏ lại một số thủy thủ và sự khẩn thiết phải đến được La Navidad, Columbus bèn cử một nhóm ứng cứu được trang bị súng hỏa mai, hy vọng với tiếng nổ inh tai của nó sẽ dẫn dắt những người bị lạc về nơi an toàn. Nhưng sau một tuần chờ đợi, Chanca thú nhận, “đến khi đó, chúng tôi cho rằng họ đã bị thổ dân ăn thịt”.

Trong khoảng thời gian bị trì hoãn, Columbus có vẻ không sợ người Carib, ra lệnh cho người của mình lên bờ giặt giũ quần áo, lấy thêm củi và nước. Sau đó, ông cử một đoàn 40 người dưới sự chỉ huy của một thuyền trưởng trẻ đầy khí thế, Alonso de Ojeda, “đi kiểm những người bị lạc và tìm hiểu về các bí mật của đất nước này”. Họ không tìm thấy những thành viên bị lạc hay xương của họ, mà lại thấy nhiều ngô, cây thù, bông, gừng, và chim giống chim ưng, diệc, quạ, bồ câu, gà gô, ngỗng, sơn ca, và 26 con sông trên hòn đảo bị quỷ ám này. Chanca kể lại, “vài lần chúng tôi lên bờ, khám phá những nơi ở và làng xóm nằm dọc theo bờ sông, ở đây chúng tôi tìm thấy khá nhiều xương người và đầu lâu treo trong các ngôi nhà và được dùng để đựng các thứ khác”. Dù những gì phô ra có vẻ khắc nghiệt, nhưng “với chúng tôi những người này dường như văn minh hơn những người sống ở các

đảo khác mà chúng tôi đã từng thấy”. Các ngôi nhà tranh của họ vững chãi hơn; họ có nhiều sợi và bông dự trữ hơn, nhiều “đến mức họ chẳng có gì để ghen tị với những ngôi nhà ở đất nước chúng ta”.

Còn có các bằng chứng khác về chuyến đi dưới ngòi bút của Peter Martyr d'Anghieraⁱ, một nhà biên niên sử mà theo lời ông ta thì “có mối quan hệ gần gũi” với Columbus. Peter Martyr thường được biết đến như một người Ý sống tại triều đình Tây Ban Nha. Lần đầu ông ta gặp nhà thám hiểm là vào tháng 4 năm 1493, khi kết thúc hải hành thứ nhất. Một tháng sau, trong trạng thái phấn khích, Martyr gửi vội một bức thư ngắn đến một người bạn. “Trở về từ nơi đối lập với phương Tây” – tức Ấn Độ – “chính là Christophorus Colonus xứ Genoa, người đã khó khăn mới có được từ các vị Quân chủ của tôi ba chiếc tàu [để tới thăm] nơi đó, vì họ cho rằng điều ông ấy nói là hoang đường; ông ấy đã trở về và mang theo bằng chứng là nhiều thứ quý giá, đặc biệt là vàng, thứ mà những vùng đó có một cách tự nhiên.”

Nằm trong số người đầu tiên nhận thấy tầm quan trọng trong những khám phá của Columbus, Peter Martyr thuật lại những khám phá mới nhất của nhà thám hiểm với các thành viên cấp cao nhất của nhà thờ. “Tôi chọn những mô tả này từ các bản gốc của chính Đô đốc Columbus”, ông ta nói, và tiếp tục giải thích cho Hồng y Ascanio Sforzaⁱⁱ về cách người Anh-điêng khéo léo xây dựng nhà cửa và đồ đạc của họ: “Trước hết, họ tạo nên bộ khung tròn của ngôi nhà bằng mấy khúc gỗ lấy từ các cây cao, chôn xuống đất như các cột nhà; sau đó các xà ngang ngắn hơn được đặt bên trong để ngăn mấy khúc gỗ dài hơn ấy bị đổ xuống; cuối cùng họ sắp xếp phần đầu của các cột trụ dài hơn giống như kiểu lều quân sự, vậy là mọi ngôi nhà đều có mái nhọn. Sau đó, lá cọ và một số loại lá cây tương tự đan với nhau thường được sử

i. 1457-1526.

ii. 1455-1505.

dụng một cách khéo léo để che mưa. Treo ngang giữa nhà, nối giữa mấy thanh gỗ ngắn và mấy cột trụ bên trong là những sợi vải hay dây leo được bện lại giống như esparto” – một loại sợi khá bền và có nhiều ở miền Nam Tây Ban Nha – “trên đó họ đặt những tấm chăn bông. Vì đảo này tự sản xuất bông, nên họ sử dụng giường treo làm từ bông thô... hay từ đồng lá cây. Khoảng sân quanh những nơi ở thông thường này được dùng để tụ tập và vui chơi”.

Khoảng sân chung, hay *batey*, theo cách gọi của người Anh-điêng, được dùng như khán đài cho các trò chơi. 10 hoặc 20 người chơi tập trung ở hai đầu sân, cầm và chuyền một quả bóng từ người này sang người kia. Nam và nữ chơi riêng. Luật lệ của người Anh-điêng không cho người chơi dùng tay hay chân để chơi bóng, cho nên họ dùng người để hất bóng, chú ý giữ bóng trong vạch giới hạn. Trong các cuộc thi này, người xem bình thường ngồi bệt xuống đất, còn nhóm lãnh đạo Anh-điêng ngồi trên ghế dài hoặc các bục. Những trò chơi âm ỉ diễn ra ngày này sang ngày khác, với các tộc trưởng và người chơi cùng cá cược về kết quả. Thường thì các đội đại diện cho các bộ tộc và mang hơi hướng chính trị, trùng với những sự kiện quan trọng của người Anh-điêng.

Các vị khách Tây Ban Nha chưa bao giờ được thấy bất cứ thứ gì như những trò chơi căng thẳng này. Họ cũng chưa bao giờ thấy một quả bóng đàn hồi, cao su, hay cây cao su. Từ những sự va chạm vô hại và tự phát giữa các nền văn hóa, các dấu tích đặc trưng đầu tiên của châu Mỹ bắt đầu hình thành dù trong vô thức, vào thời điểm khi nô lệ, gia vị, và vàng là những mối quan tâm chính trong chuyến hải hành, cùng với đó là những vụ việc liên quan đến tình dục không hoàn toàn vô hại.

Người của Columbus cũng chưa bao giờ chứng kiến điều gì giống như những nghi lễ tôn giáo kỳ lạ của người Anh-điêng. Chính khoảng

sân nơi trò chơi hát bóng diễn ra được sử dụng làm bối cảnh cho những nghi lễ cầu kỳ của người Taíno để vinh danh các vị thần địa phương, những nghi lễ đám cưới và đám ma cầu kỳ, và các trận đánh, hay diễn lại các chiến công của cha ông họ, tất cả trên nền nhạc đệm thối miên. Vào ngày lễ kỷ niệm, những giai điệu khiến tim đập nhanh hơn của trống và sáo Taíno vang vọng suốt khoảng sân chung và cánh rừng phía xa. Nhạc cụ dễ thấy nhất mà Columbus và người của mình có lẽ đã nghe thấy là *mayohuacán*, hay còn gọi là *maguey*, một loại trống được đẽo ra từ một thân cây to, với một kẽ hở hình oval – hoặc một đường rạch hình chữ H – trên mặt. Nó tạo ra âm thanh vang vọng, mạnh mẽ có thể nghe thấy trong vòng vài dặm khi người đánh trống sử dụng một hay hai cái gậy gõ lên chiếc *mayohuacán* được treo giữa các cây. Người Taíno cũng tạo nên âm nhạc từ nguyên mẫu *maraca*ⁱ, một cặp trống lắc khá to chứa một quả bóng lớn; các khe hở ở bên cạnh cho phép âm thanh vang lên. Chúng thường được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, và được trang trí với các hình khắc và hình ảnh *cemi*ⁱⁱ, những nhân vật bé nhỏ nhưng hùng mạnh trong tín ngưỡng Taíno. Chúng được kết hợp với *güira*, một loại nhạc cụ được làm từ những quả bầu rỗng ruột và các đường xẻ rãnh xung quanh. Ngày nay, *güira* và *maraca* vẫn là một phần không tách rời của âm nhạc Mỹ La-tinh, cũng như những phiên bản hiện đại về sáo thối và huyết gió của người Taíno được gọi là *guamó* hay *cobo*ⁱⁱⁱ. Và những hơi gió được thổi từ ống thối loe như kèn trumpet của người Taíno, làm từ vỏ ốc biển. Các nốt nhạc của nó vang vọng qua cánh rừng, truyền đi lời cảnh báo về mối nguy hiểm đến những thành viên bộ lạc đang ở xa.

i. Thường được gọi là “trống lắc rumba” (rumba shakers) hay “shac-shac”, là một loại nhạc cụ thuộc bộ gõ, có một đôi, được sử dụng nhiều trong âm nhạc của khu vực Caribbean và châu Mỹ La-tinh. (BT)

ii. Là những hình tượng điêu khắc đại diện cho những linh hồn của thánh thần hay tổ tiên của người dân Taíno khu vực Caribbean. (BT)

iii. Là những nhạc cụ được làm từ vỏ ốc, có hoa văn bóng bảy, âm thanh nghe giống tiếng sáo hoặc tiếng kèn trumpet. (BT)

Với các nhạc cụ này, người Taíno trình diễn những bài ca tụng và nghi lễ gọi là *areíto* để kỷ niệm những sự kiện gắn với tự nhiên như các điểm chí, gieo trồng, và thu hoạch. *Areíto* để kỷ niệm lễ cưới của tộc trưởng, sự ra đời của một *nitaino* quan trọng (một người Taíno thuộc tầng lớp thống trị) hay một chiến thắng quân sự. “Kể từ thời xa xưa, đặc biệt trong cung vua, họ đã ra lệnh cho *behique*, hay những người thông thái hướng dẫn cho con trai họ kiến thức về mọi thứ”, Peter Martyr viết. “Với việc dạy như thế, họ thực hiện được hai mục tiêu: mục tiêu chung là hát [bài hát] về nguồn gốc và sự phát triển của mình, và mục đích cụ thể là vinh danh những việc làm nổi tiếng trong hòa bình và trong chiến tranh của cha họ, ông họ, cụ kỵ họ và những tổ tiên khác.” Trong mỗi trường hợp, “giai điệu của nó hoàn toàn phù hợp với mỗi chủ đề”.

Người Taíno chuẩn bị kỹ lưỡng cho buổi lễ thiêng *areíto*. Các vũ nữ ăn kiêng trong tám ngày trước khi diễn ra nghi lễ, chỉ uống chè thảo mộc, hay được gọi là *diga*. Trước khi trình diễn, họ tắm trên sông và trong những *charco* thiêng – ao nước tự nhiên – để thanh lọc cơ thể. Người châu Âu tin rằng nghi lễ tắm rửa là để làm hài lòng Atabeyra, có lúc được cho là thần nước ngọt và lúc khác lại là mẹ của Yúcahu, vị thần chính của người Taíno. Sau khi họ đã thanh lọc cơ thể, cánh đàn ông dùng màu nhuộm làm từ cây cỏ để trang trí cơ thể mình với những hình ảnh *cemí*. Kết thúc nghi lễ thanh lọc, họ chọc cái que được trang trí cầu kỳ làm từ xương sườn của lợn biển vào họng để kích nôn, làm sạch dạ dày, chuẩn bị cho việc đón nhận sự khai sáng thần thánh.

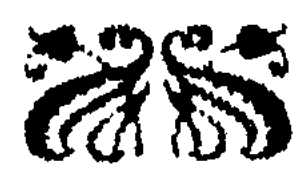
Khi bắt đầu nghi lễ, vị tộc trưởng chủ trì ngồi lên chiếc *dujo*, một cái ghế có bốn chân được trang trí bằng những hình ảnh *cemí* sắc sỡ. Ông ta hít bột *cohoba* gây ảo giác sức mạnh bằng chiếc tẩu có thân màu đen mảnh mai, mỗi bên mũi có một chiếc. *Cohoba* có nguồn gốc từ một loại cây thanh mảnh, được các nhà thực vật học gọi là *Anadenathera peregrina*, còn với người Anh-điêng là *yopo*, mọc khắp Nam Bán cầu.

Hạt của nó được nghiền nát, tạo ra thứ mùi mạnh mẽ, và sau khi hít vào, vị tộc trưởng rơi vào ảo giác sâu, kéo dài ba tới bốn tiếng. Khi tỉnh lại, ông ta tuyên bố với mọi người những lời tiên tri mà mình nghe được từ *cemí*, và những lời nói thiêng liêng đó sắp xếp chương trình mà người ta sẽ theo. Các tay trống và nhạc công khác chơi nhạc cụ của mình, âm thanh vang vọng làm say lòng người tràn ngập khoảng sân chung và bay lên tận bầu trời, thậm chí đến làn sương *cohoba* cũng tràn ngập lỗ mũi của người Anh-điêng và làm thay đổi nhận thức của họ về thực tại. 300 vũ công chuyển động như một, lắc những vỏ ốc buộc quanh tay, bắp chân, đùi, và kể cả gót chân. “Đeo đầy những vỏ ốc này, họ dậm chân trên nền đất, nhún nhảy, hát múa, và hoan hô vị tộc trưởng ngồi ở cửa đón tiếp các vị khách, dùng chiếc dùi đánh lên trống của mình”, Peter Martyr viết.

Các vũ công nắm tay hay quàng vai nhau trong lúc nhảy múa, cánh đàn ông phô diễn cơ thể được trang trí bằng những màu đỏ, đen, và trắng sặc sỡ. “Trong khi đó, phụ nữ lại không để kiểu tóc hay sơn vẽ gì đặc biệt, các cô gái đồng trinh thì hoàn toàn khỏa thân”, Martyr nói.

Với một hiệu lệnh từ *behique*, hay những người đàn ông thông thái, phụ nữ đeo vòng hoa nhảy múa và hát những bài tụng ca mà họ gọi là *areíto*, mời sẵn đựng trong những chiếc giỏ được đan cầu kỳ. Khi bước vào, họ bắt đầu đi vòng quanh những người đang ngồi đấy, những người này bất ngờ chồm dậy, cùng với họ thực hiện nghi lễ đáng ngưỡng mộ *areíto* để ngợi ca *cemí*, kể và hát kèm cử chỉ minh họa về tổ tiên của họ, cảm ơn thần linh về sự tồn tại của họ, khiêm tốn cầu xin thần linh đem đến sự may mắn trong tương lai; cả hai giới cuối cùng đều quỳ trên đất, dâng sẵn đã được người thông thái ban phước lên vị thần, và sau đó họ chia sẵn thành từng miếng như những món quà riêng.

Lúc kết thúc, mỗi người tham dự mang theo một phần sẵn về nhà và giữ nó cả năm như một kỷ niệm thiêng liêng.



Nhóm chín người bị lạc bất ngờ xuất hiện trước Columbus vào ngày 8 tháng 11, giải thích rằng họ bị lạc trong rừng. “Chúng tôi vui mừng trước sự trở về của họ như thể họ vừa được trở về từ cõi chết”, Chanca miêu tả một cách hợp lý. Đi cùng họ còn có 10 phụ nữ và các cậu bé, tất cả đều chạy trốn người Carib. Để tìm đường trở lại với những con tàu đang đợi, vài người đã trèo lên ngọn cây “để định hướng bằng các ngôi sao nhưng hoàn toàn không thể nhìn được bầu trời”. Lang thang ra gần mép nước, họ tình cờ gặp đội tàu đang đợi.

Đô đốc bức bối hơn là vui mừng trước sự trở về bất ngờ của họ. Câu chuyện về thử thách của họ không làm lay động trái tim cứng rắn trong ông. Và ông “đã trừng phạt họ vì sự cầu thả, ra lệnh xích thuyền trưởng lại và giảm khẩu phần của những người khác”, Ferdinand thuật lại.

Vào lúc tảng sáng ngày 10 tháng 11, Columbus và đội tàu rời khỏi Guadeloupe, dong buồm về phía tây bắc dọc theo bờ biển đến đảo Montserrat. Vài người Anh-điêng trên tàu giải thích rằng đảo ấy đã bị người Carib tàn phá, họ đã ăn thịt “toàn bộ cư dân của nó”. Columbus vội vàng đến Santa María de la Redonda – tên được đặt như vậy bởi nó có hình tròn – và sau đó là đảo Santa María de la Antigua, rồi đi theo hướng tây bắc, ông thấy thêm nhiều đảo khác “tất cả đều rất cao và cây cối rậm rạp” với tiềm năng hữu ích, nhưng như con trai ông nói với chúng ta, Columbus vì quá “lo cứu những thủy thủ mà ông để lại trên đảo Hispaniola đến mức ông quyết định đi tiếp” cho đến ngày 14 tháng 11, khi một cơn bão buộc đội tàu phải tìm nơi trú ẩn ở vịnh Salt River, tại chỗ khuất gió của một hòn đảo nay được gọi là St. Croix.

Vài người lên bờ “để tìm hiểu xem kiểu người nào sống ở đây”, Chanca viết, “và cũng vì chúng tôi cần thông tin về việc nên đi theo

đường nào”. Ở đây, giống như trên các đảo khác, “phần lớn phụ nữ... là tù nhân của người Carib”, đúng như họ nghĩ “dựa trên cơ sở từ những dự đoán của mấy phụ nữ đi cùng chúng tôi”.

Một lần nữa, Columbus cử một nhóm thăm dò đi bắt một người chỉ đường Anh-điêng, nhưng thay vào đó, họ trở về với vài phụ nữ và ba đứa trẻ. Khi nhóm thăm dò đến gần tàu mình, họ bị rơi vào một cuộc chiến gay go với bốn đàn ông và một phụ nữ trên chiếc thuyền Anh-điêng. Người phụ nữ duy nhất đó tỏ ra là một cung thủ giỏi: mũi tên của bà ta xuyên thủng một chiếc khiên. Để trả đũa, người Tây Ban Nha đâm thủng chiếc thuyền, gạt ngã những người Anh-điêng xuống biển. Vừa bơi thoát thân, họ vừa tiếp tục bắn tên tẩm thuốc độc chết người, nghe nói có nguồn gốc từ quả *manchineel*, đôi khi còn được gọi là “táo bãi biển”, mọc nhiều trong những bụi rậm. Fernández de Oviedo viết rằng những quả táo này độc đến mức “nếu một người nằm ngửa chỉ một tiếng dưới tán cây *manchineel*, khi tỉnh dậy anh ta sẽ thấy đầu và mắt sưng lên, còn lông mày thì xệ xuống”. Người Tây Ban Nha gọi quả này là *manzanilla de la muerte* – quả táo nhỏ tử thần. Người Carib trộn lẫn táo độc với nọc độc của rắn viper và côn trùng độc để tạo nên một hỗn hợp thậm chí độc hơn. Kể cả lá táo cũng độc, và người Carib dùng chúng để đầu độc nguồn nước của kẻ thù. Thuốc giải độc duy nhất được biết đến là nước biển. Trong số 50 người bị thương bởi các mũi tên độc, “không quá ba người sống sót”.

Peter Martyr viết, vào giữa trận chiến, xuất hiện một phụ nữ mà những người Anh-điêng khác tôn trọng như nữ hoàng. Bên cạnh bà ta là con trai, “một thanh niên dữ tợn và mạnh mẽ, với cái nhìn hung dữ và vẻ ngoài của một con sư tử”. Họ có vẻ như đã chuẩn bị để kết liễu cho đến những người Tây Ban Nha cuối cùng, kể cả những người đang đau đớn vì vết thương từ tên tẩm độc. Tập trung lực lượng lại, người Tây Ban Nha chèo quanh chiếc thuyền của bọn ăn thịt người để đánh đắm nó. Ngay cả khi thuyền đã bị lật, những chiến binh

Anh-điêng, cả đàn ông lẫn đàn bà, vẫn tiếp tục bắn tên hết lượt này đến lượt khác. Chỉ đến khi các cung thủ tìm chỗ trú ẩn trên một rạn san hô thì người Tây Ban Nha mới có thể bắt được họ trong lúc họ vẫn chiến đấu đến phút chót. Vài người Anh-điêng chết trong cuộc giao tranh này, và người Tây Ban Nha hài lòng nhận thấy họ đã “làm con trai vị nữ hoàng bị thương hai lần”.

Những kẻ sống sót sức tàn lực kiệt bị bắt làm tù binh, và “thậm chí sau khi bị bắt lên boong tàu của Đô đốc, các thổ dân vẫn không mất đi sự hung dữ và vẻ ngoài dữ tợn, không khác gì những sư tử châu Phi khi chúng cảm thấy đã bị sập bẫy”, theo lời của Peter Martyr. Giống như nhiều người ở Tây Ban Nha, Martyr – vốn được dạy dỗ theo cách truyền thống – có hai cách tư duy về người Anh-điêng. Từ một khoảng cách an toàn, ông ta so sánh họ một cách thiện chí với “những tên bạo chúa” của thời “Aeneas huyền thoại”ⁱ, người hùng thành Troy, và thậm chí mô tả về cuộc đời họ với một cảm giác ghen tị. “Nhưng tôi cảm thấy rằng những thổ dân trên đảo Hispaniola của chúng tôi”, cách ông ta gọi người Anh-điêng, “thì hạnh phúc hơn – hạnh phúc hơn cả việc nếu họ được cải đạo sang một tôn giáo đúng đắn – bởi họ trần truồng, không có gánh nặng, giới hạn, hay sống chết vì tiền, sống trong thời đại hoàng kim, tự do, không có những tranh cãi lọc lừa, sách vở, và hài lòng với trạng thái tự nhiên của mình, họ sống mà không có nỗi lo về tương lai”. Song Columbus và người của mình nhận thấy rằng những bộ tộc Anh-điêng mà họ gặp thường sống trong đầy sự tuyệt vọng, với những nỗi sợ hãi do họ săn đuổi lẫn nhau trong cuộc tranh đấu bất tận vì sự thống trị và sống còn, phản chiếu các cuộc chiến của những dân tộc châu Âu. Thậm chí một Peter Martyr đầy dăm chiêu cũng nhận thấy rằng người Carib hung dữ đi hàng ngàn dặm để tìm nạn nhân, và ông ta thừa nhận là người Anh-điêng, cho dù rõ ràng có được sự tự do

i. Trong thần thoại Hy Lạp, Aeneas là một anh hùng thành Troy, con trai của Anchises và nữ thần tình yêu Aphrodite.

và đơn giản, vẫn gặp “rắc rối bởi mong muốn thống trị và đánh đuổi nhau trong các cuộc chiến”.

Không giống như một Columbus phần chấn được đề cao hay đôi lúc cũng tuyệt vọng về sứ mệnh, người bạn thời niên thiếu của ông, Michele de Cuneo, một quý ông Genoa, không hành hạ ông với những câu hỏi về vị trí đội tàu hay vai trò của ông trong kế hoạch của Chúa. Thậm chí việc hoạn thiện khủng khiếp mà người Carib thực hành còn gây ra sự tò mò hơn là kinh hãi ở Cuneo. Quyết tâm sống với từng khoảnh khắc của ông ta, bất chấp mọi hậu quả, đã báo trước sự xuất hiện không tránh khỏi của những kẻ gian hùng ở khu vực Caribbean.

Cuneo ghi lại cẩn thận những quan sát về người Anh-điêng khi họ xuất hiện trước đoàn người trong hải hành thứ hai. Người Anh-điêng ấn một chiếc đĩa nặng lên lông mày còn mềm mại của trẻ sơ sinh để tạo nên hình dáng mà họ mong muốn, như ông ta viết: “Họ có cái đầu dẹt và gương mặt xăm trổ, dáng người thấp; họ thường có rất ít râu ria, có đôi chân đẹp và da dày. Phụ nữ có bộ ngực khá tròn và săn chắc và hình dáng đẹp”. Họ chải chuốt cẩn thận, cạo và làm mềm da bằng những cây sậy được mài sắc, “họ dùng tay nhổ lông mũi”.

Ông ta quan sát chế độ ăn uống của họ với sự kinh ngạc. “Họ ăn mọi loài vật hoang dã và có độc chẳng hạn như những loài bò sát nặng khoảng 15 tới 20 pound, và khi họ gặp những con to nhất thì họ lại bị chúng ăn thịt.” Ông ta đã nếm thử một món và thấy nó “rất ngon”. Nhưng thịt chó thì hoàn toàn “không ngon lắm”, “rắn, thần lẫn, nhện” cũng vậy, mà ông ta cho là chúng to như con gà. Người Anh-điêng còn ăn cả “côn trùng độc sống nơi đầm lầy và nặng từ 1 tới 1,5 pound”. Những con đó ông ta không thể nuốt nổi.

Họ hành động theo bản năng, hay đối với Cuneo thì có vẻ là như vậy. Họ sống không thò (“Chúng tôi không thấy một người đàn ông

nào mà theo đánh giá là ngoài 50 tuổi”), họ ngủ “chủ yếu trên nền đất như mấy con thú”, họ để cho phụ nữ làm phần lớn công việc, và họ dùng chất nhuộm màu bôi lên cơ thể để xua đuổi những con muỗi “gây khó chịu vô cùng”. (Ngược lại, người châu Âu không tìm được bất cứ cách nào tốt hơn ngoài việc ngâm mình trong nước.) Người Anh-điêng ăn khi đói, quan hệ tình dục khi thấy phù hợp, nhưng họ “không ham muốn quá độ”, mà ông ta coi nguyên nhân là do chế độ ăn không đầy đủ của họ. “Theo những gì chúng tôi thấy trên mọi hòn đảo mà chúng tôi đã đến, cả hai tộc người Ấn Độ” – tức là gồm cả người Taíno – “và người Carib phần lớn đều là kê gianⁱ mà không hề biết (tôi tin vậy) mình đang làm vậy là đúng hay sai”.

Cuneo lạnh lùng ghi lại cách đối xử dã man của người Tây Ban Nha với người Anh-điêng trên con thuyền khi họ phải chiến đấu chống lại bên có lợi thế vượt trội. “Một người Carib bị giáo đâm đến mức chúng tôi nghĩ anh ta đã chết”, ông ta nói về cuộc đối đầu, “nhưng ngay lập tức chúng tôi thấy anh ta bơi đi”. Người Tây Ban Nha nhanh chóng bắt được anh ta và lôi lên tàu, “ở đó chúng tôi dùng một chiếc rìu chặt đầu anh ta”. Họ bắt những người Carib khác làm tù nhân, và lên kế hoạch gửi tất cả bọn họ về Tây Ban Nha, nhưng Cuneo thỉnh thoảng nhớ lại một ngoại lệ đặc biệt khó quên khác. Cuneo khoe khoang rằng, “trong lúc tôi đang ở trên tàu, tôi bắt được một phụ nữ rất đẹp mà sau đó ngài Đô đốc đã ban cho tôi. Khi tôi mang cô ta về buồng của mình, cô ta vẫn trần truồng như tập tục của họ. Tôi tràn đầy một ham muốn mãnh liệt với cô ta và đã cố gắng để thỏa mãn ham muốn của mình. Cô ta không muốn, và cô ta dùng móng tay cào tôi đến mức tôi ước gì mình đã không bắt đầu. Tôi lấy một đoạn dây và trói cô ta thật chặt, và cô ta gào lên đến nỗi bạn không thể tin vào tai mình. Cuối cùng chúng

i. Hình thức giao hợp qua đường hậu môn hoặc miệng, giữa đàn ông với nhau, hoặc giữa người với động vật. (BT)

tôi giảng hòa, tôi đảm bảo là bạn sẽ nghĩ rằng cô ta đã được dạy dỗ trong một trường dành cho gái điếm”.

Châu Âu đã bắt đầu cưỡng hiếp Tân Thế giới như thế.

Nếu Ferdinand và Isabella biết về những sự phóng túng như vậy, thủ phạm sẽ phải trả giá đắt. Còn nếu Columbus biết về hành vi hồ thẹn của đồng đội mình, ông sẽ giữ điều đó cho riêng mình, và Cuneo thì hiểu được chỉ nên tiết lộ những mô tả trên giấy tờ về cuộc sống hằng ngày trong chuyến hải hành thứ hai của Columbus cho một người bạn đáng tin cậy.

Gonzalo Fernández de Oviedo, một nhà tự nhiên học kiêm học giả, thích nhấn mạnh về sự trung thành và nhạy cảm của phụ nữ Taíno. “Họ rất thích người Tây Ban Nha và coi việc được người đó yêu là một vinh dự lớn. Nhiều phụ nữ này, sau khi đã ăn nằm với người Ki-tô giáo, sẽ trung thành với họ trừ phi khi họ đi quá xa và ở lại nơi đó quá lâu, vì họ không muốn trở thành góa phụ hay nữ tu để bảo vệ phẩm tiết của mình.” Đối với nhiều người, phẩm tiết không phải là thứ quan trọng hàng đầu trong suy nghĩ của họ, và việc mang thai sau đó là khó tránh, nên họ dùng một phương thuốc cho việc này. “Nhiều phụ nữ Anh-điêng ăn một loại cỏ để tránh thai”, ông ta viết. “Họ nói rằng phụ nữ nhiều tuổi là những người cần phải mang thai. Phụ nữ trẻ thì không muốn từ bỏ lạc thú, hay có thai, bởi mang thai khiến ngực của họ nhẽo ra. Họ có những bộ ngực rất đẹp và rất tự hào về chúng.” Nếu một phụ nữ Anh-điêng trẻ cuối cùng cũng sinh con, Fernández de Oviedo viết, “thì cô ta ra sông tắm, và ngay lập tức máu và dịch ngừng chảy, và cô ta nghỉ ngơi trong vòng vài ngày. Bộ phận sinh dục của phụ nữ Anh-điêng sau đó co lại, vì vậy đàn ông có quan hệ tình dục với họ nói rằng nó chặt đến mức đàn ông có thể bị đau mới thỏa mãn được dục vọng của mình. Những người chưa sinh con thì gần như giống gái trinh”. Khá thích ứng và linh hoạt, hành vi này rất khác biệt với tập tục truyền thống của Tây Ban Nha và Ki-tô giáo vốn coi trọng trinh tiết,

ghê tởm việc phá thai, và thường đè nén nhục cảm cố hữu của phụ nữ nhân danh phẩm tiết.



Đàn ông Anh-điêng chú trọng việc thể hiện tính dục táo bạo. Các tộc trưởng “đeo vào bộ phận sinh dục nam của mình một chiếc ống bằng vàng, còn những nam giới khác thì đeo một chiếc vỏ ốc. Phần còn lại của cơ thể được để trần truồng, bởi người Ấn Độ không cảm thấy cơ thể con người là thứ gì đó phải xấu hổ” – Fernández de Oviedo viết với sự tán thưởng – “và ở nhiều nơi cả đàn ông lẫn đàn bà đều không che bộ phận sinh dục của họ hay mặc bất cứ thứ gì trên bất cứ phần nào của cơ thể”. Những mô tả đầy xáo trộn kiểu này gây nên một ấn tượng sâu

sắc đối với người châu Âu về những người Anh-điêng mà Columbus viếng thăm, hết như những báo cáo đáng báo động về tục ăn thịt người và tên tẩm độc.

Theo mô tả của Chanca, cuộc chiến giữa người Tây Ban Nha và người Anh-điêng xuất phát không phải từ sự khiêu khích như Cuneo hàm ý, mà là từ một tình huống ngẫu nhiên: sự xuất hiện đầy bất ngờ của một chiếc thuyền độc mộc với hai người đàn ông và một cậu bé, bị kinh ngạc trước cảnh một đội tàu khổng lồ của người Tây Ban Nha đến mức “họ đứng im cả tiếng liền”. Người Tây Ban Nha trên mấy con tàu tiến đến gần và từ từ bao vây họ. “Trong lúc họ vẫn đang ngơ ngác và cố để hiểu tất cả những điều này là gì, họ không nhận ra là mình không thể chạy thoát được.” Cuối cùng, khi họ cố bỏ trốn, “người từ tàu của chúng tôi tóm lấy họ rất nhanh”.

Chanca có cảm tình với nhóm nhỏ người Anh-điêng này, về số lượng thì họ ít hơn nhiều so với 25 người Tây Ban Nha đã bắt họ. Những người Anh-điêng bị bao vây “dùng hai mũi tên đâm vào ngực và một mũi tên khác đâm vào sườn của một người, nếu như không phải vì họ đang mang những tấm khiên hay các tấm gỗ, cùng với việc đung độ với con tàu đã bắt giữ thuyền độc mộc của mình, hẳn họ sẽ dùng các mũi tên đâm phần lớn chúng tôi”. Họ tiếp tục chiến đấu kể cả sau khi chiếc thuyền đã bị giữ. Nè tránh những mũi tên tẩm độc, người Tây Ban Nha làm bị thương và bắt được một chiến binh duy nhất, mang anh ta về đội tàu, ở đó anh ta đã chết vì những vết thương.

Trong lần thám hiểm thứ nhất, cái tin rằng người Carib hung dữ giống lời đồn thổi hơn là sự thật. Giờ đây Chanca quan sát họ ở khoảng cách gần, họ có “mái tóc rất dài” và “hàng ngàn hình trang trí khác nhau trên mặt, những dấu chữ thập và các biểu tượng trang trí khác nhau theo cách mỗi người họ thấy thích nhất”. Vài người Carib bị người Tây Ban Nha bắt được có “đôi mắt và cặp lông mày

được sơn vẽ rất kỳ cục, đối với tôi, có vẻ như họ chủ ý làm thế để trông hung dữ hơn”. Trên thực tế, họ rất đáng sợ. Người Tây Ban Nha bắt được những kẻ tấn công người Anh-điêng chỉ để thấy rằng đàn ông này đã bị thiến: một tục lệ theo đúng tiêu chuẩn đối với người Carib, những người tìm cách cải thiện mùi vị của nạn nhân trước khi ăn thịt họ.

Columbus đi theo hướng tây bắc, sự vội vã cấp thiết ở ông cứ tăng lên qua mỗi hải lý và vì hình ảnh về sự dã man của người Carib, Chanca nói rằng, “[Columbus] mong muốn đem lại sự giúp đỡ cho những người của chúng ta mà đã bị bỏ lại trên đảo Hispaniola”.

Lướt trên mặt biển xanh màu cô-ban, vượt khỏi tầm mắt dõi theo từ đất liền, đội tàu được hộ tống bởi những chiếc bóng màu đen gây guộc đang lao xuống của loài chim chiến. Chanca mô tả chính xác những sinh vật giống loài bồ nông này là “loài chim biển ăn thịt sống, không ngừng bay hay ngủ trên mặt nước”. Hai ngày sau, người trên tàu nhìn thấy đất liền, có lẽ là quần đảo Virgin; họ câu được cá bơn, cá mòi, cá trích và cả cá ngựa; họ đi ngang qua bờ biển phía nam của Puerto Rico, nhìn thấy một tháp canh của người Anh-điêng “có thể chứa được 10 hoặc 12 người”; và vào thứ Sáu, ngày 22 tháng 11, họ quan sát và đợi chờ khi cuối cùng một bờ biển phía bắc của Hispaniola vô cùng chắc chắn, thơm ngát, và bí hiểm cũng lọt vào tầm nhìn.

Đây là chuyến viếng thăm Ấn Độ lần đầu của Chanca, và kích cỡ của Hispaniola khiến ông ta choáng váng. Ông ta thấy “một vùng đất rất lớn, lớn đến mức những ai từng thấy bờ biển của nó đều tuyên bố có thể dài 200 hải lý”. Ông ta đã quen với vùng nông thôn rộng rãi của Tây Ban Nha với mặt đất khô nẻ, và vào tháng 11 là một Seville nắng nhưng lạnh lẽo.

Ở đây, tại Hispaniola, sự dồi dào của hệ thực vật kỳ lạ khiến ông ta bối rối. “Một vùng đất rất lạ lùng”, ông ta nhận xét, “với nhiều con

sông rộng, những dãy núi lớn, những thung lũng rộng không có cây và những đỉnh núi cao. Tôi ngờ rằng cây cỏ quanh năm không bị khô héo. Tôi không nghĩ ở lục địa này có mùa đông, vì vào Giáng sinh ở đây vẫn có thể thấy nhiều tổ chim, một số tổ có chim, một số khác có trứng”. Những con chim này khiến ông ta bối rối. Về ngoài của chúng là kết quả của một sự tiến hóa riêng biệt, như thể chúng là sản phẩm của những sức mạnh mà Chanca hay bất cứ ai ở thời đại đó đều không biết. Chưa có một cách phân loại phù hợp về hệ động vật xung quanh ông ta – bởi đó là một công việc ghê gớm – ông ta lưỡng lự khi nhắc đến “vài con chó nhiều màu sắc” và một “loài động vật có lông giống như thỏ... với đuôi dài, chân trước và sau giống như chân của loài chuột, và nó biết trèo cây. Nhiều người từng ăn nó thì nói rằng thịt của nó thực sự ngon”. Ở những thời điểm như vậy, có vẻ như ông ta ở trong một thế giới tương tự với thế giới của châu Âu, nhưng lại khác biệt một cách tinh tế và kỳ bí, giống như một ngoại ngữ mà ông ta chỉ có thể giải đoán phần nào. Chẳng hạn như những sinh vật mà ông ta coi là rắn khiến ông ta bối rối, rồi tuyên bố là người Anh-điêng “rất thích chúng, giống như chúng ta thích gà lôi ở nước mình. Chúng có hình dáng khác nhau nhưng về kích cỡ thì giống như con thằn lằn của chúng ta”, ngoài ra là một loài gậy tò mò mà ông ta đánh giá là nó to như một con bê “và có hình dáng của một cây thương”. Con vật khiến người Tây Ban Nha ghét cay ghét đắng, song “nhiều nỗ lực giết nó đã bị cản trở bởi rừng cây rậm rạp nơi nó có thể trốn ven biển và không bao giờ bị bắt”.

Vào cuối tháng 11 năm 1493, đội tàu dừng lại ở cảng Monte Cristi, trên bờ phía bắc không hề mền khách nay là Cộng hòa Dominica, “để nghiên cứu hình dạng lãnh thổ”, theo lời của Chanca, “vì Đô đốc nghĩ nơi mà ông ấy để lại người của mình không thích hợp cho việc định cư”. Với nhận thức muộn màng, Columbus nhận thấy sự lựa chọn vội vã của ông về địa điểm trong hải hành thứ nhất đã không

lưu ý đến các vấn đề cơ bản như nguồn nước, thức ăn, và lại khá gần với người Carib hung dữ. Ông kết luận là mình cần biết về vùng đất – và những mối nguy hiểm của nó một cách cặn kẽ hơn. Và ông sẽ sớm tìm hiểu ra.

Một nhóm thăm dò tình cờ gặp “hai người đàn ông đã chết gần con sông, một người có dây quấn quanh cổ và người kia thì bị trói chân”. Chanca viết, hôm sau nhóm thăm dò phát hiện “thêm hai người đàn ông đã chết, một người nằm trong tư thế để lộ ra là anh ta có râu dài”. Họ là ai? Với sự điềm tĩnh chuyên nghiệp, vị bác sĩ quan sát thấy “một số người trong chúng tôi có cảm giác tiêu cực hơn là tích cực, và đúng là như vậy, vì không người Ấn Độ nào lại có râu”. Columbus không có gì để nói về đề tài mà có lẽ chỉ mang lại nỗi sợ cho người của mình. Họ ở cách pháo đài khoảng 36 dặm.

Hai ngày sau, vào ngày 28 tháng 11, Columbus khởi hành đến La Navidad, dự định gặp Guacanagarí, vị đứng đầu mà ông đã giao phó việc bảo vệ tính mạng của 39 người Tây Ban Nha từ hải hành thứ nhất. Trên đường đi, tàu của Đô đốc bị mắc cạn, trong một sự tái diễn kỳ cục giống với tai nạn hồi Giáng sinh lần trước, khi tàu *Santa María* va phải một doi cát, nhưng lần này tàu chỉ huy của Columbus đã thoát ra được và đến nơi sau nửa đêm. “Chúng tôi không dám tiến vào cảng gần bờ biển cho đến tận sáng hôm sau, khi có thể biết rõ về độ sâu và nơi có thể đi qua an toàn”, ông nhớ lại. Họ vẫn còn cách mục tiêu 3 dặm vào lúc một chiếc thuyền độc mộc chở năm hay sáu người Anh-điêng đuổi theo, nhưng Columbus không định dừng lại chờ họ.

Ông bắn hai phát súng báo hiệu sự trở lại của mình. Những tiếng súng vọng lại và tắt dần, Columbus chờ đợi những người Ki-tô giáo ở nơi đồn trú đáp lại trong hoan hỉ. Nhưng chỉ có sự im lặng khiến mỗi phút trôi qua càng trở nên sầu thảm, “vì họ ngờ rằng những đồng đội mà họ để lại ở đây đã hoàn toàn bị xóa sổ”, như Guillermo Coma nhớ lại. Thậm

chí Chanca vốn vô tư cũng thừa nhận có “nhiều mối lo” trong số thành viên thủy thủ đoàn. “Sự buồn bã vô hạn bao trùm tất cả”, ông ta thở dài. Khi người Tây Ban Nha lên bờ, họ không thấy có lửa cũng như nơi ở.

Bốn hay năm tiếng sau, một chiếc thuyền tiến đến gần một trong những chiếc tàu buồm; những người Anh-điêng ra hiệu rằng họ tìm Columbus và lên tàu. Một người Anh-điêng xưng là anh em họ của Guacanagarí, và nhằm lợi dụng niềm say mê với vàng của Columbus, ông ta đã tặng Đô đốc món quà là “những chiếc mặt nạ bằng vàng”. Tiếp theo đó là hàng giờ trò chuyện, và đến khi Mặt trời ở sau lưng họ, từ Columbus toát ra “sự thỏa mãn hết sức”. Sau cùng, có lẽ những người Kitô giáo vẫn được an toàn. Người tự xưng là anh em họ của Guacanagarí trấn an Đô đốc rằng thực ra họ vẫn an toàn, trừ mấy người chết vì bệnh tật, và số ít chết “vì những cuộc cãi lộn”. Thế còn bản thân Guacanagarí thì đâu rồi? Người Anh-điêng “anh em họ” cho biết Guacanagarí đang bận chăm sóc một vết thương ở chân, nhưng hôm sau anh ta sẽ đến. Đã xảy ra rắc rối, người Anh-điêng nọ giải thích, có hai thủ lĩnh khác là Caonabó và Marieni đã tấn công và đốt ngôi làng của Guacanagarí.

Những người Anh-điêng quay về thuyền mình, hứa rằng hôm sau sẽ trở lại cùng với Guacanagarí, “họ để chúng tôi lại với lo lắng giảm nhẹ hơn trong đêm đó”, Chanca nhớ lại. Khi trời sáng, có thể thấy ngôi làng “đã bị đốt trụi và mọi cửa của cải cũng bị cháy và tiêu hủy trừ vài mẫu vải và quần áo mà người Ấn Độ đã đem vứt vào trong các ngôi nhà. Tất cả những người Ấn Độ ở đó trông đều có vẻ rất khả nghi, họ không dám đến gần chúng tôi và thực tế đã chạy trốn trước hết... Dù thế chúng tôi vẫn cố lấy lòng họ bằng cách đưa ra những thứ như mấy quả chuông và vài hạt ngọc trai nhỏ”.

Columbus lên bờ để tìm hiểu pháo đài châu Âu đầu tiên ở Ấn Độ đã bị tàn phá thế nào, và ngay giây phút ông đặt chân lên nền đất xa lạ đầm máu và hình dung về những gì mà người của mình phải chịu đựng, cảm giác về sứ mệnh của ông đã vĩnh viễn thay đổi. Ông “cảm

thấy vô cùng đau khổ khi nhìn thấy đồng đồ nát của các ngôi nhà và pháo đài”, Ferdinand con trai ông nói. “Các ngôi nhà chẳng còn lại gì ngoài vài chiếc hòm bị đập nát và những thứ vỡ vụn khác như thường thấy ở một vùng đất bị tàn phá và cướp bóc.” Ông ra lệnh dọn sạch chiếc giếng của pháo đài và tìm vàng ở gần đó, nhưng chẳng tìm thấy vàng, còn chiếc giếng thì cạn khô.

Đi ngược con sông để tìm ai đó có thể giải thích về chuyện gì đã xảy ra, Columbus tìm thấy các thi thể của 10 người Tây Ban Nha, “bị biến dạng khủng khiếp và đã phân hủy, dính đầy đất và máu, bị đổi màu gớm ghiếc”, Coma nhớ lại. “Họ nằm ở ngoài trời một cách trơ trọi, bị lãng quên và không được mai táng đã gần ba tháng.” Đô đốc và người của ông cầu nguyện cho linh hồn họ, và chuẩn bị nghi lễ chôn cất theo kiểu Ki-tô giáo. Columbus suy tư, “tôi cảm thấy vô cùng đau đớn, và dù tôi hiểu chuyện đó xảy ra vì lỗi của chính họ, nhưng thật tệ khi đứng trước một việc như vậy, đối với tôi đó là một sự trừng phạt lớn hơn những gì mà người thân của họ phải trải qua, bởi tôi mong muốn họ giành được vinh quang vĩ đại với ít hiểm nguy”. Và ông tin họ sẽ được như vậy, “nếu họ hành động theo những chỉ dẫn của tôi”. Những chỉ dẫn ấy rất rõ ràng: “Trên tất cả, họ không được đụng vào những người phụ nữ thuộc về những người anh em của họ cũng như phụ nữ của người Ấn Độ”. Thay vào đó, những người Tây Ban Nha bắt cần “đã nuông chiều bản thân trong chuyện ăn uống và lạc thú với đàn bà, và thế là họ đã tàn phá và tiêu diệt chính mình”.



Không lâu sau đó, trên boong tàu, người Anh-điêng thông báo cho người Tây Ban Nha rằng tất cả những người ở La Navidad đều đã chết. Columbus muốn biết ai đã giết họ?

Viên phó của Guacanagarí trả lời rằng Thủ lĩnh Caonabó và Thủ lĩnh Marieni chịu trách nhiệm về việc đốt cháy pháo đài và làm bị

thương những người Anh-điêng đứng về phía người Tây Ban Nha. Trên thực tế, anh ta muốn trốn về với Guacanagarí và đi cùng người này tới gặp Columbus. Những người Tây Ban Nha quân trí đã để ông ta đi: lại thêm một sai lầm khác. “Chúng tôi chờ họ cả ngày, và khi chúng tôi nhận ra rằng họ không quay lại” thì ngờ rằng những người Anh-điêng bị say do uống rượu được mời trên tàu, nên khi trèo lên chiếc thuyền chòng chành họ đã làm nó bị lật, và chết đuối.

Không đời nào có chuyện ý Chúa lại có thể bị ngăn trở theo cách nhân tâm như vậy được. *Fortaleza* – pháo đài đóng vai trò trụ cột chính trong công cuộc thuộc địa của Columbus bị phá hủy đã đặt đội tàu và toàn bộ 1.500 người trên đó vào tình thế nguy hiểm. Columbus đã tin rằng có những sức mạnh thần thánh được kết hợp lại để hỗ trợ ông trong sứ mệnh của mình. Tại sao mà sự ân sủng thiêng liêng lại biến thành nổi tức giận của Chúa?

Columbus ra lệnh tìm kiếm kỹ càng nơi bị tàn phá ấy và không quên tìm cả những nơi giấu vàng. Họ đến một làng nhỏ có bảy hay tám túp lều bị cư dân bỏ lại khi người dân nghe thấy tiếng người châu Âu đang tới gần, “sau khi đã mang theo những gì họ có thể và để lại những thứ khác được giấu trong cỏ”. Trong mấy túp lều có các món từng thuộc về những người đồn trú ở La Navidad, “đặc biệt là một chiếc áo khoác lịch lãm tới mức không thể giải thích nổi tại sao lại nó lại được mang đến từ Castile”. Những chiếc quần của người Tây Ban Nha được tìm thấy, một mẫu vải, và thậm chí “một chiếc neo từ con tàu” – *Santa María* – “mà Đô đốc đã để bị đắm mất trong chuyến thám hiểm lần trước”. Tất cả những vật này khiến người Tây Ban Nha lo lắng, đặc biệt là một chiếc giỏ nhỏ được bên khéo léo mà bên trong đựng một chiếc đầu lâu. “Chúng tôi đoán đó là đầu lâu của một ông bố, một bà mẹ, hay của một người rất thân thiết, chỉ biết sau đó còn tìm được nhiều đầu lâu được bảo quản theo cách tương tự.”

Lựa chọn khó hiểu của người Anh-điêng về địa điểm khiến người Tây Ban Nha kinh ngạc như điều gì đó vô cùng kỳ dị. “Những con người này hoang dã đến nỗi họ chọn nơi ở khá vô lý”, Chanca viết với vẻ bức tức, “thật kỳ lạ khi thấy những người sống ven biển xây nhà đơn sơ đến thế nào, tất cả đều bị rong rêu và sự ẩm ướt tấn công khiến tôi kinh ngạc về việc làm sao họ có thể sống sót ở đó được”. Nhưng rong rêu và sự ẩm ướt cùng với những con côn trùng, rắn độc, và cơn sốt sẽ tạo nên môi trường của người Tây Ban Nha chừng nào họ còn ở lại trên mấy hòn đảo này.

Đội tìm kiếm nhỏ của Columbus đến được một ngôi làng của người Anh-điêng, nhận được món vàng cống nộp nhằm trấn an, và biết thêm về việc Caonabó và Marieni giết người Ki-tô giáo. Chanca kể lại “những dấu hiệu về các cuộc cãi nhau trong người Ki-tô giáo, vì vài người trong số họ chiếm ba người phụ nữ, những người khác thì chiếm bốn người”. Câu chuyện có thể chỉ được bịa ra để biện minh cho sự giết chóc. Bề ngoài thì người Tây Ban Nha chấp nhận nó. “Do đó, chúng tôi tin rằng nỗi bất hạnh của họ là do lòng đố kỵ”, Ferdinand nói với sự cam chịu. Anh ta cho biết cha mình đã nghe được một câu chuyện mách lẻo tương tự từ mấy người Anh-điêng “có thể nói vài từ trong tiếng Tây Ban Nha và biết tên tất cả những người Ki-tô giáo bị bỏ lại” ở pháo đài. “Người Ấn Độ nói rằng không lâu sau khi Đô đốc rời đi, họ bắt đầu cãi nhau, mỗi người đều cố gắng chiếm được nhiều phụ nữ và vàng nhất có thể.”

Như các mẫu chuyện được Ferdinand chấp nối lại, cơn giận dữ của Caonabó lên đến một đỉnh điểm kinh khủng. “Đến thị trấn vào ban đêm, Caonabó châm lửa đốt những ngôi nhà nơi người Ki-tô giáo đang sống cùng các phụ nữ của họ, khiến họ hoảng sợ chạy trốn về phía biển, nơi tám người trong số họ đã chết đuối, ba người khác mà người Ấn Độ không thể nhận ra là ai thì bị giết trên bờ.” Nếu như có yếu tố nào đó bù đắp cho câu chuyện rùng rợn này, thì đó là việc Guacanagarí

đứng về phía người Ki-tô giáo và bị thương trong lúc đánh nhau với Caonabó, như Guacanagarí đã tuyên bố với Columbus.

Nếu đúng là thế, thì cuối cùng Đô đốc đã có một đồng minh trong số những người Anh-điêng. “Tôi tin rằng Guacanagarí thật sự không phải chịu trách nhiệm cho cái chết của người của chúng ta.” “Ngược lại, tôi còn mang nợ anh ta.” Tâm trí Columbus vẫn chao đảo, và ông kết luận rằng người Anh-điêng quá nhút nhát nên không phải họ đã giết mấy người Tây Ban Nha khinh suất: “Điều này cũng trùng với nghi ngờ của tôi rằng tai họa có thể đã xảy ra từ sự cãi vã nội bộ”.

Sáng hôm sau, ngày 7 tháng 12, Columbus cử một chiếc tàu buồm đi tìm vị trí thích hợp để xây dựng một thành phố mới. Một nhóm khác, trong đó có Chanca, cũng ra đi với mục đích tương tự. Cuối cùng họ đến một “cảng rất an toàn” phù hợp cho việc định cư, ngày nay có lẽ là Cap Haitien, trên bờ biển phía bắc của Haiti. Họ muốn biến bến cảng hấp dẫn này thành nơi dựng trại tiếp theo, nhưng Columbus quyết định rằng nơi đó quá xa các mỏ vàng mà ông mong đợi sẽ tìm thấy.

Nhóm thăm dò cũng tìm được Guacanagarí, mà theo cách diễn tả thận trọng của Chanca là đang nằm trong “ổ rơm của mình với bộ dạng của người bị thương”. Hết sức nghi ngờ vị thủ lĩnh, người của Columbus tra hỏi anh ta về vụ thảm sát ở La Navidad, và Guacanagarí lặp lại câu chuyện rằng đó là do bàn tay của Caonabó và Marieni, họ cũng làm anh ta bị thương ở chân. Anh ta bỏ băng ra, tạm thời thuyết phục được người Tây Ban Nha đang hoài nghi, và chiếm được tình bạn bằng cách tặng cho mỗi vị khách “một món nữ trang bằng vàng” – vàng được chế tác tinh xảo mà họ “đeo vào tai và mũi... không phải để thể hiện sự giàu có, mà để trông đẹp hơn”.

Hôm sau, Guacanagarí cử người em đến mời Đô đốc tới chơi. “Đô đốc lên bờ cùng với phần lớn những người đứng đầu ăn mặc đẹp

đến mức họ sẽ được khen ngợi kể cả ở nơi thành phố lớn”, theo lời Chanca. Columbus lưu ý mang theo một số đồ trang sức nhỏ để đáp lại số vàng mà ông và người của mình đã nhận được. Họ tìm thấy Guacanagarí đang tựa trên chiếc võng của mình một cách vương giả, bên cạnh có vợ và 12 thị nữ – tất cả đều trần truồng, hoặc gần như vậy – những người khác như bạn bè, người bảo vệ thì ngồi bệt trên đất đây chăm chú: đây là triều đình của người Anh-điêng. Họ chuẩn bị rất cẩn thận để đón khách.

“Anh ta không đứng dậy”, Chanca nói về vị thủ lĩnh Anh-điêng cáo già. “Anh ta chào chúng tôi với cử chỉ lịch thiệp đẹp đẽ nhất mà anh ta có thể, và thể hiện tình cảm sâu sắc đến mức rơi nước mắt vì cái chết của người Ki-tô giáo, và bắt đầu nói về chuyện đó, nói một cách khôn khéo nhất rằng vài người chết vì bệnh tật, một số thì sang lãnh địa của Caonabó để tìm mỏ vàng trong thành phố và bị giết ở đó, trong khi những người còn lại thì bị bắt và bị giết trong trại của mình.” Như thể mong muốn bị kịch trôi qua, hay để đền bù cho những sinh mạng đã mất, Guacanagarí tặng thêm quà cáp cho Columbus – vàng, luôn là vàng – cùng những chiếc thắt lưng và mũ được trang trí bởi đá quý loại vừa phải. Những món đồ trang sức long lanh, lấp lánh, cùng chiếc mũ miện cứng cáp và đáng kể trong đôi tay anh ta, mang lại ảo ảnh về quyền lực và ưu thế đối với người nhận đang tỏ ra cảm kích và kinh ngạc. Rồi Guacanagarí lại tặng thêm quà là “800 hạt đá đỏ, xanh, trắng loại nhỏ cùng 100 hạt vàng, một chiếc vương miện vương giả bằng vàng, và ba quả bầu nhỏ chứa đầy hạt vàng”, Ferdinand, con trai Columbus, kể lại.

Lúc ấy, Đô đốc tỏ ra sững sờ và hãnh diện thay vì nghĩ đến việc trả thù cho những người của mình đã chết, và có vẻ rất muốn hợp tác với vị chủ nhà. Ánh vàng lấp lánh đã đẩy sinh mạng của những người đã chết ở La Navidad, mà hầu như chưa được tiếc thương và gần như vô danh, vào bóng tối của sự lãng quên. Một người lãnh đạo mà coi trọng

vàng hơn cả sự an toàn của người dưới quyền, ắt hẳn sẽ sẵn sàng lập nên chiến tích lớn với cái giá cũng đắt.

Columbus đề nghị Guacanagarí để Chanca, bác sĩ của đội tàu, và bác sĩ phẫu thuật, cùng có mặt ở đó để khám cho anh ta. Chanca bước lên và ra dấu là ông ta cần xem xét vết thương của vị thủ lĩnh dưới ánh sáng ban ngày vì trong lều quá tối. Vị thủ lĩnh bị thương đồng ý, dựa vào vai Chanca khập khiễng đi ra. “Sau đó anh ta ngồi xuống, bác sĩ phẫu thuật đến bên anh ta và bắt đầu tháo băng.” Guacanagarí giải thích rằng vết thương bị một vũ khí làm từ đá gây ra. “Khi chân được tháo băng, chúng tôi xúm lại để khám. Rõ ràng anh ta không cảm thấy chân đó bị đau hơn chân còn lại, mặc dù anh ta đã khôn ngoan cố tỏ ra nó làm mình rất đau đớn.” Columbus và những người đi cùng bắt đầu nghi ngờ rằng người của mình bị chết không phải do họ bất cẩn, hay bệnh tật, hay thậm chí chết đói (một trường hợp khó lòng xảy ra trên mảnh đất màu mỡ này), mà là bị người Anh-điêng giết, từng người một cho đến hết. Tuy nhiên, ông quyết định rằng cách tốt nhất là vờ như ông vẫn tin vào câu chuyện không chắc thực hư của vị thủ lĩnh, và mời anh ta lên boong tàu ăn tối vào hôm đó.

Guacanagarí tiếp nhận mọi sự quan tâm mà anh ta mong muốn. “Khi anh ta đến chỗ con tàu của Đô đốc”, Guillermo Coma nói, “anh ta được chào đón với nghi thức trang trọng, bằng tiếng trống, tiếng gõ chũm chọe, và những phát súng tóe lửa từ khẩu thần công trên tàu”. Anh ta ngồi xuống chỗ của mình trên boong tàu, trước một chiếc bàn “chất đầy” những bánh ngọt, mứt, và đồ ăn ngon lành từ kho thực phẩm của Castile. Trong lúc các thành viên khác của đoàn Anh-điêng “kinh ngạc nhìn tất cả những thứ này”, Guacanagarí “giữ vẻ đúng mực và nghiêm nghị theo nghi lễ, xứng đáng với địa vị của mình”, và còn được nhấn mạnh hơn qua việc anh ta tặng những món quà là vàng cho phía chủ nhà đây biết ơn. Ảo tưởng về phẩm giá tan biến khi anh ta

phát hiện ra các phụ nữ Anh-điêng ở trên tàu. “Quay sang cánh phụ nữ được cứu khỏi bọn ăn thịt người, anh ta nhìn chăm chăm và đẩy ranh mãnh vào một người trong số họ, được chúng tôi gọi là Catalina”, Peter Martyr kể lại. Guacanagarí lẽ ra đã tiếp tục với sự tán tỉnh, nhưng rồi lại kinh ngạc trước mấy con vật kỳ lạ – lũ ngựa mà người Tây Ban Nha mang theo. “Chúng đeo những chiếc hàm thiếc được chạm trổ, những tấm phủ lưng màu sắc sỡ, và những tấm đai bóng loáng”, theo lời của Coma. “Về bề ngoài ghê gớm của chúng đã khiến những người Anh-điêng sợ hãi, vì họ ngờ rằng lũ ngựa ấy ăn thịt người.”

Columbus sử dụng những người phiên dịch Anh-điêng, đã sống sót kỳ diệu trong thời gian ở Tây Ban Nha sau hải hành thứ nhất và rồi trở về quê hương của họ, để giải thích các kế hoạch xây dựng một nơi định cư khác, lần này là trên lãnh thổ của Guacanagarí. Vị thủ lĩnh tuyên bố chào đón việc sắp xếp đó, “mặc dù nơi này không tốt cho sức khỏe, rất ẩm ướt”. Sau đó Columbus làm vị thủ lĩnh giật mình với cuộc đối thoại chân thành về Ki-tô giáo. Trong quá khứ, vị thủ lĩnh Anh-điêng này là người đa nghi, nhưng giờ đây anh ta “đồng ý đeo lên cổ mình một tấm hình Đức Mẹ Đồng Trinh bằng bạc, điều mà lúc trước anh ta đã từng từ chối”.

Với Guacanagarí trên con tàu, Peter Martyr viết, “có những người khuyên Đô đốc giữ Guacanagarí lại để có thể trừng trị anh ta nếu họ tìm hiểu được rằng người của mình bị trừng phạt theo lệnh của anh ta. Nhưng nhận thấy đây không phải là lúc để chọc tức anh ta, nên Đô đốc bèn để anh ta đi”. Đây là một quyết định mà sau này Columbus sẽ hối hận.

Hôm sau, người em của vị thủ lĩnh trở lại, mang theo vàng, luôn là vàng, và đi cùng là những phụ nữ đến từ Boriquén, hay Puerto Rico. Nếu người Tây Ban Nha cho rằng phụ nữ là để dành cho họ, họ đã nhầm vì người Anh-điêng này hăm hiếp phụ nữ “dưới danh nghĩa cá

nhân và dưới cả danh nghĩa người anh làm vua”, Peter Martyr nói. Sau cảnh này, người Tây Ban Nha, và có vẻ là cả người Anh-điêng, kiệt sức lăn ra ngủ trên tàu, lúc đó những người phụ nữ liền nhảy xuống nước và trốn vào đất liền. Khi người Tây Ban Nha nhận ra tình huống thì đã muộn, những phụ nữ “đã cách xa đến mức tàu của chúng tôi chỉ có thể bắt lại được bốn người trong số đó... khi họ đã nhảy xuống biển và trốn thoát lên bờ”. Peter Martyr mô tả việc họ lao đi tìm tự do theo cách nói đầy thông cảm. “Catalina, cùng với bảy phụ nữ khác, dựa vào sức mạnh của đôi tay, bơi khoảng ba dặm trên mặt biển không hề êm ả, thực tế đó là khoảng cách từ chỗ đội tàu đến bờ.” Thủy thủ Tây Ban Nha đuổi theo bằng thuyền nhỏ, chỉ bắt được ba người nhưng không có Catalina, người dẫn đầu, mà họ tin là đã trốn thoát được về với Guacanagarí.

Khi trời sáng, Columbus phần nộ yêu cầu họ quay lại, và cử một nhóm đi tìm kiếm, nhóm này phát hiện ra rằng chính Guacanagarí cũng đã bỏ trốn cùng với những người phụ nữ và toàn bộ tài sản của anh ta. Columbus giao cho một cấp dưới dẫn một đoàn gồm mấy trăm người Tây Ban Nha đi tìm người Anh-điêng đã bỏ trốn này, rồi chỉ biết lang thang vào “mấy hẻm núi quanh co, với hai bên là đồi dốc”. Họ thấy một chiếc lều khá to ở phía xa, và nghĩ rằng có thể Guacanagarí trốn trong đó nên họ bèn đến gần. Họ đối mặt với một người Anh-điêng có một “chiếc trán đầy nếp nhăn và lông mày rậm, bên cạnh là cả trăm người đàn ông... trang bị cung tên, giáo mác được sơn vẽ và những chiếc cọc”. Họ chạy về phía người Tây Ban Nha “với một cái nhìn đe dọa, hét lên họ là người Taíno, nghĩa là ‘những người cao quý’, không phải kẻ ăn thịt người”. Mặc dù không tránh khỏi bạo lực, song “những người cao quý” không thích đánh nhau mấy, và nhóm thủy thủ cùng thở hắt ra nhẹ nhõm, đưa ra “dấu hiệu hòa bình”, và rồi người Anh-điêng “hạ vũ khí xuống và bớt đi vẻ hung tợn”. Người Tây Ban Nha kết thân bằng cách đưa ra những chiếc chuông nhỏ mà người Anh-điêng quý như đồng. Cho dù đã giải hòa ở nơi hoang vu, nhưng người Anh-điêng

không hề biết Guacanagari đang ở đâu, và người Tây Ban Nha trở về tàu của mình, suy ngẫm về những cung cách bí hiểm của người Anh-điêng.

Đô đốc dẫn đội tàu đi về phía đông và neo lại gần Monte Cristi, trên bờ biển phía tây bắc của Cộng hòa Dominica. Cát từ những bờ dốc đứng tràn đầy lên những cây cỏ bị đổ rạp dưới sức mạnh của gió kết hợp với mưa, tạo nên những lớp phủ trải dài ra tới vùng nước biển màu xanh ngọc, làm lộ ra từng con cá, tôm cua, và đá ngầm dưới mặt nước trong như pha lê. Từ vị trí thuận lợi này, nơi này có vẻ là vùng đất rộng mở và vẫy gọi nhất, nhưng Columbus, vốn đang lo lắng về đám cây cối khó lòng vượt qua được của hòn đảo – Ferdinand viết về “hoa và tổ chim, một số có trứng và một số là chim non mới ra ràng, cùng những thứ khác phù hợp với mùa hè”, mặc dù theo lịch thì giờ là tháng 12 – lại cho rằng vị trí này quá chán đối với việc xây một pháo đài hay kể cả việc cập bờ tạm thời.

Đội tàu đi được rất ngắn vì bị ngược chiều với gió mậu dịch thổi đều đặn. “Thời tiết đối nghịch đến mức chúng tôi còn gặp nhiều rắc rối hơn khi chỉ đi 30 hải lý ngược chiều gió so với cả đoạn đường từ Castile”, Chanca kêu ca. Phải mất tới 25 ngày để vượt qua khoảng cách đó.

Cuối cùng thì Columbus cũng bắt gặp một nơi định cư của người Anh-điêng sau đám cây cối gần bờ. “Một nơi thích hợp để xây pháo đài”, theo lời Ferdinand, vì nó có một vùng đồng bằng, một hẻm núi, và những vách đá dốc xuống bờ nước. “Vùng đồng bằng có những khu đất tuyệt vời hơn hẳn bất cứ nơi nào ở Castile”, Columbus khoe trong lá thư gửi các vị Quân chủ của mình. “Nó được che phủ hoàn toàn bởi đồng cỏ mọc cao xanh tốt hơn cả một cánh đồng đại mạch ở Tây Ban Nha lúc được mùa.” Ông đánh giá rằng vùng đồng bằng, được biết đến với cái tên là Vega Real, “có đủ chỗ cho khoảng 20.000 dân để trồng lúa gạo và rau trái và xây dựng nhà cửa”. Ở đây,

ông cho toàn bộ thủy thủ đoàn bốc dỡ lên bờ, cùng thực phẩm, và những thiết bị cần thiết cho việc định cư, với ý định thay thế ký ức ảm đạm về tiền đồn nhỏ xíu từng được xây dựng trong hải hành thứ nhất. Columbus và người của mình “tin rằng đó là nơi tuyệt vời để xây dựng một thị trấn vì nó có cảng lớn, dù trống trải về phía tây bắc, và một con sông đáng yêu rộng cỡ một tấm tên bắn”. Nó nằm ở mũi đất do phù sa bồi đắp, lọt giữa đại dương vỗ về và dãy núi nhẹ nhàng vươn cao, được ngăn bởi một con sông lớn đổ vào vịnh, và được tô điểm bởi những vùng đầm phá.

Sự nhẹ nhõm được nguy trang dưới sự hồ hởi tiếp tục diễn ra sau đó. “Khí hậu có vẻ thuận hòa đến khó tin”, ông vui mừng, “thật là ngọt ngào và nhẹ nhõm; cây cối, núi, và cỏ, tất cả đều nở hoa và tươi mát như Andalusia vào tháng 4 hay tháng 5.” Thậm chí thiên nhiên hoang dã cũng đồng thuận với cái nhìn của ông: “Lũ chim sẻ và các loài chim khác thật rộn ràng, chim sơn ca lúc nào cũng hót”. Tổ chim ở khắp nơi, “những đám vịt con ở khắp chốn, còn trên sông là những con ngỗng, nhiều hơn ở bất cứ nơi nào, và tất cả các loài chim đều rất to: bồ câu, diệc, và hàng chục ngàn loài khác” – gà gô, bồ câu, và những loài mà ông không biết tên. “Vẹt thì nhiều vô vàn” và những tiếng kêu của chúng thì không dứt bao giờ.

Những viễn cảnh về hàng hải khiến ông phấn chấn. “Hơn hai hải lý về phía tây của thành phố” – điều mà vào thời điểm đó mới chỉ tồn tại trong đầu Columbus – “vùng đất này tạo nên một bãi tắm tuyệt vời, ở đầu kia của nó là một trong những cảng tốt nhất trên thế giới, đủ lớn để chứa được tất cả những con tàu hiện nay”. Nó cho phép nhìn bao quát đại dương, cho nên bất cứ con tàu nào đến gần đều có thể bị nhìn thấy và nhận ra ở khoảng cách an toàn. Đất đai màu mỡ và có màu đỏ, không khí thì đầy phấn hoa. Những cây phượng vươn cành hoa đỏ rực, trong khi dưới gốc cây, cỏ màu xanh ngọc dường như tỏa sáng. Đối với một con mắt lạ lẫm, địa điểm này xem ra lý tưởng để thật sự làm nơi

định cư đầu tiên của người Tây Ban Nha trên đất Ấn Độ, nhưng vẻ đẹp của nơi này tỏ ra là dối lừa. Có vẻ như tương đối dễ để khám phá ra Ấn Độ, nhưng để định cư thì khó hơn – trên thực tế là không thể.

Sâu hơn nữa vào trong đất liền, một vùng đồng bằng trù phú và thanh bình đã mời gọi, mê hoặc Columbus. Theo người Anh-điêng, địa điểm này nằm gần những mỏ vàng. Ông hài lòng khi thấy mỏ đá vôi, mà với thói quen cường điệu của mình, ông tuyên bố là thậm chí tốt hơn “loại đá dùng để xây nhà thờ Santa María ở Seville”, và một “con sông hùng vĩ, đẹp hơn sông Guadalquivir”. Có lẽ trong tâm trí Columbus định nói đến sông Ozama, cái tên mang nguồn gốc Taíno. Trên thực tế, dòng sông dài chưa đến 100 dặm, không đáng để so với con sông rộng và hùng vĩ Guadalquivir dài thứ hai trên toàn Tây Ban Nha, nhưng giống như Guadalquivir, nó sâu và rộng đủ để chứa các con tàu Tây Ban Nha, chảy vào Đại Tây Dương.

Ông đặt tên cho thị trấn là La Isabela, theo tên của Nữ hoàng đã ban tính chính danh cho những nỗ lực của ông. Guillermo Coma đoán rằng “vượt xa mọi địa điểm khác về vị trí chiến lược và khí hậu ôn hòa, trong vòng vài năm nữa [nó] sẽ rất đông dân, được những người định cư mới lui tới hay đến ở”. Và ông ta bổ sung với những lý lẽ ít mang tính biện minh hơn, “nó sẽ cạnh tranh với bất kỳ thành phố nào của Tây Ban Nha khi những tòa nhà của nó được hoàn thiện và những bức tường vươn lên hoành tráng. Họ đã xây xong nhà cửa, và đang xây những bức tường bảo vệ, tô điểm cho thành phố và mang lại nơi trú ẩn an toàn cho cư dân”. Ông ta mô tả một “con phố rộng” sẽ phân chia thành phố, được đan chéo nhau bởi nhiều con phố khác, với một pháo đài mọc trên bãi biển.

Ông ta miên man với tham vọng ngông cuồng của mình dành cho nơi định cư bé nhỏ. “Nơi ở của Đô đốc được gọi là hoàng cung, vì một lúc nào đó trong tương lai, nếu Chúa, Đấng sáng tạo và ban phát ân sủng bất tận, cho phép điều đó, thì các vị Quân chủ có thể rời Cadiz

đến viếng thăm vùng đất được ưu đãi này và ngắm nhìn những hòn đảo chiếm được ở nơi rất xa quê hương.” Họ sẽ dong buồm theo dòng Ozama để khẳng định quyền sở hữu đối với những vùng đất mới mà Columbus khám phá ra. Khi đến đó, họ sẽ thấy ở giữa những thứ khác là “một nhà thờ nguy nga... đầy những món đồ được Nữ hoàng Isabella gửi đến từ Tây Ban Nha để thờ phụng Chúa”. Mặc dù viễn cảnh về việc các vị Quân chủ Công giáo đi lễ nhà thờ trên những vùng đất mới này có vẻ cường điệu, nhưng Columbus báo cáo rằng Ki-tô giáo đang bắt rễ. Ông nói, người Anh-điêng nhìn nhận đạo này với sự tận tâm và kính trọng khi họ quỳ xuống trong chiêm nghiệm. Đó là một ý tưởng đẹp đẽ, vô cùng phù hợp để truyền bá.

Theo tinh thần này, Coma tin rằng La Isabela không chỉ là một điểm giao thương thay thế tạm thời hay một pháo đài có lỗ châu mai, mà còn là biểu hiện ban đầu của một nền văn minh mới, được tiếp nhận từ Tây Ban Nha. Ông ta nuôi dưỡng một niềm tin đầy say sưa nhưng không thực tế, rằng La Isabela và các thành phố khác giống nó chẳng mấy chốc sẽ cạnh tranh với các đô thị của Tây Ban Nha. Nếu Coma thể hiện một cảm giác tương tự với những người cùng đi với Columbus, thì những lời của ông ta đã cho thấy một sự thay đổi quan trọng về cơ sở của chuyến đi: Columbus không còn tìm kiếm Ấn Độ cổ đại nữa. Ông đã tìm được những nguyên liệu thô, nhân công, và nền móng cho một lãnh địa hoàn toàn mới và bất ngờ, một nơi rõ ràng là to hơn và tốt đẹp hơn Tây Ban Nha ở chỗ nó vẫn còn thuần chất hơn, và chỉ cách quần đảo Canary hơn ba tuần đi đường (khi thời tiết cho phép). Thậm chí Las Casas, người vốn rất nhanh chóng kết tội Columbus, cũng thừa nhận tầm quan trọng của nơi định cư mới. Ông ta ghi lại: “Khi tôi được chỉ định làm tu viện trưởng của tu viện Dominica ở cảng La Plata, tôi đã nhặt một hòn đá to ở đó [La Isabela]. Và tôi đặt nó xuống làm móng cho tu viện mà tôi bắt đầu xây ở đây. Xin lưu ý rằng, hòn đá này nằm ở góc phía đông của tầng trệt và là viên đá đầu tiên được đặt xuống, ngay

bên cạnh cửa chính và nhà thờ”. Theo cách này, ông ta đã giữ gìn được di sản của Columbus ở Hispaniola.

Nhiệm vụ đầy tham vọng là xây dựng một pháo đài mới đã choán hết tâm trí Columbus, ông quyết tâm rút kinh nghiệm từ vụ La Navidad và xây dựng một nơi trú ẩn an toàn hơn cho người của mình.

Ferdinand nhận xét rằng cha mình trở nên bận rộn đến mức ông không có thời gian viết nhật ký từ ngày 11 tháng 12 năm 1493 cho đến ngày 12 tháng 3 năm sau, khi ông đã bị ốm nặng. “Bỗng dưng đang ngủ thì tôi bị đau toàn bộ người phía bên phải, từ ngón chân cho đến đầu, như thể bị tê liệt, và khiến tôi phải chịu đau đớn không ít”, sau này ông viết lại. “Giờ thì tôi đã khá hơn, và tôi vẫn phải tiếp tục tập trung hết sức có thể với một sự toại nguyện. Kể từ đó, cả ngày lẫn đêm, tôi mặc nhiều quần áo y như khi tôi ở Seville.” Lúc ấy, ông đã chịu đựng thời tiết se lạnh, ẩm đăm mà ông so sánh với một “mùa đông đặc trưng ở Castile”. Ông tỏ ra là đã hồi phục, nhưng những căn bệnh của ông sẽ tái phát, mỗi lần lại càng nghiêm trọng hơn.

Thô sơ, chưa hoàn thiện và thiếu vệ sinh, La Isabela được chính thức thành lập vào giữa những ngày quan trọng nhất trong lịch Ki-tô giáo, ngày 6 tháng 1 năm 1494, lễ Hiển linhⁱ, nghĩa là Chúa hiển linh dưới hình hài con người: Jesus Christ. Một tá tu sĩ đã khánh thành nơi định cư trong một nhà thờ tạm trên mảnh đất. Đây là Thánh lễ đầu tiên được tổ chức ở Tân Thế giới, nhưng dưới áp lực của các sự kiện, chẳng có thời gian để suy ngẫm về cái mốc này.

Hai phụ tá là Alonso de Ojeda và Ginés de Gorbalan ngay lập tức khởi hành từ La Isabela đến khu mỏ của vùng Cibao, với khoảng hai tá người do thám Tây Ban Nha và một nhóm người Anh-điêng chỉ đường. Columbus nán lại ở La Isabela để phục hồi sức lực.

i. Nguyên văn: “Feast of the Epiphany”. (BT)

Bão, bùn trượt, và lũ lụt tấn công nhóm của Ojeda; họ tìm nơi trú ẩn trong một ngôi làng Anh-điêng, ở đó Ojeda nghe tin có nhiều lượng vàng ở những ngọn đồi lẫn khuất trong sương mù và mây. Để chứng minh cho lời nói của mình, người Anh-điêng đưa ra ba cục vàng lớn. Ojeda bị kích động trước điều này đến nỗi anh ta quyết định báo cáo với Columbus ngay khi có cơ hội đầu tiên, và đến ngày 20 tháng 1 anh ta quay về La Isabela, đem theo vàng, những món quà, và thêm mấy người hầu Anh-điêng theo sau. Thuộc cấp của anh ta, Gorbalan, đã dành thêm một ngày tìm kiếm thêm những kho vàng, và về đến pháo đài sau đó 24 tiếng. Sức khỏe đã hồi phục, Columbus hân hoan với kết quả và chuẩn bị cho một công cuộc khai thác mỏ ở vùng Cibao để mang về một món hời lớn hơn hẳn, chúng lớn như sự thất vọng của những người trong đội của ông, vốn đang mong mỗi sự thoải mái và an toàn của Tây Ban Nha.

Bệnh tật đã đánh gục họ mà không hề báo trước. Bác sĩ Chanca lúc này phải chữa trị cho khoảng ba đến bốn trăm nhà thám hiểm đổ bệnh, tuy ông đã cẩn thận đến mức thử từng loại cá mới để tránh cho mọi người bị ngộ độc, và chính ông ấy cũng sắp kiệt sức. Ban đầu, Columbus đổ tại khí hậu đã gây ra cơn bùng phát, nhưng khi cân nhắc thêm, ông viết, “tôi cho đó là kết quả của việc quan hệ lãng nhãng với nhiều phụ nữ, vốn rất phổ biến ở đây, cho nên nếu họ thiếu đứng đắn và không kiềm chế thì chẳng có gì lạ khi phải chịu hậu quả”, nghĩa là bệnh giang mai. Căn bệnh có biểu hiện rất đa dạng và thường tự khỏi, đơn giản là chúng biến mất sau khi bùng lên. Columbus quan sát những người mắc bệnh, “Tạ ơn Chúa! Họ đã khỏe lại: căn bệnh lui sau bốn hay năm ngày”. Không phải lúc nào cũng vậy: bệnh giang mai đôi lúc ẩn vào hệ thần kinh hàng năm trời cho tới khi nó phát tác giống như một quả bom sinh học hẹn giờ.

Bệnh giang mai là sự trừng phạt đối với cả hai lục địa, và không có sự thống nhất một cách khoa học về cách thức lây bệnh. Phản ánh quan

niệm thông thường của thời đó, Fernández de Oviedo, nhà tự nhiên học tự đào tạo, đã viết, “bệnh giang mai xuất hiện đầu tiên ở Tây Ban Nha sau khi Đô đốc Christopher Columbus khám phá ra Ấn Độ và trở về nhà. Một số người Ki-tô giáo đi cùng Columbus trong chuyến hải hành thám hiểm”, cách ông ta gọi hải hành thứ nhất, “và một số người trong chuyến đi thứ hai đã mang dịch bệnh này về Tây Ban Nha, và những người khác bị lây từ họ”. Những binh lính Tây Ban Nha mang nó trong người sang Ý trong một chiến dịch quân sự, và “từ đó nó lan ra tất cả các nước Ki-tô giáo, cả những người đàn ông và đàn bà đều đã nhiễm bệnh”. Fernández de Oviedo tin là rất dễ bị lây nhiễm bệnh giang mai, rằng đơn giản ăn chung bát đĩa hay uống chung cốc hay nằm chung ga trải giường cũng có thể bị lây. “Rất ít người Ki-tô giáo có mối liên hệ và ăn nằm với phụ nữ Ấn Độ lại thoát được căn bệnh”, ông ta cảnh báo. “Căn bệnh đáng sợ này đến từ người Ấn Độ”, nơi mà nó “khá phổ biến trong những thổ dân”, nhưng “ở đó nó lại không nguy hiểm như ở châu Âu”. Fernández de Oviedo tin nguyên nhân của sự khác biệt ở đây là người Anh-điêng tự chữa khỏi bệnh giang mai bằng cách uống thứ nước được chiết từ những mảnh vỏ cây hay mảnh gỗ đã đem đun kỹ – không phải bất kỳ cây nào cũng được, mà phải là từ một loại cây cho quả tên là *guayacán* của Hispaniola, hay chính xác hơn, của hòn đảo Beata gần đó. “Đúng là nhiều người đã chữa khỏi được bệnh giang mai theo cách này.”

Để đối phó với vô vàn khó khăn ở những nơi định cư, Columbus quyết định luân chuyển người của mình: một số sẽ trở về Tây Ban Nha, thay thế họ là một nhóm thủy thủ kiêm lính mới sẵn sàng đương đầu với nhiệm vụ khó khăn. Số người trở về có thể khoe khoang về những cục vàng khổng lồ đang chờ được đào lên ở vùng Cibao. Quyết định này sẽ làm thay đổi tính chất của chuyến đi, đập tan nó một lần nữa, và tiếp tục làm suy yếu sự lãnh đạo vốn thiếu kiên định của ông.

Vào ngày 2 tháng 2 năm 1494, Antonio de Torres, mà Ferdinand mô tả là “một người rất hữu ích và có óc suy xét tốt, rất được các vị Quân chủ Công giáo và Đô đốc tin cậy”, đã khởi hành từ La Isabela với một đội tàu lớn – tất cả có 12 chiếc – hướng về Cadiz, Tây Ban Nha. Torres dự kiến cung cấp một báo cáo đầy đủ về chuyến đi tới những người có thẩm quyền, và yêu cầu thêm đồ dự trữ để duy trì sự có mặt của người Tây Ban Nha trên những hòn đảo đã được Columbus khám phá. Ông ta cũng sẽ truyền tải tin tức đau buồn về vụ thảm sát ở La Navidad và viễn cảnh bất định đối với các khu định cư mới.

Về mặt kế hoạch tổng thể, sự hứa hẹn về vàng nặng ký hơn việc tổn thất sinh mạng.

CHƯƠNG 6



CUỘC NỔI LOẠN

Đó là một cảnh tượng đáng kinh ngạc: một gia tài dưới dạng những cục vàng đến thẳng từ Ấn Độ – trị giá 30.000 ducatⁱ. Ferdinand và Isabella nhìn chăm chăm vào một tập hợp những khối không rõ hình thù chứa đựng sức mạnh bí hiểm. Năm giữ và sở hữu chúng nghĩa là cảm nhận sức nặng và sức mạnh của sự giàu có. Món lời lấp lánh này là thứ khích lệ mạnh nhất để các vị Quân chủ tiếp tục hỗ trợ Columbus và sứ mệnh của ông. Bất kể ông có thất bại gì đi nữa, nhưng ông đã giữ lời.

Để mang những cục vàng này từ Ấn Độ về, Antonio de Torres đã lần theo tuyến đường của Columbus và đến được Cadiz trong vòng 25 ngày, vào ngày 7 tháng 3 năm 1494. Ngoài vàng, ông ta còn mang về các mẫu gia vị và 26 người Anh-điêng, trong đó có ba người được cho là những kẻ ăn thịt người. Họ chỉ đơn thuần được coi là vật quý hiếm. Khối gia tài dưới dạng vàng cục mới đem lại sự phấn khích lớn nhất.

Torres cầm theo một lá thư dài và đầy cảm xúc từ Columbus gửi cho các vị Quân chủ, trong đó nhà thám hiểm cố diễn tả theo cách tốt nhất về tình hình rắc rối ở Hispaniola. Ông giải thích rằng lẽ ra ông đã gửi theo đội tàu của Torres nhiều vàng hơn nữa, “nếu phần lớn mọi

i. Đồng tiền xưa ở châu Âu, có thể là đồng vàng hay bạc, được sử dụng từ cuối thời trung cổ cho đến cuối thế kỷ 20.

người ở đây không bất ngờ bị ốm”. Ông đã nghĩ về việc sử dụng một vài người còn khỏe, nhưng ông sợ họ sẽ phải đối mặt với “nhiều khó khăn và nguy hiểm”. Ông sẽ phải đi bộ khá lâu qua vùng đồi núi lởm chởm để đến mỏ “cách đó 23 hoặc 24 hải lý”, thường xuyên “lội qua những con lạch và sông suốt cả quãng đường dài”.

Thật không sáng suốt nếu để những người đang ốm lại một mình và không được bảo vệ trước người Anh-điêng. Kể cả nếu ông có dẫn đầu số còn khỏe tới mỏ vàng, họ cũng sẽ phải đối mặt với “một tộc trưởng tên là Caonabó, người mà ai cũng nhận xét là rất độc ác và thậm chí còn lì lợm hơn”, và có khả năng sẽ gây ra nguy hiểm cho họ. Và nếu họ đến được chỗ mỏ, làm sao mà họ vận chuyển vàng về tàu được? “Hoặc chúng thần sẽ phải mang nó về mỗi ngày một ít và liều mạng với bệnh tật, hoặc chúng thần sẽ phải cử một số người mang nó về, nhưng vẫn có rủi ro mất mát.”

Khẩn cấp gần bằng căn bệnh đang lan tràn là “sự khan hiếm vô cùng những thứ đặc biệt hiệu nghiệm trong việc chiến đấu với bệnh tật – ví dụ như nho khô, đường, hạnh nhân, mật ong, và gạo – là những thứ cần được đưa tới với lượng lớn nhưng chúng thần lại có rất ít”. Và đã được tiêu thụ gần hết, “bao gồm cả thuốc men”. Tình hình của họ xấu đi theo từng ngày trôi qua.

Columbus gửi Torres mang về Tây Ban Nha một số danh sách. Một danh sách đề nghị nhu yếu phẩm cơ bản “cho mọi người”:

Lúa mì

Lúa mạch

Bánh quy

Rượu vang (khoảng 16.000 gallonⁱ)

i. Đơn vị đo lường cổ ở châu Âu, 1 gallon chất lỏng xấp xỉ khoảng 4,55 lit.

Dấm đựng trong thùng
Dầu đựng trong bình
Vài loại đậuⁱ
Đậu gà
Đậu lăng
Thịt lợn xông khói
Thịt bò
Nho khô
Quả vả
Hạnh nhân, hạt dẻ, óc chó
Cá ướp muối (300 thùng)
Hành tây
Tỏi (5.000 xâu)
Đường
Mù tạt
Mật ong (36 gallon)
Mật đường (10 chum)
Các loại hạt
Cừu và dê
Bê (20 con)
Gà (400 con)
Bình bao da đựng rượu
Thùng đựng nước
Sàng, rây, dụng cụ lọc nhỏ

i. Trong giai đoạn này ở châu Âu, một vài loại đậu phổ biến gồm có giống đậu răng ngựa, đậu tằm (fava beans, broad beans), đậu Hà Lan (peas)... cùng với đậu gà và đậu lăng. (BT)

Một danh sách khác đưa ra những yêu cầu “cho Đô đốc và hộ nhà ông”, ngoài những nhu cầu căn bản đã nêu trên, người còn thêm bánh kẹo và các món ngon khác để làm dịu bớt những nỗi khổ cực ở Ấn Độ:

Thanh yên tấm đường (20 quả)

Kẹo (50 pound)

Các loại mứt (12 bình)

Chà là

Mứt mộc qua (12 hộp)

Đường ánh hồng (12 bình)

Đường trắng

Nước ướp hương cam (4 gallon)

Nghệ tây (1 pound)

Gạo (100 pound)

Nho khô từ Almuñécar (trên bờ biển phía nam Tây Ban Nha)

Hạnh nhân

Mật ong ngon (16 thùng)

Dầu tốt

Mỡ lợn tươi (12 gallon)

Đùi lợn muối (100 pound)

Gà con (100 con)

Gà trống lớn (6 con)

Đô đốc còn liệt kê những ưu tiên khác để giảm bớt khó khăn khi ông ở lại trên các hòn đảo: một tấm vải trải bàn dài gần 5m, 22 khăn vải nhỏ, sáu khăn mặt, sáu bộ khăn trải bàn cho người của ông, dao kéo bằng thiếc, hai cốc bạc, hai bình có tay cầm, một lọ rắc muối, 12 thìa, hai cặp chân nến đồng, sáu bình đựng nước bằng đồng, bốn

chậu, hai vạc nấu, bốn chảo rán, hai nồi hầm, hai nồi đồng có nắp đậy, một cối giã bằng đồng, hai thìa sắt, bàn nạo, hai đĩa, một rây, một chậu to, nển to và nển thuôn dài, và “một chiếc lò để nướng cá”. Ông không giải thích những món đồ này sẽ giúp cải đạo người Anh-điêng, định vị Đại Hãn, hay tìm ra vàng như thế nào, nhưng ông đưa ra một đề nghị liên quan đến những kẻ ăn thịt người trên đảo. Ông giục các vị Quân chủ cân nhắc việc “đưa một số người trong họ đến Castile... vì cuối cùng thì họ sẽ bỏ tục ăn thịt người dã man. Và ở Castile, khi hiểu được ngôn ngữ, họ có thể sớm được nhận lễ rửa tội và cứu rỗi linh hồn mình”. Người Taíno, những người mà Columbus dựa dẫm vào, sẽ “ghi nhận công trạng của chúng ta khi thấy chúng ta bắt làm tù binh những kẻ đã hành hạ họ, mà chỉ nhắc đến tên cũng khiến họ run rẩy sợ hãi”. Ông đề xuất việc đều đặn vận chuyển những kẻ ăn thịt người giữa các hòn đảo và Tây Ban Nha. “Càng đem về bên đó nhiều người càng tốt.”

Nhưng các vị Quân chủ lại nhận thấy những rủi ro trong việc đưa người Anh-điêng đến Tây Ban Nha, nên đã hồi âm bên lề lá thư: “Người phải nói với Đô đốc điều gì đã xảy ra với những kẻ ăn thịt người được đưa đến đây”. Viễn cảnh về những chiếc tàu buồm chở đầy kẻ ăn thịt người đang chết dần chen chúc nơi các vũng tàu ở Seville không hợp ý với Ferdinand và Isabella; họ muốn là Columbus “bận rộn ở đó, và nếu có thể, làm sao để bọn họ quy phục đức tin Ki-tô giáo thiêng liêng của chúng ta, và tương tự, cố gắng để điều đó xảy ra với mọi cư dân trên đảo của họ”. Nói cách khác, tốt hơn cả là Columbus cải đạo người Anh-điêng tại chính nơi họ sống.

Như thể việc đi biển, thám hiểm, bảo dưỡng những con tàu, tìm vàng, và cải đạo là chưa đủ để chiếm hết đầu óc ông, vị Đô đốc Đại dương còn bận tâm tới vấn đề tài chính nhạy cảm. Ông tin rằng phần lớn những người tham gia vào hải hành thứ hai, như Ojeda, Chanca, và một số người khác đều xứng đáng được thừa nhận bằng cách trả

công cao hơn cũng như có được mật ong ngon và dầu tốt và đường ánh hồng.

Ông thể hiện sự oán giận “những kỵ sĩ nọ” đã thay lũ ngựa kém chất lượng vào phút cuối (“tệ đến mức thậm chí con tốt nhất trong đó cũng không đáng giá 200 maravedí”). Đô đốc tuyên bố, “Những trò đánh tráo này được thực hiện với dã tâm rất lớn”, và ông mô tả về kế hoạch lừa dối do một số người trên các tàu của ông gây ra. “Những kỵ sĩ này, ngoài lương, còn được trả các chi phí cho chuyến đi, kể cả chi phí cho ngựa của họ, và giờ đây vẫn được trả, mặc dù họ là kiểu người mà khi *cảm thấy* không khỏe lắm hoặc *cảm thấy* không thích làm gì đó, thì tuyên bố rằng không được dùng ngựa của họ mà không có họ. Và bên cạnh đó, họ nghĩ rằng họ không phải làm gì ngoài việc trên lưng ngựa.” Các vị Quân chủ ra sắc lệnh là cần có những kỵ sĩ ở đó, nhưng yêu cầu họ giao ngựa bất cứ khi nào “Đô đốc ra lệnh như vậy”.

Còn đối với những kẻ tình nguyện ngỗ ngược thích làm theo ý mình, Columbus đề nghị toàn bộ 200 người họ được nhận lương như một cách điều chỉnh hành vi. (Các vị Quân chủ đồng tình với điểm này.) Và trong lúc ông nói về điểm này, ông yêu cầu những thứ thiết yếu như quần áo, giày, những con la, súng hỏa mai, và cung tên để bổ sung vào kho dự trữ đã cạn của đội tàu.



Giữa những nỗi khổ cực này, Columbus cử Alonso de Ojeda luôn bốn chôn đi cùng 15 người để tìm các mỏ của vùng Cibao.

Sau nhiều ngày ở nơi hoang dã, Ojeda và người của mình trở về, giải thích rằng sau khi trèo lên một con đèo đầy trắc trở, họ được vị thủ lĩnh của ngôi làng bên cạnh chào đón, và đến được khu đất của Cibao chỉ sau sáu ngày. Khi tới đó, anh ta quan sát thấy người Anh-điêng đã được những cục vàng rơi từ một con suối. Nghe thấy người Anh-điêng nói rằng có nhiều dòng suối chứa vàng cục, Ojeda kết luận rằng khu

vực đó “rất giàu vàng”, một tuyên bố cường điệu xứng với Columbus. Đã khỏi bệnh và “hết sức phấn khích” như con trai ông nói, Columbus quyết định phải đến nhìn tận mắt chỗ vàng.

Trước khi đi, Columbus giao cho người em trai Don Diego đảm bảo an toàn cho La Isabela và trông coi việc xây dựng. Đô đốc ra lệnh cất giữ toàn bộ vũ khí trên tàu chỉ huy trong lúc ông vắng mặt “để không ai có thể sử dụng chúng để nổi loạn, như một số người đã cố gắng làm như vậy khi ông ốm”, con trai ông viết. Có rất nhiều động cơ. Theo Ferdinand, những nhà quý tộc và nhà thám hiểm nghiệp dư khác trong chuyến đi tin rằng “ngay khi đến nơi họ có thể chắt vàng đầy mình và trở về nhà đầy giàu có”, mà không nhận thấy rằng cha mình cũng nhạy cảm với thứ bùa mê bí hiểm từ vàng tỏa ra như bất cứ ai trong đoàn, và ông khuyến khích cái ảo tưởng đó. Đáng buồn thay, “họ không biết rằng có thể sẽ chẳng bao giờ có được vàng nếu không hy sinh thời gian, chịu đựng cực nhọc và thiếu thốn”. Ngay khi đối đầu với thực tế rằng vàng là quý hiếm và khó khai thác, rằng việc vận chuyển nó về Tây Ban Nha sẽ mất thời gian và nguy hiểm, họ nhanh chóng vỡ mộng và oán giận. Và thế là bối cảnh cho cuộc nổi loạn đã được hình thành.

Columbus dọa dẫm các đối thủ tiềm năng – cả người Tây Ban Nha lẫn người Anh-điêng – bằng việc phô trương lực lượng. Dẫn đầu người của mình tiến lên phía trước theo hàng ngũ như quân đội, với những dải băng mang phù hiệu hoàng gia bay loạn lên trong cái nóng ẩm ướt và rừng cây rậm rạp khiến tiếng kèn trumpet như bị nghẹt đi, ông xuất phát từ La Isabela vào thứ Tư, ngày 12 tháng 3, đi cùng là tất cả những người còn khỏe trong đoàn thám hiểm, trừ những ai “cần ở lại để bảo vệ hai con tàu chuyên chở và ba tàu buồm nhỏ còn lại trong đội tàu”, theo lời Ferdinand. Peter Martyr, dẫn nguồn từ Columbus, cho rằng lực lượng bao gồm “tất cả kỵ binh của ông ấy và 400 bộ binh” cùng hướng về vùng Cibao và vàng ở đó.

Được dẫn dắt bởi vị Đô đốc ở trên biển lẫn trên bộ, lực lượng bộ binh bắt đầu chuyển đi qua một vùng có phong cảnh theo lời của Las Casas là “hoàn hảo, yêu kiều, và đẹp để làm sao”; cảnh tượng “tươi mát, xanh, rộng mở đến thế, khá nhiều màu sắc và tất cả thật đẹp để, đến mức ngay khi vừa nhìn thấy nó họ đã cảm thấy như mình vừa bước vào một góc Thiên đường”.

Trong khung cảnh ấy, Columbus báo cáo với Ferdinand và Isabella rằng “*Cibao* là cái tên Anh-điêng, nghĩa là ‘mỏ đá’ trong ngôn ngữ của chúng ta. Đó là một vùng rộng lớn, đất đai gồ ghề, tất cả đều là núi với những đỉnh khá cao, mà phần lớn đều không quá dốc. Ở đó không có cây, nhưng không phải là không có thực vật vì đất đai màu mỡ đến kỳ lạ; cỏ ở đây mọc như rừng, rậm và cao hơn cánh đồng đại mạch vào thời điểm xanh tốt nhất trong năm, sau 40 ngày thì nó mọc cao ngang yên ngựa, thường rậm và xanh nếu không bị đốt. Mặt đất ở bên dưới tất cả những dãy núi và đỉnh núi này đầy các hòn đá to và tròn giống mấy hòn đá trên bờ sông hay bãi biển, hầu hết chúng đều có màu hơi xanh lam”. Dòng nước tinh khiết của Cibao khiến ông hết sức hài lòng; nó “trong lành, ngon ngọt, mát lạnh và không tệ như loại nước đã khiến mọi người bị ốm, nó làm tan sỏi thận, và nhiều người đã được cứu chữa”. Và hay hơn nữa, “mọi dòng suối hay các con lạch lớn nhỏ đều có những hòn vàng, trong nước hay gần đó, chúng lộ ra do nước chảy qua. Thần tin, hay đúng hơn, thần chắc chắn rằng vàng này đến từ các mỏ trên những đỉnh núi và dãy núi, vào mùa mưa dòng nước cuốn chúng chảy vào mấy con suối”.

Cần phải bảo vệ vàng và những người sẽ khai thác chúng. Columbus quyết định đã đến lúc phải thành lập một pháo đài khác ở trung tâm của vùng Cibao. Trên đỉnh đồi, họ dựng lên một khu định cư nhỏ với cái tên Fortaleza đầy đe dọa, tức Pháo đài. Nhưng đó chưa phải là điểm đến cuối cùng của họ. “Sau khi tiến thêm khoảng 72 dặm từ

thành phố vào khu vực có vàng”, Peter Martyr nói, “Columbus quyết định xây dựng một pháo đài trên ngọn đồi cao bên bờ con sông lớn, để từ đó họ có thể dần khám phá một cách an toàn những địa điểm còn ẩn giấu của khu vực. Pháo đài này được ông ấy đặt tên là Santo Tomás”, theo tên của vị thánh tông đồ Thomas, nguyên gốc là “Thomas Đa nghi”, từ chối tin vào Sự phục sinh cho đến khi ông ta cảm nhận được những vết thương của Jesus. Có lẽ tên gọi này là cách để Columbus thách đố mọi kẻ hoài nghi, không tin thung lũng này tạo ra vàng.

Bị thu hút bởi người Tây Ban Nha chăm chỉ, người Anh-điêng bèn tụ tập lại ở vùng Cibao, cố kiếm cho được những chiếc chuông và món đồ trang sức rẻ tiền một cách đầy háo hức cũng như người da trắng tìm vàng. Đô đốc vẫn biết ơn chừng nào người Anh-điêng còn mang vàng đến. Một số cục to đến mức Columbus cho rằng người Anh-điêng đã nấu chảy những miếng vàng nhỏ hơn để tạo thành các cục to. Khi Columbus đang cầm các cục vàng trong tay, thì một người Anh-điêng nhiều tuổi bảo ông rằng còn có những cục khác “to như quả óc chó”, hay thậm chí to hơn. Columbus viết, “Khi tôi nhận hai cục ấy từ người đàn ông nhiều tuổi này, tôi vô cùng sung sướng và ra hiệu rằng chúng rất tốt và cho ông ta một chiếc chuông. Ông ta nhận nó với vẻ hài lòng còn hơn cả khi ai đó được ban cho một thành phố tươi đẹp”. Ông ta nói, hai cục này không là gì “so với những cục khác ở mảnh đất này”. Người đàn ông nhiều tuổi cúi xuống và nhặt lên vài viên đá, tuyên bố rằng ông ta có những cục vàng thậm chí còn to hơn. “Kích cỡ chúng to bằng quả óc chó cho tới quả cam to”, Columbus kinh ngạc tuyên bố. Nhưng mọi việc không hoàn toàn đơn giản như thế.

Tin rằng ông đã sắp tìm thấy những lượng vàng lớn hơn, Đô đốc “cử một quý tộc trẻ cùng vài người lính có vũ khí để thám hiểm khu vực [Cibao]”, Ferdinand viết. Anh ta quay về với những câu chuyện tuyệt vời về “những cục vàng to như đầu người... được tìm thấy trên bờ một con sông”. Thật đáng tò mò, khi mà Columbus không bao giờ

kể tiếp, vì muốn kích thích lòng ham muốn của các vị Quân chủ đối với những cuộc thám hiểm tiếp theo. Ông đã chuẩn bị sẵn các lý do của mình – khoảng cách từ vùng Cibao tới những con tàu quá xa, ông thiếu thiết bị phù hợp để khai thác vàng, vàng vẫn sẽ ở đó khi ông trở lại – nhưng xét về tầm quan trọng vượt trội của vàng đối với Columbus và Tây Ban Nha, giải thích của ông rất đáng ngờ. Ông đã thực sự tìm thấy vàng, nhưng không phải với số lượng khó tin như ông khoe.

Quay về La Isabela vào ngày 1 tháng 4, ngay trước lễ Phục sinh, Columbus phát hiện thấy một nhóm người Tây Ban Nha bất mãn đã tập hợp lại xung quanh nhân vật mà ông ít ngờ tới là Bernal Díaz de Pisa, quản gia của đội tàu. Ở Tây Ban Nha, ông ta là một đốc quân trong hoàng cung. Giờ đây ông ta là một kẻ nổi loạn, và lập tức bị bắt.

Trong khi Díaz de Pisa bị giam trên tàu, lộ ra việc ông ta đã dựng lên một loạt những lời buộc tội đầy xúc phạm chống lại Đô đốc và giấu nó trong một chiếc phao đánh dấu mỏ neo. Thậm chí Bartolomé de Las Casas, vốn thường nghiêm khắc chỉ trích Columbus, cũng thể hiện vẻ kinh ngạc trước sự phản bội của Díaz: “Tôi không thể hình dung bằng cách nào mà Đô đốc có thể thực hiện nổi mọi tội ác và sự bất công được liệt kê trong khoảng thời gian ngắn ngủi hai tháng ông ấy vắng mặt khỏi đây”. Bất kể Columbus được những người khác nói giúp, các lời đồn đại về sự độc ác của ông đối với người của mình vẫn lan truyền đến Castile. “Tôi đã đọc những lá thư ông ấy gửi tới Vua và Nữ hoàng trong đó ông ấy giải thích rằng ông ấy có trách nhiệm tuân theo luật pháp khi thực hiện những sự trừng phạt”, Las Casas viết, “nó là một minh chứng cho thấy ông ấy thực sự có trừng phạt một số người trong họ”, nhưng lần này thì vị giáo sĩ đứng về phía Columbus. Ông ta viết, “Những tên tội phạm luôn đòi hỏi không bị trừng phạt, và luôn tuyên bố rằng những hành động của chúng là có thể biện minh và rằng chính chúng mới là nạn nhân”.

Lúc bấy giờ, đoàn thám hiểm thống nhất lúc đầu đã chia thành ba. Thứ nhất là một nhóm nhỏ người Tây Ban Nha cần cù xây dựng pháo đài La Isabela trên bờ biển phía bắc mà nay là Cộng hòa Dominica. Thứ hai là Columbus và những người trung thành với ông đang tìm kiếm tại những mỏ vàng ở vùng Cibao. Trong quá trình này, họ gặp phải người Anh-điêng không cùng liên minh với Guacanagarí và những kẻ nổi loạn tiềm năng trong số thủy thủ đoàn. Giữa lúc đó, nhóm thứ ba và là nhóm lớn nhất đã quay về Cadiz, dưới sự chỉ huy của Antonio de Torres.

Ở Cadiz, Giambattista Strozzi đã lập bảng hệ động thực vật do đội tàu mang về từ Ấn Độ, bao gồm vàng, gia vị, vẹt, và các loài chim khác. Strozzi cũng phấn khích viết về “nhiều đàn ông da nâu với khuôn mặt rộng giống như người Tartar, tóc dài ngang vai, to cao, nhanh nhẹn và hung dữ, họ ăn thịt người lớn và trẻ em, thiến những người mà họ giữ lại để vỗ béo giống như gà trống thiến, rồi sau đó thì ăn thịt họ. Họ được gọi là những kẻ ăn thịt người”.

Guillermo Coma, nhà quý tộc đi cùng Columbus, nhận xét rằng họ là những người đi biển dày dạn, đi từ đảo này sang đảo khác bằng thuyền “thậm chí xa cả ngàn dặm để cướp bóc”. Và họ dữ tợn. “Họ trao các nữ tù nhân cho những người đàn bà của mình làm nô lệ, hoặc sử dụng nữ tù nhân để thỏa mãn dục vọng. Trẻ con do nữ tù nhân sinh ra bị ăn thịt giống như các tù nhân”. Có thể vì lý do này mà phụ nữ Anh-điêng phải nhanh chóng tự bỏ thai.

Bất kể những hành vi kinh tởm này, Guillermo Coma coi người Carib là “thông minh, sắc sảo, và khôn ngoan”, những đặc tính đem lại cho ông ta hy vọng rằng “họ có thể dễ dàng được hướng dẫn để chấp nhận luật lệ và cách sống của chúng ta, khi họ nhận thấy rằng cách sống của chúng ta nhẹ nhàng hơn và văn minh hơn so với họ. Do đó, hy vọng là sau một thời gian ngắn họ sẽ từ bỏ đặc tính hung dữ như là kết quả của cả sự hướng dẫn từ phía chúng ta và sự đe dọa

đôi khi, rằng nếu không từ bỏ việc ăn thịt người, họ sẽ bị cầm tù và bị xích mang về Tây Ban Nha” – một xã hội “văn minh” với những điều kinh hoàng của chính nó sẽ hủy diệt toàn bộ người Carib trong vòng một vài năm.

Đô đốc đánh dấu ngày kỷ niệm ba tháng kể từ khi đội tàu của ông đến những hòn đảo này trong một đoạn ghi chép ngắn về việc nối lại mối quan hệ đầy căng thẳng với những người Anh-điêng mà họ quan sát được ở cự ly gần. Chanca nói, “Tất cả bọn họ đều trần truồng như khi được sinh ra, chỉ trừ phụ nữ trên đảo này che phần bụng bằng một mẩu vải bông, rong hay lá cây, và quấn quanh hông. Như để tô điểm, cả đàn ông lẫn đàn bà đều tô vẽ cơ thể, một số màu đen, số khác trắng và đỏ, với trí tưởng tượng phong phú đến nỗi người ta thực sự bật cười khi thấy họ; đầu họ được cạo từng mảng với những kiểu khó tả. Tóm lại, tất cả những gì mà ở Tây Ban Nha chúng ta có thể muốn làm trong đầu một người điên thì ở đây... là biểu hiện của sự chăm sóc bản thân một cách tinh tế”.



Đến lúc này, người của Columbus đã cảm thấy đủ an toàn để ngủ trên nền đất khô ráo thay vì ngủ trên những con tàu bị rò nước và chật chội. Mặc dù họ lo ngại về một cuộc thăm sát khác, nhưng mấy lần chạm trán giữa họ với thổ dân tỏ ra khá hòa bình và thậm chí còn vui vẻ. “Chúng tôi nhìn thấy nhiều thứ đáng kinh ngạc: ‘cây cho bông’” – cây bông mọc thành bụi – “và với số lượng rất nhiều, rất tốt, mà những ai biết về điều này đều khẳng định họ có thể làm được loại vải tốt từ bông đó”, Chanca hài lòng nói. Và ông ta tìm được “nhựa mát-tít rất tốt từ cây nhũ hương”, loại nhựa cây mà Columbus đã quen thuộc từ thời ông tập sự ở Aegean.

Về chế độ ăn của người Anh-điêng, vị bác sĩ hài lòng nhận xét “bánh mì được làm từ một loại rễ cây” (sắn), và củ mài, được ông coi

là một nguồn “dinh dưỡng tuyệt vời”. Guillermo Coma say sưa nói về chúng: “Khi ăn sống [củ mài], như trong món xa lát, chúng có vị giống như củ cải; khi nướng lên, giống như hạt dẻ. Khi nấu với thịt lợn, bạn sẽ nghĩ là bạn đang ăn bí đỏ mềm. Bạn sẽ chẳng bao giờ được ăn một thứ gì ngon hơn vậy”. Mặt khác, Michele de Cuneo lại thích vệt. “Thịt chúng có vị giống như chim sáo đá. Có cả bồ câu rừng, một số con có khoảng lông trắng trên đầu là những con ăn rất ngon.” Không phải mọi thứ sinh trưởng trên hòn đảo đều có được tiêu chuẩn ẩm thực cao thế này. Chanca nhận xét rằng người Anh-điêng đều đặn ăn “rắn, rắn lằn, nhện, và giun được tìm thấy khắp nơi”, một chế độ ăn uống gây buồn nôn, điều khiến “những người này giống với động vật hơn, đối với tôi”.

Đến cuối tháng 3, La Isabela chông chênh trên bờ vực sụp đổ. Công việc thể xác nặng nhọc do Columbus đưa ra khiến cánh đàn ông làm việc quá độ và vô kỷ luật bị kiệt sức. Hầu như mọi cư dân của nơi định cư đều ốm nặng và đói. Thực phẩm ít ỏi mà họ có đã bị hỏng trong cái nóng và ẩm. Columbus buộc tội thuyền trưởng các tàu, ông cho rằng họ đã không lưu ý để có biện pháp bảo quản cần thiết. Ông buộc những người sống sót đã bị mất tinh thần – tất cả từ các nhà quý tộc tới người hầu và thậm chí cả giáo sĩ – đều phải làm việc để xây dựng một con kênh và cối xay nước để xay bột lúa mì. Theo chế độ này, các quý ông cũng phải tự nấu nướng, nếu họ có thể tìm ra thứ gì ăn được. Người ốm được nhận một quả trứng và một nồi đậu gà ninh, một khẩu phần đạm bạc được coi là đủ để duy trì năm bệnh nhân. Cái chết săn đuổi mọi người ở khu định cư, kể cả các nhà quý tộc trước kia chưa bao giờ phải đối mặt với thiếu thốn.

Để áp đặt ý chí của mình, Columbus thường xuyên đe dọa dùng vũ lực. Ông trăn trở về việc làm sao để thể hiện những nỗ lực không tên của ông trước triều đình ở Castile, nơi đám quan chức ganh ghét

đang đợi cơ hội làm mất danh dự của ông. Trên tất cả, thành công đối với Columbus có nghĩa là đồng nhất bản thân với ý chí thiêng liêng, nhưng trước mắt ông đang có nguy cơ đánh mất điều đó. Ở triều đình, người ta tin vào những lời buộc tội về sự tàn ác và “lòng căm ghét người Tây Ban Nha” của Columbus, theo lời Las Casas, “những lời buộc tội mà dần khiến ông ấy kiệt sức, đảm bảo ông ấy sẽ không bao giờ biết đến một ngày hạnh phúc trong suốt phần đời còn lại của mình, và gieo những hạt mầm cho sự sụp đổ của ông ấy sau này”.

Columbus và những người ủng hộ ông đang đi đến chỗ chấp nhận phép tính chết người của công cuộc khám phá. Bất chấp các nỗ lực vất vả nhằm gán động cơ và việc làm của ông với quyền lực cao hơn, việc thám hiểm vẫn mang tính cá nhân hoàn toàn, đặc biệt khi Columbus phải đối mặt với bệnh tật, đau khổ, và viễn cảnh về cái chết. Vào những lúc như thế này, ông có vẻ như mua vinh quang bằng sự đau khổ của các thành viên thủy thủ đoàn. Thành công khó tin của hải hành thứ nhất khiến Columbus dũng cảm tin rằng có thể nhanh chóng và dễ dàng thiết lập giao thương với Trung Hoa, nhưng điều đó tỏ ra không còn đúng nữa. Ông nhận thấy việc đến thăm một bến cảng lạ, thả neo, yêu cầu các giáo sĩ trên tàu ban phước cho sự nghiệp của mình, rồi dong buồm đi khi gió và thủy triều cho phép là một chuyện; còn việc thiết lập một khu định cư lâu dài tự cung tự cấp là một chuyện khác: đó là điểm khác biệt giữa việc khám phá ra một đế chế và việc duy trì nó. Việc xây dựng đế chế đòi hỏi một tập hợp kỹ năng sáng tạo và khác biệt, quan trọng như bản năng và khả năng hàng hải mà ông đã mất cả đời mới có được. Nó có nghĩa là phải bổ sung những kỹ năng của người lãnh đạo quân đội, nhà buôn, nhà chính trị, và thậm chí người lãnh đạo tinh thần – tất cả những vai trò mà ông hầu như không có đủ. Dù họ có can ngăn, đe dọa nổi loạn và trả thù trước những tổn thương, nhưng chẳng còn ai giữa hàng trăm người trong chuyến đi thể hiện là có năng lực đối với những đòi hỏi trên hay dám liều đảm nhận chúng.

Nhưng điều tệ hại hơn đang tới.

“Đô đốc ở trên bờ vực của những phiền não và thống khổ”, một người đưa tin từ pháo đài Santo Tomás xuất hiện với tin tức đáng báo động. Người Anh-điêng mà người Tây Ban Nha dựa vào đang rời bỏ nơi ở của họ. Một chiến binh tên là Caonabó thề rằng sẽ giết tất cả người Ki-tô giáo. Tỉnh dậy trong tình trạng mỗi mạt, Columbus lập tức triệu tập 70 người có năng lực hơn cả để bảo vệ pháo đài. Ông cử Alonso de Ojeda đứng đầu một nhóm khác với mệnh lệnh tiến về pháo đài Santo Tomás, nơi sẽ được họ dùng làm bàn đạp để trợ giúp những khu định cư xung quanh “với việc thể hiện sức mạnh và quyền lực của người Ki-tô giáo, điều có thể áp bức người Ấn Độ học được cách vâng lời”.

Tràn đầy năng lượng và phản ứng nhanh, Ojeda khiến Columbus và các phụ tá của ông cảm mến, nhưng quyết định giao trách nhiệm cho con người trẻ tuổi liều lĩnh này sẽ sớm dấy lên nghi ngờ. Las Casas ngưỡng mộ sức thu hút của Ojeda và sai lầm chết người của anh ta. “Dáng người anh ta mảnh khảnh nhưng rất cân đối và duyên dáng, tác phong chuẩn mực, khuôn mặt dễ nhìn và đôi mắt rất to, một trong những người đàn ông nhanh nhẹn nhất”, *historiador* – nhà sử học thở dài. “Tất cả những gì hoàn hảo về cơ thể mà một người đàn ông có thể có dường như tập trung hết vào anh ta.” Ví dụ, “anh ta rất sùng kính Đức Mẹ”, và cho dù thế, “anh ta luôn là người đầu tiên gây đổ máu bất cứ khi nào có đánh nhau hay cãi lộn”. Tính cách nẩy lửa của anh ta chẳng mấy chốc đã gây rắc rối cho Columbus.

Vào ngày 9 tháng 4 năm 1494, Ojeda dẫn đầu 400 người từ La Isabela đi làm nhiệm vụ bình định. May ra thì họ cũng chỉ hiểu biết phần nào về những lãnh thổ Anh-điêng trên đảo Hispaniola, và thường không thể phân biệt nổi bạn hay thù. Đôi lúc, người Anh-điêng là cả hai.

Người Anh-điêng phân chia hòn đảo thành năm lãnh địa. Lãnh địa gần nhất trong tầm tay là Magua, trong đó có La Isabela và Vega Real đầy gợi cảm, do Guarionex cai quản. Về phía tây bắc, Guacanagarí kiểm soát vùng Marien. Ở phía đông, Guayacoa tuyên bố chiếm Higuey, nổi tiếng với những chiến binh hung dữ đủ để chống lại các cuộc tấn công của người Carib. Xaraguá, lãnh địa lớn nhất của hòn đảo, nằm ở phía đông và thuộc về Behechio, người có cô em gái là Anacaona, vợ của Caonabó. Dựa vào sức mạnh của liên minh này, Caonabó tuyên bố sở hữu rừng núi ở trung tâm Hispaniola.

Đối mặt với mạng lưới liên minh Anh-điêng này, lực lượng nhỏ bé của Ojeda gặp phải màn biểu dương lực lượng đáng sợ. Columbus kể lại:

Có hơn 2.000 người Ấn Độ, tất cả đều được trang bị những chiếc lao, họ bắn chúng bằng nỏ nhanh hơn nhiều so với bằng cung, tất cả họ đều sơn người màu đen và các màu khác, với hạt thủy tinh nhiều màu, gương, mặt nạ, trên đầu là gương đồng và vàng, hét lên mấy tiếng rợn người theo thói quen vào các thời điểm nhất định. Một nhóm lên kế hoạch chờ lũ ngựa ở cánh đồng và vật ngã chúng bằng cách nhảy lên lưng... Họ cố gắng thực hiện kế hoạch của mình. Nhưng chính lũ ngựa lại dẫm lên họ khi bị chặn đường, rồi lũ ngựa xông vào và giết họ.

Columbus coi sự kiện bước ngoặt này “là một phép màu có tầm quan trọng không nhỏ, khi mà chỉ vài người Ki-tô giáo lại có thể thoát khỏi nhiều người thể sẽ giết họ”.

Ojeda bắt được ba người Anh-điêng cầm đầu – một thủ lĩnh, em trai và cháu trai ông ta – và xích họ lại để trình lên Columbus đang nóng lòng chờ đợi ở La Isabela. Để bổ sung cho hoạt cảnh, Ojeda ra lệnh cho người của mình dẫn một người Anh-điêng khác vào giữa làng anh ta và “cắt tai anh ta” để trả thù cho việc người Anh-điêng đã không giúp người Tây Ban Nha lợi qua suối. Khi những tù nhân khác đến

La Isabela, Columbus thậm chí còn đi xa hơn: ông ra lệnh “đưa họ ra quảng trường trung tâm và chặt đầu công khai”.

Hành vi của Columbus khiến người Tây Ban Nha lo lắng không kém những nạn nhân của ông. “Tin tức sững sốt ấy giờ đây sẽ lan truyền nơi nơi nghi ngờ về sự vĩ đại và tốt bụng của người Ki-tô giáo!” Las Casas thốt lên, nghĩ về sai lầm chiến lược mà mệnh lệnh của Columbus đã gây ra, cũng như sự phán xét của lịch sử đối với nhà thám hiểm chắc chắn sẽ nặng nề.

Đối với Las Casas, chiến thuật hèn hạ này có nghĩa là người Anh-điêng “có mọi quyền để cân nhắc” việc dùng bạo lực chống lại Ojeda – kẻ đã cắt tai của một người Anh-điêng để gây sốc – “và những người Ki-tô giáo đi cùng anh ta”. Columbus phải biết rõ hơn; ông cần cảnh báo người Anh-điêng rằng ông đang đến, phái người đưa tin tới để “thông báo với mọi vị vua và lãnh chúa về chuyến đi đã định của ông”, để họ biết rằng ông đang đến “vì lợi ích của họ” và hỏi xin phép. Và lẽ ra ông phải gửi “các bằng chứng, rằng ông đã được chỉ thị chính thức như vậy trong những mệnh lệnh bằng văn bản mà Vua và Nữ hoàng gửi cho ông”. Lẽ ra ông cần “thể hiện... mọi phép lịch sự và thực hiện mọi... bước đi, như được mô tả trong những lời rao giảng nhẹ nhàng của Kinh Phúc âm mà ông là người thừa hành và đưa tin về cuốn sách đó để trấn an họ rằng ông đến trong hòa bình và tình yêu và để tránh mọi sự xúc phạm có thể khiến những con người hiền lành ngây thơ bị lo lắng và buồn rầu”.

Quy định ngoại giao mềm mỏng này là rất tốt, nhưng vụ thảm sát ở La Navidad vẫn còn hằn rõ trong tâm trí của Columbus và tất cả các thành viên trong đoàn của ông, mà đối với họ thì thời gian để đưa ra lời mời hay yêu cầu sự cho phép đã qua lâu rồi.

Columbus ở lại La Isabela để lên thêm kế hoạch thám hiểm biển. Nhằm quản lý Hispaniola trong khi ông tìm kiếm lục địa ảo tưởng,

ông chỉ định một hội đồng bao gồm Don Diego em trai mình, Fray Buil, Pedro Fernández Coronel, Alonso Sánchez de Carvajal, và Juan de Luxan, một “quý ông từ Madrid thuộc về gia tộc của các vị Quân chủ Công giáo”. Với hội đồng đã thành lập, cuối cùng thì Columbus đã sẵn sàng khám phá vùng bờ biển Cuba, mà vẫn chưa chắc chắn về việc “đó là một hòn đảo hay một lục địa”. Bản năng mách bảo ông đó là một bán đảo mở rộng về phía đông từ đất liền, nhưng việc ông thám hiểm bờ biển nơi đây và những giải thích do người Anh-điêng đưa ra cho thấy nó thực sự là một đảo lớn. Để kiểm tra giả thuyết này của mình, ông xuất phát từ La Isabela để đến bờ biển Cuba, và khi ông tới đó, ông đã hỏi người Anh-điêng liệu nó là một hòn đảo hay đất liền – họ không hiểu ý ông. Có vẻ là họ quan tâm đến việc ăn uống và phụ nữ của mình hơn là chuyện thám hiểm, kể cả việc giao tiếp với người ngoài. Thậm chí có lẽ họ không biết được sự khác nhau giữa đảo và đất liền. Thế giới của họ chỉ bao gồm những hòn đảo, và họ cho Cuba là một hòn đảo, nhưng là một hòn đảo rất to, cần tới hơn “40 con trăng” để đi thuyền từ đầu này tới đầu kia – hay đó là thời gian cần thiết để đi vòng quanh? Không thể nào giải đoán được ý nghĩa chính xác.

Sự mơ hồ đã giải phóng những ý tưởng địa lý kỳ cục nhất của Columbus. Từ Cuba, ông tin là để đến được Golden Chersoneseⁱ sẽ ngắn thôi, vì bán đảo Malay đã được biết đến từ thời Ptolemy. Trên thực tế, khoảng cách giữa Cuba và bán đảo Malay tới hơn 11.000 dặm, qua các vùng đất và vùng biển. Nhưng trong tâm trí Columbus, ông kéo điểm đến gần lại. “Tôi vẫn đi theo con đường khám phá ấy và đến được đảo Jamaica sau vài ngày với cơn gió thuận, tôi biết ơn Chúa vô hạn vì điều này, và từ đó tôi quay lại hướng về đất liền và đi men bờ biển của nó theo hướng tây trong 70 ngày.” Đến gần nơi mà ông tin là Golden Chersonese, Columbus quay về, “sợ gió sẽ đổi

i. Còn gọi là Golden Peninsula, tên gọi để chỉ bán đảo Malay được các nhà địa lý người Hy Lạp và La Mã sử dụng ở thời cổ đại.

chiều và tình trạng đi biển rất khó khăn mà tôi đang phải trải qua, vì biển thì nông mà tôi lại có những con tàu lớn. Việc đi qua nhiều kênh khá nguy hiểm: nhiều lần tôi phải dừng lại với cả ba con tàu mắc cạn nên không tàu nào giúp được nhau”. Ông đi về hướng bắc tới Cuba, một khoảng cách vài trăm dặm, vì như ông nói, “tôi muốn đảm bảo với chính mình rằng Juana” – cách mà ông gọi Cuba – “không phải là một hòn đảo”.

Bị giam hãm trong sự ngu ngốc về địa lý của mình, Columbus đã bị mất “phần lớn đồ dự trữ do ngấm nước mặn khi các con tàu mắc cạn và có lúc suýt vỡ, nhưng tôi có bên mình những thợ mộc tài ba và mọi dụng cụ để sửa chữa và biến chúng thành như mới nếu cần”. Có thể là ở thời điểm đó – Columbus chỉ viết sơ sài về các chi tiết – rằng đội tàu đi vào một bến cảng đây mời gọi ở Cuba, có đầy đủ thức ăn để mang đi. “Tôi lên bờ và nhìn thấy hơn bốn tạ” – gần 1.000 pound – “cá đang được xiên nướng trên lửa cùng thỏ và hai ‘con rắn’”. Được buộc vào cây, chúng là “cảnh kinh tởm nhất mà người ta đã từng thấy vì tất cả chúng đều bị khâu mồm lại trừ một số con không có răng; chúng đều có màu của gỗ khô và lớp da nhám phủ toàn bộ thân hình, đặc biệt ở vùng quanh đầu vòng qua mắt, mang lại cho chúng một vẻ ngoài khá độc và đáng sợ. Giống như cá, tất cả chúng đều được vảy bao phủ, nhưng là lớp vảy cứng, và dọc theo phần giữa cơ thể, từ đầu tới đuôi, chúng có một số chỗ phồng lên, cao, xấu xí, và sắc như những mũi kim cương”.

Người Taíno gọi mấy con vật đó là *iwana*, và cuối cùng thì thuật ngữ này đi vào tiếng Tây Ban Nha là *iguana*, một loài kỳ nhông có rất nhiều ở khắp vùng Trung và Nam Mỹ. Trước sự kinh ngạc của người Tây Ban Nha, người Anh-điêng coi kỳ nhông là một món đặc sản. “Người của chúng tôi không dám ăn thử chúng”, Peter Martyr viết, “bởi vẻ ngoài đáng kinh tởm của chúng dường như không chỉ gây buồn nôn mà còn rất đáng sợ”. Bartholomew em của Columbus tỏ ra dửng dưng và “quyết định cắn một miếng kỳ nhông” bắt chước em gái một

vị tộc trưởng. Trước sự ngạc nhiên của ông, “một khi vị ngon lành của món thịt bắt đầu chạm đến vòm miệng và họng, anh ta tiếp tục ăn với vẻ dường như thèm khát”. Những người Tây Ban Nha khác làm theo, đầu tiên là ăn từng miếng nhỏ, rồi nhanh chóng “biến thành mấy kẻ háu ăn, chẳng còn nói về điều gì ngoài món đặc sản ấy, tuyên bố rằng tiệc mà có món này thì còn xa xỉ hơn các bữa tiệc của chúng ta với những công, chim trĩ và gà gô”.

Đối với ông, cũng như với những người châu Âu khác, việc ăn kỳ không đã đánh dấu bước tiến tiếp theo trên con đường tiếp cận một nền văn minh mới nửa hoang dã, nửa phức tạp. Bartholomew thích thú với các thú vui trước mắt của Hispaniola mà Columbus theo thói quen lại khinh bỉ. Anh ta thích thú trước những cô gái đồng trinh trần truồng – hay gần như trần truồng – với làn da sáng đến ngạc nhiên. Anh ta và nhóm của mình cố gắng ngủ trên “những chiếc giường treo”, hay vông. Anh ta trở thành một khán giả nhiệt thành của các điệu múa và bài hát Anh-điêng, bao gồm cả buổi trình diễn về cuộc chiến được dàn dựng mà sau đó biến thành trận đánh giáp lá cà làm chết bốn người Anh-điêng.

Sau đó không lâu, chính Bartholomew đánh nhau để khuất phục người Anh-điêng nổi loạn và khiến thủ lĩnh của họ Guarionex đứng về phía người Ki-tô giáo. Anh ta hài lòng nhận thấy rằng Guarionex đã trở thành một người tuyên truyền cho người châu Âu, ca ngợi lòng nhân từ và sự hào phóng của họ. Khi vị thủ lĩnh kết thúc bài nói của mình, các đệ tử nâng ông ta lên vai và trang trọng rước đi vòng quanh. Việc nối lại mối quan hệ hữu nghị chỉ mang lại hòa bình trong vài ngày ngắn ngủi giữa những xung đột căng thẳng của người Tây Ban Nha với người Anh-điêng.

Trong khi đó, Đô đốc thám hiểm dọc theo vài con kênh nổi Hispaniola và Cuba để tìm kiếm lục địa, nhưng chỉ thấy các hòn đảo.

Đến lúc này ông đã đếm được khoảng 700 hòn đảo. Con số ấy có thể bị thổi phồng do ông đi ngang qua cùng một hòn đảo vài lần từ những hướng khác nhau.

Vẫn luôn bị mất phương hướng như vậy, ông thể hiện mong muốn quay về Tây Ban Nha – không phải vượt qua Đại dương, mà là “từ phía đông, theo con đường sông Hằng, vịnh Ả-rập, và Ethiopia”. Columbus là con người của niềm tin cứng nhắc, và theo cách nghĩ của ông, phía đông là phía tây, và phía tây là phía đông.



Thật đáng lo ngại khi những tưởng tượng về địa lý của Columbus lại tìm được một người nghe cởi mở và không có tính phê phán là Peter Martyr, người viết liền một mạch cho Bá tước Giovanni Borremeo rằng “hằng ngày đều có thêm những điều kỳ diệu từ Tân Thế giới” – lại một lần nữa thuật ngữ đó gây tranh cãi – “được báo cáo qua Đô đốc Columbus người Genoa”. Lần này, “ông ấy nói rằng ông ấy đã đi vòng quanh địa cầu xa khỏi Hispaniola hướng về phía tây và ông ấy đã đến được Golden Chersonese, điểm cực xa nhất từng được biết đến của địa cầu về phía đông”. Martyr bị thuyết phục về tầm quan trọng của phát hiện giả mạo này đến mức ông ta lên kế hoạch viết vài cuốn sách về nó.

Điều không thể về mặt địa lý của việc hàng tá tàu buồm Tây Ban Nha đến được những vương quốc nằm giữa châu Á và châu Phi này lại có vẻ hoàn toàn hợp lý đối với một học giả khác là Andrés Bernaldezⁱ, người đưa ra giả thuyết rằng Columbus “có thể theo đường bộ đến Jerusalem và Jaffa, từ đó lên một con tàu băng qua Địa Trung Hải và cuối cùng đến được Cádiz”. Marco Polo đã hoàn thành một chuyến đi tương tự; tại sao Columbus lại không? Đó có thể là con đường nguy hiểm, Bernaldez thừa nhận, “vì tất cả dân chúng từ Ethiopia tới

i. ((?))1450-1513), học giả người Tây Ban Nha, người bạn tâm giao của Columbus.

Jerusalem đều là người Moor”, nhưng Columbus thì “tin chắc” rằng ông có thể đi thẳng đường biển từ Cuba “để tìm kiếm khu vực và thành phố Cathay dưới sự cai quản của Đại Hãn”. Theo tiền lệ, Bernáldez trích dẫn John Mandeville, người đã “đến đó và quan sát và sống một khoảng thời gian nhất định với Đại Hãn”. Trên thực tế, Mandeville đã hấp tấp ráp nối một trò chơi khăm mang đầy tính giải trí qua những mô tả tuyệt vời về một thế giới từ thời xa xưa.

Columbus có thể đã hành động một cách ngu ngốc, nhưng ông không phải kẻ ngốc. Trong đầu ông nắm được phần nào những hàm ý của việc Cuba là một hòn đảo thay vì một phần của lục địa châu Á. Trong trường hợp này, tiền đề địa lý cho những chuyến đi của ông đã sai trầm trọng, ông không hề ở gần Ấn Độ mà đã rơi vào một khu vực không hề dự kiến, chưa được khám phá mà giờ đây chúng ta gọi là vùng Caribbean. Sai lầm ấy – cùng với những khía cạnh về nhận thức, chính trị, và hàng hải của nó – là quá lớn khiến ông khó có thể thú nhận với các vị Quân chủ đầy quyền lực, với người của ông, hay thậm chí với chính mình. Thoải mái hơn biết bao khi nghĩ rằng ông đã nhẹ nhàng vượt đại dương hai lần, đã chứng minh thay vì bác bỏ lý thuyết của mình về việc đến được Ấn Độ. Mặc dù ông hỏi những câu hỏi cần thiết, nhưng các câu trả lời đồng nghĩa với việc ông sẽ phải thừa nhận rằng thế giới rộng lớn hơn rất nhiều so với ông và hầu như tất cả người châu Âu khác ở thời ông vốn tin, nó có một đại dương và một lục địa mà người châu Âu chưa hề biết tới. Những thực tế đó nghe thậm chí có vẻ hoang đường hơn cả tưởng tượng của ông, và ông bèn lùi lại để tránh xa chúng.

Columbus không phải là nhà thám hiểm duy nhất thoáng bắt gặp một sự thật lớn hơn mà trước đó không thể hình dung được, chỉ để rồi lại lui về với sự an toàn của những kiến thức thông thường. Sáu năm trước đó, Bartolomeu Dias đã buộc người của mình phải giữ lời thề khi

ông ta thám hiểm bờ biển châu Phi. Columbus chứng kiến ông ta trở về Lisbon, và hẳn đã biết về thỏa thuận đó, và giờ thì ông dùng nó để bảo vệ sự toàn vẹn của chuyến thám hiểm như vẫn hiểu từ ban đầu. Thế giới là những gì mà Columbus cho là thế.

Để áp đặt quan điểm của mình, ông hướng dẫn cho Fernand Pérez de Luna, viên sĩ quan trên tàu liên quan đến việc xác nhận giấy tờ, lấy lời làm chứng từ mọi người trên những con tàu của đội. Đặt lòng trung thành lên trên sự thật, ai cũng thề rằng Cuba dài hơn bất cứ hòn đảo nào mà họ biết, như vậy nó phải là phần mở rộng của một lục địa. Do đó, không cần phải thám hiểm thêm nữa. Những ai dám phá bỏ lời thề sẽ phải đối mặt với sự trừng phạt: bị phạt 10.000 maravedí và bị cắt lưỡi. Columbus cương quyết về vấn đề này đến mức ông yêu cầu cả các cậu bé tập sự trong thủy thủ đoàn cũng phải ký xác nhận lời thề. Bất cứ cậu nào nói ngược lại sẽ bị phạt 100 roi, một hình phạt có thể gây chết người. Thậm chí chuyên gia bản đồ Juan de la Cosa cũng ký, dù rằng tấm bản đồ năm 1500 của ông ta sẽ cho thấy trên thực tế Cuba là một hòn đảo.

Nếu Columbus hy vọng lời thề sẽ dập tắt tranh cãi về chủ đề Cuba nhạy cảm này, ông sẽ thất vọng. Khi Lucerna – tu viện trưởng đây hiểu biết – đến Hispaniola vài tháng sau đó, ông ta tuyên bố, như mọi người đều đã biết, rằng Cuba “chỉ là một hòn đảo rất lớn, xét theo đặc tính hàng hải thì đa phần chúng ta đều đồng tình”. Columbus đã không thành công trong việc lừa dối bất cứ ai, có lẽ trừ chính mình. Tệ hơn, ông đã gieo rắc sự hoài nghi về việc ông đang thao túng dữ liệu để trợ giúp cho những lời hứa mà ông không thể giữ.

Vào thứ Năm, ngày 24 tháng 4, Columbus “cho ba tàu giương buồm” hướng tới đảo Monte Cristi của Hispaniola. Hôm sau ông tiến vào một cảng gần đó mà ông trông đợi tìm thấy ở đó Guacanagarí, đồng minh Anh-điêng của mình.

Khi ba chiếc tàu buồm màu đen xuất hiện, Guacanagarí, vốn hay thay đổi, đã bỏ trốn, “dù người của anh ta giả vờ là anh ta sẽ sớm trở về”. Columbus chờ đợi, nhưng đến thứ Bảy thì ông nhận ra rằng Guacanagarí nhiều khả năng sẽ không xuất hiện trở lại, và ông ra đi theo hướng tây để đến đảo Tortuga gần đó. Chuyến đi này đồng nghĩa với việc phải chịu đựng những đêm mất ngủ do biển động và bức mình vì thiếu gió. Buổi sáng, ông cho tàu đi theo hướng ngược lại về phía đông, thả neo gần lối vào Río Guadalquivir, như ông gọi nó, “để chờ ngọn gió sẽ cho phép ông đi ngược dòng”. Cuối cùng thì gió cũng nổi lên, và thứ Năm, ngày 29 tháng 4, ba tàu buồm đến được bờ biển phía đông của Cuba, ở đây Columbus định vị được một cái vịnh “có miệng rất sâu và rộng 150 foot”. Ông đặt tên cho nó là Puerto Grande và thả neo. Tối hôm đó ông và người của mình đã ăn món cá nướng vừa bắt được và thử cả mấy con hutiaⁱ (*Isolobodon portoricensis*), loài gặm nhấm mũm mĩm dài hơn 45cm, “thứ mà người Ấn Độ có rất nhiều”.

Đến ngày 1 tháng 5, Columbus dong buồm đi qua những vùng biển đầy rong rêu, “bắt gặp những bến cảng rộng thênh thang, những con sông đáng yêu, và những dãy núi rất cao”, vẫy tay với người dân bản xứ đang tin rằng mấy con tàu màu đen kia là từ trên trời xuống. Những người hảo tâm đưa ra cá và bánh làm từ sắn mà không đòi hỏi thứ gì đáp lại. Như lúc trước, Columbus phân phát mấy chiếc chuông nhỏ và hạt thủy tinh cho những người cung cấp của mình, “mong gửi đến họ niềm vui”. Và cùng với cử chỉ vị tha đó, ông lại tiếp tục nhiệm vụ quan trọng là tìm vàng. Dưới cái nhìn đầy ngưỡng mộ của Ferdinand, việc nhanh chóng rời đi ấy thể hiện quyết tâm của cha mình, nhưng bản thân Columbus thì có quan điểm thực dụng hơn. “Gió đang mạnh và tôi tận dụng nó, vì mọi thứ ở biển chẳng bao giờ chắc chắn, và nhiều lần cả một chuyến đi bị lỡ bởi một ngày duy nhất.”

i. Loài vật sống nhiều ở Cuba, về ngoài giống chuột nhưng to hơn.

Sau hai ngày hai đêm trong “thời tiết tuyệt vời”, Columbus ngắm nghía quang cảnh nội địa hoang sơ của đảo. Qua sự lừa dối của ánh sáng và không gian, khung cảnh dường như trong tầm tay, cứ như ông có thể rướn người và chạm nhẹ được ngón tay vào đỉnh núi. Đó có thể là lý do tại sao Columbus – không phải người mê cái đẹp – lại bị khung cảnh làm cho xúc động. “Đó là thứ đẹp nhất mà đôi mắt từng nhìn thấy”, ông trầm trồ. “Đây không phải là núi, dù đất có vẻ như chạm đến bầu trời, và nó to lớn, rộng hơn Sicily, với chu vi khoảng 800 dặm. Nó vô cùng màu mỡ và đông cư dân, ở cả bờ biển lẫn trong đất liền...”

Lại một lần nữa, ông hướng tới Jamaica, và tiếp tục công cuộc tìm kiếm vàng.

Đội tàu đậu ngoài khơi cho đến hôm sau, khi “Đô đốc dong xuống dọc theo bờ biển để thám hiểm cảng của hòn đảo”. Tất cả đều thanh bình cho tới giây phút “từ bờ biển xuất hiện nhiều thuyền có vũ khí đến nỗi những chiếc xuống nhỏ phải quay về tàu, không phải vì sợ người Ấn Độ đến thế mà để tránh gây hấn với họ”, Ferdinand nói. Để tránh đối đầu, Columbus đi vào một cảng khác, chỉ để nhận ra rằng ông đã đi thẳng vào một trận mai phục. Đúng vậy không? Trên các đảo này, ý muốn đánh nhau, trao đổi, hay đơn giản là gây âm ỉ của người Anh-điêng thường bị lẫn lộn, và Columbus phải đoán về những ý định thực sự của họ. Quan điểm của chính ông cũng mâu thuẫn: trong vòng vài ngày ngắn ngủi ông có khả năng coi người Anh-điêng như những đồng minh chính trị, đối tác thương mại, người để cải đạo, nô lệ, hay kẻ thù đáng sợ. Trong các trang nhật ký và thư từ của ông, họ xuất hiện như những người thông thái hoặc nguyên thủy, lười biếng hoặc có tài xoay xở, tùy theo cách đánh giá và ý nghĩ bất chợt của ông.

Columbus trở về Cuba và tiếp tục đi theo con đường về phía tây, suy ngẫm về một câu hỏi quen thuộc: Cuba có phải là một phần của

đất liền, một giả thuyết trùng hợp với khẳng định của ông rằng ông đã đến được Ấn Độ, hay đó là một hòn đảo? Nếu vậy, ông vẫn chưa đến được Ấn Độ. Giữa cơn mơ màng của ông, “một cơn bão khủng khiếp với sấm chớp nổi lên, bên cạnh đó là vô vàn các bãi cạn và kênh mương, khiến ông gặp nhiều nguy hiểm và khó khăn”.

Trong thời tiết khắc nghiệt, thường thì Columbus sẽ cuốn buồm lại, nhưng đội tàu của ông đang có nguy cơ đâm vào mấy hòn đảo nhỏ, những cái cây vô tri và các bãi biển chỉ lờ mờ qua làn sương mù. Khi thời tiết sáng hơn, những cây cọ và cây bụi tỏa sáng lấp lánh. Columbus gọi các đảo nhỏ là “Queen’s Garden” – Khu vườn của Nữ hoàng – để vinh danh vị Quân chủ của ông. “Càng đi xa, ông càng khám phá thêm nhiều đảo, và có ngày ông đánh dấu tới 164 hòn đảo. Chúa luôn ban cho ông thời tiết thuận lợi để dong buồm đi giữa chúng, và những con tàu chạy xé nước như thể chúng đang bay”, Bernáldez nói.

Trên bờ, họ trầm trồ kinh ngạc trước vẻ trù phú của thiên nhiên hoang dã, “những con sếu có kích cỡ và hình dạng giống như sếu ở Castile, nhưng màu đỏ rực”. Cạnh đó, “họ tìm thấy rùa và nhiều trứng rùa, giống như trứng gà nhưng có vỏ rất cứng”.

Trở về những con tàu của mình, người của Columbus phát hiện thấy cái cách kỳ lạ mà người Anh-điêng dùng để câu cá từ trên thuyền. Ferdinand kể lại, khi họ đến gần, người Anh-điêng “ra hiệu dừng đến gần hơn cho đến khi họ câu được cá”, nghĩa là buộc “mấy sợi dây mỏng mảnh vào đuôi của những con cá nhất định mà chúng ta gọi là *reveso*” – cá ép, hay cá mút – “chúng đuổi theo và ép chặt mình vào những con cá khác”. Cho dù Ferdinand có hào hứng với kỹ thuật này, nhưng các thực dân Tây Ban Nha vẫn không quan tâm tới việc học theo phương pháp câu cá ấy, mà thích dựa vào sự bố thí của người Anh-điêng hơn.

Bờ biển Jamaica hiện ra trong sương, định hình trước mắt Columbus vào ngày 5 tháng 5. Ông đã đến nơi mà ông đặt tên là

Santa Gloria, nay gọi là vịnh St. Ann, một thiên đường vĩnh cửu của bãi cát mịn màng và biển dịu dàng xanh biếc. Ở mỗi hướng, Đô đốc đều thấy “những ngôi làng rất lớn khá gần nhau, cách nhau khoảng bốn hải lý. Họ có nhiều thuyền độc mộc hơn bất cứ nơi nào ở đây, và to nhất chưa từng thấy, tất cả đều được làm từ một thân cây duy nhất”. Những khu định cư này trù phú đến mức “mỗi tộc trưởng đều có một chiếc thuyền lớn mà ông ta lấy đó làm hãnh diện như một quý ông Castile tự hào sở hữu một chiếc tàu to đẹp” – hoàn cảnh mà chính Columbus khao khát. Những chiếc thuyền độc mộc được làm rất đẹp đẽ, ít nhất có một chiếc dài đến kỳ lạ. Columbus đo nó để chắc chắn đôi mắt không đánh lừa ông. Nó “dài 96 foot [với] thanh ngang tới 8 foot”, ông nhận xét với vẻ ngưỡng mộ. Thuyền được làm từ những khúc gỗ mà người thợ thủ công đã khoét rỗng bằng cách đốt trong lòng và sau đó dùng rìu đá sắc nhọn để gọt phần bề mặt đen do bị than hóa. Người Anh-điêng dựa vào mái chèo để đẩy thuyền đi. Họ chưa bao giờ nhìn thấy buồm cho tới khi những con tàu của Columbus xuất hiện nơi chân trời.

Trong khi thăm dò bến cảng một cách cẩn thận, Columbus và người của mình lo lắng trước hình ảnh của 70 chiếc thuyền độc mộc khổng lồ, những mái chèo khua qua mặt biển, những người Anh-điêng hò hét, sẵn sàng tấn công. “Sau khi tôi thả neo, họ liền đến bãi biển đông kín cả mặt đất, tất cả đều bơi vẽ lên người với hàng ngàn màu sắc, chủ yếu là màu nâu, và tất cả họ đều trần truồng; họ mang đủ loại lông trên đầu, ngực và bụng được che bằng lá cọ, họ gào hét hết cỡ và ném lao, dù họ không tấn công chúng tôi.” Columbus giả vờ tỏ ra thờ ơ, bận rộn với việc lấy củi và nước, sửa chữa các con tàu đã bị mòn vẹt, gián tiếp để người Anh-điêng biết rằng những hành động gây gổ của họ sẽ chẳng để làm gì. Chạy trốn sẽ chỉ khuyến khích người Anh-điêng, Columbus tự nhủ, những người thiếu kinh nghiệm đến mức họ sẽ nắm lấy cây kiếm Tây Ban Nha ở đằng lưỡi “mà không nghĩ rằng nó có thể gây thương tích”.

Theo Ferdinand, Columbus quyết định “dọa họ ngay từ đầu” bằng cách cử đi mấy chiếc thuyền nhỏ chở đầy cung thủ, những người đã khiến ít nhất sáu hay bảy người Anh-điêng bị thương theo ước lượng dè dặt. Sự lộn xộn đã được giải quyết trong chốc lát.

Người phiên dịch Anh-điêng của Columbus đi trên một chiếc thuyền dài để vào bờ và tiến hành ngoại giao với cư dân. Anh ta đã làm họ dịu đi và đạt được thỏa thuận, những điểm chính của thỏa thuận nhanh chóng trở nên rõ ràng. “Nhiều chiếc thuyền từ mấy ngôi làng bên cạnh đến đây một cách hòa bình để đổi mọi thứ và đồ dự trữ của họ lấy các món trang sức rẻ tiền của chúng ta”. Columbus thu được tất cả những gì ông muốn, trừ vàng mà ông tin đang chờ được khám phá.

Sau khi đã sửa xong những hư hại của con tàu chỉ huy sau chiến trận, Columbus lên kế hoạch trở về Cuba, và nó đã bị hoãn lại bởi một cuộc đảo ngũ đáng ngạc nhiên. “Một người Ấn Độ trèo lên tàu nói rằng anh ta muốn đi đến Castile”, theo sau anh ta là mấy chiếc thuyền độc mộc chở theo họ hàng và người đi theo, van nài anh ta quay về, nhưng họ không thuyết phục được anh ta. “Để chạy trốn nước mắt và những lời than thở của anh chị em, anh ta trốn ở chỗ họ không thể tìm được”, Ferdinand nhận xét về vở bi kịch. Anh chàng Anh-điêng có con đường của mình và đã ở lại trên tàu. Vụ trốn chạy đã hoàn thành. “Đô đốc ngạc nhiên với quyết định cứng rắn của người Ấn Độ này và ra lệnh đối xử với anh ta thật tốt.”

Đêm đó, đội tàu thả neo tại một bến cảng thanh bình ở Santa Gloria, và vào sáng hôm sau, ngày 6 tháng 5, Đô đốc giương buồm đi 15 dặm về phía tây dọc theo bờ biển Jamaica, lại thả neo một lần nữa ở nơi trú ẩn hình móng ngựa mà ngay lập tức trở thành Puerto Bueno.

Trên bờ, những người Anh-điêng đội mũ và mặt nạ gắn lông chim sặc sỡ, chĩa những cây giáo tẩm độc vào các con tàu của Columbus. Không hề bị nhụt chí trước thứ mà ông coi là một sự phô trương sức

mạnh mang tính hình thức, Đô đốc cử một nhóm người lên bờ trên một chiếc thuyền dài để cuỗm lấy nước, củi, và cơ hội sửa lại mấy con tàu bị rò của họ, chỉ để gặp phải một trận mưa đá. Để thuận hóa các chiến binh, Columbus phái đi chiếc thuyền khác chở theo thủy thủ được trang bị cung tên, những mũi tên của họ đã làm bị thương và giết chết một số người. Để dạy cho người Anh-điêng một bài học, Bernáldez nhớ lại, người Tây Ban Nha còn dùng một con chó hung dữ “cắn và gây hại cho họ rất nhiều, bởi một con chó bằng cả chục người chống lại người Ấn Độ”.

Hôm sau, sáu người Anh-điêng xuất hiện trên bờ mang theo bánh sắn, hoa quả, và cá để xoa dịu những kẻ đột nhập Tây Ban Nha. Columbus và người của mình đón nhận sự hào phóng của người Anh-điêng, mọi thứ họ muốn, ngoại trừ vàng. Vào ngày 9 tháng 5, những con tàu mới được sửa liền nhổ neo và giương buồm đi khỏi Puerto Bueno, một lần nữa theo hướng tây, đến một bến cảng rộng rãi mà Columbus gọi là El Golfo de Buen Tiempo, vịnh Fair Weather – nay là vịnh Montego. Một cơn bão không tránh khỏi đã nổi lên. Không cần đến lý trí, lao đi mù quáng trong công cuộc tìm vàng và Đại Hãn, Columbus rời bờ biển Jamaica và quay lại vùng đất Cuba – Juana – đến mũi Cruz vào ngày 14 tháng 5.

Ông ngạc nhiên khi nghe thấy những lời đồn đại về mình. Người Anh-điêng chờ đợi người đàn ông với những con tàu lớn màu đen quay về.

Mũi Cruz ôm trọn một ngôi làng của người Anh-điêng, nơi Columbus chạm mặt với vị tộc trưởng, ông ta giải thích qua phiên dịch rằng ông ta đã trò chuyện với những thủ lĩnh Anh-điêng khác, họ vẫn nhớ Columbus từ chuyến đi trước của ông. Người Anh-điêng có vốn hiểu biết đáng ngạc nhiên về đội tàu. Họ biết việc người Anh-điêng làm phiên dịch đã cải sang Ki-tô giáo, và họ đã quen thuộc với nhu cầu

của Columbus về đồ dự trữ, đặc biệt là nước, những vũ khí ẩm ỉ nhưng không ăn thua của ông, và sự ám ảnh của ông với vàng.

Sau khi tái khẳng định ý định tốt đẹp của ông đối với những lính canh Anh-điêng của mũi Cruz, Columbus rời đi, bám theo tuyến đường hướng đông bắc, đưa đội tàu dọc theo con kênh nay qua eo biển Balandras đến vịnh Guacanayabo. Mặc dù Đô đốc giờ đây có vẻ đã định hướng lại được khi trở về Cuba, nhưng ông vẫn lúng túng về việc mình đang ở đâu trên địa cầu, và vẫn luôn cậy nhờ vào nguồn tin không xác thực, đặc biệt là của Ngài John Mandeville.

Thời tiết đẹp làm hiện ra một bức tranh tĩnh vật lấp lánh sương. Bernáldez viết “Hôm sau lúc bình minh, họ nhìn vượt qua đỉnh cột buồm và thấy biển đầy những đảo khắp tứ bề, tất thấy đều xanh tươi um tùm, đẹp chưa từng thấy”. Columbus muốn đến phía nam của các đảo, nhưng ông nhớ lại lời tuyên bố của Mandeville rằng có hơn 5.000 hòn đảo ở Ấn Độ, nên ông đã quyết định dong buồm đi dọc theo bờ biển của “Juana, để xem liệu nó có phải là một hòn đảo hay không”. Columbus đánh cược rằng Cuba là một phần của lục địa.

Họ tiếp tục đi, Columbus lo lắng tránh mọi sự va chạm dù nhỏ nhất với mấy rạn san hô sắc như dao cạo và các dải cát ẩn chứa đầy nguy hiểm. Vào ngày 15 tháng 5, từ vịnh Guacanayabo, ông thận trọng dong buồm đi về phía tây, có lẽ là qua quần đảo Santa Cruz del Sur, tiến vào kênh Rancho Viejo (như tên gọi hiện nay) và kênh Pingue, tới một vịnh được những hòn đảo vây quanh với cái tên mang tính cảnh báo Laberinto de las Doce Leguas, Labyrinth of Twelve Leaguesⁱ. Đó lại là một mê cung nữa mà Columbus tiến vào, một số có tính địa lý, một số có tính nhận thức, kết hợp lại để đẩy ông vào sai lầm khi khám phá các ngõ cụt và đi đến những kết luận sai lầm. Trục giác hàng hải tuyệt

i. Nghĩa là: “Mê hồn trận Mười hai hải lý”.

vời và bản năng tự vệ của mình đã cứu ông khỏi sự điên rồ và tai họa, khi những cơn bão quật mấy con tàu lúc chúng bị rơi vào bầy và mong manh trong các con kênh. Những cơn bão dữ dội mỗi ngày đẩy ông vào tình thế khó xử không lối thoát trên biển trong các không gian chật hẹp – căng buồm hay cuộn lại, thả neo hay không thả neo – và ông thường xuyên vi phạm nguyên tắc cơ bản khi cạ đáy tàu xuống mấy con kênh mà ông thám hiểm. Tình hình tồi tệ nhất xảy ra khi tàu *Santa Clara* mắc cạn, và trong nhiều giờ căng thẳng ông đã không thể giúp nó thoát ra được. Cuối cùng ông và thủy thủ đoàn đã cứu được nó, và ông thì tái chiếm sự tự do của biển cả.

Khi Columbus tiếp tục cuộc thám hiểm của mình ở bờ biển phía đông Cuba, ông đã đến một vùng có nước chảy vào rộng lớn là Bahía de Cochinos (vịnh Lợn). Luôn tin rằng mình đang ở sát Ấn Độ, ông ngỡ rằng cuối cùng thì mình đã định vị được một con đường từ Juana đến lục địa. Nhà hàng hải trong ông rốt cuộc nhận ra là trên thực tế mình đang thám hiểm một vịnh rất rộng, như ông sau này mô tả với Bernáldez, “nằm cạnh biển, gần với những rừng cọ lớn cứ như vươn đến tận trời” che khuất hai dòng suối tuôn trào. “Nước lạnh và tinh khiết và ngọt ngào đến mức không thể tìm thấy ở nơi nào khác trên thế giới.” Chưa bao giờ ông tỏ ra bị quang cảnh xung quanh quyến rũ đến thế. Lần này, Columbus đã say đắm thưởng ngoạn khung cảnh trước mắt mình.

Rời khỏi khu vịnh, Columbus dẫn đội tàu đi qua Cayo Piedras và vịnh Cazes. Ông nói với Bernáldez, bỗng nhiên những con tàu “đi vào một vùng biển trắng, trắng như sữa, và đặc như loại nước mà người thợ thuộc da dùng để xử lý da”. Rồi họ thấy mình “ở nơi nước sâu hai sải và gió lôi họ đi ào ào, và đang ở trong một con kênh rất nguy hiểm nếu đi vào, họ không thể neo tàu lại”. Những chiếc tàu buồm vượt qua mấy con kênh trong 30 dặm cho tới khi họ đến một hòn đảo chỉ sâu

“hai sải rưỡi nước” và buông neo tại đó, “trong trạng thái vô cùng căng thẳng”. Ông đã vô tình đi vào giữa những hòn đảo nhỏ xíu gần bán đảo Zapata, nơi mà mỗi chỗ nhô cao đều ẩn giấu tai họa.

Ông chẳng còn lựa chọn nào ngoài việc tìm đường ra. Lần này năng khiếu dẫn đường dự đoán đã không giúp gì được ông. Chưa bao giờ ông nhìn thấy biển tỏ ra thất thường đến thế – trắng, đen, sữa, và xanh chàm, như thể mọi hình thái và dòng chảy mà ông đã quen thuộc suốt cuộc đời đi biển đều mất hết ý nghĩa của chúng. Ông dành vài ngày thận trọng đi dọc theo bờ biển phía nam oi ả của Cuba, luôn gần bờ để đề phòng xảy ra tai họa. Ông cử một tàu nhanh nhẹn vào một con kênh để tìm nước hay những dấu hiệu sinh sống của con người, nhưng con tàu đã nhanh chóng quay lại, thủy thủ đoàn của nó báo cáo rằng cây cối “rậm rạp đến mức một con mèo cũng không thể lên được bờ”. Columbus cố gắng xuyên qua đám cây được bao phủ rậm rạp, nhưng cả ông cũng phải kêu ca rằng nơi đây “cây mọc dày đến tận bờ biển tới nỗi chúng dường như làm thành những bức tường” ngăn cách đội tàu của ông với vàng, vinh quang, hoàn thành việc thám hiểm và chinh phục.

Trong lúc ông đi dọc theo bờ biển ở một nơi không mấy cảm hứng mà ông đặt tên là Punta de Serafín, thì một ngọn gió nổi lên, và những hòn đảo đang che khuất liền mở ra mặt nước mênh mang và khung cảnh mấy dãy núi xa xa. Bernáldez viết, và thế là “Đô đốc quyết định vạch đường tới mấy dãy núi đó, ông đến được đấy vào hôm sau, và họ tiến hành thả neo gần một lùm những cây cọ rất đẹp và rất lớn” – gần như bất cứ khu rừng nhỏ nào trông cũng hấp dẫn sau bức tường được ngọt ngào mà họ từng chịu đựng – “nơi đây có những dòng suối ngọt ngào và trong trẻo, và các dấu hiệu rằng quanh đây có người”. Những chuyện kỳ lạ bắt đầu xảy ra.

Khi Khu vườn của Nữ hoàng khuất sau chân trời, Columbus rơi vào tình trạng kiệt sức. Sự căng thẳng của chuyến thám hiểm, chế độ ăn khác lạ, khí hậu không quen thuộc, và trên tất cả là thiếu ngủ, đã gây nên hậu quả. Con trai ông kể, ông “hoàn toàn rã rời” và “để nguyên quần áo ngủ suốt cả đêm trên giường, kể từ khi ông rời Tây Ban Nha cho tới ngày 19 tháng 5, ngày mà ông viết lại phần ghi chép này trong nhật ký của mình”. Bên cạnh những điều ông phải quan tâm là sự khó khăn trong việc tìm đường xuyên qua “giữa vô vàn các hòn đảo mà họ đi”, hay chính xác hơn, các mối nguy hiểm hiện ra – những rạn san hô có khả năng cắt thân tàu thành từng mảnh, những dải cát có thể đánh bẫy một con tàu như loài cá mút gắn mình vào cá chủ, những ngọn gió vô định, và cả những bộ tộc khó đoán có thể tấn công vào bất cứ thời điểm nào.

Hôm sau, ngày 20 tháng 5, Columbus vượt qua được 71 đảo, “không kể nhiều đảo họ nhìn thấy vào lúc hoàng hôn về phía tây tây nam”. Viễn cảnh chẳng có gì ngoài sự tái khẳng định: “Khung cảnh của những hòn đảo hay vũng nông này là đã đủ kinh sợ, nhưng điều tệ hơn là vào mỗi buổi chiều một làn sương dày đặc dâng lên ở phía trên họ nơi bầu trời phía đông, cùng sấm chớp cứ như một trận đại hồng thủy sắp xảy ra. Khi trăng ló ra, tất cả đều biến mất, tan vào mưa và phần nào trong gió”. Hiện tượng khí quyển này phổ biến đến mức ông nói là “nó xảy ra mỗi buổi chiều”.

Vào ngày 22 tháng 5, đội tàu đến gần một hòn đảo có vẻ to hơn những đảo khác mà ông mới đi qua. Columbus quyết định đặt tên cho nó là Santa Marta khi ông lên bờ, tuyệt vọng tìm thức ăn và nước uống. Người Anh-điêng đã bỏ chạy khỏi làng mình, và trong mấy túp lều cánh thủy thủ đang chết đói chỉ tìm thấy cá. Ở phía sau, những con chó to, “giống như loài chó lớn tai cụp”, cào chân xuống đất và gầm gừ. Không thỏa mãn và bức bối, người Tây Ban Nha trở về tàu của mình và dong buồm đi “về phía đông bắc giữa các đảo”, ngang

qua lũ sếu oai nghiêm và bọn vẹt lòe loẹt, lang thang mò mẫm trong một “mê trận của những vũng nước nông và những hòn đảo, khiến Đô đốc rất vất vả, vì ông bây giờ lúc thì phải lái về phía tây, lúc phía bắc, lúc phía nam, theo sự sắp đặt của các con kênh”. Trong vòng vây của chúng, những con tàu không thể chạy và điều khiển dễ dàng. Peter Martyr kể lại rằng “nước ở những dòng kênh này có màu sữa và đặc trong suốt 40 dặm, cứ như thể người ta rắc bột lên khắp mặt biển”. Trong khi Columbus và người của mình điên cuồng thăm dò đáy biển và không ngừng quan sát, sống tàu thường chà xuống đáy. Dù thế, đội tàu vẫn vượt qua được và đi ra vùng biển rộng mở, nơi mà cách đó 80 dặm, những ngọn núi cao lừng lững in trên nền trời. Họ đang đến gần Cuba và có vẻ đã an toàn.

Đội tàu dừng lại, và chỉ một người Tây Ban Nha do thám được trang bị cung tên lên bờ, tìm kiếm nguồn nước đang vô cùng cần thiết. Trong lúc tìm kiếm, anh ta gặp cảnh một người đàn ông mặc áo dài thắt ngang lưng màu trắng. Thoạt tiên, người do thám nghĩ là mình nhìn thấy một thầy dòng mà Đô đốc mang theo. “Bất ngờ, từ trong rừng anh ta thấy cả một nhóm khoảng 30 người đàn ông ăn mặc như vậy đang đi tới”, Peter Martyr kể lại. “Anh ta bèn quay lại, hét lên và chạy nhanh hết sức có thể về chỗ mấy con tàu. Những người đàn ông mặc áo dài nọ vỗ tay với anh ta và cố gắng thuyết phục anh ta bằng mọi cách đừng sợ hãi như vậy, nhưng anh ta vẫn chạy.” Kỳ lạ nữa là những người đàn ông này có nước da sáng màu như người Tây Ban Nha. Họ từ bộ tộc nào vậy? Liệu họ có phải là đám người châu Âu bị lạc? Những phái viên của Prester Johnⁱ huyền thoại? Và nếu vậy, có phải đội tàu của Columbus cuối cùng đã đến được Ấn Độ?

i. Prester John là một vị vua huyền thoại theo Ki-tô giáo trong biên niên sử và truyền thuyết Châu Âu từ thế kỷ 12 đến thế kỷ 17, trị vì một vương quốc huyền thoại, và tất cả thần dân đều hạnh phúc, khỏe mạnh. Tuy nhiên, huyền thoại cũng nói rằng hầu như không thể tới được chốn thiên đường này.

Kinh ngạc bởi sự xuất hiện ấy, Columbus cử một đoàn “đi xem liệu họ có thể nói chuyện với những người này không, vì theo cung thủ kia thì họ đến không phải để làm hại mà là để nói chuyện với chúng ta”. Họ không tìm thấy ai cả, “điều đó khiến tôi không hài lòng lắm bởi tôi muốn nói chuyện với họ vì tôi đã đi qua rất nhiều đảo mà không nhìn thấy người hay làng mạc gì cả”. Cố mở một con đường tiên phong đi vào sâu đất liền đến với những người đó, người Tây Ban Nha “bị vướng víu đến mức họ hầu như không đi nổi 1 dặm”, đừng nói là 40. Họ trở về tàu, kiệt sức và tay trắng.

Lại lên đường, đội tàu tiến thêm 10 hải lý về phía tây, ngang qua “đầm lầy và vũng bùn” như Ferdinand mô tả, và cách mấy tốp lều trên bờ khoảng một tầm hú. Thêm vài chiếc thuyền tiến đến gần tàu của Columbus, với những người Anh-điêng mang theo nước và thức ăn mà cánh thủy thủ ở vị thế khó từ chối. Họ trả bằng mấy món trang sức rẻ tiền, trước sự phản đối của các ân nhân Anh-điêng, vốn không muốn nhận lại gì.

Columbus tóm lấy một người Anh-điêng, “nói với anh ta và những người Anh-điêng khác thông qua phiên dịch rằng anh ta” – con tin Anh-điêng – “sẽ được giải phóng ngay khi anh ta chỉ đường và cung cấp thông tin cho ông về khu vực này”. Thông tin Columbus nhận được chính là điều mà ông không muốn nghe: người Anh-điêng nói, Cuba là một hòn đảo, có nghĩa là đội tàu chưa đến được rìa Ấn Độ. Ferdinand im lặng về phản ứng của cha mình trước tin này, nhưng có thể hình dung được cảm giác hoang mang của Đô đốc, và điều đó được cộng thêm với việc đội tàu đang đi vấp vờ vào một kênh nông nguy hiểm. Trong nỗ lực chuyển tới một vùng nước sâu hơn, Columbus “dùng dây chèo kéo tàu qua một bãi cát sâu chưa đến một sải và dài gấp đôi chiều dài con tàu”. Thủy thủ phải kéo tàu nhích từng chút một.

Ban đêm, con tàu đi vào một vùng biển có vẻ như được bao phủ bởi lũ rùa suốt từ đầu này đến đầu kia. (Peter Martyr nói rằng những con tàu “phải đi chậm lại” để có thể vượt qua chúng.) Lúc bình minh, chim cốc bay “nhiều đến mức chúng làm trời tối lại”. Và hôm sau, “khá nhiều bướm bay quanh tàu đến mức chúng làm tối sầm không gian cho đến tận chiều, khi một cơn mưa gió giật mạnh thổi bay chúng đi”.

Kiệt sức và bị suy nhược, Columbus quay đầu tìm kiếm sự an toàn ở La Isabela sau gần ba tháng vắng mặt. Viễn cảnh an toàn biến thành thảm họa khi đội tàu đi vào một con kênh cứ nhanh chóng bị thu hẹp lại. Trước khi ông có thể phản ứng, những con tàu đã bị nhốt vào thế nghẽn cổ chai. Trong lúc người của mình đấu tranh vượt qua sự hoảng loạn, Columbus, với sức mạnh nội tại chất chứa, chưa bao giờ tỏ ra tự tin hơn ở thời điểm này. “Ông khôn khéo thể hiện một sắc mặt vui vẻ”, Ferdinand nhận xét. Trên thực tế, ông cầu Chúa thành tiếng giúp ông vượt qua con đường này; nếu họ đi đường khác, “họ có thể bị rơi vào bẫy trong vô vọng hay lạc đường và không có tàu cùng đồ dự trữ để quay về”. Ông tìm cách trấn an người của mình bằng cách nhắc nhở họ rằng họ có thể quay lại bất cứ lúc nào, và trong những ngày cuối tháng 6, rốt cuộc ông buộc phải lần trở lại con đường đi qua con kênh, rồi men theo bờ một cách khó khăn qua một “vùng biển xanh và trắng”, nơi có vẻ như che giấu những chỗ nước nông lớn và nguy hiểm, trước khi ông đến “một vùng biển khác trắng như sữa”, rõ ràng là một vùng nước nông, mà trên thực tế chỉ sâu có ba sải.

“Tất cả những thay đổi này và vẻ bề ngoài của biển đã gây ra nỗi sợ hãi khủng khiếp trong đoàn thủy thủ, vì họ chưa bao giờ thấy hay trải nghiệm bất cứ thứ gì tương tự như vậy trước đó và do đó tin rằng mình phải chịu số phận bị đất không tránh khỏi”, Las Casas nói. Họ lo lắng khi đi qua vùng biển này, chỉ để lại đi vào một vùng biển khác đen như mực và sâu năm sải, nhưng rồi, trước sự thờ phào của Columbus,

đội tàu đến được Cuba, từ đây ông chuyển sang hướng đông, vượt qua ngọn gió ngược, tìm kiếm nước ngọt, bến đỗ an toàn, và chút nghỉ ngơi qua những vất vả của cuộc thám hiểm.

Mấy con tàu bị hư hại nặng nề. Sóng tàu bị mòn vẹt và rách nát do thường xuyên va chạm với đáy biển. Dây và buồm bị mủn. Đồ ăn hỏng do ngâm nước mặn và bị sâu mọt. Như thế những mối lo này là chưa đủ, trong khi Columbus đang viết nhật ký ngày 30 tháng 6, ông cảm thấy tàu mình bị mắc cạn “với một lực mà họ không thể lôi nó ra khỏi đó từ phía đuôi tàu bằng neo hay bằng bất cứ cách nào; tuy nhiên, với sự phù hộ của Chúa, họ đã có thể kéo nó ra từ phía mũi tàu, dù nó từng bị hư hại đáng kể sau cú sốc mắc cạn”. Columbus tìm được ngọn gió để đi thoát khỏi tai họa cận kề với tốc độ nhanh nhất có thể, cố sức “qua một vùng biển lúc nào cũng trắng và sâu hai sải”, và ông tiếp tục đi, vào mỗi buổi chiều lúc hoàng hôn, chịu đựng “những cơn mưa bão dữ dội khiến mọi người kiệt sức”, Las Casas nói, và tiếp tục, “Đô đốc trong trạng thái lo lắng cực độ”.

Lúc này thậm chí Las Casas cũng thấy thương cảm Columbus, gọi lại “nỗi vất vả khổ cực không gì sánh nổi của Đô đốc trong những chuyến thám hiểm này”. Xem lại những bất hạnh đeo đuổi Đô đốc Đại dương, nhà biên niên sử đã đóng kịch đến mức đỉnh điểm, tuyên bố “Đời ông ấy là một sự đọa đày lâu dài, một thứ gì đó dẫn người khác... tới chỗ kết luận rằng đối với những người mãi mãi không theo ý Chúa thì chỉ có thể đạt được rất ít và chẳng được nghỉ ngơi vui thú mấy trên thế gian này”. Las Casas là người duy nhất coi Columbus là nghịch đạo; từ khía cạnh khác, những bất hạnh của Đô đốc và những bất hạnh ông gây ra cho người khác đều bắt nguồn từ niềm tin tinh thần mạnh mẽ của ông, nó vừa là niềm hưng khởi vừa là điều gây hại cho ông.

Như thế đây là các tai họa trong Kinh thánh, Las Casas liệt kê những nỗi khổ sở: “cơn bão bất ngờ đẩy ông ấy vào mối nguy hiểm

khẩn cấp và chết người” bằng cách “dập vùi cổ con tàu xuống dưới những con sóng mà dường như chỉ nhờ ơn Chúa mà ông ấy mới có thể thu nổi buồm về và chống giữ nhanh chóng bằng cách dùng chiếc neo nặng nhất”. Cơn khủng hoảng đó được tiếp nối bởi “một lượng nước lớn đổ lên boong tàu”, thủy thủ đoàn kiệt sức, và thực phẩm thì thiếu thốn, chỉ được bổ sung bằng “vài con cá vặt mà họ bắt được”. Cảnh khốn cùng của Columbus còn trở nên tệ hơn do cảm giác ngột ngạt về trách nhiệm đối với người khác và đối với bản thân. Không có gì ngạc nhiên khi ông cảm thấy khổ sở đến mức than van với Ferdinand và Isabella: “Chẳng ngày nào mà thân không phải đối mặt với viễn cảnh về cái chết chắc chắn của tất cả chúng thân”.

Đô đốc quay về “đảo Cuba”, Ferdinand nói như thể thăm thì. Dù đó là đảo hay bán đảo, “không khí thơm ngát mùi hương ngọt ngào của các loài hoa”. Người của Columbus ăn ngẫu nhiên món gia cầm mà họ nghĩ giống chim bồ câu nhưng to hơn và vị ngon hơn và tỏa ra mùi thơm. Trong thực quản của chúng là những cành hoa đang nứt nở.

Giữa lúc nghỉ ngơi và trông nom việc sửa tàu, Columbus lên bờ để tham dự Thánh lễ trên bãi biển; đó là ngày 7 tháng 7. Ở đó một “người đàn ông 80 tuổi” đến gần ông, Peter Martyr nói dựa theo Columbus, “một thủ lĩnh rất được trọng vọng, dù trần truồng, và đeo nhiều hoa. Trong khi hành lễ, người này im lặng, trông có vẻ ngạc nhiên, khuôn mặt và đôi mắt lạng lế; rồi ông ta đưa cho Đô đốc một túi đầy hoa quả mà ông ta đang cầm. Giao tiếp với Đô đốc bằng cử chỉ, họ trao đổi những sự xác nhận có tính tôn giáo”. Với sự giúp đỡ của Diego Colón – một người Anh-điêng cải sang Ki-tô giáo và đã lấy họ của Đô đốc – ông già “phát biểu” và đó là một diễn văn khá ngạc nhiên, đề cập đạo đức và cuộc sống sau cái chết. Theo phiên bản của Columbus, Ferdinand viết, vị tộc trưởng nói rằng mình đã đến Hispaniola; trên thực tế, ông

ta khá quen thuộc với những người sống ở đó, và ông ta cũng đã đến Jamaica, thậm chí “đã đến nhiều nơi ở phía tây Cuba”. Nếu vậy, đây chính là nhân vật có thể cung cấp cho Columbus thông tin đáng tin cậy về những hòn đảo này, và thậm chí ông ta còn đưa ra lời giải thích về sự xuất hiện [của nhóm người] mà những người do thám đã bắt gặp vài tuần trước đó: “tộc trưởng của vùng đó ăn mặc giống như một linh mục”. Một linh mục: một lần nữa có vẻ Prester John đã đi trước người Tây Ban Nha đến vùng đất có một phần theo Ki-tô giáo này, và nếu ông ta đã làm thế, thì Đại Hãn có thể cũng vậy, như Marco Polo đã viết. Nếu Columbus diễn giải ngôn ngữ ký hiệu của vị tộc trưởng một cách chính xác, thì suy cho cùng, họ hẳn là đã đến Ấn Độ. Ảo tưởng sẽ không bị xáo trộn, mà sẽ luôn hấp dẫn. Ông có thể tiếp tục đi giữa vô định, dù không dễ dàng, trong việc tìm kiếm vùng đất Ấn Độ khó nắm bắt của mình, và tất nhiên là cả vàng, đi qua vô vàn Vườn địa đàng với lũ rùa kẻ sọc và những cơn bão bướm.

Nhưng vị tộc trưởng vẫn còn điều muốn nói. Ông ta nói đến linh hồn con người đi theo một trong hai con đường, tẩm tối hay dễ chịu, rồi ông ta khuyên răn Columbus tự quyết định việc đi theo hướng nào, và sau khi chết, việc ông nhận được phần thưởng hay hình phạt sẽ tùy thuộc vào những hành động của ông. Hoặc đó là những lời của vị tộc trưởng được dịch ra mà Columbus chỉ hiểu được phần nào, và tỏ ra ngạc nhiên trước sự thông thái của ông già. Ông giải thích rằng mình đã quen với khái niệm về hình phạt và phần thưởng sau khi chết, song ông cũng tự hỏi bằng cách nào mà vị tộc trưởng nơi hoang dã lại đi được tới chỗ tán đồng với một triết lý tương tự.

Columbus giải thích rằng Vua và Nữ hoàng Tây Ban Nha cử ông “mang hòa bình đến cho tất cả những khu vực chưa được vẽ bản đồ của thế giới”, mà theo cách nghĩ của ông, nghĩa là thu phục bọn ăn thịt người và trừng phạt lũ tội phạm ở bất cứ đâu họ tìm thấy chúng. Những người thiện lương chẳng có gì phải sợ Đô đốc Đại dương. Đối

với Columbus, có vẻ như những lời này của ông làm vị tộc trưởng hài lòng đến mức ông già ấy sẽ đi cùng người Tây Ban Nha nếu như vợ và các con ông ta không phản đối. Song người Anh-điêng đầy triết lý này cũng thắc mắc: Làm sao mà Đô đốc, người tỏ ra có quyền lực tối thượng, lại cúi đầu trước uy quyền của người khác? Thậm chí điều còn khó tin hơn với đôi tai già cả của ông ta là những mô tả về “sự hoa lệ, sức mạnh, và sự vĩ đại của các vị Quân chủ cùng những cuộc chiến của họ, những thành phố của họ to lớn và pháo đài của họ mạnh đến thế nào”, theo lời Peter Martyr. Sự huy hoàng như vậy gây choáng ngợp, và vợ con vị tộc trưởng đã khóc dưới chân Đô đốc.

Giữ điềm tĩnh, vị thủ lĩnh “nhiều lần hỏi liệu đất nước sinh ra những con người như vậy có phải là thiên đường thực sự không”, theo cách diễn giải của Peter Martyr. Giữa những người Anh-điêng, Columbus tóm tắt “Trái đất là một tài sản chung, giống như Mặt trời và nước, còn... các khái niệm của ông và của tôi là những hạt mầm xấu xa, không nên áp dụng”. Vị tộc trưởng giải thích rằng người của ông ta “hài lòng với sự ít ỏi, và ở vùng đó, đất để trồng trọt còn nhiều hơn mức cần thiết”. Đó là một thời đại hoàng kim đối với người Anh-điêng, Columbus nhớ lại. “Họ không rào dậu những khu đất của mình bằng các con mương, bờ tường, hay hàng rào. Họ sống ở những cánh đồng rộng mở, không có luật lệ, sách vở, hay quan tòa; họ cư xử tự nhiên theo một cách hợp lý. Họ coi bất cứ ai thích gây hại cho người khác là xấu xa và tồi tệ.”

Những ý tưởng của ông già đã thách thức các giả định của nhà thám hiểm về thế giới bên ngoài Tây Ban Nha. Có lẽ nhà thờ không nắm độc quyền về cuộc sống sau cái chết, dù ý tưởng này thật báng bố. Có lẽ Tây Ban Nha không nắm độc quyền về đế chế. Có lẽ ông đang trong một chuyến hải trình chuộc tội. Hay bị đày xuống địa ngục. Ông sẽ phải tìm ra.

CHƯƠNG 7



GIỮA NHỮNG NGƯỜI TAÍNO

Chuyện bắt đầu với một tiếng sấm trong lúc thủy thủ đoàn nhỏ neo ngoài khơi mũi Cruz, Cuba, ngày 16 tháng 7, “thật bất ngờ, mạnh mẽ, trận mưa như trút ập đến, khiến boong tàu ngập trong nước”, Columbus nói. Họ cuộn buồm lại và đẩy những chiếc neo nặng nhất qua mạn tàu để đảm bảo việc neo lại giữa các tia chớp. Đến lúc họ hoàn thành nhiệm vụ ấy thì khá nhiều nước đã tràn vào qua “những tấm gỗ sàn đến mức thủy thủ không thể bơm hết nó ra được, đặc biệt vì tất cả họ đều mệt lử và yếu ớt do thiếu ăn”. Để duy trì giữa những công việc nặng nhọc, “tất cả những gì họ ăn hằng ngày chỉ là một pound bích quy đã hỏng và một pintⁱ rượu vang”. Dựa vào chút sức lực dự trữ cuối cùng, họ cố gắng ngăn tàu khỏi bị đắm.

Sức khỏe bị giảm sút, Columbus thu mình lại trước sự tấn công dữ dội của các yếu tố, và thú nhận trong nhật ký: “Tôi cũng theo khẩu phần như những người khác. Xin Chúa ban phước vì sự phụng sự Người và các Bệ hạ. Nếu chỉ vì bản thân, tôi sẽ không muốn phải chịu thêm những nỗi đau đớn và nguy hiểm, vì không một ngày nào trôi qua mà chúng tôi không phải đối mặt với nguy hiểm”. Song ông vẫn kiên cường vì không có lựa chọn nào khác.

i. Đơn vị đo thể tích của Anh, 1 pint chất lỏng tương đương 0,568 lit.

Cơn bão cuối cùng cũng tan, và hai ngày sau, vào ngày 18 tháng 7, con tàu bị thời tiết vui dập tới tả của họ trở về mũi Cruz, hướng tới phía bắc của Jamaica. Một đoàn người Anh-điêng vui vẻ mang bánh sắn, cá, và nhiều hoa quả đến cho người Tây Ban Nha yếu ớt và sắp chết đói. Khi họ đã bình phục, Columbus muốn dong buồm đi Hispaniola, nhưng với ngọn gió ngược, ông dừng lại ở Jamaica.

Bốn ngày sau, đội tàu trôi vào vùng nước trong mờ bao quanh Jamaica, nơi có thêm nhiều người Anh-điêng liên tục tiếp cận thủy thủ bằng những lời chào đón nhiệt thành và đồ ăn thức uống ngon lành, “mà họ thích hơn nhiều so với những thứ họ nhận được ở tất cả các hòn đảo khác”.

Một sáng sớm, một chiếc thuyền tiến lại, mang theo một người Anh-điêng phân phát những món quà nhỏ cho tất cả người Tây Ban Nha mà ông ta thấy, trừ Columbus. “Tôi đứng tránh sang một bên đọc mấy lời cầu nguyện mà tôi thấy là hữu ích”, ông viết, và “không hề nhìn những món quà hay sự quả quyết ở người đàn ông này đang đến gần”. Cuối cùng thì ông cũng chú ý đến sự xuất hiện đầy vẻ màu mè của vị tộc trưởng. “Ông ta thân chinh đến trên chiếc thuyền lớn nhất với vợ và hai con gái, một trong hai cô khoảng 18 tuổi, rất xinh đẹp, hoàn toàn trần truồng theo thói quen của họ, và rất khiêm nhường; cô kia trẻ hơn, và hai người con trai cũng cấp và năm anh em trai và những người khác đi cùng; và tất cả những người còn lại chắc là chư hầu của ông ta”, Columbus sau đó nói với bạn mình là Bernáldez. Hai hay ba người đàn ông bôi vẽ lên mặt mình những màu sắc theo cùng một kiểu, mỗi người đội trên đầu một vòng lông chim to, và trên trán là một chiếc đĩa tròn to. Mỗi người giữ trong tay một món kêu leng keng. Còn về vị tộc trưởng, ông ta đeo quanh cổ đồ trang sức làm từ *guanín*, một hợp kim vàng. Đối với Columbus, món đồ trang sức giống như “vàng tám cara”. Một số to như những chiếc

đĩa, ông tuyên bố, và có hình dáng giống như hoa bách hợp. Ngoài trừ chiếc thắt lưng được làm cầu kỳ, phần còn lại của cơ thể ông ta được phơi bày ra. Vợ ông ta cũng trần truồng, “trừ bộ phận sinh dục được che bằng một mẩu vải bông không lớn hơn vỏ quả cam”. Cô con gái lớn của bà ta đeo xung quanh eo một chuỗi những viên đá nhỏ màu đen nhánh, từ đó rủ xuống một thứ gì đó làm bằng “đá xanh và đỏ được gắn chặt vào mảnh vải bông dệt”.

Vị tộc trưởng và đoàn tùy tùng lên boong con tàu của Columbus, quay sang nói với Đô đốc Đại dương, và giữa một tràng những lời ca ngợi dành cho Tây Ban Nha, ông ta tuyên bố, “Tôi đã quyết định đi đến Castile với ông và tuân phục Vua và Nữ hoàng của thế giới này”.

Columbus thận trọng cân nhắc những lời ấy. “Ông ta nói tất cả những điều này một cách quả quyết đến mức tôi cũng sững sờ kinh ngạc.” Trong lúc ngọn gió gây xao lãng liên tục đổi chiều, ông mời vị tộc trưởng và đoàn tùy tùng lưu lại trên tàu một hôm, “ở lại ngoài biển cả cho tới khi những con sóng trở nên to lớn”. Con tàu lắc lư và rên rỉ trong thời tiết xấu. “Đến lúc này cánh phụ nữ vô cùng sợ hãi, kêu khóc và đòi chồng và cha họ trở về nhà”, Columbus quan sát. “Kể từ thời điểm đó, họ đã biết biển, và việc đối mặt với biển nghĩa là gì.” Đối với Columbus, điều đó đồng nghĩa với một cơ hội để làm chủ các yếu tố, và rộng hơn, để đối đầu với số phận của ông; đối với những người Anh-điêng đang chết khiếp, điều đó đồng nghĩa với việc trải nghiệm về nỗi kinh hoàng trước sức mạnh cố hữu trong vũ trụ. “Và họ muốn ông ta [vị tộc trưởng] ý thức được điều này sẽ khiến họ khổ sở như thế nào bởi họ là những người muốn tới Castile hơn cả.” Nhìn lại vợ mình, con gái mình, và đứa con trai nhỏ mới chỉ 6 hay 7 tuổi “mà ông ta luôn bế trên tay mình”, vị tộc trưởng đành nuốt xuống sự tự hào và thừa nhận con đường khôn ngoan nhất là quay về với sự an toàn của đất liền. Để tôn trọng quyết định đó, Columbus và ông ta trao đổi quà, và Đô đốc, không để bị vượt mặt về tính hào hiệp, nói rằng ông cũng tặng quà cho

những người anh em của vị tộc trưởng và số còn lại trong đoàn tùy tùng của ông ta.

Hướng sự chú ý của mình đến mấy đứa trẻ của vị tộc trưởng cũng trần truồng như cha mẹ chúng, Columbus mong muốn “mặc quần áo cho cô con gái lớn, nhưng mẹ cô nói không cần vì họ không quen với việc đó”. Trên thực tế, cô gái trốn sau lưng cha mẹ, “dùng tay ôm lấy cơ thể, che ngực và mặt”, và buông tay ra “chỉ khi thể hiện sự kinh ngạc”. Cô gái nói suốt ngày dài ngoài biển, “nhưng luôn cư xử theo cách chân thật và mộc mạc”. Khi họ đã thả neo an toàn, Columbus miễn cưỡng chia tay những vị khách Anh-điêng đáng quý, họ “rất buồn khi từ biệt, và tôi cũng vậy, bởi tôi rất muốn mang ông ta đến cho Bệ hạ vì ông ta chính là người biết mọi bí mật của hòn đảo”. Họ đã tránh được chuyến vượt đại dương cực nhọc và một tương lai bất định ở Tây Ban Nha.

Trong vòng vài ngày, Columbus khám phá phần phía nam của đảo Jamaica. Có lẽ ở đây ông sẽ tìm được lượng vàng đủ để thỏa mãn lòng tham của mình.

Nó xuất hiện phía sau màn sương giống như một con rồng khổng lồ màu lam. Đó là dãy Blue của Jamaica, một trong những dãy núi chạy dài lớn nhất ở vùng Caribbean, nơi cao nhất đến hơn 2200m, một dải cây cối sum suê làm nơi trú ngụ cho 500 loài thực vật có hoa, một nửa trong số đó không tồn tại ở bất cứ nơi nào khác trên hành tinh. Những con bướm – *mariposa* – vỗ cánh bay giữa những chiếc cây, có cả loài bướm phượng (*Papilio homerus*) lạ lùng, lớn nhất phía Tây Bán cầu, với sải cánh rộng hơn 15cm tô điểm những chấm đen và vàng. Hàng trăm loài chim dõi theo, tìm kiếm bữa ăn tiếp theo của chúng. Sự giàu có và đa dạng của đời sống trong khu vực tương đương với bất cứ thứ gì được tìm thấy trong cuốn *Travels* (Tạm dịch: Những chuyến du hành) ngông cuồng của Marco Polo.

Khi dãy Blue của Jamaica lọt vào tầm nhìn ngày 19 tháng 8, Columbus dẫn đội tàu đi ngang qua một điểm mà ông đặt tên là Cabo del Farol, hay Signal Fireⁱ, sau khi nhìn thấy pháo hoa của người Anh-điêng. Những con tàu đã hoàn thành một chuyến đi ngược gió đến đảo Hispaniola.

Đội tàu dừng lại ba ngày trong khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp này, cho đến khi một chiếc thuyền chở người Anh-điêng đến gần.

“*Almirante!*”ⁱⁱ họ hét lên khi nhận ra.

Sự hiện diện của Columbus đã trở thành một huyền thoại ở các khu vực này, vừa bị e sợ vừa được chào đón.

Họ đi dọc theo bờ biển ngọt ngào, quá rậm rạp, chịu đựng những cơn gió giạt ẩm đậm buổi chiều và những tiếng sấm xa đầy dọa dẫm cho tới ngày 19 tháng 8, “ông không còn nhìn thấy hòn đảo đó nữa và hướng thẳng tới Hispaniola”, để lại Jamaica và lời hứa về sự ban thưởng dễ dàng nơi vệt tàu rẽ nước. Tất cả những gì ông khám phá được đến thời điểm này trong chuyến hải hành đó là sẽ rất khó hay không thể đạt được mục tiêu nếu không có sự giúp đỡ của Chúa.

Trong vòng một hay hai ngày Columbus lách vào Alta Vela, một hòn đảo chắc chắn, chỉ để nhận ra rằng mình đã bị tách khỏi hai chiếc tàu khác cùng đoàn. Đây không phải lần đầu tiên ông bị mất dấu của đội tàu nhỏ. Ông tỏ ra mất khả năng kiểm soát về chuyến đi và về bản thân. Ông ra lệnh cho thủy thủ trèo lên điểm cao nhất của đảo, nhưng họ vẫn không thấy gì ngoài khoảng không vô tận. Đói khát và mất ngủ, người của ông đã giết hải cẩu đơn giản bằng cách đến gần những con vật trong lúc chúng ngủ trên bãi biển và đập chúng tới chết.

i. Tạm dịch: Lửa Hiệu. (HĐ)

ii. Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là “Đô đốc”.

Sau sáu ngày, hai chiếc tàu mất tích đã xuất hiện, và đội tàu tái hợp đi tới hòn đảo mà Columbus gọi là Beata, cách đó 12 hải lý. Đang chờ đợi sự mến khách đã trở nên quen thuộc với mình, Columbus chết sững trước những người Anh-điêng “trang bị cung tên tẩm độc và mang dây ùa ra từ ngôi làng, ra hiệu rằng số dây đó sẽ dùng để trói những người Ki-tô giáo mà họ bắt được”. Không nao núng, ba chiếc tàu cập bờ, và sau cuộc trao đổi ngắn, người Anh-điêng “đặt vũ khí của họ sang bên và đề nghị mang đến cho người Ki-tô giáo bánh, nước, và mọi thứ khác mà họ có”. Thậm chí còn dễ chịu hơn khi họ đã nghe nói về Christopher Columbus, mong được gặp ông. Và họ đã gặp, sau đó đội tàu tiếp tục đi.

Ngang qua một hòn đảo, Columbus quyết định đặt tên nó theo tên người đồng hành với mình là Michele de Cuneo xứ Savona, ông này giải thích, “vì tình cảm dành cho tôi, Ngài Đô đốc đặt tên nó là La Bella Saonese. Ông ấy tặng nó làm quà, và tôi tiếp nhận... bằng giấy tờ được công chứng viên ký”. Qua thứ sáng kiến ấy mà các hòn đảo cổ xưa được chuyển vào những bàn tay đương thời. Cuneo khảo sát lãnh địa mới của mình, nơi ấy ông ta “nhổ cỏ và chặt cây và trồng thánh giá cũng như giá treo cổ”. Cuneo thấy hài lòng; ông ta quả quyết là nó đẹp, có 37 ngôi làng “với ít nhất 30.000 người”.



Đêm ngày 14 tháng 9, Columbus “quan sát thấy nguyệt thực và có thể xác định được sự khác biệt về thời gian khoảng 5 tiếng và 23 phút giữa địa điểm đó và Cadiz”, Ferdinand nói.

Trong nhiều thế kỷ, tuyên bố này đã gợi cảm hứng cho những câu hỏi về địa điểm chính xác của Columbus vào thời điểm ấy (không chắc chắn), phương tiện của ông trong việc đi biển dựa vào thiên văn (hạn chế), và thậm chí sự trung thực của ông khi báo cáo về các phát hiện của mình (câu hỏi còn để ngỏ). Nhưng những sự lừa dối và nhảm

lần bộc lộ hạn chế trong năng lực của ông với tư cách một nhà hàng hải và bản năng của ông muốn che giấu vị trí của mình khi nó có vẻ đặt ông ở ngoài những giới hạn của “Ấn Độ”. Ở “Ấn Độ”, ông thống trị nhờ vào các tuyên bố của Ferdinand và Isabella, được nhận sự giàu có và đặc quyền. Nếu ông tình cờ bị rơi vào một vùng chưa có trên bản đồ thế giới, thì những phát hiện và tuyên bố của ông sẽ bị thách thức và có thể vô giá trị. Tốt hơn cả là hy vọng rằng cuối cùng thì tất cả sẽ ổn với cố gắng hiểu được vị trí thực sự của ông trong bối cảnh địa cầu. Một nghịch lý lớn trong thói quen tư duy của nhà thám hiểm này là sự lưỡng lự của ông khi suy ngẫm về những câu trả lời khác nhau trước các vấn đề về hàng hải chưa được giải quyết. Ông không ước mong “khám phá” về “thứ chưa biết”. Đối với Columbus, vốn tin rằng tất cả đã được tiên tri và dẫn dắt theo ý Chúa, thì chẳng có một thứ gì như vậy cả.

Đối với những người chia sẻ thuyết thần bí của Columbus, một lần nguyệt thực có tầm quan trọng lớn lao. Nó xảy ra khi Mặt trăng đi ngang qua phía sau Trái đất nên Trái đất che khuất những tia sáng từ Mặt trời không đến được Mặt trăng. Mặt trời, Trái đất, và Mặt trăng ở trên một đường thẳng, với Trái đất ở giữa. Lần nguyệt thực trước đó xảy ra vào ngày 22 tháng 5 năm 1453, trùng với sự sụp đổ của Constantinople, và bây giờ nó lại xảy ra một lần nữa, mang lại cho chuyến đi của ông tầm quan trọng liên quan đến vũ trụ.

Giữa lúc Columbus đang có kế hoạch trở về La Isabela thì tính chất của hải trình bất ngờ thay đổi, và xuất hiện những khoảng trống đáng lo ngại. Sau năm ngày đi trong gió mạnh, đội tàu một lần nữa lại bị tách ra; cuối cùng hai chiếc tàu buồm bị lạc lại tái xuất hiện, và vào ngày 24 tháng 9, đội tàu đã hồi phục đi về phía đông của Hispaniola, đến một hòn đảo khác mà người Anh-điêng gọi là Amona. Thay vì quay lại với nơi đã trở thành bến cảng quê nhà ở Ấn Độ, Columbus

“sửa lại mấy con tàu với mục đích rõ ràng là một lần nữa cướp bóc những hòn đảo của bọn ăn thịt người và đốt cháy tất cả thuyền độc mộc của họ, sao cho lũ sói tham tàn này không làm hại bấy cừu thêm nữa”. Nhưng chiến dịch chống lại bọn ăn thịt người đã không trở thành hiện thực.

“Từ thời điểm đó Đô đốc ngừng ghi chép lại chi tiết chuyến đi mỗi ngày trong nhật ký”, con trai ông viết, “ông ấy cũng không kể về việc mình đã trở về Isabela như thế nào”. Làm việc quá sức và căng thẳng thần kinh đã tàn phá ông. “Đôi lúc tám ngày liền ông ấy chỉ ngủ mỗi ngày chưa tới ba tiếng”, con trai ông giải thích. “Điều này có vẻ là không thể nếu ông ấy không tự kể về nó trong những gì ông ấy viết.” Thử thách mới đây ở La Isabela đã cho thấy thiệt hại của nó; hậu quả của việc “cố gắng quá mức, sức khỏe yếu, và ăn uống thiếu thốn” khiến Columbus “bị ốm khi đi từ Amona đến San Juan”.

Trên thực tế, ông bị hôn mê: “Ông sốt cao và lơ mơ, đến nỗi ông mất cả thị lực, trí nhớ, và mọi giác quan khác”. Ông chiến đấu vì mạng sống của mình, “phần chết nhiều hơn phần sống”, Peter Martyr nói. “Thần cho là mình bị bệnh do mệt mỏi quá mức và những hiểm nguy của chuyến đi: hơn 27 năm liên tục trên biển đã gây ra hậu quả”, sau này ông viết cho các vị Quân chủ. “Thần lo là thậm chí người dũng cảm nhất cũng có thể chết, và bên cạnh đó, thần luôn bận tâm với việc đưa những con tàu và thủy thủ trở về an toàn.” Trong 30 ngày gần đây, “thần ngủ không quá năm tiếng, trong tám ngày gần đây chỉ có tiếng rười, trở nên mù dờ, hoàn toàn không thấy gì vào những lúc nhất định trong ngày”. Ông kết thúc bài ca ai oán với một lời cầu nguyện: “Cầu Chúa cho sức khỏe thần được phục hồi”.

Những người phục vụ dưới quyền ông nhận ra chẳng có lấy một người phó để đảm nhận vị trí của ông. Hoảng sợ và mất phương hướng, thủy thủ đoàn không có người đứng đầu quyết định tiến về La Isabela, đến được pháo đài đang bị bao vây vào ngày 29 tháng 9 năm 1494.

Đội tàu buông neo và tàu *Santa Clara* chào đón một Columbus khác, Bartholomew lang thang, từng sống dưới cái bóng của anh mình. Giờ thì anh ta có cơ hội bước ra ánh sáng.

Hàng năm trời, Bartholomew Columbus đã cố ganh đua với những kỳ tích biển khơi của anh mình. Ở Anh, anh ta đã không thành công khi cầu xin Henry VII tài trợ cho chuyến đi đến Ấn Độ, còn ở Pháp anh ta tiếp cận Charles VIII với kế hoạch tương tự để rồi cũng gặp kết quả thất vọng giống thế. Những kỹ năng trong vai trò người làm bản đồ có lợi cho anh ta, và anh ta cư xử như một nhà hàng hải có năng lực và đáng tin cậy, nhưng anh ta thiếu uy tín và thuyết thần bí đầy ám ảnh của Columbus. Las Casas nói, “Qua một số dịp trò chuyện trực tiếp, ấn tượng của tôi về anh ta là một người khô khan và cục cằn, với tính cách chẳng mấy ngọt ngào và tính khí không mấy nhẹ nhàng, không giống như Đô đốc”. Mặt khác, theo đánh giá của nhà biên niên sử, anh ta có một “vẻ mặt dễ chịu, dù hơi hăm tãi, thể lực tốt và tính cách mạnh mẽ”, và anh ta “đọc nhiều, khôn ngoan, và thận trọng” và có kinh nghiệm “trong thế giới kinh doanh”. Suốt những năm tha hương ở Tây Ban Nha, anh ta “đã hỗ trợ Đô đốc rất nhiều, ông ấy luôn tìm lời khuyên ở anh ta mỗi khi ông ấy dự định làm điều gì đó”.

Về vấn đề uyên thâm, Las Casas đánh giá Bartholomew ngang với anh mình, hoặc hơn: “Anh ta là một thủy thủ có tiếng, biết đánh giá những cuốn sách và hải đồ của Đô đốc hoặc của anh ta bằng các lưu ý bên lề và chú giải do chính tay anh ta viết, theo ý kiến tôi, anh ta đã học được nhiều vấn đề về biển nên người anh chẳng có gì để có thể dạy lại anh ta”. Trên thực tế, Bartholomew “viết sạch và đẹp hơn Đô đốc, vì tôi sở hữu nhiều bài viết của cả hai”.

Trong lúc bị quên lãng, Bartholomew có cơ hội để nghiên cứu nét chữ của anh trai. Vẫn còn say sưa với hải hành thứ nhất đầy thắng lợi, Columbus đã viết cho Bartholomew, khẩn nài anh ta đến Tây Ban Nha.

Nếu anh ta đến Seville đúng lúc để đoàn tụ, anh em nhà Columbus đã có thể đi cùng nhau như đồng đội, nhưng đội tàu hình thành nhanh đến mức Christopher đã dẫn đầu hải hành thứ hai xuất phát từ Cadiz từ lâu trước khi Bartholomew đến nơi.

Bị bỏ lại ở Seville, Bartholomew nhận được tin từ Columbus hứa hẹn cho anh ta vị trí mà anh ta cần. Bartholomew sẽ hộ tống hai đứa con của Columbus, Diego và Ferdinand, đến triều đình ở Valladolid để làm người phục vụ cho đứa con duy nhất của Vua Ferdinand và Nữ hoàng Isabella, Hoàng tử Don Juan 16 tuổi. Đầu năm 1494, Bartholomew trình diện mấy đứa cháu mình trước các vị Quân chủ, đến lượt mình, họ nâng anh ta lên vị thế Don Bartolomé, và trao cho anh ta chức vị đầy thềm muốn là chỉ huy một đội tàu ba chiếc đi La Isabela, nơi đang rất cần đồ tiếp tế. Dù được thiết lập ở một vùng đất màu mỡ đến ngạc nhiên, nhưng tiền đồn xa xôi ấy vẫn phải phụ thuộc vào Tây Ban Nha để sống sót.

Đến mùa xuân năm 1494, Bartholomew, giờ đây được biết đến là El Adelantadoⁱ, một chức danh trong quân đội Tây Ban Nha nghĩa là “Nhà tiên phong”ⁱⁱ đã điều khiển một đội tàu đi La Isabela, và đến đây vào cuối tháng 6 để tham gia lực lượng của Đô đốc Đại dương. Dù nỗ lực đến đâu, anh ta cũng chẳng bao giờ tạo ra được sự tin cậy hay nổi e ngại gắn liền với anh mình. “Vì Genoa là Genoa, không bao giờ có một người can đảm và sắc sảo trong điều hành hàng hải như Đô đốc, khi ra khơi, chỉ đơn giản quan sát một đám mây hay một ngôi sao vào ban đêm, ông ấy đã đánh giá được điều gì sẽ đến, liệu thời tiết có sắp

i. Là một cấp quyền được phong bởi Hoàng gia Tây Ban Nha xứ Castile; “Adelantado” có nghĩa vụ mang quân đội đi chinh phục một vùng đất mới cho triều đình; nếu thành công sẽ được phong tước hiệu cao quý và quyền hạn để trị vì khu vực và dân cư ở đó, được chiếm hữu đất đai, chia phần quyền lợi, một phần lợi nhuận thu được, có ngôi vị như tân Lãnh chúa thái ấp. Văn bản xin được giữ nguyên danh phong là “*Adelantado*”. (BT)

ii. Nguyên văn: “the Advancer”. (BT)

xấu đi không. Ông ấy đích thân chỉ huy và đứng sau tay lái. Khi cơn bão đi qua, ông ấy căng buồm trong khi những người khác ngủ”, bạn ông là Michele de Cuneo ca ngợi, và khác với Las Casas, ông này nghi ngờ về khả năng của *Adelantado* trong việc dẫn dắt một đội tàu nhỏ, nói gì đến một thuộc địa Tây Ban Nha. Nhưng gia đình trị là gia đình trị, và Cuneo hay bất kỳ ai trong chuyến đi cũng chẳng thể làm gì trước việc này.

Trong một nỗ lực lập lại trật tự đối với tiền đồn nghèo khổ của đế chế, ngày 16 tháng 8 năm 1494, Ferdinand và Isabella phái một đội tàu tiếp tế khác, tất cả bốn chiếc, cùng với các chỉ dẫn cho Columbus. Mặc dù bằng giọng điệu trân trọng, nhưng bản thông cáo cho thấy những rạn nứt đang lan rộng trước vẻ bề ngoài tự tin của hoàng gia. Họ mong muốn *almirante* (Đô đốc) thắng thắn hơn về những khám phá thực sự của ông. “Chúng ta hiện đang đọc tất cả những điều người viết, và dù người viết khá chi tiết, và việc đọc những gì người viết là một nguồn hạnh phúc và niềm vui lớn đối với chúng ta, chúng ta vẫn muốn biết nhiều hơn, ví dụ, đến giờ có bao nhiêu đảo đã được khám phá và được đặt tên”, họ khiển trách, bổ sung rằng họ cũng mong muốn được biết “các đảo này cách nhau bao xa, và mọi thứ người khám phá được trên mỗi đảo”. Còn nữa, “Người hản đã gặt được những gì người gieo, và như vậy chúng ta muốn biết nhiều hơn về mùa màng ở đó, thời tiết mỗi tháng trong năm ra sao, vì có vẻ như từ những gì người nói thì ở đó rất khác ở đây”. Họ yêu cầu, “Nếu người yêu quý chúng ta, hãy viết thật dài”.

Tất cả đều là những yêu cầu có lý, với một chủ đề chung: Hãy kể cho chúng ta về đế chế mới của chúng ta.

Thể hiện không chỉ sự nhạy cảm chiếu lệ đối với nỗi ám ảnh của Columbus về La Isabela, họ còn thừa nhận trách nhiệm là ở ông: “Đối với khu định cư mà người đang xây dựng, chẳng có cách nào để

bất cứ ai ở đây có thể cho lời khuyên hay đề xuất thay đổi kế hoạch của người, và chúng ta để người quyết định hoàn toàn, thậm chí nếu chúng ta có mặt ở địa điểm đó, chúng ta vẫn nghe theo ý kiến và lời khuyên của người”.

Trước sự hết hồn của Columbus, họ lịch sự dọa chuyển ông sang một vị trí mới. Thay vì định cư ở Ấn Độ, nơi tình hình đang nhanh chóng xấu đi, ông có thể trở về Tây Ban Nha để giúp giải quyết các vấn đề với đối thủ Bồ Đào Nha liên quan đến những tuyến đường thương mại và Hiệp ước Tordesillas, mà việc áp dụng nó vẫn đang gây tranh cãi căng thẳng. “Nếu người khó quay về”, Isabella viết, liệu ông có vui lòng gửi em trai “hay người nào đó am hiểu” về vấn đề “lập tức theo những chiếc tàu buồm đầu tiên trở về quê hương”. Căn cứ vào tầm quan trọng hơn hẳn so với hình hài của đế chế non trẻ, với những ranh giới của nó đang bị thử thách mỗi ngày, bà ta cần nghe tất cả các ý kiến của ông “để chúng ta có thể trở lại với câu hỏi về đường phân định ranh giới chính xác là ở đâu trong khoảng thời gian được đề ra ở thỏa thuận với Vua Bồ Đào Nha”.

Bỏ qua những yêu cầu này của triều đình, Columbus vẫn ở lại La Isabela, cố gắng hoàn thành tầm nhìn vĩ đại về sứ mệnh của mình, nhưng ông đạt được mục tiêu một cách chậm chạp. Las Casas giải thích, “Khi mỗi ngày qua đi, Đô đốc lại càng ý thức hơn về việc toàn bộ mảnh đất ấy đang đứng lên cầm vũ khí – dù rằng những thứ vũ khí của nó chỉ như một sự đùa giỡn – và rằng sự căm ghét người Ki-tô giáo đang tăng lên”. Việc cải người Anh-điêng sang Ki-tô giáo tỏ ra khó thực hiện, và thường là tạm thời. “Đối với đức tin thiêng liêng của chúng ta”, Columbus viết về những nỗ lực nửa vời của mình trong việc thuyết phục người Anh-điêng, “Tôi tin rằng nếu những tộc trưởng và dân tộc trên đảo này được yêu cầu rửa tội hôm nay thì tất cả sẽ chạy đến, nhưng tôi không tin họ sẽ hiểu hay thấu hiểu bất cứ điều gì liên quan đến sự

bí ẩn thiêng liêng này”. Thường thì người Anh-diêng đồng ý được rửa tội – và tái rửa tội – đơn giản chỉ để nhận được những món quà vì đã tuân theo.

Giá trị hạn chế của bông và gia vị được thu hoạch và chuyên chở về Castile khó mà biện minh cho những chi phí và nguy hiểm của việc duy trì một tiền đồn xa xôi. Quan trọng hơn cả, lượng vàng có vẻ từng tỏa sáng nơi mỗi đáy sông và triền đồi ở vùng Cibao đã hết. Columbus và người của mình đã vét sạch các mỏ và dòng nước. Ông nghĩ ở đảo Hispaniola sẽ có một nguồn cung vàng vô tận; nhưng trên thực tế ông đã nhanh chóng khai thác kiệt quệ kho vàng khiêm tốn. Để biện minh cho việc tiếp tục hiện diện và những quyền lợi to lớn của mình, ông quay về với phương sách cuối cùng: nguồn nô lệ.

Từ tháng 2, Columbus đã lên kế hoạch khởi động một con đường buôn bán nô lệ đều đặn giữa Ấn Độ và Tây Ban Nha. Nó sẽ tập trung vào người Carib ghê rợn, qua đó cho phép người Taíno chuộng hòa bình hơn ở lại tại chỗ, và việc này sẽ kéo dài cho đến khi nào các mỏ vàng hoạt động. Với lượng cung vàng ít ỏi, việc buôn bán nô lệ dần trở nên khẩn cấp hơn. Nếu Columbus có những e ngại về quyết định của mình, thì ông đã giữ chúng cho riêng mình. Bồ Đào Nha và Genoa từng buôn bán nô lệ của họ, tại sao Tây Ban Nha lại không? Các vị Quân chủ, vốn không xa lạ với sự tàn nhẫn, giữ khoảng cách của họ trước ý tưởng này, điều chắc chắn sẽ làm phật lòng nhà thờ, các đối thủ chính trị, và thậm chí ý thức của chính họ về đạo đức. “Chủ đề này hiện thời sẽ được hoãn lại cho đến khi nào chuyển đi tiếp theo bắt đầu vì nó, và hãy để Đô đốc viết ra điều người nghĩ về nó.” Bỏ qua sự ủy mị được thể hiện trong hồi đáp này, Columbus chuẩn bị cho việc buôn bán nô lệ bao gồm cả người Carib lẫn người Taíno. Bất kể lòng quý mến lúc có lúc không của ông đối với những người chuộng hòa bình hơn trong số hai bộ tộc, ông sẽ gửi tất cả họ tới thị trường nô lệ bận rộn và đầy lợi nhuận ở Seville.

Theo Michele de Cuneo, Columbus ra lệnh bắt 1.500 đàn ông và đàn bà ở Hispaniola. Trong số này, 500 người tỏ ra có giá nhất cho việc buôn bán nô lệ bị nhốt vào một trong bốn chiếc tàu buồm hướng về Tây Ban Nha. Ông mời người của mình chọn trong số người còn lại trên bờ; khoảng 600 người Anh-điêng bị bắt giữ theo cách này và đưa đi mất hút. 400 người Anh-điêng còn lại tìm cách trốn thoát được, trong đó có những phụ nữ đang nuôi con. Mô tả cảnh tượng khủng khiếp, Cuneo viết, “Để chắc chắn trốn được khỏi chúng ta, bởi họ sợ chúng ta sẽ trở lại bắt họ một lần nữa, nên họ đã để lại bọn trẻ ở bất cứ đâu trên mặt đất và bắt đầu chạy trốn như những kẻ tuyệt vọng; và một số đã chạy xa đến mức họ cách xa khu định cư La Isabela của chúng ta bảy hay tám ngày đường, đằng sau những dãy núi và dòng sông lớn”.

Để trừng phạt, người Tây Ban Nha đã bắt Guatiguaná, một tộc trưởng được cho là đã giết những kẻ xâm nhập Tây Ban Nha, cùng với hai người đứng đầu của ông ta, và trói tất cả họ lại, nhưng trước khi số người Anh-điêng này có thể bị bắn vì những việc làm tai hại của họ, các tù nhân đã tự giải phóng và bỏ trốn.

Vào ngày 24 tháng 2 năm 1495, những người anh em kém may mắn hơn của họ ra khơi cùng đội tàu, đi cùng là Michele de Cuneo mà cuối cùng đã nhìn thấy đủ về Tân Thế giới, và người em của Columbus là Diego, được giao nhiệm vụ bảo vệ Đô đốc trước các lời buộc tội đang chờ ở Tây Ban Nha do những kẻ thù ghét Columbus đưa ra, đứng đầu là Cha Buil và Pedro Margarit. Ở thời điểm đó, Columbus cay đắng suy ngẫm về sự cáo buộc vu khống và công khai “những lời dối trá được báo cáo lên Bệ hạ từ mấy kẻ xấu xa nào đó từng đến đây, và những người mà họ nói chuyện”. Ông giận dữ trước mấy kẻ cáo buộc, không đáng tin, thiếu hiểu biết, xấu xa, những kẻ vốn không liên quan gì tới công cuộc cao quý này: “Vì cờ bạc và những thói tật ô nhục, dối bại khác, họ đã đánh mất gia tài, và vì họ không thể tìm thấy bất cứ vùng đất nào có thể chứa chấp họ nữa nên họ đi chuyến này với sự dối trá và lừa đảo,

nghĩ rằng sẽ nhanh chóng phát lên khi cập bờ mà không phải làm việc hay nỗ lực để họ có thể quay lại lối sống trước kia của mình. Điều này xảy ra với cả những người theo các [dòng tu] tôn giáo cũng như trong những người thế tục; họ mù quáng bởi lòng tham xấu xa đến nỗi họ không tin tôi khi ở Castile tôi đã nói trước với họ rằng sẽ phải làm mọi việc. Họ vô cùng tham lam, họ nghĩ tôi đang nói dối”.

Bất kể tính cách họ thấp kém thế nào và những câu chuyện của họ xấu xa ra sao, thì hành vi của Columbus trong chuyến đi đôi lúc còn đáng xấu hổ hơn, nhưng ở Tây Ban Nha người ta không nhận ra và không đặt thành vấn đề.

Antonio de Torres, đến lúc này đang tạo nên một sự đặc biệt khi dẫn đầu những chuyến đi vượt Đại Tây Dương, tỏ ra kém lão luyện hơn Columbus trong việc đưa đội tàu nhanh chóng trở về. Đô đốc đã bỏ qua chuyện khuyên anh ta về con đường tối ưu, đi theo hướng bắc tới gần vĩ độ của Bermuda trước khi hướng về phía đông đến quần đảo Canary hay mũi St. Vincent trên bờ biển Bồ Đào Nha. Với gánh nặng bị kịch là những tù nhân, Torres trôi dạt quanh quần đảo Lesser Antille vài tuần trước khi đi đủ xa về phía bắc để bắt kịp cơn gió mậu dịch; sau đó, anh ta đến được đảo Madeira trong vòng hơn ba tuần.

Đó là một chuyến đi địa ngục. “Khoảng 200 người Anh-điêng nọ đã chết, tôi tin là do bầu không khí không quen thuộc, lạnh hơn ở chỗ họ”, Michele de Cuneo viết. “Chúng tôi vớt họ xuống biển”. Khi họ xuống tàu ở Cadiz, một nửa số người Ấn Độ còn sống sót bị ốm nặng. “Xin thưa với các ông”, ông thông báo với giới chức, “họ không phải những người lao động và rất sợ lạnh, họ cũng không sống lâu”.

Columbus tuyệt vọng trong việc chứng minh giá trị của món hàng là những con người dễ bị tổn thương mà ông gửi tới Tây Ban Nha, từ một khoảng cách an toàn, ông gác lại các lo lắng về người Anh-điêng để tán dương những đặc tính của họ với Ferdinand và Isabella. “Tôi

tin rằng họ vượt trội trong thế giới những người da đen hay bất cứ nơi nào”, ông tuyên bố. “Họ rất khéo léo, đặc biệt khi còn trẻ”, ông viết. “Xin hãy cân nhắc liệu có đáng giá để lấy ra sáu hay tám cậu bé, tách chúng ra, và dạy chúng học đọc và viết, bởi tôi tin chúng sẽ trở nên xuất sắc trong một thời gian ngắn; ở Tây Ban Nha chúng sẽ được học một cách hoàn hảo.” Chương trình giáo dục đã chẳng bao giờ diễn ra. Thay vào đó, người quản lý chung của đội tàu là Juan de Fonseca gửi những kẻ sống sót đến Seville để bán đấu giá. Bernáldez, bạn tâm giao của Columbus, đã chứng kiến sự hạ cấp cuối cùng của những người Anh-điêng trong tay người Tây Ban Nha. Họ “trần truồng như ngày họ mới sinh ra, chẳng xấu hổ hơn những con thú hoang”. Như thể đạt đến sự quan sát còn nhẫn tâm hơn, ông ta kêu ca, “Họ không mang lại nhiều lợi nhuận vì gần như tất cả đã chết, bởi đất nước này không phù hợp với họ”.

Trong khi kế hoạch của Columbus nhằm thiết lập đường dây buôn bán nô lệ với Tây Ban Nha bị thất bại, thì người Anh-điêng ở Hispaniola đang chiến đấu chống lại lực lượng Tây Ban Nha, đặc biệt ở vùng lân cận La Isabela. Guatiguaná bị bắt giữ trước đây, tìm được đường thoát khỏi sự giam cầm của người Tây Ban Nha, đã tập hợp các chiến binh của mình lại và bắt đầu giết những kẻ xâm lược Tây Ban Nha hay đuổi họ quay lên tàu. Người Anh-điêng có lợi thế về số đông áp đảo và quen thuộc với mảnh đất quê hương mình, nhưng Guatiguaná không thể tập hợp những bộ lạc riêng lẻ trong cuộc chiến này. Một số thủ lĩnh muốn giữ tình trạng tách biệt an toàn, còn những người khác, đặc biệt Guacanagarí, vẫn trung thành với lực lượng Tây Ban Nha.

Columbus vẫn bị kiệt sức, yếu ớt đến mức thủy thủ phải mang ông từ tàu chỉ huy lên bờ. Ông ở đó trong những tháng mùa đông để bình phục, cho tới cuối tháng 2 năm 1495. Ông phải chịu những tác

động kết hợp của mấy căn bệnh, một số rõ rệt hơn số khác. Las Casas đáng tin cậy thì nói về chứng viêm khớp, có lẽ ông ta định nói đến tình trạng đau đớn và yếu ớt của bệnh viêm khớp mãn tính, và có vẻ là Columbus đã bắt đầu xuống sức về tinh thần cũng như thể xác. Ông đặc biệt buồn bực khi nghe tin người Anh-điêng đã nổi lên chống lại Pedro Margarit, người được Columbus chỉ định giám sát các mỏ của vùng Cibao. Với những kiểu độc tài nhỏ mọn của mình, Margarit đã gây nên một sự lộn xộn, “không hề chú ý đến những mong muốn của Đô đốc”, Ferdinand nói, và có vẻ cố liều lĩnh khi biến mình thành một tân thủ lĩnh của cuộc thám hiểm.

Ngay sau khi Columbus rời đi cùng ba con tàu của mình, Margarit đã lơ tịt lệnh của ông là chiếm các mảnh lớn trên đảo, và thay vào đó đã đưa người của mình, gần 400 người mạnh khỏe, đến Vega Real, cách đó 10 hải lý, tại đây anh ta dành sức lực cho việc “lập mưu và trù tính để những thành viên của hội đồng do Đô đốc lập ra tuân theo lệnh anh ta, và gửi cho họ những lá thư xác láo”. Thất bại trong kế hoạch lật đổ Columbus, “người mà anh ta sẽ phải giải thích về những hành động của mình ở nhiệm sở”, anh ta đã lên chiếc tàu đầu tiên về Tây Ban Nha, không hề giải thích hay để ai thay thế trong việc chịu trách nhiệm về 376 con người bị bỏ lại đằng sau đang nhanh chóng sa đọa thành những kẻ săn mồi. “Mỗi người đi đâu tùy thích tới chỗ của người Ấn Độ, trộm cắp tài sản và vợ của họ và gây ra nhiều tổn hại đến nỗi người Ấn Độ quyết tâm trả thù bất cứ người nào họ thấy đi một mình hay thành nhóm nhỏ.” Kết quả là, “Đô đốc thấy hòn đảo trong tình trạng đáng thương, với đa số người Ki-tô giáo gây ra vô vàn sự xúc phạm mà vì thế họ bị người Ấn Độ ghét cay ghét đắng, không chịu tuân phục”. Trong cơn giận dữ, Guatiguaná đã giết 10 lính canh Tây Ban Nha và lén lút phóng hỏa một nơi ở chứa 40 người khác, tất cả họ đều đang ốm. Peter Martyr đau đớn viết về những “sự bất công” mà người Tây Ban Nha gây ra khi Columbus

vắng mặt: “Bắt cóc phụ nữ của các đảo dưới con mắt của bố mẹ, anh em và chồng họ... hãm hiếp và cướp bóc”.

Margarit đã bỏ đi, Columbus không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tóm lấy Guatiguaná. Không thực hiện được việc này, ông bèn tóm một số kẻ theo ông ta và gửi họ như các tù nhân về Tây Ban Nha trên đội tàu do Antonio de Torres dẫn đầu. Bốn con tàu khởi hành ngày 24 tháng 2 năm 1495.

Nhưng các rắc rối với người Anh-điêng thì mới chỉ bắt đầu.

Ở La Isabela, Columbus muộn màng nhận ra rằng người Anh-điêng phục tùng bốn vị thủ lĩnh: Caonabó, Higuanaamá, Behechio, và Guarionex, mỗi người trong họ ra lệnh cho “70 hay 80 tộc trưởng, không phải cống nộp nhưng có nghĩa vụ phải đến khi được triệu tập để giúp họ trong các cuộc chiến và gieo trồng những cánh đồng”.

Nổi bật trong nhiều tộc trưởng này là Guacanagarí, người đồng minh thi thoảng của Columbus và là người cai quản một phần Hispaniola nơi có La Isabela. Nghe tin Columbus đã trở về sau một thời gian dài vắng mặt, Guacanagarí ngay lập tức đến thăm để tuyên bố mình vô tội. Anh ta không làm gì để hỗ trợ hay khuyến khích người Anh-điêng đã giết người Tây Ban Nha, và để thể hiện thiện chí lâu dài, anh ta nhắc nhở về thiện chí và sự hiếu khách mà anh ta luôn thể hiện đối với người Ki-tô giáo. Anh ta tin rằng sự hào phóng của mình đối với những vị khách từ phương xa này đã khơi gợi lòng thù ghét của các tộc trưởng khác, nhất là Behechio xấu xa, kẻ đã giết một trong những người vợ của Guacanagarí, và Caonabó trộm cướp, kẻ đã thó một người vợ khác. Giờ đây anh ta cầu xin Đô đốc lấy lại cho mình mấy người vợ và trả thù. Trong lúc Guacanagarí kể câu chuyện bi thương này, anh ta “sụt sịt mỗi khi nhớ lại những người đã bị giết ở La Navidad, như thể họ là con của anh ta”.

Những giọt nước mắt của Guacanagarí đã khiến Columbus mềm lòng, nối lại mối liên kết giữa Đô đốc và vị tộc trưởng.

Trong lúc ông xem xét tình hình, Columbus nhận ra rằng vị tộc trưởng đầy tình cảm ấy đã cung cấp tin tức quý báu về những xung đột giữa người Anh-điêng, những xung đột mà Columbus có thể khai thác để trừng phạt kẻ thù chung của họ. Mối liên minh với Guacanagarí sẽ giúp ông giải quyết tất cả các vấn đề.

Bình phục sau trận ốm, Columbus “hành quân từ Isabela về phía trước trong đội hình quân đội cùng với người đồng đội Guacanagarí, người vô cùng mong muốn đập tan kẻ thù của mình”, Ferdinand viết. Đó là ngày 24 tháng 3 năm 1495, gần sáu tháng kể từ khi Đô đốc đến đây. Nhiệm vụ quân sự phía trước tỏ ra vô cùng khó khăn. Columbus và Guacanagarí cùng chỉ huy một đội quân gồm 200 lính gác Tây Ban Nha, được hộ tống bởi 20 ngựa và 20 chó săn – những con vật mà với kẻ thù thì đáng sợ hơn bất cứ loài động vật châu Âu có hai chân nào. Nhưng họ đối mặt với một lực lượng khủng khiếp, “hơn 100.000 người Ấn Độ” bảo vệ lãnh thổ của riêng mình chống lại một băng đảng nhỏ những kẻ xâm lăng. Căn cứ sự giận dữ ngày càng tăng của người Anh-điêng đối với người Tây Ban Nha, có vẻ như đây sẽ là trận đánh cuối cùng của Columbus, nhiệm vụ của ông, những người của ông, và những con tàu của ông. Một vụ tàn sát đang hình thành, một kế hoạch mang bầu không khí diệt vong, như thể Columbus, một nhà hàng hải quá kinh nghiệm nên không thể chết ngoài biển, thay vào đó đã cố tình chọn cách đọa đày bản thân – và cả người của mình – trên mặt đất.

Tin rằng bây giờ ông đã hiểu “tính cách và thói quen của người Ấn Độ”, Columbus bắt đầu chiến dịch bằng cách dẫn đầu lực lượng nhỏ bé của mình vào cuộc hành quân kéo dài 10 ngày từ La Isabela. Ông chia người thành hai nhóm, một nhóm dưới sự chỉ huy của ông, nhóm khác dưới sự chỉ huy của Bartholomew em trai ông. Dựa vào

khả năng của lũ ngựa trong việc gây nên nỗi khiếp đảm tột cùng ở kẻ thù, hai anh em cố gắng giăng bày lực lượng Anh-điêng đông đảo vào thế gọng kìm. Columbus “tin là người Ấn Độ, bị sợ hãi bởi tiếng âm ã đồng thời nổi lên ở các hướng khác nhau, sẽ tan vỡ và chạy trốn trong cơn hoảng loạn”.

Thoạt đầu, “các đội kỵ binh”, theo cách gọi đàng hoàng của Ferdinand, tấn công người Anh-điêng, đánh bật họ trở lại bằng cung tên và súng hỏa mai. Rồi sau đó, “kỵ binh và chó săn” xen vào để gieo rắc sự hoảng loạn trong kẻ thù, họ đã làm thế, đuổi người Anh-điêng vào rừng, và săn đuổi họ ở bất cứ nơi nào họ đi, “giết nhiều người”, theo Ferdinand, “và bắt những người khác mà sau đó cũng bị giết”.

Binh lính Tây Ban Nha đuổi theo người Anh-điêng vào những khu rừng rậm nửa nhiệt đới, và khi không thể đi thêm được nữa, họ bèn thả 20 con chó săn ra. Las Casas viết về những con thú đói khát “tấn công người Ấn Độ trong tiếng hét *tomalo*”, bắt lấy nó! “Trong vòng một giờ chúng săn được tầm 100 người bọn họ. Vì người Ấn Độ vốn quen với việc hoàn toàn trần truồng, nên dễ dàng hình dung ra thương tích của họ do lũ chó săn hung dữ gây ra, được thúc giục cắn xé những cơ thể trần truồng và làn da mỏng hơn hẳn da lợn rừng mà chúng từng cắn xé.”

Lực lượng Tây Ban Nha thành công trong việc bắt sống Caonabó cùng vợ con ông ta. Ferdinand phóng đại số lượng chiến binh Anh-điêng tham gia cuộc chiến, dù họ đã vượt trội người Tây Ban Nha rất nhiều về quân số. Được sự trợ giúp của ngựa và vũ khí tối tân hơn, chiến thắng của người Tây Ban Nha đã truyền cảm hứng cho sự tự tin vốn luôn bị thiếu kể từ khi Columbus lần đầu tiên đến Ấn Độ. “Không có thứ vũ khí nào của chúng ta lại không gây tổn hại nặng nề khi được sử dụng để chống lại người Ấn Độ”, Las Casas viết từ mặt trận, trong khi vũ khí của người Anh-điêng tỏ ra “chẳng khác đồ chơi là mấy”.

Sau trận đánh, Caonabó “thú nhận rằng ông ta đã giết 20 người trong số người Tây Ban Nha ở lại với Arana tại La Navidad khi Đô đốc trở về Tây Ban Nha sau khi đã khám phá ra Ấn Độ”. Như vậy ông ta là kẻ gây ra điều ác trước tiên. Và nếu lời thú nhận ấy là đáng tin thì mọi chuyện còn tệ hơn. Ông ta sau đó còn “giả vờ bè bạn” đi thăm người Tây Ban Nha ở La Isabela nhưng với “ý định thực sự (mà người của chúng ta đã nghi ngờ) là dò xét xem ông ta có thể tấn công thế nào cho tốt nhất và tiêu diệt nó như ông ta đã làm với thị trấn La Navidad”. Peter Martyr kể lại, viên phụ tá cứng đầu của Columbus là Alonso de Ojeda, ban đầu cố gắng môi giới cho một “hiệp ước hữu nghị” giữa Caonabó và Columbus, rồi kết thúc bằng việc đe dọa vị thủ lĩnh “với cuộc tàn sát và sự tiêu diệt người của ông ta nếu ông ta chọn chiến tranh thay cho hòa bình với người Ki-tô giáo”.

Nhà biên niên sử người Ý đã phân tích một cách khéo léo tình thế tiến thoái lưỡng nan về chính trị và mong muốn của những vị thủ lĩnh khi họ xuất hiện trước Columbus. “Có thể hiểu được, Caonabó giống như một rạn san hô giữa biển cả, bị các dòng chảy xô theo chiều này rồi theo chiều ngược lại, cùng nỗi lo lắng bởi ký ức về những tội ác mà ông ta đã gây ra, vì ông ta đã gian xảo giết chết 20 con người không có khả năng tự vệ của chúng ta; dù tỏ ra mong muốn hòa bình, nhưng ông ta vẫn sợ phải đi gặp Đô đốc. Cuối cùng, sau khi cân nhắc cẩn thận một âm mưu với mục đích giết Đô đốc và những người khác khi cơ hội đến và giả vờ muốn lập lại hòa bình, ông ta đến gặp Đô đốc với toàn bộ đoàn tùy tùng và nhiều người khác, mang vũ khí theo phong tục của họ.” Đây nỗ lực, Ojeda đã nhử Caonabó bị kiệt sức đến trước Columbus để hòa giải. Như một phần thưởng, Caonabó sẽ nhận một chiếc chuông nhỏ bằng đồng từ nhà thờ.

Ojeda khua còng sắt và ngàm chân, giải thích rằng không một ai ngoài Vua Ferdinand đeo mấy món trang sức này khi cưỡi ngựa. Không cần cân nhắc gì nhiều, Caonabó có thể thử đeo chúng và xem cảm giác

là một ông vua thì nó sẽ thế nào. Ojeda bố trí để Caonabó được đưa lên ngựa ngay sau phía mình, còn người Tây Ban Nha thắt chặt dây sao cho Caonabó được buộc chắc vào ngựa. Lúc đó lính Tây Ban Nha đã khiến lính bảo vệ của Ojeda sợ hãi, và Ojeda thúc ngựa phi nước đại qua sông mang theo cả hai người. Caonabó đã bị bắt cóc.

Ojeda tiếp tục phóng đi, chỉ tạm dừng để trói chặt thêm *prisionero* (tù nhân) của mình, cho đến khi họ tới La Isabela, tại đó Caonabó giờ đây trở thành một tù nhân chỉ biết tiêu thời gian vào việc “cáu kỉnh và nghiêng răng cứ như ông ta là một con sư tử Libya”, theo lời Peter Martyr.

Tiếp tục với việc bình định vùng Cibao, Ojeda vây bắt những tộc trưởng cứng đầu khác, mặc dù có ít nhất một vị tộc trưởng là Behechio, em rể của Caonabó, trốn thoát. Khi công việc chấm dứt, Columbus sắp xếp một cuộc diễu hành mừng chiến thắng qua vùng đồng quê đã bị khuất phục.

Đó là câu chuyện từ phía người Tây Ban Nha, được các nhà biên niên sử Ferdinand Columbus, Peter Martyr, và Gonzalo Fernández de Oviedo ghi lại cho hậu thế. Nhưng còn một câu chuyện khác, một góc nhìn gây lo lắng hơn đến từ phía người Anh-điêng, nhấn mạnh việc người châu Âu đã hãm hiếp và bắt cóc thổ dân Taíno. Thậm chí cảm tình của Columbus đôi lúc cũng bị phân chia giữa những người ông dẫn dắt và những người ông chinh phục, nhưng một khi đã giải thoát bản thân khỏi lòng trắc ẩn, ông lại quay về với nỗi ám ảnh về vàng, vinh quang, và chinh phục.

Minh họa về các nguyên tắc đạo đức trong cuộc xung đột, Las Casas tuyên bố, “Một chiến thắng bỉ ổi như vậy chắc chắn không góp phần mang lại vinh quang cho Chúa”. Để chuộc lại các lỗi lầm này theo một cách nhỏ bé, ông ta đã làm chứng cho những nỗi đau khổ của họ và làm người bệnh vực cho họ trước hậu thế.

Columbus có ý định gửi Caonabó và em trai ông ta tới Tây Ban Nha, “vì ông ấy không muốn đẩy một nhân vật vĩ đại như vậy đến chỗ chết mà các vị Quân chủ Công giáo lại không biết”, theo Ferdinand. Ông đánh giá rằng việc trừng phạt nhiều người Anh-điêng khác là đủ rồi. Đó là một quyết định gây tò mò đối với một con người đầy hận thù như vậy, và bắt nguồn từ thực tế rằng Columbus và Caonabó đã từng phát triển một mối quan hệ hòa hảo, từ người lãnh đạo này sang người lãnh đạo khác, vượt qua hố sâu rộng lớn về chính trị và ngôn ngữ. Họ cùng chia sẻ một mối quan tâm về những bí mật vĩnh cửu của cuộc sống và cái chết, trong khi Columbus cố gắng chinh phục lĩnh vực tinh thần mạnh mẽ của người Anh-điêng với cùng một sự mãnh liệt mà ông mang tới cho sự tồn tại tạm thời mong manh của họ, và với những kết quả gây trở ngại không kém.

“Tôi đã hết sức nỗ lực để hiểu được họ tin điều gì và biết được người chết đi về đâu, đặc biệt từ Caonabó”, Columbus viết trong một đánh giá lại đáng chú ý về cựu đối thủ của mình. “Ông ta là một người đứng tuổi, rất hiểu biết và thông minh sắc sảo”, và ông ta đã mang lại cho Columbus ý tưởng đầy thuyết phục đầu tiên về cuộc đời của một tộc trưởng Anh-điêng: có đặc quyền, được nuông chiều, và như ở nơi địa đàng. “Họ ăn uống, có các bà vợ, hưởng thụ niềm vui và sự thoải mái”, Columbus kinh ngạc. Trong và xung quanh những cơn bột phát thù địch, người Tây Ban Nha hiểu thêm về cuộc đời và các nguồn lực của những chủ nhà của mình, như Ferdinand nhận xét, những mỏ “đồng, đá lam ngọc, và hổ phách, cây vang, gỗ mun, gỗ hương, cây tuyết tùng, nhiều loại bạch đàn tốt, và các loại gia vị hoang dã khác nhau”, trong đó có quế (“dù vị hơi cay”), gừng, hạt tiêu, mọi thứ trừ vàng mà Columbus kiên trì tìm kiếm. Thậm chí có cả “cây dâu tằm có lá quanh năm để sản xuất tơ lụa và nhiều loại cây có ích khác mà ở nước ta chưa hề biết đến”.

Ít nhất theo lời Columbus, thường những gì trông có vẻ thanh bình thì thật ra lại không phải như vậy. Cùng hai người em của mình, ông thành lập thêm ba pháo đài, được ông dùng để củng cố một hệ thống cống nạp mà đã phá hủy nền kinh tế vững vàng trước đây của hòn đảo.

Theo đó, mỗi người Anh-điêng trên 14 tuổi phải nộp một lượng vàng tương đương lượng vàng đựng trong chiếc chuông nhỏ. Các tộc trưởng thậm chí được yêu cầu nộp nhiều hơn cho người Tây Ban Nha chiếm đóng. Người Anh-điêng sống trong khu vực hiếm vàng có thể thay thế bằng vải sợi – được xe hay dệt, chứ không phải loại thô – nếu họ muốn, nhưng tất cả đều phải cống nộp, nếu không sẽ bị giết. Những ai tuân theo thì nhận được một miếng đồng có đóng dấu để đeo quanh cổ, và nó đã trở thành biểu tượng của sự xấu hổ khó dung thứ. (Về hệ thống này, Las Casas buộc tội: “Thậm chí những kẻ độc ác nhất trong số người Thổ Nhĩ Kỳ hay người Moor, hay người Hunsⁱ và Vandalsⁱⁱ, từng tàn phá vương quốc và đất đai của chúng ta và phá hủy cuộc sống của chúng ta, sẽ thấy một đòi hỏi như vậy là quá nặng đến mức không thể và sẽ coi nó là vô lý và kinh tởm”.)

Trong lúc đó, người Anh-điêng khai thác kiệt quệ lượng vàng hạn chế của hòn đảo, và một lượng có vẻ khiêm tốn cũng trở nên ngày càng khó khăn mới có được, thậm chí phải nỗ lực không ngừng lọc trong cát và các bụi cây. Hệ thống ấy, theo một cách nào đó, còn tệ hơn cả chế độ nô lệ, và nó đã phá hủy mọi cơ hội để người Anh-điêng có thể trợ giúp hay hợp tác với người Tây Ban Nha trong mọi nỗ lực ngoài việc cống nạp vàng đầy vô nghĩa. Bằng cách áp đặt hệ thống này, Columbus đã đảm bảo cho một sự cung cấp vàng khiêm tốn nhất, với cái giá của

i. Tên gọi một dân tộc sống ở Trung Á, vùng Caucase và Đông Âu, rải rác trong từng thời kỳ giữa khoảng thế kỷ 1 đến đầu thế kỷ 8, nổi tiếng hiếu chiến.

ii. Tên gọi một bộ tộc Đông German, nổi tiếng man rợ.

mọi thứ khác mà ông có thể cần hay muốn. Ví dụ, Guarionex, một tộc trưởng có ảnh hưởng, lập luận rằng đất đai được sử dụng để cung cấp một lượng vàng bé nhỏ có thể gieo trồng đủ lúa mì để nuôi toàn bộ Tây Ban Nha, không chỉ một lần, mà chục lần, nhưng Columbus từ chối cân nhắc ý tưởng đó, thay vào đó quyết định giảm một nửa lượng cống nạp và duy trì sự trừng phạt.

Khi xem xét lại ý tưởng này, Las Casas rít lên vì căm phẫn. “Một số tuân theo”, ông ta nhận xét, “còn đối với số khác đó là điều không thể, và thế là bị rơi vào cảnh sống tồi tệ nhất, một số trốn vào núi, trong khi những người khác, vì bạo lực, sự khiêu khích, và đối xử bất công không ngừng từ phía người Ki-tô giáo, đã giết một số người Ki-tô giáo trước những tổn hại đặc biệt hay sự hành hạ mà họ phải chịu đựng”. Người Ki-tô giáo đáp lại bằng cách giết và hành hạ những kẻ chống đối, “không hề tôn trọng sự công bằng có tình người và thần thánh cũng như quy luật tự nhiên mà dưới quyền năng đó họ thực hiện điều này”. Không thể phủ nhận cơn giận dữ của Las Casas, nhưng người Anh-điêng không phải là những kẻ gây thương tổn trong tưởng tượng của ông ta; họ đã là các chủ nô từ lâu trước khi người châu Âu đến đây. Fernández de Oviedo nhận xét rằng trong chiến tranh, các bộ lạc Anh-điêng cạnh tranh “có những người mà họ đánh dấu và giữ làm nô lệ. Mỗi ông chủ có dấu riêng của mình và một số ông chủ thì nhổ một chiếc răng của của nô lệ để đánh dấu quyền sở hữu”.

Mất tinh thần trước hệ thống cống nạp của người Tây Ban Nha, và suy nhược bởi những lời tiên tri của chính mình, nhiều người Anh-điêng từng bước chạy trốn theo con đường duy nhất còn lại với họ. Columbus bắt đầu ý thức về các khía cạnh của bi kịch hủy diệt người Anh-điêng khi “người ta chỉ ra cho ông thấy rằng người bản xứ bị một nạn đói hành hạ rộng khắp đến mức hơn 50.000 người đã chết, và mỗi ngày họ lại đổ gục mọi chốn như những đám đông bị ốm”, theo lời Peter Martyr.

Thực tế thậm chí còn khủng khiếp hơn cả nạn đói; đó là sự tự hủy diệt. Người Anh-điêng phá hủy các kho bánh để cả họ lẫn kẻ xâm lăng đều không thể ăn được. Họ nhảy xuống từ vách đá, họ dùng rễ cây tự đầu độc, và họ nhịn đói đến chết. Bị đàn áp bởi yêu cầu quá đáng là cống nộp vàng, người Anh-điêng không thể trông nom đồng ruộng hay chăm sóc người ốm, người già, và trẻ em được nữa. Họ buông xuôi và tự tử hàng loạt để tránh bị người Ki-tô giáo giết hại hay bắt giữ, và để tránh việc chia sẻ đất đai, đồng ruộng, lùm cây, bãi tắm, rừng, và phụ nữ của họ với người Ki-tô giáo: tương lai của dân tộc họ. Đó là một hành vi phi thường của nỗi tuyệt vọng và sự tự tiêu diệt, lan tràn đến mức người Tây Ban Nha không thể hiểu nổi.

Có tất cả 50.000 người Anh-điêng đã chết bởi bàn tay của chính mình.



Người Tây Ban Nha phủ nhận lời buộc tội. Việc tự tử hàng loạt là kết quả của “sự cứng đầu của chính” người Anh-điêng, Peter Martyr nói. “Người Ấn Độ cố tình phá hủy tất cả các cánh đồng bánh [sắn] của họ”, Columbus nói với các vị Quân chủ của mình vào tháng 10 năm 1495. “Để ngăn thần tìm vàng, người Ấn Độ đã tạo ra nhiều rào cản nhất như họ có thể.” Đồng thời, ông thừa nhận rằng “không có điều gì khiến họ buồn rầu và đau khổ hơn trước thực tế là chúng ta đang tiến vào lãnh thổ của họ”. Nhưng trên thực tế, người Anh-điêng ít quan tâm đến vàng, đặc biệt khi so với Columbus. Theo phiên bản của ông, người Anh-điêng sau khi nhận ra rằng họ sẽ không thể khiến ông chuyển hướng khỏi việc săn tìm vàng, bèn muợn màng “trồng trọt và gieo hạt trở lại trên đất đai vì họ đang chết đói, nhưng lần này thiên nhiên không giúp mưa xuống cho họ và họ bị tiêu diệt và đã chết và đang chết với một tỉ lệ khó tin”. Ông gán cho cái chết của họ là vì “đói”.

Số người sống sót sụt giảm cho thấy họ bị rơi vào thế cờ tàn của sự sinh tồn. Một số trốn trong núi, bị những con chó Tây Ban Nha tấn công. Những ai tránh được chó thì gục ngã trước cái đói và bệnh tật. Mặc dù các ước lượng về dân số là không chính xác, nhưng xu hướng thì rõ ràng. Trong khoảng 300.000 người Anh-điêng ở Hispaniola vào thời điểm chuyến hải hành thứ nhất của Columbus năm 1492, khoảng 100.000 người đã chết trong quãng thời gian 1494-1496, một nửa trong số đó là do tự tử hàng loạt. Las Casas ước tính rằng dân số Anh-điêng năm 1496 chỉ bằng một phần ba dân số năm 1494. (“Một vụ mùa thật huy hoàng và họ gặt hái mới nhanh làm sao!” ông ta chua xót viết.) 12 năm sau, vào năm 1508, một cuộc điều tra dân số thống kê được 60.000 người Anh-điêng, bằng một phần năm dân số ban đầu, và đến năm 1548 Fernández de Oviedo chỉ còn tìm thấy 500 người Anh-điêng sống sót trong hàng trăm ngàn người từng sinh sống trên đảo khi Columbus đến đây, những người đã từng nhìn ông như người tới để hoàn thành một lời tiên tri lâu đời. Chỉ giờ đây ý nghĩa của lời tiên tri đó mới trở nên rõ ràng: sự hiện diện của ông đồng nghĩa với sự tuyệt chủng của họ.

Lúc ấy người Taíno đã lập lại hòa bình với các đối thủ. Một bộ tộc bao gồm cả người Carib lẫn người Taíno xuất hiện, và có vẻ như nó đã chỉ ra con đường cùng tồn tại. Những đội tàu của Columbus xuất hiện, hết đội này đến đội khác, đã phá vỡ sự thỏa hiệp tự phát và thêm vào một cấp độ mới của sự căng thẳng và xung đột với cái xã hội hay thay đổi này. Nhân vật đứng đầu là đối thủ của Columbus, Caonabó, tộc trưởng người Carib lấy vợ người Taíno tên là Anacaona, em gái của Behechio. Ngay trước khi Columbus đến, những người Taíno khác cũng đã cưới những người Carib từ bỏ tục ăn thịt người; trong trường hợp này, Caonabó và Anacaona không phải là duy nhất. Bộ tộc thứ ba, Ciguayo, tỏ ra là một sự lai tạp giữa hai cựu đối thủ kia. Las Casas viết rằng họ đã quên mất tiếng mẹ đẻ và thay vào đó “nói một thứ tiếng kỳ lạ, gần như là man rợ”, có lẽ được kết hợp từ cách nói của họ với

ngôn ngữ của người Taíno. Giống như người Carib, họ để tóc dài, dùng lượng lớn sơn các màu đỏ và đen thường để bôi vẽ trước trận đánh, nhưng không giống người Carib, người Ciguayo không xăm dọc lên mũi tên. Chính người Ciguayo đã bắn tên vào Columbus khi ông lần đầu đến Cộng hòa Dominica, và để ghi nhớ vụ tấn công, ông đặt tên cho nơi diễn ra trận đánh là Gulf of Arrows (vịnh Mũi tên).

Vào thời gian Columbus đến đó, cả ba bộ tộc – Taíno, Carib, và Ciguayo – đều cố gắng gìn giữ hòa bình và ngăn chặn sự hủy diệt lẫn nhau bằng những cuộc hôn nhân giữa các bộ tộc, một chiến thuật giống như nhiều mối liên minh giữa các gia đình hoàng gia của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Nhưng sự hiện diện của người Tây Ban Nha đã khiến các mối liên minh của người Anh-điêng bị ngừng lại, và đẩy các dân tộc Anh-điêng vào hỗn loạn.

Những tội lỗi của Columbus – ít nhất là những tội lỗi đối với người Tây Ban Nha – rốt cuộc cũng quay lại săn đuổi ông. Vào ngày 5 tháng 8 năm 1495, một đội tàu buồm bốn chiếc rời Tây Ban Nha dưới sự điều khiển của Juan de Aguado, một người có kỷ luật chặt chẽ nằm trong số người đi cùng Columbus lúc ban đầu của hải hành thứ hai, và là người quay về Tây Ban Nha cùng với những người khác vốn-sẽ-là-những-nhà-chinh-phục bị ốm và đầy lòng bất mãn dưới sự chỉ huy của Torres. Nhờ vào các nỗ lực của Cha Buil, thái độ ở Tây Ban Nha là quay sang cương quyết chống lại Đô đốc, và Aguado cùng các trợ lý của mình trở lại Hispaniola cùng lệnh điều tra về Columbus. Đồng thời, họ chờ theo đồ dự trữ và – bởi vàng vẫn giữ tầm quan trọng lớn lao – một nhà luyện kim.

Khi đến nơi vào tháng 10 năm 1495, Aguado trang trọng tiến vào trong tiếng kèn trumpet, và nắm quyền điều hành tiền đồn nhỏ nơi hoang dã. Bartholomew có mặt ở La Isabela lúc cảnh hạ nhục ấy diễn ra, bèn gửi một lá thư cảnh báo đến Columbus, lúc này đã đi vào

đất liền tới các mỏ của vùng Cibao. Trở về pháo đài, Đô đốc làm mọi người ngạc nhiên khi lắng nghe một cách kính trọng những lệnh mới mà Aguado mang đến từ các vị Quân chủ.

Columbus cần giảm số người hưởng lương của triều đình xuống còn 500, và đảm bảo rằng mỗi người đều được nhận phần dự trữ của mình công bằng. Những lời kêu ca là Columbus thiên vị vọng từ bờ bên này sang bờ bên kia của Đại Tây Dương. Tệ hơn, bất cứ ai ở La Isabela đều phải sống theo khẩu phần, bất kể đất đai có màu mỡ đến khó tin đi nữa. “Đất đai có màu đen và rất tốt”, Cuneo quan sát. “Chúng tôi mang theo từ Tây Ban Nha mọi loại hạt giống, và trồng thử, có loại lên tốt và có loại thì không.” Những loại lên tốt gồm củ cải, bí, hành, rau diếp, mùi tây, dưa hấu, và dưa chuột. Đậu gà và vài loại đậu khác nhô lên trong vòng vài ngày, “rồi bất ngờ tất cả đều héo và chết”. Chẳng ai biết tại sao. Người Tây Ban Nha rốt cuộc đã đánh mất mối quan tâm đối với việc trồng trọt thực phẩm của chính họ, “lý do là không ai muốn sống lâu dài ở những đất nước này”. Bị nhiễm sự quyến rũ của vàng, họ thích dựa vào nguồn cung cấp thực phẩm từ Tây Ban Nha và bánh sẵn hơn.

Nghe hàng tràng những lời kêu ca về Columbus, Aguado nhận thấy rằng những người châu Âu mạnh khỏe nhất đều tham gia vào các việc xấu xa: trộm cắp vật, tìm kiếm vàng cho riêng mình, và bắt nô lệ. Ông ta phác họa một bức tranh đáng buồn về việc thuộc địa của Tây Ban Nha thiếu khả năng nuôi sống chính mình khi ở giữa mọi thứ.

Tất cả những người đã ở đảo này đều bất bình đến không thể tin nổi, đặc biệt những ai ở La Isabela, và còn hơn thế vì sự áp đặt, nạn đói và bệnh tật mà họ phải chịu đựng, và họ không nguyện thề câu “vì Chúa sẽ mang tôi đến Castile”; họ chẳng có gì để ăn ngoài khẩu phần được phân từ kho của Vua, chừng một *escudilla* [khoảng một cốc] lúa mì mà họ phải nghiền bằng máy nghiền tay (và nhiều người nấu lên để ăn), và một mẩu thịt hun khói đã ôi hay pho mát đã hỏng, và tôi không rõ có bao nhiêu đậu gà; về rượu vang, như thể trên đời không

có rượu vang, và đó là phần cấp phát của triều đình. Và về phần mình Đô đốc ra lệnh cho họ phải làm việc trong cái đói, yếu ớt, và một số người bị ốm (để xây pháo đài, nhà của Đô đốc và các công trình khác) theo cái cách mà tất cả họ đều khổ sở và đau đớn và tuyệt vọng, vì những lý do đó mà họ kêu ca với Juan Aguado và dùng dịp này để nói về Đô đốc và đe dọa ông ấy với [các vị Quân chủ].

Thấm thía lời chứng khó nghe này và điều tra sự thoái hóa dẫn đến sụp đổ của La Isabela, Columbus nhận thấy mình có ít lựa chọn ngoài việc hoãn khám phá Hispaniola và trở về Tây Ban Nha để tự vệ. Cánh cửa của sự sủng ái và bảo trợ hoàng gia đang kéo kẹt đóng lại một cách chậm rãi mà chắc chắn, và ông sợ bị bỏ lại bên ngoài. Các nhà hàng hải khác đã sẵn sàng chiếm chỗ của ông. Tất cả những gì họ cần là sự ban phước của các vị Quân chủ, và việc độc quyền khám phá của Columbus dưới danh nghĩa Tây Ban Nha sẽ kết thúc, và cùng với nó là đặc quyền và sự giàu có mà ông đã được hứa hẹn.

Trong lúc suy ngẫm về số phận của mình, Columbus, một người tự học suốt đời, đã nghiên cứu người Taíno với sự cẩn thận từng được ông áp dụng cho những việc khác, đặc biệt là đời sống tinh thần của họ, mà ông nhận thấy là phức tạp và nhiều sắc thái hơn so với lối sống đơn giản của họ – những cánh đồng nhỏ, những căn nhà thô sơ, và những chiếc thuyền dài – đã dẫn ông đến chỗ nghĩ như vậy. Ông nhận thấy có vô số thủ lĩnh duy trì điện thờ riêng trong “một ngôi nhà tách biệt với thị trấn, ở đó chẳng có gì ngoài vài hình ảnh được chạm khắc trên gỗ”. Columbus cho biết, khi họ thấy người châu Âu đến, họ liền giấu chúng “trong rừng vì sợ rằng chúng sẽ bị lấy mất; thậm chí điều đáng cười hơn là họ có tục ăn trộm các *cemí* của nhau”. Hơn nữa, các bức tượng là tiêu điểm của một nghi thức riêng tư, huyền bí, và có tác dụng biến đổi. Ông thêm, đi kèm những hình ảnh này là “một chiếc bàn được làm rất tốt, hình tròn giống như một chiếc mâm gỗ, trên đó họ rắc bột và đặt đầu của *cemí* lên theo một nghi thức nhất định. Rồi bằng một chiếc

gậy trúc có hai nhánh mà họ đặt vào mũi, họ hít thứ bột này. Không ai trong chúng tôi có thể hiểu được những lời họ nói. Thứ bột này khiến họ mất ý thức và mê sảng như người say rượu”.

Người Taíno dùng những *cemí* nhỏ này để giao tiếp với thế giới tâm linh, và như Columbus quan sát với sự kinh ngạc và thú vị, để điều khiển các thành viên của bộ tộc vốn chưa được thụ giáo những điều huyền bí của thần linh. Ông nói về một *cemí* “khóc to một tiếng và nói bằng ngôn ngữ của chúng”. Khi nghiên cứu kỹ hơn, ông phát hiện ra rằng “bức tượng được làm đầy nghệ thuật”, để được gắn vào một chiếc ống hay “ống thổi” quay về “phía tối của căn nhà, được cành cây và lá che phủ, có một người ẩn trong đó và nói bất cứ điều gì mà tộc trưởng muốn anh ta nói (cũng như người ta có thể nói thông qua ống thổi)”.

Để vạch trần trò ảo thuật, vài người Tây Ban Nha làm đổ *cemí* đang nói, và tộc trưởng vô cùng lúng túng, xin họ đừng nói gì với mọi người trong bộ tộc ông ta “vì bằng cách lừa dối như vậy ông ta mới khiến họ nghe lời mình... Chỉ có tộc trưởng mới biết và tiếp tay cho sự lừa dối này, bằng cách đó ông ta có được mọi đồ cúng nộp ông ta muốn từ người của mình”. (Chắc chắn sự kết hợp bất chấp đạo lý giữa mê tín và lừa đảo để kiểm soát đức tin không xảy ra ở bất cứ nơi nào tại Tây Ban Nha hay ở bất cứ đâu tại châu Âu.)

Caonabó giải thích về những nghi thức ma chay khác của người Taíno dành cho các tộc trưởng, trong khi Columbus ghi lại. (“Họ phanh tộc trưởng ra và sấy khô ông ta trước lửa để có thể giữ được toàn bộ cơ thể ông ta. Với những người khác họ chỉ giữ lại cái đầu.”) Việc tạm lưu lại này ở thế giới sau cái chết của người Taíno khiến Đô đốc, vốn đã thiên về sự chuyển hướng sang tư duy thiếu lành mạnh, phải suy ngẫm những vấn đề về sự bất tử. Ông viết “Tôi rất vất vả để học được những điều họ tin, và để biết được người chết sẽ đi đâu, đặc biệt từ Canaobó”, từng nói với nhà thám hiểm rằng họ đi “đến một thung lũng để tái hợp với tổ tiên mình”.

Đây là điều xa xôi mà Columbus dám khám phá trong thời kỳ thoái trào của đức tin và thực hành tâm linh ở người Taíno. Ông giao cho Ramon Pané, một trong sáu linh mục của chuyến thám hiểm, tiếp tục khám phá, “để dừng lại mọi nghi lễ của họ”. Cha Pané đã thực hiện điều này, và viết một báo cáo dựa trên bốn năm sống trong các khu vực cạnh người Taíno. Những tiết lộ của ông ta về sự thực hành tôn giáo ở họ và sự can thiệp của người Tây Ban Nha vào các nghi lễ này chứa đựng nhiều sự thật khó chịu đến nỗi Columbus bác bỏ chúng, cho là hư cấu, và nói rằng “điều chắc chắn duy nhất thấy được từ bản báo cáo là người Ấn Độ có sự tôn trọng tự nhiên nhất định đối với cuộc sống sau cái chết và tin vào sự bất tử của linh hồn họ”. Song ông vẫn đưa tài liệu gây tranh cãi này vào biên niên sử của mình, sau đó con trai ông sao chép lại ít nhiều khá đầy đủ, nhận thấy là có lẽ nó đã đưa ra lời giải thích tốt nhất về sự xấu đi của những mối quan hệ giữa người Tây Ban Nha và người Anh-điêng.

Theo Cha Pané, một người Catalan tự mô tả mình là một “ẩn sĩ nghèo khổ” – hay nhà tu khổ hạnh uyên thâm – “của dòng Thánh Jeromeⁱ”, sự rắc rối ấy đã chạm đến điểm cốt lõi của những niềm tin tâm linh đối lập. Các suy ngẫm tàn nhẫn của ông ta đôi lúc được coi là nghiên cứu nhân học đầu tiên về người Anh-điêng, hay trong vấn đề đó, về bất cứ dân tộc nào. Trong tất cả những mô tả là kết quả từ mấy chuyến đi của Columbus, đây chắc chắn là mô tả kỳ lạ nhất và sắc sảo nhất.

“Họ tin rằng có một sinh vật bất tử trên trời mà không ai có thể nhìn thấy và nó có một bà mẹ nhưng lại không có khởi đầu”, ông ta viết, ghi lại những huyền thoại cơ bản của họ theo cái cách mà ông ta hy vọng những người Ki-tô giáo giống như mình có thể sẽ hiểu được. Cha Pané nói rằng mình “viết trong vôi vàng và không có đủ giấy” để

i. Thánh Jerome (347-420), một linh mục, giáo sĩ nghe xưng tội Ki-tô giáo, nhà thông thái về sử học, thần học, được phong Tiến sĩ Hội thánh; người đầu tiên dịch *Cựu Ước* từ tiếng Hy Lạp sang tiếng La-tinh.

ghi lại những huyền thoại được truyền qua các thế hệ: biển được tạo ra thế nào (một quả bí khổng lồ trút hết ruột của nó, nước và cá), nguồn gốc của Mặt trời và Mặt trăng (chúng xuất hiện từ một hang đá là nơi sinh sống của hai *cemí* bằng đá đồ mồ hôi), và cuộc sống sau cái chết của những người đã chết (bị tách biệt bởi ban ngày, họ xuất hiện về đêm để giải trí và ăn một loại quả đặc biệt to bằng quả đào). Trong số các quan sát của Cha Pané, người Anh-điêng có một phương pháp xác định ai đó đã chết: “Họ dùng tay chạm vào bụng của người đó, và nếu không tìm thấy rốn, họ nói rằng người đó ‘operito’, tức là đã chết”. Và nếu như một người đàn ông si tình vô tình ngủ với một phụ nữ mà trước tiên không kiểm tra xem cô ta có thực sự có rốn hay không, “cô ta bất ngờ biến mất và tay anh ta trống không”.

Thấm đẫm tất cả các niềm tin này là *cohoba*, thứ bột gây ảo giác mà người Anh-điêng hít vào bằng những chiếc tẩu đặc biệt có hai nhánh. Các đối tượng của Cha Pané dành nhiều thời gian của họ trong trạng thái ý thức bị biến đổi, ảnh hưởng từ việc hít thứ khói quyền lực *cohoba*. “*Cohoba* là phương tiện để họ cầu xin tượng thần và cầu xin sự giàu có”, ông ta viết. Người chủ trì bắt đầu nghi lễ với việc chơi một món nhạc cụ. “Sau khi đã cầu nguyện xong ông ta vẫn cúi đầu một lúc, ngược nhìn lên bầu trời, và nói. Tất cả nói to đáp lời ông ta, và sau khi đã nói xong, tất cả họ đều cảm ơn; còn ông ta kể lại hình ảnh mình đã nhìn thấy trong trạng thái u mê với *cohoba* mà ông ta hít vào mũi và đi lên đầu.” Trong thời gian nhập hồn, ông ta nói về sự giao tiếp của mình với *cemí*, về những kẻ thù đang trốn chạy, và về chiến thắng sẽ đến. Hoặc ông ta có thể cảnh báo về nạn đói, hay các vụ thảm sát, “bất cứ thứ gì hiện ra trong cái đầu rối loạn của ông ta”. Kinh hoàng và hơi buồn cười, Cha Pané đề cập là “họ nói ngôi nhà hiện ra trước mắt ông ta bị lộn ngược, và mọi người đi lại chân chống lên trời”. Ông ta nói về hiện tượng xuất hồn, hay những trải nghiệm bên-ngoài-cơ-thể do *cohoba* gây ra.

Cha Pané tin rằng việc cải sang Ki-tô giáo có thể phá vỡ những mẫu hình cổ xưa này, và ông ta đón nhận những người Anh-điêng đã

chuyển từ cuộc đời đầy tội lỗi của họ sang nhà thờ. Song báo cáo chi tiết của ông ta cho Columbus thấy sẽ khó khăn đến nhường nào để chinh phục và điều hành phần này của thế giới, cố gắng mang các tư tưởng về trật tự của châu Âu đến với những người sống ở các địa hạt tâm linh khác và tuân theo những tiếng nói khác.

Từ chính Columbus, Cha Pané nghe nói về một cộng đồng Anh-điêng có ngôn ngữ riêng, khác với những ngôn ngữ khác. Nhiệm vụ của ông ta sẽ là sống cùng họ và tộc trưởng của họ, Guarionex. Hoảng hốt, vị linh mục căn vặn Columbus về sự khôn ngoan của lệnh đó. “Thưa ngài, làm sao ngài có thể yêu cầu tôi ở cùng Guarionex, khi mà ngôn ngữ duy nhất tôi biết là của người Macorixⁱ?” Cha Pané xin Columbus cấp cho một người Anh-điêng đồng hành.

“Ông ta đáp ứng mong muốn của tôi”, Cha Pané hài lòng báo cáo khi ông đến đó cùng với một người Anh-điêng biết hai thứ tiếng tên là Guaicavanú, sau đó cải sang Ki-tô giáo và lấy tên là Juan. “Thực sự, tôi coi anh ta như con và em mình.” Vị linh mục và người Anh-điêng đầy thiện cảm tên Juan nhận vị trí mới của họ, ở lại với Guarionex gần hai năm, “trong thời gian đó chúng tôi hướng dẫn ông ta về đức tin thiêng liêng của chúng ta và những phong tục của người Ki-tô giáo”. Nhưng điều đó không dễ dàng: “Ban đầu ông ta tỏ ra có thiện chí với chúng tôi, khiến chúng tôi tin rằng ông ta sẽ làm mọi điều chúng tôi muốn và mong muốn trở thành một người Ki-tô giáo, vì ông ta yêu cầu chúng tôi dạy ông ta Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng, Kinh Tin Kính, và tất cả những kinh cầu nguyện khác và các điều hợp lễ mà một người Ki-tô giáo cần biết”. Sau đó, “ông ta nổi giận với chúng tôi và từ bỏ các mục đích tốt đẹp của mình do những người quan trọng của vùng đó khinh bỉ ông ta vì tuân theo luật lệ Ki-tô giáo”. Vậy là họ rời bỏ Guarionex để

i. Là ngôn ngữ ở bờ biển phía Bắc của vùng mà bây giờ là Cộng hòa Dominica. (HĐ)

tìm đến một tộc trưởng khác, “người tỏ ra có thiện chí đối với chúng tôi và nói rằng ông ta muốn trở thành một người Ki-tô giáo”. Tên ông ta là Maviatué.

“Sau cái ngày chúng tôi rời ngôi làng và nơi ở của Guarionex đi đến mảnh đất và con người của Maviatué, người của Guarionex dựng một túp lều cạnh nhà nguyện, nơi chúng tôi để lại vài hình ảnh mà các tân tín đồ có thể quỳ xuống và cầu nguyện và tìm thấy sự thoải mái.” Nhà nguyện và các đồ vật trong đó lập tức trở thành nguồn cơn giận dữ đối với những người Ki-tô giáo suy đồi. Hai ngày sau khi Cha Pané rời đi, “theo lệnh của Guarionex sáu người đàn ông đến nhà nguyện và nói với bảy tân tín đồ... có trách nhiệm lấy ra những hình ảnh thiêng liêng mà tôi để lại cho họ chăm nom để phá hủy chúng đi bởi Cha Fray Ramón [Pané] và những người đồng hành của ông ta đã ra đi và sẽ không biết ai đã làm việc đó”. Sáu người của Guarionex đẩy mấy người gác sang bên, “tìm cách xông vào, lấy những hình ảnh thiêng liêng, và mang chúng đi”.

Như chưa đủ tồi tệ, đám cướp người Anh-điêng quăng những hình ảnh xuống đất, chôn chúng, và tiểu lên đồng đất, nói rằng, “Giờ thì chúng mày sẽ sinh ra điều hay và trái ngọt chứ?”

Khi nghe kể về sự việc, Bartholomew Columbus cảm thấy bắt buộc phải chứng tỏ rằng mình có thể quyết đoán giải quyết những vấn đề với người Anh-điêng chứ không do dự như người anh tiếng tăm của mình. “Anh ta đưa những kẻ xấu xa đó ra xử, và tội của họ đã được xác định, anh ta bèn cho thiêu sống họ công khai.” Bartholomew tin rằng hình phạt này sẽ trừng trị người Anh-điêng một lần và mãi mãi nhưng anh ta đã phải nhanh chóng nhận ra sai lầm của mình. “Guarionex và người của ông ta rất kiên trì với kế hoạch xấu xa nhằm giết tất cả người Ki-tô giáo vào ngày quy định bắt buộc họ phải cống nộp vàng.” Người Tây Ban Nha khám phá ra âm mưu ngay trước khi nó diễn ra, và bỏ tù những người Anh-điêng chủ mưu, “song một số vẫn theo đuổi kế

hoạch của mình, giết bốn người và giáo sĩ trưởng Juan Matthew, cùng người em trai Antonio đã được rửa tội”.

Cơn thịnh nộ ngày càng tăng, và dưới con mắt người Ki-tô giáo, một điều kỳ diệu đã xuất hiện giữa tình trạng lộn xộn. “Đám nổi loạn chạy đến nơi họ giấu những tranh ảnh và đập phá chúng thành từng mảnh. Vài ngày sau đó người chủ cánh đồng đi đào củ mài (loại rễ cây trông giống như củ cải trắng hay củ cải đỏ), và ở chỗ trước đây từng chôn vùi những hình ảnh ấy, hai hay ba củ mài đã mọc chồng lên nhau theo hình chữ thập.” Thật khó tin, “Chữ thập này được mẹ của Guarionex tìm ra – người đàn bà tồi tệ nhất mà tôi từng gặp ở vùng đất đó”, song “bà ta thấy đó là một điều kỳ diệu và nói với thủ lĩnh của pháo đài tại Concepción, ‘Chúa đã khiến điều kỳ diệu này xảy ra ở nơi những bức ảnh được tìm thấy, vì những lý do chỉ có Người mới biết’”. Ít nhất thì cũng dễ chịu khi hình dung điều bà ta đã làm.

Cha Pané đưa ra một lời khuyên rất đúng mực với Columbus: “Vùng đất này rất cần những người sẽ trừng phạt các thủ lĩnh Anh-điêng nào không để cho người của họ tiếp nhận hướng dẫn về đức tin Ki-tô giáo thiêng liêng, vì những người đó không thể chống lại thủ lĩnh của mình”. Cảm thấy quá mệt mỏi và chán nản với những gì đã xảy ra, vị linh mục gác lại sự khiêm nhường của mình để tiếp tục khẳng định, “Tôi nói chuyện với người có thẩm quyền, vì tôi đã kiệt sức trong việc tìm hiểu sự thật về vấn đề này”.

Nhưng trước mắt, Columbus tỏ ra đã thành công khi giải quyết những khó khăn, nếu như nhiệm vụ của ông chỉ bao gồm mỗi việc chinh phục. Ferdinand tuyên bố rằng cha mình “đã buộc người Anh-điêng phải nghe lời và nằm im đến mức tất cả họ đều hứa sẽ cống nạp cho các vị Quân chủ Công giáo ba tháng một lần, cụ thể là: Ở vùng Cibao, nơi có mỏ vàng, mỗi người từ 14 tuổi trở lên sẽ nộp một lượng vàng cám đựng vừa trong chiếc chuông cỡ lớn; tất cả những người khác sẽ nộp 25 pound sợi bông”.

Đó là những quy định về Hòa bình kiểu Columbusⁱ.

Vẫn còn bị nạn đói đeo đuổi, người Anh-điêng đang chết dần. “Nếu họ qua được nạn đói này”, Columbus viết một cách hoa mỹ vào tháng 10 năm 1495, “Tôi hy vọng Chúa có thể giúp tôi duy trì thỏa thuận này với họ và kiếm được món lợi không nhỏ”. Ông ra lệnh cho người của mình tiến hành điều tra tổng con số “các vị tộc trưởng” và phân nản, “không thể tìm được trên một phần tư bọn họ bởi tất cả đã tản mát vào rừng núi, vào những vùng không có người ở để tìm kiếm rễ cây nuôi sống người dân”. Mỗi người Anh-điêng sống sót đã cống nộp cho giới chức Tây Ban Nha đều được nhận một “tấm thẻ bằng đồng thau hoặc đồng đỏ mà anh ta phải đeo quanh cổ như bằng chứng rằng anh ta đã nộp; bất cứ người Ấn Độ nào không có dấu hiệu đó đều bị trừng phạt”.

Trong lúc đó, người Tây Ban Nha sôi lên vì oán giận. Một số đã quay về Tây Ban Nha cùng Antonio de Torres để lan truyền các câu chuyện về vị Đô đốc Đại dương nhần tâm. Hai em trai của ông đứng về phía ông chỉ khiến cho mọi việc tồi tệ hơn qua cách tiếp cận tàn nhẫn của họ trước những mối quan hệ với người Anh-điêng. Ông sợ rằng càng xa cách triều đình lâu, những đối thủ của ông càng đầu độc đầu óc các vị Quân chủ chống lại ông hơn. Trong hải hành thứ nhất, ông ra đi trong tình trạng tương đối mờ mịt và trở về như một người hùng; lần này, trong hải hành thứ hai, ông ra đi như một người hùng, nhưng có đủ lý do để tin rằng ông sẽ trở về trong nhục nhã trừ phi ông biện hộ được về trường hợp của mình trước các vị Quân chủ.

Tình hình ở La Isabela hỗn loạn tới mức cần nhiều thời gian – gần sáu tháng – để chuẩn bị cho một con tàu đưa Đô đốc Đại dương về Castile. *India*ⁱ là cái tên được đặt khá hợp với con tàu, và Peter Martyr cho biết, đây là chiếc tàu buồm được làm từ ba con tàu bị cơn bão nhiệt

i. Nguyên văn: “Pax Columbiana”.(BT)

đới vùng Caribbean phá hủy hồi tháng 6 năm 1495, khiến người Anh-điêng đổ lỗi cho sự có mặt của người Tây Ban Nha đã làm thiên nhiên nổi giận. Chiếc tàu còn lại duy nhất trong đội tàu nhỏ nhoi là *Santa Clara* mà Columbus sở hữu một nửa trong đó.

Hai chiếc tàu buồm được thiết kế để chở khoảng 25 người trên mỗi chiếc; giờ đây chúng chứa tổng cộng 235 người châu Âu và 30 người Anh-điêng, có cả Caonabó đầy nguy hiểm, vẫn là một tù nhân, cùng với em trai và cháu ông ta. Columbus tán dương mấy cự thủ này với các nhà bảo trợ hoàng gia bằng sự lạc quan phấn khởi: “Tôi đang gửi đến các Bệ hạ Caonabó và em trai ông ta. Ông ta là tộc trưởng quan trọng nhất trên đảo, và là người dũng cảm và thông minh nhất. Nếu ông ta bắt đầu nói thì ông ta sẽ kể mọi thứ về vùng đất này tốt hơn bất cứ ai, bởi chẳng có điều gì mà ông ta không biết”. Việc Caonabó cập bến an toàn ở Seville và hiện diện trước các vị Quân chủ hứa hẹn là một sự kiện quan trọng.

Đội tàu ra đi vào sáng 26 tháng 3 năm 1496, với Bartholomew trên boong, nhưng anh ta xuống tàu như đã định khi các tàu cập bến Puerto Plata, cách La Isabela không xa trên bờ biển phía bắc của Hispaniola. Bartholomew trở về La Isabela bằng đường bộ, và đội tàu tiếp tục đi mà không có anh ta, dưới sự chỉ huy của một mình Columbus.

Chuyến đi chậm đến khổ sở. 12 ngày sau, con tàu của Columbus bỏ lại mỏm cực đông của Hispaniola phía sau, đi “thẳng hướng đông thật xa khi gió cho phép”. Đồ dự trữ còn ít, thủy thủ mệt mỏi và tâm trạng chán chường. Vào ngày 6 tháng 4, Đô đốc đổi hướng và đi về phía nam. Trong vòng ba ngày ông thả neo ngoài khơi Marie Galante, hòn đảo mà ông đã tình cờ tuyên bố là của Tây Ban Nha ở đầu hành trình. Thời gian nghỉ ngơi khá ngắn ngủi. Hôm sau là Chủ nhật, ông vẫn giương buồm, ngược với thói quen của mình, bên tai là những tiếng phàn nàn của thủy thủ về chuyện làm việc vất vả vào Ngày của Chúa.

Đậu lại ngoài khơi Guadeloupe, ông cử vài chiếc thuyền nhỏ lên bờ, lưu ý đến việc trang bị vũ khí cho họ, và “trước khi họ đến được bãi biển rất nhiều phụ nữ trang bị cung tên và lông chim quanh đầu chạy vụt ra từ phía rừng với dáng vẻ thù địch”. Những người trên thuyền cử hai người Anh-điêng trong số họ tới thỏa thuận với các nữ chiến binh, và khi họ nhận thấy đám đàn ông đến để tìm thức ăn chứ không phải để xâm chiếm, họ bèn chỉ cho đám ấy tới “bờ phía bắc của đảo, nơi chồng họ sẽ cung cấp cho họ thứ họ cần”. Người Tây Ban Nha thiếu kinh nghiệm lòng sục bờ biển rồi rời đi tay không, loạng choạng vì đói và kiệt sức, trở về tàu và giương buồm đi về hướng bắc. Khi những con tàu của họ cập bờ, người Anh-điêng tụ tập ở mép nước “la hét âm ỉ” và bắn hàng loạt mũi tên tẩm độc về phía con tàu đang không hề phòng bị.

Không nao núng, Columbus cử người của mình lên bờ, sẵn sàng đối mặt với một sự phản ứng mạnh mẽ. Người Anh-điêng chia lại nhóm và cố gắng hình thành một trận tấn công khác, nhưng họ bị phân tán ngay khi người Tây Ban Nha khai hỏa mấy khẩu súng vụng về nhưng âm ỉ. Đây vội vã, người Anh-điêng bỏ lại đồ dự trữ và nơi ở, “người Ki-tô giáo tiến vào, cướp bóc và phá hủy tất cả những gì họ tìm thấy”, Ferdinand viết. Tất cả những gì họ cần là thực phẩm. “Quen với cách làm bánh của người Ấn Độ, họ lấy bột sắn và làm bánh đủ để thỏa mãn nhu cầu của mình.”

Họ cẩn thận lục tìm các chỗ ở, thấy “vài con vẹt lớn, mật ong, sáp, và sắt mà người Ấn Độ dùng để làm mấy chiếc rìu nhỏ, và ở đó có những khung dệt, giống như khung dệt thảm của chúng ta, họ dùng để dệt vải”. Họ bắt gặp một thứ nữa: “một cánh tay người đang được quay trên xiên”. Mọi người kinh hoàng giật lùi lại.

Chẳng mấy chốc họ đã thận trọng đi vòng quanh Guadeloupe, có lẽ đi vào cái vịnh nhỏ là Anse à la Barque, được đánh dấu bởi mấy túp lều thanh bình, một trong các dấu hiệu về người dân hiền lành.

Columbus phái đi một chiếc xuồng với các thủy thủ có vũ khí và họ gặp vô vàn mũi tên bay qua đầu. Vài phát súng nổ ra khiến các cung thủ chạy tán loạn, và nhóm đổ bộ liền cướp phá những túp lều, tìm kiếm đồ ăn và đồ dự trữ, nhưng chỉ thấy mấy con vẹt to màu đỏ nhìn họ chăm chăm một cách vô hồn. Giận dữ, một nhóm nhỏ kẻ cướp người Tây Ban Nha đuổi theo đám người Anh-điêng, bắt được ba cậu bé và 10 phụ nữ, những người này bị họ giữ làm con tin để đổi lấy sản củ.

Những con tàu buông neo ở Guadeloupe trong chín ngày, trong lúc cánh đàn ông bận rộn nướng bánh sắn trên vỉ, chuẩn bị củi, và lấy nước. Với lịch trình nhàn tản này có thể đoán rằng họ cũng hưởng thụ “lòng mến khách” của đám phụ nữ mà họ bắt được, chỉ thả đám này ngay trước khi họ rời đi, với ngoại lệ là một phụ nữ chắc là vợ của một tộc trưởng, và con gái bà ta, đều bị họ giữ lại trên mấy con tàu đông đúc của mình.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 1496, cuối cùng đội tàu cũng lên đường tới Tây Ban Nha. Trong các khoang tàu chật chội, bệnh tật lây lan nhanh chóng, và người Anh-điêng tỏ ra dễ bị nhiễm bệnh hơn cả. Caonabó, từng sống sót qua khá nhiều thử thách trên mảnh đất quê hương mình, đã chết ngoài biển. Triều đình của Ferdinand và Isabella, mà ông ta từng được nghe về họ rất nhiều, và đã khơi dậy tưởng tượng nơi ông ta với sự vĩ đại đến không tưởng, sẽ chẳng bao giờ gặp được ông ta, hoặc biến ông ta thành nô lệ.

“Với gió phía trước và rất êm ả”, Ferdinand viết, Columbus đi “gần với vĩ tuyến 22 khi gió cho phép, vì lúc đó thủy thủ chưa học được mẹo chạy xa về phía bắc để đón những ngọn gió tây nam”. Tình trạng này khiến hành trình bị chậm lại, và đến ngày 20 tháng 5, thủy thủ “bắt đầu cảm thấy thiếu lương thực trầm trọng, tất cả khẩu phần hằng ngày bị giảm xuống 6 ounceⁱ bánh và 1,5 pint nước”.

i. Là một đơn vị đo thể tích, khối lượng trong hệ thống đo lường của Anh và nhiều quốc gia khác nhau, 1 ounce tại Tây Ban Nha giai đoạn này tương đương 28,75g.

Thêm vào lo lắng ấy là chẳng ai trong số hoa tiêu của mấy con tàu biết được vị trí đúng của họ. Columbus tin rằng họ đang tiến đến gần quần đảo Azores khi giải bày suy luận của mình trong nhật ký. Các loại la bàn của người Flanders và người Genoa, hay “các kim la bàn”, là không giống nhau: “Sáng nay các kim la bàn Flanders chỉ một điểm về phía tây bắc như thường lệ, còn các kim la bàn Genoa, mà thường thì trùng với mấy kim kia, chỉ hơi nghiêng về hướng tây bắc; sau đó chúng đu đưa giữa phía đông và phía tây, một chỉ dấu cho thấy rằng vị trí của chúng ta ở đâu đó hơn 100 hải lý về phía tây quần đảo Azores”. Những tính toán của ông cho thấy họ đang tới gần nhà hơn với mỗi cơn sóng cồn tràn qua, và ông mong đợi nhìn thấy “vài nhánh rong tản mát trên biển” vào bất cứ lúc nào. Hai ngày sau, ngày 22 tháng 5, một ngày Chủ nhật, ông khẳng định rằng họ cách quần đảo Azores 100 hải lý.

Các kim la bàn lại kể một câu chuyện khác: những con tàu bị chệch đường và đang lao đầu vào nguy hiểm. Columbus “cho rằng nguyên nhân là sự khác biệt giữa các loại đá từ tính hút mấy chiếc kim”. Trong khi thủy thủ phản đối và nỗi lo về tai họa tăng lên, Đô đốc vẫn theo đuổi con đường của mình dựa vào phương pháp dẫn đường dự đoán, nghĩa là đến được vị trí bằng cách tính toán cẩn thận tốc độ con tàu và quãng đường đi được từ khi rời đảo Guadeloupe vào ngày 20 tháng 4.

Vào đêm ngày 7 tháng 6, một ngày thứ Ba, các hoa tiêu dự đoán họ vẫn “cách đất liền vài ngày đường”, nhưng Columbus đã khuyến cáo tất cả họ bằng cách cuộn buồm lại “vì sợ va vào đất liền”. Ông khẳng định họ đang tiến đến gần mũi St. Vincent bên bờ biển Bồ Đào Nha, trong khi các hoa tiêu, tám hay 10 người, tất cả đều nói và cười nhạo Đô đốc đã nhầm lẫn. Một số nói họ sẽ trông thấy bờ biển nước Anh, và số khác tuyên bố họ cách Galicia không xa, ở phía tây bắc Tây Ban Nha, và trong trường hợp đó Columbus phải giương tất cả buồm mà ông có,

“vì chết do va vào bờ đá còn hơn là chết khổ sở vì đói khát ngoài biển”. Nhưng ông không làm điều gì cả. Buồm đã cuộn, các con tàu trôi vô định trên biển cả tối đen, đặc quánh.

Đói cồn cào, thủy thủ bàn tán công khai về những biện pháp sống sót tuyệt vọng. Người Carib đề xuất ăn thịt người Anh-điêng khác trên tàu, trong khi người Tây Ban Nha bảo toàn lương thực của mình bằng cách định vứt người Anh-điêng xuống biển. Họ chuẩn bị thực hiện kế hoạch của mình, nhưng vào phút cuối Đô đốc đã cấm họ, nhắc nhở tất cả họ rằng người Anh-điêng cũng như người Ki-tô giáo và những tộc người khác, đáng được đối xử như nhau.

Suốt đêm đó Columbus đi theo con đường đã định, cho đến thứ Tư, ngày 8 tháng 6 năm 1496, “trong khi mọi hoa tiêu đi như những kẻ bị lạc hay bị mù, thì họ nhìn thấy Odemira, ở giữa Lisbon và mũi Saint Vincent”. Thị trấn nhỏ lấp lánh ở nơi xa, và nó nằm đúng trên bờ biển Bồ Đào Nha đúng như khả năng dẫn đường dự đoán của Columbus đã biết là nó sẽ ở đó. Điều này vượt qua khả năng của các hoa tiêu và những dự đoán của họ.

Ferdinand viết, “Kể từ lúc đó, cánh thủy thủ coi Đô đốc là chuyên gia giỏi nhất và đáng ngưỡng mộ nhất trong các vấn đề hàng hải”. Ông đã đưa họ sống sót trở về, và chỉ riêng điều đó thôi cũng đáng để họ biết ơn. Ông đã sống sót qua các trận bão, vô vàn cuộc tấn công của người Anh-điêng với những mũi giáo tẩm độc, sự nổi loạn, viễn cảnh đói kém và bệnh tật nghiêm trọng.

Giờ đây Tây Ban Nha và những thách thức của nó đang vẫy chào, nhu cầu tán dương thành tích và biện minh cho hành động của mình đã tiếp thêm sinh lực cho ông. Ông đã rời Hispaniola như một Đô đốc Đại dương đầy tự hào. Chuẩn bị lên bờ, ông cẩn thận thay đổi hình thức, ăn mặc theo thói quen giản dị của một tu sĩ, một sự pha trộn giữa lòng mộ đạo, sự sám hối, và xảo trá. Giới chức có thể bỏ tù một thuyền

trưởng, nhưng họ sẽ cư xử thế nào với một người ngoan đạo trở về từ biển cả?

Columbus đã rời xa Tây Ban Nha kể từ ngày 25 tháng 9 năm 1493, và trong thời gian ông vắng mặt đã xảy ra những sự kiện lớn. Các vị Quân chủ Công giáo mà ông nóng lòng muốn gặp, đang ở Burgos, miền Bắc Tây Ban Nha, chuẩn bị cho đám cưới con trai duy nhất của họ, Hoàng tử Don Juan xứ Asturias, với Công chúa Margarita, con gái Hoàng đế Maximilian của nước Áo. Được ưu tiên tham dự với tư cách là cậu bé phục vụ của chàng Hoàng tử mới 18 tuổi và được biết đến với thể tạng ẻo lả, Ferdinand Columbus mô tả, khắp nơi đều hiện rõ “vẻ tráng lệ uy nghi” của giới quý tộc Tây Ban Nha.

Ở Burgos, Columbus trưng bày những kỷ vật trong chuyến đi gần nhất của mình đến Ấn Độ: thực vật, cây cối, chim muông, và các loài động vật khác. Ông triển lãm đồ dùng do người Anh-điêng làm ra: những chiếc mặt nạ, những chiếc thắt lưng trang trí bằng vàng, và những nắm vàng cám “trong trạng thái tự nhiên, nhỏ hoặc to như mấy giống đậu ngự hay đậu gà và một số có kích cỡ của trứng chim bồ câu”. Lượng vàng này không làm thỏa mãn lòng tham của Columbus cũng như lời hứa của ông là sẽ trở về với hàng đống vàng cục lấp lánh. Trong khoảnh khắc hiếm hoi đầy mâu thuẫn trong tư tưởng, ông “thừa nhận rằng cho đến giờ những gì thu được mới gần bằng chi phí”. Bất chấp sự dè dặt cá nhân của Đô đốc, các chiến tích của ông khiến nhiều người trông thấy chúng phải kinh ngạc. Columbus và người của mình tỏ ra là những phiên bản hiện thời của Jason và Argonauts trở về từ cuộc chinh phục với số mẫu vật quý hiếm của Bộ lông cừu vàng.ⁱ

i. Trong truyền thuyết Hy Lạp, Bộ lông cừu vàng thuộc về con cừu đực có lông bằng vàng và có cánh ở Colchis, là biểu tượng của vương quyền.

“Tôi gửi cho ngài các mẫu hạt đủ loại”, Peter Martyr khoe với Hồng y Sforza vào ngày 29 tháng 4 năm 1494, “vỏ, và dầu hắc ín từ những cái cây mà họ nghĩ có thể là quế”. Ông ta khuyến cáo Hồng y “chỉ nên chạm thật khẽ vào chúng khi ngài đưa chúng lại gần môi mình: dù không gây hại, nhưng chúng tỏa ra sức nóng mạnh có thể khiến lưỡi bị rát và cay, nếu ngài đặt chúng lên lưỡi một thời gian lâu”. Và nếu Hồng y cảm thấy lưỡi mình bị bỏng sau khi nếm thử chúng, “cảm giác nóng sẽ nhanh chóng qua đi bằng cách uống nước”. Ngoài ra, có một “mẫu gỗ” trông giống cây thù. “Nếu ngài tách nó ra, ngài sẽ ngửi thấy mùi thơm tỏa ra dịu nhẹ.”

Gác lại những nghi ngờ của mình, các vị Quân chủ Công giáo chuẩn bị một thông cáo gây xáo trộn rằng Tây Ban Nha tuyên bố sở hữu một lãnh địa mới với sự ban phép lành của Giáo hoàng. Vào ngày 15 tháng 10 năm 1496, xấp xỉ ba năm sau lần đầu tiên ông cập bến khu vực đó, Columbus đã có thể thông báo cho Ferdinand và Isabella: “Toàn bộ hòn đảo bị khuất phục hoàn toàn và người dân của nó biết và chấp nhận thực tế rằng họ phải cống nạp cho các Bệ hạ, mỗi người một lượng vàng nhất định sau mỗi vài tháng”. Đó là phiên bản chính thức về hải hành thứ hai vừa hoàn thành, trong đó Đô đốc Đại dương củng cố việc kiểm soát buôn bán quốc tế của ông và của Tây Ban Nha. Bồ Đào Nha ghi chú: Hiệp ước Tordesillas đã hợp thức hóa việc chiếm đoạt đất liền và biển.

Như để khẳng định uy thế của Tây Ban Nha, Vua João II của Bồ Đào Nha chết 10 ngày sau đó. Ông ta chỉ mới 40 tuổi, và người ta nghi ngờ ông bị đầu độc. Với sự ra đi của vị quân vương Bồ Đào Nha, Ferdinand và Isabella dường như có phần ưu thế trên địa cầu. Họ đã tái chiếm bán đảo Iberia, và với sự giúp đỡ của Columbus họ sẵn sàng tuyên bố chiếm thêm nữa.

Song, việc duy trì một đế chế bên kia đại dương sinh ra nhiều câu hỏi hơn là ổn định nó, và chúng là những câu hỏi rắc rối, dai

dằng. Trước tiên, đế chế mới chiếm được này chính xác nằm ở đâu? Columbus khẳng khẳng rằng họ đã đến được các vùng xa xôi của Ấn Độ một lần nữa, nhưng những kẻ hoài nghi và đối thủ tin rằng ông chỉ mơ hồ biết chúng nằm ở đâu. Tiếp theo, phải làm gì với vô vàn người được gọi là người Anh-điêng mà họ gặp trên các hòn đảo này? Có những người thì sốt sắng và chìa tay giúp đỡ, có những người lại chạy đến mép nước chĩa giáo vào các con tàu của họ. Và có những người thà tự vẫn còn hơn chung sống với người Tây Ban Nha. Có các dấu hiệu đáng báo động về nạn ăn thịt người trong số những người “Ấn Độ” này, dù có vẻ là chưa một người Tây Ban Nha nào phải chịu số phận như vậy. Columbus đã cố tạo dựng các liên minh chiến lược với các lãnh đạo Anh-điêng mà ông gặp, song Guacanagarí vốn được coi là đồng minh của ông đã thảm sát hàng chục người Tây Ban Nha thám hiểm trong lúc họ bị cô lập và dễ bị làm hại. Cuối cùng, việc cải người Anh-điêng sang Ki-tô giáo đã tỏ ra là một việc khó khăn, mất thời gian, và thất bại. Thậm chí Cha Pané thú nhận rằng “cưỡng ép và mưu mẹo” đôi lúc là cần thiết để việc cải đạo hiệu quả, và chẳng có gì đảm bảo rằng người Anh-điêng đã được rửa tội sẽ thực hành đức tin Ki-tô giáo sau khi các linh mục rời đi. Trên thực tế, nhiều người đã rời bỏ đức tin nhanh chóng như khi họ đi theo nó.

Như vậy, hiện thời những câu hỏi vẫn bị bỏ ngỏ.

Cũng giống như khi ông hoàn thành hải hành thứ nhất, Columbus đảm bảo cho mình một chuyến trở về bằng trò xảo quyết đơn giản là bỏ lại phía sau một số người và mặc cho họ tự xoay sở, và ông lập tức nghĩ đến việc thiết lập một chuyến thám hiểm thứ ba để cứu hoặc hỗ trợ họ. Bạn ông là Peter Martyr viết rằng Đô đốc, “khá buồn trước việc người của chúng ta bị giết nhưng có ý kiến cho rằng ông ấy không nên chậm trễ thêm nữa”, lập tức bắt đầu vận động các vị Quân chủ Công giáo phái một tá tàu tới những hòn đảo rắc rối này, và có vẻ là ông sẽ đạt

được mong muốn của mình. Cả ông lẫn các nhà bảo trợ hoàng gia của mình có vẻ cương quyết muốn lặp lại những sai lầm thay vì học được những bài học đau đớn của hai chuyến đi đầu. Đô đốc Đại dương vẫn tự tin rằng sự giàu có của Ấn Độ và Đại Hãn chỉ cách các đảo mà ông đã thăm dò một quãng ngắn. Kỷ nguyên thám hiểm, hay như nó đang có nguy cơ trở thành kỷ nguyên khai thác, tiếp tục bị thúc đẩy bởi ảo tưởng này.

Columbus mong muốn trở lại ngay lập tức để mang đồ dự trữ và vũ khí cho người của mình bị mắc kẹt. “Nhưng dù ông cố nài nỉ hết mức có thể”, Ferdinand nhận xét thẳng thắn, “trong khi các sự vụ của triều đình thường là chậm trễ, thì 10 hay 12 tháng đã trôi qua cho đến khi ông được cử đi cùng hai con tàu viện trợ dưới sự chỉ huy của Thuyền trưởng Pedro Fernández Coronel”.

Những con tàu vô cùng cần thiết ấy cuối cùng cũng rời Tây Ban Nha đi Ấn Độ vào tháng 2 năm 1497 mà không có Columbus, ông “ở lại để lo trang bị đầy đủ cho bộ phận còn lại của đội tàu mà ông đã yêu cầu cho chuyến trở lại Ấn Độ”. Thiếu người và đồ dự trữ, việc này sẽ phải cần đến một năm.

Trong khoảng thời gian này, một thay đổi đáng chú ý đã xảy ra với Columbus. “Là một người rất sùng bái Thánh Francisco, từ giờ trở đi ông ấy cũng toàn mặc đồ màu nâu”, Las Casas viết một cách thiện cảm, “và tôi thấy ông ấy ở Seville khi ông ấy quay lại từ đây, ăn mặc gần như một linh mục dòng Francisco”. Mặc bộ đồ trang nghiêm của một dòng tôn giáo là dấu hiệu cho thấy Columbus đã trao mình cho số phận với một đam mê mới.

Vào thời điểm Columbus rời khỏi Hispaniola, La Isabela đã trở thành một thị trấn ma. Con người đầy tình cảm Las Casas, mà sau đó có đến thăm nơi định cư và xót xa cho những hy vọng về nó đã bị đổ

võ, viết rằng “nhiều người nói là không ai dám đi ngang qua La Isabela sau khi nó bị bỏ hoang vì nỗi sợ hãi và nguy hiểm quá lớn” do “nhiều giọng nói đáng sợ và những con ma khủng khiếp” gây ra. Và ông ta kể lại một câu chuyện quái dị:

Một hôm ở tòa nhà nào đó của La Isabela, [một số vị khách] nhìn thấy hai hàng người đứng nghiêm, tất cả đều là những nhà quý tộc và người từ triều đình, ăn mặc đẹp đẽ, với kiếm đeo bên hông và áo choàng theo kiểu bị ảnh hưởng bởi các lễ khách vào thời gian đó ở Tây Ban Nha; họ tỏ ra vô cùng kinh ngạc trước cảnh ấy – làm sao mà những người kỳ lạ đầy lịch lãm ấy lại ở đây mà không ai biết về điều đó? Họ chào và hỏi những người ấy từ đâu đến. Khi các lễ khách bỏ mũ ra, những cái đầu biến mất, để lại thân mình không đầu, và sau đó họ biến mất. Những người chứng kiến cảnh này gần như chết ngất tại chỗ vì sợ hãi và bị ám ảnh nhiều ngày.

Trên thực tế, việc cuối cùng của Columbus trước khi rời Hispaniola là hướng dẫn cho người em Bartholomew xây dựng một thành phố mới bên cửa sông Ozama. Nó được đặt tên là Santo Domingoⁱ vì Bartholomew đến đó vào một ngày Chủ nhật. Theo lời Peter Martyr nhận xét, vị trí tỏ ra hứa hẹn: “một con sông đầy nước, nhiều loại cá khác nhau rất tuyệt, chảy vào bến cảng dọc theo những bờ sông quyến rũ”. “Những cây cọ bản địa và cây trái đủ loại thỉnh thoảng lại rơi xuống đầu thủy thủ của chúng ta, những chiếc cành của chúng trĩu nặng hoa và quả.” Đất đai thậm chí có vẻ màu mỡ hơn đất đai ở La Isabela. Việc xây dựng pháo đài Santo Domingo được khởi công vào năm đó, hoặc năm 1497 tiếp theo, khá lâu trước khi 20 người định cư tại thủ phủ tương lai của đế chế Tây Ban Nha tại Ấn Độ. Santo Domingo ngày nay là khu định cư có người châu Âu ở liên tục lâu đời nhất ở Tây Bán cầu.

i. Cụm từ “Santo Domingo” có nghĩa là “Holy Sunday” – “Ngày chủ nhật của Chúa”. (BT)

Sự nổi lên của Santo Domingo đồng nghĩa với sự tàn lụi của La Isabela. Khu định cư xấu số trở thành chỗ nghỉ ngơi cuối cùng cho những bộ xương của cả người định cư Tây Ban Nha lẫn người Anh-diêng, rốt cuộc đã được bình yên trong cái chết. Ở các nấm mồ nông của họ, những cái xác Anh-diêng nằm nghiêng theo phong tục của họ, còn xác người Tây Ban Nha thì nằm ngửa, tay bắt chéo trước ngực và đôi mắt nhìn trừng trừng vào hư vô.

PHẦN CHUYỂN TIẾP



THỜI KỲ TRAO ĐỔI COLUMBUS

Hàng triệu năm trước, Cựu Thế giới và Tân Thế giới thuộc về một lục địa khổng lồ, Pangaea, nghĩa là “Toàn lục địa”. Mô hình địa chất là sự trôi dạt lục địa, lần đầu tiên được nhà vẽ bản đồ người Flanders tên là Abraham Ortelius đưa ra vào năm 1596, từ từ đẩy các lục địa ra xa nhau hàng ngàn dặm.

Khoảng 125 triệu năm trước, khi những con khủng long vẫn còn sống trên Trái đất, nhiều phần của Bắc Mỹ được nối liền với lục địa Á-Âu. Một đại dương khổng lồ vô định hình – và những dòng chảy của nó – chảy tự do quanh địa cầu. Mãi 30 triệu năm trước các đại dương mới bắt đầu có hình dạng như hiện nay, nhưng khi đó Đại Tây Dương vẫn kéo dài từ hai cực cho đến các vùng nhiệt đới. Một hiện tượng mới, hải lưu Gulf Stream, tàn dư của dòng chảy xuyên địa cầu thời cổ đại, phân bố và tái phân bố đời sống trên toàn bộ chiều dài của nó. Trong khi Pangaea bị tách mảnh dần dần, thì các lục địa được tạo thành đi theo sự tiến hóa phân kỳ – nghĩa là những dạng đời sống trên mỗi lục địa tiến hóa một cách riêng biệt, đôi lúc theo các con đường song song, và trong những trường hợp khác là hoàn toàn khác nhau.

Có vẻ như mọi việc sẽ tiếp tục đi theo con đường này một cách vô định, bất kể những trường hợp tiếp xúc thoáng chốc trong tự nhiên qua đại dương. Nhưng vào năm 1492, các cuộc thám hiểm của Columbus và

những người nối tiếp ông đã bất ngờ và mãi mãi làm thay đổi những mô hình đã có từ xa xưa này, làm xáo trộn những bong bóng tiến hóa của các lục địa độc lập trước kia. Đây thách thức khi cho rằng một đội tàu, được dẫn đầu bởi niềm tin và sự cương quyết của một cá nhân duy nhất, lại khởi động những sự kiện đưa đến sự thay đổi toàn cầu lâu dài này, nhưng đó chính là điều đã xảy ra.

Vào thời đó Columbus không nhận ra điều này. Đến được châu Mỹ, ông kinh ngạc trước sự phong phú của hệ động thực vật xa lạ mà ông đối mặt. Đôi khi ông vô cùng bức bối vì không thể gọi tên các loại thực vật và động vật mà mình thấy. Số ít người có học trên những con tàu của ông, như bác sĩ Chanca, cũng kinh ngạc tương tự.

Vào năm 1492, thế giới là một nơi rất khác biệt. Khi Columbus vượt Đại Tây Dương, ở nước Ý hay bất cứ nơi nào ở châu Âu cà chua và sốt cà chua vẫn chưa được biết đến. Tình trạng với sôcôla cũng tương tự, rất phổ biến ở châu Mỹ trong suốt 3.000 năm trước khi Columbus đến đây, nhưng lại xa lạ với khẩu vị châu Âu. Thuốc lá cho thấy một trường hợp tương tự: gắn liền chặt chẽ với đời sống và nghi lễ của người Anh-điêng, nhưng lại xa lạ với người châu Âu. Khi Columbus và người của ông gặp mấy thứ này, họ không biết làm gì với chúng. Song, kết quả của việc họ mang những sản phẩm này về châu Âu và đưa hệ động thực vật mà họ mang theo trên các con tàu đi nơi khác, một số to như ngựa, số khác nhỏ như vi khuẩn, khiến Cựu Thế giới và Tân Thế giới bắt đầu được kết nối theo những cách mà không ai đoán trước được, Columbus lại càng không.

Không còn thứ gì giữ nguyên như cũ. Columbus không thể đoán nổi rằng các tác động lâu dài nhất và không thể đảo ngược từ những chuyến đi của ông sẽ vượt qua cả cuộc chinh phục vì đế chế và thương mại; thay vào đó, ông đã tình cờ biến đổi môi trường toàn cầu. Bên cạnh vấn đề về Ki-tô giáo, nạn nô lệ, vàng, hay bất cứ quyền lực nào mà Columbus và Tây Ban Nha có được, sự chuyển giao hai chiều này giữa Cựu Thế giới và Tân Thế giới đã mang lại các thay đổi lớn hơn những gì mà họ có thể hình dung. Sự

thay đổi ấ rộng lớn, đầy biến động, và kéo dài. Phải mất hàng năm trời, hàng thập kỷ, hàng thế kỷ để các tác động của sự chuyển giao hai chiều ấy bộc lộ.

Cảnh tượng chuyển động chậm chạp này được biết đến với tên gọi Thời kỳ Trao đổi Columbus, do Alfred Crosby, một giáo sư của Đại học Texas ở Austin chỉ ra lần đầu tiên vào năm 1972. Trong vòng hai thập kỷ, quan niệm của Crosby đã dẫn tới một cách xem xét mới về di sản của Columbus. Ông viết, “Khi người châu Âu lần đầu tiên chạm tới bờ biển châu Mỹ, những cây trồng của Cựu Thế giới như lúa mì, lúa mạch, gạo, và củ cải chưa vượt Đại Tây Dương về phía tây, và những cây trồng của Tân Thế giới như ngô, khoai tây, khoai lang, và sắn cũng chưa đi về phía đông tới châu Âu”. Những khác biệt lớn này cũng mở rộng sang cả thế giới động vật. “Ở châu Mỹ, không có ngựa, gia súc, cừu hay dê.” Tất cả chúng đều là “những động vật có nguồn gốc từ Cựu Thế giới”. Trên thực tế, trừ vài ngoại lệ, Tân Thế giới không có động vật thuần hóa, không có gà, và không có gia súc cho đến khi Columbus đến đây. Và khi họ đến, sự có mặt của họ đã làm thay đổi việc săn bắn, ăn uống, cuối cùng là thói quen di cư và cấu trúc bộ tộc của người Anh-điêng, những người mà thông qua đó họ có đồ ăn, sức lao động, và tình bạn bè.

Các tác động của họ thấm dần thông qua văn hóa theo những cách mà người Tây Ban Nha không thể nào hình dung được. Ví dụ những con ngựa mà Columbus mang theo cùng với ông. Ban đầu, chúng khiến người Anh-điêng khiếp sợ, vì chưa bao giờ nhìn thấy những con vật như vậy. Theo thời gian, những con ngựa lan về phía bắc, biến đổi cuộc sống của người Anh-điêng. “Ngựa đem lại cho người Anh-điêng tốc độ và sức lực cần thiết để tận dụng cơ hội thu hoạch lượng thực phẩm khổng lồ mà tiêu biểu là những đàn trâu ở Bắc Mỹ và những đàn gia súc hoang sinh sôi nảy nở vô cùng nhanh chóng ở vùng đồng cỏ ở cả Bắc Mỹ lẫn Nam Mỹ”, Crosby nhận xét. Còn có những hệ quả bất ngờ khác. “Người Anh-điêng ngừng trông trọt: một công việc nặng nhọc, buồn tẻ, và ít mang lại sự tưởng thưởng so với cuộc sống du cư.” Vậy

là người Anh-điêng lên ngựa và băng qua những cánh đồng hoang, giết hại nhiều động vật hơn bao giờ hết trên đường đi, nhiều động vật hơn họ cần cho bản thân và gia đình mình. Người Anh-điêng trên lưng ngựa có thể tăng và nhân lên. Số lượng người Anh-điêng tăng lên dẫn tới sự phân chia giàu nghèo rõ rệt, dẫn tới sự phân tầng xã hội, và nạn nô lệ. Như Crosby nói, “chủ nghĩa quân bình của sự nghèo đói bắt đầu biến mất”.

*Vậy là những con vật mà người châu Âu mang tới không phải chỉ đơn giản là một phước lành. Cùng với chúng – là loài chuột đen và đi kèm là giống muỗi tai hại *Aedes aegypti* – dịch bệnh chết người cũng đến theo: bệnh đậu mùa, sởi, thủy đậu, cúm, sốt vàng da, và sốt xuất huyết. Những mầm bệnh xâm nhập Tân Thế giới, để lại hậu quả là sự tàn phá và đau khổ. Con người cũng mang tới mầm bệnh, trong đó có giang mai.*

Giang mai là ví dụ thường được trích dẫn nhiều nhất về việc lây truyền dịch bệnh giữa Cựu Thế giới và Tân Thế giới do những chuyến đi của Columbus gây ra, nhưng ít có sự đồng thuận về việc căn bệnh hoa liễu này đã đi theo đường nào. Liệu có phải người Anh-điêng đã lây cho người Tây Ban Nha, hay theo chiều ngược lại? Những ghi chép về giang mai xuất hiện đồng thời ở cả hai lục địa càng làm cho vấn đề trở nên rắc rối hơn, rằng căn bệnh đã lan truyền thế nào. Như bác sĩ Chanca ghi lại, rõ ràng một số người trong thủy thủ đoàn của Columbus có các triệu chứng của bệnh giang mai. Nhưng liệu họ bị nhiễm bệnh thông qua việc giao hợp với phụ nữ Anh-điêng, hay họ mang căn bệnh theo mình và làm nó lây sang những nạn nhân không hề nghi ngờ gì? Hay có các chủng khác lan truyền theo cả hai hướng? Khía cạnh tối tệ này của Thời kỳ Trao đổi Columbus vẫn chưa có lời giải.

Mặt tích cực hơn của sự trao đổi, đó là Thời kỳ Trao đổi Columbus giới thiệu những mặt hàng chủ lực như khoai tây, khoai lang, ngô, và sắn đến châu Âu và mang lúa mì, củ cải, lúa mạch, táo, và gạo từ châu Âu đến châu Mỹ. Trong sự trao đổi hai chiều của Thời kỳ Trao đổi Columbus, những loài hoa thơm ngát đầy sắc màu như tử đinh hương, hoa cúc và thủy

tiên cùng với chanh, cam, rau diếp, bắp cải, lê, đào, chuối, và cà phê đã đi từ Cựu Thế giới sang Tân Thế giới. Trong lúc đó, bí ngô, bí đỏ mềm, đậu limaⁱ, và ớt du hành từ Tân Thế giới sang Cựu Thế giới, cũng như lạc, sôcôla, và khoai lang. Ong mật đến châu Mỹ, gà tây sang Cựu Thế giới.

Những loại cây trồng này gắn liền với việc gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế. Điều này là ổn trong chừng mực nó phát triển và tương đối hiền hòa. Nhưng người châu Âu cũng mang theo rượu và tật nghiện rượu, một tai họa khác cho đến nay đã làm mất đi một phần mười số cư dân địa phương nguyên thủy. Những tác động có tính phá hủy của nền nông nghiệp châu Âu và mầm bệnh đối với thổ dân châu Mỹ và đất đai của họ không có nghĩa là hệ sinh thái của Tân Thế giới và các dân tộc của nó thấp kém hơn; đây là kết quả từ cuộc tấn công của cái mới. Theo thời gian, thực vật, động vật, và con người thích nghi với những kẻ xâm lăng, khá lâu sau khi những tiếp xúc ban đầu gây ra sự phá hủy.

Một khi bắt đầu, Thời kỳ Trao đổi Columbus không bao giờ ngừng lại, và nó tiếp tục với tốc độ luôn tăng lên. Crosby gọi hiện tượng này là một “sự dao động hoang dại của tự nhiên”, xảy ra khi một khu vực tách biệt hòa vào môi trường rộng lớn hơn. “Có lẽ nó sẽ không bao giờ lặp lại theo một cách ngoạn mục như ở châu Mỹ trong thế kỷ đầu tiên hậu Columbus, cho đến một ngày nào đó diễn ra một sự trao đổi về các dạng sống giữa các hành tinh.”

Dù là tốt hơn hay tệ hơn, hay chính xác hơn, dù tốt hơn và tệ hơn, thì đây là di sản kéo dài, không ngừng nghỉ, không tránh được, và bao trùm lên tất cả của Columbus.

i. Ở Việt Nam hay được gọi là “đậu ngự”. (BT)

PHẦN 3



THỜI KỲ SUY TÀN

CHƯƠNG 8



“TIẾNG GẦM LỚN”

Columbus di chuyển khó nhọc và vô định trên lưng con la dọc theo những con đường nhỏ rải đá và đồng bằng bụi bặm hướng đến Valladolid, miền Trung Bắc Tây Ban Nha. Ferdinand và Isabella từng cưới nhau ở đây 28 năm trước, năm 1469, và thỉnh thoảng họ trở lại đây để chăm nom đế chế ngày càng mở rộng của mình. Trong những người đồng hành với Columbus có hai người họ hàng gần của Caonabó, vị tộc trưởng Anh-điêng ăn ở hai lòng mà ông đã liên kết. Đô đốc Đại dương đã lên kế hoạch trình diện Caonabó trước các vị Quân chủ như một chiến tích, nhưng ông ta đã chết vì bệnh tật ngoài biển. Chỉ họ hàng ông ta là còn sống.

Vừa trở về Tây Ban Nha sau hải hành thứ hai mới được vài tuần, Đô đốc đã thực hiện chuyến đi trên đất liền này của mình cứ như đó là sự kéo dài của chuyến đi biển. Trong lúc đoàn người nghiêng ngả trên đường, mấy con vệt bị nhốt, những món đồ lưu niệm của Hispaniola, rít lên đầy cảnh báo. Em trai Caonabó, người đã cải sang Ki-tô giáo và lấy tên Don Diego, vẫn có vẻ nổi bật khi đeo một chiếc đai lộ rõ được làm từ vàng và vương miện của anh ta, nghe đâu “to và dài, với đôi cánh hai bên giống như tấm khiên và cặp mắt bằng vàng to như những chiếc chén bạc”.

Bị bệnh tật tàn phá, trông Columbus già hơn cả chục tuổi so với tuổi 46 của mình, bị vắt kiệt cả ý chí mãnh liệt và khả năng chịu đựng đã thúc đẩy ông khi ông còn là một nhà hàng hải trẻ tuổi. Mái tóc bờm ngựa đẹp đẽ đã chuyển sang màu trắng, và thị lực luôn khiến ông lo lắng, vông mạc bị tàn phá sau những giờ dài quan sát mặt biển dưới ánh mặt trời. Xương ông đau theo mỗi nhịp lắc lư trên lưng con la mà ông cưỡi. Chịu đau đớn do bệnh viêm khớp và những rối loạn khác, ông biết thời gian của mình không còn nhiều, và thay vì nghỉ ngơi trên vòng nguyệt quế, dành cho những người khác đạt tới vinh quang và sự giàu có bằng cách tiếp tục những khám phá mà ông đã thực hiện trong năm năm qua, ông vẫn cương quyết tiếp tục khám phá nhiều nhất có thể trong khoảng thời gian còn lại.

Thỉnh thoảng, ông nghiên ngẫm về việc không được thừa nhận đối với khám phá Ấn Độ đáng kinh ngạc của mình. “Thần khám phá cho các ngài”, ông nhắc nhở Ferdinand và Isabella giữa các hải hành, “333 hải lý đất liền ở nơi tận cùng phương Đông và đặt tên cho 700 hòn đảo ngoài những thứ khám phá được trong hải hành thứ nhất, và thần bình định cho các ngài đảo Hispaniola, nó còn lớn hơn Tây Ban Nha và có vô vàn người sinh sống”. Columbus lẽ ra nên nghĩ kỹ trước khi đưa ra những lời khoe khoang này. Các vị Quân chủ đã tạo ra ông, và họ cũng có thể bẻ gãy ông, tịch thu những thứ ông khám phá ra, và lấy đi của ông danh dự, tước hiệu, và của cải nếu họ muốn.

Ngược lại, Columbus tin rằng ông đã bị phạt một cách không công bằng đối với việc xây dựng đế chế của ông thay vì được ban thưởng một cách hào phóng như ông đáng được hưởng. Ông công khai chỉ trích “sự chửi rủa và khinh miệt đối với công cuộc” mà ông đã phải mạo hiểm cả tính mạng để thực hiện, tất cả chỉ vì “thần chưa gửi được về ngay những con tàu chất đầy vàng”. Chẳng ai quan tâm đến “những khó khăn to lớn” mà ông phải đối mặt. “Vì những tội lỗi của thần, hay đúng hơn, vì sự cứu rỗi của thần, mà thần bị ghét, và các rào

cản được dựng lên trước bất cứ thứ gì thần nói và yêu cầu.” Ông nhắc nhở các vị Quân chủ rằng trong quá khứ, ông đã “mang về cho các ngài đủ những mẫu vàng và kể cho các ngài về sự tồn tại của các mỏ vàng và những cục vàng rất lớn và cả đồng đỏ, và thần đã giao cho các ngài rất nhiều loại gia vị đến mức nếu viết ra thì sẽ quá dài”, nhưng, ông cay đắng nói, “tất cả những điều này chẳng làm nên sự khác biệt nào với một số người” – những kẻ chỉ trích và những đối thủ của ông ở triều đình – “họ bắt đầu nói xấu một cách rất có ý thức về công việc đó”. Ông đã thực hiện những nhiệm vụ mà các nhà thám hiểm qua nhiều thời đại đã thực hiện trên danh nghĩa những nhà cai trị và các quân vương của họ: “để phụng sự Chúa trong khi mở rộng sự thống trị của chính họ”. Song, “thần càng lập luận cho [công việc], những kẻ gièm pha càng tăng gấp đôi những trò đùa cợt của họ về vấn đề này”. Ông đã cầu khẩn Ferdinand và Isabella nghe lời van nài của ông, nhưng “các Bệ hạ đáp lời thần với một nụ cười, nói rằng thần không cần phải lo ngại gì về chuyện đó vì các ngài không hề coi những kẻ nói xấu về công việc này là có thẩm quyền hay uy tín”. Dù vậy, ông vẫn lo sợ họ có thể phản bội sự nghiệp thiêng liêng mà ông đã chia sẻ với họ.

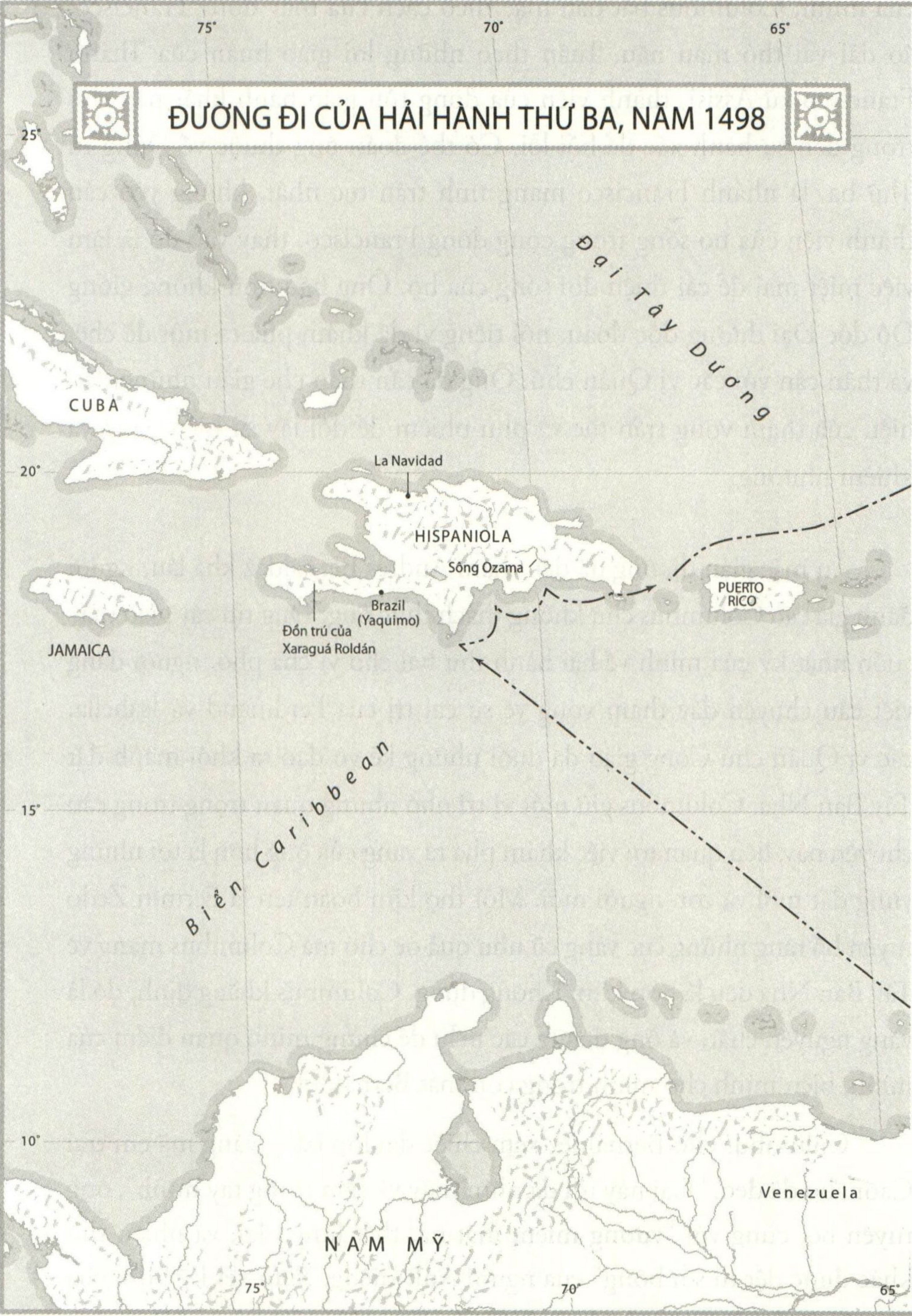
Những khám phá của ông lại khơi gợi mong muốn khám phá nhiều thêm. Ông bị thúc đẩy một phần bởi lòng tham và sự tự đề cao, và một phần bởi nhu cầu giải tội cho bản thân, để chứng minh với các vị Quân chủ rằng ông đã giữ được lời hứa thiêng liêng của mình với họ, bất kể các bằng chứng không đầy đủ và thường xuyên mâu thuẫn về những chuyến đi của ông. Thậm chí rắc rối hơn, ông từ chối nói đến những điều ngờ ngẩn vô lý: lời thề ông yêu cầu thủy thủ của mình đưa ra lúc cận kề cái chết rằng Cuba thuộc về lục địa Ấn Độ, 50.000 người Anh-điêng đã tự vẫn để phản đối việc ông xâm chiếm đất đai của họ, và thất bại của ông trong việc xác định vị trí của Đại Hãn.

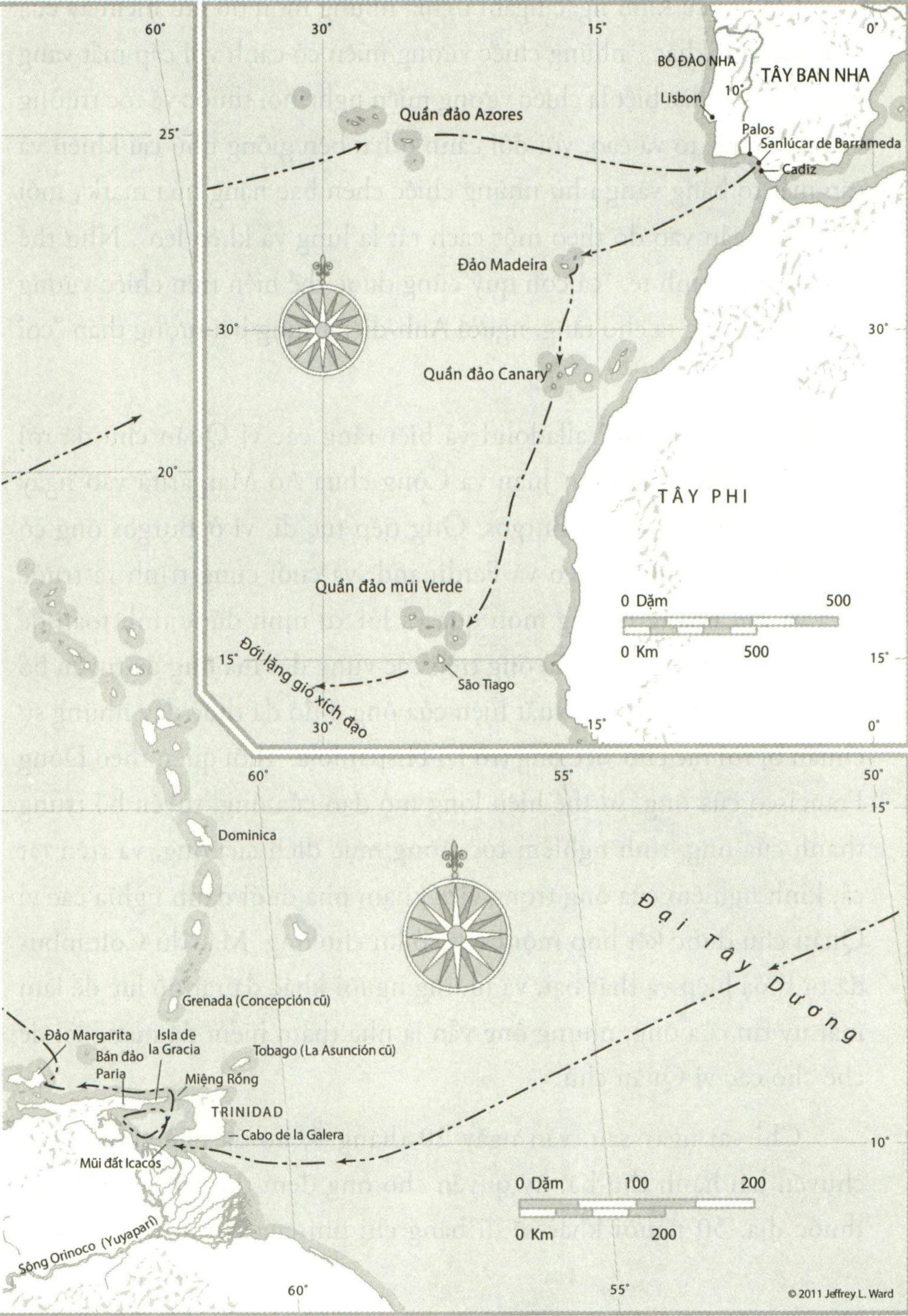
Để biểu thị sự khiêm nhường và trung thành của mình, và có lẽ là để chuộc lỗi một cách vô thức về hậu quả chết người do việc quản lý

của mình, Columbus bắt đầu mặc theo cách của thầy dòng Francisco, áo dài vải thô màu nâu. Tuân theo những lời giáo huấn của Thánh Francisco xứ Assisi, thành viên của dòng tôn giáo hành khất này chú trọng đến sự hành xác để hối lỗi. Có thể đoán ông thuộc về Dòng tu Thứ ba, là nhánh Francisco mang tính trần tục nhất, không yêu cầu thành viên của nó sống trong cộng đồng Francisco, thay vào đó là làm việc miệt mài để cải thiện đời sống của họ. Ông hầu như không giống Đô đốc Đại dương độc đoán, nổi tiếng vì đã khám phá ra một đế chế, và thân cận với các vị Quân chủ. Ông đã cẩn thận che giấu những dấu hiệu của tham vọng trần tục và phù phiếm để đổi lấy sự hiến dâng và khiêm nhường.

Ăn mặc giản dị, ông đã đến thăm Andrés Bernáldez khá lâu, người đánh giá cao Columbus chứ không thách thức ông. Ông tin cậy giao mấy cuốn nhật ký của mình về hải hành thứ hai cho vị cha phó, người đang viết câu chuyện đầy tham vọng về sự cai trị của Ferdinand và Isabella, các vị Quân chủ Công giáo đã đuổi những kẻ vô đạo ra khỏi mảnh đất Tây Ban Nha. Columbus giữ một vị trí nhỏ nhưng quan trọng trong câu chuyện này, liên quan tới việc khám phá ra vàng của ông hơn là tới những vùng đất mới và con người mới. Một thợ kim hoàn tên là Fermín Zedo tuyên bố rằng những cục vàng cỡ như quả óc chó mà Columbus mang về Tây Ban Nha đều là hợp kim. Không đúng, Columbus khẳng định, đó là vàng nguyên chất, và ông đưa ra các mẫu để chứng minh quan điểm của mình, biện minh cho mình trong con mắt Bernáldez.

Columbus cho Bernáldez xem chiếc đai lớn bằng vàng mà em trai Caonabó đã đeo. “Cái này tôi đã nhìn thấy và cầm trong tay mình”, ông tuyên bố, cùng với “vương miện, mặt nạ, thắt lưng, đai, và nhiều thứ khác được dệt từ sợi bông” của người Anh-điêng. Xem xét kỹ hơn, cha phó tìm ra hình ảnh quý “được thể hiện dưới dạng một con khỉ hay đầu con cú, hay thứ khác, hình dạng xấu hơn”.





Ông ta cứ kinh ngạc ngắm nghía những món đồ lưu niệm ấy của một thế giới khác, “những chiếc vương miện có cánh với cặp mắt vàng ở hai bên, và đặc biệt là chiếc vương miện nghe nói thuộc về tộc trưởng Caonabó, rất to và cao, với đôi cánh ở hai bên giống như cái khiên và cặp mắt to bằng vàng như những chiếc chén bạc nặng nửa markⁱ, mỗi thứ được gắn vào đó theo một cách rất lạ lùng và khéo léo”. Như thế vẫn chưa đủ tinh tế, “cả con quỷ cũng được thể hiện trên chiếc vương miện đó”. Ông ta cho rằng, người Anh-điêng sùng bái tượng thần “coi quỷ là chúa tể”.

Columbus đến Valladolid và biết rằng các vị Quân chủ đã rời đi vì đám cưới của Don Juan và Công chúa Áo Margarita vào ngày 3 tháng 4 năm 1497 ở Burgos. Ông tiếp tục đi, vì ở Burgos ông có thể gặp con mình, Diego và Ferdinand, và cuối cùng trình ra trước Vua và Nữ hoàng những món quà và lời xu nịnh được tính toán để đảm bảo sự độc quyền của ông trên các vùng đất mà ông đã tuyên bố dưới danh nghĩa họ. Sự xuất hiện của ông ở đó đã thúc đẩy những sự chuẩn bị rời rạc cho việc ông trở lại Hispaniola. Thói quen theo Dòng Francisco của ông, sự thể hiện lòng mộ đạo của ông, tuyên bố trung thành của ông, tính nghiêm túc trong mục đích của ông, và trên tất cả, kinh nghiệm của ông trong việc khám phá dưới danh nghĩa các vị Quân chủ được kết hợp một cách có lợi cho ông. Mặc dù Columbus đã tự thỏa hiệp và thất bại, và những người khác đã rất nỗ lực để làm mất uy tín của ông, nhưng ông vẫn là nhà thám hiểm đã mang lại đế chế cho các vị Quân chủ.

Chỉ vài ngày sau, vào ngày 20 tháng 4, họ đã phê chuẩn một chuyến hải hành thứ ba, ủy quyền cho ông đem theo 300 người tới thuộc địa. 50 người khác sẽ đi bằng chi phí của chính mình; được

i. Đơn vị đo trọng lượng thời trung cổ của Đức, 1 mark tương đương khoảng 165g, xấp xỉ nửa pound.

khích lệ trước lời hứa về sự giàu có dễ dàng, không khó tìm người tham gia đánh cược. Những thủy thủ khỏe mạnh và thợ thủ công có năng lực sẽ được nhận lương 30 maravedí mỗi ngày; lính, người lao động (đặc biệt những người sẵn lòng đào tìm vàng), và các cậu bé phục vụ trên tàu sẽ nhận 20 maravedí mỗi ngày. Những người sẵn sàng ở lại và canh tác đất đai sẽ kiếm được 6.000 maravedí mỗi năm. Phụ nữ cũng được phép tham gia trong chuyến đi dù có vẻ miễn cưỡng. Nhóm này được biết đến rất ít, nhưng họ được cho là nhiều khả năng sẽ làm các việc nội trợ.

Để lấp kín bảng phân công cho những con tàu, các vị Quân chủ ân xá đối với những tội phạm đang bị giam giữ nào mà đồng ý đi cùng Columbus. Chính sách này không áp dụng đối với những kẻ phạm tội giết người, phản bội, chứng kê gian, đốt nhà, hay giả mạo, còn những tội phạm khác sẵn sàng đi đến “Hispaniola và các đảo khác và lục địa của Ấn Độ” trong vòng một năm hay hơn sẽ được giảm án. Và ở Hispaniola, họ sẽ được tự do. Những điều này khó lòng mang lại cho Đô đốc Đại dương một lực lượng có kinh nghiệm và kỷ luật cần thiết trong một chuyến thám hiểm. Thay vì các viên chức mẫn cán của triều đình, ông thấy quanh mình là lính đánh thuê, kẻ đào vàng nghiệp dư, và tội phạm đang chờ cơ hội để gây nên tình trạng lộn xộn.

Sự hỗ trợ tài chính cho chuyến đi còn được hiện thực hóa chậm hơn; rốt cuộc thì các vị Quân chủ đã ủy nhiệm chi 2.824.326 maravedí. Đến ngày 17 tháng 2 năm 1498, Columbus mới chỉ có 350.094 trong tay để chi trả cho mọi đồ dự trữ cần thiết, buồm, và những vật phẩm đắt đỏ khác liên quan đến công việc. Sự hỗ trợ bổ sung không đến từ Tây Ban Nha, mà đến từ văn phòng Seville của Ngân hàng Genoa mà trước đây đã lâu từng tài trợ cho những chuyến buôn bán của ông đến đảo Chios của Hy Lạp. Mặc dù các vị Quân chủ đã dành ra những khoản

kinh phí cho chuyến đi, nhưng Columbus vẫn phải chịu trách nhiệm trước người quản lý nổi tiếng lập dị, Giám mục Fonseca, vốn rất không ưa ông và luôn ngăn cản hoặc trì hoãn các lần chuyến tiền. Khi một lô hàng lúa mì cho chuyến đi được chuyển đến từ Genoa, Columbus đã không có tiền để trả.

Sau hàng tuần, và sau đó là hàng tháng bực bội, bản thân vị Đô đốc khó tính đã dính vào một vụ ẩu đả với một trong những đại diện của Fonseca là Jimeno Breviesca, kẻ đã chế giễu Công cuộc Chinh phục Ấn Độ. Phải nghe những lời chỉ trích quá thường xuyên, Columbus đã đâm ngã viên chức này và đá anh ta. Breviesca là một viên chức của triều đình, và do không giữ được bình tĩnh, Columbus đã phá hủy danh tiếng của mình, đặc biệt trong mắt các vị Quân chủ.

Trên thực tế, các vấn đề của ông còn trầm trọng hơn nhiều so với cuộc cãi lộn không đúng lúc này. Ông đang đánh mất sự độc quyền mà ông đã giữ trong sáu năm qua đối với đế chế bên kia đại dương của Tây Ban Nha. Mặc dù các ranh giới của Hiệp ước Tordesillas vẫn còn hiệu lực, nhưng những kẻ thách thức khác đang xuất hiện, một số có được sự ủng hộ của Ferdinand và Isabella. Ấn Độ không còn là của riêng Columbus nữa.

Đội tàu thám hiểm dưới sự điều hành của ông bao gồm ba tàu: *Santa María*, tàu chỉ huy; *El Correo* (“Courier” – Người đưa tin), một tàu buồm do Columbus và các vị Quân chủ đồng sở hữu; và *La Vaqueños*, được cho là của một bà góa ở Palos, Tây Ban Nha cho đoàn thám hiểm thuê. Columbus lên kế hoạch đi theo hướng nam đến quần đảo mũi Verde, gồm 10 đảo nhỏ ngoài khơi của Tây Phi. Từ thời cổ đại, chúng đã từng được tái khám phá bởi António de Noli xứ Genoa, người đi biển dưới danh nghĩa Hoàng tử Henry nhà Hàng hải. Vua Alfonso V của Bồ Đào Nha sau đó chỉ định António de Noli làm thống đốc đầu tiên của mũi Verde.

Quần đảo mũi Verde trông buồn tẻ và thiếu vắng cây xanh hơn so với những đảo khác. Columbus tuyên bố cái tên này là “hoàn toàn sai... bởi chúng khô cằn đến mức tôi chẳng nhìn thấy gì trên đó có màu xanh”.

Hướng ra những vùng nước chưa được lập hải đồ, ông định đi xa về phía nam hơn mọi lần trước đây, với niềm tin rằng càng đến gần xích đạo, những khám phá của ông sẽ càng giá trị. Quan niệm này lan truyền trong các nhà vũ trụ học như Jaime Ferrer, người đã khuyên Columbus là gần xích đạo có thể tìm thấy “những thứ vĩ đại và quý giá như đá quý và vàng và gia vị và thuốc phiện”. Theo Ferrer, những người Anh-điêng, Ả-rập, và Ethiopia đồng tình rằng “phần lớn những thứ quý giá đến từ một khu vực rất nóng nơi cư dân có nước da đen hay nâu”. Do đó, bất cứ ở đâu Columbus tìm ra những người như vậy ông sẽ thấy được những thứ quý giá mà mình đang tìm kiếm.

Ông ra khơi vào ngày hạ chí, 21 tháng 6, hướng đến Hierro ở rìa phía tây của quần đảo Canary, nơi mà trong những giờ ngắn ngủi của bóng tối ông và hai chiếc tàu đồng hành đã chào tạm biệt đội tàu chở đồ tiếp tế đến Hispaniola. Ông thả neo ở một vịnh gần đảo Boa Vista cằn cỗi – tên gọi đại khái tương ứng với từ “Đất liền!”ⁱ trong tiếng Bồ Đào Nha – một hòn đảo được biết đến nhờ khu trại phong của nó. Người Bồ Đào Nha phụ trách công chứng là Rodrigo Alonso, nói với Đô đốc rằng những người bị hải đến Boa Vista với niềm tin là ăn thịt rùa và tắm máu chúng sẽ chữa được bệnh. Dân đảo bắt rùa vào ban đêm, trước hết là dùng đèn lồng để tìm đường đi của chúng. Khi tìm được một trong những con rùa đang ngủ, họ lật ngửa nó ra

i. Nguyên văn: “Land ahoy!”. Tương đương với “Terra!” trong tiếng Bồ Đào Nha. Trong hệ thống ngôn ngữ Ấn-Âu nguyên thủy, từ “terra” được bắt nguồn từ gốc “ters”, có nghĩa là “khô cằn”. (BT)

khiến nó bất lực, rồi tiếp đến con khác, thêm một con nữa, trước khi xẻ thịt cả đám.

Vào thứ Bảy, ngày 30 tháng 6 năm 1498, Columbus giương buồm đến São Tiago ở gần đó, đảo lớn nhất ở quần đảo mũi Verde. Sương mù tụ lại kể cả trong cái nóng cao độ, che khuất Mặt trời vào ban ngày và những vì sao vào ban đêm. Bất kể trở ngại này, đội tàu nhỏ xuất phát theo hướng nam vào ngày 4 tháng 7, với Đô đốc quyết tâm kiểm tra các ranh giới của Hiệp ước Tordesillas mới được điều chỉnh gần đây. Cuối cùng, ông đã hướng đến Ấn Độ.

Luôn tìm kiếm một con đường tắt, ông đi xa hết mức về phía nam mà ông dám, đến vùng Sierra Leone, 8°30' vĩ tuyến bắc của xích đạo, trước khi hướng về phía tây tới đảo Hispaniola. Vào thứ Sáu, ngày 13 tháng 7, đội tàu của Columbus đi vào một khu vực hội tụ của những ngọn gió từ Bắc và Nam Bán cầu thổi tới. Trời lặng gió, bề mặt đại dương trở nên phẳng lặng đến đáng ngại, và nhiệt độ tăng vọt. Họ đã đến Đới lặng gió xích đạo, một khu vực rất hiếm người châu Âu nào, kể cả Columbus, từng khám phá, nói gì đến sống sót.

“Tôi đi vào một khu vực nhiệt độ cao và dữ dội tới mức tôi tin rằng những con tàu và thủy thủ đoàn sẽ bị đốt cháy”, ông giải bày. “Cái nóng đến một cách bất ngờ và ngoài tầm kiểm soát đến nỗi không ai dám đi ra boong để cứu mấy chiếc thùng đựng đồ ăn thức uống.” Trong cảnh tàu đứng yên vì lặng gió, còn đoàn người thì khổ sở vì buồn chán, Columbus cảm thấy hoang mang và sợ hãi. La Casas nói, trong “cái nóng tột độ, ông ấy e là mấy con tàu sẽ bị cháy và thủy thủ sẽ chết”. Nhiệt độ cũng đang làm hỏng mọi thứ. Những thùng rượu vang và nước nứt ra, phá vỡ đai thùng. Các bó lúa mì bị héo. Thịt lợn muối và thịt ướp muối khác cũng gần như thối rữa trước mắt họ. Chỉ thỉnh thoảng mới có vài đám mây và mấy cơn mưa cứu họ thoát chết vì bị phơi ra trước ánh nắng gay gắt.

Chịu đựng căn bệnh gútⁱ đau đớn và say nắng đến mất phương hướng, mất ngủ và khó thở, Columbus buộc phải điều chỉnh hành trình đến nơi có thời tiết ôn hòa hơn. Ông hướng theo bóng những con quạ đen và trắng, loài chim mà ông tin là không đi xa khỏi đất liền. Đến ngày 19 tháng 7, cái nóng thậm chí còn dữ dội hơn, và những nỗi đau cũng khủng khiếp hơn. Nhưng rồi gió tây đã thổi vào những lá buồm của con tàu, ban đầu là vài ngọn gió thoảng, tiếp theo là các cơn gió mạnh hơn, cho đến khi những lá buồm căng lên và không gian một lần nữa lại tràn đầy sức sống. “Chúa đã ban cho tôi một làn gió tốt lành từ phương đông vào tám ngày cuối này”, Columbus ghi lại, “và tôi đi về phía tây... luôn về phía tây song hành cùng Sierra Leone với mục đích không thay đổi hành trình cho tới khi tôi đến được vị trí mà tôi nghĩ mình sẽ tìm thấy đất liền ở đó và chữa tàu và bổ sung đồ ăn thức uống hao hụt nếu có thể, và lấy nước mà tôi cần”. Ông đi theo con đường về phía tây trong 17 ngày, tin rằng cuối cùng mình sẽ đến được một điểm về phía nam của Hispaniola.

Nhưng trước tiên ông phải tìm ra đất liền. Mấy con tàu của ông bị tách ra ở những mối nối và cần được sửa gấp, và các kho của họ cần được tiếp tế như nhau. Chủ nhật, ngày 22 tháng 7, có những con chim bay từ tây tây nam sang đông bắc... vẫn có nhiều chim bay ngang qua bầu trời vào thứ Hai... và tiếp theo trong tuần đó, một con bồ nông tự hào mổ lên con tàu chỉ huy, cho thấy đất liền và nước ngọt rất gần, nhưng ở đâu?

Theo hướng bắc, ông tiến về phía hòn đảo lớn Dominica mà ông đã chạm đến bờ của nó trong hải hành thứ hai. Vì nó có tai tiếng là một nơi ẩn náu của bọn ăn thịt người, nên khi ấy ông đã chọn tránh nó, nhưng giờ đây ông vô cùng cần nước và sự nghỉ ngơi sau những cơn hành hạ của biển cả, đến mức ông sẵn lòng mạo hiểm cập bến. Trước khi cập bến,

i Nguyên văn: “gout”, hay còn gọi là bệnh thống phong. (BT)

ông cho người hầu là Alonso Pérez trèo lên cột buồm chính. Từ nơi cao đó, “anh ta nhìn thấy đất liền phía tây, cách 15 hải lý”, Columbus ghi lại. “Có ba cái gò hoặc núi đã xuất hiện trong tầm mắt.” Chúng tạo ra một sự cứu nguy bất ngờ khỏi bọn ăn thịt người. Ông đặt tên cho nơi lộ ra là Trinidad, theo tính chất chia ba của mấy ngọn núi. Khi ông đến gần, hiện ra trước ông “cùng lúc cả ba ngọn núi, trong một tầm nhìn”. Kể từ khi gặp đất liền trong hải hành thứ nhất, chưa bao giờ ông cảm thấy nhẹ người đến vậy. “Chắc chắn rằng việc tìm thấy vùng đất này ở nơi đây là một điều vô cùng kỳ diệu”, ông ghi lại. Ông mới chỉ thấy một trong hai đảo tạo thành Trinidad ngày nay, vùng đất liền nằm xa nhất về phía đông của vùng Caribbean, chỉ cách bờ biển Venezuela và Nam Mỹ có bảy dặm. Người Tây Ban Nha trên tàu vui mừng và ca bài “Salve Regina”ⁱ trong lúc những người khác vui vẻ gật gù đồng tình.

Ông tiến về một mũi đất khiến ông chú ý. Nó trông giống như một con thuyền galley đang đi, vì thế ông đặt tên cho nó là Cabo de la Galera mà theo những ghi chép của mình thì ông đến đó vào giờ cầu kinh tối, lúc cuối ngày. Tìm kiếm một chỗ đậu an toàn, ông đi men bờ qua hàng dặm đường bờ biển ôm lấy những khu rừng “vươn ra đến biển”. Cuối cùng, Columbus nhìn thấy một chiếc thuyền: tiếp xúc đầu tiên của ông với người dân Trinidad. Thay vì thể hiện sự nhẹ nhõm hay tò mò, ông chạy trốn lời đề nghị của một bộ tộc nhỏ đang đến gần họ trên những chiếc thuyền. Căng thẳng từ chuyến đi, chịu đựng các cơn nhức nhối và sự đau đớn, thậm chí gần như bị mù, và thắc mắc việc những chiếc thuyền kia không chở người Trung Hoa như mong đợi, ông tránh cả những cử chỉ thân thiện của họ lẫn các mũi tên thù địch. Trên thực tế, ông không hề gần Ấn Độ hơn so với trước kia và đã tình cờ gặp một cộng đồng địa phương có mối quan hệ với hai bộ tộc người Taíno và Carib.

i. Còn được gọi là “Hail Holy Queen” – “Kính lạy Nữ vương”. (BT)

Sáng hôm sau, đội tàu của ông chia nhau một thùng nước duy nhất, đi theo con đường phía nam cho tới khi thả neo ở mũi đất Erin, tại đây cánh thủy thủ đây biết ơn khi được bổ sung lượng nước ngọt dự trữ, tắm rửa và giặt giũ quần áo như những nghi thức tái sinh thành tâm.

Trở lại tàu mình, người của Columbus trông thấy những túp lều mái lá trên bờ, bỏ chúng lại phía sau, và tiếp tục đi dọc theo mũi đất Icacos, nơi đánh dấu điểm cực tây nam của Trinidad. *Icaco*, hay mạn dừaⁱ, cái tên mà theo đó mũi đất được gọi theo, vươn những cành có lá dày và phủ phấn cùng quả có vỏ mịn, thường mang sắc tím. Chịu được mặn, cây mạn dừa tạo nên một rào chắn tự nhiên chống lại sự xâm thực của biển.

Đội tàu nhỏ lại dừng khi Columbus nhìn thấy một khối đất liền mà ông nghĩ là đảo. Nhưng việc thám hiểm sâu hơn bờ biển kéo dài này – hơn 20 hải lý – đã làm thay đổi đánh giá của ông. Vào thứ Tư, ngày 1 tháng 8, ông đến một cửa sông rộng của dòng Orinoco, một trong các con sông dài nhất Nam Mỹ, nằm ở biên giới giữa Venezuela và Brazil. Địa hình thuyết phục ông rằng ông đã đến lục địa, và sự thừa nhận ấy đánh dấu tín hiệu khám phá của chuyến đi này hay bất cứ chuyến đi nào trong những chuyến thám hiểm của ông, cái nhìn đầu tiên về một lục địa mà cả ông hay bất cứ ai trên mấy con tàu của ông đều không hiểu đầy đủ hay thừa nhận về kích cỡ và vị trí của nó. Phần bí ẩn trong ông thích cho rằng Thượng đế đã dẫn ông tới gần cửa thiên đường. Ông tránh né sự đánh giá địa lý chính xác vốn cần thiết cho việc định vị hàng hải. Ông cũng không biết cái gì tạo nên hệ thực vật bờ biển ngoài việc nhận xét rằng nó có vẻ sum suê và làm an lòng. “Nhiều cây cối vươn ra ngoài biển”, trong đoạn văn của Las Casas, một dấu hiệu cho thấy biển lặng “vì khi biển động ở đó sẽ hoàn toàn không có

i. Nguyên văn: “cocoaplum”. (BT)

cây mà chỉ có cát”. Song, một “dòng chảy cồn lên” xuất hiện có vẻ như bắt nguồn “từ phía trên”, và một “dòng chảy cuộn lên” từ phía dưới.

Ông dẫn dắt các con tàu vào một vùng nước lợ nông ở phía tây của Trinidad, nay được biết đến là vịnh Paria. Sau tất cả những gì ông đã chịu đựng, sóng đang vỗ bờ cứ như một kiểu thiên đường, phù hợp với một trong những cảng đẹp nhất nơi bờ biển phía đông của lục địa. La Casas nhận xét, “Vịnh này thật là tuyệt vời, và nguy hiểm vì con sông lớn đổ vào nó”. Ông gọi nó là Yuyaparí, nay là sông Orinoco. “Con sông này đi qua hơn 300 hải lý, tôi tin là 400.” Ông đang mô tả đồng bằng Orinoco, một mạng lưới khổng lồ của những dòng nước hình cánh quạt. Một mối nguy hiểm ẩn náu giữa đất và biển, như Las Casas giải thích. “Vì vịnh đó được bao quanh bởi một phía là đất liền và phía kia là đảo Trinidad, và kết quả là nó rất hẹp so với sức mạnh hung hãn của những dòng nước ngược chiều, chúng gặp nhau trong một sự đối đầu khủng khiếp và một cuộc chiến nguy hiểm.”

Thả neo vào thứ Năm, ngày 2 tháng 8, Columbus cho phép thủy thủ đã kiệt sức của mình khám phá một bãi biển lấy lợi màu nâu gần mũi Icacos “để họ có thể nghỉ ngơi và hưởng thú vui” sau chuyến vượt biển trữu nặng lo âu. Có lẽ nơi đây cũng thanh bình, nhưng khung cảnh gợi cảm giác buồn rầu, cô lập, như thể chắc chắn là thời gian đang trôi đi cũng như dòng nước thủy triều.

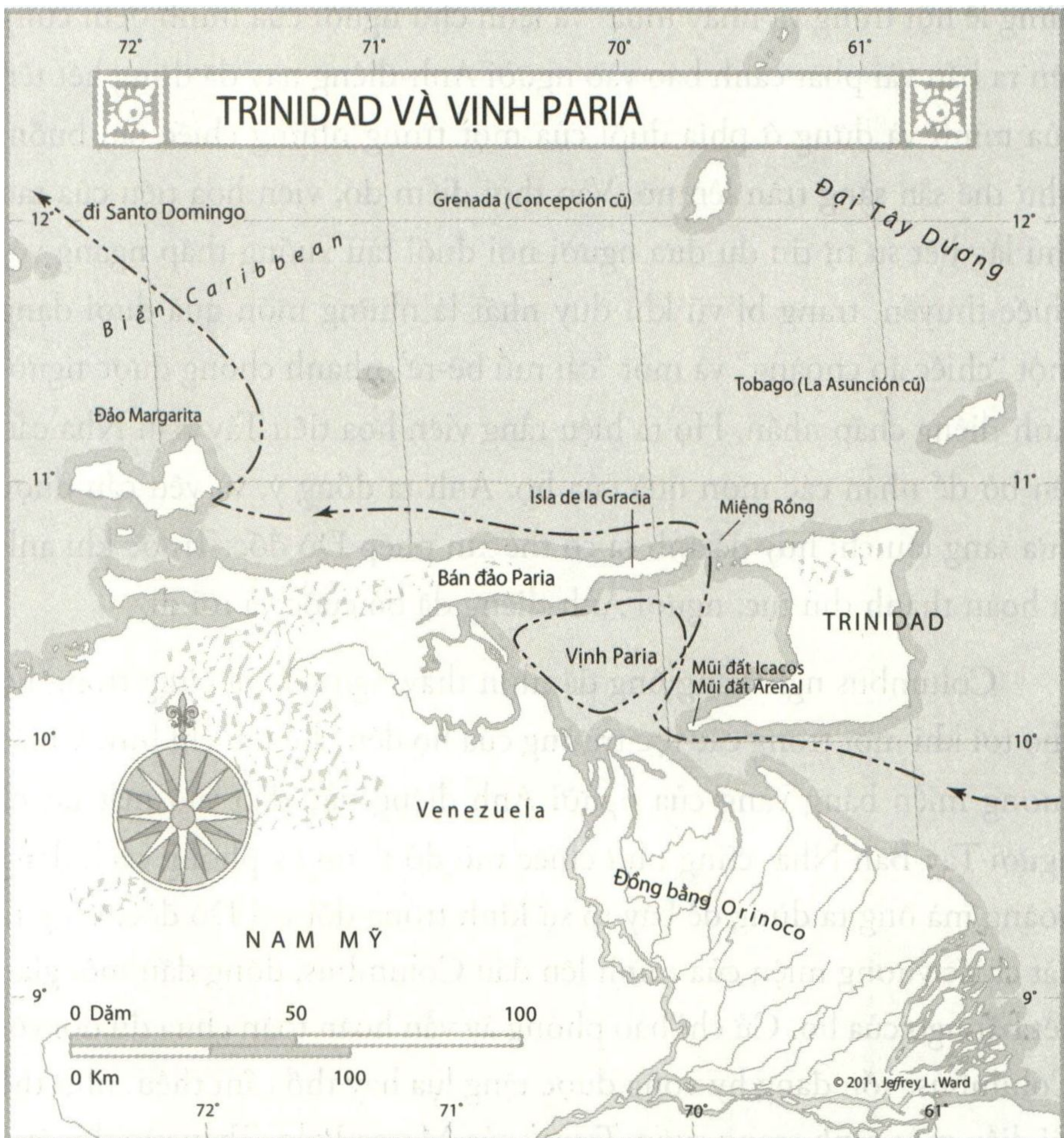
Vào lúc muộn hơn của hôm đó, một chiếc thuyền lớn chở theo 24 người Anh-điêng xuất hiện, dừng lại ở một khoảng cách an toàn. Người Anh-điêng hét vang qua vùng nước, và người của Columbus đáp lại không phải bằng lời mà bằng cách chìa ra các món đồ – “những chiếc nồi bằng đồng và các thứ lấp lánh khác” – khuyến khích chiếc thuyền đến gần để trao đổi thân thiện. Người Anh-điêng đến gần hơn, nhưng vẫn giữ khoảng cách, kể cả khi Columbus ứng tác một điệu nhảy đón chào. “Tôi rất muốn trò chuyện với họ, và đối với tôi dường như chẳng

có gì phù hợp hơn là thể hiện và mời chào họ đến gần, cách cuối cùng của tôi là mang một chiếc trống lục lạc lên boong lái để gõ và có mấy cậu bé nhảy múa, tin rằng bằng cách đó họ sẽ đến gần hơn để xem.”

Người Anh-điêng lại hiểu sự hơn hở nọ là điệu nhảy khiêu chiến và “cầm cung giương lên, che khiên, và bắt đầu bắn tên”. Những mục tiêu của họ nhón nhác chạy xuống dưới boong. Columbus “yêu cầu dừng lễ hội trống và nhảy múa” và lệnh cho người của mình đem cung tên ra bắn vài phát cảnh báo vào người Anh-điêng nay đã dùng hết tên của mình và đứng ở phía đuôi của một trong những chiếc tàu buồm như thể sẵn sàng tràn lên nó. Vào thời điểm đó, viên hoa tiêu của tàu thu lấy hết sự tự tin đưa người nới đuôi tàu xuống thấp ngang với chiếc thuyền, trang bị vũ khí duy nhất là những món quà dưới dạng một “chiếc áo choàng” và một “cái mũ bê-rê” nhanh chóng được người Anh-điêng chấp nhận. Họ ra hiệu rằng viên hoa tiêu Tây Ban Nha cần lên bờ để nhận các món quà của họ. Anh ta đồng ý, và yêu cầu được đưa sang tàu chỉ huy để anh ta có thể xin phép Đô đốc. Trước khi anh ta hoàn thành thủ tục, người Anh-điêng đã bỏ cuộc và rời đi.

Columbus nghĩ rằng ông đã nhìn thấy người cuối cùng trong họ cho tới khi một trong các tộc trưởng của họ đến chỗ tàu chỉ huy. Chiếc vương miện bằng vàng của người Anh-điêng này đập vào mắt tất cả người Tây Ban Nha, cũng như chiếc mũ đỏ thẫm và phong cách đàn ông hoàng mà ông ta dùng để bày tỏ sự kính trọng đối với Đô đốc. Ông ta đặt chiếc vương miện của mình lên đầu Columbus, đóng dấu mỗi giao kết bất ngờ của họ. Cử chỉ hào phóng ấy vẫn hoàn toàn chưa đủ đối với Columbus, vốn đang hy vọng được tặng lụa hay thổ cẩm thêu, như thể tái diễn một cảnh trong cuốn *Travels* của Marco Polo. Thay vào đó, ông gặp ánh nhìn chăm chú của những người Anh-điêng tò mò. “Họ không có nước da nâu như những người khác”, Las Casas nói, dựa vào mô tả của Columbus và các thành viên khác, “mà tương đối sáng hơn những người khác chúng tôi gặp ở Ấn Độ, nhìn họ rất tuyệt với cơ thể đẹp

để. Tóc họ dài và thẳng, cắt theo kiểu của Castile”. Trên đầu họ quấn mảnh vải dệt từ bông, thứ mà Columbus, luôn tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy ông đã đến được phương Đông, coi là khăn xếp. Những người châu Âu khác nhìn vũ khí của người Anh-điêng, đặc biệt cung và tên dính lông, đầu gắn một mấu xương nhọn, có ngành “giống như lưỡi câu cá”.



Vượt qua người Anh-điêng, Columbus và người của mình lọt sâu chưa từng có vào một *paraíso* huyền ảo – một thiên đường lúc nhúc những con trăn Nam Mỹ, khỉ rú (loài động vật đất liền âm ỉ nhất ở Tân

Thế giới), khỉ capuchin (loài khỉ mà vẻ ngoài của chúng khiến những vị khách châu Âu nhớ đến thói quen và chiếc mũ trùm đầu của Dòng Các thầy Tiểu đệ Capuchinⁱ), vẹt có đuôi, chim tu-căng, vẹt, cò, bói cá, và gõ kiến. Những con báo đốm và báo sư tử nhanh nhẹn lao mình qua tầng cây thấp rậm rì. Trong công cuộc tìm kiếm ngọc trai, Columbus hoang mang, nhận xét về “những con hầu rất to” trước khi chuyển hướng chú ý sang rất nhiều cá và vẹt đang chăm chú nhìn những kẻ đột nhập vào giữa chúng. Những con vẹt “màu xanh lá, một màu xanh sáng rất sắc sỡ thiên về sắc trắng, trong khi loài vẹt ở các đảo lại có màu xanh lục hơn và có ánh tối hơn. Tất cả vẹt ở lục địa đều có màu vàng ở cổ, giống như nhuộm màu, và trên cánh lõm đốm màu sắc, một số con có lông màu vàng trên cánh”, theo Las Casas.

Quan sát từ mũi đất Arenal, trên bờ biển phía bắc Venezuela, Columbus nghiên cứu các hòn đảo phía bắc và những ngọn núi phía nam với sự tò mò ngày càng tăng. Họ nhìn thấy những dấu vết của động vật – loài dê, họ nghĩ vậy, nhưng thực ra là hươu – họ chỉ tìm thấy xác của đúng một con. Giống như nhiều thứ khác ở “thế giới khác”, họ không biết điều gì tạo nên quang cảnh ấy.

Columbus tiếp tục việc tìm kiếm một người phiên dịch Anh-điêng và nước. Người của ông chuẩn bị đào giếng trong cát khi họ gặp một số lỗ đào vào lòng đất mà rõ ràng là do dân đánh cá bỏ lại. Ông đến một con kênh mà ông gọi là Boca del Dragón, tức “Miệng Rồng”, ở giữa khoảng đất kéo dài giống như còng cua của Trinidad và Isla de Gracia. Phấn khởi trở lại, Đô đốc định giương buồm đi về phía bắc, hướng tới các khung cảnh quen thuộc của Hispaniola, nhưng, ông cảnh giác nhận thấy, “có những dòng chảy lớn cắt ngang lối vào và tạo nên âm thanh lớn... giống như mấy con sóng vỡ ra và đập vào các tảng đá”. Vấn đề là làm cách nào để qua được vùng biển đang bị khuấy lên. Ông thả neo

i. Nguyên văn: “Order of Friars Minor Capuchin”. (HĐ)

ngay bên ngoài cửa con kênh, và “khám phá ra rằng cả ngày lẫn đêm dòng nước chảy vào từ đông sang tây với một sự giận dữ giống như sự giận dữ của dòng Guadalquivir khi dâng cao, và nó chảy liên tục đến mức tôi e là mình không thể quay lại do dòng chảy và cũng không tiến thêm được vì những chỗ nước nông”. Ông đã bị rơi vào bẫy.

Vào những giờ đầu tiên của ngày 4 tháng 8, “Miệng Rong” đã cản.

Sau này Columbus nhớ lại, “Đêm đã về khuya, khi ở trên boong tàu tôi nghe thấy một âm thanh khủng khiếp dội từ phía nam hướng đến con tàu *nao*; tôi chạy ra xem và thấy một cơn sóng thần đang đổ từ tây sang đông giống như một trái núi cao ngang con tàu *nao* hướng đến tôi từng chút từng chút một, và nó có một cái mào đang nhô lên khá rõ, găm gào trong tiếng động cực lớn, với cùng một sự giận dữ và âm thanh như những dòng chảy cắt ngang khác từng được nhắc đến trước đây và tương tự những cơn sóng đập vào vách đá”. Nhưng ông đã được cứu thoát khỏi sự hủy diệt một cách bất ngờ và không thể giải thích nổi như khi ông đối mặt với nó. “Tuy nhiên, con tàu đã đi qua và đến được chỗ cửa biển, nó dừng lại ở đây trong một khoảng thời gian tương đối.”

Khối nước khổng lồ làm đứt dây neo của con tàu *La Vaqueños*, mang nó lên một độ cao không tưởng. Cưỡi “trên đỉnh sóng”, Columbus kinh ngạc vì ông chưa bao giờ trải nghiệm bất cứ thứ gì như việc thả neo hoang dã và tiềm tàng nguy hiểm như thế này. Theo Las Casas, Columbus tuyên bố rằng “nếu họ ra được khỏi đây, họ có thể kể câu chuyện về việc họ đã thoát khỏi Miệng Rong như thế nào. Và vì thế, cái tên này đã gắn với nơi đây thật có lý”. Chính vì vậy, đó là một trong những cái tên ít ỏi còn sót lại; Las Casas, người mà cuộc đời trùng với cuộc đời của Columbus, nhận xét rằng Columbus thường làm chuyện vô ích. “Trong tất cả những cái tên ông ấy đặt cho các hòn đảo và mũi của lục địa mà ông ấy biết, ví dụ như Isla de Gracia, không có cái

tên nào còn sót lại hay ngày nay vẫn được biết đến, trừ đảo Trinidad, Dragon's Mouthⁱ, Testigos, và Margarita.”

Khi cơn sóng qua đi, con tàu lao xuống đáy biển, sát đến mức mọi người có thể thoáng thấy đáy. Và rồi cơn hỗn độn chấm dứt. Ông đã sống sót qua cuộc đối đầu với Miêng Rong. Hàng tháng sau đó, ký ức về sự kiện khủng khiếp ấy vẫn còn khiến ông bị sốc. Sau đó ông báo cáo với Ferdinand và Isabella, “thậm chí hôm nay thân vẫn còn sợ, vì sóng ở dưới con tàu có thể lật úp nó ngay lập tức.”

Con sóng khổng lồ nhiều khả năng là sóng thần, bị gây ra bởi một trận động đất ngầm tương đối lớn dưới biển: 7,5 độ hay lớn hơn. Một cơn sóng thần xảy ra khi vỏ Trái đất, hay mảng kiến tạo, bất ngờ dịch chuyển và đẩy nước dâng cao. Sự thay đổi bất ngờ sinh ra những con sóng vĩ đại, di chuyển nhanh và tỏa ra mọi hướng.

Thoát khỏi tai họa trong gang tấc, Columbus đi tiếp cho đến khi ông cập bờ bán đảo Paria của Venezuela vào ngày 5 tháng 8 năm 1498. Ông cử người của mình đi tìm nước ngọt và chẳng mấy chốc họ đã tìm thấy. Ông lập luận, “Vì đây là khu vực núi, tôi nghĩ rằng xa hơn, về phía tây, đất liền sẽ bằng phẳng hơn và vì chính lý do đó, có lẽ đông dân hơn”. Hoặc ông hy vọng như vậy. Ông nhổ neo và men theo đường bờ biển “đến rìa thấp của ngọn núi này và thả neo ở một con sông”.

Lập tức, “nhiều người đến và bảo với tôi họ gọi vùng đất này là Paria, và xa hơn về phía tây còn có nhiều người hơn”. Có chút nghi ngờ về việc khi nào thì Columbus lên bờ. Người phục vụ trẻ tuổi của ông, Andrés de Corral, sau đó làm chứng rằng Đô đốc bị viêm mắt nên phải ở lại trên tàu. Theo phiên bản này, một trong các thuyền trưởng của đội tàu, Pedro de Terreros, đã nhận công việc thay cho Đô đốc, dựng lên một cây thánh giá lớn để đánh dấu sự kiện. Một thuyền trưởng khác,

i. Miêng Rong. (HĐ)

Hernán Pérez, tuyên bố rằng *ông ta* lên bờ đầu tiên. Những người khác đồng tình rằng Columbus lần này không lên bờ.

Sau đó, Pérez nói, “Đô đốc cùng với khoảng 50 người lên vùng đất Paria và một tay cầm kiếm còn tay kia cầm cờ, nói rằng nhân danh các Bệ hạ, ông sở hữu vùng này”. Ngay khi lên bờ, ông đã cẩn thận quan sát người dân đang chào đón ông. “Họ có màu da giống như mọi dân tộc khác ở Ấn Độ. Một số trong đó để tóc rất dài, số khác giống chúng ta, nhưng không ai cắt tóc như ở Tây Ban Nha và những vùng đất khác. Họ có hình dáng vừa phải, và tất cả đều trưởng thành.” Và ông nói, “đàn ông che bộ phận sinh dục, còn tất cả phụ nữ đều trần truồng như khi mới được mẹ sinh ra”.

Giữ bốn người Anh-điêng làm con tin dẫn đường, Columbus đi về phía tây thêm tám hải lý nữa, ngang qua điểm mà ông đặt tên là Punta del Aguja, nơi phong cảnh mê hoặc (“đẹp nhất trên thế giới”, ông tán dương) đã thuyết phục ông thả neo một lần nữa, lên bờ và “xem những người này”. Ngay khi thấy ông đến gần, họ liền nhảy lên mấy chiếc thuyền của mình, chèo điên cuồng đến tàu của ông, và như ông nhớ, “van nài tôi lên bờ, nhân danh vua của họ”.

Rất nhanh, Columbus dường như biến thành một con người khác. Trong những trang thư của ông gửi các vị Quân chủ, ông thể hiện một mong muốn tha thiết về tình bạn của người Anh-điêng, chứ không chỉ tận dụng những khả năng của họ như làm nô lệ hay cải sang Ki-tô giáo. Da phồng lên bởi Đới lạnh gió xích đạo, run rẩy và nhỏ bé trước cơn sóng thần, ông đơn giản vui mừng vì vẫn còn sống, hoan hỉ hít thật sâu bầu không khí ngát hương và nhúng đầu mình vào dòng nước mát lành, ngọt lịm. Trong một quãng nghỉ đầy mê hoặc, ông thấy mình như một kẻ sống sót may mắn, là một phần của khung cảnh rộng lớn hơn kết nối thánh thần với con người, chứ không phải là một kẻ xâm lăng và một ông chủ quá chuyên quyền. Thậm chí hình ảnh của vàng và ngọc

traí mà người Anh-điêng đeo làm đồ trang sức cũng không khiến ông tham lam thêm nhỏ dãi giống như đã từng thế ở mấy chuyến đi trước: “Nhiều người đeo những mẩu vàng quanh cổ và một số người đeo ngọc trai trên tay. Tôi sung sướng vô cùng khi thấy những viên ngọc trai đó và cố hỏi xem họ tìm thấy chúng ở đâu, và mọi người trả lời rằng họ lấy từ đó, ở phía bắc của vùng đất ấy”. Nhưng Columbus đã gạt sang bên nỗi ám ảnh của ông với những sự giàu có, quan tâm đến “lúa mì, rượu vang, và thịt” sắp bị hỏng trong những khoang tàu, “và bởi mục đích duy nhất của tôi là chăm lo để chúng không bị hỏng, nên tôi sẽ không nấn ná vì bất cứ thứ gì trên thế giới” – kể cả vàng. Những ưu tiên của ông đã thay đổi; lần này, ông quan tâm đến sự thoải mái của mình hơn là cố gắng thực hiện các nhiệm vụ quá sức người. Cảm giác thanh bình nhanh chóng bị xua tan. Ông nghĩ lại, “Tôi rất cố gắng kiếm lấy mấy viên ngọc và cử vài chiếc thuyền cập bờ”.



Nhóm lên bờ gặp những con người “đẹp đẽ”, “dịu dàng”, và “dễ sai khiến”, họ vui vẻ dẫn tất cả tới “một ngôi nhà lớn có mái đầu hồi” chứ không phải túp lều như vẫn nghĩ, với đầy đủ chỗ ngồi. Một Columbus mới đây hào hiệp khen ngợi những vị chủ nhà của mình vì cách cư xử tốt, và vì “cơ thể đẹp đẽ, cao và thanh nhã duyên dáng, tóc rất dài và mượt và buộc quanh đầu mảnh vải thêu... nhìn từ xa có vẻ như được làm từ lụa và vải dệt”. Ông ngưỡng mộ những chiếc thuyền rất đẹp của họ (“Tôi thấy ở giữa mỗi thuyền là một khoang có chiếc giường dành cho vị thủ lĩnh và mấy người vợ của ông ta”) và trong bối cảnh mà ông gọi là Jardines, hay Khu vườn “vì cái tên đó hợp với nó”. Hoàn toàn bị thu hút trước các món trang sức bằng vàng đầy phô trương của người Anh-điêng, ông liên tục hỏi họ về việc họ đã tìm thấy nó ở đâu và làm sao để ông có thể đến được đó, nhưng họ cảnh báo ông tránh xa qua câu chuyện về bọn ăn thịt người hung dữ hoặc thú vật, mà ông không thể nói là con gì. Ông coi việc tìm kiếm ngọc trai như một thứ thay thế

cho vàng nhưng “không thực hiện việc tìm kiếm đó bởi những món hàng dự trữ và vấn đề với đôi mắt tôi, và bởi tôi có con thuyền *nao* quá to, không phù hợp cho việc tìm ngọc trai”.

Một bữa tiệc gồm bánh, hoa quả, “rượu vang” đỏ và trắng đang chờ họ. Mấy món đồ uống có cồn khiến Columbus thắc mắc: chúng không phải được chưng cất từ nho, mà từ một thứ quả khác nào đó ông không nhận ra, và từ *maize*, được ông định nghĩa là “một loại hạt có bắp bẹ hình dạng giống như một con suốt”. *Maize* là từ người Taíno dùng để chỉ ngô. Những mẫu cây này sẽ được gửi về Castile khi có cơ hội sớm nhất.

Đàn ông và đàn bà tách biệt trong suốt bữa tiệc, và sự im lặng vụng về làm không khí trầm đi. “Cả hai bên đều buồn vì họ không thể hiểu nhau; họ muốn hỏi chúng tôi về quê hương chúng tôi, còn chúng tôi thì muốn biết về quê hương họ”, Columbus nhận xét với sự bình thản đáng khen ngợi. Ông bị quyến rũ nên muốn nấn ná, nhưng “Điều tôi mong mỏi nhất là chở số hàng dự trữ đến nơi an toàn nếu không nó sẽ bị hỏng và có thuốc chữa cho mình bởi tôi cảm thấy mệt mỏi do thiếu ngủ”. Ông tính rằng “trong suốt chuyến đi này mà tôi khám phá được ra đất liền tôi đã có 33 ngày không ngủ”, và tuyên bố rằng ông đã “không nhìn được” trong suốt thời gian đó. Ít nhất, thị lực ông bị suy giảm, và ông kêu ca “mắt tôi chưa bao giờ bị đau nhiều đến thế cũng như chưa bao giờ bị đỏ và nhức nhối như lúc này”.

Vẫn không muốn chấp nhận bằng chứng ngày một nhiều về việc ông đã đến một lục địa, Columbus trốn trong ý nghĩ rằng đường bờ biển lượn quanh một hòn đảo, và ý nghĩ về việc đi theo hướng bắc, hướng tới Hispaniola. Ngạc nhiên và lúng túng cứ đeo đuổi khi ông cử “một chiếc tàu buồm nhẹ đi xem liệu có một lối ra hay một lối đi qua không”. Thay vào đó, chiếc tàu buồm đã thăm dò một “vịnh lớn”, một “con sông kỳ quặc”, và “thứ nước dối dào và trong lành nhất mà

tôi từng uống”. Song ông trở nên “vô cùng thất vọng” khi nhận ra mình bị mắc bẫy, không thể đi về phía bắc, nam, hay tây. Ông chẳng có lựa chọn nào ngoài việc quay lại, nhưng khi ông cố gắng xác lập những mốc quen thuộc trên bờ, “dòng chảy lại mang tôi đi xa”. Ở khắp nơi, “nước ngọt, trong lành đã đưa tôi về phía đông với lực lớn”. Và ở phía xa, tiếng âm ì lại nổi lên. Ông quyết định rằng “lượng nước đổ vào và đi qua con lạch... không là gì khác ngoài sự trộn lẫn nước ngọt và nước mặn: nước ngọt đẩy ra, tìm đường tới biển, còn nước mặn thì đẩy nó ngược lại”.

Lại trở ra ngoài biển, ông trở nên trầm ngâm khác thường. “Đi từ Tây Ban Nha sang Ấn Độ tôi tìm thấy ở nơi cách quần đảo Azores 100 hải lý về phía tây sự thay đổi lớn nhất về bầu trời và những vì sao cùng chất lượng không khí và các vùng biển”, ông nhớ lại, “và tôi lưu giữ trải nghiệm đó”. Ông lưu ý đến hiện tượng mà trong cơn điên loạn mình đã bỏ qua: cách mà “biển ở đây có đầy một loại rong giống như những cành thông nhỏ mang loại quả giống như quả cây nhũ hương; loại rong này dày đến mức trong hải hành thứ nhất tôi đã nghĩ rằng biển nông và rằng tôi sẽ kết thúc ở chỗ tàu bị mắc cạn”. Giờ đây, ông kinh ngạc, “không gặp một cọng nào”. Mọi thứ xung quanh như vỗ về an ủi ông, “biển rất lặng và thanh bình, và thậm chí khi một làn gió mạnh thổi, mặt biển không hề gợn lên hay lăn tăn”. Bản thân bầu trời cũng tỏ ra “rất nhẹ nhõm” và thuận tiện cho việc nhìn sao: “Tôi thấy sao Bắc Đẩu vạch một vòng tròn với đường kính khoảng năm độ, còn những sao khác thì ở bên phải; vào đúng giây phút đó, ngôi sao đang ở điểm thấp nhất, rồi từ đó nó lên cao dần cho đến khi chạm phía bên trái”.

Thị lực của ông cải thiện dần, hàng đêm Columbus quan sát các vật thể vũ trụ, nhưng sự an toàn mà những quan sát như vậy mang lại cho ông lại không thực tế. Nhà hàng hải với tài năng dẫn đường dự đoán không quen thuộc lắm với những dụng cụ hàng hải

và các khái niệm trong thời của ông, và trong trường hợp này ông đi đến một kết quả lạ lùng. “Tôi miệt mài quan sát nó với chiếc thước đo độ”, Columbus nói, “và tôi thường xuyên nhìn thấy dây dọi rơi xuống cùng một điểm”, trong khi ông trông đợi nó thay đổi một chút giữa lúc con tàu trôi trên biển lặng. Có gì đó khác thường. “Tôi tin rằng đây là một hiện tượng chưa được biết đến”, ông tuyên bố, và nó dẫn ông, trong trạng thái giả vờ bình tĩnh suy ngẫm, tới giả thuyết kỳ quặc nhất mà ông từng có – thậm chí còn cực đoan hơn cả niềm tin sai lầm của ông rằng mình đã đến Ấn Độ. Ông tin rằng mình đã khám phá ra cửa tới thiên đường.



Ôm ấp ý tưởng này, Columbus diễn giải sự chuyển dịch của kim la bàn trên tàu như là việc chỉ ra đường tới thiên đường. Ông tin rằng, càng đi xa về phía tây, tàu của họ sẽ càng lên cao hơn. Đập tay vào trán vì kinh ngạc trước ý nghĩ điên rồ của Columbus, Las Casas nhận xét, “Từ đấy, ông ấy đi đến ý tưởng ngược với mọi tri thức thông thường của các nhà chiêm tinh học và triết học, rằng thế giới không phải hình tròn”, mà kiểu như một quả cầu hoàn hảo. (Phần lớn người châu Âu ở thời Columbus nhận thấy rằng thế giới hình tròn, như các nhà toán học và nhà địa lý thời cổ đại đã xác định.)

Columbus định nói đến một điều gì đó phức tạp hơn là sự hơi phồng lên hay biến dạng của độ tròn Trái đất. “Mỗi khi tôi đi từ Tây Ban Nha tới Ấn Độ, tôi đều nhận thấy rằng khi mình đến một điểm cách quần đảo Azores khoảng 100 hải lý về phía tây, thì bầu trời, các ngôi sao, nhiệt độ không khí và những vùng biển đột ngột thay đổi”, ông ghi lại. “Như thể biển phồng lên.” *Phồng lên?* Quan sát này khiến ông bối rối, vì ông “luôn đọc thấy rằng thế giới của đất và biển có hình khối cầu”, song lúc này “tôi thấy rất bất thường đến mức tôi phải đi đến những kết luận sau đây liên quan đến thế giới: nó không tròn như người ta mô tả, mà có dạng một trái lê, nó tròn ở mọi nơi trừ phần

cuống, nơi nó nhô ra một đoạn dài... giống như núm vú phụ nữ”. Nơi kéo dài đầy nổi bật này dẫn tới thiên đường, mở ra từ đỉnh của vùng biển. “Tôi không tin rằng ai cũng có thể lên đến đỉnh”, ông thận trọng khi khép lại phỏng đoán tuyệt vời của mình.

Nếu như vàng, nô lệ và gia vị mà ông từng gửi về Tây Ban Nha từ mấy chuyến đi trước đã không làm cho những kẻ chỉ trích ông im lặng, thì có lẽ quan sát này sẽ khiến họ im. “Tôi không tin rằng thiên đường trên Trái đất là một ngọn núi dốc”, ông giải thích, “ngoại trừ ở đỉnh của nó, phần mà tôi mô tả như cuống quả lê”. Ông tin rằng “không ai có thể lên đến đỉnh”, nơi nguồn nước bắt đầu. Ông đoán thế vì ông đã trải nghiệm những dòng nước ngọt ở ngoài khơi Venezuela, “bởi tôi chưa bao giờ đọc hay biết về lượng nước ngọt nhiều đến thế đi sâu vào đất liền và gần nước mặn đến thế... Và nếu nó không xuất phát từ đó, từ thiên đường, thì thậm chí còn lạ lùng hơn nhiều, vì tôi không tin rằng một con sông lớn đến thế và sâu đến thế lại có ở một nơi nào đó trên thế giới”.

Nổi lên trong những suy ngẫm vô thức của ông là công cuộc tìm kiếm thiên đường, đóng vai trò như một phép ẩn dụ cho việc quan sát chi tiết hơn về nữ giới, về Mẹ Trái đất. Ông cảm thấy được an ủi trong những mộng tưởng của mình về việc sống ở một thế giới mà phép màu vẫn là điều có thể, kể cả khi ông đã trải qua cảm giác rắc rối của việc đối đầu với cái chưa biết. Đối với ông, thật yên tâm khi biết rằng thiên đường là có thật, cho dù bản thân ông chưa bao giờ đến được nơi đó.

Các thiên hướng hảo huyền của Columbus vẫn vẹn nguyên, mạnh mẽ hơn và kỳ lạ hơn bao giờ hết. Những nhà thám hiểm khác cảm thấy phần chần chừ bởi niềm tin rằng họ đang làm theo ý Chúa, nhưng quan niệm gây sửng sốt của Columbus về cửa ngõ vào thiên đường là điều độc đáo. Đối với giới nghiên cứu về Columbus, bắt đầu từ Bartolomé de Las Casas, thì việc tách rời thực tế khỏi sự điên rồ và khoa học khỏi sự ảo tưởng là điều dễ dàng, nhưng trong lối tư duy của Đô đốc, những điều tưởng như đối lập này gắn với nhau không thể tách rời. Thậm chí

ở cái ngày đã muộn này, tám năm kể từ khi lên đường vào cuộc thám hiểm đầu tiên, ông vẫn tin rằng mình đang ở cửa ngõ của Ấn Độ, cũng là ngưỡng cửa vào thiên đường. Trải nghiệm đã nuôi dưỡng các ảo tưởng của ông thay vì khiến chúng tan biến. Trong lúc tiếp tục hải trình, ông chìm đắm vào những mộng tưởng. Khi nghiên cứu địa cầu, ông không còn thấy đại dương, thấy bằng chứng về những dòng chảy, con sóng, bãi cát, đá ngầm, vịnh, hay các đặc điểm địa lý khác, mà là một chuỗi hình ảnh lung linh, vốn có thể tốt hơn nếu được mô tả như những hình ảnh chứa đựng thông tin được mã hóa về bản chất của vũ trụ. Đối với ông, sự thăm dò là quá trình giải mã do Chúa đặt theo cách tốt nhất mà ông có thể.

Sau này, ông đã tuyên bố trên cơ sở trải nghiệm đó và những tưởng tượng bay bổng huyền bí khác, “Thế giới thật nhỏ bé, sáu phần là đất liền và duy nhất phần thứ bảy được nước che phủ. Trải nghiệm đã chứng minh điều đó” – mặc dù các chuyến đi của ông cho thấy ngược lại, rằng Trái đất phần lớn được các đại dương che phủ. Để bảo vệ ý kiến của mình, ông lập luận rằng “Tôi tin là thế giới không lớn đến mức như người ta thường nghĩ”. Quan điểm chuyên môn của Columbus dựa trên cơ sở khái niệm rằng thế giới bao gồm thiên đường, nhưng Thái Bình Dương và châu Mỹ lại bị loại ra. Thế giới nhỏ bé của ông có chu vi khoảng 14.000 dặm, trong khi trên thực tế chu vi của Trái đất tại xích đạo khoảng 24.900 dặm.

Bám vào những niềm tin không được xác minh của mình, ông khẳng định rằng do kết quả của việc “đi biển và thám hiểm và khám phá” được các vị Quân chủ hỗ trợ, mà ông có thể nói những khu vực nào của Trái đất ông đã đến qua màu da của các dân tộc mà ông từng gặp. Ông khẳng định, ở mũi Verde “mọi người có màu da tối hơn hẳn” mọi nơi, “và càng đi xa về phía nam thì màu da họ càng tối hơn”, đạt đến độ đen nhất ở điểm “sao Bắc Đẩu lúc sắp tối nằm ở vị trí năm độ bên trên đường chân trời”.

Ông giải thích rằng sau khi đã đi qua Đới lạnh gió xích đạo đáng sợ và đến được Trinidad xanh tươi, “Tôi thấy nhiệt độ dễ chịu nhất và các vùng đất với cây cối xanh tươi và đẹp đẽ như những vườn cây của Valencia vào tháng 4, còn người ở đó có cơ thể đẹp và trắng hơn những người khác mà tôi từng gặp ở Ấn Độ”. Không chỉ vậy, “họ khéo léo hơn, thể hiện sự thông minh hơn, và không nhút nhát”, những đặc tính mà ông cho là do “nhiệt độ dịu nhẹ” bởi nơi đây thuộc “điểm cao nhất trên thế giới”, như ông đã giải thích lúc trước. Và để xác nhận lập luận của mình, ông nói, “Trên đầu chúng tôi và họ, Mặt trời ở cung Xử nữ”. Giống như mọi người ở thời ông và thời Ptolemy trước đó khá lâu, Columbus vốn là người nghiên cứu cẩn mẫn về chuyển động của các hành tinh và tác động của chúng lên hành vi và số phận con người. Vị trí cung hoàng đạo rõ ràng là một dấu hiệu tích cực, và ông tự tin hiệu chỉnh các hiểu lầm của Aristotle và những “học giả khác” bằng các dữ liệu mới – và vô cùng tuyệt vời – mà mình mới thu được.

Trong khi tìm kiếm một thiên đường, Columbus chạm vào mũi phía đông của Isla de Gracia ngoài khơi bờ biển Venezuela. Một lần nữa, ông cho một nhóm thăm dò nhỏ lên bờ, họ bắt gặp mấy đồng tro đã lạnh, một túp lều hoang, cá đang phơi khô, và vài dấu hiệu khác của đám người đã trốn chạy những kẻ xâm nhập. Người Tây Ban Nha thu hoạch mận Jamaica, một loại quả đặc mà Las Casas so sánh với “trái cam mà bên trong giống quả sung”. Và họ lưu ý về “lũ mèo hoang”. Nếu không, họ chẳng có gì để báo cáo. Với mỗi bến cảng đi qua, những hình ảnh về thiên đường trong ông lại tàn lụi dần, và các nhiệm vụ chưa hoàn thành của chuyến đi lại lấp ló.

Vào thứ Hai, ngày 6 tháng 8, một chiếc thuyền nhỏ chở bốn người đàn ông thuộc tộc người Anh-điêng Guaiqueri tiếp cận đội tàu, và có lẽ dịp này đã đánh dấu sự giao tiếp đầu tiên của họ với người châu

Âu. Họ mặc thứ vải dệt tuyệt đẹp với điểm nhấn là các đồ trang sức làm từ vàng và hợp kim vàng mà họ có được qua trao đổi với những nhóm Anh-điêng khác. Thứ kim loại lấp lánh này nhiều khả năng là *guanín*, một hợp kim kết hợp vàng, bạc, và đồng đỏ theo những tỉ lệ khác nhau. Columbus đã gặp *guanín* đôi lần trong những chuyến đi trước nhờ người Taíno đã tặng chúng cho ông, và ông đã gửi một mẫu về Tây Ban Nha để phân tích, cho kết quả thú vị. Tất nhiên người Tây Ban Nha thích vàng, nhưng hợp kim của người Anh-điêng lại chứa tỉ lệ đồng cao, nên đã làm giảm độ tan chảy từ hơn 1000 độ đối với vàng nguyên chất xuống còn 200 độ đối với hợp kim chứa 14-40% đồng. Vì lý do ấy, đồng đối với người Anh-điêng còn quý hơn vàng.

Vừa trao đổi và xem xét những món trang sức, nhóm buôn bán vừa uống *chicha*, được cất từ ngô. Có màu hơi đục, phớt vàng, và vị chua như rượu táo nguyên chất, thứ đồ uống này có hàm lượng cồn thấp tạo nên sự lâng lâng nhẹ nhàng. Một trong các hoa tiêu Tây Ban Nha ra dấu với mấy người Anh-điêng rằng mình muốn đi cùng họ lên bờ, nhưng khi bước lên chiếc thuyền nhẹ anh ta đã chiếm luôn lấy nó, và mấy người Anh-điêng đành bơi đi, nhưng không kịp tránh được viên hoa tiêu, và anh ta bèn đưa họ lên tàu trình với Đô đốc. Đô đốc viết, “Khi họ rời đi, tôi cho mấy người Ấn Độ này vài chiếc chuông và các loại hạt thủy tinh và đường, rồi tôi để họ lên bờ, ở đó họ có một trận đánh nhau to. Và sau khi hiểu về sự tiếp đãi tử tế, tất cả họ đều muốn lên tàu”. Columbus ân cần chào đón người Anh-điêng đang tìm kiếm nơi trú ẩn an toàn, và tiếp nhận những món đồ cống nộp là bánh, nước, và *chicha*. Được kích thích bởi món đồ uống, ông thân ái lôi kéo họ vào trò chuyện, với những nụ cười và cái gật đầu về sự không hiểu biết lẫn nhau.

Hôm sau, người Anh-điêng trở lại các con tàu với số lượng đồng hơn, mang thêm nhiều món quà hơn, đặc biệt là món đồ uống rất dễ chịu, có màu đục của họ. Đổi lại, họ hạnh phúc nhận được mấy chiếc

chuông nhỏ bằng đồng. Đồ kim loại tỏa ra sự hấp dẫn liên tục đối với người Anh-điêng, họ gửi các món đồ lấp lánh với vẻ biết ơn, cố gắng tìm hiểu những đặc tính trong món đồ trang sức châu Âu mà người châu Âu đã biết rõ. Người Anh-điêng tin rằng họ có thể gửi thấy mùi đồng quý giá, nếu có, trong món đồ trang sức.

Những người thổ dân tặng các chú vẹt đang co rúm, la hét inh tai và mấy món đồ dệt rất khéo léo có màu sắc sặc sỡ cho Đô đốc, vốn thích bắt giữ chính người Anh-điêng. Đến cuối ngày, những con tin ông định bắt đã bỏ đi. Buổi sáng, khi một chiếc thuyền độc mộc chở 12 người Anh-điêng đến, người Tây Ban Nha đã nhanh chóng giữ họ lại. Columbus chọn sáu người mà ông thích, và thả số còn lại “không dẫn đi”, Las Casas viết, “như ông ấy đã làm nhiều lần trong hải hành thứ nhất”. Theo Las Casas, hành vi ấy là một sai lầm chết người, nhưng điều đó không làm Đô đốc lo lắng khi ông cương quyết bổ sung thêm cho đế chế của mình.

Vài hôm sau, Columbus nghe nói về một người Anh-điêng đeo một cục vàng to cỡ quả táo. Cuối cùng thì ở đây cũng có vàng. Thế rồi những người đàn ông đeo đồ trang sức là vàng cùng vòng cổ và chuỗi hạt trang trí đã đến trên mấy chiếc thuyền độc mộc. Những người đàn bà đeo chuỗi ngọc trai màu trên tay. Bị vàng làm cho lóa mắt, Columbus ra sức thương thảo để có thêm các món đồ quý giá này trình lên Ferdinand và Isabella. Trong tâm trạng phấn khởi, ông tình cờ gặp một nơi cắm trại của những người Anh-điêng duyên dáng và mến khách lạ thường, và cùng với người của mình ông vui vẻ dùng thứ đồ uống lên men có màu đỏ và trắng. Chỉ có thời tiết khiến ông lo lắng. “Tôi thấy lạnh đến mức cần một chiếc áo khoác vào mỗi buổi sáng, cho dù tôi đang ở gần xích đạo đến thế.”

Ông tiếp tục đi tìm kiếm ngọc trai, hoan nghênh những người Anh-điêng mà có thể sẽ hữu ích trong công cuộc tìm kiếm của ông. Như là nguồn tham khảo của mình, ông dựa vào cuốn *Naturalis*

historia (Tạm dịch: Lịch sử tự nhiên) của Plinyⁱ, một nhà khoa học, sử học, và biên soạn tài liệu người La Mã, người đã khiến Columbus tin rằng ngọc trai sinh ra từ các giọt sương hình thành bên trong con trai khi những chiếc vỏ của chúng mở ra. Quan sát thấy nhiều sương và những con hào to bụi, hay các sinh vật mà ông coi là hào, Columbus mong đợi tìm thấy ngọc trai ở bất cứ đâu, thậm chí trong những con trai nhỏ mà ông nhìn thấy trên mấy cành đước. Tuy nhiên, ông đã nhầm: loài nhuyễn thể đó không phải là hào, còn ngọc trai chẳng thấy đâu. Ông tiếp tục bị hủy hoại bởi những niềm hy vọng, ước mơ, và lòng tham của mình.



Columbus có nguy cơ dẫn đội tàu tới tai họa khi ông đi vào vùng nước nông đến báo động: chỉ sâu có 4 sải, tương đương khoảng 7,3m. Những con tàu cần có độ sâu ít nhất 3 sải để đi qua an toàn. May mắn là những dòng chảy mạnh – ba dòng theo như ông đếm – chảy ngang Miệng Rong, mang họ đi qua vùng bãi nông vào vùng nước sâu hơn.

Hôm sau, ngày 13 tháng 8, ông lại đi về phía tây dọc theo bờ biển phía bắc của Paria, biết ơn Chúa vì được cứu thoát và hiểu rõ các vùng đất mới mà mình đã khám phá ra trong vòng vài ngày đến đây.

“Các Bệ hạ đã chiếm được những vùng đất rộng lớn này ở một thế giới khác” – *otro mundo*, theo lời ông – “ở đó người Ki-tô giáo sẽ có nhiều niềm vui và đức tin của chúng ta mà theo thời gian sẽ tăng lên rất nhiều”. Thuật ngữ “thế giới khác” đánh dấu một sự thay đổi trong cách nghĩ của ông. Ông đã từ bỏ ý tưởng rằng mình đang khám phá Ấn Độ cổ đại của Marco Polo trong công cuộc tìm kiếm Đại Hãn, và thay vào đó đã vấp phải một thứ gì đó hoàn toàn mới và gây thắc mắc. “Tôi dần tin rằng đây là một lục địa rộng lớn mà tới

i. (23-79 TCN).

nay vẫn chưa được biết đến.” Đó là một khám phá thực sự, một thứ gì đó hoàn toàn bất ngờ. Thực tế đơn lẻ đó không hiển nhiên đồng nghĩa với việc giờ đây ông nhận thấy rằng Hispaniola và các đảo khác của “Ấn Độ” nằm cách xa Ấn Độ. Nó có nghĩa là ông bị rối trí hơn bao giờ hết. Những chuyến đi khẳng định của ông trở thành những chuyến đi nghi ngờ. Ông được trang bị để xác nhận các huyền thoại đầy say mê chứ không phải để đập tan chúng.

Sau khi rời bán đảo Paria của Venezuela, Columbus nhìn thấy quần đảo La Asunción (nay là Tobago) và Concepción (nay là Grenada). Vào ngày 14 tháng 8 năm 1498, ông khám phá ra đảo Margarita, nằm trên biển Caribbean giữa vĩ tuyến bắc $10^{\circ}52'$ và $11^{\circ}11'$ với kinh tuyến tây $63^{\circ}48'$ và $64^{\circ}23'$. Ông đặt tên hòn đảo núi non hùng vĩ này, dài khoảng 50 dặm và rộng khoảng 12 dặm, nhằm vinh danh Margarita của Áo. Cái tên này còn là một kiểu chơi chữ trong tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là “ngọc trai”ⁱ, để nhận biết những vật thể có ánh xà cừ rải rác ở khu vực.

Trong chuyến đi theo hướng tây kéo dài đến giữa tháng 8, ông nghe được một số báo cáo về ngọc quý từ nhiều người khác trên các tàu, nhưng Ferdinand con trai ông tiết lộ, “Đô đốc... không thể dành trọn sự quan tâm cho nó như ông mong muốn vì việc liên tục quan sát khiến mắt ông bị đỏ, và do đó ông phải ghi lại những gì mà các thủy thủ và hoa tiêu nói với mình”.

Cuối tháng 8, trong lúc Columbus ra lệnh tiến về phía bắc và tây hướng đến Santo Domingo, thủy thủ đoàn phát hiện thấy một chiếc

i. Từ “Margarita” trong tiếng La-tinh bắt nguồn từ một từ trong tiếng Hy Lạp là “margaritari” có nghĩa là “ngọc trai”, vốn là từ mượn từ ngôn ngữ Ba Tư. Ngoài ra, nó cũng có nghĩa là “hoa cúc dại” trong tiếng Tây Ban Nha, Hy Lạp, và một vài ngôn ngữ khác. (BT)

tàu buồm nhỏ tiến đến gần họ, chiếc tàu buồm đầu tiên họ thấy kể từ khi rời khỏi Tây Ban Nha. Chiếc tàu đến gần bắn một phát súng cảnh báo, âm thanh dội qua biển cả. Chỉ khi nó đến sát bên tàu chỉ huy, hạ buồm, Columbus mới nhận ra rằng thuyền trưởng chính là Bartholomew em trai mình, cũng phục vụ vương triều Tây Ban Nha ở Santo Domingo. Hai anh em nhà Columbus cùng hội lại và đi vào cảng Santo Domingo. Sau đó, Diego, người em thứ ba của Columbus, cùng tham gia với họ. Đô đốc nóng lòng hình dung việc kể cho các vị Quân chủ của mình về những phát hiện kỳ lạ này và sự mở rộng nhanh chóng đế chế Tây Ban Nha mà ông đã mang lại.

Vào ngày cuối cùng của tháng 8, Đô đốc dẫn đội tàu hộ tống mình đi ngược sông Ozama tới Santo Domingo, nơi ông mong đợi một thuộc địa đang phát triển chờ đón mình. Thay vào đó, “Khi tôi từ Paria đến, tôi thấy gần như một nửa số người ở Hispaniola đang nổi loạn, và họ gây chiến với tôi”, ông than. Thủ lĩnh của họ là Francisco Roldán, hay như vẫn được biết đến là Roldán Nổi loạn, và trong lúc Columbus vắng mặt, ông ta đã gieo mầm hỗn loạn.

CHƯƠNG 9



CUỘC NỔI LOẠN CỦA ROLDÁN

Đó chỉ là vấn đề thời gian trước khi Francisco Roldánⁱ, hay ai đó giống ông ta, xuất hiện trên sân khấu để phá đám Công cuộc Chinh phục Ấn Độ của Columbus. Tình hình ở Hispaniola rất khắc nghiệt và bất ổn, cảm dỗ thì đầy rẫy và khó từ chối, hình ảnh của đế chế Tây Ban Nha lại mơ hồ và không thực tế, còn người tham gia vào các chuyến đi được lựa chọn một cách bừa bãi, nên kỷ luật hiển nhiên sẽ bị phá vỡ trong thời gian Columbus vắng mặt đã lâu, khi bất cứ điều ác nào đều không chỉ là có thể thực hiện mà còn không phải chịu hậu quả.

Con trai ông kể lại, một thời gian Santo Domingo vẫn “khá thanh bình”. Những người định cư chờ đợi Columbus từ Tây Ban Nha sớm quay lại với đồ dự trữ, vũ khí, và tin tức từ quê nhà. “Nhưng khi một năm đã qua, đồ dự trữ dần cạn và những khó nhọc cùng bệnh tật tăng lên, họ trở nên bị mất phương hướng với tình cảnh hiện thời của mình và tuyệt vọng về tương lai.” Được Columbus chỉ định làm thị trưởng, đứng đầu thuộc địa, Roldán vui sướng trước sự hợp tác của người Tây Ban Nha cũng như người Anh-điêng, hay như Ferdinand viết, “người ta vâng lời ông ta như thể ông ta chính là Đô đốc”. Nhưng địa vị cao này đã dẫn tới xung đột với Bartholomew

i. ((?)1450-1502).

Columbus, người mà với tư cách thống đốc, tự coi mình là vị quan tòa tối cao. Trong khi sự vắng mặt của Đô đốc cứ kéo dài mãi, và bắt đầu có vẻ là ông sẽ không bao giờ trở lại tiền đồn nhỏ bé này của đế chế, “Roldán bắt đầu mơ tưởng đến chuyện biến mình thành ông chủ của hòn đảo”. Kế hoạch của ông ta hết sức bất trung: ông ta định giết cả Bartholomew lẫn Diego. Khi anh em nhà Columbus bị gạt sang bên, Roldán sẽ nắm quyền. Và ông ta có một kế hoạch để khiến Tây Ban Nha đứng về phía mình.

Khi Bartholomew đi Xaraguá để dập tắt một cuộc nổi loạn của người Anh-điêng và bắt cống nộp, số phận tỏ ra ưu ái kế hoạch của Roldán. Xaraguá, một dải đất trải dài, phần lớn là bằng phẳng, được tô điểm với cây bụi rậm rạp, và giáp một bãi biển có cát trắng mịn, nằm trên mũi đất nhô ra biển kéo dài đến phía nam của đảo. Khía cạnh thanh bình của nó dễ gây nhầm lẫn; Xaraguá trở nên đồng nghĩa với các lực lượng Tây Ban Nha nổi loạn đang chiếm đóng nó, với hành vi xấu xa phóng đảng và lừa nhác. Đối với những ai tìm kiếm chỗ trú ngụ, nó có các điểm thuận lợi mang tính chiến lược, vì nằm cách Santo Domingo 200 dặm, và có thể nhìn thấy buồm của mấy con tàu đang đến gần từ cách đó hàng dặm. Las Casas tỏ lòng ngưỡng mộ người Anh-điêng nơi đây. Họ “nói năng lưu loát và diễn đạt lịch sự hơn hẳn người ở các khu vực khác” của Hispaniola. Họ “có vóc dáng và thể chất tuyệt vời. Vua của họ tên là Behechio và ông này có một người em gái gọi là Anacaona” – nghĩa là “Bông hoa Vàng” – người đối xử với người Tây Ban Nha vốn thô lỗ và tham lam bằng “một cách lịch sự, và qua việc đưa họ ra khỏi mối nguy hiểm hiển hiện và rõ ràng của cái chết, đã thực sự chứng tỏ việc phụng sự các vị Quân chủ xứ Castile”. Anacaona còn là vợ của Caonabó, một tộc trưởng Taíno, người vừa thách thức vừa tham gia vào phía lực lượng Columbus.

Bartholomew Columbus giao trách nhiệm cho Diego em trai mình, cùng với Roldán phục vụ dưới quyền anh ta, bí mật kích

động và xúi bẩy cuộc nổi loạn. Sự chú ý của Bartholomew tập trung vào một chiếc tàu buồm nằm trên bãi biển ở La Isabela. Anh ta có ý định sử dụng chiếc tàu như một phương tiện chạy trốn khỏi hòn đảo, nếu cần.

Roldán và những người ủng hộ ông ta khẳng định rằng họ muốn hạ thủy chiếc tàu buồm càng sớm càng tốt, rồi khi đến Tây Ban Nha họ sẽ tuyên bố “tin tức về cảnh khốn cùng của họ”. Diego Columbus không có gì trong tay; chiếc tàu buồm thiếu các trang bị và đồ dự trữ. Phớt lờ cấp trên, Roldán ra lệnh cho tàu chuẩn bị ra khơi, nói với những người đi theo ông ta rằng anh em nhà Columbus muốn ngăn chặn nhiệm vụ của họ, giữ họ lại trong vòng kiểm soát, và ngăn Tây Ban Nha biết về chế độ Columbus xấu xa và thối nát ở Hispaniola. Roldán khuấy động sự căm ghét bằng cách gợi lại về việc ba anh em nhà Columbus đã đối xử tàn nhẫn với người định cư thế nào, họ bị hành hạ trong cái nóng ngạt thở, xây dựng các pháo đài trái với ý muốn, và phơi họ ra trước những nguy hiểm không cần thiết. Roldán nhắc nhở những người Tây Ban Nha cùng chung khuynh hướng, rằng Columbus và anh em ông là dân ngoại quốc, và tệ hơn, là kiểu dân ngoại quốc chẳng bao giờ trả công cho họ mặc dù đã buộc họ làm lụng vất vả như lũ lừa. Giờ thì có vẻ là Đô đốc sẽ không bao giờ trở lại cùng đồ dự trữ và tiếp viện.

Để xử lý tình huống khó khăn của họ, Roldán đề xuất họ chia nhau “mọi của cải trên đảo”, và điều quan trọng là “họ phải được sử dụng người Ấn Độ theo cách họ thích, không bị can thiệp”, theo lời Ferdinand. Nhiều người Tây Ban Nha đã giữ một hay hơn một phụ nữ Anh-điêng để giải trí hoặc bầu bạn, bất chấp các hạn chế. Giờ thì điều gì cũng có thể, kể cả khi cánh đàn ông phải chịu đựng những triệu chứng của bệnh giang mai vì sự quá độ của mình.

Bartholomew cố gắng kiềm chế sự phóng túng này, khẳng định rằng người của mình “tuân theo ba lời thề tu sĩ”, như Ferdinand viết: sự tuân thủ, sự kiên định (tuân thủ lời thề một cách vô hạn), và sự trung

thành đối với lối sống tu sĩ, trong đó có việc từ bỏ của cải riêng và sống độc thân nghiêm ngặt. Roldán thì ngược lại, đưa ra lời hứa về một cộng đồng tràn ngập sự giàu có dễ dàng và đầy đàn bà đẹp. Giàu có thì vẫn chưa, nhưng Las Casas viết, “mỗi người đều có người đàn bà mà anh ta muốn, chiếm được từ người chồng của họ, hay từ người cha có con gái, bằng vũ lực hoặc tự nguyện, để dùng làm người dọn phòng, người giặt giũ, người nấu nướng, và số lượng đàn ông Anh-điêng như họ nghĩ là cần thiết để phục vụ mình”. Roldán nhắc lại cho người của mình nhớ về các khẩu phần khắc nghiệt do Columbus và mấy người em của ông áp đặt, đòn roi dã man, hình phạt tàn nhẫn và làm nhục, giam giữ vì vi phạm nhỏ nhất, dù có thật hay suy diễn. Ngược lại với sự cai trị độc tài đó mà tất cả họ từng phải chịu đựng, Roldán hứa hẹn rằng nếu họ đi theo sự lãnh đạo của ông ta, ông ta sẽ bảo vệ họ khỏi thiệt hại. Sự xúi giục, kết hợp với tính cách cương quyết của ông ta, đã tỏ ra có hiệu quả, khiến ông ta thu hút được nhiều người, và cuối cùng là đa số người Tây Ban Nha bất bình đã ngả về phía ông ta.

Đến khi “nhà Tiên phong” Bartholomew Columbus trở về từ nhiệm vụ bình định ở Xaraguá, những người theo Roldán đã dựng lên một kế hoạch dùng dao đâm và trói anh ta lại. Phản ứng với những lời bóng gió về một âm mưu, Bartholomew vội vã bỏ tù Barahona, một trong những kẻ nổi loạn, và khép anh ta vào tội chết, nhưng sau đó thay đổi ý định. “Nếu Chúa không mách bảo *Adelantado* ngừng thi hành án tử”, Ferdinand khẳng định, “họ chắc chắn đã giết anh ta ngay khi ấy và tại đây”. Thay vào đó, Bartholomew khám phá ra toàn bộ âm mưu của Roldán, trong đó đám nổi loạn sẽ biến một pháo đài có tên là Concepción thành một thành lũy để từ đó họ có thể thiết lập các cuộc tấn công theo ý muốn trên toàn bộ Hispaniola.

Roldán đã quen thuộc với pháo đài này, khi đã có lần được Diego Columbus giao nhiệm vụ bình định người Anh-điêng quanh đó, và trong lúc ở đây ông ta đã giả vờ tuân lệnh. Tuy nhiên, người chỉ

huy pháo đài là Miguel Ballester đã không bị đánh lừa, và cảnh báo *Adelantado* về âm mưu lật đổ đang được tiến hành. Rồi Bartholomew tự nhốt mình trong pháo đài, nghĩ rằng sự có mặt của mình sẽ khiến Roldán chùn tay. Nhưng kẻ nổi loạn khó đoán này đã đi thẳng đến pháo đài, và cứ như là ông ta có toàn quyền làm vậy, đòi phải chuẩn bị tàu buồm để chở ông ta và người của mình đi tương đối an toàn trong một hải trình đến Tây Ban Nha. Mặc dù Roldán tốt hơn là nên tha hương tại nơi đây cùng với đế chế của mình, nhưng ông ta vẫn cùng lúc theo đuổi những chiến lược mâu thuẫn, trước sự khó hiểu từ những người cấp trên của ông ta.

Không thể được, Bartholomew trả lời khi nghe yêu cầu. Roldán không có khả năng điều khiển tàu buồm về Tây Ban Nha, những người theo ông ta cũng không. Họ có thể hạ thủy nó, nhưng họ không biết gì về biển cả, và họ sẽ chết. Ferdinand kể rằng Bartholomew nói với tư cách một nhà hàng hải dày dạn, “nhưng họ là những người quen sống trên cạn chẳng biết gì hết”.

Bartholomew ra lệnh cho Roldán từ chức thị trưởng; như dự đoán, Roldán từ chối tuân theo trừ phi chính Vua Ferdinand ra lệnh như vậy. Ông ta tuyên bố rằng mình không thể “trông đợi sự công bằng từ *Adelantado*”, bởi Bartholomew sẽ chỉ tìm cách để giết hay làm hại ông ta. Roldán giận dữ khẳng định mình là “một người có lý trí”, và để chứng minh điều đó, ông ta sẽ hoãn việc ra khơi bằng chiếc tàu buồm trên bãi biển và thay vào đó cùng tồn tại thanh bình trên hòn đảo tại một nơi do Bartholomew chọn, nhưng Roldán trông đợi những nhượng bộ để đổi lại đề xuất này. Khi biết *Adelantado* muốn cài cắm một người Anh-diêng đã cải sang Ki-tô giáo và trung thành với Columbus, ông ta liền phản đối ý tưởng đó, tuyên bố rằng khu định cư thiếu những món dự trữ cần thiết. Thay vào đó, họ sẽ sống ở một nơi khác do Roldán chọn.

Cuộc đấu trí giữa hai đối thủ chỉ chấm dứt khi vị thủ lĩnh nổi loạn hùng hục bỏ đi.

Bất kể các đòi hỏi giận dữ về nơi trú ẩn an toàn trên đảo Hispaniola, Roldán vẫn mong mỏi có chiếc tàu buồm và sự hứa hẹn về cuộc trốn chạy tới Tây Ban Nha. Ông ta trở lại La Isabela để chiếm lấy con tàu, nhưng kể cả với 65 con người sẵn sàng – thừa sức để vận hành con tàu – Roldán vẫn không thể hạ thủy được nó. Thay vào đó, họ cướp kho vũ khí của triều đình để trang bị cho mình vũ khí, phá nhà kho để trưng dụng lương thực, quần áo và bất cứ thứ gì họ muốn. Trong lúc họ tấn công nhà kho, Bartholomew bất lực đứng nhìn, không thể ngăn nổi họ. Lo sợ cho tính mạng của mình, anh ta rút vào nơi hẻo lánh trong pháo đài, đem theo một số người hầu làm vệ sĩ, sau khi Roldán cố gắng lôi kéo anh ta về phía mình để chống lại chính Đô đốc. Tất nhiên, Bartholomew sẽ không làm thế.

Biết là Bartholomew đã cử những người có vũ khí đi bảo vệ Diego khỏi sự ngược đãi tiếp theo, Roldán bèn triệu tập lực lượng nổi loạn rồi rời khỏi La Isabela, và tạm thời từ bỏ kế hoạch trở về Tây Ban Nha. Họ di chuyển đều đều dưới tán cây thấp rậm rạp vùng nhiệt đới, giết gia súc lấy thức ăn trên đường đi, và cướp những con vật khác khi cần cho chuyến đi bộ dài vất vả tới Xaraguá, khu vực vừa được Bartholomew dẹp yên. Họ có lý do trong việc chọn địa điểm xa xôi này làm điểm đến của mình. “Đây là nơi dễ chịu nhất và đất đai màu mỡ nhất của đảo”, Ferdinand giải thích, “với những người bản địa văn minh nhất và đặc biệt là những phụ nữ đẹp nhất và đôn hậu nhất vùng: Đây là động cơ mạnh nhất của họ để tới đó”. Roldán, Quý vương của Công cuộc Chinh phục Ấn Độ, đã hứa hẹn đầy hấp dẫn là sẽ cho họ mọi thứ mà Columbus đã tước đi: sự giàu có, đàn bà, một cuộc sống dễ dàng, và cảm giác kiểm soát được số phận mình. Roldán không đưa ra những cam kết giữ lời, không công nhận chính thức, và không tước hiệu, chỉ có ngục tù của sự thoả mãn.

Trên đường tới Xaraguá, người của Roldán vạch ra một âm mưu ám sát cuối cùng. Họ sẽ tấn công ngôi làng nhỏ tại Concepción,

và nếu tìm thấy *Adelantado* Bartholomew, họ sẽ giết anh ta. Nếu không có anh ta ở đó, họ sẽ tàn phá làng. Khi âm mưu này đến tai Bartholomew, anh ta đã trả miếng bằng một chiến lược riêng, hứa hẹn cho người của mình “mỗi người hai nô lệ”, Ferdinand kể, để đổi lại sự ủng hộ của họ. Đó là một thủ đoạn đầy tuyệt vọng, nhưng anh ta nhận thấy rằng ngay cả những kẻ trên danh nghĩa ủng hộ anh ta cũng bị các hứa hẹn của Roldán quyến rũ. Bartholomew tập trung sức mạnh ý chí, bắt những người đi theo phải trung thành với anh ta. Nếu anh ta không thể duy trì sự lãnh đạo của mình bằng sức mạnh của lý lẽ, anh ta sẵn sàng chiến đấu.

Anh ta triệu tập người của mình, và lên đường với vẻ hiên ngang cương quyết để đối đầu với lực lượng của Francisco Roldán, khiến ông ta bị nhụt chí trước sự phô trương sức mạnh này, nên đã rút về Xaraguá, và vừa đi vừa tuyên truyền chống lại Columbus. Cùng với một số lý lẽ, Roldán tuyên bố rằng Bartholomew độc ác và tham lam trong cách anh ta đối xử với cả người Anh-điêng lẫn người Ki-tô giáo; anh ta đòi hỏi những sự cống nạp bất khả thi, làm mất tinh thần và bòn rút cạn kiệt nguồn lực của bất cứ ai mà anh ta tiếp xúc. Thậm chí nếu người Anh-điêng có tuân thủ chế độ cống nạp nặng nề, thì *Adelantado* xấu xa sẽ chỉ đòi hỏi nhiều hơn, bất chấp những phản đối của các vị Quân chủ – một kịch bản khó có khả năng xảy ra. Ngược lại, Roldán tuyên bố mình là nhà đấu tranh vì người Anh-điêng; nếu họ không thể hay không muốn đứng lên vì quyền lợi của mình, ông ta và những người ủng hộ ông ta sẽ đứng lên vì họ. Những lời hứa hẹn phi lý của ông ta đã thuyết phục được người Anh-điêng coi thường hệ thống cống nạp. Trên thực tế, Bartholomew không nhận được gì từ những làng ở xa, và anh ta e ngại khi yêu cầu mấy làng ở gần, và thế là đã đẩy người Anh-điêng thậm chí nghiêng hẳn về phía Roldán.

Roldán tìm thấy một đồng minh tiềm năng là thủ lĩnh Guarionex, người đã hình thành liên minh với các tộc trưởng khác và thế sẽ giết

quân xâm lược Tây Ban Nha. Người Anh-điêng cảm thấy tự tin về việc họ có thể tiêu diệt đám ngoại bang đến trên mấy con tàu bằng một loạt cuộc nổi dậy bất ngờ được kết hợp với nhau. “Cách duy nhất của họ để nhận biết thời gian hay bất cứ thứ gì khác là dùng ngón tay”, Ferdinand giải thích, “người Ấn Độ đồng ý bắt đầu cuộc tấn công vào ngày đầu tiên của tuần trăng tiếp theo”.

Tất cả đã sẵn sàng, cho tới khi một trong các thủ lĩnh quyết định tấn công sớm, hoặc để thể hiện bản thân như một anh hùng trước người của mình, hoặc ít khả năng hơn, do ông ta “là một nhà thiên văn học quá kém để biết chắc chắn đâu là ngày đầu tiên của tuần trăng”. Cuộc tấn công thất bại thảm hại. Tìm kiếm chốn an toàn, vị thủ lĩnh bị ghét bỏ đành trốn về với Guarionex, và đã bị ông ta hành hình vì sự bất cẩn.

Sự đảo ngược của số phận đã đến tai Roldán và đồng bọn đang mong đợi người Anh-điêng ra tay tàn sát. Mặc kệ hiệp ước với Guarionex, một lần nữa họ rút lui về Xaraguá, nơi mà họ vẫn cứ giả vờ rằng họ, đám người Tây Ban Nha nổi loạn, đang bảo vệ người Anh-điêng trước những chính sách bóc lột thuộc địa của Columbus. “Thực ra, họ là lũ trộm vô tích sự nhưng đơn giản”, Ferdinand nhận xét, mặc dù cũng có thể nói điều tương tự về nhiều người phục vụ dưới quyền Christopher Columbus, vốn đã bóc lột và đánh giá thấp người Anh-điêng trong suốt gần tám năm, và vẫn còn tiếp tục diễn ra.

Bước đi sai lầm của Roldán xảy ra khi ông ta nhắc lại lời hứa của mình là bảo vệ người Anh-điêng khỏi yêu cầu cống nạp của Bartholomew, và rồi lại đòi hỏi sự cống nạp thậm chí còn nhiều hơn cho bản thân. Ông ta khẳng khẳng rằng thủ lĩnh Manicaotex đã nộp “cứ mỗi ba tháng một quả bầu đựng đầy vàng cám trị giá ba mark”, theo lời Ferdinand. Để đảm bảo là Manicaotex vâng lời, kể cả khi nguồn vàng cám đã gần cạn kiệt vào lúc đó, Roldán giữ con trai và cháu trai vị

thủ lĩnh làm con tin. Với trò lá mặt lá trái đặc trưng, ông ta khẳng định rằng hành động đó thể hiện tình bạn.

Đối mặt với một tình hình bất khả thi, Bartholomew và các đồng minh của mình rơi vào vô vọng vì sự hỗ trợ từ phía những đồng minh Anh-điêng và Tây Ban Nha đã bốc hơi trong cái nóng nhiệt đới. Ngày càng có vẻ hoặc là người Tây Ban Nha nổi loạn, hoặc là người Anh-điêng tỉnh ngộ, hoặc có lẽ một liên minh xấu xa giữa hai nhóm đó sẽ hất cẳng Bartholomew và những người trung thành, tuyên bố sở hữu đảo Hispaniola, đem lại một cái kết đáng buồn cho thử nghiệm của Columbus.

Giữa cơn tuyệt vọng ngày càng tăng, những người ở Santo Domingo nhìn thấy hai con tàu Tây Ban Nha nơi chân trời. Chúng là đội tàu tiếp tế từ Tây Ban Nha, chở theo thức ăn, người, vũ khí, và những đồ cần thiết cho việc sinh tồn ở Ấn Độ. Roldán và người của mình dự định cướp mấy con tàu này ngay khi chúng vừa tới Santo Domingo, nhưng Bartholomew có lợi thế của việc thông minh hơn hẳn, và anh ta tình cờ ở gần cảng hơn. Anh ta đặt các trạm canh gác theo mấy con đường dẫn tới thị trấn nhỏ để ngăn chặn người của Roldán, sao cho chính anh ta chứ không phải đám nổi loạn sẽ chào đón những con tàu chở hàng đến vùng đất nhiều rắc rối. Và anh ta đã thành công.

Thậm chí khi đó, Bartholomew còn cố gắng tạo nên một nền hòa bình mong manh, tạm thời với đám nổi loạn để trưng ra một mặt trận thống nhất với những người mới đến. Anh ta cử đi một trong các thuyền trưởng, Pedro Fernández Coronel, nổi tiếng là “một người đáng tin cậy và chính trực”, theo Ferdinand. Từ thời điểm Coronel khẳng định rằng Christopher Columbus đã về đến Tây Ban Nha an toàn và nhận được sự đón tiếp nhiệt tình từ các vị Quân chủ, anh ta đã chiếm được lòng tin cậy của Bartholomew. *Adelantado* yêu cầu Coronel chuyển tải tình hình tới đám nổi loạn của Roldán, nhưng vị

thuyền trưởng mới đến thấy mình đang đối mặt với những mũi tên. Bài phát biểu chuẩn bị trước của anh ta đã không được đưa ra. Thay vào đó, anh ta nói chuyện riêng với vài người nổi loạn, họ không hứa hẹn gì và vội vã quay về nơi đồn trú của mình tại Xaraguá để chờ Đô đốc trở lại Hispaniola.

Người của Bartholomew nhận thấy là Roldán và những kẻ khác lên kế hoạch bôi bẩn tên tuổi của Columbus ở Tây Ban Nha bằng các lá thư độc hại. Peter Martyr, từ nơi lợi thế ở Ý, sau này có viết rằng “đám nổi loạn kêu ca rất nhiều về cả hai anh em [Columbus], cho là họ không công bằng, áp đặt, là kẻ thù của dòng máu Tây Ban Nha” – do gốc gác Genoa của họ – “và những kẻ lãng phí, vì họ tìm thấy sự thỏa mãn trong việc hành hạ do mấy chuyện vặt vãnh, treo cổ, tàn sát, và giết chóc đủ kiểu”. Ông ta tiếp tục, đám nổi loạn “mô tả họ như những tên bạo chúa đầy tham vọng, hãnh tiến, đầy đổ kỵ, không thể chịu nổi: cho nên họ rời bỏ anh em Columbus, mấy con vật hoang dã khát máu và là kẻ thù của các vị Quân chủ”. Người của Roldán tuyên bố rằng họ đã thấy Columbus và hai em trai âm mưu chiếm các đảo, và họ tuyên bố rằng anh em nhà Columbus “sẽ không cho phép ai ngoài người của mình đến các mỏ vàng và khai thác”. Từ quan điểm của các vị Quân chủ, đó lại đúng là điều mà Columbus cần phải làm.

Đám nổi loạn phản đối chuyện Đô đốc gọi họ bằng những cái tên kinh khủng, “đồ xấu xa và hay gây gỗ, đám ma cô, bầy trộm, bọn hiếp dâm, lũ bắt cóc, nhóm ngoài vòng pháp luật, những kẻ vô giá trị hay vô lý trí, đám man trá không có não, lũ nói dối đã có tiền án tiền sự hoặc là bọn chạy trốn sợ bị quan tòa trừng phạt do phạm tội”. (Những lời buộc tội gây khó chịu vì chúng chứa đựng sự thật đáng kể.) Họ đã nghe thấy việc Columbus mô tả họ là những người “ban đầu được đưa đến để đào vàng và cung cấp dịch vụ”, song “thậm chí còn không bước chân ra khỏi cửa”. Thay vào đó, “họ có những thổ dân đáng thương kiệu họ đi khắp đảo, giống như các quan chức cấp

cao”. Columbus kể lại việc đám nổi loạn, “để không đánh mất thói quen đã ăn vào máu và để thử sức, họ đã rút kiếm và thi nhau chặt đầu những người vô tội ấy” – người Anh-điêng – “bằng một cú chém; kẻ nào nhanh chóng chặt đứt đầu một thổ dân bất hạnh bằng một cú chém duy nhất được tuyên bố là người khỏe nhất và được vinh danh hơn trong số họ”. Ngay cả đám nổi loạn cũng nhận thấy rằng hành vi kinh khủng như vậy sẽ phá hủy danh tiếng của họ, nếu không phải ở Hispaniola, thì là ở Tây Ban Nha.

Trong lúc mâu thuẫn tràn lan ở Hispaniola, vài con tàu thuộc đội tàu của Columbus xuất hiện ngoài khơi Xaraguá, nhưng chúng không phải là mấy con tàu mà Roldán đang chờ đợi.

Ba chiếc tàu chở đồ tiếp tế đã đi rất nhanh kể từ khi rời quần đảo Canary vào tháng 6, mà thực ra là quá nhanh. Ferdinand nói, khi đội tàu đến vùng biển Caribbean, các hoa tiêu đã “đi quá xa về phía tây đến mức họ dạt vào bờ biển Xaraguá, nơi có đám nổi loạn”. Nếu tới được điểm đến dự định ban đầu là Santo Domingo, họ sẽ được Bartholomew bảo vệ. Thay vào đó, những con tàu bị đám nổi loạn của Roldán chiếm, và gian dối tuyên bố rằng *Adelantado* đã ra lệnh cho họ “bảo vệ hàng hóa và bình định vùng đồng quê”. Một thuyền trưởng là Alonso Sánchez de Carvajal nhìn ra thủ đoạn này nên đã cố thuyết phục Roldán chấm dứt việc nổi loạn và tuyên bố trung thành với Bartholomew, nhưng thủy thủ đoàn đã bị người của Roldán tác động, và trước những hứa hẹn hấp dẫn của bọn họ thì đám nổi loạn đã được chọn chứ không phải bên trung thành.

Nản lòng, Sánchez de Carvajal kết hợp với hai thuyền trưởng khác để gửi một nhóm nhỏ làm công ăn lương tới mấy mỏ gần Santo Domingo. Thời tiết và dòng chảy bất lợi mà đã mang mấy con tàu đến Xaraguá vẫn y như vậy; có thể mất hàng tháng để mấy con tàu đến được Santo Domingo, vậy nên đám làm công, tổng cộng 40 người, dự

định đi đường bộ dưới sự chỉ huy của Juan Antonio Colombo. Pedro de Arana sẽ chịu trách nhiệm về ba con tàu, còn Sánchez de Carvajal thì nối lại việc thương lượng với các đại diện của Roldán.

Tình hình đen tối hơn khi phần lớn đám làm công bỏ đi để tham gia vào phe Roldán, và Colombo chỉ còn lại sáu hay bảy người. Bực tức, Colombo đối đầu với Roldán, nhấn mạnh là đám làm công đến Ấn Độ để làm việc, chứ không phải để ban ngày thì uống rượu Anh-điêng còn ban đêm thì ngủ với đàn bà Anh-điêng. Nếu Roldán từ chối hợp tác, thì rõ ràng là ông ta đã đối đầu với Đô đốc và các vị Quân chủ. Luôn khéo léo trong việc viện cớ, Roldán bào chữa là ông ta bất lực và không biết. Ông ta không thể bảo đám ngỗ ngược phải cư xử thế nào. Ông ta giải thích, “Tu viện của ông ta được điều hành bởi các quy định rằng không thói quen nào của con người bị bác bỏ”.

Juan Antonio Colombo nhận thấy mình đã bị thua, nên anh ta và nhóm người trung thành quay lại mấy con tàu để tới Santo Domingo. Phải chiến đấu với ngọn gió ngược và thời tiết bất lợi, còn thực phẩm dự trữ thì bị hỏng trong cái nóng, Sánchez de Carvajal va vào một bãi cát ngầm khiến bánh lái bị vỡ và sống tàu bị nứt, nước biển tràn vào đến mức con tàu đã bị hỏng vất vả lắm mới đến được chỗ thả neo. Sau khi hoàn thành chuyến đi khó khăn từ tiền đồn Xaraguá của đám nổi loạn, ba thuyền trưởng hài lòng khi nhìn thấy chính Đô đốc, vừa hoàn thành chuyến đi từ Trinidad về phía bắc của mình.

Là nhà hàng hải chứ không phải chiến binh, Columbus nghiên cứu danh sách những lời kêu ca chống lại đám nổi loạn do em trai mình lập nên, và nhận thấy rằng rốt cuộc ông sẽ phải trừng phạt kẻ bất lương, nhưng trước hết ông cần tập hợp một danh sách mới gồm những lời buộc tội. Ferdinand nhớ lại rằng cha mình trước hết “quyết định mềm mỏng nhất có thể trong việc này, rằng khiến đám nổi loạn trở nên nghe lời có thể là việc dễ dàng hơn”. Để tống khứ đám gây rắc rối khỏi công

việc, ông hứa hẹn, ngày 22 tháng 9 bất cứ ai muốn đều sẽ được tự do về Tây Ban Nha và có đồ ăn.

Một chuyến đi dài về phía tây qua vùng biển chưa được vẽ hải đồ không còn kéo theo nó những nỗi khiếp sợ như đã từng, nhờ sự thông thạo về gió, dòng chảy, rạn san hô, và các bến cảng của Columbus. Mỗi nguy về tai họa, mà chẳng bao giờ thiếu vắng, cứ giảm dần theo từng chuyến đi cho đến khi những chuyến vượt Đại Tây Dương từ Tây Ban Nha tới Santo Domingo đã trở thành gần như thường xuyên.

Thành công này đã đưa lại một thách thức còn đau đầu hơn: làm sao để quản lý một đế chế ở rất xa và có nhiều thành phần có thể kể đến một vài cái tên chính như người Tây Ban Nha, người Anh-điêng và anh em nhà Columbus. Rồi có cả các quý tộc Tây Ban Nha hay các quý ông, dám làm thuê và người Carib hung tợn. Cách tiếp cận cứng nhắc của các vị Quân chủ – cải đạo hoặc bóc lột, hay đôi lúc là, cải đạo *và* bóc lột – tỏ ra hoàn toàn không phù hợp với cả người ở “Ấn Độ” lẫn Tây Ban Nha, và không thích hợp với nhiệm vụ duy trì một đế chế.

Hai ngày sau, ngày 24 tháng 9, Miguel Ballester báo cáo rằng Roldán và một kẻ nổi loạn khác là Adrián de Mújicaⁱ (hay Moxica) sắp gặp nhau, tạo một cơ hội cho người của Đô đốc bắt giữ mấy kẻ cầm đầu nếu Columbus chọn hành động. Như trước đây, ông vẫn án binh bất động.

Trong lúc đó, Roldán và lực lượng của ông ta hành quân đến Santo Domingo. Columbus giao cho vị chỉ huy Ballester chịu trách nhiệm về Concepción ở gần đó. Ballester sẽ đưa ra một thông điệp hòa giải được soạn cẩn thận từ Đô đốc, nói rằng ông “lấy làm tiếc” về tất cả những gì mà Roldán đã phải chịu đựng, và mong muốn “chôn vùi quá khứ trong quên lãng, tha thứ chung cho tất cả”, theo mô tả của

i. (1453-(?)1499).

Ferdinand. Roldán cần cảm thấy rằng ông ta có thể gặp Đô đốc “mà không sợ bị trả thù” do đó họ có thể cùng nhau quyết định làm thế nào để thực hiện tốt nhất những ý định của các vị Quân chủ. Columbus thậm chí sẽ cấp cho Roldán giấy thông hành “dưới hình thức ông ta mong muốn”.

Liệu Columbus có thiện ý khi đưa ra lời đề nghị này hay không thì chưa chắc chắn. Ballester báo cáo rằng anh ta đã chuyển thông điệp hòa giải của Đô đốc tới Roldán và Adrián de Mújica, “nhưng họ tỏ ra rất cứng đầu và trâng tráo thách thức”, khi Roldán to giọng khẳng định rằng ông ta không quan tâm đến việc thương thảo hay tìm một con đường đến hòa bình. Ông ta có Đô đốc “trong lòng bàn tay mình” như ông ta nói, và có thể “giúp đỡ hay tiêu diệt ông ấy như mình muốn”. Ông ta sẽ không cân nhắc bất cứ việc đàm phán nào cho đến khi Columbus và các em của ông thả những người Anh-điêng bị bắt làm tù binh trong công cuộc bình định Concepción: một yêu cầu vô cùng nhạo báng nếu tính đến sự lạm dụng mà người của ông ta bắt người Anh-điêng phải gánh chịu thường xuyên.

Roldán làm sự việc rắc rối hơn khi khẳng định rằng ông ta sẽ chỉ thảo luận với Alonso Sánchez de Carvajal mà ông ta tin là biết điều. Khẳng định này lập tức khiến Columbus nghi ngờ. Theo Ferdinand, Đô đốc ngờ rằng Sánchez de Carvajal chắc chắn là kẻ phản bội; suy cho cùng, anh ta là một người có vị trí, một quý tộc, và là một người thận trọng trong việc đó. Có khả năng anh ta tìm cách trở thành một người hòa giải miễn cưỡng, chứ không phải là một gián điệp hai mặt. Columbus thăm dò ý kiến các phụ tá mình về cách hành động tốt nhất: Columbus sẽ cử Sánchez de Carvajal đi cùng với Ballester để thảo luận với Roldán lươn lẹo.

Roldán từ chối gặp hai người đó, viện dẫn việc Columbus không thả mấy người Anh-điêng mà ông hiện đang giữ. Sánchez de Carvajal giữ nguyên tắc và cuối cùng thuyết phục được Roldán, đi cùng là vài

người khác, nói chuyện trực tiếp với Columbus. Nhưng người của vị thủ lĩnh nổi loạn đã can thiệp vào công việc, đến mức bao vây ông ta. Họ không muốn thủ lĩnh mình đưa ra những thỏa thuận bí mật với Columbus; họ thích truyền đạt “những điều kiện cho hòa bình trên giấy tờ”, Ferdinand nói, và vạch rõ những điều kiện đó là “thái quá và xác láo”, và quả thực chúng đã tỏ ra đúng là vậy trước Columbus. Thậm chí những lực lượng kết hợp của Ballester và Sánchez de Carvajal cũng không thuyết phục được đám nổi loạn thương thuyết. Cạn hết mọi chiến thuật cho việc thỏa hiệp, phái đoàn những người trung thành bất ngờ đành chịu thua đám nổi loạn. Đặc biệt, Ballester biện minh cho sự đầu hàng ấy là do sự suy nhược ý chí trong đám người của Columbus, vốn bấp bênh trên bờ vực của việc tham gia vào đám nổi loạn quả cảm và cương quyết. Mặc dù Columbus tin tưởng những người hầu và phụ tá của mình, nhưng ngay cả họ cũng tỏ ra dao động trước lời lẽ ngọt ngào của Quý vương.

Ngày qua ngày, số lượng những kẻ nổi loạn tăng lên, và số lượng những người trung thành giảm đi. Chuẩn bị chiến đấu chống lại đám phản bội, Columbus chỉ có 70 người ở phía mình, và sau khi trừ ra những người bệnh tật hay bị thương để tránh không phải phục vụ, chỉ còn 40 người, hay thậm chí ít hơn, có thể được coi là hoàn toàn trung thành.

Trong tình thế khó khăn này, ông phái Sánchez de Carvajal đi với một thông điệp bất ngờ tới Roldán: Columbus bày tỏ sự tin cậy vào người đối lập đáng giá của mình và hứa rằng ông sẽ đưa ra “giải thích có lợi” về những hành động của ông ta với Ferdinand và Isabella. Không có gì được viết ra giấy, Columbus giải thích là để bảo vệ Roldán khỏi “những người bình thường” mà có thể muốn làm hại ông ta. Thay vào đó, ông ta nên nói chuyện trực tiếp với Ballester người đại diện của Columbus, “như thể anh ta chính là Đô đốc”, theo lời của con trai Columbus.

Vào cùng khoảng thời gian đó, ngày 17 tháng 10 năm 1498, Roldán và các đồng minh ngoài vòng pháp luật của mình gửi một lá thư giảng hòa kỳ quặc tới Đô đốc, tuyên bố họ đã “rời bỏ *Adelantado* bởi anh ta có âm mưu giết họ”. Họ cầu khẩn Columbus xem xét những hành động của họ là để “phục vụ ông” và chứng minh cái logic lạ lùng này bằng cách nhắc ông rằng họ đã bảo vệ ông và tài sản của ông khi lẽ ra họ đã có thể sử dụng vũ lực. Họ chỉ muốn hành động “một cách đáng kính trọng” và có được “sự tự do hành động” của mình.

Ngay sau hôm có cuộc thỏa thuận khó hiểu này với Roldán, Columbus cử năm con tàu đi về Tây Ban Nha. Những người trên tàu nhớ lại đó là một chuyến đi nguy hiểm, đầy “những thử thách vĩ đại” mà 600 người Anh-điêng phải chịu đựng trên tàu. Cùng với họ là hai lá thư đầy xúc cảm từ Columbus gửi Ferdinand và Isabella về đám nổi loạn của Roldán, “về tổn thất mà họ đã và vẫn đang tiếp tục gây ra trên đảo, cướp bóc và hành động bạo lực, giết bất cứ ai họ muốn mà hoàn toàn không có lý do, cướp vợ và con gái của những người đàn ông khác và gây ra nhiều việc xấu xa khác”. Las Casas tin rằng những việc xảy ra trên đảo Hispaniola đã suy thoái thành một tình trạng vô chính phủ, trong đó người Tây Ban Nha “đi từ làng này sang làng khác và từ nơi này sang nơi khác, ăn uống tùy ý, bắt đàn ông Anh-điêng mà họ muốn về làm kẻ phục vụ và đàn bà Anh-điêng trông dễ ợt”. Thay vì đi bộ, họ ra lệnh cho đàn ông Anh-điêng khiêng mình trên kiệu. “Họ có các thợ săn đi săn cho họ, dân chài đánh cá cho họ, và giữ nhiều người Anh-điêng như họ muốn giống đàn gia súc để mang vác đồ đạc cho họ.” Trong khi đó, người Anh-điêng vẫn cứ kính trọng và sùng bái người Tây Ban Nha đang bóc lột họ.

Columbus cầu khẩn các vị Quân chủ cử “những người ngoan đạo”, theo lời của ông, tới thay thế cho đám người tội lỗi này. Trong lúc lên án hành vi xấu xa của người Tây Ban Nha, Đô đốc khen ngợi

vùng đất và khả năng của nó, “dồi dào mọi thứ”, ông viết, với ngữ điệu của Kinh thánh, “đặc biệt là bánh và thịt”. Không một ai bị đói khi lợn và gà dồi dào và những con vật hoang dã kiểu như thỏ bị bắt dễ đến nỗi “một cậu bé Anh-điêng với con chó hằng ngày mang đến cho ông chủ 15 hay 20 con”. Tất cả những gì cần là rượu vang và quần áo, mấy thứ có thể dễ dàng vận chuyển từ Tây Ban Nha. Vấn đề duy nhất là vùng đất có đầy thứ đó thu hút “đám lười nhác nhất thế giới”.

Sự thiếu tâm huyết trong người Tây Ban Nha khiến Columbus kinh ngạc. “Khi đến đây thân mang theo nhiều người để chinh phục những vùng đất này”, ông nhắc nhở các vị Quân chủ được lý tưởng hóa trong suy nghĩ của ông. “Tất cả những người này đều nài nỉ thân, nói rằng họ sẽ phục vụ rất tốt và tốt hơn bất cứ ai.” Nhưng trên thực tế, “xảy ra điều ngược lại, vì họ chỉ đến đây với niềm tin truyền tai nhau rằng có thể lấy xẻng để xúc vàng và gia vị đã được tìm ra rồi gom lại, và rằng gia vị đã được buộc thành bó trên bờ biển, tức là chẳng cần làm gì ngoài việc chất chúng lên những con tàu. Do đó, họ bị mờ mắt bởi lòng tham”. (Giống Columbus thôi, cho dù ông không thừa nhận điểm yếu của chính mình.) “Thân đã nói tất cả những điều này với họ ở Seville. Bởi rất nhiều người muốn đi, và thân biết vì sao, thân phải nói với họ điều này và mọi thử thách mà những ai định cư ở các vùng đất xa xôi thường phải chịu đựng.” Lúc đầu, rất ít người tin những lời cảnh báo của ông. “Khi họ đến đây và hiểu rằng thân đã nói với họ sự thật, và rằng lòng tham của họ sẽ không được thỏa mãn, họ muốn quay về lập tức mà không cần xem liệu có thể chinh phục và thống trị mảnh đất này không. Và vì thân không đồng ý, họ bắt đầu ghét thân. Và họ không có lý do.” Họ còn ghét ông vì ông không cho phép họ đi vào vùng nội địa thú vị của hòn đảo “bởi người Ấn Độ đã giết nhiều người đi tản mát như vậy, và họ lẽ ra đã giết nhiều hơn nữa nếu thân không ngăn ngừa chuyện đó”.

Như thế đám định cư phá hoại chưa gây ra đủ vấn đề, ông còn phải chiến đấu với dân đi tàu lậu. Columbus ước tính rằng khoảng một phần tư số người của ông là những *polizone* (kẻ đi lậu) như vậy. Và còn một khó khăn khác nữa: phụ nữ của Hispaniola “đẹp đến mức kỳ lạ”, ông nhận xét, “mặc dù không nên nói ra”. Nhưng ai cũng đưa ra nhận xét về phụ nữ trên đảo với làn da nâu và hương thơm ngọt ngào, vẻ đẹp phồn thực, thể hiện cảm giác về khoái lạc vượt quá mọi sự tưởng tượng của dân định cư. Đối với nhiều người châu Âu, hơn bất cứ khía cạnh nào của Hispaniola, những phụ nữ này cho thấy sự quyến rũ của Ấn Độ.

Columbus, lúc nào cũng vậy, cố gắng tính toán chi phí, và chứng minh với các vị Quân chủ rằng những khám phá của mình đã mang lại cho họ một món hời lịch sử. “Người thông thái nào nói rằng đây sẽ là một sự lãng phí tiền bạc?” Đó là một quan điểm. Ngược lại, Las Casas buồn bã quan sát việc Columbus “lẽ ra đã làm nên những điều vĩ đại và tạo ra lợi ích vô giá ở vùng đất này nếu ông ấy nhận thấy rằng những người này không nợ nần ông ấy hay bất cứ ai trên thế giới này điều gì chỉ vì họ vừa được phát hiện ra”. Thay vào đó, Columbus nuôi dưỡng một hệ thống mà trong đó người Anh-điêng làm mọi việc cho người Tây Ban Nha, làm tha hóa người của mình trong quá trình đó. Tháng này qua tháng khác, ông đã giao tài sản cho đám định cư, nhiều trong số đó là những trang trại của người Anh-điêng, cho họ cấy cối và nho để trồng trọt, mỗi người tới hàng chục ngàn gốc, hoàn thiện những giấy chứng nhận cho thấy các mục về số lượng và người nhận. Ông khởi xướng những công cuộc nông nghiệp tập thể trong đám người Tây Ban Nha định cư, với kết quả đáng buồn là người Tây Ban Nha đã ép buộc người Anh-điêng đang có đất phải ra đi và tìm vàng để nộp cho những ông chủ mới của họ.

Khi một người Tây Ban Nha có gia thế đã tạo dựng được cho mình với một tư cách là ông chủ của một nông trại chăn nuôi (“Tôi

ngĩ ở Seville họ gọi đây là ngôi nhà hay trang trại hay nơi ở”, Las Casas nhận xét), ông ta sẽ đối xử với tộc trưởng địa phương và người Anh-điêng như những nông nô. La Casas nói, nếu họ không nhanh chóng tuân lời ông chủ nhằm đáp ứng sở thích của ông ta, ông ta liền đánh họ bằng roi, cắt tai, hoặc giết họ. Đồng thời, ông ta lấy vợ và con gái của tộc trưởng làm vợ bé. Những người Anh-điêng nào đủ dũng cảm để cố gắng bỏ trốn, hay như người Tây Ban Nha nói, nổi dậy, đều bị săn đuổi và giết hại. Số khác bị bán làm nô lệ, hoặc được đưa lên tàu về Tây Ban Nha và tiếp tục chết dần chết mòn ở một nơi xa xôi.

“Đô đốc có quyền gì mà ban cho họ đất đai, trang trại, hay của cải của những người Anh-điêng bất hạnh?” Las Casas chất vấn. Quyền của Chúa và theo lệnh của các vị Quân chủ, Columbus chắc sẽ trả lời như vậy.

Trong số những người nhận được sự hào phóng đầy tai tiếng của Columbus có Francisco Roldán, người đã yêu cầu được cấp cho một khu định cư tên là Ababruco, tuyên bố nó đã thuộc về ông ta. Như trước đây, Columbus nhượng bộ Roldán, và khối ruộng đất đó, mảnh đất tổ tiên của người Anh-điêng, đã nhanh chóng thuộc về ông chủ người Tây Ban Nha, ông ta buộc người Anh-điêng phải làm việc cho mình trong lúc bản thân thì sống một cuộc đời lười nhác. Cái tên Anh-điêng bị vứt bỏ, và khu định cư mang tên mới là Esperanza (“Hy vọng”), mặc dù Robo (“Trộm cướp”) sẽ có vẻ phù hợp hơn. “Columbus cũng cho ông ta hai con bò cái, hai con bò đực trẻ, hai con ngựa cái, và 20 con lợn nái, tất cả đều từ kho của nhà vua, vậy là ông ta có thể bắt đầu chăn nuôi, vì Roldán hỏi xin ông ấy”, Las Casas nói về Columbus. “Ông ấy không dám từ chối ông ta điều gì.”

Sự thiếu cương quyết của Columbus đã làm tổn hại uy tín của ông và khuyến khích các bản năng cơ bản nhất của người Tây Ban Nha. “Người Tây Ban Nha – ngay cả những người lao động trên đất đai và những kẻ được thuê đến để đào bới và khai thác vàng từ mỏ – bắt đầu

quen dân với việc rong chơi và lang thang đầy hãnh diện, ăn trên sức lao động của người Ấn Độ và dùng vũ lực bắt họ, ba, bốn, và cả chục người để phục vụ mình, bởi người Ấn Độ vốn hiền lành, không thể và không biết cách chống lại”, Las Casas nhận xét về sự sắp đặt, được biết đến như hệ thống *repartimiento* hay *encomienda* (lao động cưỡng bức). Đối với Las Casas, thì Columbus, Roldán, và những kẻ nổi loạn khác đã làm biến chất người Anh-điêng gây thương, và khi làm vậy, đã “báng bổ thánh thần và nhạo báng chính Ki-tô giáo mà không thể tha thứ”. Giận dữ, Las Casas tuyên bố đám người Tây Ban Nha phạm tội “đáng bị phanh thây không chỉ một mà 14 lần”.

Trong số năm con tàu ra khơi vào cái ngày tháng 10 năm 1498 đó, có hai tàu chở những người ủng hộ Roldán trở về Tây Ban Nha. Ba tàu khác được giữ lại để Bartholomew quay lại với bán đảo Paria và những viên ngọc trai quý giá của nó. Roldán ở lại Hispaniola, ngẫm nghĩ về hành động tiếp theo của mình.

Trong lúc đó, Columbus rơi xuống điểm chạm đáy trong sự nghiệp của mình với tư cách một nhà thám hiểm. Trở về Hispaniola, một lần nữa ông lại bị phá hoại bởi một Roldán xảo trá và tàn nhẫn. Có vẻ Columbus đã khám phá ra “thế giới khác” của mình chỉ để đánh mất nó vào tay một tên trộm cắp và bất tài, mà mục đích của hắn chỉ là làm nhục Đô đốc Đại dương. Las Casas hình dung rằng “nỗi đau ông ấy phải chịu đựng do Vua và Nữ hoàng trút giận đã hành hạ ông ấy nhiều nhất!” Bởi sự ngược đời nơi ông, nên các đối thủ của Columbus ở triều đình sẽ hợp lực để biến ông thành một kẻ bỏ đi, không phải vì lối cư xử tàn nhẫn của ông với người Anh-điêng, mà vì đám nổi loạn người Tây Ban Nha đã vượt mặt ông.

Vào ngày 26 tháng 10, Roldán nhận được giấy thông hành từ Columbus, và đám chống đối liền nhóm họp. Sau khi nhắc lại những

yêu cầu của mình, vị thủ lĩnh nổi loạn quay về với đám ủng hộ mình mà chưa đi đến một thỏa thuận nào. Vẫn còn hy vọng vào việc hòa giải, Columbus cử một phụ tá của mình là Diego de Salamanca đi cùng Roldán và thương thuyết về việc kết thúc cuộc xung đột. Vào ngày 6 tháng 11, cuối cùng thì Roldán đã gửi các điều kiện của mình cho Columbus ký, tuyên bố họ là “những người tốt nhất mà ông ấy có thể có được trong số những người của mình”, Ferdinand ghi lại. “Nếu Ông chủ Vinh quangⁱ phê duyệt điều này, ông ấy sẽ gửi sự chấp thuận của mình đến Concepción.”

Roldán đòi phải có câu trả lời nhanh chóng từ Columbus. Theo lời con trai ông, “Đọc lá thư này và các điều khoản, với những yêu cầu xác láo của họ, Đô đốc không ký, ông ấy không cho phép công lý bị coi rẻ và tên tuổi của mình và các em trai bị ô nhục”. Vượt qua cơn giận dữ, Đô đốc dán một tuyên bố lên cửa pháo đài vào ngày 11 tháng 11, ân xá cho đám người của Roldán. Đám nổi loạn có thể trở về Tây Ban Nha an toàn và “phụng sự các vị Quân chủ Công giáo như chưa có gì xảy ra”. Việc trở về là miễn phí, và lương sẽ được trả đầy đủ. Đề xuất có hiệu lực trong vòng 30 ngày. Nếu đám nổi loạn không chấp nhận, Columbus sẽ “tiến hành chống lại chúng như luật pháp đòi hỏi”. Một lần nữa, đám nổi loạn lại cười cợt Columbus và huênh hoang rằng trong một khoảng thời gian ngắn nữa ông sẽ phải tìm kiếm sự ân xá từ *chúng*.

Trên thực tế, Columbus khó lòng làm được gì nhiều với chỉ một nhóm người trung thành ở phía mình. Ông dựa vào sức mạnh của đế chế bên kia đại dương, nhưng như Roldán đã nhắc nhở ông, đám nổi loạn là người gốc Tây Ban Nha, trong khi anh em nhà Columbus là người Genoa – những kẻ ngoại lai.

Như để tăng thêm sự khiêu khích, Roldán giữ Ballester trung thành làm con tin mà không cho ăn uống gì. Sánchez de Carvajal phi

i. Nguyên văn: “His Illustrious Lordship”. (HĐ)

ngựa đến cứu, Ballester được giải thoát, và các đoàn đại diện từ hai phía – trung thành và nổi loạn – bị cuốn vào một cuộc tranh luận kéo dài, mà từ đó, rất kỳ diệu, xuất hiện một văn bản đầy hiểu biết: “Thỏa thuận được lập với thị trưởng Francisco Roldán và nhóm của ông ta cho việc họ rời đi và tới Castile”.

Theo tài liệu này, được Roldán ký ngày 16 tháng 11 năm 1498 và Columbus ký ngày 21 tháng 11, Đô đốc sẽ cho đám nổi loạn “hai con tàu tốt”, được điều khiển phù hợp, để chở họ đi từ Xaraguá “bởi phần lớn đám nổi loạn đều ở đó do đây là cảng biển thuận tiện nhất về an toàn và có đồ dự trữ sẵn sàng” để về Tây Ban Nha. Họ sẽ nhận được lương như Columbus đã đề xuất. Và Đô đốc sẽ “viết cho các vị Quân chủ Công giáo xác nhận sự phục vụ tử tế của họ”, điều có vẻ khó tin. Các nhượng bộ khác mà đám nổi dậy thu được còn đáng kinh ngạc hơn. Họ sẽ nhận được nô lệ “như sự đền bù cho những khổ sở mà họ đã chịu đựng trên hòn đảo này”, mặc dù nếu muốn, họ có thể “mang theo những người vợ đã có bầu hay đã sinh con với mình” thay cho nô lệ. Họ thậm chí có thể mang theo lũ trẻ của mình được sinh ra trên đảo, chúng sẽ được tự do vào giây phút đặt chân lên Tây Ban Nha.

Columbus còn hứa hẹn cung cấp cho đám nổi loạn đủ thức ăn cho chuyến đi dưới dạng lúa mì hay sắn, cung cấp giấy thông hành, trả lại những thứ đã bị trưng thu, và thu xếp với các vị Quân chủ để trả lại cho đám nổi loạn trở về số tiền cho mấy trăm “con lợn” lớn nhỏ bị bỏ lại trên hòn đảo mà họ rời đi. Sự nhượng bộ duy nhất mà Columbus gắng có được từ Roldán lại không đáng kể: ông ta và đồng bọn đồng ý không “thu nhận vào nhóm của họ bất cứ người Ki-tô giáo nào nữa trên đảo”, mặc dù người Anh-điêng vẫn có thể tham gia vào nhóm ấy. Roldán hứa sẽ đi Tây Ban Nha trong vòng 50 ngày.

“Đô đốc biết đám người này xấu xa đến thế nào”, con trai ông giải thích, “nhưng ông ấy không muốn cho đám nổi loạn bất cứ lý do nào để buộc tội rằng ông ấy đã không cho họ tự do về quê hương như

ông ấy từng hứa”. Ông ra lệnh những con tàu sẵn sàng cho chuyến trở về Tây Ban Nha, và cử Sánchez de Carvajal dẻo dai đi đường bộ đến Xaraguá để đảm bảo đám nổi loạn lên tàu và rời đi theo kế hoạch. Giao Santo Domingo vào tay em trai Diego, Columbus lui về La Isabela, và tạm nghỉ ngơi sau những nổi vất vả do đám nổi loạn Roldán gây ra.

Columbus thể hiện sự kiên nhẫn tuyệt vời trong việc ông giải quyết vấn đề với vị thị trưởng trước công chúng, nhưng ở chỗ riêng tư thì Đô đốc sôi lên với sự khinh bỉ trước “Roldán vô danh tiểu tốt vô ơn”. Bắt đầu từ con số không, ông ta đã thu được “nhiều đến vậy trong khoảng thời gian ngắn đến thế, đến mức giờ đây ông ta có hơn một triệu [maravedí]”. Columbus đã làm cho ông ta và đồng bọn trở nên giàu có và tự tin. “Những kẻ đó làm tôi đau đớn”, Đô đốc than.

Đến tháng 1 năm 1499, hai con tàu *Niña* và *Santa Cruz* chở theo đám nổi loạn, rời cảng. Một cơn bão nổi lên, và tàu *Niña* tìm chỗ trú ẩn ở một nơi khác – “một cảng khác” là tất cả những gì Ferdinand nói – để sửa chữa. Columbus cử hai trong số lượng đang suy giảm dần đi những người phụ tá đáng tin cậy, Pedro de Arana và Francisco de Garay, dẫn dắt tàu *Santa Cruz* tới Xaraguá. Vào tháng 3, tàu *Niña* nhập đoàn với chiếc tàu chị em của mình ở đó.

Trong thời gian này, đám nổi loạn Roldán ở lại Xaraguá hưởng thụ cuộc sống thoải mái của mình, với nô lệ, đàn bà, và trẻ con thay vì phải đối mặt với những khó khăn của việc tái định cư ở Tây Ban Nha. Roldán biện minh cho sự đảo ngược này bằng cách tuyên bố rằng Columbus đã vi phạm thỏa thuận của họ do trì hoãn các con tàu. Đáp lại, Đô đốc gửi một thông báo thách thức tới Roldán và Adrián de Mújica, nhắc họ về những lời hứa lúc trước. Để củng cố cho thông điệp, Sánchez de Carvajal, vẫn đang ở Xaraguá, đến công chứng để tuyên bố

rằng Columbus đã gửi đến hai con tàu như đã hứa, và anh ta thúc giục Roldán tôn trọng thỏa thuận.

Giờ đã là 25 tháng 4, và đám nổi loạn vẫn chưa đi khỏi đảo. Họ tiêu khiển bằng tuyên bố rằng Đô đốc đã cố tình và ác ý làm chậm trễ các con tàu (không đúng), rằng tàu buồm không đủ chắc chắn để đến Tây Ban Nha (tất cả đều đúng, do hà bá), và rằng họ đã hết đồ dự trữ trong lúc ở đảo có rất nhiều (đúng, nhưng dễ xử lý). Vậy nên họ quyết định phá vỡ thỏa thuận và ở lại Xaraguá vô thời hạn. Thật ngược đời, Roldán và người của ông ta lại thu được sức mạnh từ tai họa. Họ càng thu hút được sự chú ý và khiến Columbus lo lắng, họ càng trở nên quan trọng.

Mô hình quen thuộc là sự bất chấp và được tiếp nối với những cử chỉ hòa giải lại tiếp tục. Roldán nhắn qua người liên lạc thường xuyên giữa hai bên, Sánchez de Carvajal, rằng ông ta sẽ “vui lòng hội ý” với Columbus “để đạt được một thỏa thuận thỏa đáng”, Ferdinand kể lại, và mãi đến 21 tháng 5 năm 1499, Đô đốc mới trả lời, tiếp theo là một câu trả lời đầy đủ hơn vào ngày 24 tháng 6. Bằng cách trì hoãn, có lẽ ông hy vọng rằng bệnh tật, sự buồn chán, sự phân rã nội bộ, hay đói kém sẽ phá vỡ tinh thần đám nổi loạn, nhưng Roldán vẫn duy trì tiền đồn và sự kháng cự của mình. Vào ngày 3 tháng 8, ông ta tiếp đón một đoàn bảy người trung thành do Columbus cử đến, đưa cho ông ta giấy thông hành đến cuộc gặp với Đô đốc. Họ lên kế hoạch gặp gỡ tại cảng Azua, nằm trên đường giữa Santo Domingo và Xaraguá.

Trong khi những cuộc thương thảo này diễn ra, đối tác của Roldán là Adrián de Mújica nổi loạn quá thường xuyên và cuối cùng bị bắt. Phiên xử tội ngăn ngừa xác định ông ta phạm tội phản bội, và Columbus ra lệnh treo cổ ông ta. Mújica phản ứng với bản án bằng sự lảng mạ thay vì thú tội và ăn năn như được trông đợi. Las Casas tuyên bố rằng Columbus ra lệnh cho những người trung thành của mình đẩy ông ta từ trên tường pháo đài Concepción nơi ông ta đã bị

giam cầm khiến ông ta chết, nhưng có vẻ là người ở phe ông ta tự hành động. Columbus lảng tránh vấn đề khi tuyên bố, “Chúa của chúng ta sẽ không cho phép mục đích xấu xa của ông ta được thực hiện”. Hơn nữa, “Trong suy nghĩ tôi đã quyết không đụng đến một sợi tóc trên đầu của bất cứ ai, và do sự vô ơn của ông ta, tôi đã không thể cứu được ông ta, như tôi đã định. Đối với em mình, tôi cũng không làm được hơn thế nếu cậu ấy muốn giết tôi”. Lo lắng trước sự việc – Mújica xuất thân quý tộc và có nhiều mối quan hệ, cái chết của ông ta không thể bị bỏ qua – Columbus giải thích là Fernando de Guevara, kẻ tranh giành một phụ nữ Anh-điêng với Roldán, phải chịu trách nhiệm về vụ hành hình, “mà không có mệnh lệnh từ phía ông”.

Vào cuối tháng, hai tàu buồm của Columbus đã đến theo thỏa thuận ở bến cảng trung lập Azua, nơi có một đám đông nổi loạn đang chờ đón. Một vị lãnh đạo sốt sắng lên tàu chỉ huy, lắng nghe những lời khẩn nài và hứa hẹn giàu sang và danh vọng, và đáp lại bằng các đòi hỏi lạ lùng của họ, đơn thuần là để tranh luận. Họ muốn cấp đất đai và những tước hiệu khác cho đám nổi loạn quyết định vẫn ở lại trên đảo, và khôi phục cho Roldán vai trò trước kia của ông ta là “thị trưởng vĩnh viễn”. Trong cơn tuyệt vọng muốn phá vỡ triệt để cuộc chống đối, Columbus đồng ý với mọi yêu cầu này, và lại còn một điều nữa: ông tuyên bố rằng sự hiểu lầm hoàn toàn là do kết quả của “những lời giả dối của vài kẻ xấu xa”.

Đám nổi loạn vẫn còn một yêu cầu khác: nếu Đô đốc không đáp ứng được những điều kiện này, họ có thể sử dụng “bất cứ cách nào”, kể cả vũ lực, để buộc ông phải tuân thủ. Một mối với đám nổi loạn và yêu sách của họ đã làm cạn nguồn lực và uy tín của ông trong hơn một năm qua, Columbus bèn ký. Ông chỉ định kẻ đối lập Roldán làm thị trưởng suốt đời, phê chuẩn các yêu cầu, và vậy là đã trao cho đối thủ cạnh tranh nguy hiểm phần nào tính chính thống.

Những ngày sau đó, Roldán tận dụng quyền lực mới có được của mình. Ông ta chỉ định Pedro de Riquelme làm quan tòa để xử tội phạm, trừ “những kẻ phạm tội chết” ông ta sẽ tự xử. Trong lúc đó, Riquelme động thổ tại một pháo đài nổi loạn ở Bonao, nhưng công việc bị bỏ dở trong tiếng cãi vã. Phấn chấn bởi thắng lợi nhỏ này, Columbus chuyển sự chú ý sang những nơi khác trong đế chế rạn nứt của mình. Mong muốn trốn đến với sự bình yên tương đối của Tây Ban Nha sau thứ bùa mê làm nản lòng ở Hispaniola, ông giao cho một thuyền trưởng và một đoàn cùng đi “kiểm tra và bình định” hòn đảo (theo lời Ferdinand), thu đồ cống nạp từ người Anh-điêng, và đàn áp những kẻ chống đối bị đám nổi loạn kích động – tất cả đều là các nhiệm vụ khó khăn.

Khi đối mặt với một cơn bão hay một dải đá ngầm, Columbus thể hiện sở trường bản năng đối với những chiến thuật và khả năng học hỏi từ kinh nghiệm. Nhưng hành động của ông trên đất liền lại rất khác. Dù ông có đối mặt với bao nhiêu cuộc nổi loạn ở Hispaniola, ông vẫn không thích ứng và thu được những kỹ năng cần thiết cho việc lãnh đạo, hay thậm chí để tồn tại, trong đế chế của riêng mình. Ông có thể lãnh đạo trên biển cả, làm chủ những ngọn gió, và vượt qua các con sóng, nhưng ông không thể hiểu được người của mình. Ông đã dành thời gian để nghiên cứu các con sóng chứ không phải con người, và chỉ biết những dòng nước cắt ngang và sự thúc giục của chính trái tim mình. Vào giây phút nguy hiểm đó, ông tỏ ra dao động, không muốn thừa nhận việc chấp nhận các đòi hỏi của đám nổi loạn khiến kẻ thù của mình càng mạnh hơn thay vì suy yếu.

Và rồi, không báo trước, có bốn con tàu xuất hiện nơi chân trời.

Vào ngày 5 tháng 9, đội tàu nhỏ thả neo “ở bến cảng mà người Kitô giáo gọi là ‘Brazil’ (còn người Anh-điêng gọi là Yaquimo)”, Ferdinand

giải thích, với một nhiệm vụ đơn giản: lấy củi cho mấy con tàu và bếp lửa của họ, và bắt người Anh-điêng làm nô lệ để lao động. Tính cách ở người thủ lĩnh của họ khiến Columbus cảnh giác: Alonso de Ojedaⁱ, viên sĩ quan phụ tá liêu lĩnh đã cắt tai một số người Anh-điêng khi bình định một khu định cư hồi tháng 4 năm 1494. Và anh ta được chính các nhà bảo trợ của Columbus gửi đến.

Sự xuất hiện bất ngờ của Ojeda đã báo hiệu việc kết thúc thời kỳ độc quyền của Columbus trong Công cuộc Chinh phục Ấn Độ. Điều đó có nghĩa là các vị Quân chủ và Giám mục Fonseca giờ đây ủy quyền cho các đối thủ của ông nhiều nhiệm vụ giống hệt nhiệm vụ mà Columbus đã ra đi để thực hiện. “Alonso de Ojeda rất được Giám mục quý mến”, Las Casas giải thích, “và sau khi bản giải thích của Đô đốc đến cùng với hải đồ, Alonso de Ojeda có ý định ra đi và khám phá thêm các vùng đất theo tuyến đường mà Đô đốc đã đi, vì một khi đã tìm ra và nắm được sợi chỉ trong tay, sẽ dễ dàng chạm tới quả bóng”. Từ bản hải đồ của Columbus, Ojeda lấu cá học được các điều cơ bản từ hải hành thứ nhất, những đảo nào mà đội tàu đã đến thăm, và những thông tin khác moi được từ người Anh-điêng. Thế sẽ tìm ra được lục địa vẫn đang lẩn tránh Columbus, Ojeda sắp xếp bốn con tàu ở Seville, “nơi anh ta được biết đến như một người dũng cảm và quả quyết”, và có được phương tiện để trang bị cho chúng.

Phá vỡ hợp đồng với Columbus, Ferdinand và Isabella ban cho Ojeda đồ dự trữ và chỉ dẫn; họ chỉ định anh ta làm thuyền trưởng, giao cho anh ta nhiệm vụ khám phá và thu lại vàng và ngọc trai, giống như Đô đốc Đại dương đang làm, và với những điều kiện tương tự, nộp cho Vua và Nữ hoàng một phần năm. Và giống như Columbus, anh ta được lệnh đối xử với những người anh ta gặp theo tinh thần hòa bình và bè

i. ((?)1468-(?)1515), nhà thám hiểm người Tây Ban Nha và là người đã đặt tên cho Venezuela.

bạn. Để củng cố nỗ lực của mình, Ojeda mời chào người vẽ bản đồ đắt giá của Columbus là Juan de la Cosa tham gia chuyến thám hiểm, cũng như hoa tiêu được kính trọng từ Palos là Bartolomé Roldán. Theo Las Casas, các vị Quân chủ hy vọng rằng Ojeda sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình với ít xung đột hơn so với người đi trước cứng đầu.

Vào năm 1499, đội tàu của Ojeda dong buồm đến bán đảo Guajira, điểm cực bắc của lục địa Nam Mỹ. Ở phá Sinamaica, nay thuộc bang Zuliaⁱ, anh ta gặp người Anh-diêng sống trong nhà sàn lợp mái lá – *palafito* – trên vùng nước êm dịu vỗ về. Theo truyền thuyết, anh ta và người của mình quyết định gọi vùng này là Little Venice, hay “Venezuela”, theo khung cảnh của nó, và cái tên ấy bắt đầu xuất hiện trên các tấm bản đồ được vẽ vào năm sau. Tiến lên theo hướng nam như mọi khi, họ đi vào hồ nước lợ Maracaibo, và khám phá nơi ngày nay là Colombia. Trong chuyến trở về Tây Ban Nha, người của Ojeda bị hoa mắt trước các món trang sức bằng vàng mà những bộ tộc ở khu vực đó đeo, đã lan truyền các câu chuyện tưởng tượng về sự giàu có có thể tìm thấy nơi đất liền, ở một thành phố được gọi là El Dorado – các câu chuyện ấy đã mời gọi hết chuyến thám hiểm này tới chuyến thám hiểm khác của người Tây Ban Nha tới Venezuela và Colombia. El Dorado và sự giàu có khó tin của nó mãi vẫn chỉ là mơ hồ, và khu vực đó đã bị thuộc địa hóa dưới bùa mê của ảo ảnh này.

Thậm chí trong lúc Ojeda khám phá Venezuela, những người khác vẫn thách thức Columbus và vượt qua các chiến tích của ông. Có vẻ như những thế giới mới để khám phá, chinh phục, và khai thác là vô tận. Vào tháng 5 năm 1499, Peralonso Niñoⁱⁱ, người đi cùng Columbus trong hải hành thứ nhất, đã tổ chức cuộc thám hiểm của chính mình để tìm kiếm *margarita* – ngọc trai – của Venezuela. Anh ta vượt Đại Tây

i. Một bang của Venezuela.

ii. (1468-(?)1505), nhà thám hiểm người Tây Ban Nha.

Dương với hiệu quả đáng kể trong cả đi lẫn về, trở lại Tây Ban Nha với món lo lót nhà vua bằng ngọc trai. Bị buộc tội lừa dối các vị Quân chủ về phần của họ, anh ta bị bắt và bị tịch thu tài sản. Anh ta chết trước khi có kết luận phân xử.

Vicente Yáñez Pinzón, người đã đi cùng với Columbus trong hải hành thứ nhất và thứ hai, đến biên giới phía bắc của Brazil ngày 26 tháng 1 năm 1500. Pinzón lên bờ ở một bãi biển hoang vắng trắng lè được biết đến như Praia do Paraíso, nay thuộc bang Pernambucoⁱ. Anh ta trở về Tây Ban Nha vào ngày 23 tháng 6 năm 1500, bị mất nhiều người trong chuyến đi, và mang theo nhiều nô lệ để thay thế họ.

Theo sau Pinzón là nhà hàng hải người Tây Ban Nha Diego de Lepeⁱⁱ, trong một chuyến đi bắt chước. Anh ta cũng đến được Brazil, nằm ngoài phạm vi được quy định của Tây Ban Nha theo những điều khoản của Hiệp ước Tordesillas.

Vào khoảng thời gian đó, Rodrigo de Bastidasⁱⁱⁱ, một công chứng viên con nhà dòng dõi từ Seville, còn ở độ tuổi 20, ra khơi cùng với hai con tàu *San Antón* và *Santa María de Gracia*. Đi cùng anh ta là Juan de la Cosa người vẽ bản đồ của Columbus, và Vasco Núñez de Balboa^{iv} mà sau này được vinh danh với tư cách người châu Âu đầu tiên nhìn thấy Thái Bình Dương. Sau khi đi dọc theo bờ biển Nam Mỹ và thăm bờ biển Panama, Bastidas buộc phải đi về phía bắc tới Hispaniola để sửa lại đội tàu đã hư hỏng của mình. Bị đắm tàu ngoài khơi Xaraguá, anh ta bị buộc tội buôn bán trái phép với người Anh-điêng và được gửi trở lại Tây Ban Nha để xét xử. Được tuyên trắng án, sau này anh ta được biết

i. Một bang của Brazil.

ii. ((?)1460-(?)1515).

iii. ((?)1465-1527), nhà hàng hải, nhà thám hiểm người Tây Ban Nha.

iv. (1475-1519), nhà hàng hải, nhà thám hiểm người Tây Ban Nha.

đến là “Nhà chinh phục Cao quý”ⁱ để thừa nhận sự tôn trọng mà anh ta dành cho người Anh-điêng, những người mà trong mọi trường hợp đều nhanh chóng bị chết.

Mỗi chuyến thám hiểm này vừa ghi nhận vừa đe dọa các chuyến thám hiểm của Columbus. Chúng cho thấy rằng, suy cho cùng việc đi từ Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha theo phía tây qua Đại Tây Dương không khó khăn đến thế, và nhờ có hải lưu Gulf Stream và gió mậu dịch, đất liền đầu đó ở châu Mỹ. Định vị một hòn đảo cụ thể trong kỷ nguyên hàng hải sơ khai này là chuyện hầu như không thể, ngay cả Đô đốc Đại dương cũng thấy vậy. Với mọi sự hứa hẹn và thử thách của nó, công cuộc mà ông đã bắt đầu đang dần bắt kịp và vượt qua ông, giống như một cơn sóng thần, không thể cưỡng lại và bao trùm tất cả.

Trong chuyến đi của mình, Ojeda mang theo một người Florence 45 tuổi tên là Amerigo Vespucciⁱⁱ, nhà thám hiểm bí ẩn nhất của thời ấy. Bằng việc viết hay gợi cảm hứng cho một lá thư về “hành trình đầu tiên” đầy bí ẩn năm 1497 diễn ra trước lần xuất hiện đầu tiên như một nhà thám hiểm, Vespucci đã đảm bảo cho mình một danh tiếng gây tranh cãi. Ví dụ, Las Casas chịu trách nhiệm về việc đưa ra ấn tượng rằng “Một mình Amerigo, không ai khác và trước tất cả mọi người, đã khám phá ra nó” – lục địa mà sau đó được biết đến là America (châu Mỹ), chẳng vì lý do hay ho nào. Như là kết quả từ “sự lừa dối vĩ đại” của Amerigo, Las Casas chua cay nhận xét, “rõ ràng là đã bắt công biết bao với Đô đốc Christopher Columbus”. Trong nỗ lực cân bằng sự việc, nhà biên niên sử nhận xét, “Nó là do ông ấy khám phá ra nên lục địa đó phải được gọi là Columbus, de Colón, hay Colomboⁱⁱⁱ, theo tên người đã khám phá ra nó, hay Tierra Santa hoặc Tierra de Gracia,

i. Nguyên văn: “Noblest Conquistador”. (HĐ)

ii. ((?)1454-1512).

iii. Tên gọi của Christopher Columbus trong tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý. (BT)

theo cái tên ông ấy đã đặt cho nó, chứ không phải America theo tên Amerigo”. Nhưng mọi chuyện đã không như vậy. Cái tên “America” gắn với lục địa này, bắt đầu với *Universalis cosmographia*, một bản đồ thế giới lớn treo tường được ghép lại do Martin Waldseemüller^{iv} in ấn xuất bản vào tháng 4 năm 1507, cũng là năm mà nhà vẽ bản đồ tạo nên những mảnh địa cầu tương ứng – mấy miếng phẳng, gần như hình tam giác, được thiết kế để bọc xung quanh một quả cầu. Đây là tấm bản đồ đầu tiên đưa cái tên “America”^v vào. Đối với nó, Waldseemüller và trợ lý của mình là Matthias Ringmann^{vi} dựa trên vài nguồn, cả từ Columbus, để mô tả về thế giới ở đỉnh cao của kỷ nguyên khám phá, nhưng họ quyết định ban tặng sự nổi trội cho Vespucci. Sau đó, khi đã trở nên rõ ràng rằng vai trò của Vespucci từng bị thổi phồng quá mức, Waldseemüller bèn điều chỉnh lại tấm bản đồ của mình và đặt lại tên một số chỗ là Terra Incognita (Chưa rõ); lúc này thì khoảng 1.000 bản sao từ bản gốc đã được phát tán, quá muộn để chỉnh sửa ấn tượng sai lầm.

Mặc dù tên ông được dùng để đặt cho một lục địa mà Columbus đã tới trước, nhưng các chiến tích của Amerigo Vespucci vẫn không làm lu mờ sự đóng góp của người đi trước. Columbus đã để lại một ấn tượng vĩ đại qua những sự kiện ở thời của mình, và vì thế nổi tiếng, nếu không muốn nói là được ngưỡng mộ, đến mức cái tên “America” không gợi nhớ đến di sản của Vespucci, mà là những chiến tích của Columbus.

iv. ((?)1470-(?)1520), nhà vẽ bản đồ người Đức.

v. Cái tên “America” được chuyển thể từ “Amerigo” do vào thời đó tại châu Âu, tên các lục địa được viết theo dạng danh từ giống cái trong hệ thống ngôn ngữ La-tinh, vì thế “America” được chọn để phù hợp và tương xứng với hệ thống tên các châu lục khác. (BT)

vi. (1482-1511), nhà vẽ bản đồ và nhà thơ xuất thân từ Alsatia, Pháp.

Amerigo Vespucci bắt đầu sự nghiệp của mình không phải ngoài biển cả mà trong lĩnh vực tài chính, làm việc cho cả Lorenzo de' Mediciⁱ lẫn Giovanni con trai ông này. Vào năm Columbus thực hiện hải hành thứ nhất, Vespucci được cho là làm việc tại ngân hàng Medici ở Seville. Nuôi dưỡng các mối quan hệ với cả Bồ Đào Nha lẫn Tây Ban Nha, ông ta nhận được lời mời từ Vua Manuel của Bồ Đào Nha để theo dõi một loạt chuyến đi hướng đến Nam Mỹ từ năm 1499 đến 1500. Một trong các chuyến đi đó, do Pedro Alvares Cabralⁱⁱ dẫn đầu, hướng đến mũi Hảo Vọng và Ấn Độ, đã tới thăm nơi ngày nay là Brazil vào năm 1500. Theo những điều khoản của Hiệp ước Tordesillas được điều chỉnh, Bồ Đào Nha có quyền với vùng đất này. Khi đó, trong tình thế giống với tình thế mà Columbus bị rơi vào liên quan đến những hòn đảo tạo nên Ấn Độ, Vua Bồ Đào Nha mong muốn tìm hiểu liệu vùng đất Brazil mới được khám phá này có phải là một hòn đảo, hay là một phần của chính lục địa mà Columbus đã từng đến. Sẽ cần một chuyến thám hiểm để có được câu trả lời.

Hiện tại, dù rằng tuổi tác đã đáng kể, nhưng Vespucci có lợi thế từ những mối quan hệ có uy tín, và được bố trí đi cùng đội tàu của Ojeda, “nhưng tôi không biết là với tư cách như một hoa tiêu hay như một người được đào tạo về hàng hải và học hỏi về vũ trụ học”, Las Casas thú nhận. “Và mặc dù Amerigo nhấn mạnh rằng nhà vua xứ Castile” – tức Ferdinand – “đã lập nên đội tàu, và rằng họ đi để khám phá theo lệnh ông ta, nhưng không hẳn là như vậy”. Thay vào đó, một nhóm nhỏ nhà đầu tư “đã làm phiền Vua và Nữ hoàng để có được giấy phép đi khám phá và buôn bán”. Với lợi thế to lớn từ tấm hải đồ mà Columbus khó khăn mới có được, cùng các hoa tiêu và thủy thủ của ông, Ojeda đã sẵn sàng lợi dụng cơn thèm khát về đế chế. Anh ta biết đến “Ấn Độ”,

i. (1449-1492), chính khách người Ý và là người lãnh đạo không chính thức của Florence.

ii. ((?)1468-1520), nhà quý tộc người Bồ Đào Nha, nhà quân sự, nhà hàng hải và nhà thám hiểm.

và anh ta còn biết cả những khám phá gần đây hơn của Columbus về Paria, Trinidad, và Miêng Rông. Ojeda không quan tâm đến chuyện thách thức tuyên bố của Columbus là đã đến khu vực đó đầu tiên; anh ta muốn nằm trong số người viếng thăm tiếp theo dính líu đến sự trù phú của nó. Bất chước là con đường gần nhất dẫn đến giàu có.

Với tư cách một người cạnh tranh được triều đình Tây Ban Nha hỗ trợ, Ojeda là mối đe dọa trầm trọng với tính chính thống của Columbus hơn cả âm mưu của Francisco Roldán. Tin rằng có thể tấn công Columbus mà không bị trừng phạt, Ojeda tận dụng “mọi việc làm xấu xa khác mà anh ta có thể”, bao gồm cả việc lan truyền lời đồn đại giả dối rằng Nữ hoàng Isabella “đang sắp chết và rằng sau cái chết của bà ấy Đô đốc sẽ không còn người bảo vệ”. Lúc này, Ojeda “có thể gây ra cho Đô đốc bất cứ vết thương nào anh ta muốn”.

Những quan điểm phản nghịch như thế này được tính toán để kích động Roldán cự đối thủ của Columbus. Trước sự kinh ngạc của Ojeda, Roldán, lúc này đã lập lại hòa bình với Đô đốc, tập hợp một lực lượng gồm 26 người để theo đuổi kẻ thù chung mới của họ là Ojeda, đang ở trong một ngôi làng Anh-diêng ở Hispaniola. Đây nhiệt huyết, Roldán tìm kiếm con mồi của mình ban đêm, nhưng lời đồn đại về nhiệm vụ của ông ta đã đến tai Ojeda, và anh ta bước ra để đối đầu với địch thủ.

Thể hiện thái độ năn nỉ, Ojeda yếu ớt giải thích rằng anh ta tìm kiếm sự trú ngụ ở Hispaniola chỉ vì anh ta đã cạn đồ dự trữ, anh ta không có ý định làm ai bị thương. Anh ta khiến một Roldán đa nghi bị xao lãng với mô tả về chuyến đi của anh ta, tuyên bố rằng mình đã khám phá 600 hải lý đường bờ biển kéo dài từ Paria, sống sót qua một trận đánh nhau dữ dội với người Anh-diêng mà đã làm 20 người Ki-tô giáo bị thương; và bất chấp những cực khổ này, anh ta đã thu nhặt được “hương, thảo, da và móng hổ”, những mẫu vật được anh ta trưng ra trước Roldán. Điều chỉnh lại kế hoạch của mình, Ojeda tuyên bố anh ta sẽ

rời đi ngay lập tức để đưa ra một báo cáo đầy đủ về chiến tích của mình với Columbus ở Santo Domingo.

Sự lộn xộn đang đe dọa lan tràn ra những phần khác của đế chế đảo. Columbus và em trai đi lại nhiều giữa các đảo trong năm 1499, tránh đến cùng các hiểm họa. “Một ngày sau hôm Giáng sinh năm 1499”, Bartholomew viết, “tất cả đã rời bỏ tôi, tôi bị người Ấn Độ và đám Ki-tô giáo xấu xa tấn công, và bị đặt vào tình huống cực đoan đến mức để chạy trốn cái chết, tôi đã ra biển trên một chiếc tàu buồm nhỏ”. Trong tình trạng dễ bị tổn thương, Bartholomew tìm kiếm sự bảo vệ của Chúa. “Rồi khi đó Chúa đã giúp tôi, nói, ‘Hỡi kẻ ít đức tin, đừng sợ hãi, ta ở bên ngươi.’ Và Người đã giải tán kẻ thù của tôi, chỉ cho tôi cách tôi có thể thực hiện lời thề của mình.”

Sự đối đầu của Ojeda với Roldán xảy ra vào cuối tháng 9 năm 1499, nhưng mãi đến tháng 2 năm 1500 Ojeda mới giương buồm đi Xaraguá, sào huyệt cũ của Roldán. Khi đến nơi, Ojeda làm mọi thứ mình có thể để hất cẳng Roldán, cố thuyết phục những người ủng hộ ông ta trước kia rằng Ferdinand và Isabella đã thực sự chỉ định anh ta làm người trông coi Columbus, “để ngăn Đô đốc làm điều có hại cho lợi ích của triều đình”. Nhằm làm cho tuyên bố của mình hấp dẫn hơn, anh ta khẳng định, hay lập luận, rằng các vị Quân chủ đã ra lệnh cho Columbus trả lương cho những ai từng phục vụ cho triều đình, nhưng Columbus cứng đầu từ chối tuân lệnh, và anh ta đề nghị “dẫn họ tới Santo Domingo để buộc ông ta phải trả lương ngay lập tức; rồi sau đó họ có thể quăng Đô đốc ra khỏi hòn đảo dù còn sống hay đã chết”.

Mưu đồ của Ojeda thu được sự ủng hộ của nhiều kẻ nổi loạn lúc trước. Dưới sự che chở của đêm tối, anh ta thu thập một nhóm người cương quyết nhất, hay tuyệt vọng nhất, để tấn công những người khác. Ferdinand Columbus kể lại rằng “có thương vong từ cả hai phía”. Những người ở phe Ojeda tham gia ẩu đả kết luận rằng Roldán đã phản bội họ.

Giờ đây họ chỉ trung thành với Ojeda và âm mưu gây xáo trộn đặc biệt của anh ta, đám nổi loạn lạc đường bèn lên kế hoạch bắt Roldán. Roldán biết về âm mưu và “lên đường với một lực lượng mạnh để trừng phạt Ojeda và đập tan cuộc nổi dậy”. Lo sợ cho tính mạng, Ojeda ẩn náu trên mấy con tàu của mình, ở đó anh ta thương thảo với Roldán, người lúc này cũng lui về tàu *của ông ta*. Họ tranh cãi một cách lố bịch về nơi neo những con tàu, “ai cũng sợ rơi vào thế yếu hơn người kia”.

Ojeda từ chối rời khỏi tàu mình. Roldán đề nghị đánh cược ở đó với anh ta, đến chừng nào Ojeda phải cho tàu chở ông ta đi. Sau khi Roldán và người của ông ta trèo lên tàu, họ tấn công đám trung thành với Ojeda. Khi đã nắm quyền kiểm soát tàu, họ lái về phía bờ an toàn. Bị hạ nhục, Ojeda nhận thấy anh ta phải thương thảo với Roldán theo cách tốt nhất mà anh ta có thể.

Lúc hai đối thủ cuối cùng cũng gặp nhau, Ojeda xin lỗi vì sự thái quá của mình và cam kết thả mấy người của Roldán đã bị bắt làm con tin. Đổi lại những nhượng bộ này, anh ta xin một “con tàu và đoàn thủy thủ”. Nếu không, “anh ta chắc chắn sẽ phải đối mặt với sự hủy diệt khi chẳng còn chiếc tàu nào phù hợp để sử dụng”, theo giải thích của Ferdinand. Ý thức về vị trí của mình trước đây như một kẻ nổi loạn, Roldán chỉ muốn giải phóng bản thân và đảo Hispaniola khỏi Ojeda, không để anh ta mang nổi bất bình về Tây Ban Nha và các vị Quân chủ, cho nên ông ta đồng ý với đề nghị đó, với điều kiện là Ojeda và người của mình phải rời đi vào một ngày nhất định. Và để đảm bảo là Ojeda tuân thủ, ông ta “để một người canh gác khỏe mạnh trên bờ”.

Thủ lĩnh và kẻ nổi loạn đã hoán đổi vị trí. Roldán thấy mình đang ở vị thế mà trước kia Columbus nắm giữ, cố gắng đánh bại âm mưu của Ojeda, kẻ đóng vai trò nổi loạn mà đã có lúc Roldán nắm giữ. Nhưng không ai trong số hai người trở nên khôn ngoan hơn do kết quả của xung đột, mà chỉ thận trọng và tinh ranh hơn. Cuộc ẩu đả ba bên là triệu chứng của cảm giác sụp đổ ảnh hưởng đến Công cuộc Chinh phục

Ấn Độ; thậm chí chẳng bên nào thêm giả vờ viện đến những lý tưởng tôn giáo hay chính trị nữa.

Roldán và Columbus tin rằng họ đã thoát khỏi Ojeda và những kẻ gây rắc rối khác. Nhưng, Ferdinand quan sát, “cũng giống như loại rong xấu không đơn giản bị cắt đi là sẽ không mọc nữa, rất khó để giữ những kẻ quen thói ấy không rơi lại vào con đường cũ của mình sau khi Ojeda đã rời đi”. Mối đe dọa mới nhất đã đến từ một kẻ gây rắc rối tên là Fernando de Guevara, vốn mang thù hận với Roldán vì đã ngăn cản cuộc hôn nhân của Guevara với một cô gái trẻ mà tình cờ là con gái của Anacaona, “nữ hoàng đứng đầu của Xaraguá”. Với việc Roldán cưới thêm một phụ nữ Anh-điêng nữa, có khả năng ngày càng cao là liên minh phụ nữ Hispaniola đứng sau xung đột này. Người châu Âu ở lại trên đảo càng lâu, lòng trung thành của họ càng gắn bó với tình cảm cá nhân của mình thay vì mảnh đất quê hương.

Giờ đây, Guevara đang âm mưu lật đổ Roldán “như một lãnh chúa vô nguyên tắc”, theo lời Ferdinand, và hình thành liên minh với một kẻ nổi loạn cứng đầu khác, Adrián de Mújica. Đến tháng 6 năm 1500, họ lên kế hoạch bắt hoặc giết mục tiêu của mình. Biết được âm mưu chống lại mình, Roldán đã vây bắt đám ngoài vòng pháp luật, báo với Đô đốc, và chờ chỉ thị.

Lần này Columbus đã phản ứng đầy cương quyết. Những kẻ này đã đe dọa sự an toàn của hòn đảo, chúng phải bị trừng phạt “theo luật pháp”. Vậy nên Roldán, trong quyền hạn chính thức với tư cách thị trưởng, đã đưa nhóm đó ra xét xử, và ra lệnh rằng kẻ cầm đầu không thể chối cãi là Adrián de Mújica phải bị treo cổ. Roldán trục xuất những kẻ âm mưu khác và bỏ tù Guevara cho tới khi anh ta được áp giải tới chỗ Đô đốc ngày 13 tháng 6, rồi vào vùng nội địa của hòn đảo để giữ an toàn.

Cuối cùng thì hòa bình đã đến với lãnh địa của Columbus.

CHƯƠNG 10



“XÍCH LẠI GỬI TÔI VỀ”

Vào ngày 3 tháng 2 năm 1500, Columbus từ vùng nội địa trở lại Santo Domingo, ở đây ông dự định về Tây Ban Nha và trình bày các sự kiện theo phiên bản của mình với các vị Quân chủ. “Trong thời gian xảy ra những sự lộn xộn này”, Ferdinand nhận xét, “nhiều kẻ nổi loạn viết từ Hispaniola và những người khác trở về Castile liên tục truyền đi thông tin sai đến các vị Quân chủ Công giáo và hội đồng triều đình chống lại Đô đốc và mấy người em ông, tuyên bố là họ độc ác nhất và không phù hợp cho việc cai trị”. Tại sao? “Vì họ là dân ngoại bang và không có kinh nghiệm trong việc cư xử với người có tước vị.” Columbus là một người xa lạ, giọng pha âm sắc nước ngoài, xung quanh là hết người em này đến người em khác, hiếm khi hòa đồng, tách biệt, cương quyết, bí ẩn đến khó hiểu. Nhưng những thành công của ông đã bao trùm lên tất cả. Mọi người trên đảo đều mệt mỏi dưới cái bóng của Columbus. Kể cả trong tình trạng gần như bị thất sủng, ông vẫn là người châu Âu hùng mạnh nhất ở Ấn Độ. Nếu các vị Quân chủ không cứu Hispaniola khỏi ảnh hưởng của ông, những người chỉ trích cảnh báo, “toàn bộ Ấn Độ sẽ sụp đổ”. Họ dự đoán Columbus sẽ “hình thành liên minh với một hoàng thân nước ngoài nào đó, tuyên bố Ấn Độ là sở hữu của ông ta”. Và họ viện dẫn những sự phỉ báng hiển nhiên hơn – Columbus che giấu sự giàu có thực sự của Ấn Độ trước Tây Ban Nha; ông ta đang lên kế hoạch dùng

lực lượng Anh-điêng để chống lại các vị Quân chủ – tính toán để kêu gọi chống lại kẻ thù của mình ở Castile.

Ferdinand Columbus nhớ lại là khi mình đến thăm Granada, “hơn 50 con người không biết xấu hổ này mang hàng đồng rượu vang tới, và ngồi trong triều đình của Alhambra” – pháo đài của người Moor mà sau đó bị các vị Quân chủ chiếm – “âm ỉ tuyên bố rằng các Bộ hạ và Đô đốc đã đẩy họ vào tình cảnh đáng thương bằng cách giữ lương của họ, bên cạnh hàng ngàn lời dối trá khác mà họ bịa ra”. Họ vô cùng đau khổ, dù chẳng có cơ sở nào, nhưng bất cứ khi nào Vua Ferdinand cưỡi trên con chiến mã của mình, họ lại bao quanh ông ta, chặn đường và hét lên, “Trả đi! Trả đi!”

Con trai Columbus là Ferdinand rùng mình với ký ức về những cuộc chạm trán hồi trẻ của mình với đám tạp nham. “Bất cứ khi nào anh tôi và tôi, những người phục vụ cho Nữ hoàng, chạm trán họ, họ sẽ gào lên, quấy rầy chúng tôi và hát, ‘Đến đây những đứa con của Đô đốc Muối, người đã khám phá ra những vùng đất hư vô và lừa dối, ngôi mộ và sự đổ nát của các quý ông Castile’.”

Để hạn chế tối đa sự đối đầu mang tính sỉ nhục với đám người Tây Ban Nha đang tức giận với Columbus, Ferdinand thú nhận, anh ta và người anh trai cùng cha khác mẹ “thận trọng tránh gặp mặt họ”. Đó là số phận những đứa con của nhà thám hiểm có sức ảnh hưởng và tạo biến đổi nhiều nhất Tây Ban Nha, khi họ cố giấu tung tích trên chính quê hương vì lo cho tính mạng của mình.

Ý thức về việc bị triều đình thất sủng, Columbus nhớ lại rằng ông đã “nhiều lần” cầu khẩn các vị Quân chủ cử đến “ai đó chịu trách nhiệm về quản lý tư pháp”, và ông yêu cầu những người khác nhân danh ông đề nghị, “vì uy tín của tôi chỉ có thế, nên mặc dù tôi được chỉ định theo lệnh xây nhà thờ và bệnh viện, thì những người đó vẫn luôn bị gọi là những kẻ lừa dối hoặc kẻ cướp”.

Ở Tây Ban Nha, Ferdinand và Isabella nghe nhiều lời kêu ca về Columbus, và họ hành động như các thủ lĩnh chính trị vẫn làm: họ chỉ định một công tố viên đặc biệt. Ngày 21 tháng 5 năm 1499, họ chọn một người có uy tín không chê vào đâu được: Francisco de Bobadillaⁱ, một hiệp sĩ Dòng Calatrava thuộc cánh quân sự của Dòng Cistercia, là một cộng đồng tôn giáo đáng kính gồm các thầy tu và nữ tu. Ông ta có tiếng tăm vang dội bởi lòng mộ đạo trong công cuộc Tái chinh phục, và các dòng tu mới của ông ta đã mở rộng công cuộc ấy, biến ông ta thành “Thống đốc các Đảo và Đất liền của Ấn Độ”. Trên cơ sở này, ông ta hoàn toàn có quyền tin rằng ông ta chứ không phải Columbus, chẳng mấy chốc sẽ cai trị Ấn Độ. Nhiệm vụ của ông ta là loại bỏ tham nhũng khỏi Hispaniola do Columbus gây nên. Ngay khi đến Ấn Độ, Bobadilla sẽ lập tức điều tra về Columbus – ở Tây Ban Nha, nhiều người có định kiến mạnh mẽ rằng Đô đốc có tội– và Ferdinand kể lại, “nếu Bobadilla thấy Đô đốc phạm tội, ông ta sẽ gửi vị Đô đốc về Castile và chiếm đảo”.

Không một ai, kể cả Columbus, tin rằng công việc hành chính trên đảo Hispaniola được quản lý cẩn thận. Nhưng cũng không ai bên cạnh Columbus lại muốn để Tây Ban Nha quản lý nó. Mỗi chuyến đi – và giờ đã là ba chuyến – đều cho thấy rằng Columbus là một nhà hàng hải tuyệt vời, thận trọng, cương quyết, có khả năng học hỏi từ trải nghiệm và sai lầm cực nhanh – bất kể ảo tưởng của ông về Trung Hoa – nhưng ông không có khả năng quản lý với tư cách thống đốc của các vùng đất mà ông chinh phục được. Gần như mỗi lần nhìn thấy đất liền đều chứng tỏ khả năng hàng hải tuyệt vời và sự cam đảm của ông, kể cả khi nó phơi bày ra việc ông thiếu khả năng dẫn dắt con người, giải quyết các tranh cãi, hay thu phục lòng trung thành.

i. ((?)1450-1502).

Vào thời điểm đội tàu của Bobadilla tiến đến gần Santo Domingo vào tháng 8 năm 1500, Columbus đang ở Concepción, dẹp cuộc nổi loạn mới nhất của người Anh-điêng. *Adelantado* Bartholomew em trai ông đang ở Xaraguá cùng với Roldán, bắt giữ các đồng minh của Guevara, người đã cố gắng giết kẻ chống đối. Còn Diego Columbus thì vẫn ở tại Santo Domingo, ra lệnh xử tử mấy kẻ nổi loạn khác. Las Casas giải thích, “Đô đốc và *Adelantado* lo lắng về việc sẽ phải bắt lại đám tái nổi loạn. Họ treo cổ những kẻ mà mình bắt được, và ông ấy mang theo một vị linh mục để rửa tội cho họ, do đó ông ấy có thể treo cổ họ ở bất cứ đâu mà ông ấy có thể tìm thấy”. Ở thời điểm đó, “ông ấy có thể khuất phục người Ấn Độ và buộc họ phải cống nộp như ông ấy đã áp đặt lên họ còn Francisco Roldán lại giải phóng họ trong thời gian ông ta nổi loạn”. Ông làm tất cả những điều này đơn giản nhằm gửi tiền về cho Ferdinand và Isabella để hoàn trả họ các chi phí, và để khiến những kẻ chỉ trích mình im lặng. Kế hoạch chính của ông bao gồm rửa tội cho mọi người Anh-điêng ở những thị trấn và làng lớn của Hispaniola để họ có thể “phụng sự các Bệ hạ như những chư hầu ở Castile”, theo ý kiến đánh giá của Las Casas thì kế hoạch này sẽ tạo ra khoảng 60 triệu maravedí mỗi năm cho Tây Ban Nha. Nếu các kế hoạch của Columbus thành công, thì năm 1500 sẽ đánh dấu bước ngoặt trong nền kinh tế của Ấn Độ, năm mà đế chế bắt đầu gửi lợi nhuận về Castile. “Nhưng, trong khi chuẩn bị khung cửi của mình, Chúa đã cắt đứt sợi chỉ của miếng vải mà ông ấy định dệt.” Công cụ chính là Bobadilla.

Khoảng 7h sáng Chủ nhật, ngày 23 tháng 8, những con tàu của Bobadilla – *La Gorda*, được đặt theo tên chủ tàu là Andrea Martín de la Gorda, do tàu *Antigua* hộ tống – xuất hiện ở cửa vào cảng, nhưng buộc phải lái sang bên này rồi bên kia theo hướng một ngọn gió ngoài khơi cho đến cuối buổi sáng, ngọn gió nhẹ đổi chiều và thổi vào bờ, đẩy mấy con tàu buồm đi.

Diego cử một chiếc thuyền độc mộc chở theo ba người Ki-tô giáo và vài người Anh-điêng ra gặp những người mới đến. Một người là Cristóbal Rodríguez, thủy thủ được biết đến như là vị khách đầu tiên thông thạo tiếng Anh-điêng. Hai người Ki-tô giáo khác là Juan Arráez và Nicolás de Gaeta. Tên của những người Anh-điêng chèo thuyền không được ghi lại.

Lúc chiếc thuyền đến gần, Bobadilla “đi trên con tàu buồm *Gorda*, rồi cúi người và nói ông ta được Vua và Nữ hoàng cử đến với tư cách là người điều tra pháp lý về đám nổi loạn trên hòn đảo này”. Andrea Martín de la Gorda yêu cầu cung cấp tin tức về Hispaniola, và được biết rằng “bảy người Tây Ban Nha đã bị treo cổ trong tuần đó”. Năm người nữa đang bị giam giữ, chờ bị treo cổ. Trong thực tế tất cả nạn nhân đều là người Tây Ban Nha khiến Bobadilla cảnh giác. Đã xảy ra kiểu làm loạn nào? Liệu có phải Columbus đã để nó vượt ra ngoài tầm tay? Nhà điều tra lập tức yêu cầu Đô đốc và hai người em trai đến, nhưng chỉ có Diego là đang ở gần. Đô đốc thì ở Xaraguá, bận rộn chuẩn bị cho mấy vụ xử tử nữa. Cristóbal Rodríguez hỏi, anh ta đang có vinh dự nói chuyện với ai vậy?

Francisco de Bobadilla, người điều tra pháp lý.

Chiếc thuyền quay về bờ, nơi tất cả đang trông đợi rằng hai con tàu kia sẽ mang những ngày tươi đẹp đến với thuộc địa đã chịu đau khổ lâu dài này: nguồn cung cấp lương thực, hoặc đàn bà, hoặc vũ khí, hay các tiện nghi khác từ quê nhà. Khi họ biết rằng mấy con tàu chở theo một “người điều tra pháp lý”, Las Casas nói, “những ai cảm thấy có lỗi thì tỏ ra sợ hãi và buồn rầu. Những ai cảm thấy bị Đô đốc và hai người em trai gây đau khổ thì tràn ngập niềm vui sướng, cùng với đám người phải ở đó một cách miễn cưỡng mà chủ yếu là mấy kẻ nhận lương từ nhà vua, chịu thiếu thốn và đang rất cần thực phẩm, quần áo, và đồ dùng thiết yếu từ Castile”.

Khi ngọn gió lặng đi, mấy chiếc tàu buồm nương theo sóng vào cảng. Hiện lên trong tầm mắt là hai giá treo cổ, “một ở phía bên này sông, là bờ phía tây nơi thành phố giờ đây đang được xây dựng, và một ở bờ bên kia”. Hai người Ki-tô giáo, đã bị giam vài ngày trước đó, lủng lẳng trên giá treo cổ.

Giữa khung cảnh rùng rợn này, “mọi người lên xuống tàu. Họ tỏ ra nhã nhặn và tôn trọng đối với người điều tra Bobadilla. Một bên hỏi và một bên trả lời, nhưng luôn có một sự dè dặt nhất định cho tới khi họ thấy điều gì sắp xảy ra”.

Hôm sau, 24 tháng 8, Bobadilla lên bờ đi dự buổi Thánh lễ ở một khu định cư nhỏ xơ xác, được cho là thủ phủ của một đế chế toàn cầu mới. Sự đối nghịch giữa đế chế Ấn Độ đầy khát vọng với thực tế nghèo nàn khó mà có thể rõ nét hơn thế. Bobadilla đi giữa những khu nhà lợp mái lá nhỏ nhoi làm nơi ở cho người châu Âu và làm kho chứa đồ dự trữ. Phần lớn công việc của khu định cư vẫn được diễn ra trên boong tàu, giữa các không gian chật hẹp, nơi người ta cảm thấy an toàn trong những cái khoang hơi hám ấy hơn là trên đất liền, bị phơi bày ra trước người Anh-điêng hay thay đổi, với rắn và ruồi muỗi đầy đe dọa. Đối với một người ngoài, khu định cư có vẻ là một thứ chướng mắt, tạm bợ, không đáng kể, thay vì là một tiền đồn của Ki-tô giáo và sức mạnh của Tây Ban Nha. Ngược lại, làng mạc của người Anh-điêng, những túp lều, vồng, trống, bếp lửa, thuyền độc mộc tao nhã, những *cemí* bé nhỏ, và đặc biệt là cánh đồng sản được chăm sóc cẩn thận của họ, xuất hiện rõ nét. Chỉ những con tàu to lớn của người châu Âu đang neo đậu ở bến cảng hay ngoài khơi mới cho thấy rằng những người da trắng từ nơi xa đến này cũng có khả năng mang lại nhiều điều tốt đẹp chứ không chỉ là bạo lực, hiếp dâm, và những đòi hỏi ám ảnh về vàng.

Khi đã quan sát xong, nhà điều tra ra lệnh cho người chép thuê của nhà vua mà đã cùng ông ta vượt đại dương đến đây đọc lên lá thư

của Ferdinand và Isabella, trong đó tóm tắt mấy cuộc nổi loạn của Roldán và những kẻ khác, và tuyên bố mục đích của họ trong việc cử Bobadilla đến Hispaniola: “Như chúng ta thấy, đây đã và đang là một tấm gương xấu, đáng bị trừng phạt và cần uốn nắn, và với tư cách là Vua và Nữ hoàng và các lãnh chúa, chúng ta cần đưa ra giải pháp cho vấn đề này. Chúng ta yêu cầu người đến các đảo và lục địa của Ấn Độ, thu thập thông tin bằng mọi cách thức và biện pháp người thấy cần thiết để tìm ra một cách tốt nhất và đầy đủ nhất... những ai và những kẻ nào đã nổi lên chống lại Đô đốc và công lý của chúng ta, cũng như tìm hiểu nguyên nhân, lý do, và các trò cướp bóc hay những việc xấu xa và tổn hại chúng đã gây nên là gì”. Khi hoàn thành việc điều tra, Bobadilla phải “bắt giữ những kẻ mà người thấy có lỗi trong việc đó và trưng thu tài sản của chúng”. Lệnh rất rõ ràng, và bề ngoài thì tương xứng với các báo cáo kinh khủng từ Hispaniola gửi đến Ferdinand và Isabella. “Một khi chúng đã bị bắt, hãy xử lý chúng và những kẻ vắng mặt bằng các hình phạt nặng nhất dành cho dân sự và tội phạm mà luật pháp cho phép người.” Bất cứ ai dám cản trở cuộc điều tra của Bobadilla sẽ bị phạt 10.000 maravedí, một khoản tiền lớn mà chỉ những quý tộc giàu có nhất mới có thể chi trả.

Buổi sáng, Bobadilla yêu cầu đọc một sắc lệnh khác của triều đình để nhắc nhở mọi người rằng ông ta có được sự ủng hộ không giới hạn của các vị Quân chủ. Nhưng mỗi nghi ngờ liên quan đến tính chính danh của ông ta vẫn còn đó. Đoán được phản ứng này, ông ta ra lệnh cho một linh mục đọc một lá thư khác nữa từ Ferdinand và Isabella gửi cho Columbus, với một loạt những chỉ thị đầy sỉ nhục dành cho vị Đô đốc có lòng tự ái cao: “Với lá thư này, yêu cầu người ngay lập tức, không được viện lý do hay trì hoãn, bàn giao các pháo đài, nhà cửa, tàu bè, vũ khí, đạn dược, đồ dự trữ, ngựa, gia súc, và mọi thứ khác thuộc sở hữu của chúng ta ở những hòn đảo đó” cho “Người chỉ huy”, tức Bobadilla. Nếu Columbus tuân thủ, ông có thể giữ lại mọi tài sản

cá nhân mà mình có, nhưng nếu từ chối, ông sẽ phải chịu “đau đớn từ việc chúng ta không hài lòng”, cùng lời đe dọa mang điếm gở về số phận của “những kẻ phản bội các vị Quân chủ”. Cuối cùng, Bobadilla trưng ra một bằng chứng của triều đình, hướng dẫn ông ta trả lương cho những ai mà các vị Quân chủ còn nợ tiền, hàm ý rất rõ ràng cho dù Columbus có không tuân thủ các yêu cầu này, nhưng họ sẽ gia ơn để xóa bỏ sự ràng buộc. Không có gì nhầm lẫn trong nội dung của những lời này: các vị Quân chủ đã phế truất Columbus, và giao trách nhiệm cho Bobadilla.

Người chỉ huyⁱ bổ sung cho lực lượng của mình bằng cách tập hợp tất cả những ai hưởng lương của các vị Quân chủ để thông báo với họ rằng từ nay họ sẽ phục vụ *ông ta*, và mục tiêu đầu tiên của họ là cứu một số nạn nhân sắp bị treo cổ. Khi ông ta đưa giấy tờ ra lệnh thả họ, người canh gác là Miguel Díaz nhìn qua lỗ châu mai trên tường, nhận ra các chữ ký của Ferdinand và Isabella được ký trên đó. Bobadilla khẳng khái: thả ngay các tù nhân. Người canh gác chần chừ, yêu cầu kiểm tra giấy tờ kỹ hơn. Người chỉ huy phản pháo rằng không có thời gian để làm một bản sao cho anh ta. Việc trì hoãn có thể dẫn tới việc những nạn nhân bị treo cổ. Nếu người canh gác không tuân lệnh ngay lập tức, Người chỉ huy sẽ làm bất cứ điều gì cần thiết để giải phóng họ, và nếu có ai bị thương vong do việc đó gây ra, người canh gác sẽ phải chịu trách nhiệm. Bị dồn vào thế bí, Miguel Díaz khẳng khái rằng anh ta cần phải nói chuyện với chính Đô đốc.

Nhận thấy rằng người canh gác nhiều sự sẽ không làm theo lệnh của mình, Bobadilla cùng lực lượng mới tập hợp được tiến về phía pháo đài, ra lệnh cho anh ta mở cổng để họ vào. Người canh gác ở nguyên vị trí của mình. Anh ta tuốt kiếm, đứng trên bờ tường cao có lỗ châu mai, hét lên rằng anh ta đã trả lời rồi. Las Casas nói, “Vì pháo

i. Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha: “The Comendador”. (BT)

đài thật mong manh, bởi nó được xây lên để chống lại những người Ấn Độ bất hạnh trần truồng và không có vũ khí, nên Người chỉ huy và mọi người khi đến nơi chỉ cần đâm mạnh vào cổng chính, họ đã phá được khóa và thanh ngang”. Ngay khi người của Bobadilla trèo lên thang và chuẩn bị tràn vào pháo đài qua cửa sổ, thì cửa chính mở toang. Bobadilla và lực lượng của mình vượt qua đám lính mà không gặp sự chống cự nào trước cuộc tấn công, và tìm đường đến nơi giam giữ các tù nhân, chân bị cùm đau đớn. Bobadilla đưa họ, vẫn còn bị xiềng xích, đến với đốc quân.

Trong suốt thời gian này, Columbus vẫn ở lại nội địa, bận rộn với việc kết thúc vụ nổi loạn. Bobadilla coi việc Đô đốc vắng mặt đồng nghĩa với việc ông đã từ bỏ vai trò của mình với tư cách thống đốc của Hispaniola. Và thế là, Ferdinand nói, ông ta “lập tức giành lấy chỗ ở trong dinh thự của Đô đốc và lấy đi mọi thứ tìm được ở đây cứ như đó là của ông ta theo luật pháp về kế vị và thừa kế”.

Columbus găm giữ trước sự xúc phạm này, “Tất cả mọi thứ ông ta tìm thấy ở đó, ông ta đều lấy làm của mình; tất cả những gì tốt và đẹp, có lẽ ông ta cần chúng; một tên cướp biển cũng không bao giờ đối xử với một nhà buôn như vậy”. Giấy tờ cá nhân của ông bị tịch thu, còn những giấy tờ sẽ giúp bảo vệ ông ở Tây Ban Nha “thì ông ta giấu đi một cách cẩn thận nhất”. Trong khi kẻ điên này chôn chía những vật dụng cá nhân của Columbus, bản thân Đô đốc lại đang phơi mình ra trước hiểm nguy ở vùng nội địa và ở Xaraguá để bình định các cuộc nổi loạn. Thậm chí nếu ông có quá lời về sự anh hùng của mình, Đô đốc cũng có lý lẽ riêng: Bobadilla đã lật đổ Đô đốc trong lúc ông đang mang lại một vẻ ngoài trật tự cho Hispaniola.

Để chiến thắng một nhóm người Tây Ban Nha vẫn trung thành với Columbus, Bobadilla tuyên bố rằng “ông ta đến để trả tiền cho mọi người, kể cả những người không phục vụ một cách hết sức cho

đến hôm đó”. Đô đốc kinh ngạc quan sát kẻ quan liêu này chiếm đoạt uy quyền của ông và biến ông thành số không. “Ông ta tuyên bố rằng ông ta vâng lệnh xích lại gửi tôi về, và các em trai của tôi cũng chịu cảnh tương tự; và rằng tôi sẽ chẳng bao giờ được trở lại”, Columbus nhớ lại. “Tất cả những điều này xảy ra ngay sau ngày ông ta đến”, khi Columbus đang ở trong vùng nội địa.

Dương dương tự đắc với sự quan liêu, Bobadilla mang mấy lá thư được các vị Quân chủ ký cho phép ông ta làm bất cứ điều gì mình muốn dưới danh nghĩa họ. “Ông ta không gửi thư cũng chẳng phái người đưa tin tới tôi, đến hôm nay ông ta vẫn chưa làm thế”, Columbus than. Tình thế thật là kinh khủng, “Tôi không thể nhớ lại thậm chí trong các giấc mơ”, ông nói. Sau tất cả những gì ông đã làm cho các vị Quân chủ qua ba cuộc thám hiểm, bị đối xử như vậy là điều nằm ngoài tưởng tượng và lý trí. Có thể Ojeda đứng đằng sau, có thể anh ta đã hình thành một liên minh với Bobadilla để hạ nhục Columbus. Trong khi đó, các vị Quân chủ, vốn đã nợ ông nhiều đến thế, lại giữ im lặng.

Ông bày tỏ tâm tư trong một lá thư gửi Doña Juana de la Torre, người có mối quan hệ thân thiết với Nữ hoàng, đóng vai trò như người kết nối và là bạn tâm giao. “Thưa Quý bà, xin hãy xem xét, người ở vị thế như tôi sẽ nghĩ gì!” Đô đốc kêu lên với bà ta. “Danh dự và sủng ái cho những kẻ tìm cách lật đổ uy quyền của các vị Quân chủ và gây ra biết bao điều tồi tệ và tổn hại; sự sỉ nhục dành cho người đã duy trì nó qua bao khốn khó.” Ông thừa nhận những sai lầm trong việc tiến hành Công cuộc Chinh phục Ấn Độ, song “những sai lầm của tôi không phải do muốn làm điều xấu, và tôi tin các Bệ hạ sẽ tin tôi khi tôi nói như vậy”. Ông biện hộ, mình đã “mắc sai lầm do ngây thơ và tình thế ép buộc”, không như Bobadilla xấu xa, kẻ đã âm mưu lừa dối Columbus và các vị Quân chủ. “Duy trì công lý và mở rộng lãnh thổ của các vị Quân chủ tới hôm nay đã mang đến cho tôi những kinh nghiệm.”

Nhưng sau đó, vô tình làm hại đến chính quyền của mình, ông báo cáo rằng người Tây Ban Nha mua bán phụ nữ Anh-điêng với giá cao quá mức, đủ để mua một trang trại ở quê nhà, “và điều này là rất phổ biến, và giờ đây có nhiều nhà buôn đi tìm kiếm các cô bé 9 hay 10 tuổi để bán; phụ nữ ở mọi lứa tuổi đều được giá hời”. Tình hình trở nên kinh khủng đến mức “nếu các Bệ hạ ra lệnh tiến hành ở đây một cuộc điều tra nói chung, tôi xin nói với bà rằng họ sẽ thấy việc hòn đảo chưa bị ngón sạch là một điều kỳ lạ”.

Trong khi Columbus rơi vào tâm trạng suy sụp, Bobadilla thiết lập chế độ của mình. Để bắt đầu, ông ta cho ngưng hệ thống cống nạp gây suy đồi đạo đức trong thời gian 20 năm, và triệu tập Columbus đến trước ông ta ngay lập tức, như các vị Quân chủ đã có lệnh. Bobadilla thiết lập tính chính thống của lệnh này bằng cách truyền đạt một mệnh lệnh triều đình đã cũ từ các vị Quân chủ tới Columbus.

Don Christopher Columbus, Đô đốc Đại dương của chúng ta.

Chúng ta cử Hiệp sĩ Francisco de Bobadilla, người mang lá thư này, thay mặt chúng ta thông báo với người các việc nhất định. Chúng ta yêu cầu người thể hiện với ông ta sự trung thành, lòng tin cậy, và sự phục tùng. Viết tại Madrid vào ngày 26 tháng 5 năm 1499.

Ta là Vua. Ta là Nữ hoàng.

Columbus không còn lựa chọn nào ngoài việc trở về Tây Ban Nha ngay lập tức để đối mặt với các vị Quân chủ kém kiên nhẫn của mình và đám đối thủ đầy ganh ghét. Công cuộc thám hiểm của ông, công cuộc tìm kiếm sự giàu sang và vinh quang của Tây Ban Nha, sự kính nể ông trước việc khám phá ra những vùng đất và sinh vật mà ông không có lời nào để tả, sự phô bày đầy tráng lệ các lãnh địa mà chưa một người châu Âu nào trước ông từng đến thăm, đã bất ngờ đi đến kết thúc. Hành xử của Columbus cho thấy ông nhận ra rằng quả báo cho những điều

cực đoan mà ông đã cho phép đang đến gần, nhưng ông không bao giờ hình dung nó sẽ nhanh và tàn khốc đến vậy.

Giờ đã là đầu tháng 10 năm 1500, gần tám năm sau khi Columbus lần đầu tiên nhìn thấy những bờ cát trắng lấp lánh của Ấn Độ và tuyên bố sở hữu chúng dưới danh nghĩa Ferdinand và Isabella. Ông vội vã đến Santo Domingo cùng với người em trai Diego để đối đầu với Francisco Bobadilla, người đã đặt hai chiếc xích, để chúng trên boong tàu cho dễ trông coi. Để tăng thêm tính nghiêm trọng của sự việc, Bobadilla nhất quyết giữ bí mật với mọi người về việc bắt giữ.

Và rồi ông ta tịch thu vàng của Columbus, một việc làm chắc chắn là để hành hạ ông. “Trong số vàng này tôi đã để riêng ra một số mẫu nhất định, những hòn to như trứng ngỗng, trứng gà đẻ, và trứng gà mái tơ, và nhiều hình dạng khác.” Giờ thì tất cả thuộc về Bobadilla, kẻ đã nấu chảy khá nhiều vàng trong số đó. Một chuỗi vòng vàng to đã biến mất. Ngày qua ngày, Người chỉ huy lục soát nhà Columbus tìm bạc, đồ trang sức, và đồ trang trí, chiếm đoạt mọi thứ cho bản thân. Gia súc, sách vở, bản thảo, và của cải cá nhân tất cả đều bị ông ta vét sạch. Columbus nói, tóm lại, Bobadilla “luôn sẵn sàng làm mọi thứ mà ông ta nghĩ sẽ làm tôi đau đớn”. Có vẻ khó tin và nực cười về việc con người này đã được cử đến để “điều tra về hành vi của tôi”, và biết rằng nếu ông ta gửi về “một báo cáo bất lợi” thì ông ta sẽ “ở lại vị trí thống đốc”. Nếu Bobadilla chỉ cần xuất hiện sớm hơn hai năm, “Tôi sẽ được giải phóng khỏi sự lạm dụng và ô nhục đầy tai tiếng”.

Sức ảnh hưởng của ông bị các cuộc nổi loạn làm xói mòn. Columbus cảm thấy vô vọng khi chống lại Bobadilla. Ông khẳng định, mình bị phán xét theo một chuẩn mực bất công. Ông đang bị đối xử như một người quản lý của “một hay hai thành phố dưới quyền của một chính phủ đã được thành lập, mà hoàn toàn không có nguy cơ bị

mất đi”. Nhưng Hispaniola cho thấy các thách thức lớn hơn và hoàn toàn khác. “Tôi cần được phán xét như một thuyền trưởng đã đi từ Tây Ban Nha tới Ấn Độ để chinh phục một dân tộc đông đảo và hiếu chiến, với những phong tục và niềm tin rất khác biệt với chúng ta, một dân tộc sống nơi cao nguyên và rừng núi, không có nơi ở ổn định, và cách xa chúng ta.” Nhờ những nỗ lực của ông, “Tôi đã mang đến một thế giới khác dưới sự cai quản của Vua và Nữ hoàng, các vị Quân chủ của chúng ta, nhờ đó Tây Ban Nha, từng được coi là nghèo khổ, giờ đã giàu có nhất”. Đó là tuyên bố của ông, được hậu thuẫn bởi ba chuyến thám hiểm đầy cực nhọc.

Không chú ý đến các lập luận tự biện hộ tể mĩ của Columbus, Bobadilla tổ chức một “cuộc điều tra lỗi bịch”, hay nó có vẻ như vậy với Ferdinand Columbus, “lấy lời khai từ những kẻ thù công khai của họ, những kẻ nổi loạn, và thậm chí thể hiện sự thiên vị lộ liễu”. Columbus nói, ngay một người mù cũng nhận thấy rằng sự hạ bệ đã “được điều khiển bởi định kiến thay vì sự thật”.

Mãi sau này, khi cảm xúc đã nguôi đi, các vị Quân chủ mới đi đến chỗ đồng tình với những đánh giá trên, và “cuối cùng thì xóa mọi lời buộc tội nợ đối với Đô đốc”, và thậm chí “lấy làm tiếc là đã giao cho một người như vậy” – chính là Bobadilla – “nhiệm vụ đó”. Nhưng vào lúc này, Ferdinand Columbus nhận xét, Người chỉ huy thích “đàn đúm với đám giàu có nhất và quyền uy nhất trên đảo”, và tự thưởng cho mình một phần trong số tiền do người Anh-điêng kiếm được khi ông ta để họ làm việc cho người châu Âu. Và Ferdinand giận dữ thông báo rằng Bobadilla đã bán đấu giá những tài sản ông ta cướp được, “trong khi đảm bảo rằng vài người trong số bạn bè chí thân của ông ta được sở hữu mấy món đó với giá bằng một phần ba giá trị của chúng”.

Columbus không hoàn toàn là nạn nhân vô tội như ông tuyên bố về mình. Ông khẳng định rằng ông im lặng chịu đựng thách thức của

người điều tra đến độ chấp nhận xiềng xích và thậm chí nhà tù, nhưng các nhân chứng xác nhận rằng Đô đốc thực sự đã tập hợp một lực lượng gồm những người Tây Ban Nha định cư và người Anh-điêng để chống lại Bobadilla. Nếu đúng vậy, tức là Columbus đã tranh thủ người Anh-điêng – những kẻ ngoại đạo – để chống lại người Ki-tô giáo: một sự vi phạm nghiêm trọng chống lại Tây Ban Nha.

Trong lúc đó, cuộc điều tra của Bobadilla được tiến hành. Một linh mục làm chứng rằng Columbus ra lệnh cho Roldán không để người Anh-điêng rửa tội nếu không được phép rõ ràng. Một linh mục khác, tự xưng là Mateo Valenciano, cầu xin Đô đốc cho phép “một người hầu gái” được rửa tội, nhưng đã bị từ chối. Thay vào đó, Columbus cho phép người Tây Ban Nha biến người Anh-điêng làm nô lệ để mua bán chứ không phải để rửa tội. Các câu chuyện lan truyền việc Columbus bán những cậu bé, cô bé người Anh-điêng hấp dẫn làm nô lệ thay vì cải chúng sang Ki-tô giáo.

Rodrigo Manzorro, một nhân chứng khác, tuyên bố là anh ta nghe thấy linh mục kêu ca về việc họ không thể cải người Anh-điêng sang Ki-tô giáo trừ phi Columbus cho phép họ bằng lệnh riêng, khẳng định rằng tất cả người Anh-điêng trên đảo đều thuộc về ông. Lời buộc tội này được kẻ đối lập với Columbus là Ojeda lặp lại, nghe đâu anh ta đã chủ trì những lễ cải đạo hàng loạt, một thực hành khiến Đô đốc bức bối vì ông khẳng khẳng rằng ông, và chỉ mình ông, quyết định ai sẽ được cải đạo và ai sẽ bị bán làm nô lệ. Chuyện kể rằng, lúc bắt được một tộc trưởng với 300 người đi theo, Columbus quyết định đưa họ về Castile để đem ra bán làm nô lệ tại buổi bán đấu giá, cho dù họ nằm dưới sự bảo vệ của Roldán. Sự tự tin của Đô đốc rằng mọi nô lệ đều thuộc về mình đã đẩy ông đến chỗ thông báo với người định cư trên đảo là họ phải nhượng lại mọi người hầu khác cho ông. Họ không còn là các linh hồn cần được cứu rỗi, họ là những mặt hàng con người mà giá trị sẽ do Columbus quyết định.

Một nhân chứng khác, Francisco de Sezé, khai rằng trong vòng sáu năm rưỡi qua, Đô đốc đã ra lệnh đánh đòn một tá hay hơn những người Tây Ban Nha nơi công cộng, thít cổ, và trói họ lại với nhau vì đã đổi vàng để lấy “một mẩu thịt lợn và ít rượu vang và bánh” khi đói. Columbus buộc họ chịu sự trừng phạt cực đoan này “bởi họ đổi chác và đưa vàng mà không được Đô đốc cho phép”.

Xuất hiện thêm các ví dụ về sự tàn nhẫn của ông. Có lần, ông ra lệnh lột quần áo một phụ nữ và đặt lên lưng một con lừa, “hoàn toàn trần truồng”, rồi đánh đòn bởi cô ta đã nói dối là có thai. Một lần khác, ông ra lệnh cắt lưỡi một phụ nữ vì bà ta đã “nói xấu Đô đốc và các em trai của ông ấy”. Bà ta đã nói rằng cha họ là một thợ dệt – điều mà là sự thật – và rằng các em trai của ông là “bọn làm thuê”, một sự nhục mạ mơ hồ, có lẽ thế, nhưng khó lòng là một tội lỗi.

Ở La Isabela, một viên chức Tây Ban Nha đã bắt một phụ nữ tên là Teresa de Vaeça. Cùng với một người Tây Ban Nha khác là Rodrigo Pérez, viên chức Tây Ban Nha nọ bí mật hành hạ bà ta bởi thống đốc từng có mối quan hệ với một phụ nữ đã kết hôn được cho là có liên quan tới Teresa, người mà nghe đâu “đáng bị trừng phạt vì mối lái”. Không cần xét xử, bà ta nhận 100 roi “vào chân và trần truồng” rồi bị cắt lưỡi để trừng phạt đối với tội lỗi của mình, dù chuyện này là có thực hay tưởng tượng, thì trên thực tế – xét bối cảnh buộc tội – dám làm nhục một viên chức Tây Ban Nha là điều khó bỏ qua.

Columbus trừng phạt chuyện đồng tính với sự tàn nhẫn tương tự. Ông ra lệnh chặt đầu Juan de Luxan do tội “phản bội” và “kê gian”. Bị cáo đã phản đối lời buộc tội đầu nhưng không phản đối cái sau.

Lời khai khác tiết lộ rằng Columbus ra lệnh treo cổ mấy người Tây Ban Nha vì họ ăn trộm bánh lúc đói. Ông thậm chí còn ra lệnh cắt tai và mũi của một kẻ đê tiện, đánh đòn, xích, và trục xuất hẳn khỏi đảo. Ông ra lệnh đóng đinh vào tay một cậu phục vụ trên tàu công khai tại nơi cậu ta đã kéo một chiếc bẫy từ sông lên và bắt cá.

Đánh đòn vì những lỗi nhỏ xảy ra với tần suất đáng báo động. Columbus ra lệnh đánh 100 roi đối với một kẻ phạm tội – mức phạt có thể gây chết người – vì ăn cắp cừu, và một người khác vì nói dối về sự việc. Một gã bất hạnh tên là Juan Moreno nhận 100 roi vì không thu thập đủ đồ ăn cho kho thực phẩm của Columbus. Anh ta phải nhận roi “vào chân và trần truồng” dưới bàn tay của một người Anh-điêng, người nghe đâu đã cho rằng Moreno là một “kẻ vô lại”.

Có những vụ treo cổ như Bobadilla đã từng thấy. Và nhiều vụ khác mà ông ta không thấy. Khi biết chuyện hai người Tây Ban Nha ăn trộm bánh từ kho của các con tàu cho đám người Ki-tô giáo đói khát, Columbus đã bỏ qua việc điều tra xét xử, và ra lệnh treo cổ họ. Và thế là họ bị treo cổ. Những vụ treo cổ khác được thực hiện nhanh chóng, không qua xét xử hay có thời gian cho người bị buộc tội thú nhận.

Các nhân chứng xác nhận về sự quản lý lộn xộn của Columbus ở Hispaniola. Cho dù hoa trái và những thứ ăn được khác trên hòn đảo dư thừa đến ngạc nhiên, cùng sự hào phóng của người Anh-điêng trong việc chia sẻ nó với dân định cư, và những chuyến tàu cung cấp từ Tây Ban Nha thường xuyên chở đồ tiếp tế tới, vẫn có 50 người đã chết đói ở La Isabela trong khi Columbus từ chối cung cấp đồ dự trữ cho họ từ những kho chứa đầy tràn của các con tàu. Lương thực bắt đầu hồng liên bị vứt xuống biển, và bất cứ ai cố gắng mặc cả với người canh kho đều bị đánh vì quấy rối anh ta. Những người ốm yếu và đang lại sức phát hiện ra là khẩu phần ăn của họ bị giảm đi trong khi ở đảo có rất nhiều. Các mô tả đến từ rất nhiều nhân chứng, nhiều vô kể, khó tha thứ, được đưa ra để biện minh cho việc Người chỉ huy miễn nhiệm quyền điều hành của Columbus.

Sau cuộc điều tra, Bobadilla sợ rằng Roldán, giờ đây đã cùng phe với Đô đốc, có thể giải cứu Columbus khỏi những kẻ câu thúc ông, nhưng cuộc tấn công đã không xảy ra. Ở nơi giam cầm, cả hai anh em

nhà Columbus “thể hiện sự tự kiềm chế mạnh mẽ”, Ferdinand viết. Theo đó, “khi về đến Castile họ có thể dễ dàng đảm bảo cho việc trừng phạt Bobadilla hơn”. Nếu họ sống sót được qua thử thách của mình.

Tình thế của họ xấu đi từng giờ. Khi Columbus được dẫn xuống tàu, ông tin rằng mình sắp bị xử tử bằng cách cắt cổ.

“Các ông mang tôi đi đâu vậy?” ông cầu khẩn nhà quý tộc Alonso de Vallejo, được giao nhiệm vụ dẫn giải Columbus từ pháo đài xuống tàu *La Gorda*.

“Thưa ngài, ngài tới boong tàu.”

Ngờ rằng mình sẽ được tha, ông hỏi, “Vallejo, đó là sự thật chứ?”

Và nhà quý tộc đáp, “Đức Mẹ chứng giám, sự thật là ngài đang tới boong tàu.”

Columbus cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm khi biết rằng không phải ông bị dẫn tới cái chết mà là tới con tàu và sự sống.

Việc con tàu buồm *La Gorda* rời đi mang theo anh em nhà Columbus gợi nên cảnh tượng xấu. Cư dân của lãnh địa đảo mà Đô đốc đã có thời trị vì giờ đây nhục mạ Columbus ở những quảng trường công cộng và dán các thông báo hằn học tại mấy góc phố. Ngoài cảng, đám người hầu trước kia trung thành với ngài vàng Tây Ban Nha thối kèn nhạo báng.

Bobadilla lo rằng Columbus có thể tìm cách nào đó bỏ trốn, nên lệnh cho chủ tàu, Andrea Martín de la Gorda, xích chặt tù nhân trong suốt hành trình về Tây Ban Nha, cho tới giây phút họ gặp Giám mục Fonseca, được các vị Quân chủ giao nhiệm vụ trông nom Công cuộc Chinh phục Ấn Độ. Thậm chí kẻ thù của Columbus cũng thấy kinh sợ bởi sự đối xử này. “Điều phi lý nhất”, Las Casas buộc tội, và bắt đầu sôi nổi bảo vệ nhà thám hiểm mà ông từng kịch liệt tấn công trong những

trường hợp khác, “là ngay tức khắc khinh thị, ghê tởm, và ghẻ lạnh. Ông ấy, suy cho cùng, là Phó vương và Thống đốc vĩnh viễn của phần đất này trên thế giới, xứng đáng nhất với tiếng tăm Đô đốc Đại dương. Ông ấy đã giành được những tước hiệu đó – được Chúa ưu tiên lựa chọn – khi phải chịu bao khổ cực, thử thách, nguy hiểm, và vất vả, và bằng cách hé lộ cho thế giới này một thế giới bị giấu kín hàng thế kỷ”. Vì lý do đó, Ferdinand và Isabella còn nợ ông “sự biết ơn vĩnh viễn. Không có lý do chính đáng nào và thật kinh khủng khi một người ở địa vị cao quý như vậy lại bị cư xử vô nhân đạo và đáng xấu hổ như thế”. Với bản chất cứng rắn và mục đích không nao núng của mình, Columbus gây ấn tượng với cả những kẻ chỉ trích ông, và còn mạnh hơn khi ông bị xích.

Las Casas nói, không thể tìm được ai đó sẵn lòng xích Đô đốc Đại dương, trừ Espinosa, kẻ đầu bếp ti tiện đã gắn những gông cùm “như thể anh ta đang phục vụ ông ấy mấy chiếc đĩa đựng các món ăn mới và quý giá”. Sự trừng phạt với ông có nghĩa là hàng tuần trời chịu đựng trong khoang giam giữ tối tăm, ngột ngạt, nóng bức, lắc lư, dễ bị tổn thương trước mọi thứ và hành vi bất thường của thủy thủ đoàn, bị xúi giục trút giận lên hai tù nhân.

Những cánh buồm của tàu *La Gorda* trôi đi dưới chân trời vào một ngày đầu tháng 10. Đô đốc Đại dương giờ đây là tù nhân trên con tàu của chính mình, chờ được các vị Quân chủ của mình phán xử.

Ở ngoài khơi, thuyền trưởng đề nghị tháo dây xích nơi cẳng chân và cổ tay Columbus, nhưng Ferdinand viết rằng cha mình “không cho phép điều đó, chỉ nói rằng chúng được quàng lên ông ấy bởi quyền lực triều đình và chỉ các vị Quân chủ mới có thể ra lệnh tháo bỏ chúng”. Ông được tiếp thêm sức mạnh từ nỗi nhục này, trở nên mạnh mẽ hơn khi bị thua thay vì khi chiến thắng. Nhà thám hiểm bị xích tượng trưng cho một hoạt cảnh lý tưởng để thể hiện sự tử vì đạo của ông, và ông

sẽ duy trì nó lâu nhất có thể. Columbus biết về động lực chuộc tội, và ông đã hoàn thành vai trò của mình, cho dù ông bức tức với nó. Con trai ông nói, “Ông ấy quyết định giữ những chuỗi xích đó như một vật lưu niệm về việc ông ấy đã được tưởng thưởng tốt đẹp đến thế nào cho mọi sự phục vụ của mình”. Columbus không bao giờ quên thử thách đó. Ferdinand tiết lộ, “Tôi luôn nhìn thấy những đồng sắt đó trong phòng ngủ của ông ấy, được ông ấy yêu cầu chôn cùng với năm xương của mình”.

Khi cập đất liền ở Cadiz, Columbus chọn thể hiện mình trong chuỗi xích để khơi gợi sự thông cảm từ đám đông tò mò đã tụ tập ở đó để xem ông, và họ đã bị ấn tượng trước hình ảnh nhà thám hiểm vĩ đại bị sỉ nhục. Sau đó, khi cuối cùng xích cũng được tháo ra, ông trở lại thói quen của một thầy dòng Francisco, xắn hai ống tay áo lên đủ cao để làm lộ ra những dấu vết xiềng xích trên cổ tay ông như dấu hiệu của sự hành xác. Cảnh tượng ông tạo nên về mình không có vẻ kỳ dị ở một đất nước mà những cuộc hành hương trên đầu gối trần trụi rớm máu diễn ra trên suốt các con phố của Seville, như một phần của lễ Phục sinh. Columbus biết đánh động sự chú ý bằng việc hành xác sám hối nơi công cộng của ông, và để tỏ ra vừa đáng thương vừa trung thành.

Vẫn bị cùm tay, Columbus đến tu viện Santa María de las Cuevas, một pháo đài đức tin trên đảo La Cartuja, gần Seville. Theo truyền thuyết, hình ảnh Đức Mẹ Đồng Trinh đã xuất hiện trong một *cueva*, hay hang động, ở dưới tu viện vào thế kỷ 13.

Ngày 12 tháng 12, Ferdinand và Isabella ra lệnh giải phóng Columbus khỏi xiềng xích, cung cấp ngân sách, và mời ông đến triều đình, lúc đó nằm ở Granada.

Năm ngày sau, Christopher, Bartholomew, và Diego Columbus được các vị Quân chủ tiếp đón thân mật. Họ cho biết mình không ra lệnh giam cầm Đô đốc, mà trách nhiệm thuộc về Bobadilla, người đã

hành động vượt thẩm quyền của ông ta. Trong suốt cảnh tượng đầy cảm động đó, “Nữ hoàng cao quý là người xuất sắc trong việc an ủi ông ấy về điều này và khẳng định với ông ấy sự sẻ chia của mình, sự thật thì bà ấy luôn là người sủng ái và bảo vệ ông ấy hơn cả nhà vua”. Không lạ gì khi “Đô đốc đặt mọi hy vọng của mình vào bà ấy”.

Cảm xúc của Columbus, được kìm nén trong lồng ngực hàng tháng trời, bất chợt tuôn trào. Ông quỳ trước Nữ hoàng, khóc nức nở. Sau cùng, các vị Quân chủ ra lệnh cho ông đứng dậy, và bằng giọng nói ngắt quãng ông nói về “tình yêu sâu sắc và mong muốn phụng sự họ với tất cả lòng trung thành mà ông ấy luôn có”. Ông thề rằng mình chưa bao giờ làm bất cứ điều gì gây tổn hại đến họ, lặp lại một lá thư mà ông đã viết cho họ trong đó ông tuyên bố, “Thần xin thề... rằng thần tận tâm phụng sự các Bệ hạ còn hơn cả việc đi tìm thiên đường”.

Trong hành động xá tội lẫn nhau này, Columbus thừa nhận rằng ông đã cho phép cuộc điều tra của Bobadilla phơi bày ra những việc làm xấu xa, tiết lộ nỗi đau của việc bị xiềng xích và bị làm nhục công khai, bày tỏ tình yêu bất diệt và lòng trung thành của ông với các vị Quân chủ, biện hộ cho những sai sót và lạm dụng do nhiệt tình thái quá chứ không phải vì ác tâm, và cầu xin sự tha thứ, bằng cách đó sắp đặt bối cảnh cho khả năng về một hải hành thứ tư, điều khó có thể xảy ra sau những sai sót của ba chuyến trước. Danh dự của ông được bảo toàn cùng với tước hiệu, sự giàu có, vai trò trong Công cuộc Chinh phục Ấn Độ, và ông mong muốn lấy lại chúng trước khi quá muộn.

Ferdinand và Isabella xóa bỏ nhiệm vụ của Bobadilla và khôi phục các quyền và ưu tiên của Đô đốc, ít nhất trên giấy tờ, bằng cách buộc nhà điều tra trả lại những thứ mà ông ta đã tịch thu. “Chúng ta ra lệnh trả lại và hồi phục cho ông ấy tất cả đồ đạc cá nhân và gia đình của ông ấy, cùng những đồ dự trữ như bánh và rượu vang mà Người chỉ huy

Bobadilla đã lấy của ông ấy, hay giá trị của chúng mà chúng ta đã không nhận bất cứ phần nào trong đó” – một phần của Sắc lệnh Hoàng gia ngày 27 tháng 9 năm 1501. Nguyên tắc tương tự cũng áp dụng với các cục vàng của Hispaniola (đã bị Bobadilla tịch thu), cho tới gia súc, chi phí, và tiền lương. Người trung thành với Columbus, Alonso Sánchez de Carvajal, sẽ ở lại vị trí của mình. Những cuốn sách và ghi chép của ông sẽ được trả lại. Điều quan trọng hơn cả, phần của Đô đốc trong số của cải từ hòn đảo – một phần tám, và trong một số trường hợp là một phần mười – sẽ ở lại trong tay ông.

Ferdinand và Isabella đã phục hồi mọi thứ cho Columbus, nhưng chưa đủ để phù hợp với sở thích và sự phù phiếm của ông. Ông soạn cuốn *Book of Privileges* (Tạm dịch: Sách về những đặc quyền) mang tính cá nhân, trong đó ông liệt kê mọi tài sản, tước hiệu, quyền lực, phần thưởng, và những chức vụ mà ông tin là mình vẫn bị nợ, nhưng lời kêu ca của ông không được thừa nhận. Các vị Quân chủ ở trong tình thế khó khăn, hệ quả của tình trạng lộn xộn trên lãnh địa do Columbus khám phá. Để trung hòa mối đe dọa mà ông gây ra, Ferdinand và Isabella bèn giảm giá trị của ông.

Cuối cùng, vào ngày 3 tháng 9 năm 1501, họ tuyên bố rằng rốt cuộc ông sẽ không thể quay lại Hispaniola trong vinh quang. Để thay ông, họ chọn một người trẻ hơn, Nicolás de Ovando, làm thống đốc kế nhiệm kiêm chánh án. Việc chỉ định này có nghĩa là Columbus sẽ không tiếp tục cai trị lãnh địa mà ông đã khám phá ra. Để thỏa mãn tính phù phiếm nơi ông, họ cho phép ông giữ lại những tước hiệu rỗng tuếch như Đô đốc và Phó vương, và ông được phép giữ số tiền mà Bobadilla từng tịch thu. Một mặt, các vị Quân chủ vinh danh Columbus; mặt khác, họ đã đẩy ông ra ngoài cuộc chơi.

Ông bước vào một thời kỳ đen tối. Sức khỏe suy sụp, thị lực giảm sút, cơ thể bị chứng viêm khớp mãn tính hành hạ. Tâm trạng của ông

thay đổi giữa tham vọng to lớn, sự buồn chán, và những khoảng nghỉ rõ rệt – tất cả là vì ông đã mất kiểm soát đối với công cuộc dũng cảm mà ông đã bắt đầu, và gặt hái danh tiếng là một tên vô lại thay vì người hùng trong hình dung của ông.

Bất chấp tất cả, hải hành thứ ba đã mang lại những kết quả quan trọng. Một lần nữa Columbus thể hiện khả năng hàng hải vô đối, vượt Đại Tây Dương đầy hiệu quả đến mức chiến công, điều khó có thể tưởng tượng nổi trước hải hành thứ nhất, đã trở thành bình thường. Ông đã vượt qua một cơn sóng thần khủng khiếp. Và cuối cùng ông đã định vị được đất liền, tới được Venezuela, Orinoco, đảo Trinidad, và tìm ra một vùng có nhiều điểm nuôi ngọc trai quý giá.

Nhưng trên thực tế, Ferdinand và Isabella đã cho Đô đốc Đại dương về hưu. Có vẻ như những ngày đi biển của ông đã chấm dứt, và bờ biển tiếp theo mà ông đến sẽ là cái chết.

Công việc đã xong, Francisco de Bobadilla, kẻ báo ứng của Columbus, lên tàu về Tây Ban Nha, đi cùng một đoàn hộ tống gồm 30 tàu vào tháng 6 năm 1502. Trên boong tàu của ông ta là Francisco Roldán, kẻ nổi loạn trước kia, giờ đây quay về Tây Ban Nha; Guarionex, vị tộc trưởng hung dữ đã có lần thách thức Columbus, sẽ sớm trình diện trước các vị Quân chủ như một món đồ quý của Ấn Độ; và đồng minh kiên định của Đô đốc là thuyền trưởng Antonio de Torres. Trong khoang của mình, con tàu chở theo 200.000 castellanoⁱ vàng, tương đương 87.000.000 maravedí (hơn 10 triệu đô-la), và một cục vàng nghe nói là lớn nhất ở Ấn Độ, trị giá 3.600 peso.

Trong tất cả các tàu của đội tàu, con tàu nhỏ bé *Aguja* (“Mũi kim”) bị coi là yếu hơn cả, chở kho hàng cá nhân của Columbus từng bị Bobadilla tịch thu. Nó trị giá 4.000 peso.

i. Đơn vị đo lường cổ của Tây Ban Nha, chỉ được dùng để đo khối lượng của vàng.

Vào ngày khởi hành, điều kiện thời tiết rất kinh khủng: một cơn sóng cồn, *aceitoso y maloliente* (nhớt và hôi hám), tiến vào từ phía đông nam, nơi những cơn bão nhiệt đới thường hình thành. Một hệ thống áp suất thấp đã hút cạn bầu không khí của sự sống. Các đám mây ti trên cao nhuộm ánh lửa lúc hoàng hôn, còn mấy ngọn gió nhẹ trên mặt biển không giúp xua đi tâm trạng bất an được mấy. Bầy cá heo lướt trên mặt biển thêm vào cảm giác về sự lộn xộn đang lơ lửng.

Vào ngày 11 tháng 7, đội tàu khó nhọc đi qua kênh Mona, một con kênh chạy giữa Hispaniola và Puerto Rico. Với những bờ cát và dòng chảy mạnh trải rộng, đi qua con kênh ấy thật khó khăn kể cả lúc thời tiết tốt. Giữa lúc ấy, gió từ phía đông bắc đã thu thập sức mạnh cho đến khi nó biến thành cơn bão, làm đội tàu tan tác trong con kênh. Không ai trên mấy con tàu bất hạnh này có thể làm gì ngoài việc phó mặc mình cho thiên nhiên và cầu nguyện. Đám cây mong manh và mấy ngôi nhà lợp lá của Santo Domingo nhỏ bé bị thổi tan tác. Cơn cuồng phong đẩy các con tàu tấp vào bờ, khiến chúng vỡ nát. Vài con tàu ít ỏi bị phá hủy cuối cùng cũng lết về được Santo Domingo, rồi bị chìm ở cảng nơi đây. 20 tàu khác chìm ngoài biển, đem theo tất cả xuống đáy. Hơn 500 người định cư và tộc trưởng, tội phạm và quý tộc, người Tây Ban Nha và người Anh-điêng, đều bị chết đuối.

Torres thuyền trưởng, Guarionex người Anh-điêng, Roldán kẻ nổi loạn, và Bobadilla người điều tra pháp lý, tất cả đều chìm cùng với con tàu chở nặng vàng của họ.

Trong toàn bộ đội tàu, chỉ mỗi tàu *Aguja* mong manh chở kho báu của Columbus là còn sống sót qua cơn cuồng phong, một dấu hiệu của sự sủng ái thiêng liêng nếu từng có một sự sủng ái như vậy. Kẻ thù của Columbus tin rằng ông đã gọi bão đến để trừng phạt địch thủ của mình.

PHẦN 4



HỒI PHỤC

CHƯƠNG 11

EL ALTO VIAJEⁱ

Sau này, người con trai Ferdinand của Columbus, có mẹ là Beatriz de Arana mà Đô đốc không bao giờ cưới, đã đạt đến sự giàu có và nổi tiếng ở Tây Ban Nha. Qua thời gian, anh ta thể hiện sự kiên nhẫn và một tính cách ổn định – hai đặc tính mà người cha điệu bộ của anh ta không được biết đến – giành được sự thừa nhận như một học giả và nhà sưu tầm sách. Với phần gia tài tương đối, chắc hẳn là những đồng tiền xương máu, được thừa kế từ cha, anh ta có một thư viện gồm 15.000 đầu sách, một số lượng kinh khủng theo tiêu chuẩn thời đó. Trong con người của Columbus luôn có phần một sách, ông đã dành hàng năm trời hấp thụ những kiến thức huyền bí; người em trai Bartholomew cũng chia sẻ niềm đam mê này, làm việc với sách và bản đồ trước khi được người anh chỉ định làm *Adelantado*. Trong 30 năm cuối đời, từ năm 1509 đến 1539, thư viện nổi tiếng của Ferdinand Columbus đã thu hút các học giả từ khắp Tây Ban Nha và Lục địaⁱⁱ, trong đó có Desiderius Erasmusⁱⁱⁱ, nhà nhân văn học và linh mục Ki-tô giáo người Hà Lan.

i. Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh được dịch là “The High Hope” nói về chuyến hải hành cuối cùng của Columbus.

ii. Nguyên văn: “The Continent”, cách gọi khác của châu Âu. (BT)

iii. ((?))1466-1536), tên đầy đủ là Desiderius Erasmus Roterodamus, còn gọi là Erasmus thành Rotterdam.

Ferdinand say mê bộ sưu tập sách của mình. Mỗi cuốn được chọn lựa kỹ lưỡng chứa những lời chú thích cá nhân và giá tiền của nó. Có lẽ quyết định cấp tiền nhất mà anh ta đưa ra với tư cách một nhà sưu tập là sự ưa thích đối với công nghệ mới dành cho sách in chứ không phải những cuốn sách viết tay được minh họa tuyệt vời. Anh ta có hơn 1.000 cuốn vô giá thuộc thời kỳ phôi thai (trong tiếng La-tinh là “thời kỳ tã lót”): những cuốn sách từ các năm đầu hình thành của ngành in ấn, thời kỳ trước năm 1501. Thư viện của anh ta cũng có những cuốn sách và báo thuộc về sở hữu của chính Đô đốc, kèm các chú thích bên lề, một bộ lưu trữ đầy đủ về vũ trụ tri thức của Columbus. Trước khi mất, Ferdinand ghi vào mỗi cuốn sách một tuyên bố ấn tượng rằng Don Fernando Columbus, con trai của Don Cristobál Columbus, vị Đô đốc đã phát hiện ra Ấn Độ, để lại cuốn sách này để sử dụng và vì lợi ích của tất cả cộng đồng. Ngày nay, một phần của thư viện, theo kiểm kê có 7.000 cuốn, vẫn còn vẹn nguyên dưới cái tên Biblioteca Colombina, được bảo quản tại nhà thờ Seville.

Nhiều năm trước đó, khi còn là một cậu bé 13 tuổi, Ferdinand chăm học đã có một chuyến hành trình để đời, ra khơi cùng với vị Đô đốc cha mình, và một tập hợp lộn xộn những tên trộm, quý ông, người say mê đầy tham vọng, kẻ giết người, kẻ nổi loạn, thủy thủ khỏe mạnh, linh mục, và hoa tiêu. Họ khám phá vùng biển Caribbean, Trung Mỹ, và đảo Jamaica, nơi cả một năm trời họ sống trong sự cách biệt, giống như Robinson Crusoe trên một bãi biển hoang vắng.

Đó là một chuyến đi mà không ai nghĩ là Columbus sẽ thực hiện – trừ chính Đô đốc – và biến thành chuyến đi hoang dã nhất, thiếu thận trọng nhất, và khắc nghiệt nhất trong tất cả các chuyến đi. Nó vừa là đỉnh cao, vừa là sự xóa bỏ mọi thứ mà ông đã cố gắng hoàn thành trên danh nghĩa của Ferdinand và Isabella trong 12 năm trước đó. Đáp lại lời mời gọi mình của một đế chế rõ ràng là vô tận, Đô đốc cảm thấy

buộc phải quay lại, như thể bị tiếng trống *mayohuacán* và *maguey* triệu tập tới những bến bờ xa xôi. Không một địa điểm nào trên bản đồ, dù có thực hay tưởng tượng, lại có thể làm được điều đó, kể cả thuộc địa của Marco Polo. *Otro mundo* – “thế giới khác” – hầu như ám chỉ sự chói lọi trộn lẫn kinh hoàng của thứ mà ông đã tìm ra. Một sự lưu đày và hành hương vĩnh viễn, ông không còn thuộc về Ý, Bồ Đào Nha, hay kể cả Tây Ban Nha. Ông thuộc về Hispaniola, dù rằng ông đã bị người thay thế là Nicolás de Ovando xua đuổi khỏi lãnh địa đó.

Nhưng đó là một sai lầm tạm thời, theo cách nghĩ của Columbus, và ông cương quyết đưa mọi thứ về đúng trật tự.

Giờ đã 51 tuổi, Columbus trở thành một ông già, gần như mù lòa, bị hành hạ bởi bệnh thấp khớp kinh niên và những cơn đau của “nọc độc đâm lầy”, hay bệnh sốt rét. Ông nóng tính và tinh thần căng thẳng hơn trước. Ông đã quay về với tu viện Santa María de las Cuevas trên đảo Carthusia, nơi ông sống một cuộc đời ẩn sĩ khổ hạnh trong một căn phòng riêng biệt.

Ở tu viện trên đảo Carthusia, nhà ẩn dật ăn trong phòng của mình, mỗi ngày hai bữa, hay vào thời kỳ nhịn ănⁱ chỉ một bữa mỗi ngày. Đồ ăn và vật dụng cần thiết khác được đưa cho người bên trong phòng qua một lỗ nhỏ, nên ông không cần phải gặp hay thậm chí nhìn thấy người đã mang đến các thứ đó. Nếu ông cần thứ khác – ví dụ bánh mì – ông có thể yêu cầu bằng cách viết ra giấy. Ông không được phép nói, kể cả vào những ngày lễ.

Với sự hợp tác của một thầy tu ở tu viện Carthusia tên là Gaspar Gorricio, Columbus biên soạn một tác phẩm được biết đến dưới tiêu

i. Nguyên văn: “days of fasting”, được thực hành như một nghi thức tôn giáo, như mùa Chay của Ki-tô giáo, Ramadan của Islam Giáo, Yom Kippur của Do Thái giáo, hay Uposatha của Phật giáo. (BT)

đề *Libro de las profecías*, hay *Book of Prophecies* (Tạm dịch: Sách tiên tri), một diễn giải riêng biệt về những văn bản Kinh thánh, những lời nhận xét và quan sát lượm lặt từ các tác giả cổ đại, bằng cả tiếng Latinh lẫn tiếng Tây Ban Nha. Khó để biết được bao nhiêu phần trong đó do chính Columbus biên soạn – nó được viết ra trước hết bởi bàn tay của thầy tu, với những phần được Ferdinand con trai ông bổ sung – nhưng kết quả là để phản ánh cái nhìn tâm linh của Columbus về công việc và số phận của cuộc đời ông. Theo lời nhà thám hiểm, nó tập hợp những “nguồn dẫn, lời tuyên bố, ý kiến, và lời tiên tri về sự hồi sinh của Thành phố Thiên của Chúa và ngọn núi Zion, và về việc khám phá và sự truyền bá Phúc Âm đến những hòn đảo của Ấn Độ và của mọi chủng tộc và dân tộc khác”, đối với Columbus tất cả đều đóng vai trò dẫn dắt, và là mệnh lệnh thiêng liêng. Trong đó, ông hiện ra không phải như một nhà thám hiểm bị ám ảnh bởi vàng, ngọc trai, và có các biểu hiện khác của lòng tham, cũng không phải là người với các tước hiệu và sở hữu những phần chia lợi nhuận từ sức lao động tận tụy của người Anh-điêng, mà là một người phụng sự Chúa tận tâm. “Chúa đã khai sáng trí óc tôi với sự thật rằng có thể đi biển từ đây đến Ấn Độ”, ông hồi tưởng, “và Người mở ra cho tôi lòng mong muốn hoàn thành công việc đó”.

Columbus mô tả bản thân như một người bị những đối thủ hàng hải, viên chức quan liêu, giới khoa học, học giả khinh thường và nhạo báng vì tầm nhìn của ông. Chỉ các vị Quân chủ với vinh quang bất diệt mới chú ý tới lời cầu khẩn của ông. Cũng cố thông điệp của mình bằng những trích dẫn từ Kinh thánh, ông ấp ủ ý tưởng rằng đã đến lúc phát động một cuộc Thập tự chinh mới để chiếm lại Nhà thờ Thánh mộⁱ và khởi xướng việc cải đạo sang Ki-tô giáo trên toàn thế giới. “Tôi tin là có bằng chứng rằng Chúa đang thúc đẩy mọi việc”, ông tuyên bố. Theo

i. Nguyên gốc: “Holy Sepulchre”.

những tính toán của ông, sẽ chỉ còn lại 150 năm cho đến khi thế giới suy tàn.

Cuốn *Book of Prophecies* phản ánh tình thế của Columbus ở thời điểm đó, phục vụ như một *apologia pro vita sua* (lời biện hộ cho cuộc đời của chính mình), tuyên bố với những người chỉ trích ông ở triều đình và với hậu thế rằng mọi điều mà ông làm, mọi bạo lực, mọi sinh mạng mất đi, đều được thực hiện vì một kế hoạch cao cả hơn. Thậm chí trong cách tư duy khổ hạnh nhất của ông, ông vẫn tìm cách đạt được sự vĩ đại. Khi đã sẵn sàng, ông mong mỗi một công cuộc mà có thể ông không còn sống để hoàn thành: một hải hành thứ tư.

Được gợi cảm hứng từ chuyến đi của Marco Polo đến châu Á cùng cha và chú, Columbus quyết định mang theo cậu con trai Ferdinand trong hải hành thứ tư đến Tân Thế giới. Polo khoảng 17 tuổi khi ông ta bắt đầu chuyến đi của mình, còn Ferdinand Columbus khi đó đã 13, chỉ kém vài tuổi. Khi đi với gia đình mình, cả Ferdinand lẫn Polo đều thu được một trải nghiệm để đời và đảm bảo những di sản của gia tộc.

Ở tuổi trưởng thành, Ferdinand nhận thấy là ở độ tuổi của một thanh niên, mình đã thật may mắn vì đã được tham gia vào một trong những sự kiện vĩ đại nhất trong thời đại của mình, đó là việc khám phá ra một thế giới mới. Nhưng anh ta không chỉ đơn thuần là một nhà truyền giáo. Với tư cách là một học giả và một sử gia không chuyên, anh ta mô tả cha mình như một con người cương quyết tạo nên và viết lại lịch sử. Nhìn chung, anh ta tránh việc đánh giá cha mình, và khéo léo kiểm soát sự thái quá của ông ấy. Khi các sự việc không như mong muốn, hết lần này đến lần khác trong suốt hành trình ấy, Ferdinand chuyển sang đổ lỗi cho đám người Tây Ban Nha bất hảo trên con tàu chứ không thừa nhận những sai lầm của cha mình. Mặc dù

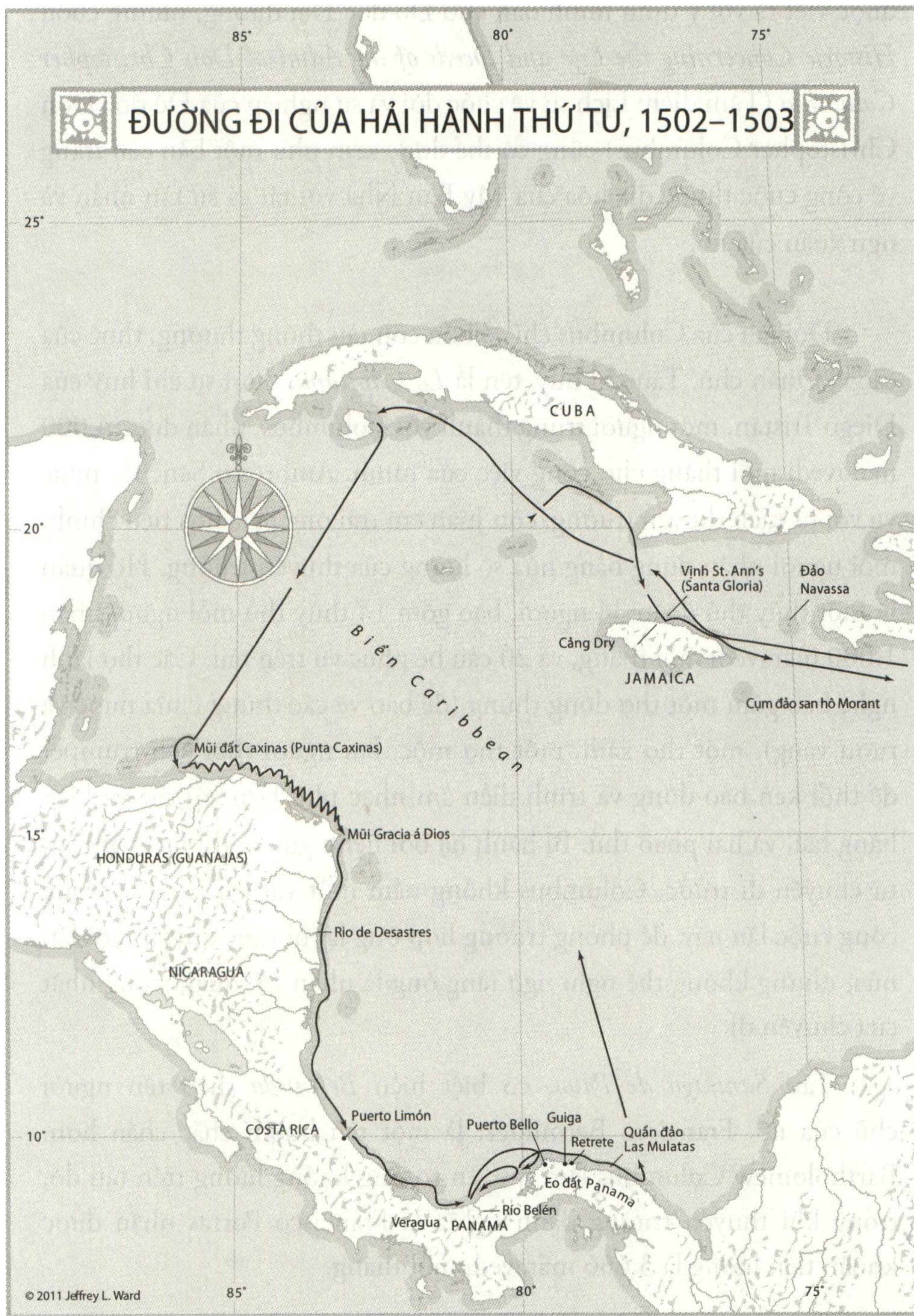
được viết ra với ý định minh oan cho Đô đốc Đại dương, nhưng cuốn *Historie Concerning the Life and Deeds of the Admiral Don Christopher Columbus* (Tạm dịch: Lịch sử về cuộc đời và sự nghiệp của Đô đốc Don Christopher Columbus) cũng có thể được xem như một bản cáo trạng về công cuộc thuộc địa hóa của Tây Ban Nha với tất cả sự tàn nhẫn và ngu xuẩn của nó.

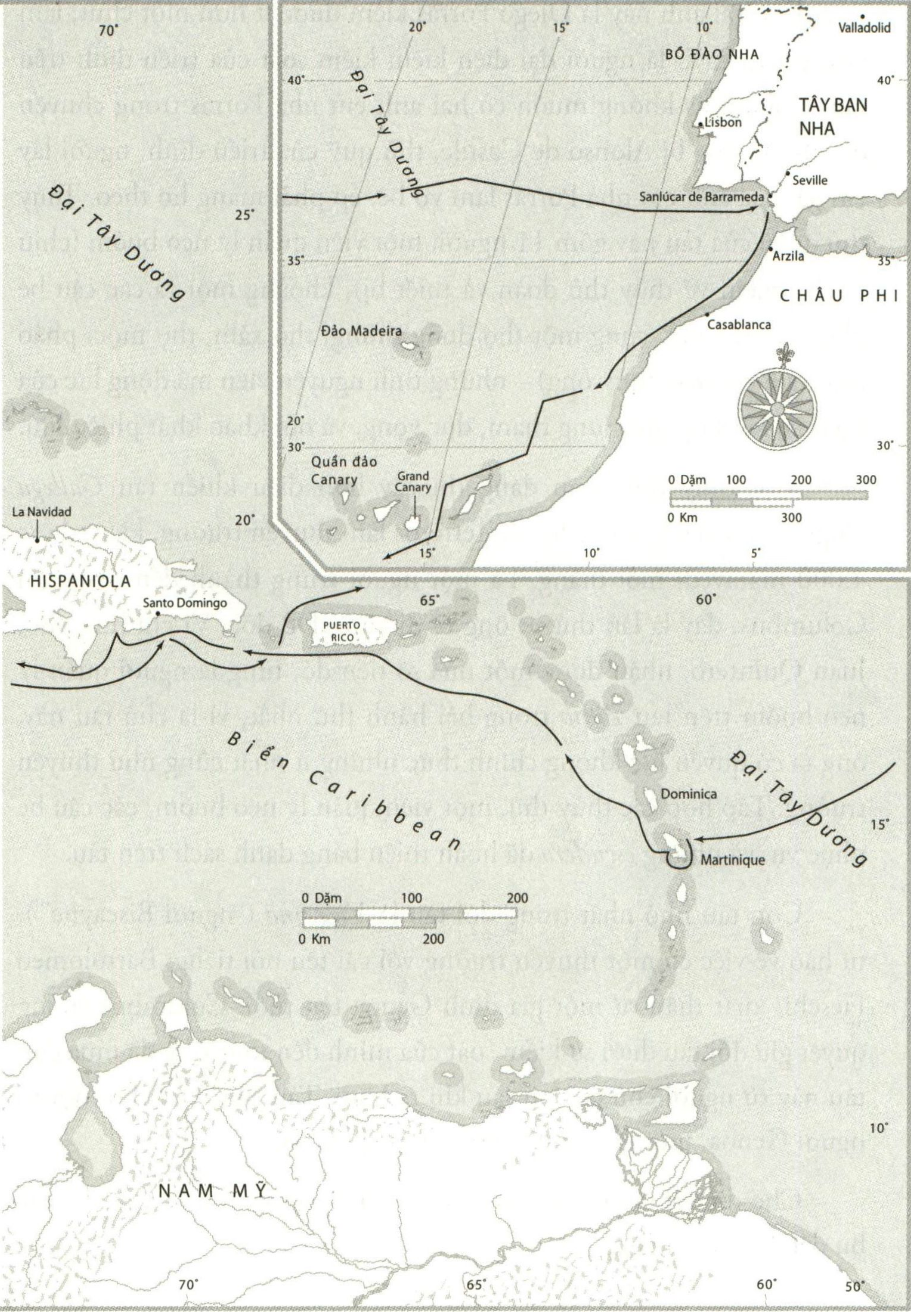
Đội tàu của Columbus chỉ có bốn con tàu thông thường, thuê của các vị Quân chủ. Tàu chỉ huy, tên là *La Capitana*, dưới sự chỉ huy của Diego Tristán, một người trung thành với Columbus, nhận được 4.000 maravedí mỗi tháng cho công việc của mình. Ambrosio Sánchez phục vụ với tư cách thuyền trưởng, còn Juan em trai ông ta là hoa tiêu chính, mỗi người nhận đúng bằng nửa số lương của thuyền trưởng. Họ quản lý một thủy thủ đoàn 34 người, bao gồm 14 thủy thủ mỗi người nhận 1.000 maravedí mỗi tháng, và 20 cậu bé phục vụ trên tàu. Các thợ lành nghề bao gồm một thợ đóng thùng (để bảo vệ các thùng chứa nước và rượu vang), một thợ xảm, một thợ mộc, hai người thổi kèn trumpet để thổi kèn báo động và trình diễn âm nhạc phù hợp với các sự kiện hàng hải, và hai pháo thủ. Bị hành hạ bởi bệnh gút và thị lực giảm sút từ chuyến đi trước, Columbus không nắm một vai trò rõ ràng trong công cuộc lần này, để phòng trường hợp ông lại bị tước quyền một lần nữa, nhưng không thể nghi ngờ rằng ông là nhân vật quan trọng nhất của chuyến đi.

Tàu *Santiago de Palos*, có biệt hiệu *Bermuda* theo tên người chủ của nó, Francisco Bermúdez, là một tàu buồm chắc chắn hơn. Bartholomew Columbus làm thuyền trưởng không lương trên tàu đó, trong khi thuyền trưởng danh nghĩa là Francisco Porras nhận được khoản tiền lương là 3.666 maravedí mỗi tháng.



ĐƯỜNG ĐI CỦA HẢI HÀNH THỨ TƯ, 1502-1503





Em trai anh này là Diego Porras kiếm được ít hơn một chút, làm việc với tư cách là người đại diện kiêm kiểm soát của triều đình trên tàu. Columbus không muốn có hai anh em nhà Porras trong chuyến đi, nhưng ông bị Alonso de Castile, thủ quỹ của triều đình, người lấy em gái của anh em nhà Porras làm vợ bé, ép phải mang họ theo. Thủy thủ đoàn của tàu này gồm 11 người, một viên quản lý neo buồm (chịu trách nhiệm về thủy thủ đoàn và thiết bị), khoảng một tá các cậu bé phục vụ trên tàu, cùng một thợ đóng thùng, thợ xảm, thợ mộc, pháo thủ, và 6 *escudero* (quý ông) – những tình nguyện viên mà động lực của họ là sự kết hợp giữa lòng tham, dục vọng, và nỗi khao khát phiêu lưu.

Một thủy thủ đoàn đáng tin cậy hơn điều khiển tàu *Gallega* (“người Galicia”), với Pedro de Terreros làm thuyền trưởng, kiếm được 4.000 maravedí mỗi tháng. Là một người trung thành đến cùng với Columbus, đây là lần thứ tư ông ta đi cùng Đô đốc. Vị chỉ huy phó, Juan Quintero, nhận được một nửa số tiền đó, từng là người quản lý neo buồm trên tàu *Pinta* trong hải hành thứ nhất, vì là chủ tàu này, ông ta có quyền lực không chính thức nhưng ít nhất cũng như thuyền trưởng. Tập hợp các thủy thủ, một viên quản lý neo buồm, các cậu bé phục vụ, và những *escudero* đã hoàn thiện bảng danh sách trên tàu.

Con tàu nhỏ nhất trong đội tàu là *Vizcaína* (“người Biscayne”ⁱ), tự hào về việc có một thuyền trưởng với cái tên nổi tiếng: Bartolomeo Fieschi, xuất thân từ một gia đình Genoa tên tuổi. Columbus cương quyết giữ đội tàu dưới sự kiểm soát của mình đến mức ông đã mua con tàu này từ người chủ của nó sau khi ra khơi. Tàu *Vizcaína* chở một số người Genoa, một giáo sĩ, và một cậu bé phục vụ.

Cho dù đội tàu nhỏ có thiếu quy mô và vị thế, nhưng nó lại được bù đắp bởi tham vọng.

i. Trước thế kỷ 19, “vizcaíno” là từ được dùng để chỉ những người bản địa xứ Basque, còn gọi là người Biscayne và nói tiếng Basque. (BT)

“Ngày 9 tháng 5 năm 1502”, Ferdinand viết, “chúng tôi giương buồm từ bến cảng Cádiz và hướng đến Santa Catalina”, một pháo đài nơi cửa cảng, “và từ đó chúng tôi lại lên đường vào thứ Tư, ngày 11 cùng tháng, hướng đến Arzila”, một thành phố từng được biết đến với cái tên Asylum, nằm trên bờ Đại Tây Dương về phía bắc Morocco, được phân biệt qua những bức tường trắng lóa vươn lên trên biển. Vào năm 1471, người Bồ Đào Nha đã chiếm lại thành phố này từ sự kiểm soát của người Ả-rập.

Được Vua Ferdinand khích lệ, Columbus nỗ lực cải thiện lại mối quan hệ đã bị rạn nứt của ông trước những mối quan tâm của Bồ Đào Nha bằng cách đề nghị hỗ trợ thành phố này trong cuộc chiến của nó chống lại kẻ thù, nhưng lúc ông đến đó, “người Moor đã ngừng bao vây”, con trai ông viết lại, người mà cảm thấy cảnh chào đón hết nền văn minh này đến nền văn minh khác có một vẻ rõ ràng đầy hư ảo. “Đô đốc cử em trai mình là *Adelantado* Don Bartholomew Columbus và tôi lên bờ cùng với các thuyền trưởng, để gặp người chỉ huy của Arzila, đã bị người Moor gây thương tích trong trận tấn công. Ông ta gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Đô đốc vì sự lịch sự này cũng như lời đề nghị giúp đỡ, cử một số nhà quý tộc của ông ta lên tàu; một số trong đó hóa ra là anh em họ của Doña Felipa Moñiz, vợ cũ của ông ấy ở Bồ Đào Nha” và là mẹ của Diego, em trai cùng cha khác mẹ với Ferdinand.

Sau khi đáp lại sự tôn trọng của họ, đội tàu ghé vào đảo Grand Canary ngày 20 tháng 5, và trong bốn ngày tiếp theo bắt đầu lấy “nước và củi cho chuyến đi”, theo thói quen của Columbus. “Đêm hôm sau chúng tôi khởi hành đi Ấn Độ”, Ferdinand nói. Mặc dù đau ốm, nhưng Columbus đã thực hiện một kỳ công hàng hải trong chuyến vượt đại dương này khi bắt được những ngọn gió mậu dịch, hay gió đông. Đến sáng 15 tháng 6, “với biển khá động và gió”, họ đến Martinique ở khu vực Caribbean về phía bắc của Trinidad, vượt qua Đại Tây Dương chỉ

trong 20 ngày, khoảng thời gian mà thậm chí một thủy thủ thời nay cũng khó lòng sánh được. Nếu cần có bằng chứng về việc Columbus chưa hề đánh mất kỹ năng đi biển và con mắt nhìn thời tiết của ông, thì kỳ công này hiển nhiên đã cung cấp điều đó.

Với tất cả các kỹ năng của mình, Columbus cũng không thể trông đợi ông sẽ đến chính xác cái điểm nhỏ bé đó, khoảng hơn 400 dặm vuông gồm cát và cây bụi ở $14^{\circ}40'0''$ vĩ bắc, $61^{\circ}0'0''$ kinh tây. Như những chuyến vượt đại dương trước đây của ông đã cho thấy, việc từ quần đảo Canary đi về phía tây, với sức đẩy từ những ngọn gió đông ở phía trên và dòng hải lưu Gulf Stream ở bên dưới, ông sẽ đến được một nơi nào đó ở châu Mỹ. Nhưng việc định vị một cảng hay đảo cụ thể là điều khó lòng thực hiện. Ngoại trừ bão tố, trên biển hầu như không có gì sẽ xảy ra mà làm ảnh hưởng tới đường đi của con tàu, nhưng sự tiến lại gần bờ biển lại là một câu chuyện khác, có thể trúng hay trật. Vậy nên ông đã khám phá ra hòn đảo nhỏ xíu một cách tình cờ.

Khi đến nơi, mọi người lo làm các việc lật vật, lấy nước và củi, giặt giũ quần áo hôi hám của mình. Vào thứ Bảy, họ đi 10 hải lý về phía đảo Dominica. “Khi tôi đến được đó, thời tiết tốt như tôi đã từng mong muốn”, Đô đốc ghi lại sau vài tháng với nhiều thảm họa, “nhưng một cơn bão lớn đã xảy ra vào đêm tôi đến, và tôi bị thời tiết xấu săn đuổi kể từ đó”. Đối với một thủy thủ mới vào nghề như Las Casas, nỗi khổ sở của việc bị quăng lên quật xuống giữa đại dương mênh mông thậm chí còn lớn hơn, và đó là tất cả những gì mà ông và những người đồng hành trên tàu có thể làm để chịu đựng chuyến đi vượt đại dương đầy nhọc nhằn. “Thủy thủ đoàn kiệt sức, bàng hoàng, ốm yếu và khổ sở đến mức họ thà chết còn hơn sống mà phải chứng kiến sự hành hạ tàn nhẫn của việc bốn cơn bão kết hợp lại”, ông kêu ca, sau khi đã nếm mùi cực nhọc và khổ sở mà Columbus và các thành viên thủy thủ đoàn lão luyện phải chịu đựng ngoài biển hàng năm trời.

Vượt qua các cơn bão, Columbus đến được Puerto Rico và cuối cùng là Santo Domingo ở Hispaniola. Bị tước mất vị thế, ông hoàn toàn không nên có mặt ở đây sau khi đã bị thay thế bằng Nicolás de Ovando, tân thống đốc và chuyên đi gièm pha về Columbus. Như Ferdinand giải thích cặn kẽ, Columbus cần khẩn trương tận dụng bến cảng an toàn của Santo Domingo “để đổi một trong các tàu của ông ấy lấy tàu khác vì nó đã ọp ẹp và chậm chạp; không chỉ chậm, nó còn không thể giương buồm mà không làm cho một bên tàu nghiêng sát tới mặt nước”. Nếu không phải vì cần thay thế con tàu, Ferdinand nói, Columbus sẽ lên đường để “thăm dò bờ biển của Paria và đi xuống phía dưới cho đến khi ông ấy đến con kênh” và cuối cùng là tiếp tục con đường của ông đến Ấn Độ. (Việc khám phá ra lạch nước nằm cách đó vài ngàn dặm về phía đông theo lời đồn đại sẽ phải chờ thêm 18 năm nữa, đến tận năm 1520, khi Ferdinand Magellan, một người Bồ Đào Nha đi biển cho Tây Ban Nha, người chống lại đám nổi loạn và các đối thủ theo cách mà Columbus có thể đã nhận ra, cuối cùng đến được đó.)

Thay vì thế, Ferdinand nói, Columbus trực tiếp đối đầu với Nicolás de Ovando, “Hiệp sĩ đã được phong tước xứ Lares, là thống đốc của hòn đảo, người được các vị Quân chủ Công giáo cử đến để điều hành một cuộc thẩm tra về sự quản lý của Bobadilla”, giống như Bobadilla đã được cử tới để điều tra về Columbus.

Nicolás de Ovando, trẻ hơn Columbus 10 tuổi, là một người con của xứ Extremadura. Tiếp giáp với Bồ Đào Nha, tỉnh này như một cái nôi của những người con Tây Ban Nha đi chinh phục châu Mỹ – Vasco Núñez de Balboa, Hernán Cortés, Francisco Pizarro, Gonzalo Pizarro, Juan Pizarro, Hernando Pizarro, và Hernando de Soto – những chiến binh của số phận, nhà thám hiểm, nhà chinh phục, và là những người có tầm nhìn nhưng nhỏ nhen, nối tiếp Columbus. Tất cả đều mang trong mình đặc tính của vùng đất đó với niềm yêu thích rừng rợn dành cho các chuyến phiêu lưu và sự bóc lột.

Với thế mạnh là những mối quan hệ chính trị của cha mình, Ovando tham gia Dòng Alcántara, nguyện chống lại những kẻ vô đạo và tuân thủ những lời thề nghiêm ngặt của dòng tu. Vượt lên bằng khả năng nổi trội và lòng trung thành, anh ta giành được sự chỉ định của các vị Quân chủ để nối tiếp Columbus và cải cách mới bong bong hành chính do Francisco de Bobadilla để lại. Với tư cách thống đốc, Ovando chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ dọn dẹp: chuyển quyền lực chính quyền từ Columbus sang triều đình Tây Ban Nha, thiết lập nhà thờ, thúc đẩy phát triển kinh tế, mở rộng sự thống trị của Tây Ban Nha ra toàn bộ người lao động và các thị trấn, cải người Anh-điêng sang Ki-tô giáo, trên thực tế nghĩa là dạy họ sống như người Tây Ban Nha ở Hispaniola. Mặc dù những nhiệm vụ của anh ta là rõ ràng, nhưng cách để thực hiện chúng thì hoàn toàn không. Nhiều thực dân, sau khi được Columbus mang đến Hispaniola, vẫn trung thành với Đô đốc Đại dương, trong khi những người khác thì phát triển mối quan hệ với mấy bà vợ và hầu gái người Anh-điêng. Khí hậu ngọt ngào, dịch bệnh tràn lan, và bối cảnh xa lạ đã thách thức Ovando. Di sản của anh ta trong việc khiến Hispaniola trở nên Tây Ban Nha hơn cả chính Tây Ban Nha bao gồm việc xây dựng những tòa nhà công cộng bằng đá, cũng như một cung điện bằng đá sang trọng cho mình. Giống như Columbus và Bobadilla trước mình, anh ta cũng rơi vào ảo tưởng rằng anh ta sẽ thống trị hòn đảo và mọi cư dân của nó vào cái giây phút anh ta đặt chân lên đó, cho nên anh ta cấm ngặt Đô đốc Đại dương.

Đô đốc ủ rũ tóm tắt tình hình của mình: “Tôi được lệnh từ Tây Ban Nha là không chạm vào hay lên đất liền ở đó”. Nhưng ông đã lên đất liền ở Santo Domingo. Đó là thứ Tư, ngày 29 tháng 6.

Columbus cử một trong các thuyền trưởng của mình là Pedro de Terreros đến gặp Ovando, Hiệp sĩ đã được phong tước, để chuyển tới ông sự kính trọng của Đô đốc và để giải thích rằng một trong các tàu của Đô đốc cần được thay thế, nếu không thì tính mạng sẽ bị đe dọa. Tình huống

trở nên khẩn cấp hơn khi ông cảnh báo về một “cơn bão mạnh” đang đi vào khu vực, và vì lý do này chứ không phải lý do khác nên “ông muốn tránh bão ở cảng”. Vào thời điểm đó, ở cảng người ta đang chứng kiến những sự chuẩn bị cuối cùng cho đội tàu của Bobadilla đi về Tây Ban Nha. Columbus đã biết một trong các con tàu đó, *Aguja* mong manh, chở kho báu cá nhân của ông. Nên ông sử dụng cơn bão vừa như một lý do để quay lại Santo Domingo, vừa để xem xét tài sản cá nhân của mình và đưa ra lời cảnh báo cần thiết. Dựa trên kinh nghiệm của mình về đánh giá thời tiết, ông khuyên Ovando “không cho phép đội tàu về quê nhà được ra khơi trong vòng tám ngày nữa bởi mối nguy hiểm rất lớn”.

Ovando cứng đầu cự lại lời cảnh báo thận trọng, và có chút tư lợi cá nhân, của Columbus. Anh ta “không cho phép Đô đốc vào cảng”, Ferdinand nói, “hơn thế anh ta còn cử đội tàu trở về quê nhà Castile”, cho dù danh sách có bao gồm các nhân vật quan trọng như Francisco de Bobadilla và Francisco Roldán đi nữa, “và đủ cả những kẻ nổi loạn khác mà đã làm Đô đốc vô cùng bị tổn thương”. Nếu Ovando và những người khác chú ý đến lời cảnh báo của Columbus, sự việc có lẽ đã diễn ra rất khác. Đội tàu lẽ ra chỉ đến Tây Ban Nha chậm hơn vài ngày so với dự định. Thay vào đó, một tai họa đã xảy ra.

Phớt lờ Columbus, Ovando ra lệnh cho đội tàu rời đi, bất chấp cảnh báo về cơn bão. Ferdinand ghi lại rằng khi những con tàu “đến đầu phía đông của Hispaniola, cơn bão tấn công họ với sự cuồng nộ đến mức tàu chỉ huy chở Bobadilla và phần lớn đám nổi loạn đã bị chìm”.

Columbus nhớ lại tai họa với cường độ và sự vang vọng như trong Kinh thánh: “Cơn bão thật là khủng khiếp, và đêm đó đội tàu của tôi đã bị vỡ. Tất cả đều mất hy vọng và gần như tin rằng số còn lại sẽ bị chết đuối. Có con người bất tử nào, kể cả chính Jobⁱ, lại không chết vì

i. Là một nhân vật trong “Sách Job” – *The Book of Job*, một trong những sách của Kinh Cựu Ước của Ki-tô giáo. “Sách Job” mô tả việc Job bị Chúa tước hết của cải và cả con cái, dù không mang tội gì. Trong đó có những câu nói của Job nhắc đến hình tượng “con người bất tử” – “the mortal (man)”. (BT)

tuyệt vọng? Thậm chí vì sự an toàn của bản thân, của con trai, em trai và bạn bè tôi, trong thời tiết như vậy tôi vẫn bị cấm lên đất liền hay vào những bến cảng mà tôi đã chiếm được cho Tây Ban Nha bằng máu và mồ hôi của chính mình”. Trong lúc đó, “phần boong của tàu *Gallega* bị hư hại và tất cả các tàu đều bị mất phần lớn đồ dự trữ”. Bất kể những mối nguy hiểm này, ông kinh ngạc nhận xét, “con tàu mà tôi đang sử dụng, dù bị bão quần cho tơi tả, đã được Chúa của chúng ta cứu vớt và hoàn toàn không thiệt hại gì”. Vào những lúc như thế này, Columbus cảm thấy ông là người được Chúa lựa chọn, song việc ông được bảo vệ hoàn toàn không bí hiểm: ông đã thông minh thả neo ở nơi khuất gió bên bờ biển. Kể cả khi thủy thủ đoàn của đội tàu thoát khỏi cơn bão, họ vẫn cảm nhận được những cơn sóng “sâu khổ và tủi nhục” trước việc bị Ovando hống hách khinh rẻ. Và nếu như một tai họa khác xuất hiện nơi chân trời, “họ cũng không thể trông chờ sự trợ giúp từ trên bờ”. Không có tư cách công dân và không được trông đợi, tất cả họ đều trên con đường trở thành những kẻ ngoài vòng pháp luật và cướp biển.

“Bằng kỹ năng và sự đánh giá đúng đắn ông ấy đã giữ được đội tàu bên nhau cho đến hôm sau”, Ferdinand tiếp tục, “khi cơn bão trở nên mạnh hơn và đêm trở nên đen kịt, ba con tàu bị bứt ra khỏi neo, mỗi chiếc đi một hướng; và mặc dù tất cả đều gặp mỗi nguy hiểm như nhau, mỗi chiếc lại nghĩ rằng mấy chiếc kia đã chìm... Tàu buồm *Bermuda* vẫn đối mặt với mỗi nguy hiểm lớn hơn, nó đã trôi ra biển, nước tràn lên boong – từ đó có thể dễ dàng hiểu vì sao Đô đốc muốn đổi nó lấy một chiếc khác”. Tất cả đều cho rằng nếu không có Bartholomew thì con tàu đã bị mất rồi.

Hôm sau, mấy con tàu sống sót trong đội tàu của Columbus hội ngộ ở cảng Azua. “Khi mỗi thuyền trưởng kể lại rủi ro của mình, thì hóa ra là *Adelantado*, người thủy thủ lão luyện, đã thắng cơn bão lớn bằng cách đi ra biển, trong khi Đô đốc cứu tàu mình bằng cách nằm ở gần bờ, như một nhà chiêm tinh hiền triết đã nhìn thấy trước khi

nào thì mỗi nguy sẽ đến.” Tin rằng ông đã ra lệnh cho các hành tinh, thời tiết, và cả thiên nhiên, những kẻ thù của Columbus “buộc tội rằng bằng ma thuật của mình ông ấy đã làm cơn bão đó nổi lên để trả thù Bobadilla và những kẻ thù khác của ông ta”. Trên thực tế, ông đã dựa vào trực giác của mình để sống sót và dựa vào các trải nghiệm hàng hải khó khăn mới có được để cảnh báo về cơn bão.

Khi cơn bão đi qua, những người đàn ông đã hoàn toàn kiệt sức lúc này đi câu cá, “một trong vài thú vui biển cả mang lại trong thời gian rảnh rỗi như thế”. Sự hiện diện của quang cảnh thiên nhiên tráng lệ nâng đỡ họ khỏi những đau khổ, cũng như sự xuất hiện bất ngờ của một con cá đuối khổng lồ lướt qua mặt nước trên đôi vây đẹp đẽ thon thả giống như một con chim: một sự hòa quyện tuyệt vời của sự chuyển động và cái đẹp. Đối với cậu thiếu niên con trai của Columbus, con cá đuối trông “to như một chiếc giường cỡ vừa”.

Thủy thủ đoàn của tàu *Vizcaína* gặp con vật đó ngủ trên mặt biển và lấy lao đâm “để nó không thể chạy trốn”. Họ dùng dây buộc nó vào chiếc xuống trên tàu và “nó kéo chiếc xuống qua cảng nhanh như một mũi tên”. Trong suốt thời thời gian đó, những người trên tàu *Vizcaína* “không biết điều gì đang xảy ra, sững sờ nhìn chiếc xuống lướt đi khi không được chèo”. Trò vui kết thúc khi con cá đuối chết và “được kéo lên boong bằng tời dùng cho những vật nặng”.

Sau đó, họ gặp một con lợn biển, hay bò biển. Ferdinand thận trọng tiến đến gần nó. “Ở châu Âu người ta không biết nó”, anh ta tuyên bố. “Nó to như một con bê và giống con bê về mùi vị và màu sắc, nhưng ngon hơn và béo hơn.” Đây kỳ lạ, con vật tròn ửng, da sáng bóng đã cung cấp bằng chứng tiếp theo rằng họ đã bước vào một thế giới của những điều bí ẩn và nguy hiểm.

Đến giữa tháng 7 năm 1502, một loạt bão hết cơn này đến cơn khác nổi lên khắp vùng biển Caribbean. Đó là mùa bão. Sau khi đã sửa

xong đội tàu của mình, chất đồ dự trữ, và nghỉ ngơi, Columbus cùng người của mình cố đi đến vùng nước an toàn hơn của Yaquimo, nay là Haiti, để tránh bão. Ngay khi rời đi vào ngày 14 tháng 7, họ “đã đi vào một nơi lặng yên đến mức ông ấy không thể giữ nguyên được đường đi của mình, và những dòng chảy mang ông ấy đến mấy đảo cát nhỏ gần Jamaica”. Ferdinand có lẽ định nói đến cụm đảo san hô Morant, nổi lên thưa thớt từ rạn san hô, nhìn thì đẹp nhưng nguy hiểm cho tàu bè. Columbus gọi chúng là Puddles (Vũng nước) vì “người của ông ấy tìm thấy đủ nước cho nhu cầu của họ bằng cách đào những hố sâu chứa nước trong cát”.

Trong thời gian an nhàn dập dềnh phía nam ngoài bờ biển Honduras, Ferdinand cảnh báo, “các nhà làm bản đồ chưa đi vào khu vực này của thế giới”. Anh ta tiếp tục, “Họ đã sa vào sai lầm trầm trọng”, khi mô tả mũi Gracias á Dios như một địa hình tách biệt khỏi mũi Honduras, mặc dù trên thực tế chúng là một.

Như Ferdinand nhận thấy, mô tả sai lầm này là một trò chơi khăm được tạo ra để lấy đi từ cha mình những thành quả thuộc về những cuộc thám hiểm của ông. Hai nhà thám hiểm đổ kỵ là Juan Díaz de Solís và Vicente Yáñez Pinzón (họ điều khiển một con tàu trong hải hành thứ nhất của Đô đốc), ra đi vào năm 1508 đến Nicaragua, nơi mà Đô đốc coi là rất hứa hẹn cho việc thám hiểm. Đến được các đảo ngoài khơi Honduras, mà họ biết đến dưới cái tên Guanajas, họ bỏ qua lời khuyên của một trong những hoa tiêu của mình là Pedro de Ledesma, người nhận ra những khối đất liền bởi anh ta đã thám hiểm chúng cùng với Đô đốc. Thay vào đó, họ tuyên bố sai lầm rằng mình là những người đầu tiên đã đến một hòn đảo khác.

Sự khẳng định của họ, được củng cố bởi mấy hải đồ giả mạo, đã đánh lừa được nhiều người, nhưng không lừa được Ferdinand, vốn cương quyết phơi bày âm mưu của họ trong mô tả của anh ta về cuộc đời của cha mình. Theo lời Ferdinand, hải đồ rõ ràng “mô tả hòn đảo

đó hai lần” ở những vị trí khác nhau. Trong ngắn hạn, Columbus hay con trai ông chẳng thể làm gì để sửa chữa sự dối lừa xảy ra ở một vùng xa xôi và được biết đến ít ỏi như thế.

Ở Guanaja, Columbus cử Bartholomew đáng tin cậy lên bờ với hai chiếc xuồng nhỏ; ở đó họ “gặp những người giống người trên các đảo khác, nhưng họ có trán hẹp hơn”. Thận trọng len lỏi giữa mấy cây thông “và các mẫu đất gọi là *calcide* (canxi) mà người Anh-điêng dùng để đúc đồng đỏ”, và những thứ mà một số người nhầm là vàng và đã lấy trộm, họ gặp một chiếc thuyền dài trông như một chiếc thuyền galley, chiều rộng là gần 2,5m, được đèo ra từ một thân cây khổng lồ duy nhất. Ferdinand viết rằng chiếc thuyền được “chất hàng hóa từ các vùng phía tây xung quanh Tân Tây Ban Nha”, một quan sát có nghĩa là người của Columbus đã gặp được một món đồ tạo tác của đế chế Aztec, khi đó đang ở thời kỳ cực thịnh trong thời gian trị vì của nhà cai trị Ahuitzotlⁱ.

Nhiều khả năng hơn cả là người châu Âu đã bắt gặp nền văn minh tiên tiến và phức tạp hơn của người Maya. Ở Trung Hoa, Marco Polo đã gặp một nền văn hóa vượt xa nền văn hóa của chính mình; giờ đây Columbus đối mặt với một tình huống tương tự. Maya là một xã hội cổ xưa, tuân theo thứ bậc, đậm chất tâm linh, quân phiệt. Nền văn minh của họ có toán học, thiên văn học, kiến trúc, và chữ viết phát triển lớn mạnh. Họ vẽ bản đồ về sự chuyển động của các vật thể của vũ trụ trong những cuốn sách được làm từ vỏ cây. Sau năm 1000 TCN, khi người La Mã và người Celts còn đang vật lộn để thống trị một Tây Âu tan rã và suy yếu, nền văn minh Maya đã phát triển rực rỡ ở các làng mạc và thành phố. Hệ thống chữ viết Maya ghi lại việc làm của các nhà lãnh đạo và những cuộc chiến chính trị của họ.

i. Vua thứ tám của đế chế Aztec, trị vì trong khoảng thời gian 1486-1502.

Đến năm 250, nền văn minh Maya bước vào kỷ nguyên Kinh điển, với đặc điểm là sự nổi lên của các triều đại mà việc làm của chúng được ghi lại bằng chữ tượng hình. Dân số và các thành phố của người Maya mở rộng nhanh chóng cho đến năm 900, khi đế chế bước vào thời kỳ suy tàn nhanh chóng và bí hiểm, nhưng không phải tất cả cùng một lúc và không phải ở mọi nơi, mà xu thế đi xuống theo đà ngày một nhanh chóng và trở nên không thể đảo ngược. Sự sụp đổ của Maya đi kèm với nội chiến, sự kiệt quệ về tài nguyên thiên nhiên, hạn hán kéo dài, và các tai họa khác. Dân cư gần như biến khỏi bề mặt Trái đất; trong quá trình sụp đổ, số lượng cư dân trong riêng một khu vực đã sụt giảm 99%, hoặc thậm chí hơn. Nơi đã từng có hàng triệu người Maya, giờ đây chỉ còn vài ngàn người chăm nom những dinh thự đang xuống cấp, nhiều cái đã bị chôn vùi một nửa bởi địa hình dịch chuyển, cùng nguồn gốc của họ cứ mất dần trong làn sương huyền thoại. Columbus và người của mình đã nhìn thấy những gì còn lại của một nền văn minh vĩ đại. So với người Maya, ông và thủy thủ đoàn châu Âu của ông đến từ một Thế giới *Mới*, và giờ đây họ đang đối mặt với Thế giới *Xưa* của người Maya ở Veragua.

Nhật ký của Columbus cho thấy việc ông nghi ngờ rằng mình đã tình cờ bắt gặp một nền văn minh hùng mạnh và cổ xưa, nhưng cuối cùng thì người Maya không thu hút được sự chú ý của ông vì một lý do quan trọng hơn cả: họ không phải là người Trung Hoa. Những khía cạnh duy nhất của người Maya mà Columbus thực sự đánh giá cao là nghệ thuật đi biển và thuyền của họ: dài và nhanh lẹ giống thuyền độc mộc. Căn cứ vào kỹ năng tuyệt vời của họ trên mặt nước, thật đáng để hỏi tại sao người Maya tiên tiến lại không khám phá ra châu Âu từ lâu trước khi Columbus đặt chân lên bờ biển của họ. Câu trả lời hẳn liên quan đến gió mậu dịch thổi đều đặn về phía tây và nam, ngăn cản các nỗ lực ra khơi ngược chiều. Columbus được lợi lớn từ những ngọn gió rất phổ biến này, chúng đồng thời giữ người đi biển Maya không vào được bờ.

Người Tây Ban Nha rất chú ý đến những chiếc thuyền của người Maya. “Giữa thuyền có một mái che bằng lá cọ giống như khoang thuyền đáy bằng ở Venice; nó đem đến sự bảo vệ tuyệt đối chống lại mưa và sóng. Bên dưới mái che này là trẻ em và phụ nữ và tất cả hành lý và hàng hóa. Trên thuyền có 25 người chèo, nhưng họ không hề chống cự khi mấy chiếc xuống của chúng tôi đến gần”, Ferdinand nói. Sự đón tiếp càng trở nên đặc biệt nồng ấm sau sự cố khó chịu với Nicolás de Ovando và việc suýt chết trong cơn bão. Khi tàu chỉ huy đến đủ gần, Columbus tỏ lòng “cảm tạ Chúa vì trong một giây phút ngắn ngủi đã tiết lộ cho ông ấy mọi sản phẩm của đất nước đó mà không kèm theo bất cứ nỗi cực nhọc hay hiểm nguy nào cho người của chúng tôi”. Trong các chuyến đi của mình, hết lần này đến lần khác ông bắt gặp những người Anh-điêng bỏ trốn, những túp lều bị bỏ lại, và đôi lúc là nồi và xoong chảo chứa các bộ phận cơ thể người. Lần này, ông đã bắt gặp sự trù phú mà ông từng tìm kiếm từ rất lâu.

Columbus tuyên bố sở hữu “những thứ đắt đỏ nhất và đẹp đẽ nhất trong chỗ hàng hóa đó: áo choàng không tay bằng vải sợi và áo không tay được thêu và vẽ theo các thiết kế và màu sắc khác nhau; khổ cũng kiểu thiết kế đó và cùng loại vải làm áo choàng mà mấy phụ nữ trên thuyền đang mặc, giống như áo choàng của phụ nữ Moor ở Granada; những chiếc kiếm gỗ dài với một đường rãnh ở mỗi bên lưỡi kiếm được đặt trong phần chuôi có rãnh được quấn chặt bằng sợi dây; những con dao bằng đá lửa có thể cắt sắc như thép; những cây rìu nhỏ giống như rìu đá mà người Ấn Độ sử dụng nhưng được làm từ loại đồng tốt”. Lô hàng thậm chí còn bao gồm cả nồi nấu để làm đồng tan chảy.

Một thứ nữa được Ferdinand nhắc đến sơ qua thậm chí còn giá trị hơn những thứ khác: cây ca cao. Khi một nắm hạt cacao khô được dùng làm tiền tệ lưu hành rơi xuống nền nhà, anh ta nhận thấy “tất cả người Ấn Độ ngồi xuống nhặt như thể chúng là thứ có giá trị rất cao – lòng tham đã làm họ quên cả cảm giác sợ hãi và nguy hiểm khi

thấy mình ở trong tay những người hản mang vẻ lạ lùng và dã man như chúng tôi”.

Columbus và người của mình là những người châu Âu đầu tiên nắm giữ hạt cacao, theo truyền thống thì gắn liền với sự trao đổi và lưu hành tiền tệ ở châu Mỹ. Ví dụ, 1.000 hạt cacao có thể mua được một nô lệ, nhưng ngoài giá trị tiền tệ, bản thân cacao được người Maya đánh giá cao, họ gọi nó là *ka'kau* và tin rằng nó được các vị thần phát hiện ra. Từ *cacao* trong tiếng Tây Ban Nha cũng xuất phát từ một thuật ngữ khác của người Maya, *chocol'ha* hay động từ *chokolaj*, có nghĩa là “uống sôcôla cùng nhau”. Người Maya sử dụng cacao cho các mục đích tâm linh và y dược đa dạng: họ rang hạt lên, trộn chúng với gia vị và nước, và đun hỗn hợp đó cho đến khi nó trở thành sôcôla nóng sôi sùng sục. Đối với người Maya, uống thứ nước này là đặc quyền đối với hoàng gia, hoàng tử giàu có, thầy phù thủy, và nghệ sĩ.

Kiểm chế trước việc các vị Quân chủ không ủng hộ việc buôn bán nô lệ, Columbus không còn coi các vị chủ nhà đảng hoàng của mình như những nông nô hay chiến lợi phẩm tiềm năng để gửi về Tây Ban Nha nữa, và con trai ông coi họ như những đại diện của một nền văn minh tuyệt vời và phát triển cao. Cảm thấy vô cùng ấn tượng, Columbus “chỉ giữ lại một người, có cái tên cổ là Yumbé, tỏ ra thông thái nhất và có quyền uy lớn nhất trong số họ”, người sẽ tiết lộ “những bí mật của vùng đất” và thuyết phục người của mình nói chuyện với các vị khách từ xa đến. Ferdinand cảm thấy hài lòng khi ông già này đã phục vụ họ “một cách thiện chí và trung thành”. Trên thực tế là quá thiện chí. Theo Las Casas, Columbus càng bỏ ra nhiều món đồ, “những người Ấn Độ càng vui lòng tán thành việc họ biết những thứ đó có ở đâu đơn giản vì... nói như vậy để mang lại sự thoải mái, kể cả khi họ chưa bao giờ nhìn thấy hay nghe nói về những thứ người ta đang chia ra cho họ xem hay thứ mà ông ấy đang dò hỏi về”. Người Anh-điêng còn đi xa đến mức đưa ra các mô tả tưởng tượng về “những người sống ở

các vùng đất mà họ nói đến [vốn] có tàu và pháo thần công, cung và tên, kiếm và áo giáp” – vũ khí – “và bất cứ thứ gì mà họ thấy người Ki-tô giáo có”. Kinh ngạc trước những mô tả ấy, Columbus tưởng tượng nghe thấy cả những mô tả về ngựa, là một phần của bức tranh không khác gì loài kỳ lân một sừng. Vì những mô tả nhiệt tình của họ trong lúc trò chuyện, ông đã hiểu nhầm về việc ông và người của mình chỉ còn “cách sông Hằng 10 ngày đường” – con sông lớn nhất, thiêng liêng nhất ở Ấn Độ.

Ông lập tức viết một báo cáo về các phát hiện của mình gửi cho các vị Quân chủ.

Lý do cho những hiểu lầm khá là đơn giản bên cạnh trí tưởng tượng tích cực thái quá và những nhầm lẫn khó chữa về địa lý của Columbus. “Toàn bộ cuộc trò chuyện được diễn ra bằng ngôn ngữ ký hiệu”, theo lời Las Casas. “Và hoặc là người Ấn Độ đang cố tình làm trò với ông ấy, hoặc đơn giản ông ấy chẳng hiểu gì trong những điều họ đang cố gắng nói mà chỉ nghe thấy những điều ông ấy muốn nghe.”

Trên cơ sở này, Đô đốc phẫn chấn lên. Cuối cùng, đây chính là “sự giàu có, sự văn minh, và nền công nghiệp vĩ đại” mà ông đã hứa với các vị Quân chủ của mình. Ông đã bị lừa gạt bởi ý tưởng quay lại Cuba, mà ông nghĩ rằng đó là một bán đảo chứ không phải một hòn đảo, nhưng sự giàu có của khu vực này đã thuyết phục ông rằng ông đã tìm thấy một tuyến đường buôn bán đến Ấn Độ, nên “ông ấy quyết định tiếp tục công cuộc tìm kiếm một con lạch ngang qua khu vực đất liền mà sẽ mở ra một con đường đến Biển Nam và những Vùng đất Gia vị”. Đối với Columbus, người có tư tưởng cứng nhắc song đầy bí hiểm, điều không thể về mặt địa lý này có vẻ là logic và phù hợp với lối diễn giải của ông về Kinh thánh, cuốn *Travels* của Marco Polo, và những tác giả thời cổ đại. Ít nhất thì mọi thứ đang dần trở nên rõ ràng.

Vậy là ông tiếp tục đi, con trai ông nói, “giống như một người dò dẫm trong bóng tối”.

Xét theo lời của con trai ông, thì Columbus không còn nghĩ là mình đang ở châu Á, nhưng ông tin mình có thể định vị một lối đi dẫn đến đó – trên biển, hay một cách đáng kinh ngạc hơn, trên đường bộ. Như để nhấn mạnh thêm cách nói hoa mỹ của Đô đốc, Ferdinand mô tả nó rõ ràng như “cánh cửa mà Tây Ban Nha đã đi qua đó để thống trị nhiều vùng biển”. Trong công cuộc tìm kiếm điều hão huyền này, Columbus đến gần bờ biển Honduras và “đến một điểm trên đất liền mà ông ấy gọi là Caxinas theo tên của một loài cây lớn ở đó, loài cây này tạo ra thứ quả giống như quả ô-liu nhăn nheo với lõi xốp mềm”, nhưng khi đến nơi, ông thấy “chẳng có gì đáng nói” ngoài mấy người Anh-điêng mà như Ferdinand nhớ lại, ăn mặc “giống như những người trên thuyền, mặc áo nhuộm màu và đóng khố” – một tấm vải khố quấn quanh thắt lưng có các miếng vải che ở cả trước và sau. “Họ cũng mặc áo chên làm bằng vải dệt thô dày giống như áo giáp che ngực, đủ để bảo vệ chống lại những mũi tên của họ và thậm chí chịu được một số cú đâm bằng kiếm của chúng ta.” Sự mô tả hàm ý rõ về một kiểu xung đột nào đó, có lẽ là trận đánh giáp lá cà đã xảy ra giữa người châu Âu và người Anh-điêng. Ferdinand kiềm chế để không nói bất cứ điều gì mang tính phê phán về những người Anh-điêng này, nhưng lại viết về một nhóm khác với điểm báo trước, mô tả họ là “xấu xí”, “đen”, chẳng mặc gì, và “rất hoang dại ở mọi khía cạnh”. Người Anh-điêng bị bắt làm người dẫn đường của đội tàu chỉ ra rằng họ ăn cả thịt người và cá sống, và xỏ lỗ tai họ đủ to để nhét được quả trứng gà vào.

Đến sáng Chủ nhật, ngày 14 tháng 8 năm 1502, Columbus cảm thấy đủ an toàn để lên bờ cùng với các thuyền trưởng và một nhóm thủy thủ vừa phải. Họ chúc mừng Thánh lễ trên bờ biển Honduras bình yên giữa mấy ngọn cờ Tây Ban Nha phấp phới trong làn gió nhẹ ẩm ướt của đại dương. Dù có ý thức về nó hay không, thì với những người tham dự, kể cả Đô đốc, đây là Thánh lễ đầu tiên họ có trên lục địa châu Mỹ, hay như Columbus khẳng định, ở “Ấn Độ”.

Ba ngày sau, Đô đốc cử em trai mình và vài người nữa cử hành một buổi Thánh lễ khác trên bờ để rồi “chính thức sở hữu vùng đất dưới danh nghĩa các vị Quân chủ Công giáo”. Trong sự công nhận dù có lẽ không hiểu gì về buổi lễ, “hơn 100 người Ấn Độ mang đồ ăn đi về phía bờ biển; ngay khi mấy con tàu cập bờ, họ tặng những món quà này cho *Adelantado*”, người đã “ra lệnh đưa lại cho họ những chiếc chuông nhỏ, chuỗi hạt, và đồ trang sức rẻ tiền khác”, Ferdinand nhận xét. Những người Anh-điêng này khiến cậu bé Ferdinand sợ hãi như chưa từng sợ ai đến vậy. Họ giao tiếp bằng thứ ngôn ngữ không thể hiểu nổi, và “họ xăm tay và cơ thể mình bằng cách đốt theo các hình thù kiểu của người Moor, đem lại cho họ một diện mạo kỳ lạ. Một số trưng ra những con sư tử được sơn vẽ, số khác thì là hươu, hay là các lâu đài có tháp”. Để vinh danh những cái tai xỏ lỗ của họ, Columbus gọi vùng đất này là Costa de la Oreja hay Coast of the Ear (Bờ biển Tai). Khuôn mặt họ, được che bằng miếng vải trắng và đỏ, đã theo Ferdinand vào các giấc mơ. “Trông họ thực sự giống như lũ quỷ”, anh ta khẳng định.

Bartholomew cố gắng tìm hiểu thêm về nguồn tài nguyên của khu vực này. Nhưng người phiên dịch ít kinh nghiệm của ông, một thổ dân Hispaniola, không hiểu được ngôn ngữ địa phương. Ít nhất thì người Anh-điêng cảm thấy thoải mái về mấy món quà từ những vị khách phương xa, và họ đáp lại bằng lòng hiếu khách vào ngày hôm sau, khi “hơn 200 người khác cũng đến chỗ đó, mang theo các loại thức ăn khác nhau: gà có vị ngon hơn gà của chúng ta, ngỗng, cá nướng, đậu có màu đỏ và trắng giống như đậu thận, và nhiều món khác”. Các món quà minh chứng cho sự trù phú của vùng đất, những con báo, hươu, hoẵng chạy trên đồi, và những dòng nước đầy cá.

Đô đốc dẫn đội tàu đi ngược gió từ bờ biển Honduras như một thử thách. Ferdinand viết là “họ mất 17 ngày để vượt qua 60 hải lý từ mũi đất Caxinas đến mũi đó, giờ thì chạy vát ra biển và một lần nữa

hướng đến đất liền, lúc thì thuận chiều gió và lúc thì ngược chiều, tùy thuộc vào việc gió mạnh hay yếu khi họ đến gần”.

Columbus nhớ lại chuyến đi như một bài kiểm tra kéo dài về cả kỹ năng hàng hải lẫn sự minh mẫn của ông. “Tôi thấy mình đi ngược gió và dòng chảy ngược chiều rất mạnh. Tôi vật lộn với chúng mất 60 ngày, và chỉ có thể đi được hơn 70 hải lý một chút. Trong toàn bộ thời gian này tôi không vào bất cứ cảng nào, tôi không thể, cơn bão từ trên trời cũng không buông tha tôi; mưa, sấm kinh khủng và chớp liên tục lóe lên đến mức cảm giác như đây là tận cùng của thế giới.” Hơn bao giờ hết, ông tin rằng mình đang trải qua một thế giới của sự kinh sợ nguyên sơ trong Kinh thánh. Ông đích thân chấp nhận thử thách trên biển; các yếu tố tự nhiên trở thành những kẻ thù chí mạng, quyết cướp đi mạng sống của tất cả mọi người trên mấy con tàu. Nỗi khổ cực của ông kết hợp với lòng trung thành đã xác thực những khám phá của ông:

Trong suốt 88 ngày, cơn bão đáng sợ không rời bỏ tôi, đến mức khi ở trên biển tôi không hề thấy Mặt trời cũng chẳng thấy những vì sao dẫn đường; mấy con tàu của tôi bị tàn phá, buồm thì rách nát, neo, dây buồm, và xích bị mất, cũng như mấy cái xuống và nhiều đồ dự trữ; mọi người ốm gần chết, tất cả đều ăn năn, nhiều người thể sẽ hiến dâng mình cho đời sống tôn giáo, và chẳng ai không thể và hứa hẹn sẽ thực hiện những cuộc hành hương. Nhiều lần họ đã đi đến chỗ xưng tội với nhau.

Chúng tôi đã trải qua các cơn bão khác, nhưng không cơn bão nào kéo dài đến thế và gây khiếp sợ đến thế. Nhiều người mà chúng tôi coi là dũng cảm đã đánh mất mọi hy vọng hết lần này đến lần khác.

Giữa tâm bão, đối mặt với trải nghiệm cận kề cái chết, ông lo lắng nhất đến số phận của các thành viên trong đội tàu, hay ít nhất là dành cho một người trong số họ:

Sự lo lắng cho đứa con trai ở bên mình làm tim tôi thắt nghẹn, tôi càng lo hơn vì tôi thấy nó còn quá bé, mới 13 tuổi, mà đã phải vật

lộn lâu đến thế với những nỗi khổ cực ấy. Chúa của chúng ta đã cho nó lòng dũng cảm đến mức nó còn động viên những người khác, và nó làm việc như thể nó đã đi biển 50 năm. Chính nó đã an ủi tôi. Tôi bị ốm, và nhiều khi tôi đã cận kề với cái chết; từ khoang lái nhỏ được tôi ra lệnh dựng trên boong, tôi đang dẫn đường đi. Em trai tôi ở trên con tàu tệ nhất và nguy hiểm nhất. Nỗi lo lắng của tôi thật sự còn lớn hơn, bởi tôi đã mang cậu ấy đi theo mình, trái với mong muốn của cậu ấy. Một nỗi buồn khác làm tan nát trái tim trong lồng ngực của tôi là vì Don Diego con trai tôi, mà tôi để lại ở Tây Ban Nha, gần như một đứa trẻ mồ côi.

Vào ngày 12 tháng 9, đội tàu đi vào một mũi đất mà Columbus đặt tên là Gracias á Diosⁱ để tỏ lòng biết ơn vì đã thoát khỏi cơn bão. “Nếu bờ biển không có vài chỗ thả neo tốt, chúng tôi hẳn sẽ mất nhiều thời gian hơn để đi được quãng đường đó, nhưng bờ biển sạch và cách bờ nửa hải lý là chỗ có độ sâu khoảng hai sải”, Ferdinand bình thản nhớ lại, “dễ dàng thả neo vào ban đêm hoặc khi gió nhẹ”. Cách viết đều đều của Columbus con đối lập với cách khái quát buồn thảm của cha mình về sự việc. Đô đốc mô tả cảm giác khi bị quăng quật giữa cơn bão, trong khi đứa con mà Columbus xiết bao lo lắng lại nhớ về các sự kiện theo kiểu thực tế hơn. Người cha luôn quăng mình vào cơn bão, trong khi đứa con thì lùi lại để suy ngẫm về nó.

Vào ngày 16 tháng 9, theo lời Ferdinand, “Đô đốc phái mấy chiếc xuồng của đội tàu đi về phía một con sông có vẻ sâu và dễ tiến vào. Nhưng khi họ trở ra, ngọn gió thổi từ bờ mạnh lên và biển động, một con sóng lớn dựng đứng nơi cửa sông làm một chiếc xuồng bị lật và mấy thủy thủ trên đó đã chết đuối”. Columbus đặt tên cho dòng nước xui xẻo nơi hai người bị chết là Río de Desastresⁱⁱ, khi mà dọc đôi bờ của nó là “những cây thân đốt to như bắp đùi đàn ông”.

i Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là “Cảm tạ Chúa!”. (BT)

ii Nguyên văn tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là “Dòng sông Tai họa”. (BT)

Chín ngày sau, mấy con tàu tạm thời neo lại ở một đảo tên là Quiribirí trước khi xác định đường tới Cariay (nhiều khả năng đó là Puerto Limón), khung cảnh ngoài khơi của Costa Rica tạo nên ấn tượng khó phai đối với cậu thiếu niên. “Ở đây chúng tôi gặp đất nước và những con người tươi đẹp nhất mà chúng tôi từng thấy; bởi đất cao ráo và có nhiều sông và cây to, hòn đảo thì rất xanh tươi, đầy những rừng cây và cọ xum xuê”, và “rất đông người Ấn Độ, nhiều người trang bị cung tên, một số thì mang giáo làm từ những cây cọ đen như hắc ín và cứng như xương, được gắn xương cá ở mũi nhọn, còn số khác thì có *macana* hay những cây gậy”. Với sự điềm tĩnh quen thuộc, anh ta thêm, “Họ nhất quyết không cho chúng tôi lên bờ”.

Người của Columbus ra hiệu là mình đến trong hòa bình chứ không phải chiến tranh, sau đó người Anh-điêng nhảy xuống nước và bơi về phía mấy con tàu để “đổi chác vũ khí, áo choàng và áo vải thô, và những mặt dây chuyền *guanín* mà họ đang đeo trên cổ”. Đô đốc vẫn bốc đồng như vậy, ông đã từ chối trong trường hợp này, thích thể hiện rằng ông và người của mình “không thèm muốn các thứ họ có”. Để nhấn mạnh ý của mình, ông ra lệnh phân phát các món quà được mang đến từ Tây Ban Nha. Người châu Âu càng ít thể hiện sự quan tâm đến đổi chác, thì người Anh-điêng lại càng thể hiện mong muốn nhiều hơn, và họ dũng cảm mời các vị khách lên bờ bằng cách ra dấu và “vẫy áo của mình giống như mấy cái cờ”. Nhưng người châu Âu tuân lệnh Đô đốc ở lại trên con tàu, làm mất đi sự vui vẻ. Người Anh-điêng đáp lại bằng cách buộc tất cả những món trang sức rẻ tiền mà họ nhận được thành một bó gọn gàng, bỏ lại trên một con xuống bên bờ cho người Tây Ban Nha khám phá.

Vào ngày 25 tháng 9, trên đảo Cariay, Columbus viết, “Tôi dừng lại để sửa chữa mấy con tàu, bổ sung đồ dự trữ và để thủy thủ nghỉ ngơi. Họ rất ốm, còn bản thân tôi, như tôi đã nói, đã nhiều lần cận kề cái chết”. Nhưng ông không ốm yếu đến mức không thể tìm hiểu về

“những mỏ vàng của khu vực Çiamba mà tôi đang tìm kiếm. Hai người Ấn Độ dẫn tôi đến Carabarú, nơi người dân trần truồng và đeo một cái đĩa bằng vàng trên cổ mà họ không muốn bán hay đổi”. Vẫn luôn bị vàng ám ảnh như vậy, Columbus quên mất sự nhọc nhằn ngoài biển và trao đổi ngắn gọn với người Anh-điêng về vàng và những mỏ vàng.

Người Anh-điêng đón tiếp người châu Âu một cách thận trọng. “Nghĩ rằng chúng tôi không tin họ, người Ấn Độ cử lên tàu một người của họ có vẻ đã lớn tuổi với dáng vẻ đáng kính, mang theo dải băng được buộc vào một cây gậy; hai cô bé, một 8 tuổi và một 14 tuổi đi cùng ông ta”, Ferdinand viết. Để đáp lại, Columbus cử một chiếc xuống đi lấy nước từ đất liền. Trước khi họ trở về tàu, “người Ấn Độ ra dấu giục họ mang theo mấy cô bé”. Theo những gì được biết đến, Columbus đón tiếp chúng tử tế, ra lệnh mặc quần áo và cho chúng ăn, rồi sau đó ông đưa chúng lên bờ, nơi chúng chạy ùa vào vòng tay đón chào của người Anh-điêng lớn tuổi và hơn 50 người khác. Cuối hôm đó, người Anh-điêng trả lại tất cả quà mà người châu Âu đã tặng họ, gồm mấy chiếc chuông nhỏ và các đồ lặt vặt khác.

Buổi sáng, Bartholomew và một người chép thuê lên bờ. Ngay khi anh ta vừa bước xuống từ chiếc xuống cập bờ, người Anh-điêng đã nắm lấy hai tay anh ta và để anh ta ngồi xuống đám cỏ cao đang rì rào bên bờ nước, nằm trọn trong tầm nhìn của những con tàu. Anh ta hỏi họ vài câu hỏi, người chép thuê đi cùng sẵn sàng ghi lại các câu trả lời của họ, nhưng “người Ấn Độ sợ hãi trước hình ảnh bút và giấy đến mức phần lớn họ chạy mất. Lý do là họ sợ bị làm bùa phép bằng lời nói hay dấu hiệu”.

Và dù vậy, Ferdinand nói, “chính họ mới là người gây ấn tượng với chúng tôi như những phù thủy vĩ đại, khi tiếp cận với người Ki-tô giáo họ tung vào không khí một thứ bột nào đó; họ cũng đốt thứ bột này trong các lư trầm và hướng cho khói bay thẳng tới chỗ người Ki-tô giáo”, không giống với loại khói trầm mà họ đã quen thuộc. Sự lưỡng lự

của người Anh-điêng trong việc nhận quà gây ấn tượng với Ferdinand như “bằng chứng về việc họ nghi ngờ chúng tôi là những kẻ bỏ bùa mê, xác nhận câu châm ngôn rằng kẻ lừa đảo nhìn vào ai cũng thấy chính mình”. Có một khoảnh khắc thừa nhận lẫn nhau giữa người Anh-điêng và người Ki-tô giáo, thừa nhận cả về sự phức tạp và trí tuệ – cũng như sự xa lạ – của đối phương.

Đó là Chủ nhật, ngày 2 tháng 10, mấy con tàu vẫn thả neo gần Puerto Limón khi Columbus cử người em trai không biết mỗi một lên bờ một lần nữa, lần này để “tìm hiểu về nơi ở, phong tục, và lối sống của người Ấn Độ”.

Bartholomew và nhóm của mình bắt gặp một hầm mộ kỳ lạ, một “cung điện bằng gỗ” được lợp tre nửa, bên trong có mấy ngôi mộ. Một ngôi mộ chỉ có một xác duy nhất, “đã khô và được ướp hương”; một ngôi mộ khác có hai cái xác, “không hề có mùi, được bọc trong vải thô: bên trên mỗi ngôi mộ là một tấm bảng khắc hình các con thú, và trên một ngôi mộ khác là hình nộm của người đã chết, được trang trí bằng nhiều hạt... và các thứ khác rất quý giá với họ”. Lời nhắc nhở về cái chết này đã minh họa cho cả sự ngăn ngủi của cuộc sống trần tục lẫn sự trường tồn về những hiểu biết tâm linh của họ.

Columbus vẫn là Columbus, ông vinh danh sự thông minh của người Anh-điêng bằng cách bắt giữ vài người “để chúng tôi có thể hiểu về những bí mật của đất nước này”, theo lời Ferdinand. Trong số bảy người bị bắt, hai người được chọn ra để dẫn đường. “Những người khác ông cho về nhà cùng với quà tặng để không đẩy đất nước này vào một cơn giận dữ.” Ông dựa vào người phiên dịch như mọi khi để giải thích rằng mình cần sự giúp đỡ của họ để đi dọc bờ biển, hứa hẹn khi đến cuối hành trình sẽ thả họ ra. Cũng hợp lý thôi khi người Anh-điêng hiểu nhầm và kết luận rằng Columbus giữ họ để lấy đồ chuộc. Sự điên rồ kéo dài đến hôm sau, khi một đoàn người Anh-điêng mang đến cho

người châu Âu “hai con lợn lòi bản xứ hoang dã” – giống lợn lòi lông cứng châu Mỹ vô cùng xấu xí, hay còn được gọi là những con lợn của Tân Thế giới – “nhỏ nhưng rất hung dữ” để đổi lại người của họ. Mặc dù ông từ chối chấp nhận, nhưng ông vẫn đền đáp cho họ vì “những con lợn lòi” và lịch sự để họ ra về, tay ôm chặt mấy món quà vô bổ mà lúc trước họ đã từ chối nhận.

Những con lợn lòi trong chốc lát đã làm Columbus xao lãng, trong khi ông phần lớn bị thu hút bởi giống khỉ nhện hơi kỳ quái, “to bằng một con chó săn loại nhỏ, nhưng đuôi dài hơn và khỏe đến mức nếu nó quấn đuôi quanh một vật gì đó, nó có thể giữ vật đó chặt y như được buộc bằng dây”, theo mô tả khéo léo của Ferdinand. “Những con vật này di chuyển trên cây giống như sóc, nhảy từ cây này sang cây khác và tóm lấy các cành cây không chỉ bằng tay mà bằng cả đuôi, chúng cũng thường treo mình bằng đuôi để nghỉ ngơi hoặc để giải trí.” Không biết phải làm gì với những con khỉ nhện nhanh nhẹn đuôi dài, loài vật bản địa của Tân Thế giới, Ferdinand gọi chúng là “mèo”. Sự nghịch ngợm của chúng dẫn tới một trò giải trí độc ác mà Ferdinand không bao giờ quên được.

Một cung thủ mang từ rừng về một con mèo mà anh ta đã hạ được trên cây bằng một mũi tên, và vì nó vẫn rất hung dữ nên anh ta không dám đến gần, anh ta dùng dao chặt một chân của nó. Hình ảnh đó khiến con chó can đảm của chúng tôi ở trên boong tàu sợ hãi, nhưng nó còn khiến một trong mấy con lợn lòi do người Anh-điêng mang đến sợ hãi hơn, phải lùi lại vì nỗi sợ khiếp đảm, điều này làm chúng tôi ngạc nhiên bởi trước đó con lợn lòi tấn công tất cả mọi người trên boong, kể cả con chó. Đô đốc khi đó bèn vứt con lợn lòi và con mèo cạnh nhau, rồi con mèo cuộn đuôi mình quanh mõm con lợn lòi, tóm cổ nó với chân trước còn lại, và cắn con lợn lòi tới mức nó rên lên vì sợ hãi. Từ đó chúng tôi kết luận rằng loài mèo này chuyên săn mồi, giống như lũ sói và chó săn của Tây Ban Nha.

Sự bình ổn của tháng 10 năm 1502 trôi qua trong ảo giác đầy kịch tính của cuộc hành trình.

Ngày 5 tháng 10... Vịnh Zorobaró “có ba hay bốn con kênh rất thuận tiện cho việc di chuyển ra vào với mọi loại gió. Những con tàu đi cứ như trên đường phố giữa các đảo, cành cây quệt cả vào dây buồm của tàu”. 20 chiếc thuyền độc mộc tiến đến gần, với những người Anh-điêng “trần truồng như khi họ chui ra từ bụng mẹ”, sẵn sàng đổi vàng lấy mấy chiếc chuông nhỏ...

Ngày 7 tháng 10... Columbus bắt giữ hai người Anh-điêng đã từ chối bán những chiếc gương bằng vàng của họ cho người châu Âu. “Những người Ấn Độ đều sơn vẽ toàn bộ mặt và cơ thể bằng các màu khác nhau, trắng, đen, và đỏ.” Theo Las Casas, thì viên hoa tiêu Pedro Ledesma còn trải nghiệm một sự tiếp đón cầu kỳ hơn: 80 chiếc thuyền độc mộc, “mỗi chiếc đều chở rất nhiều vàng trên đó”, tiến đến gần đội tàu Tây Ban Nha, nhưng “Đô đốc từ chối lấy bất cứ cái gì”.

Vì biết rõ sự ám ảnh của Đô đốc với vàng, nên Las Casas gãi đầu khó hiểu. Hoặc chẳng có chuyện gặp 80 chiếc thuyền chở đầy vàng, hoặc Đô đốc cho rằng món hàng và thông điệp của họ thiếu tính chính danh.

Trong vòng vài ngày, người Tây Ban Nha lại ra đi.

Ngày 17 tháng 10... Đô đốc cử vài chiếc xuồng nhỏ lên bờ ở phá Chiriqui, nơi cả trăm người Anh-điêng lao ra nơi mép nước đến thất lưng “chĩa giáo, thổi kèn, đánh trống, té nước về phía người Ki-tô giáo, và phun về phía họ thứ nước của một loại cây cỏ nào đó mà người Ấn Độ đang nhai”. Khi người Anh-điêng đã bình tĩnh trở lại, người của Columbus đổi được 16 chiếc gương bằng vàng nguyên chất trị giá 150 ducat. Họ cảm thấy đầy phấn khích.

Vào những ngày cuối tháng 10, Columbus và người của mình phát hiện ra “các dấu hiệu của một tòa nhà”, thứ mà Ferdinand định

nói đến là một dinh thự được làm bằng đá chứ không phải gỗ, tre nứa, hay lợp lá. Đối với người châu Âu, sự có mặt của đá là dấu hiệu về một nền văn minh tiên tiến, trong trường hợp này là di chỉ của người Maya. Những công trình kiến trúc của người Maya còn đáng chú ý hơn, vì không giống như người châu Âu, họ không sử dụng sức động vật hay sức nước để hỗ trợ việc xây dựng, mọi thứ đều được làm bằng tay.

Ferdinand so sánh sự vững chãi với một “lượng vữa lớn” mà “có vẻ như được làm từ đá và vôi”. Còn Đô đốc bị ấn tượng đến mức ông “ra lệnh lấy một mẫu làm vật kỷ niệm của tác phẩm cổ xưa đó”. Sau khi đã tìm thấy ở Maya một nền văn minh xứng đáng với cái tên của nó, Columbus phải chuẩn bị cho việc nghiên cứu và sự khám phá tiếp theo, nhưng ông vẫn thích tìm kiếm những người Trung Hoa được Marco Polo mô tả hơn, và thế là ông tiếp tục ra đi.

Vào ngày 2 tháng 11, đội tàu đi vào một bến cảng mà Columbus gọi là Puerto Bello, ở Panama, “vì nó rất lớn, đẹp, đông dân, và bao quanh là đồng quê được trồng trọt”. Ferdinand ca tụng phong cảnh với những chiếc thuyền có thể nằm gần bờ, song khi cần sẽ nhanh chóng rời đi. “Vùng quê xung quanh bến cảng được trồng trọt cẩn thận và chen kín những ngôi nhà chỉ cách khoảng một tầm ném đá hay tên bay, tất cả đều đẹp như một bức tranh, điều đẹp nhất mà người ta từng thấy.” Bị thiên nhiên quyến rũ, đội tàu nấn ná ở lại trong lúc mưa và thời tiết chuyển xấu.

Một tuần sau, đội tàu sông nước tiếp tục đi về phía đông, từ trên boong trông thấy các cánh đồng ngô, và dừng lại nghỉ ngơi trong một vịnh nhỏ, ở đây những kẻ xâm nhập khiến người địa phương hoảng sợ, cuống cuống bơi đi tìm sự an toàn. Khi người châu Âu cố bắt được một người Anh-điêng đang chạy trốn và lôi anh ta lên boong để tiêu khiển, Ferdinand nhớ lại là “anh ta lặn như một con chim nước và nổi lên cách đó một hoặc hai tầm tên bắn. Thật sự thú vị khi nhìn chiếc

xuống đuổi theo và các tay chèo đã cố gắng vô ích vì cuối cùng họ phải trở về tay không”.

Trong sự uể oải giữa cái nóng và mưa – nhiệt độ trung bình trong ngày hơn 80°Fⁱ, chỉ dịu đi một chút vào ban đêm – họ đang dần mất kiểm soát về thời gian.

Thăm thoát đã là 23 tháng 11, và họ đang “sửa tàu và vá lại các thùng đựng” – đó là khi thợ đóng thùng làm công việc của mình – ngay trước khi họ ghé vào Guiga, cách Isthmus của Panama không xa, mặc dù họ không hề nghĩ rằng mình đang ở trên một dải đất ngăn cách hai đại dương vĩ đại.

Hình ảnh hàng trăm người Anh-điêng tụ tập trên bờ biển, đeo mặt dây chuyền vàng ở tai và mũi, tỏ ra căng thẳng thay vì niềm nở. Vào thứ Bảy, ngày 26 tháng 11, đội tàu lại giương buồm, len vào một bến cảng chật hẹp mà họ gọi là Retrete, nghĩa là “tủ chứa đồ”, hay có lẽ là “nhà vệ sinh”, “vì nó bé đến mức không chứa được hơn năm hay sáu con tàu”. Những con tàu khó nhọc chen chúc vào một cửa cảng chỉ rộng khoảng hơn 21m, “với các tảng đá sắc nhọn như mũi kim cương chìa ra ở hai bên”. Những con tàu vất vả lách qua khoảng không chật hẹp đến độ người ta có thể dễ dàng nhảy từ boong lên bờ.

“Chúng tôi ở lại cảng này chín ngày, với thời tiết thật kinh khủng”, Ferdinand buồn rầu nhớ lại. Cũng như trước, người Anh-điêng đến để trao đổi, nhưng lần này họ quan sát các thủy thủ “lên trèo từ tàu lên bờ”. Ngay khi nhìn thấy những kẻ xâm nhập, người Anh-điêng bèn trở lại nơi ở của mình, vì “đám đàn ông tham lam và phóng đảng này đã gây ra vô số những sự xúc phạm”. Người Anh-điêng bị mất bình tĩnh, “và một số trận đánh nhau đã xảy ra giữa hai bên” khi những người Anh-điêng vây quanh đội tàu đang bị kẹt trong cảng. Đã quá muộn, “Đô đốc cố xoa dịu họ bằng sự kiên nhẫn và lịch sự”, nhưng

i. Tương đương 27°C.

không thành công. Để dạy cho họ một bài học, hay theo cách nói của Ferdinand, “để ngăn bớt lòng kiêu hãnh của họ và dạy họ không được khinh miệt người Ki-tô giáo”, Columbus lệnh cho pháo binh bắn vào một đám đông Anh-điêng đang ở trên một đỉnh đồi không được che phủ. Quả đạn rơi xuống đất ngay giữa bọn họ, cho họ biết “rằng tiếng sấm này che giấu một cơn sấm sét”. Lần này, màn trình diễn sức mạnh đã có tác dụng, và “sau đó, họ hầu như không dám ngó nhìn chúng tôi từ sau mấy ngọn đồi”.

Trong vụ này, Las Casas nhìn thấy bi kịch và sự điên rồ của Công cuộc Chinh phục Ấn Độ, vì thế ông ta đã đổ lỗi một người: Columbus. “Nếu những người này được tìm ra và đối xử đúng mực ngay từ giây phút ban đầu, theo cái cách yêu thương và chỉ bằng cách đó, như lý lẽ tự nhiên chỉ dẫn cách nên đối xử với họ”, ông ta lý giải, “và đặc biệt nếu điều đó diễn ra theo cách của người Ki-tô giáo, thì chúng ta đã có thể có được từ những người này vàng và sự giàu có mà họ có trong dư thừa để đổi lại mấy món trang sức rẻ tiền vô giá trị của chúng ta, và rõ ràng là hòa bình và tình yêu có thể ngự trị giữa tất cả chúng ta, như một hệ quả thì việc cải họ sang Ki-tô giáo sẽ vừa dễ dàng vừa chắc chắn”. Nhưng một lần nữa, Đô đốc chỉ làm cho mọi thứ tệ hơn.

Trong lúc đó, bến cảng tràn đầy “lũ bò sát lớn hay cá sấu bò ra ngủ trên bờ và tỏa ra thứ mùi mạnh như thể toàn bộ xạ hương” – thường được biết đến như mùi kích dục – “trên thế giới cộng lại”. Một cảnh tượng bất ổn, thậm chí đáng sợ. “Chúng phàm ăn và độc ác tới mức nếu thấy một người đang ngủ chúng sẽ kéo anh ta xuống nước để ăn thịt, nhưng chúng cũng nhát và bỏ trốn khi bị tấn công.” Đêm hôm sau, lũ quái vật và thứ mùi hôi thối của chúng quay lại, cứ như vậy hàng đêm.

Bị đe dọa, quấy nhiễu bởi cả con người và thú vật, vào ngày 5 tháng 12, Columbus bỏ đi về phía bắc, lần lại tuyến đường của mình.

“Chưa bao giờ thấy thời tiết bất ổn như lúc này”, Ferdinand khẳng định. “Lúc thì gió vừa phải để đi Veragua, khi lại quá mạnh và đẩy

chúng tôi ngược trở lại Puerto Bello. Và ngay khi chúng tôi vừa tràn hy vọng vào được cảng, gió lại đổi chiều lần nữa, thỉnh thoảng kèm theo sấm chớp đến nỗi mọi người không dám hé mắt nhìn và có vẻ như những con tàu đang chìm dần và bầu trời thì đang sụp xuống.” Đôi lúc, sấm âm ỉ kéo dài đến mức “chúng tôi chắc chắn rằng một số con tàu trong đội tàu đang đốt lửa ra hiệu cần giúp đỡ”. Những cơn mưa như thác làm buồm ướt sũng và quét qua mặt boong. Nhiều cơn bão tệ hại đều đặn xảy ra ở khu vực này, ngoài khơi Nicaragua, và sống sót được là cả một vấn đề. “Tất cả đều bị thiệt hại nặng và tuyệt vọng, bởi họ không thể có được dù chỉ nửa giờ nghỉ ngơi, bị ướt suốt nhiều ngày, lúc thì đi theo hướng này lúc lại hướng khác, vật lộn với thiên nhiên và sợ hãi hết thảy.” Có nhiều điều để sợ hãi: “Lửa lóe lên trong ánh chớp, không gian điên cuồng, nước từ các con sóng, và phía đất liền là những rạn san hô và vách đá của vùng bờ biển xa lạ nọ, những thứ đôi khi tấn công ai đó ở gần cảng giữa vào lúc anh ta hy vọng tìm được chỗ trú ẩn”. Nhưng các thủy thủ vẫn tiến lên, con trai ông run rẩy trước cơn thịnh nộ của thiên nhiên, trong lúc Columbus vừa nỗ lực ra lệnh vừa vật lộn để giữ được sự minh mẫn của mình.

Như thế nỗi khiếp sợ ấy là chưa đủ để đánh bại đội tàu, một “vòi rồng” – thuật ngữ của Ferdinand chỉ một lốc xoáy nhỏ – xuất hiện vào ngày 13 tháng 12, khuấy động nên một con đường đầy chết chóc giữa hai con tàu. Dựa trên hình ảnh chiếc phễu từ boong tàu đang nhô lên, Ferdinand ghi lại cách “nó hút nước lên dựng thành một cái cột to hơn chiếc thùng đựng, và xoáy tròn như một cơn lốc”. Cầu nguyện là sự kháng cự duy nhất: “Nếu như các thủy thủ không làm nó tan đi bằng cách viện dẫn Phúc Âm theo Thánh John, hẳn là nó đã nuốt chửng bất cứ thứ gì nó gặp phải trên đường”.

Trong lúc gió bão thổi không ngừng, tàu *Vizcaína* biến mất trong sương mù, sợ là nó sẽ biến mất mãi mãi, cho đến khi nó xuất hiện lại “sau ba ngày rất đen tối và nguy hiểm, trong thời gian đó chiếc xuống

nhỏ của nó đã bị mất và có lần thả neo gần bờ nhưng rồi phải cắt dây neo”. Giờ thì con tàu đã an toàn.

Cơn bão đã dịu đi, nhưng từ trong lòng tàu, lũ hà giống như loài rắn đang chậm chậm phá hủy nó.

Cuối cùng thời tiết cũng lặng, “sau khi một nửa đội tàu đã bị cơn bão liên hồi tàn phá”, nhưng trong đó vẫn chứa đựng một mối đe dọa mới. Một vùng nước xoáy với những cái bóng cá mập dưới mặt biển gợn sóng lăn tăn đang tụ lại – có lẽ là loài cá mập dưới rạn san hô vùng Caribbean (*Carcharhinus perezii*). Bầy cá mập bao vây mấy con tàu và khùng bố đám thủy thủ mê tín, vốn coi chúng là loài kèn kèn nơi biển cả và điềm báo của thần chết.

“Loài vật này dùng răng ngoạm lấy chân hay tay người và cắn rời nó ra như thể dùng dao vì chúng có hai hàm răng như lưỡi cưa”, Ferdinand khiếp sợ ghi lại. Thủy thủ giết những con vật ăn thịt có dáng thuôn dài này nhiều nhất có thể, song “chúng vẫn theo chúng tôi bằng cách nhào đi lộn lại trong nước”. Anh ta đang nói tới cách cá mập thể hiện sự đe dọa, được chúng lộ ra khi cảm nhận mối nguy hiểm. Chúng sẽ cường điệu hóa khi thể hiện các chuyển động thông thường. Ví dụ, cá mập xám rạn san hô chĩa mấy chiếc vây cứng xuống phía dưới, cong lưng lên, và quạt đuôi sang bên, bơi theo hình số tám. Những con nào bơi theo cách này là đang sắp sửa tấn công hoặc bỏ trốn.

Ferdinand nhớ lại, lũ cá mập rất tham ăn, đến mức chúng ăn cả xác thối, và “người ta có thể bắt chúng đơn giản bằng cách gắn một mẩu vải đỏ vào lưỡi câu”. Sự tham lam ngẫu nhiên của chúng vượt xa những cơn ác mộng của anh ta. “Tôi thấy người ta lôi ra từ bụng một con cá mập một con rùa mà sau đó nó sống trên tàu.” Một con cá mập hung bạo khác đã bị giết cho ra nguyên một cái đầu cá mập mà lúc trước họ đã vứt đi “bởi cái đầu không giống như phần còn lại của thân cá, ăn không ngon”. Song con cá mập vẫn nuốt chửng nó. Mặc dù lũ

quái vật da trơn gây ra cho họ cảm giác kinh tởm, nhưng “tất cả đều trao cho cá mập một vinh dự là ăn thịt nó, vì cho đến lúc đó chúng tôi đã ở trên biển hơn tám tháng và đã dùng hết tất cả thịt và cá mà chúng tôi mang theo từ Tây Ban Nha”. Cùng với máu me, chất nhớt, bọt, mùi hôi, những con tàu nhấp nhô dập dềnh trên biển cả nổi sóng khiến cho người ta vừa cồn cào vừa say sóng. Chút thực phẩm được ăn vào khiến họ bị nôn mửa. “Với cái nóng và sự ẩm ướt, thậm chí bánh quy cũng đầy dòi bọ đến mức, xin Chúa cứu giúp, tôi thấy nhiều người chờ đến khi đêm xuống mới dám ăn món cháo nấu từ thứ bánh đó để khỏi phải nhìn thấy dòi bọ; những người khác thì đã quá quen với việc ăn chúng đến mức họ chẳng thèm nhặt dòi chúng ra, vì họ có thể đánh mất bữa tối nếu kỹ tính đến thế.”

Sự giải thoát đã đến vào ngày 17 tháng 12, khi đội tàu đến được Puerto Gordo, Panama. “Ở cảng này, giống như một con kênh lớn, chúng tôi nghỉ ba ngày.”

Thuỷ thủ đoàn loạng choạng lên bờ, yếu ớt trước thử thách, để rồi nhìn thấy một điều kỳ lạ mới. “Mọi người ở đây sống trên các ngọn cây, giống như chim; lều của họ được dựng trên cái khung gồm các cột gác ngang qua cành cây.” Họ không thể giải thích được hiện tượng này, và quyết định rằng đó là phản ứng xuất phát từ “nỗi sợ của người ở đây đối với lũ quái vật sư tử đầu chim” – loài vật huyền thoại với đầu và cánh đại bàng gắn vào cơ thể sư tử. Hay có lẽ việc sống trong những túp lều trên cao có một cách giải thích đơn giản hơn, nó như một sự thận trọng chống lại các nhóm cạnh tranh.

Đến ngày 20 tháng 12, đội tàu lại giương buồm một lần nữa, nhưng “ngay khi chúng tôi vừa ra đến biển thì những cơn gió và bão trở lại tấn công chúng tôi, nên chúng tôi lại buộc phải vào một cảng khác”. Ba ngày sau, Columbus đánh giá tình hình đã đủ an toàn để đội tàu thử một lần nữa, “nhưng thời tiết, giống như một kẻ thù nằm đó chờ đợi

con người, bất ngờ tấn công chúng tôi”. Những luồng gió đẩy đội tàu vô vọng trở lại cảng nơi chúng đã tìm sự trú ẩn vào ngày 12 tháng 12. Khi Giáng sinh cận kề, họ vẫn bận rộn với việc sửa chữa tàu *La Gallega* và chất lên náo ngô, củi, và nước, trong lúc dạ dày họ thêm muốn thịt và rượu vang. Vào ngày 3 tháng 1 năm 1503, đội tàu lại ra khơi lần nữa, chỉ để gặp “thời tiết xấu và những ngọn gió ngược ngày càng tệ hơn mỗi khi Đô đốc thay đổi đường đi”.

Đô đốc đối mặt với các cơn bão trong đơn độc; chúng là những cuộc đua tranh với sức mạnh vũ trụ, là khi ông phải mặt đối mặt với các yếu tố tự nhiên. Ông hẳn sẽ không ngạc nhiên nếu trông thấy một thiên thần đầy thù hận xuất hiện từ một đám mây lớn tích nước, khiến sấm chớp nổ ra, sẵn sàng lôi ông xuống đáy biển.

“Trong chín ngày tôi đã mất hết hy vọng sống”, ông nhớ lại.

Mắt người chưa bao giờ phải chứng kiến biển động như vậy, thật kinh khủng, nổi ngầu bọt. Gió không cho phép chúng tôi tiến lên phía trước hay cho chúng tôi cơ hội chạy trốn, cũng chẳng cho phép chúng tôi ẩn náu ở bất cứ mũi đất nào. Nơi đây tôi bị giữ lại trong những cơn sóng đã biến thành máu, sôi sục như trong một chiếc nồi trên ngọn lửa vĩ đại. Nhìn bầu trời chưa bao giờ đáng sợ hơn thế. Suốt một ngày và một đêm, nó đỏ lên như một lò lửa, và chớp lóe thành tia đến mức cứ mỗi lúc tôi lại nhìn xem liệu cột buồm và lá buồm đã bị đánh trúng chưa. Chúng ập đến với sự giận dữ khủng khiếp đến nỗi chúng tôi tin rằng mấy con tàu sẽ bị phá hủy hoàn toàn. Suốt thời gian này nước từ trên trời đổ xuống không ngừng. Không thể nói đó là mưa, vì cảm giác giống như nó là sự lặp lại của Đại hồng thủy. Thủy thủ đoàn giờ đây đã mất hết ý chí nên họ mong chờ cái chết đến để được giải thoát khỏi nỗi khổ sở. Mấy con tàu đã hai lần bị mất xuống, neo, và hệ thống dây tời và buồm cũng bị cuốn đi mất.

Vào ngày 6 tháng 1, đội tàu tôi tả đến nghỉ ở nơi nay là Panama, bên ngoài một cửa sông mà Columbus chọn đặt tên là Río Belén, tên

viết tắt của Bethlehem. Sau ba ngày đối đầu đầy tham vọng với người Anh-điêng và những cuộc thám hiểm vô vọng trong công cuộc tìm vàng, *La Capitana* (tàu chỉ huy của Columbus) và *Vizcaína* theo dòng thủy triều qua cồn cát nơi cửa sông và ngược dòng theo Río Belén. Hình ảnh của mấy con tàu lạ đã thu hút sự chú ý của đám người Anh-điêng đang bán cá rong với tất cả sự nhộn nhịp của giới thương nhân bên cầu cảng Genoa hay Seville. Ferdinand kinh ngạc khi biết rằng bầy cá đã bơi ngược dòng để đổi mặt với số phận của mình. Để kiếm từng chút vàng ở bất cứ đâu mà ông có thể tìm thấy, Columbus đưa ra mấy chiếc chuông nhỏ và những chuỗi hạt đổi lấy các mẫu kim loại quý. Hôm sau, hai con tàu khác trong đội tàu vượt qua được cồn cát nơi cửa sông, và với lực lượng của mình đã được tập trung lại, Đô đốc chuẩn bị tuyên bố ông tin rằng vàng đang ẩn kín trong các mỏ của Veragua.

“Vào ngày thứ ba sau khi chúng tôi đến, *Adelantado* đi xuống dọc theo bờ biển và ngược dòng sông đến ngôi làng của Quibián”, Ferdinand viết. “Đây là cái tên mà những người Ấn Độ nọ dùng để gọi vua của họ.” Biết tin về những vị khách nơi xa, Quibián lập tức xuôi dòng trên mấy con thuyền độc mộc để đón chào họ. Kết quả có lẽ là một cuộc tiếp xúc đầu tiên lịch sử nhất trong toàn bộ hành trình: “Họ đối đãi với nhau trong tình thân ái và văn minh, mỗi người tặng người kia những thứ mà họ quý nhất; và sau khi đã trò chuyện một lúc lâu, *Adelantado* và Quibián đường ai nấy đi rất hòa bình”. Hôm sau, vị tộc trưởng quảng giao trở lại để chào Đô đốc trên boong tàu chỉ huy, tại đây họ nói chuyện khoảng một tiếng mà không hề kinh địch hay thù hiềm.

Rồi vào thứ Ba, ngày 24 tháng 1, một cơn bão nổi lên. Vừa trước đó, người Tây Ban Nha còn cảm thấy bình yên và an toàn, nhưng giờ đây, trong cơn đại hồng thủy, dòng Río Belén dâng tràn ngập hai bờ. “Trước khi chúng tôi có thể chuẩn bị hay kéo tời lên bờ”, Ferdinand nín thở viết, “cơn giận dữ của biển đã giáng lên tàu chỉ huy với sức

mạnh lớn đến độ làm đứt một trong hai dây neo và khiến nó va mạnh vào tàu *Gallega* đang ở phía sau, cú va làm văng mất cột buồm phía bánh lái” – cột buồm thứ tư, thấp và treo buồm tam giác. “Rồi, vừa va vào nhau, chúng vừa trôi nổi, đe dọa sẽ chìm cùng mọi người trên đó.” Nếu chúng chìm, tất cả sẽ biến mất, cả Columbus lẫn con trai ông cũng sẽ chìm cùng với chúng.

Cuối cùng thì mấy con tàu cũng cố gắng gỡ được nhau ra, và chúng trôi theo sông ra biển. “Cơn bão ngoài đó dữ dội đến mức đội tàu đã có thể bị nghiền nát thành từng mảnh ở nơi cửa sông.” Chẳng thể làm gì ngoài chờ đợi và cầu nguyện. Kết quả đã chứng minh quyết định liều mạng của Columbus trong việc không tìm nơi ẩn náu ngoài biển, nơi tai họa rình rập.

Vài ngày sau, khi trời sáng lên, ông giao cho Bartholomew em trai mình “định cư và chinh phục vùng đất”. Columbus sẽ từ bỏ việc tìm kiếm con lạch dẫn tới Ấn Độ ở giữa chừng cuộc thám hiểm để trở về Tây Ban Nha và các vị Quân chủ. Quyết định bất ngờ ấy cho thấy là ông ồm yếu hơn những gì mọi người, kể cả con trai ông, vẫn thấy, và trên hết ông muốn trở về Tây Ban Nha để bình phục, hoặc chết trong khi vẫn cố gắng.

CHƯƠNG 12



NHỮNG KẺ BƠ VƠ CHỐN THIÊN ĐƯỜNG

Đến ngày 6 tháng 2, Bartholomew dẫn một đoàn 68 người trên những chiếc xuồng chèo tay đi dọc bờ biển đến cửa sông Río Veragua, nằm về phía tây Río Belén, rồi ngược dòng tới ngôi làng của Quibián, nơi họ dành một ngày nghỉ ngơi sau những vất vả và tìm cách đi qua rừng rậm nhiệt đới tới các mỏ vàng. Quibián sẵn lòng cử người hướng dẫn để chỉ đường cho họ, và trong vòng vài giờ sau khi đến, họ bèn thu thập vàng, mà với nhiều người thì đây là lần đầu tiên trong đời. Đêm đó họ trở lại xuồng mình, cảm thấy mệt mỏi, hài lòng, và giàu có.

Sau đó, họ biết rằng những mỏ vàng hứa hẹn mà họ đã đến thăm không phải ở Veragua như họ nghĩ, mà là ở Urirá, một khu vực bên cạnh đang đánh nhau với Veragua. “Quibián dẫn người Ki-tô giáo đến đó để chọc tức kẻ thù của mình”, và thậm chí còn tệ hơn, hy vọng rằng người Ki-tô giáo sẽ đến vùng đó và bỏ qua vùng của ông ta”, Ferdinand nói. Một Quibián lễ độ, oai vệ có khả năng xảo trá hơn so với người châu Âu nghĩ, và bắt đầu âm mưu chống lại họ.

Trong lúc Columbus chuẩn bị quay về Tây Ban Nha, em của ông – *Adelantado* – thực hiện một cuộc thám hiểm tìm vàng khác. Trừ mảnh khóc liên quan đến mỏ vàng, người châu Âu được đón tiếp như các đại sứ hay khách quý ở bất cứ nơi nào họ đến, chứ không phải như

những kẻ chinh phục bị sợ hãi hay bị chửi rủa. Đến ngày 24 tháng 2, họ đi sâu vào đất liền khiến Bartholomew trở nên lo lắng: anh ta đã đi quá xa những con tàu và quyết định lần lại tuyến đường của mình.

Trên đường đi, và gần như là một ý nghĩ bất chợt, Ferdinand nhắc đến nó một cách khá tình cờ: *Adelantado* Bartholomew Columbus sẽ đặt cơ sở cho một khu định cư mới của người châu Âu, nơi đầu tiên trong khu vực. Được chia thành tám nhóm mỗi nhóm chục người, họ “chuẩn bị dựng nhà trên hai bờ sông Río Belén, cách cửa sông khoảng một tầm bắn đại bác, bên ngoài một con mương đổ vào con sông, dưới chân nó có một ngọn đồi nhỏ”, Ferdinand nhớ lại. Từng bước, hết ngôi nhà này đến ngôi nhà khác, đế chế của người Tây Ban Nha mở rộng dần vào vùng Trung Mỹ (không phải Veragua đã được thừa nhận như vậy vào thời gian đó). Chẳng bao lâu, “10 hay 12 ngôi nhà” xuất hiện trong rừng rậm nhiệt đới. Chúng không là gì so với những dinh thự cầu kỳ của người Maya, nhưng chúng mang lại mái nhà mà người châu Âu đã làm nên chúng có thể trú ngụ. “Bên cạnh những ngôi nhà này, được dựng lên từ gỗ và lợp lá lấy từ cây cọ mọc trên bờ, họ còn dựng một ngôi nhà to dùng làm nhà kho và chứa vũ khí, trong đó họ để nhiều bao quân nhu, bột, và đồ ăn”. Tuy nhiên, “những thứ cần thiết cho cuộc sống, như rượu vang, bánh quy, tỏi, dấm, và pho mai là tất cả các đồ ăn Tây Ban Nha mà họ có”, đều được giữ trên tàu *La Gallega* để an toàn tối đa. Columbus có ý định để tàu lại cho *Adelantado* sử dụng.

Nín thở, Ferdinand ghi lại ấn tượng của mình trong quá trình đó về người Anh-điêng vùng Veragua, cái cách họ quay lưng lại khi nói chuyện với nhau gây tò mò, thói quen liên tục nhai một thứ cây cỏ của họ (“Chúng tôi cho rằng đó chắc chắn là nguyên nhân khiến răng họ bị hỏng”); cách họ bắt cá bằng lưỡi câu “làm ra từ mai rùa” và sau đó gói cá vào lá để làm khô.

Trong khi những ấn tượng của mình về phong tục Anh-điêng ngày càng nhiều lên, cậu thiếu niên Ferdinand đi đến chỗ nhìn nhận

các vị chủ nhà của mình theo một quan điểm rất khác biệt với cách nhìn của cha mình. Đô đốc đánh giá khả năng của người Anh-điêng trên cơ sở vị lợi như ông có thể: sự khôn khéo, sự phù hợp đối với việc cải sang Ki-tô giáo, và tính hữu ích của họ. Ferdinand thì đơn giản kinh ngạc về vẻ đẹp và sự hiểu biết về môi trường của họ, và rất khác với cha mình, không bao giờ quên rằng mình đang ở trên mảnh đất quê hương họ, chứ không phải ngược lại. Trong các mô tả của anh ta, họ thường hiện ra và biến mất mà không báo trước, thường là tốt bụng, đôi lúc ranh mãnh, luôn bao trùm trong sự bí ẩn. Đối với cậu thiếu niên, họ là *người Anh-điêng*, không phải những nô lệ tiềm năng hay cần được cải đạo. Bản thân họ đã hoàn hảo rồi.

Ferdinand khám phá ra, người châu Âu ở Veragua sống cạnh các tuyến đường thủy, và chết cũng cạnh đó. “Con sông, vốn lúc trước đã đẩy chúng tôi vào đau khổ tận cùng khi gây lụt lội, giờ lại đẩy chúng tôi vào sự khô hạn thậm chí còn tệ hơn do mức nước giảm đột ngột”, anh ta u ám quan sát. “Lý do là những cơn mưa tháng 1 đã ngừng, cửa sông bị cát lấp thay vì bốn sải nước, mức vừa đủ cho phép chúng tôi đi vào, giờ đây ở đó chỉ có nửa sải nước còn dưới là cát. Vì thế chúng tôi thấy mình bị kẹt lại và không có hy vọng được giải thoát.” Kéo tàu vượt qua cồn cát ra biển là điều không thể, và “thậm chí nếu chúng tôi có thiết bị để làm việc đó, biển cũng chẳng bao giờ êm ả ngoài con sóng nhỏ nhất cũng có thể xô tàu vào bờ vỡ thành từng mảnh – đặc biệt là mấy con tàu của chúng tôi đã giống như những tổ ong, bị lũ hà ăn mòn và đục thủng”. Tất cả những gì họ có thể làm là cầu mưa, mà nếu đủ lượng mưa sẽ nâng các con tàu qua cồn cát vào vùng biển rộng mở.

Họ thà chịu những mối nguy của đại dương còn hơn chịu những mối nguy trên đất liền, nơi đồng minh Quibián một thời của họ “đã bị xúc phạm nặng nề vì chúng tôi định cư trên con sông đó”, giờ đây “lên kế hoạch đốt nhà và giết người Công giáo”. Để trả đũa, người Tây Ban Nha sẽ đánh thó Quibián và cuỗm “tất cả người dân bản địa hàng

đầu” đến Castile, và đảm bảo những người ở lại phía sau “chấp nhận sự thống trị của người Ki-tô giáo”.

Không khả thi với kế hoạch đánh lừa sau khi đã làm vị tộc trưởng tin mình, người của Columbus dựa vào ngựa, chó, và trên hết là những vũ khí bắn ra lửa của họ để thắng thế. Và thế là bối cảnh đã được sắp đặt cho một trận đối đầu khác giữa người Ki-tô giáo chính đáng và người Anh-điêng khiếp sợ.

Vào ngày 30 tháng 3, *Adelantado* lên đường cùng 74 người tới một ngôi làng ở Veragua để đối đầu với Quibián. Từ túp lều bên đồi của mình, vị tộc trưởng cảnh báo người Ki-tô giáo tránh xa. Ông ta không muốn người thân của mình nhìn thấy ông ta với những kẻ ngoại lai, cũng không muốn những kẻ ngoại lai vi phạm sự thiêng liêng nơi quê hương mình. Bartholomew đến cùng với một nhóm chỉ gồm có năm người để ngăn vị tộc trưởng bỏ trốn. Liệu điều gì có thể gây hại cơ chứ? Trong lúc đó, những người châu Âu khác ẩn trong rừng rậm theo từng cặp tách biệt, sẵn sàng bủa vây. “Đến cách túp lều trong một tầm súng hỏa mai, họ chuẩn bị bao vây nó và không cho ai chạy thoát.” Đó là một việc làm lỗ bịch, cố gắng biến người Anh-điêng thành tù nhân trong ngôi làng của chính họ, nhưng Bartholomew cứ tiến lên với sự bướng bỉnh cũng xứng với anh trai mình. Khi anh ta đến gần túp lều, “Quibián nói rằng *Adelantado* không được phép bước vào lều, rằng mặc dù ông ta đang bị đau do vết thương từ mũi tên, nhưng ông ta sẽ tự ra ngoài để nói chuyện với anh ta. Ông ta làm vậy để ngăn người Ki-tô giáo nhìn thấy các bà vợ của mình, vì người Ấn Độ hay ghen. Vậy là ông ta bước ra và ngồi xuống bệ cửa, nói rằng *Adelantado* có thể đến gần, và *Adelantado* đã làm vậy, bảo những người Ki-tô giáo khác tấn công ngay khi anh ta dùng tay tóm được Quibián”.

Tính toán rằng người của mình ẩn náu ngay trong tầm nhìn, Bartholomew giả bộ lo lắng cho cánh tay bị thương của vị tộc trưởng,

nắm lấy và túm chặt nó cho đến khi bốn người Tây Ban Nha đi cùng chạy đến túp lều để bắt giữ Quibián làm con tin. “Sau đó người thứ năm bắn một phát súng, và tất cả người Ki-tô giáo lao ra từ nơi ẩn nấp và bao vây túp lều.” Bên trong, họ tìm thấy 50 người Anh-điêng, bị họ bắt mà không phải chịu một vết thương nào. Trong đó có cả vợ con của Quibián. Hình ảnh vị tộc trưởng của họ bị bắt làm tù nhân khiến những người Anh-điêng khác tê liệt, thay vì chống cự, họ “đề nghị một khoản chuộc hậu hĩnh cho tự do của mình, nói rằng họ sẽ trao cho chúng tôi một kho báu lớn được giấu trong khu rừng gần đó”. *Adelantado* chẳng màng đến nó, và cộc cằn ra lệnh đưa Quibián, các bà vợ, con cái, và người đi theo ông ta tới giam trên mấy con tàu trước khi những người Anh-điêng khác có thể giải cứu. (“Đây là một trong vài vụ việc lớn được người chỉ huy hoàn thành vào hôm đó và ở địa điểm đó”, Las Casas nhận xét đầy châm chọc.) Khi người Anh-điêng được đưa đi, Bartholomew và người của mình ở lại sau để bình định các đồng minh và gia đình của Quibián.

Kế hoạch của người Tây Ban Nha bắt đầu tan vỡ khi họ tranh cãi về việc ai là người phải hộ tống hàng tá người Anh-điêng bị bắt về con tàu đang đợi nơi cửa sông. Cuối cùng, Ferdinand cho biết, trách nhiệm rơi vào Juan Sánchez xứ Cadiz, viên hoa tiêu chính được coi trọng của đội tàu. Anh ta đề nghị “trói tay và chân” vị tộc trưởng để đưa đi.

Adelantado đồng ý, nhắc nhở viên hoa tiêu luôn giữ cho Quibián được an toàn. Nếu vị tộc trưởng bỏ trốn, Sánchez thề “sẽ cho phép nhổ từng sợi râu trong bộ râu quai nón của mình”. Sau đó, Sánchez đi xuôi dòng với Quibián được canh gác kỹ lưỡng. Khi họ đến gần cửa sông, vị tộc trưởng bắt đầu kêu ca là mấy sợi dây trói làm ông ta bị đau. Thương hại ông ta, Sánchez bèn nới lỏng các sợi dây đang trói ông ta trừ sợi dây trói tay.

Cẩn thận quan sát người bắt giữ mình, Quibián chọn khoảnh khắc khi viên hoa tiêu hơi xao lãng để nhảy ra khỏi tàu. Sợi dây buộc hai người lại với nhau đã kéo Sánchez mạnh đến mức anh ta buộc phải thả nó ra để không bị vị tộc trưởng con tin kéo đến chết. “Lúc này trời đã tối, và các

tù nhân khác gây ồn ào nên người Ki-tô giáo không thể nghe hay nhìn thấy vị tộc trưởng bơi vào bờ, và ông ta biến mất như một hòn đá bị ném xuống nước.” Quibián đã chạy trốn vào trong đêm, còn Sánchez chán nản nhận ra rằng anh ta đã vi phạm lời thề của mình. Nếu những sợi râu của anh ta thực sự bị nhổ thì hẳn chuyện này đã được nhắc tới.

Cương quyết và không hề sợ hãi, *Adelantado* sục sạo những vùng đồi núi rậm rạp để tìm kiếm người Anh-điêng bỏ trốn. Đến ngày 1 tháng 4, anh ta cảm thấy ngờ vực. Cư dân đã rời bỏ vùng đồng quê, mấy túp lều trống nằm rải rác quanh đồi như vài người lính canh lặng lẽ. Thậm chí anh ta phải thừa nhận rằng sẽ khó khăn để trở về an toàn nếu bị tấn công, nhưng anh ta đã quay lại được nơi mấy con tàu đang đợi mà không bị mất một ai. Anh ta trình lên Columbus với “trị giá khoảng 300 ducat dưới dạng những chiếc gương và hình đại bàng bằng vàng, những dây chuyền vàng mà người Ấn Độ đeo nơi cổ tay và cổ chân, và những dây vàng được họ đeo quanh đầu kiểu như vương miện nhỏ”. Họ để một phần năm sang một bên, là phần của các vị Quân chủ, và “chia phần còn lại cho các thành viên của đoàn thám hiểm, đưa cho *Adelantado* một trong những vương miện như dấu hiệu của chiến thắng” – một chiến thắng mà sẽ tỏ ra là vô giá trị.

Cho đến lúc này, vận may đã ưu ái Đô đốc. Mưa đã quay lại do những lời cầu nguyện nhiệt thành của họ, họ tin vậy, và dòng sông dâng lên đến độ mấy con tàu có thể đi qua đụn cát nơi cửa sông ra biển cả. Columbus nắm lấy cơ hội để bắt đầu chuyến trở về với ba con tàu “có thể đến khu định cư nhanh nhất như có thể” – một nơi định cư chỉ bao gồm 8 hay 10 chỗ ở, một nhóm người, và vô vàn người Anh-điêng đang chờ đợi để lấn át họ. Đô đốc cho thấy mọi chỉ dấu của việc vận dụng chiến lược không đáng tin cậy mà ông đã áp dụng trong hải hành thứ nhất để đảm bảo cho mình hải hành thứ hai: để lại một số ít người, dễ bị tấn công, được trang bị tồi, và lòng trung thành hay dao động, giữa một nơi hoang vắng thù địch, và do đó đòi hỏi sự cứu viện.

Mặc dù Columbus liên tục cho thấy sự điều khiển hàng hải vượt Đại Tây Dương một cách điêu luyện, đem đến kết quả là những chuyến vượt biển nhẹ nhàng và an toàn, nhưng mấy con tàu dường như luôn gặp khó khăn ngay từ lúc khởi hành, và họ cứ phải chắt lên rồi lại dõ xuống đồ dần nhằm giúp tàu đủ nhẹ để vượt qua cồn cát nơi cửa sông. Thậm chí Ferdinand, người đặt tất cả lòng tin vào kỹ năng đi biển của cha mình, cũng bắt đầu có những nghi ngờ. Khi “chúng tôi ra đến bờ biển trống trải”, anh ta nhớ lại, “tính từ cửa sông là một hải lý, và chuẩn bị khởi hành, Chúa đưa vào óc Đô đốc ý nghĩ cử chiếc xuống của tàu chỉ huy quay vào bờ để lấy thêm nước dự trữ... nơi mà chiếc xuống đã bị mất nhưng nhiều người trên đó được cứu cả trên bờ lẫn dưới biển”. Liệu cha cậu có thể đang nghĩ gì?

Sau sai sót trong đánh giá này, mọi thứ không bao giờ còn như trước nữa.

Ferdinand viết, “Khi người Ấn Độ và Quibián nhận thấy mấy con tàu buồm đã ra khơi, và chúng tôi không thể giúp những người còn ở lại phía sau, họ liền tấn công thị trấn Ki-tô giáo ngay khi chiếc xuống của tàu đang đến gần bờ. Cây bụi rậm rạp cho phép người Ấn Độ trườn đến mà không bị phát hiện khi chỉ cách các túp lều 50 foot; họ tấn công trong những tiếng hú hét to, bắn tên vào bất cứ người Ki-tô giáo nào họ thấy”. Sững sờ, người của Columbus chiến đấu vì mạng sống của mình, dẫn đầu là Bartholomew, người đã ngày càng lấp chỗ trống trong vai trò lãnh đạo mà người anh trai nhu nhược của anh ta để lại.

Chụp lấy một ngọn giáo, *Adelantado* đã tìm thấy nguồn dũng cảm mới, tấn công người Anh-điêng lúc này đã lui vào khu rừng giáp với nơi ở của họ. Cả hai phía đều bắn tên hay lao giáo vào nhau, như thể “trong một trò chơi cưỡi ngựa đấu thương”, Ferdinand nhận xét. Người Tây Ban Nha đẩy lùi người Anh-điêng “bằng lưỡi kiếm và bằng một chú chó điên cuồng đuổi theo họ”. Thiệt hại: “một người Ki-tô giáo bị chết

và bảy người bị thương, trong đó có *Adelantado*, bị một mũi tên đâm vào ngực”. Nhưng anh ta sẽ qua khỏi được.

Ferdinand ở ngay gần trận đánh, tỏ ra hài lòng với kết quả, nhưng Las Casas thì giận dữ khi ông ta xem xét ví dụ mới nhất này về sự dã man của người Tây Ban Nha: “Vẫn luôn là vậy, chính người Ấn Độ trần truồng đáng thương và không được bảo vệ bị thiệt hại hơn trong khi người Tây Ban Nha tự do dùng kiếm chém giết họ, cắt đứt tay chân họ, mổ bụng họ, và chém đầu họ, rồi thả chó ra để săn đuổi và cắn xé họ thành nhiều mảnh”. Las Casas chắc đã vô cùng hài lòng khi ghi lại rằng những mũi tên của người Anh-điêng sau đó đã lấy đi mạng sống của nhiều nạn nhân Tây Ban Nha đang cố bỏ trốn khỏi các chiến binh Anh-điêng bằng mấy chiếc thuyền của họ. Một trong những người sống sót, thợ đóng thùng từ Seville tên là Juan de Noya, trốn thoát bằng cách bơi dưới nước tới bờ sông, chạy vào rừng an toàn và cuối cùng đến được khu định cư nhỏ bé của người châu Âu, ở đó anh ta cảnh báo mấy người khác về cuộc tấn công và thương vong. “Trước tin này, người của chúng tôi ở bên nhau với nỗi sợ hãi”, Ferdinand nói. Họ ít hơn hẳn về số lượng, nhiều đồng đội của họ đã chết, còn “Đô đốc ở ngoài biển, không có xuồng và không thể cứu viện họ”.

Họ không có lựa chọn nào ngoài việc bỏ trốn khỏi khu định cư trước khi chính mình cũng bị giết. “Người Tây Ban Nha đã có thể làm thế, theo kiểu bừa bãi và nổi loạn, nếu như không bị ngăn trở bởi một con sông và thời tiết xấu ập tới.” Họ không thể hạ thủy chiếc tàu buồm được để lại cho mình, và “họ thậm chí không thể cử một chiếc xuồng đi báo cho Đô đốc về điều đã xảy ra vì biển đã tràn vào rất mạnh qua cồn cát nơi cửa sông”. Họ đã bị mắc kẹt, bơ vơ chốn thiên đường. “Ấn Độ” mà Columbus từng tìm kiếm nhiệt thành và khám phá kỹ lưỡng đến thế đã đánh bẫy ông. Không có con tàu đủ vững chắc để đi biển, và không có hy vọng được giải cứu, họ sẽ chết trong sự tối tăm cùng cực. Tuyệt vọng, họ nổi loạn, “chen chúc trên con tàu với ý định tìm

đường ra biển, chỉ để thấy đường đi của họ đã bị một cồn cát nơi cửa sông chặn lại”. Biển động dữ dội và rung lắc đã ngăn cản việc họ cho một chiếc thuyền báo tin đến Columbus.

Đô đốc cũng lâm nguy, thả neo ngoài bờ biển rất nhiều đá, không có lấy một chiếc xuống trên tàu, và người Anh-điêng đã làm hao hụt một phần mười lực lượng của ông. Tệ hơn, người Tây Ban Nha bị mắc cạn trên đất liền còn phải chịu nỗi đau của việc nhìn thấy xác những người đồng hương trôi theo dòng nước, với các vết thương há miệng vì bị đâm. Trên nền trời đông bão, quạ và kền kền “đồng loạt kêu rên và chao lượn”, nhào xuống mở tiệc trên những xác chết “cứ như bị quỷ ám”.

Trong lúc đó, Ferdinand viết, họ lặng lẽ di chuyển đến “một khoảng rộng đã được dọn sạch trên bờ đông của con sông”, tại đây họ dựng lên một pháo đài tạm bợ từ mấy chiếc thùng đựng và các mảnh pháo. Pháo đài tỏ ra được việc, và người Anh-điêng khiếp sợ mấy quả đạn pháo, nên tránh xa.

Cơn bão đã hành hạ Columbus, ông trải qua các cơn gió gầm rú và sóng nhồi khủng khiếp như được mô tả trong sách Khải huyền, mọi thứ còn tệ hơn trước nỗi lo lắng về việc người Anh-điêng đã giết những người mà ông bỏ lại sau. Toàn bộ thời gian ông giam mình trong buồng lái thuyền trưởng, không rộng hơn một chiếc tủ là mấy, yếu ớt và ốm đau nên khó mà triệu tập được một cuộc chiến chống lại kẻ thù và những yếu tố thiên nhiên.

Nhớ lại cơn khủng hoảng vì lợi ích của Ferdinand và Isabella, những người chỉ có thể coi ông là điên rồ khi nghe ông giải thích, ông mô tả tình huống khó khăn ngày một tệ hơn với mỗi tia chớp lóe lên. “Em trai tôi và những người còn lại trong thủy thủ đoàn đang ở trên một con tàu còn ở lại phía trong [cồn cát] trong khi tôi một mình bên ngoài, nơi biển khơi hoang dã và sốt cao, ốm yếu đến nỗi mọi hy vọng bình phục đều tiêu tan.”

Cuối cùng, điều khó tin đã xảy ra; từ tàu chỉ huy *La Capitana* Columbus nghe thấy một tiếng nói từ trên trời, chỉ định ông làm người tiếp nhận thánh thư mới:

Trong tình trạng bị hành hạ như thế, tôi đi tới nơi cao nhất của con tàu, cầu xin sự giúp đỡ bằng giọng sợ hãi, khóc lóc, và với sự xúc động mãnh liệt khẩn nài sự giúp đỡ từ bốn ngọn gió cứu viện của các Bộ hạ bách chiến bách thắng, nhưng chẳng có ai đáp lời. Một lử, tôi rên rỉ thiếp đi. Tôi nghe thấy một giọng nói nhân từ bảo,

“Ôi đồ ngốc, ôi kẻ tin tưởng và phụng sự Chúa, Chúa của tất cả, Người đã làm nhiều hơn cho Moses hoặc David, những tôi tớ của Người. Người đã luôn chăm sóc người từ khi sinh ra; khi Chúa thấy người đến tuổi để phụng sự Người, Người đã khiến tên tuổi người vang vọng toàn thế giới. Ấn Độ, phần thế giới giàu có làm sao, Người ban cho người; người chia nó ra theo cách người nghĩ là tốt nhất, và Người cho phép người làm như vậy. Người ban cho người những chìa khóa mở cánh cửa của Đại dương, được khóa bằng sợi xích vô cùng chắc chắn; người được nghe theo ở rất nhiều đất nước và điều này mang lại cho người sự nổi tiếng vinh quang giữa tất cả người Ki-tô giáo...”

Như thế bị lịm đi tôi lắng nghe tất cả nhưng không thể đáp lại những lời xác thực đến thế, và tôi không thể làm gì ngoài việc khóc cho các lỗi lầm của mình. Người đang nói chuyện với tôi, bất kể Người là ai, đã kết thúc như sau:

“Đừng sợ, hãy giữ niềm tin.”

Không rõ liệu Columbus có thực sự đến được “chỗ cao nhất” trên con tàu của ông hay không. Con trai ông ở trong số những người nhắc đến việc ông không thể rời buồm lái. Có lẽ ông leo lên được “chỗ cao nhất” trong trí tưởng tượng của mình. Bất kể vị trí thực của mình là ở đâu, ông tin rằng đã nghe thấy giọng nói của Chúa.

Theo lời kể của Columbus, niềm tin của ông đã được đền đáp chín ngày sau đó, vào ngày 15 tháng 4, khi thời tiết đã sáng lên đủ để

tập hợp những người sống sót trong trận tàn sát và cơn bão ở chuyển đi cuối cùng. Bất chấp tất cả, ông vẫn cương quyết quay về Tây Ban Nha, đưa ra lời biện minh thế này: “Tôi sẽ ở lại với mọi người để bảo vệ thuộc địa nếu tôi có cách để thông báo với các Bệ hạ”. Cáo lỗi với các vị Quân chủ nơi xa, ông rời đi “vào đêm Phục sinh” – 16 tháng 4. Bị lũ hà tàn phá, đội tàu của ông không còn đủ sức để đi biển nữa. Ông bỏ lại tàu *La Gallega* mỏng manh tại Belén, và liền sau đó bỏ rơi tàu *Vizcaína* ngay trước khi nó bị vỡ. “Chỉ còn lại hai tàu, cùng một tình trạng như các tàu khác, không có xuống hay đồ dự trữ, để vượt qua 7.000 dặm biển và sông nước hay những gì khác nữa với nguy cơ sẽ chết cùng với con trai, em trai và rất nhiều người khác”, ông than. Đối với những ai dám chỉ trích quyết định của Columbus, ông đáp: “Tôi muốn được nhìn thấy họ trong chuyến đi này!”

Trong khi Columbus trải qua cơn phẫn chấn nhẹ, xuất hiện cùng với niềm tin còn nguyên vẹn, tình hình trên tàu *Bermuda* xấu đi nhanh chóng. Chen chúc trong khoang chứa hôi hám là các bà vợ, con cái, và họ hàng của Quibián, vị tộc trưởng đã tự giải thoát khỏi những kẻ bắt mình và trốn khỏi người canh giữ Juan Sánchez. Họ cũng quyết định bỏ trốn.

Một đêm, cánh thủy thủ ngủ trên boong cầu thả không dùng xích khóa cửa hầm. Bên dưới, người Anh-điêng chất các bao dẫn và đá rời thành một đống. Cố giữ thăng bằng trên đó, họ dùng vai đẩy vào mặt dưới của cửa hầm, lăn mấy thủy thủ đang nằm duỗi dài ngủ trên đó ra, và trước khi những người châu Âu khác trên tàu kịp phản ứng, vài người dẫn đầu đã nhanh chóng trèo ra và nhảy vào tự do. Khi tỉnh dậy và nhận thấy điều gì đã xảy ra, các thủy thủ đóng cửa hầm lại, lăn này bằng một chuỗi xích, và thấy rằng tốt nhất họ không được ngủ khi đang canh gác.

Người Anh-điêng bên dưới boong tàu mất hết mọi hy vọng tìm lại được tự do của mình. Họ hẳn sẽ bị chết đói hay chết ngạt ở nơi xa quê

hương. Trong cơn tuyệt vọng, họ thu thập những chiếc dây lại, và từng người từng người một, treo cổ tự vẫn trên mấy thanh ngang của boong tàu, “đầu gối co lại bởi họ không có đủ chỗ để tự treo cổ một cách tử tế”, Ferdinand nói. Đến lúc được phát hiện ra thì đã quá muộn để cứu họ.

Ferdinand nhấn tâm cho rằng “cái chết của họ là mất mát lớn đối với chúng tôi trong đội tàu, nhưng cũng làm trầm trọng thêm tình cảnh của những người trên bờ”. Anh ta tin rằng giữ con cái của Quibián làm con tin đã khiến vị tộc trưởng không dám lại gần, nhưng giờ đây khi dám con tin đã tự tử, thì người châu Âu trên đất liền và ngoài biển sẽ dễ bị làm hại trước sự trả thù của người Anh-điêng. Người con trai của Đô đốc than van không phải về cái chết của người Anh-điêng mà là về “những bất hạnh và lo âu, với mạng sống của chúng tôi treo trên những dây neo tàu, và bản thân chúng tôi hoàn toàn mù tịt về tình trạng của những người trên bờ”. Căn cứ vào cách người Tây Ban Nha nhấn tâm đối xử với các con tin vô tội trên con tàu của họ, chẳng có gì ngạc nhiên khi người Anh-điêng trên bờ đáp trả lại để tự vệ.

Trong khi tiếp tục bao vây trên đất liền, người Tây Ban Nha nhận ra rằng cần phải cứu những người bị kẹt ở pháo đài tạm đó, nếu không họ sẽ bị giết. Vài thủy thủ khỏe mạnh đề nghị chèo xuống – lúc ấy là chiếc xuồng cuối cùng duy nhất còn lại của toàn đội tàu – đến chỗ cồn cát nơi cửa sông. Columbus có rất ít lựa chọn ngoài việc “chấp nhận lời đề nghị”, và chiếc xuồng của tàu *Bermuda* đã đưa họ đến chỗ “cách đất liền một tầm súng hỏa mai; họ không thể đến gần hơn vì những đợt sóng đập vào bờ”. Khi đến được điểm này, Pedro de Ledesma, viên hoa tiêu từ Seville, “dũng cảm nhảy xuống và bơi qua cồn cát đến khu định cư”. Khi đến nơi, anh ta nghe thấy những người bị mắc cạn ở đó xin được cứu khỏi “tình thế vô vọng; họ xin Đô đốc đưa họ lên tàu, vì bỏ họ lại đằng sau là đẩy họ vào chỗ chết”. Một số đe dọa nổi loạn. Họ định ăn trộm một chiếc thuyền của người Anh-điêng và trở về đội tàu bằng cách đó nếu cần, thà “đánh cược mạng

sống của họ theo cách này còn hơn ngồi chờ chết trong tay lũ đồ tể độc ác đó – những người Ấn Độ”.

Cân nhắc câu chuyện đáng thương mà Ledesma và những người khác mang về, cùng với lời đe dọa nổi loạn, Đô đốc mềm lòng lại một chút, và quyết định rằng ông sẽ ban cho họ điều cầu xin, thậm chí nếu như điều đó có nghĩa là “nằm ngoài khơi mà không có khả năng cứu họ hoặc chính ông nếu thời tiết trở nên xấu đi”. Sau tám ngày “phó mặc cho những dây neo nơi mũi tàu”, mà Ferdinand hàm ý là một mỏ neo duy nhất nối giữa con tàu và tai họa, thời tiết sáng dần lên, và người châu Âu bị mắc cạn bắt đầu “chở mình và đồ dùng qua cồn cát nơi cửa sông, sử dụng chiếc xuồng duy nhất của họ và hai chiếc thuyền độc mộc to được buộc lại với nhau để không bị lật”. Việc vận chuyển mất hai ngày cực nhọc, sau đó “chẳng còn lại gì trên bờ, trừ thân tàu *Gallega* đã bị hà ăn”.

Nhẹ nhõm đến độ phờn phơ, những kẻ sống sót giương buồm vào ngày 16 tháng 8 năm 1503, đi theo bờ biển về hướng đông. Một cuộc tranh cãi về đi biển nổ ra. Các hoa tiêu, dựa vào những tấm hải đồ đơn sơ của mình, tin rằng Hispaniola nằm về phía bắc, trong khi anh em nhà Columbus “biết rằng cần phải đi một khoảng khá xa theo bờ biển trước khi vượt qua vùng biển nằm giữa lục địa và Hispaniola”. Quyết định của họ gây nên sự hoang mang chứa điếm gở trong các thủy thủ, tin rằng “Đô đốc định đi thẳng về Tây Ban Nha với mấy con tàu không phù hợp và đồ dự trữ ít ỏi”.

Đội tàu nhỏ bé đi theo con đường của nó cho đến khi quay lại Puerto Bello, nơi “chúng tôi buộc phải bỏ lại tàu *Vizcaína* vì nó bị rò rỉ nhiều nước và vì những tấm ván của nó đã bị hà ăn thủng hoàn toàn”. Lần theo con đường của đội tàu, hai tàu còn lại, *La Capitana* và *Bermuda*, đi qua Retrete và quần đảo Las Mulatas – cách Puerto Bello 130 dặm về phía đông – để hướng về một mũi đất lổm đổm mà Columbus gọi là Marmóreo, trong tiếng Bồ Đào Nha nghĩa là “vân cẩm thạch”.

Được những ngọn gió mậu dịch đưa đi, thoát khỏi bất hạnh trong khoảnh khắc, đội tàu đã được rút gọn của Columbus đến được mũi Tiburón, Colombia, vào ngày 1 tháng 5, và hướng về phía bắc, “với các ngọn gió và dòng chảy theo hướng đông, luôn cố đi bằng cách nương sát theo gió nhất có thể”. Một lần nữa, các hoa tiêu cố gắng nói với vị Đô đốc nóng tính “rằng chúng ta đã vượt qua phía đông của các đảo vào quần đảo tại Caribbean, nhưng Đô đốc sợ rằng ông ấy sẽ không thể tìm về Hispaniola”. Vào ngày 10 tháng 5, một ngày thứ Tư, họ nhìn thấy mấy hòn đảo nhỏ xíu đầy những con rùa – “cũng như tất cả vùng biển quanh đó, nên ở đây có vẻ đầy những tảng đá nhỏ” – và đặt tên chúng là Las Tortugas, nay là quần đảo Cayman mà chẳng mấy chốc họ đã để lại phía đuôi tàu.

Ngày 13 tháng 5, Columbus đến gần Cuba trong tình trạng tuyệt vọng. Ferdinand liệt kê tình cảnh khốn khổ của họ: “Trong lúc chúng tôi thả neo nằm ở đó, cách Cuba 10 hải lý, chịu đói khát vì chúng tôi không có gì để ăn ngoài bánh quy và một ít dầu và dấm, và kiệt sức bởi suốt ngày đêm vận hành ba chiếc bơm để giữ cho mấy con tàu nổi (chúng đã gần chìm vì những lỗ thủng do hà tạc nên), thì đến đêm lại có một cơn bão lớn nổi lên, khiến tàu *Bermuda* không thể điều khiển được trong cơn bão, mắc vào chúng tôi và làm gãy mũi tàu” – phần trước của thân tàu – “con tàu cũng không rời hẳn ra, mà phần đuôi của nó lại va mạnh vào bánh lái”. Giữa cơn mưa gió quật vào cột buồm, buồm, và thùng chèo, còn hai con tàu thì cưỡi lên biển cuộn sóng, họ cố tách hai con tàu ra trước khi chúng bị tàn phá nặng hơn.

Cơn bão đã kéo căng hết cỡ những sợi dây nối với neo. Buổi sáng, thủy thủ đoàn thấy mỗi một sợi còn nguyên vẹn. Họ đánh giá, nếu cơn bão kéo dài thêm chỉ một giờ nữa, sợi này sẽ bị đứt nốt và thân tàu sẽ va vào đá. Nhưng con tàu đã được giữ lại bởi cái sợi mỏng manh ấy. “Vậy là Chúa đã vui lòng cứu chúng ta”, Ferdinand nhận xét đầy biết ơn.



Trong suốt cơn bão, Columbus tỏ ra điều khiển được các bộ phận cơ thể, nhưng một lá thư ông viết sau đó mấy tuần đã xác nhận mối nghi ngại ở các hoa tiêu của ông. Ông đã nửa điên, nửa mù, và nghe thấy các giọng nói. Địa lý được gợi cảm hứng từ Kinh thánh của ông khẳng định rằng ông đã, theo lời ông, “đến được khu vực của Mangoⁱ, gần Cathay”. Bằng cách nào đó ông sẽ phải tìm được Hispaniola từ vị trí ảo tưởng đó.

Ông tiếp tục chiến đấu. Chỉ cần ông có thể tới gần vĩ tuyến bắc hơn, là có thể bắt được những ngọn gió mậu dịch đến Tây Ban Nha và an toàn, nhưng ông thú nhận, “biển động đã thắng thế, và tôi phải quay lại mà không có buồm. Tôi quăng neo ở một hòn đảo nơi tôi mất ba cái neo liền chỉ với một lần quăng, và vào nửa đêm, khi thế giới có vẻ sắp biến mất, mấy sợi dây neo của con tàu lại đứt và chúng tôi bị cuốn đi, vậy nên việc chúng tôi không bị tan thành từng mảnh là một điều kỳ diệu; sau Chúa, chính là chiếc neo và cách nó giữ đã cứu tôi”.

Khi thời tiết hửng lên một chút, đội tàu mỏng manh trở lại với biển khơi, nhưng Columbus rên rỉ, “với tất cả hệ thống dây buồm đã bị mất, mấy con tàu bị hà đục thủng còn hơn cả tổ ong, và thủy thủ đoàn sợ hãi và tuyệt vọng, thì tôi chẳng đi xa hơn được lúc trước bao nhiêu”. Thời tiết xấu buộc ông phải quay lại một cảng khác ở hòn đảo mà ông vừa rời đi – khó để định rõ đó là đảo nào, bởi Columbus nghĩ ông đang đến gần Trung Hoa – nơi ông mòn mỏi đợi chờ ở đó trong tám ngày trĩu nặng lo lắng, cuối cùng cũng đến được Jamaica vào cuối tháng 6, “luôn với những ngọn gió ngược và với mấy con tàu trong tình trạng tệ hơn bao giờ hết”. Mấy con tàu bị nước vào nhanh đến mức thậm chí khi ba chiếc bơm cùng hoạt động, thủy thủ đoàn vẫn không thể ngăn nước ngừng dâng; họ phải viện đến việc tát nước bằng ấm và

i. Tên gọi của Đại hãn Mông Kha, một vị cháu trai của Thành Cát Tư Hãn (Grand Genghis) ở Mông Cổ, và là anh trai của Đại hãn Hốt Tất Liệt. Cái tên xuất hiện với phiên bản “Mangu” hay “Mongu” trong tác phẩm *Travels* của Marco Polo. (BT)

chậu, nhưng tất cả đều vô ích. Mấy con tàu có vẻ như đang thẳng tiến đến một tai họa khó tránh.

Đau khổ của ông đã đến độ cùng cực, và viễn cảnh sống sót từ ngày này sang ngày khác chẳng có gì chắc chắn, tới nỗi trong khi mấy con tàu của ông hướng mũi về phía Hispaniola, ông đã thú nhận, “ước gì tôi chưa bao giờ ra khơi”. Tình cảnh này là điều bất lợi nhất mà ông phải chịu đựng trong những năm tháng ở Caribbean. “Con tàu đã chìm một nửa kia phải vội vàng tìm cảng đậu. Tôi vật lộn với biển cả giữa cơn bão. Trong lúc tàu tôi chìm Chúa bèn đưa tôi lên đất liền một cách thần kỳ.” Ông dùng bút để nhớ lại, “Ai có thể tin nổi điều tôi đang viết?”

Diễn giải nhận xét nổi tiếng của Marco Polo rằng cuốn *Travels* còn chưa chứa tới một nửa những gì từng xảy ra với mình, Columbus tuyên bố, “Trong thư này, tôi chỉ báo cáo một phần trăm những gì đã xảy ra. Những người ở bên Đô đốc có thể làm chứng cho điều đó”. Thậm chí nếu trong đầu ông có xảy ra nhiều rối loạn đi nữa, thì mọi việc vẫn gây choáng váng.



Trong điều kiện kinh khủng này, Columbus một lần nữa lại thay đổi đường đi. Giờ đây đội tàu hướng đến Jamaica, vì như Ferdinand giải thích, “những ngọn gió đông và dòng chảy mạnh theo hướng tây sẽ chẳng bao giờ để chúng tôi đến được Hispaniola – đặc biệt là khi tàu đã bị hà đục thủng đến thế”. Thủy thủ đoàn tiếp tục vận hành ba chiếc bơm cả sáng, trưa, và tối, nhưng vào đêm trước ngày Hạ chí, 23 tháng 6, “nước trong tàu chúng tôi dâng cao đến mức nó gần đến boong”. Họ bám víu vào con tàu rách nát trôi nổi, hầu như không thể điều khiển được nữa. Nhưng bản năng sống còn đã thúc đẩy họ chống lại những khó khăn cùng cực. “Vô cùng vất vả chúng tôi tiếp tục trong trạng thái này cho tới khi trời sáng thì chúng tôi đến được cảng ở Jamaica tên là Puerto Bueno” trên bờ biển phía bắc, sau này gọi là cảng Dry.

Từ boong con tàu đang chìm, bến cảng rộng rãi hiện ra thanh bình, nhưng có vẻ không có nguồn nước ngọt, họ cũng chẳng thấy một ngôi làng Anh-điêng nào, nơi họ có thể bổ sung các thứ. Mạo hiểm thêm một ngày nữa trên con tàu mỏng manh, Columbus đi về hướng đông đến một nơi trú ẩn mà ông đặt tên là Santa Gloria, nay là vịnh St. Ann, một chuỗi gồm vịnh nông, dễ quạt bồi tích, và đầm lầy. Đến gần bờ, Columbus và người của mình nhìn thấy cây tuyết tùng thơm, cây gỗ hồng sắc, cây gỗ mun, cây gỗ dái ngựa, cọ bắp cải, dừa và cây mahoe xanh mọc cao tới hơn 18m, gỗ của nó có sắc xanh nước biển, xanh lá cây, vàng, và hoa của nó chuyển màu từ vàng sang cam và đỏ đậm. Qua đám cây, họ bắt gặp cảnh tượng với lũ vẹt sắc sỡ, chim ruồi óng ánh, và chim cu. Những chú chim tody nhỏ và tròn trịa, hình dáng giống chim bói cá, với đôi cánh màu xanh và khoang cổ đỏ thẫm, bốn chồn bay từ cảnh này sang cảnh khác.

Thủy thủ đoàn ngoặt hướng tàu về bãi biển. “Vì chúng tôi không thể giữ cho mấy con tàu nổi được nữa, nên chúng tôi đẩy chúng lên bờ xa nhất có thể, cả hai tàu nằm trên bãi biển cạnh nhau, và chống ở cả hai bên sườn để chúng không thể nhúc nhích.” Khi lên đến bờ, mấy con tàu gần như bị ngập trong thủy triều lên cao, nhưng chúng vẫn còn sống và an toàn – vào lúc này.

Vất kiệt sự hữu ích của chúng nơi biển cả, mấy con tàu trở thành các pháo đài tạm thời. Trên các tháp phía đuôi và đầu tàu, những kẻ kiệt sức ráp nối lại các khoang tàu, “sao cho vị trí của chúng tôi vững chãi nhất có thể để người Ấn Độ không thể gây hại cho chúng tôi được, vì cho đến lúc đó vẫn chưa có người Ki-tô giáo ở đây hay khuất phục hòn đảo ấy”. Cảm giác cô độc và tĩnh mịch bao trùm, chỉ vơi đi với ngọn gió nhẹ, âm thanh rì rầm của sóng vỗ xa xa, và tiếng chim vắng đầu đây. Bị kẹt trong mấy con tàu đang mục dần chỉ “cách đất liền một tầm tên bắn”. Columbus, Ferdinand, và các thành viên khác trong đoàn phải đối mặt với một thử thách sống còn khác.

“Người Ấn Độ của vùng đó, tỏ ra là một dân tộc tốt bụng và lịch thiệp, đến trên những chiếc thuyền để trao đổi các món hàng và đồ dự trữ của họ”, Ferdinand nhận xét. Columbus giao cho hai người của mình giám sát việc trao đổi lương thực với những vị chủ nhà nhiệt tình. Để quản lý nhóm nhỏ người sống sót và ngăn ngừa trò ranh mãnh, Columbus nỗ lực giữ họ trên mấy con tàu rách nát trên bãi biển thay vì lang thang vào rừng. Như ông đã biết từ kinh nghiệm của mình, “Người của chúng tôi về bản chất là vô lễ, không có sự trừng phạt hay mệnh lệnh nào có thể ngăn họ đi loanh quanh trong khu vực và vào các túp lều của người Ấn Độ để ăn trộm những gì họ tìm thấy và xúc phạm vợ con người ta, từ đó sẽ gây nên những tranh cãi và xung đột biến người Ấn Độ thành kẻ thù”. Đô đốc giữ họ trên tàu và yêu cầu họ ra khỏi nhóm nếu họ định đặt chân xuống. Người Anh-điêng tỏ ra rất biết ơn về cách hành xử này, nên họ đưa ra mọi thứ mà các thủy thủ cần “để đổi lại những thứ của chúng ta”. Chuối hạt màu, vải ren, chiếc mũ đỏ, chuông nhỏ, kéo, và gương nhỏ đã đem lại những con hutia và bánh sắn khá đáng kể cho các thủy thủ đói khát.

Với những nhu cầu thiết yếu nhất đã được đáp ứng, Columbus và người của mình liên tục họp bàn về việc trở về Tây Ban Nha. Có vẻ sẽ chẳng có con tàu nào xuất hiện nơi chân trời để mang họ đi, và họ thiếu các phương tiện để đóng một chiếc tàu mới hay sửa chữa đồng đồ nát đang che chở họ. Một chiếc bè, hay một chiếc thuyền ghép tạm sẽ chẳng ăn thua trước thời tiết và gió và dòng chảy mà họ phải đối mặt trên chặng quay về. “Chúng tôi không có dụng cụ cũng chẳng có thợ cần thiết cho công việc này.”

Columbus quyết định cử vài người đưa tin ngược trở về Hispaniola với yêu cầu khẩn cấp về một con tàu cứu trợ cùng đồ dự trữ và đạn dược. Những người mang tin đó sẽ phải đấu tranh với kẻ báo ứng của Columbus – Nicolás de Ovando – mà chắc chắn sẽ vui mừng khi biết rằng Đô đốc Đại dương đang bị kẹt ở Jamaica, tuyệt

vọng và bất lực, nhưng những người bơ vơ không còn lựa chọn nào ngoài việc tìm kiếm sự giúp đỡ. Họ không thể tiếp tục đối chác với người Anh-điêng mãi được.

Lúc này, vịnh ôm ấp và che chở họ. Ngày qua ngày những ngọn gió nhẹ ve vuốt, biển lặng, và cảnh vật tỏa sáng. Ban đêm hé lộ bầu trời mênh mông, và trăng sao lơ lửng giữa đại dương vô tận. Giống như mọi thủ thủy, họ ngược nhìn những vì sao lấp lánh và vầng trăng sáng, và dõi theo đường đi của một ngôi sao băng tình cờ vụt qua trời đêm. Bên ngoài cảng, ánh trăng lấp lánh trên con sóng. Quang cảnh vũ trụ cho thấy sự vô nghĩa của họ trong sơ đồ vạn vật; Chúa đã định đoạt vị trí của họ, còn Columbus thì giục giã họ trở về quê hương, xa xôi hơn bao giờ hết. Giờ họ đã có thực phẩm, nhưng nếu người Anh-điêng trở nên xao lãng hay thù địch, người Tây Ban Nha đắm tàu sẽ phải đối mặt với viễn cảnh đói khát trên bãi cát tinh khôi của một bãi biển không có tên trên bản đồ. Có lẽ mấy năm xương trắng của họ sẽ chỉ được khám phá cả trăm năm sau đó, hay chẳng bao giờ; họ và cuộc thám hiểm nhỏ bé của mình đến nơi tận cùng của hư vô sẽ được những người ủng hộ tưởng nhớ và kỷ niệm, bị đám đối thủ khinh bỉ, và sớm bị quên lãng. Chỉ bằng mưu mẹo sống còn họ mới có thể chống đỡ lại điều khó tránh khỏi trong một thời gian, và sống nốt những năm tháng còn lại của mình.

“Không ai trong số người của tôi nhận thấy sự nguy hiểm khi ở tình thế này”, Columbus thú nhận với thư ký trưởng của mình, Diego Méndez de Seguraⁱ. “Chúng tôi có rất ít người, còn người Ấn Độ man rợ này lại rất đông, và chúng tôi không thể chắc chắn rằng tâm trạng họ sẽ không thay đổi. Một ngày, khi tâm trạng thúc đẩy, họ có thể đến và đốt cháy chúng tôi ở đây trên hai con tàu này.” Với mái lợp lá, những cấu trúc ấy sẽ lập tức bắt lửa và “quay sống chúng tôi”.

Columbus đề xuất cử “một ai đó” – Méndez biết Đô đốc định nói đến ai – thực hiện chuyến vượt biển mạo hiểm đến Hispaniola bằng

i. ((?))1475-1536).

thuyền, mua một chiếc tàu, trở lại Jamaica trên chiếc tàu đó, và cứu tất cả họ. Biết làm tròn bốn phần, Méndez hình dung chuyện đóng vai một anh hùng trong nhiệm vụ này: anh ta có thể trở thành cứu tinh của Columbus và chuyến đi. Méndez thổ lộ các nghi ngại của mình trong khi Columbus kiên nhẫn lắng nghe, và “cương quyết thuyết phục tôi rằng tôi chính là người thực hiện chuyến đi”.

Méndez lo là những người khác phản đối anh ta vì “Ông chủ đã tin cậy trao mọi trách nhiệm vinh dự nhất cho tôi”. Anh ta đề nghị Columbus triệu tập người của mình để xem liệu có ai khác thực hiện nhiệm vụ đó không – điều mà Méndez vẫn ngờ – “và nếu tất cả họ đều rút lui, như họ sẽ, tôi sẽ liều mạng sống một lần nữa để phụng sự ngài”.

Khi Columbus giải thích về nhiệm vụ cho những người khác, không ai tiến lên đề nghị phụng sự và xả thân, và nghe đâu vài người khác nói rằng vượt qua 40 hải lý trên biển trong thời tiết xấu trên một chiếc thuyền là điều không thể. Khi đó Méndez đứng lên. “Thưa ông chủ”, anh ta nói, “tôi chỉ có một cuộc đời, nhưng tôi sẽ đánh cược nó để phụng sự ngài và vì sự tốt đẹp của tất cả những người đang có mặt ở đây”.

Columbus đến gần anh ta, hôn lên cả hai má, và tuyên bố, “Ta biết rõ rằng không có ai ở đây ngoài anh sẽ dám thực hiện nhiệm vụ này”. Đó là những gì mà Méndez nhớ lại về sự kiện này, hay đúng hơn, Columbus chọn thời điểm đó để giao cho 12 hay 14 người nhiệm vụ giải cứu. Họ sẽ dùng hai chiếc thuyền độc mộc, một dưới sự chỉ huy của Diego Méndez, còn một dưới sự chỉ huy của Bartolomeo Fieschi, đồng đội của Đô đốc từ Genoa.

Méndez bắt tay vào việc chuẩn bị chiếc thuyền mỏng manh sẽ chở họ tới sự giải cứu hay tai họa. Anh ta gắn sống tàu giả vào chiếc thuyền để có được sự ổn định trên biển, dùng hắc ín và dầu nhờn quét lên thân thuyền, rồi “đóng vài tấm gỗ vào mũi và đuôi thuyền để ngăn nước tràn vào, điều có thể xảy ra do phần nổi của thuyền thấp” – phần hẹp của thân tàu nằm trên mực nước. Những thay đổi khác bao gồm việc thêm

vào một cột buồm đơn giản, buồm, và đồ dự trữ. Mỗi thuyền sẽ chở sáu người Tây Ban Nha cộng thêm vài tay chèo Anh-điêng. Họ sẽ phải đi khoảng 124 dặm.

Sau khi vẫy tay tạm biệt Đô đốc và ra biển, Méndez đến được điểm cực đông của Jamaica. Nấn ná nơi mũi đất, chờ biển lặng trước khi bắt đầu chuyến vượt biển đến Hispaniola, Méndez thấy mấy người Anh-điêng đã tập hợp lại “với mục đích giết tôi và chiếm chiếc thuyền cùng những thứ trên đó”. Họ thậm chí còn “bốc thăm về sinh mạng tôi” để quyết định xem ai sẽ làm việc đó. Anh ta và người của mình lẳng lặng chiếm lại những chiếc thuyền độc mộc của họ, lên bờ cách đó vài dặm, giương buồm, và quay lại cảng Dry, nơi Columbus đang đóng quân.

Cảm thấy nhẹ nhõm vì Méndez và người của anh ta đã thoát khỏi cuộc tàn sát, Đô đốc cử họ đi lại về mũi đất, được 70 người hộ tống dưới sự chỉ đạo của *Adelantado*. Đội thuyền nhỏ chờ bốn ngày để biển ổn hơn. “Khi tôi thấy biển trở nên bình lặng, tôi buồn rầu chia tay đoàn hộ tống và họ rời chúng tôi”, Méndez nhớ lại.

Ferdinand nhớ lại việc quan sát người Anh-điêng khéo léo xuống những chiếc thuyền với mấy quả bầu đựng nước và “thức ăn bản địa” trong lúc người Tây Ban Nha dững cắm vào vị trí của mình, mang theo “kiếm, khiên, và đồ ăn”. Họ đi ra biển, Bartholomew hộ tống họ tới cực phía đông của đảo để ngăn ngừa các cuộc tấn công của người Anh-điêng. Không có chuyện gì xảy ra. *Adelantado* chờ đến khi trời tối và những chiếc thuyền đã trở thành mấy chấm nhỏ nơi chân trời. Khi họ đã khuất khỏi tầm nhìn, anh ta bước lại nơi người của mình, “khuyến khích những người Ấn Độ mà anh ta gặp trên đường trở thành bè bạn và trao đổi với chúng tôi”.

Người trên các con thuyền bắt đầu chèo năm ngày bốn đêm. Méndez nhớ lại “không lúc nào tôi rời tay khỏi mái chèo và điều khiển thuyền trong khi tất cả những người đồng hành với tôi chèo”. Họ chèo

vì mạng sống của mình, và của những người mà họ để lại phía sau cùng với Columbus. Trong hai ngày cuối của cuộc viếng dã này, với kho thức ăn và nước uống cạn dần, người trên các con thuyền không ăn cũng chẳng uống.

Khi đến được Hispaniola, Méndez phải tới Santo Domingo, thủ phủ nhỏ bé, để cầu xin Ovando giúp đỡ, còn Fieschi phải quay về Jamaica ngay “để chúng tôi không còn lo lắng và e rằng anh ta có thể đã chết”. Như Ferdinand đã biết, “điều này có thể dễ xảy ra với những con thuyền mỏng manh như vậy nếu biển trở nên dữ dội”. Trên thực tế, họ đã có một chuyến đi vô cùng cực nhọc.

Hai chiếc thuyền đi về phía đông theo bờ biển, người Anh-điêng miệt mài chèo, chỉ gặp “những đảo nhỏ hay các khối đá trên toàn bộ hành trình”. Đoạn cuối cùng từ hòn đảo đó tới Hispaniola, với tám hải lý trên biển, là bất ổn nhất. “Họ phải chờ cho biển thật yên bình trước khi bắt đầu vượt khoảng cách lớn đó trên một chiếc thuyền mỏng manh đến vậy.” Như thể theo ý chí thiêng liêng, biển trở nên phẳng lặng như gương dành cho họ.

Sau khi đoàn giải cứu đã rời đi, những người ở lại phía sau chờ đợi mòn mỏi trong các pháo đài tạm bợ ở Jamaica. Trong sự lười nhác bắt buộc, đạo đức suy đồi với tốc độ báo động; cánh thủy thủ, chỉ tỏ ra trung thành với Columbus khi bắt đầu cuộc hành trình, kêu ca và tính kế. Họ đưa ra những giả thuyết rắc rối về vị Đô đốc bí hiểm và hay thay đổi, được thêu dệt để chứng tỏ rằng ông không có ý định quay về Hispaniola, nơi ông đã bị cấm lên bờ. Theo kịch bản này, Méndez và Fieschi sẽ về Tây Ban Nha và đảm bảo an toàn cho vận mệnh của Columbus với các vị Quân chủ. Để ăn khớp với thuyết này, họ tự thuyết phục mình rằng Columbus đồng ý ở lại “nơi đây chốn đọa đày”, trên một bãi biển rộng rãi đẹp đẽ với người Anh-điêng, chịu đựng cho đến khi mọi sự ở nhà được giải quyết theo ý mình.

Những ngày vô vị trôi qua. Fieschi đâu rồi? Đến lúc này lẽ ra anh ta đã phải trở về. Sẽ thế nào nếu anh ta chết ngoài biển? Sẽ sao đây nếu Méndez đã chết? Sẽ làm gì nếu Fieschi và Méndez *đều* đã chết? Tạm thời phụ thuộc vào người Anh-điêng để sống, những kẻ bơ vơ bị quên lãng trên đảo Jamaica đã mất hết mọi hy vọng về sự giải cứu.

Cô lập trên con tàu rách nát, một biểu tượng phù hợp với đầu óc và cơ thể của ông, Đô đốc đem lại cho người của mình sự tự tin ít ỏi. Ông gần như không thể ra khỏi giường, nói gì đến việc chịu nổi những khổ cực của chuyến đi bằng thuyền đến Hispaniola. Cơ thể ông suy nhược và tâm hồn bị tổn thương, chuẩn bị cho chuyến đi cuối cùng của mình mà từ đó sẽ không còn sự trở về nữa. Ông đã chỉ ra rằng thế giới là một nơi đa dạng và giàu có hơn những gì mà người Ki-tô giáo vốn hình dung, nhưng giờ đây ông phải đối mặt với giới hạn của cái chết.

Vào tháng 7, ông viết một tâm thư cho các vị Quân chủ, bày tỏ trăn trện sự tiếc nuối, tự thương mình, và phản pháo lại. “Thần không thể nhớ về Hispaniola, Paria, và những vùng đất khác mà không khóc”, ông viết về các cuộc phiêu lưu thất bại của mình. “Thần đã từng tin rằng chúng có thể là tấm gương cho những vùng đất khác; ngược lại, chúng đang trong tình trạng tuyệt vọng: dù chúng chưa chết, căn bệnh của chúng là vô phương cứu chữa và kéo dài. Hãy để những ai đã khiến chúng rơi vào tình trạng này đưa ra phương thuốc cứu chữa, nếu anh ta có thể hay biết phải làm thế nào. Ai cũng lão luyện trong việc phá hoại”, trừ ông, tất nhiên. “Những người rời bỏ Ấn Độ, lẩn tránh công việc và nói về Ấn Độ và thần, sau đó trở lại khi được chỉ định; điều tương tự giờ đây sẽ xảy ra với Veragua.” Ông đã thấy trước tất cả việc này, và đã cố gắng để quản lý “dưới danh nghĩa của các ngài. Các ngài đã chấp nhận điều đó”, ông mạnh mẽ nhắc nhở họ từ nơi rất xa xôi này, “ban cho nó những đặc quyền và đồng ý bằng con dấu và lời thề; các ngài gọi thần là Phó vương, Đô đốc, và Thống đốc của tất cả, và các ngài giao cho thần một giới hạn 100 hải lý tính từ quần đảo Azores tới quần đảo mũi Verde, với một lần

ranh chạy từ cực này đến cực kia, và với tất cả những gì mà thần có thể khám phá ra sau đó các ngài ban cho thần toàn quyền”.

Giờ đây họ, hay những người xung quanh họ, đang tước đi của ông những quyền đó, bất kể các thành tựu của ông. “Bảy năm trước thần ở triều đình của các ngài”, ông nói, vào lúc mà “tất cả những ai nghe thấy về công việc này đều cho rằng đó là sự ngớ ngẩn”. Ông đã mang lại cho họ những vùng đất mới, sự giàu có mới, và một thế giới mới. Nhưng họ đã tưởng thưởng cho ông bằng cách chấm dứt sự độc quyền của ông, tạo nên một tình thế lỗ bịch trong công việc. “Giờ đây thậm chí các thợ may cũng muốn thực hiện công việc thám hiểm”, ông căn nhắc. “Người ta tin rằng họ đi để may quần áo; họ được phép và tạo nên lợi nhuận, gây tổn hại lớn đến thanh danh của thần và phá hoại trầm trọng nền kinh tế.” Columbus tin rằng ông xứng đáng được đối xử một cách tôn trọng hơn và hào phóng hơn so với một lái buôn. Những vùng đất ông đã khám phá ra “rộng lớn hơn và giàu có hơn bất cứ vùng đất nào trong lãnh địa Ki-tô giáo”, và ông là người đã đặt chúng “dưới sự cai trị hoàng gia và kiệt xuất của các ngài, và trong một vị thế mang lại những lợi ích to lớn”. Trên bãi biển ở Jamaica, ông hồi tưởng lại sự tổn thương khi mình bị giam giữ vì lợi ích của các vị Quân chủ, những người mà ông đã thu xếp để nhận được “lợi nhuận rất lớn” từ các con tàu “chiến thắng và với tin tức tuyệt vời về vàng”, trong khi ông, Đô đốc của họ “tràn đầy lòng trung thành và niềm vui”, bất ngờ không được báo trước, “bị bắt, và bị tống lên một con tàu với hai người em của thần, bị xích, bị lột trần và ngược đãi” – ở đây ông đang nhấn mạnh một vấn đề, đó là khi ông khẳng khẳng giữ lại những dây xích, còn đám đã bắt ông thì muốn tháo chúng ra – “mà không bị triệu tập hay buộc tội bởi luật pháp”.

Ông mở lối cho những tiếng gầm gào trong đầu mình:

Ai có thể tin rằng một người nước ngoài đáng thương trong tình thế như vậy có thể nổi loạn chống lại các Bệ hạ mà không có nguyên nhân hay sự trợ giúp của một hoàng thân khác, cô đơn trong thế giới,

bao quanh bởi những chư hầu và thần dân của các ngài và có con cái trong triều đình của các ngài? Thần đến để phụng sự ở tuổi 28, và giờ đây trên đầu thần không còn một sợi tóc nào chưa bạc, tấm thân thần lỏng lẻo và rã rời; tất cả những gì thuộc về thần đã bị tước mất và bán đi – và của cả các em trai thần, thậm chí cả quần áo của họ – mà thần không được biết hay được nhận lại, nhục nhã vô cùng với thần. Người ta phải tin rằng những điều này được thực hiện không phải do lệnh của các ngài.

Họ có thể chuộc lỗi, Columbus nói với các vị Quân chủ, bằng cách “trừng phạt những kẻ đã làm điều đó và ăn cắp ngọc trai của thần” – một sự ám chỉ rõ ràng về kẻ phản bội Alonso de Ojeda, người đã ăn trộm ở những nơi lấy ngọc trai mà Columbus khám phá ra ngoài khơi Venezuela. Nếu các vị Quân chủ sửa lại mọi việc cho đúng, “sẽ góp phần đem lại đức hạnh tuyệt vời nhất và danh tiếng mẫu mực” cho họ. Rơi vào bi kịch, ông thú nhận, “Thần tuyệt vọng”.

Thần từng khóc vì người khác; giờ đây ông trời thương hại thần, và đất mẹ khóc vì thần. Với những gì hiện có, thần thậm chí không có một xu để làm từ thiện; về tinh thần, thần bị mắc kẹt ở đây tại Ấn Độ... cô đơn trong sự hành hạ này, đau ốm, hằng ngày chờ đợi cái chết và bị bao vây bởi hàng triệu kẻ dã man – mang đây sự tàn nhẫn, kẻ thù của chúng ta – xa cách những lễ ban phước thiêng liêng và Giáo hội Thánh đến mức linh hồn này sẽ bị lãng quên nếu nó tách khỏi thể xác ở đây. Cầu mong ai đó có lòng nhân ái, sự thật, và công bằng than khóc vì thần. Thần bắt đầu chuyến đi này không phải để tìm kiếm danh dự và sự giàu có; chắc chắn là thế vì niềm tin về điều đó đã chết. Thần đến với các Bệ hạ với ý định trung thực và lòng nhiệt thành tốt đẹp, và thần đang không nói dối. Thần cúi mình cầu xin các Bệ hạ, nếu Chúa rủ lòng thương giải thoát thần khỏi đây, cho phép thần đi đến Rome và những chốn hành hương khác. Cầu mong Thiên chúa Ba ngôi gìn giữ và kéo dài cuộc đời và quyền uy của các ngài.

Viết ở Ấn Độ trên đảo Jamaica, ngày 7 tháng 7 năm 1503.

CHƯƠNG 13



NGÀY 29 THÁNG 2 NĂM 1504

Columbus phiền muộn và chìm vào ảo giác về sự nghiệp đã tan tành của ông trong không gian riêng tư tại nơi tạm trú. Những người bị mắc cạn khác trên đảo Jamaica cũng không kém phần cô đơn và tuyệt vọng, hành hạ mình bằng cách tưởng tượng vài người ít ỏi được sủng ái đã rời đi trên mấy chiếc thuyền để đến với sự chào đón của triều đình ở Tây Ban Nha, nơi ấy họ sẽ “sung sướng hưởng sự sủng ái của Giám mục Juan de Fonseca và Quản lý ngân khố Castile”, Ferdinand nhận xét.

Vào thời điểm dễ bị tổn thương nhất này, hai trong số người bị bỏ rơi, Francisco Porras và Diego em trai anh ta, quyết định rằng họ không thể chịu đựng thêm được nữa sự ốm yếu và độc tài của Columbus. Tính mạng đang bị đe dọa, và cần phải làm điều gì đó càng sớm càng tốt. Họ là một cặp phản bội có tầm ảnh hưởng – một người là thuyền trưởng tàu *Santiago*, còn người kia là kiểm soát viên của đội tàu – và họ cùng nhau kêu gọi 48 người ký tên trên lời kêu gọi nổi loạn. Kế hoạch nổi loạn dự định sẽ bắt đầu vào sáng ngày 2 tháng 1 năm 1504.

Thuyền trưởng Francisco Porras xông vào khoang tạm của Columbus, cất vắn, “Ngài định nói gì khi không có một nỗ lực nào để về Castile? Ngài muốn giữ chúng tôi ở đây để bỏ mạng hay sao?”

Bình tĩnh nhất có thể, Đô đốc nói rằng chẳng có ai mong muốn rời bỏ hòn đảo nhiều hơn ông, nhưng họ cần có một con tàu. Nếu

Porras có kế hoạch khác, anh ta nên đưa nó ra để các thuyền trưởng khác cùng xem xét, Columbus sẽ bàn bạc cùng họ bất cứ khi nào họ cần. Việc nói về các cuộc họp đơn thuần khiến Porras khó chịu. Hoặc Columbus quyết định rời đảo lập tức, hoặc những người khác sẽ bỏ rơi ông. Anh ta quay lưng lại với Đô đốc, một dấu hiệu của sự bất kính sâu sắc, và hét lên, “Tôi đi Castile. Ai đi với tôi?”

Những kẻ nổi loạn khác gào lên, “Chúng tôi đi với anh!”

Rồi họ tràn vào những khoang buồng tạm và chân cột buồm chính hay quanh bộ cột buồm, lên hai con tàu đã mục nát, hét lên “Chết đi!” và “Về Castile! Về Castile!”

Vài người trung thành bèn hỏi, giọng họ bị chìm xuống trước những kẻ điên rồ, “Thuyền trưởng, chúng ta làm gì bây giờ?”

Bị chứng thấp khớp làm què cả chân, Columbus khó lòng đứng dậy được. Ferdinand viết lại rằng ông “tập tễnh đi ra hiện trường của cuộc nổi loạn, nhưng ba hay bốn thanh niên trung thực, những người hầu cận của ông, sợ rằng đám nổi loạn có thể giết ông, và họ phải khó khăn mới buộc được ông quay về giường”.

Columbus đã tạm thời được an toàn, những người trung thành chạy đến chỗ *Adelantado* em trai ông, đang đánh nhau với những kẻ tấn công bằng một ngọn lao. Những người trung thành bèn giải vây, và đưa anh ta vào trong buồng lái cùng với Columbus. Rồi họ năn nỉ Porras rời đi trước khi anh ta gây ra một “vụ giết người mà sẽ gây hại cho tất cả họ và vì thế anh ta chắc chắn sẽ bị trừng phạt”. Nếu Porras tuân theo, “sẽ không ai tìm cách ngăn cản anh ta rời đi”.

Khi những cuộc thương thảo kết thúc, sự dữ dội của vụ nổi loạn phần nào giảm xuống. Columbus cho “lùng sục các hòn đảo để kiếm thuyền” nhằm ngăn người Anh-điêng dùng chúng. Porras và người của mình lấy mấy chiếc thuyền độc mộc, và “họ ra đi trên đấy hoan hỉ như thể họ đang rời khỏi một bến cảng ở Castile”. Trong lúc họ bắt đầu

lên đường, nhiều người khác, “không phải những kẻ nổi loạn nhưng... tuyệt vọng với ý nghĩ về việc bị nhóm lớn nhất và khỏe mạnh nhất bỏ lại đây cũng trèo lên mấy chiếc thuyền” – trước cảnh khốn cùng của vài người trung thành và người ốm yếu còn lại, vốn có lý do để tin rằng họ “phải chịu số phận ở lại đó”. Hình ảnh sỉ nhục về việc gần như tất cả mọi người rời bỏ Đô đốc, người đã đưa họ đi cùng trong chuyến thám hiểm này, sẽ được Ferdinand ghi nhớ, khi buồn bã viết, “Nếu tất cả đều mạnh khỏe, tôi không tin là 20 người đó sẽ ở lại với Đô đốc”. Tinh thần của họ xuống thấp hơn bao giờ hết, những người ở lại nhìn thấy Đô đốc lão đảo xuất hiện từ khoang của mình để an ủi và trấn an người của mình như ông có thể. Trên thực tế, ông chẳng thể an ủi được gì nhiều giữa lúc Francisco Porras dẫn mấy chiếc thuyền chở đầy những kẻ đào tẩu đến đúng vị trí trên bãi biển cực đông của đảo Jamaica, nơi mà từ đó Méndez và Fieschi đã ra đi trong sứ mệnh giải cứu.

Ferdinand vẽ nên một bức tranh xấu xí về những kẻ đào tẩu đang chuẩn bị cho chuyến đi đến Hispaniola: “Bất cứ nơi nào họ ghé vào, họ đều khiến người Ấn Độ giận dữ, vì cướp bóc thực phẩm và những món đồ khác; họ bảo người Ấn Độ hãy lấy đồ trao đổi từ Đô đốc và cứ việc giết ông ấy nếu ông ấy không trả”. Để nuôi dưỡng sự khinh ghét ở người Anh-điêng, đám phản bội đi theo Porras giải thích rằng tất cả người Ki-tô giáo khác đều ghét Columbus, rằng Columbus là tác giả của “mọi nỗi bất hạnh ở người Ấn Độ tại Hispaniola”, và nếu họ không giết Columbus, ông ta sẽ “gây ra cho họ nỗi đau khổ tương tự”.

Rời bờ biển Jamaica, họ ngập ngừng tiến đến cái đích của mình. Sau khi đã đi được bốn hải lý, “gió thổi ngược trở lại” và họ sợ rằng biển nổi sóng sẽ lật úp chiếc thuyền chở nặng của mình. Chẳng bao lâu, nước đã mấp mé mép thuyền, và họ phải vứt bỏ mọi thứ trên thuyền, chỉ trừ vũ khí và thức ăn để quay lại bờ biển Jamaica mà từ đó họ đã ra đi. Khi gió mạnh lên, đám phản bội khiếp sợ, nên quyết định rằng con đường hành động duy nhất của họ là giết mấy người Anh-điêng và

quảng khỏi thuyền, như thể đó là các món hàng quá tải. Khi họ bắt đầu giết người Anh-điêng, một vài người khác liền nhảy qua mạn thuyền, bơi xa khỏi mấy chiếc thuyền cho đến khi bị kiệt sức. Trong tuyệt vọng, những người đó quay lại chỗ mấy chiếc thuyền, bám lấy mép thuyền bằng những cái nắm chặt và sợ hãi tột độ, cho đến khi đám phản bội hất những bàn tay ấy ra.

Ferdinand nhận xét chua chát về hành vi của “người Ki-tô giáo”: “Họ đã giết 18 người theo cách này, chỉ giữ lại vài người cần thiết để chèo mấy chiếc thuyền; đó là phần thưởng mà người Ấn Độ nhận được cho việc nghe theo những lời hứa hẹn hảo huyền và sự cầu xin giúp đỡ của họ”.

Đám phản bội quay lại bờ biển Jamaica nhiều đêm lẫn, và tranh cãi về việc sẽ làm gì tiếp theo. Một số người hướng đến việc chạy trốn sang Cuba, nghĩ rằng “những dòng chảy và gió hướng đông” sẽ mang họ đến đích; một khi đến được Cuba, họ cho rằng sẽ “dễ dàng nhảy” sang Hispaniola mà không nhận thấy rằng giữa hai đảo là nhiều dặm ngăn cách. (Ferdinand nhận ra Cuba là một hòn đảo, cho dù cha mình vẫn cứ tin rằng đó là một mũi đất kéo dài từ lục địa “Ấn Độ” về phía đông.) Những kẻ phản bội khác thì muốn quay lại với sự an toàn tương đối của mấy con tàu rách nát mà họ vừa vứt bỏ chưa lâu. Họ có thể hòa giải với Đô đốc hoặc cố gắng tước vũ khí của ông. Nhóm thứ ba lại ủng hộ việc chờ thời tiết tốt hơn để cố gắng đến được Hispaniola một lần nữa, và cuối cùng nhóm này thắng thế.

Đám nổi loạn tuyệt vọng trải qua hơn một tháng ở một ngôi làng Jamaica mà Ferdinand gọi là Aomaquique, dựa vào người Anh-điêng để sống và đợi ngọn gió thuận lợi. Khi đánh giá tình hình đã ổn, họ lại thử lần nữa, lại thất bại, lại thử thêm lần nữa, mỗi lần đều bị ngọn gió ngược đánh bại. Tinh thần tan rã, họ quay về bến cảng nơi mấy con tàu và những thủy thủ còn lại vẫn ở đó, duy trì sự sống bằng bất kỳ nguồn nào, và khi có thể, họ ăn trộm thực phẩm từ người Anh-điêng. Chuyển

đi vinh quang đã thành ra như thế, một băng nhóm vô lại và cướp bóc, không đủ khả năng cứu vớt chính mình và tâm hồn mình, cũng như của những người khác.

Chịu trách nhiệm về đồng đồ nát của hai con tàu trên bãi biển, Columbus, dù rất ốm yếu, vẫn chăm sóc những người đau ốm trong số còn trung thành với mình. Đồng thời, ông cũng đảm bảo mang lại cho người Anh-điêng sự tôn trọng cần thiết để trao đổi. Nhiều người trung thành bị đau ốm đã khỏe lại dần, và người Anh-điêng tiếp tục phục vụ, cho đến khi hệ thống bị phá vỡ do những yêu cầu không cân bằng. “Họ là một dân tộc biếng nhác không trông trọng quy mô lớn”, Ferdinand viết trong một đoạn hé lộ sự tàn nhẫn “và chúng tôi tiêu thụ trong một ngày nhiều hơn họ trong 20 ngày”.

Tệ hơn, trong quá trình người Anh-điêng nhận những món đồ từ người châu Âu qua trao đổi, họ “bắt đầu bị ảnh hưởng bởi lập luận của đám nổi loạn” và mang đến cho các vị khách ít thực phẩm hơn. Khi tháng 1 năm 1504 chuyển sang tháng 2, tình thế ngày càng khó khăn. Những người trung thành đối mặt với thể tiến thoái lưỡng nan: nếu họ rời bỏ chỗ ở tạm để tấn công người Anh-điêng nhằm có thêm sản, hoa quả, và nước mà họ cần để sống, họ sẽ “để Đô đốc ở lại đối mặt với mối nguy lớn trên mấy con tàu”. Người châu Âu nhận thấy rằng người Anh-điêng, qua việc bỏ đói những kẻ xâm nhập ở một mức độ, “tin rằng họ chi phối chúng tôi”.

Với tất cả sự thành thật, Ferdinand thú nhận, “chúng tôi không biết phải làm gì”.

Trong suốt những năm tháng thám hiểm của mình, từ vùng Địa Trung Hải tới Đại Tây Dương, Columbus đã cho thấy mình là một thiên tài trong việc sống sót, dù là đắm tàu ngoài khơi Bồ Đào Nha, van nài sự giúp đỡ từ các vị Quân chủ, đẩy lui đám nổi loạn, hay cố gắng giành lại di sản của mình từ các đối thủ. Giờ đây, không có tàu

trong tay, bị người Anh-điêng từ từ bỏ đói, người của mình chỉ còn một nhúm nhỏ, và sức khỏe thì tồi tệ đến mức khó lòng đứng vững, ông phải đối mặt với thử thách lớn nhất của mình, và để vượt qua nó, ông đã nghĩ ra một mưu mẹo tuyệt đỉnh trong đó ông thực sự trở thành phù thủy mà những người khác từng e rằng ông đã luôn là thế. Họ tin rằng Đô đốc Đại dương có thể chỉ huy thủy triều và kể cả thời tiết; giờ đây, vì sự sống còn, ông âm mưu chứng minh rằng mình kiểm soát được cả đất trời.

Lợi thế được giấu kín của Columbus luôn nằm trong hiểu biết tinh tế của ông về hàng hải. Quay về với kho hải đồ và sách, ông nghiên cứu cuốn *Almanach perpetuum* (Tạm dịch: Niên giám Vĩnh cửu), được biên soạn vào năm 1496 bởi Giáo sĩ Abraham Zacutoⁱ, nhà thiên văn học và toán học người Do Thái Sephardi từng phục vụ João II sau khi Tòa án Dị giáo đuổi ông ta ra khỏi Tây Ban Nha. Các thuyền trưởng Bồ Đào Nha thường tham khảo cuốn này với hàng trăm trang gồm những bảng biểu thiên văn học dự đoán chính xác hiện tượng vũ trụ. Cũng có thể Columbus đã dựa vào cuốn *Ephemerides astronomicae* (1474) (Tạm dịch: Lịch thiên văn) của Regiomontanusⁱⁱ, đưa ra một bảng liệt kê khá thuận tiện về những lần xảy ra nguyệt thực trong thời gian từ năm 1475 đến 1540. Trong quá khứ, ông từng dựa vào các tài liệu tham khảo này để tính toán vĩ độ và kinh độ, thường đưa ra những kết quả lẫn lộn, và giờ đây ông viện đến chúng để cứu vớt cuộc đời mình.

Theo Regiomontanus, một sự kiện tốt lành sẽ xảy ra vào ngày 29 tháng 2 năm 1504: nguyệt thực. Trong quang cảnh vũ trụ bí hiểm này, Mặt trăng đi qua khu vực bị che khuất toàn phần – hay ở phía bên trong – bóng tối toàn phần của Trái đất, dần dần trở thành màu cam sẫm hơn, và cuối cùng là màu đỏ máu, trước khi trở lại bình thường.

i. (1452-(?)1515).

ii. (1436-1476), nhà toán học và thiên văn học người Đức.

Hình ảnh này đủ để châm ngòi về dự báo điềm gở trong cánh thủy thủ mê tín, và Columbus hy vọng là ở cả đám Anh-điêng nhẹ dạ.

Regiomontanus đưa vào cả ngày tháng của những lần nguyệt thực, và sơ đồ về việc Mặt trăng sẽ biến mất hoàn toàn như thế nào theo từng giờ một. Nhưng thời gian xảy ra lại khác nhau trên địa cầu, và Columbus không thể xác định một cách chắc chắn về giờ địa phương ở Jamaica. (Những tính toán của Regiomontanus áp dụng cho Nuremberg, Đức.) Và có lẽ ông không thể nói dự đoán của Regiomontanus sẽ chính xác đến đâu cho ngày 29 tháng 2 năm 1504. Ông chẳng có lựa chọn nào ngoài việc nắm lấy cơ hội theo tính toán tốt nhất của mình. Nếu thành công, ông sẽ chứng tỏ được quyền năng siêu nhiên với người Anh-điêng mà sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến hành vi của họ. Nếu thất bại, ông và người của mình nhiều khả năng sẽ bị bỏ đói đến chết hay bị thảm sát dưới tay người Anh-điêng.

Ông triệu tập các tộc trưởng trong vùng đến một bữa tiệc. Ferdinand ghi lại, “Thông qua một phiên dịch, ông ấy nói với đám đông rằng chúng tôi là người Ki-tô giáo và chúng tôi tin Chúa, Chúa... tưởng thưởng cho người tốt và trừng phạt kẻ xấu, như ông ấy đã trừng phạt đám nổi loạn khi không cho họ vượt biển đến Hispaniola, kiểu như Méndez và Fieschi đã làm, và bằng cách buộc họ phải chịu nhiều thử thách và nguy hiểm, như người Ấn Độ đã biết rất rõ”. Columbus cảnh báo người Anh-điêng rằng “Chúa rất giận dữ với họ vì đã phớt lờ việc mang cho chúng tôi thực phẩm và chúng tôi đổi lại cho họ bằng hàng hóa, và quyết định trừng phạt họ với nạn đói và bệnh dịch”.

Khi khán giả đã ngấm về ý nghĩa lời nói của vị Đô đốc già, những tiếng cười nổ ra, ban đầu còn rụt rè, sau trở nên mạnh mẽ đầy nhạo báng. Ông nói với những kẻ nghi ngờ, “Từ Thiên đường Chúa sẽ gửi đến cho họ một dấu hiệu rõ ràng về sự trừng phạt mà họ sắp nhận được. Từ đêm nay họ sẽ phải lưu ý đến trăng lên: Mặt trăng sẽ bùng lên với một sự phẫn nộ, báo hiệu Chúa sẽ đến và trừng phạt họ”. Ông dừng

lại, nghỉ ngơi, và quan sát trong lúc “người Ấn Độ rời đi, một số sợ hãi và số khác chế giễu những lời dọa nạt của ông ấy”.

Nguyệt thực đã xảy ra, như dự đoán. Bóng Trái đất lớn dần và sẫm lại cho đến khi che khuất toàn bộ Mặt trăng, biến nó thành một chiếc đĩa màu đỏ nhạt treo lơ lửng trên trời đêm. Phần lớn các trường hợp nguyệt thực đều có thể nhìn rõ bằng mắt thường, và dựa vào giải thích của Ferdinand, điều xảy ra vào ngày 29 tháng 2 là đặc biệt ấn tượng.

Dưới tác động của sự biến đổi ma thuật này, quyền lực to lớn của Columbus trở nên vững vàng. Ông có vẻ như diễn giải, nếu không muốn nói là điều khiển, vũ trụ. “Người Ấn Độ trở nên vô cùng sợ hãi với tiếng hú hét lớn và than khóc, họ chạy từ mọi hướng đến chỗ mấy con tàu, mang theo đầy thực phẩm, và cầu xin Đô đốc can thiệp với Chúa để Người không trút sự phẫn nộ lên họ, và hứa sẽ chăm chỉ cung cấp mọi nhu cầu trong tương lai.”

Mọi được nhiều lợi nhuận nhất có thể kể từ giây phút đó, Columbus thông báo với đám đông rằng ông muốn có lời với Chúa, và ông biến mất sau khoang tàu đổ nát đầy bí ẩn, như một thầy đồng cốt cao niên ở đỉnh cao quyền năng của mình. Trong bóng tối gần đó, người Anh-điêng gào khóc và run sợ trước Mặt trăng đỏ máu, gọi diêm xấu phủ bóng trên đầu. Còn một mình, Columbus theo dõi đồng hồ cát để tính thời gian còn lại của *para el eclipse lunar* (nguyệt thực). “Khi Đô đốc nhận thấy là pha khuyết của Mặt trăng đã hết và chẳng mấy chốc nó sẽ sáng lại một phần tư, ông ấy bèn ra khỏi khoang tàu, nói rằng mình đã cầu xin Chúa và cầu nguyện cho họ và hứa với Người nhân danh họ rằng từ đây trở đi họ sẽ tốt và đối xử tử tế với người Ki-tô giáo” – và đây là phần quan trọng – “mang đến đồ ăn và mọi thứ mà họ cần”.

Dựa vào sức lực còn lại, Columbus thông báo cho người Anh-điêng đang sợ hãi rằng Chúa đã tha tội cho họ, “qua dấu hiệu mà chút nữa họ sẽ nhìn thấy là sự giận dữ và phát hỏa của Mặt trăng sẽ hết”. Không cần phải thuyết phục thêm, và đoàn kết lại trước nỗi kinh

sợ và sự nhẹ nhõm, họ cống nộp cho Đô đốc và gửi những lời nguyện cầu tới Chúa, người đã cứu vớt họ. “Từ lúc đó trở đi”, Ferdinand ngân nga, “họ chăm chỉ cung cấp cho chúng tôi mọi thứ chúng tôi cần, và lớn tiếng ca ngợi Chúa của người Ki-tô giáo”. Đối với thiếu niên trẻ tuổi này và những người châu Âu khác bị bỏ rơi trên đảo hoang, thì người Anh-điêng sợ hãi nguyệt thực, và đồng thời họ cũng “chẳng biết gì về nguyên nhân của nó”. Họ không hiểu rằng “người sống trên Trái đất có thể biết về những điều xảy ra trên bầu trời”. Columbus, con trai ông, và những người đồng hành chẳng bao giờ lo lắng trước việc Đô đốc đã lừa dối ngoạn mục dưới danh nghĩa Chúa. Họ được an toàn, và đó là tất cả. Chúa sẽ tha thứ cho họ.

Đã tám tháng kể từ khi Fieschi và Méndez lên đường tới Santo Domingo với sứ mệnh giải cứu. Đến lúc này lẽ ra họ đã phải quay về hay nhắn gửi về việc họ ở đâu, nhưng chẳng có gì cả – chẳng có thuyền, chẳng có người Anh-điêng, chẳng có người Tây Ban Nha sống sót trong sứ mệnh đó, và chẳng có cánh buồm nào nơi chân trời cho thấy số phận của họ. Những tin đồn lan truyền rằng họ đã chết đuối, hay bị người Anh-điêng giết hại, hay theo lời Ferdinand, đã “chết dọc đường do bệnh tật và khổ cực. Họ biết rằng từ mũi phía cực đông của Jamaica tới thị trấn Santo Domingo ở Hispaniola dài hơn 100 hải lý, đường biển rất khó đi khi tính đến những ngọn gió và dòng chảy ngược chiều và phải đi qua các ngọn núi lởm chởm bên mép nước”. Người Anh-điêng thì thào về một con thuyền ma rách nát nghe đâu “trôi nổi dọc bờ biển Jamaica”, mà thực ra vẫn là một điều bí ẩn.

Song một cuộc nổi loạn nữa lại xảy ra, lần này do một ứng viên hoàn toàn ít khả năng làm vậy cầm đầu: người bào chế thuốc Vernal. Nó cứ lớn dần mà không bị phát hiện cho đến cuối tháng 3 năm 1504, khi một cánh buồm xuất hiện nơi chân trời. Con tàu, một tàu buồm nhỏ, được Nicolás de Ovando cử đến và nó thả neo gần với những thân tàu của đội tàu nhỏ đã bị tan vỡ của Columbus.

“Thuyền trưởng Diego de Escobar lên tàu và thông báo với Đô đốc rằng Hiệp sĩ được phong tước xứ Lares, Thống đốc của Hispaniola, gửi lời chào và lấy làm tiếc rằng anh ta không có con tàu nào đủ lớn để mang đi tất cả người của Đô đốc.” Anh ta hy vọng sẽ sớm gửi đến một con tàu khác, và như một dấu hiệu thiện chí, Thuyền trưởng Escobar trao cho Columbus “một thùng rượu vang và tảng thịt lợn muối”, cả hai đều là những thứ xa xỉ ở tiền đồn xa xôi cách biệt này, trước khi quay về tàu mình, nhổ neo, và ra khơi đêm đó “thậm chí không mang theo những lá thư từ bất cứ ai”.

Sự xuất hiện của con tàu buồm, chưa kể đến mấy món quà gồm thức ăn và rượu vang, khiến cánh thủy thủ bị mắc cạn kinh ngạc đến mức đâm nổi loạn ngay lập tức “tìm cách che giấu âm mưu mà họ đã ấp ủ”, mặc dù sự sốt sắng rời đi của Thuyền trưởng Escobar đã tạo cảm hứng cho một loạt thuyết âm mưu mới. Họ đoán rằng Nicolás de Ovando không hề có ý định giải cứu đối thủ bị mình khinh thường là Columbus, người mà anh ta muốn để cho chết ở nơi ẩn náu xa xôi tận Jamaica. Như Ferdinand nhìn nhận sự việc, Ovando “sợ Đô đốc trở lại Castile” và lo rằng các vị Quân chủ sẽ “khôi phục chức vụ cho Đô đốc và tước mất quyền cai trị của anh ta (Ovando)”. Vì lý do này, Ferdinand đưa ra giả thuyết rằng Ovando đã phái con tàu buồm nhỏ đến không phải để giúp Đô đốc mà để “dò la về ông ấy và báo cáo về việc ông ấy sẽ bị hủy diệt hoàn toàn ra sao”.

Một lời đồn đại khác, được Las Casas nhắc đến, là Columbus đang mưu tính một “cuộc nổi loạn chống lại Vua và Nữ hoàng với ý tưởng về việc giao những người Ấn Độ này cho người Genoa hay một đất nước nào đó tách biệt khỏi Castile”. Thậm chí Las Casas cũng thấy rằng luận điệu đó là “sai và được kẻ thù của ông ấy tạo ra và lan truyền như một lời vu khống kinh tởm”, nhưng nhà biên niên sử đã không thể cưỡng lại việc bàn luận về nó, đặc biệt vì lời đồn đại ấy phổ biến tới nỗi nó đã đến được tai các vị Quân chủ. Không biết liệu bao giờ ông được

giải thoát, hay liệu một lúc nào đó những lời của ông sẽ đến được với Ferdinand và Isabella, nhưng Columbus vẫn cứ bác bỏ giả thuyết này theo cách tự bảo vệ nhiệt thành: “Ai mà có thể ấp ủ ý nghĩ rằng một người ngoại quốc đáng thương, ở một nơi như vậy, lại mơ đến việc nổi loạn chống lại các Bệ hạ, chẳng vì lý do gì, chẳng có sự hỗ trợ nào từ bất cứ nhà cai trị ngoại quốc nào, bị vây quanh toàn là thần dân và đồng hương của các ngài?”

Cho dù những lập luận đó có giữ cho các vị Quân chủ bỏ ngoài tai lời đồn kia, Columbus vẫn phải xoa dịu đối thủ của mình là Ovando, kẻ mà ông cố vận động và nịnh nọt ở mức tương tự. “Khi tôi rời Castile, tôi làm như vậy trước sự vui mừng của các Bệ hạ, những người cũng hứa với tôi những lời hứa tuyệt vời, và đặc biệt là họ sẽ xem xét để tất cả của cải của tôi được khôi phục và sẽ còn ban thêm cho tôi các danh dự khác nữa; những lời hứa này được họ đưa ra bằng cả lời nói lẫn chữ viết.” Để thông báo cho Ovando, Columbus thay đổi lập luận của mình. “Tôi đề nghị ngài, chúa công của tôi, không giữ bất cứ nghi ngờ gì về vấn đề đó: xin hãy tin rằng tôi sẽ tuân lệnh ngài và những hướng dẫn cụ thể.” Không chỉ vậy, mà Columbus còn nghe từ Escobar rằng “ngài đã lưu ý đến những việc của tôi một cách cẩn thận và không biết mệt mỏi đến thế nào, và tôi xin được cảm tạ, chúa công của tôi, với trái tim đầy biết ơn”. Lên đến đỉnh cao của sự giả tạo xảo quyết, Columbus thở dài, “Kể từ khi tôi gặp ngài và được biết ngài, chúa công của tôi, sâu trong trái tim mình tôi luôn hiểu rằng ngài sẽ làm mọi thứ mà ngài có thể vì tôi bất kể hoàn cảnh nào”. Ông biết rằng Ovando sẽ “mạo hiểm bất cứ điều gì, kể cả mạng sống của mình, để cứu giúp tôi”.

Và nếu những lời này có thành công trong việc xoa dịu Ovando, đủ để cứu Columbus thoát khỏi cái chết nơi bờ biển xa xôi, thì Đô đốc lại phải đối mặt với nỗi sợ về người của mình và phải thuyết phục tất cả họ rằng ông đã ra lệnh cho con tàu buồm rời đi mà không có họ – đây không phải là một phần của một âm mưu xấu xa đẩy tất cả họ vào nguy

hiểm, mà đơn giản là vì nó quá bé để mang họ đi. Hoặc tất cả cùng đi, hoặc không ai cả.

Con tàu buồm của Ovando mang đến một vật khác được đặc biệt quan tâm: lá thư từ người vắng mặt Méndez. Lá thư của Méndez bắt đầu, rằng ngay sau khi rời khỏi Jamaica, anh ta và Fieschi vui vẻ với chuyến đi trong thời tiết yên bình tốt đỉnh, “giục mấy người Ấn Độ chèo nhanh nhất như họ có thể với những chiếc gậy họ dùng làm mái chèo”. Trong cái nóng, người Anh-điêng lấy lại sự sáng khoái bằng cách nhảy xuống nước, và lại về chỗ của mình. “Lúc hoàng hôn, họ không còn thấy đất liền nữa.” Ban đêm, một nửa số người Anh-điêng tiếp tục chèo trong khi người Tây Ban Nha trên thuyền thức canh, và khi bình minh thì ai cũng kiệt sức. Thậm chí các thuyền trưởng cũng phải thay nhau chèo, và khi bình minh ngày thứ hai đến, chuyến đi vẫn tiếp tục không hề gián đoạn, “chẳng có gì ngoài biển và trời” bao quanh họ. Ngày tiếp tục trôi qua, người Anh-điêng do khát vì công việc chân tay nên đã dùng hết nước dự trữ của con thuyền. Đến trưa, Mặt trời hành hạ mọi người. Cách duy nhất để cầm cự trước cái khát đang bào mòn sức lực là từng giọt từng giọt từ ‘mấy thùng nước nhỏ’ của các thuyền trưởng. Những giọt nước chỉ “vừa đủ để giữ cho họ đến cái mát của buổi tối”.

Mấy chiếc thuyền độc mộc trườn trên mặt biển nổi sóng, vài cái cột buồm nhỏ xíu và mái chèo đưa qua lại hầu như không nhìn trên mặt nước mạn thuyền, trong khi những người trên đó, ướt sũng và kiệt sức, hy vọng đến được hòn đảo nhỏ Navassa, cách đó khoảng tám hải lý. Kể cả khi chèo hăng nhất, mấy chiếc thuyền này cũng không thể đi ngược dòng được hơn 10 hải lý trong thời gian 24 tiếng.

Sự gắng sức khôn cùng đã khiến các tay chèo rơi vào nguy cơ bị mất nước, một đau khổ phổ biến ở vùng Caribbean, dù đang ở ngay trên mặt nước. Một người Anh-điêng chết vào đêm thứ hai trong khi mấy người khác mệt lử vì kiệt sức phải nằm dưới đáy thuyền, những người còn lại cố chèo nhưng bị căng cứng cánh tay khi chuyển động.

Họ tiến lên với các mái chèo khua yếu ớt, làm bắn nước mặn lên cái lưới khô rang của mình. Khi màn đêm buông xuống lần thứ hai, họ vẫn chưa đến được đất liền.

Từ thư của Méndez, Ferdinand hiểu rằng lúc trăng lên họ đã đến được những vách đá trắng của Navassa, hòn đảo chỉ vền vện hai dặm vuông, lấp lánh phía trên đỉnh ngọn sóng. Màu trắng của san hô và đá vôi phô ra, nhô lên trên lớp cỏ ở bề mặt của hòn đảo không người ở. Họ vẫn còn cách vịnh Guantánamo, Cuba 100 dặm về phía nam. Dù vậy, Méndez “vui vẻ” chỉ ra đảo Navassa, và thận trọng phát vài giọt nước cho mấy tay chèo. Đến sáng thì họ tới đảo.

Thứ họ tìm được là “tảng đá trần trụi, nửa hải lý xung quanh”. Chẳng có người Anh-điêng nào chào đón họ với nước, thức ăn, hay chỉ dẫn. Sau khi vội vã cảm ơn Chúa vì còn sống, họ nhận ra rằng Navassa gần như không có cây cối, và tệ hơn, có vẻ như thiếu nước uống mà họ đang cần đến tuyệt vọng. Để tìm các con suối, họ bám và bò từ mỏm đá này sang mỏm đá khác, thu thập từng giọt nước quý báu vào mấy quả bầu. Cuối cùng thì họ cũng tìm được đủ nước để làm đầy dạ dày bất chấp lời lời cảnh báo không uống quá nhiều. Dù thế, vài người Anh-điêng vẫn uống vô tội vạ, và bị ốm nặng, hoặc chết.

Phần còn lại của ngày trôi qua tương đối thanh bình, họ đùa nghịch và “ăn những loài động vật có vỏ mà họ tìm thấy trên bờ biển và nấu lên, vì Méndez mang theo đá lửa và sắt để đánh lửa”. Nhưng họ không thể chân chừ lâu, thời tiết xấu có thể đến bất cứ lúc nào. Tối hôm đó, họ lại rời đi đến mũi San Miguel, điểm gần nhất trên đảo Hispaniola, đi suốt đêm và đến nơi vào sáng hôm sau, ngày thứ tư sau khi rời Jamaica. Họ đã đến nơi trong tình trạng kiệt sức, và dành hai ngày để lại sức trước khi đối mặt với những thử thách phía trước.

Fieschi muốn quay về với Columbus như đã thu xếp để báo cáo về việc họ đã đến được Hispaniola an toàn, nhưng những người cùng đi

với anh ta, cả người châu Âu lẫn người Anh-điêng, đều “kiệt sức và ốm yếu do lao động nặng nhọc và do uống nước mặn” nên từ chối đi cùng anh ta, “vì những người Ki-tô giáo coi như mình vừa được cứu sống từ bụng cá voi, ba ngày đêm của họ tương ứng với những ngày của nhà tiên tri Jonah”ⁱ.

Nhưng Méndez có một ý tưởng khác. Bất chấp việc phải chịu đựng “quartan ague”, một thuật ngữ cổ nói đến bệnh sốt rét, anh ta dẫn người của mình vào đất liền “qua những con đường mòn rất xấu và các dãy núi lởm chởm” đến tỉnh phía tây Xaraguá, từng là chỗ ẩn náu của Roldán và đám nổi loạn của ông ta, cũng là nơi Nicolás de Ovando đang bận rộn dập tắt một cuộc nổi loạn khác của người Anh-điêng. Vị thống đốc máu lạnh giả vờ hài lòng khi những phái viên này của Columbus từ trên trời rơi xuống, và vẫn giữ kế hoạch chống lại Columbus của mình, nên đã trì hoãn việc cho phép những kẻ du hành đã kiệt sức đi qua 70 hải lý tới Santo Domingo.

Trong bảy tháng họ bị giữ ở Xaraguá, Méndez được chứng kiến sự tàn ác của viên thống đốc. “Anh ta thiêu sống hay treo cổ 84 vị tộc trưởng cai quản”, trong đó có Anacaona, “thủ lĩnh vĩ đại nhất của hòn đảo, người được mọi người khác tuân lệnh và phụng sự”. Bà ta cũng được biết đến như một người sáng tác ra *areíto* hay những bài thơ văn xuôi, và được coi là thân thiện với người Tây Ban Nha. Tại một bữa tiệc vinh danh bà ta do tám tộc trưởng khác tổ chức, có mời Ovando, anh ta đã châm lửa đốt phòng họp, bắt giữ bà ta cùng những lãnh đạo Anh-điêng

ⁱ “Jonah trong bụng cá” là một tích truyện trong “Sách Jonah”, một trong 12 sách Tiên Tri Nhỏ thuộc kinh Do Thái và kinh Cựu Ước, kể về việc Jonah do không nghe theo ý Chúa, sau khi đi thuyền ra biển đã bị một con cá (thường được cho là cá voi) nuốt vào trong bụng. Sau ba ngày ba đêm cầu nguyện xin Chúa, Jonah được thoát ra khỏi bụng cá. Việc Jonah ở trong bụng cá được người Ki-tô giáo coi là biểu tượng cho cái chết và sự hồi sinh. Vì vậy, có thể hiểu rằng những người Ki-tô giáo không muốn đi cùng Fieschi nữa là vì sau khi đã trải qua ba ngày đêm khổ cực trên biển và may mắn sống sót, họ không nghĩ mình sẽ được may mắn như vậy một lần nữa nếu cùng Fieschi quay lại Jamaica để gặp Columbus. (BT)

khác và xử tử tất cả họ. Phần lớn bị bắn, Anacaona chết do bị treo cổ. Khi đó bà ta 39 tuổi. Chồng bà ta, Caonabó, bị Alonso de Ojeda bắt và chết ngoài biển trên đường tới Tây Ban Nha. Ngay cả người Tây Ban Nha cũng kinh sợ trước sự tàn ác của Ovando đối với người Anh-điêng thân thiện, nhưng họ chẳng thể làm gì trước điều đó.

Khi vị thống đốc cuối cùng cũng cho rằng đã bình định xong Xaraguá, Méndez không biết mệt mỏi được phép đi bộ đến thủ phủ, tất cả ngoại trừ chính Đô đốc. Ở đây anh ta dựa vào “tiền và nguồn lực” của Columbus để tìm mua một chiếc tàu buồm và trang bị cho nó. “Trong hơn một năm chẳng có chiếc tàu nào đến cả”, Méndez nhớ lại, “nhưng ơn Chúa, trong thời gian tôi ở đó có ba chiếc đã đến, tôi mua một chiếc trong đó và chất lên đồ dự trữ: bánh mì, rượu vang, thịt, lợn, cừu, hoa quả”, tất cả giờ đây đều có với giá cao ở nơi tiền đồn xa xôi này của đế chế Tây Ban Nha.

Anh ta trông nom việc cung cấp đồ dự trữ trên chiếc tàu buồm cho chuyến đi, và khởi hành đi Jamaica vào cuối tháng 5 năm 1504, sao cho Đô đốc và “tất cả người của ông ấy có thể cùng đi trên đó đến Santo Domingo và từ đó trở về Castile”. Méndez sẽ đi trước với hai con tàu “để giải thích với Vua và Nữ hoàng về tất cả những gì đã xảy ra trong chuyến đi”. Sẽ có nhiều điều để nói.

Vào thời gian này, ở Tây Ban Nha, Nữ hoàng Isabella bị ốm nặng tại Medina del Campo, một thành phố nổi tiếng về các hội chợ, nằm cách Valladolid hơn 20 dặm một chút. “Các bác sĩ đã mất hết hy vọng về sức khỏe của bà ấy”, Peter Martyr viết trong tuyệt vọng. “Căn bệnh lan qua các mạch máu và bệnh phù trở nên rõ ràng dần. Con sốt không hề rời bà ấy, ngấm vào tận xương tủy. Cả ngày lẫn đêm bà ấy bị cơn khát không tài nào thỏa mãn nổi hành hạ, trong khi cứ nhìn thấy thức ăn lại khiến bà ấy buồn nôn. Khối u chết người lớn nhanh trong da thịt bà ấy.”

Trong lúc sức khỏe giảm sút và suy nghĩ trở nên mệt mỏi, bà ta đã bỏ hết những công việc nhà nước đang chờ mình.

Đối với Columbus và “tất cả bạn đồng hành của ông ấy”, sau một năm bị bỏ rơi ở một thiên đường xanh tốt, xa xôi, và bất an trên đảo Jamaica, họ “vô cùng sung sướng với việc con tàu đến”. Sau này, khi Méndez và Columbus gặp lại nhau ở Tây Ban Nha và nhớ về vụ giải cứu, “Ông chủ nói với tôi rằng trong suốt cuộc đời ông ấy chưa bao giờ biết đến một ngày nào vui sướng đến như thế, vì ông ấy không trông đợi rời khỏi Jamaica mà còn sống”.

Trước mắt, Columbus còn phải vô hiệu hóa được đám nổi loạn được cầm đầu bởi anh em nhà Porras, vốn đánh giá thấp sự anh hùng của Méndez. Để đưa họ đi cùng, ông cử hai đại diện – Ferdinand chỉ mô tả đây là “những người được tôn trọng” – được coi là thân thiện với cả hai bên, đến và mang theo món quà dưới hình thức thịt lợn muối ngon chảy dãi mà Ovando đã gửi đến cho Columbus. Thuyền trưởng Porras thận trọng bàn bạc với hai phái viên, sợ rằng họ “mang đến một đề nghị về sự tha thứ chung chung mà người của mình có thể bị thuyết phục và chấp nhận”. Không có gì, kể cả Porras, có thể ngăn họ tìm hiểu về sự cập bến của chiếc tàu buồm hứa hẹn một chuyến trở về Tây Ban Nha an toàn, và cuối cùng, về đề nghị nhân từ của Columbus.

Đám nổi loạn đưa ra một thỏa thuận: nếu được cấp một con tàu cho riêng mình, họ sẽ rời đi. Nếu không, họ sẽ cân nhắc việc rời đi nếu được đảm bảo một nửa không gian trên chiếc tàu buồm nhỏ mà Ovando đã gửi. Và họ muốn được tiếp cận kho dự trữ của Columbus, vì họ đã mất hết dự trữ của mình. Không thể kiên nhẫn, các phái viên của Columbus giải thích tại sao những đòi hỏi này là “vô lý và không thể chấp nhận”. Sau đó, người của Porras tuyên bố rằng nếu không vui lòng cho họ những gì họ muốn, họ sẽ chiếm lấy. Với câu này, họ đã quay lưng lại với các phái viên và lời hứa về một giải pháp hòa bình.

Họ vào hòa với nhau, gièm pha Columbus là “con người độc ác và thích báo thù”, và họ bảo người khác đừng sợ, họ có bạn bè ở tòa án, những người đó sẽ tập hợp về phía họ chống lại Đô đốc. (Ferdinand Columbus nhớ về cuộc nổi loạn gần đây của Roldán: “Và xem công cuộc của họ đã trở nên tốt đẹp thế nào; đảm bảo họ cũng sẽ có kết cục như thế” – nghĩa là, với những kẻ đi theo Porras.)

Porras đưa ra một lập luận để hạ thấp sự hiện diện đầy sức mạnh của chiếc tàu buồm và việc Méndez trở lại. Đừng tin vào mắt mình, ông ta bảo họ. Chiếc tàu không có thật. Nó chỉ là, như Ferdinand nhớ lại, một “ảo ảnh được tạo nên bởi ma thuật mà Đô đốc nắm rất vững”, một hình ảnh gợi nhớ việc Columbus đã gây ra nỗi sợ hãi ở người Anh-điêng bằng trò ảo thuật với nguyệt thực mang tính dọa dẫm. “Rõ ràng, một chiếc tàu buồm thật sẽ không thể rời đi sớm như vậy được, khi giữa thủy thủ đoàn và người của Đô đốc chưa giải quyết được gì nhiều”. Nếu nó là thật, “Đô đốc và em trai ông ấy đã ra khơi với nó rồi”.

Hành vi của Columbus trong 11 tháng vừa qua gợi nên những suy đoán hoang tưởng kiểu này. Giam mình trong khoang tàu, căn nhắc ra lệnh, khiến người Anh-điêng tin rằng ông điều khiển được cả trời, ông có được vầng hào quang của một người sở hữu nếu không phải những kỹ năng siêu nhiên thì cũng là tài năng thiên bẩm về tiên tri. Tây Ban Nha đã coi ông như người khám phá ra những vùng đất mới, nhưng ông tin mình là một công cụ để thần thánh tiết lộ. Số khác thì chấp nhận rằng Columbus đang làm nên lịch sử, nhưng ông muốn thấy các việc làm của mình được tán dương trong Kinh thánh, lấp lánh cùng ngọn lửa, và nếu cần thiết, tắm trong máu. Các nhà thám hiểm khác, đặc biệt những người tìm cách lật đổ ông, đã tốn công vô ích, trong khi chiến công của ông sẽ đứng vững như các tượng đài, hoặc ông tin như vậy. Ông tạo nên lịch sử lúc ông ra đi, như thể thời gian và địa điểm là hai khía cạnh của cùng một thực thể mà ông đã theo đuổi suốt 12 năm, do Marco Polo dẫn dắt, Kinh thánh gợi cảm hứng, và lòng tham vàng nơi ông thúc đẩy.

Nếu không hoàn toàn thuyết phục, thì sự lừa dối thô thiển của Porras vẫn khiến đám nổi loạn nghi ngờ điều mà chúng có thể nhìn thấy rành rành. Vậy là ông ta đã củng cố lòng quyết tâm của đám nổi loạn, và chúng chuẩn bị để chiếm toàn bộ mấy con tàu, tịch thu tất cả những gì họ có, và thậm chí bắt Đô đốc làm tù binh. Trở nên táo bạo hơn, chúng đã chiếm ngôi làng của người Anh-điêng tên là Maima, gần với mấy con tàu trên bãi biển, chuẩn bị cho vụ tấn công. Như đã từng làm trong những tình huống tương tự, Columbus cử Bartholomew em trai mình “đưa họ trở về với lý trí bằng lời nói nhẹ nhàng”, được ủng hộ bởi 50 người trung thành có vũ trang đang chờ đợi để chống lại cuộc tấn công, nếu nó thành hiện thực. Vào ngày 17 tháng 5, *Adelantado* đứng trên một đỉnh đồi cách ngôi làng “một tầm tên bắn” và giao cho hai phụ tá, từng thỏa thuận bất thành với Porras, cố thử một lần nữa. Đám nổi loạn thậm chí từ chối nói chuyện với các đại diện. Sáu kẻ nổi loạn hợp lực để giết em trai của Columbus, tin rằng một khi anh ta đã bị gạt ra khỏi con đường, những người trung thành khác sẽ đầu hàng.

Họ dàn trận, và hét lên “Giết! Giết!” trong lúc tấn công *Adelantado* và nhóm của anh ta. Năm trong số sáu kẻ dự định tàn sát đã gục ngã trước những người trung thành.

Adelantado đáp lại bằng trận tấn công dữ dội của chính mình, khử ít nhất hai người: Juan Sánchez, vốn chưa bao giờ lấy lại được danh tiếng vì đã để cho Quibián bỏ trốn, và Juan Barbara, từng khởi xướng vụ ẩu đả với thanh kiếm đã được rút ra. Số khác thì bị thương, và quan trọng hơn cả là bắt được Francisco Porras. Theo lời Ferdinand, những kẻ nổi loạn còn lại “quay đầu bỏ chạy thực mạng”, Bartholomew đuổi theo họ cho tới khi các phụ tá ngăn lại niềm mong muốn trả thù của anh ta, thì thào rằng “trừng phạt là tốt, nhưng cần có chừng mực”.

Nếu họ giết hết tất cả kẻ thù của mình, nhiều người Anh-điêng đang chứng kiến cuộc xung đột có thể cho rằng đã đến thời điểm để tấn công những người trung thành. Bartholomew dụ lại, giải Porras và

đám tù binh tới mấy con tàu trên bãi biển, ở đó Columbus đón tiếp họ một cách hòa nhã, bằng những lời cầu nguyện và “cảm ơn Chúa vì chiến thắng vĩ đại này”. Những người trung thành, dù chiến thắng, nhưng không tránh khỏi thiệt hại. Một người hầu của Columbus đã chết, và *Adelantado* bị thương ở tay, nhưng sau đó đã bình phục.

Trong lúc nước sôi lửa bỏng của trận đánh, Pedro de Ledesma, viên hoa tiêu nổi loạn, đã lẻn đi mà không ai để ý, tới một vách đá và trốn ở đó cho đến tối. Người Anh-điêng tìm ra anh ta thì tò mò về việc làm thế nào mà anh ta lại sống sót được dưới lưỡi kiếm sắc nhọn của người châu Âu. Họ khều các vết thương của anh ta bằng “mấy chiếc que nhỏ”, xem xét “vết chém trên đầu anh ta sâu đến mức có thể thấy não”, và nhận thấy các vết thương khác cũng nghiêm trọng như vậy trên vai anh ta, vết chém ở đùi tới tận xương, và vết chém ở một bàn chân từ “gót chân tới đầu ngón chân trông giống một chiếc dép lê”. Bất cứ khi nào người Anh-điêng đến gần anh ta đều hét lên, “Cẩn thận, tôi có thể đứng lên!” Và họ lại chạy dạt đi như thể tránh một bóng ma.

Cuối cùng thì người Tây Ban Nha cứu Ledesma, đưa anh ta đến “một túp lều lợp lá cọ gần đó, nơi chỉ riêng sự ẩm thấp và muối cũng đủ để kết liễu anh ta”. Bác sĩ phẫu thuật của tàu mất tám ngày để xử lý các vết thương của Ledesma (“kinh khủng đến mức nó thách thức trí tưởng tượng của con người hình dung ra bất cứ thứ gì khủng khiếp hay trầm trọng hơn thế”, như Las Casas nói), cho đến khi, ngược với mọi dự đoán, anh ta hồi phục. “Tôi gặp anh ta sau tất cả những chuyện này ở Seville, bình thường và mạnh khỏe như chưa hề có gì từng xảy ra”, Las Casas nói, mặc dù không lâu sau đó, “tôi nghe nói là anh ta đã bị đâm chết bằng một con dao găm”. Bất kể thế nào, tinh thần của đám nổi loạn đã bị bẻ gãy.

Vào thứ Hai, ngày 20 tháng 5, băng nhóm nổi loạn đã mất tinh thần cử các phái viên đến gặp Columbus để sửa chữa sai lầm và cầu xin lòng thương hại. Tất cả họ đều thú nhận bằng văn bản về sự bất tuân

và vô nhân của mình, cầu xin sự tha thứ từ Đô đốc, và thể hiện sự nuối tiếc. Một lần nữa họ thể trung thành “trước thánh giá và Kinh thánh”, và nếu có lúc nào đó họ không giữ lời, thì không một linh mục nào, không một người Ki-tô giáo nào sẽ nghe lời xưng tội của họ, và họ sẽ bị coi là đã từ bỏ “những lễ ban thánh thể thiêng liêng của Nhà thờ”, đồng nghĩa với việc như những người Ki-tô giáo xấu xa, họ sẽ không được chôn cất trên phần đất thiêng, thay vào đó sẽ bị vứt bỏ ở “vùng đất không người như những kẻ dị giáo”.

Columbus đọc những lời cầu xin và thú tội với sự hài lòng và nhẹ nhõm. Đám phản bội nhận được sự tha thứ hoàn toàn, trừ Porras bị giữ làm tù nhân “để anh ta không còn là nguyên nhân của những rắc rối mới”.

Giờ đây xuất hiện câu hỏi là cho họ ở đâu. Với không gian chật hẹp trên hai con tàu rách nát chứa những người trung thành, và căng thẳng vẫn treo lơ lửng giữa đám nổi loạn và những người trung thành, Columbus giao cho đám nổi loạn lúc trước một trại trên bờ, chờ những con tàu sẽ chở họ về Tây Ban Nha. Họ có thể “vẫn vờ trên đảo như ông ấy cho phép, trao đổi những món đồ buôn bán cho tới khi tàu đến”, theo lời Las Casas. “Và Chúa mới biết nhóm này đã gây ra tổn hại gì cho người Ấn Độ và họ đã gây ra sự giận dữ gì.”

Sau đó mấy ngày đó là lễ kỷ niệm của họ. Lời thể trung thành mới đây của ông với Ovando bị lãng quên, Columbus nổi giận với sự chậm trễ mà ông buộc phải chịu đựng, “cho rằng chậm trễ là cố tình, bởi niềm hy vọng [của Ovando] là Đô đốc sẽ chết ở đó”. Nhưng ông không chết. Ông đã sống sót và dự tính sẽ làm sáng tỏ mọi chuyện.

Vài ngày sau, chiếc tàu buồm của Diego Méndez thả neo trong vịnh. Sau các vật lộn để sống sót và chiến đấu với nhau, những kẻ bị mắc cạn, trước đó đã mất hết hy vọng, giờ cảm thấy nhẹ nhõm hơn là hăm hở bước lên con tàu sẽ trở họ ra đi. “Chúng tôi lên con tàu này, bạn bè và kẻ thù đều như nhau”, Ferdinand nhớ lại ngắn gọn. Đó là ngày 28 tháng 6 năm 1504.

Những ngọn gió và dòng chảy vẫn ngược chiều suốt chuyến vượt biển từ Jamaica đến Santo Domingo, nơi mà mãi ngày 13 tháng 8 họ mới đến được. Khi họ đến đảo Beata, ở ngoài khơi Hispaniola, họ gặp mấy dòng chảy khiến họ không tiến lên nổi. Như đã từng làm trong các lần bị bắt buộc lười biếng, Columbus tự trút bỏ mọi gánh nặng. Trong một lá thư gửi Ovando, ông mô tả những hành động được thực hiện để chấm dứt vụ nổi loạn, tách riêng anh em nhà Porras ra vì việc làm xấu xa của họ. Một lần nữa, Columbus thể trung thành với vị thống đốc, và kết thúc lá thư với chữ ký khác biệt và bí hiểm của mình:



XPO FERENS

mà trong ngôn ngữ riêng của ông có nghĩa là “Columbus, kẻ vác cây thánh giá”. Ông dùng chữ ký này như sự chấp thuận đặc biệt. Ông giục những người thừa kế của ông cũng nên “ký như chữ ký của tôi mà hiện giờ tôi đang sử dụng với một chữ X và một chữ S bên trên, rồi một chữ M với một chữ A trong tiếng La-tinh bên trên, rồi sau đó là một chữ S và một chữ Y trong tiếng Hy Lạp với một chữ S bên trên, giữ được mối quan hệ giữa các dòng và các chữ”. Dù có những hướng dẫn rất cụ thể này, nhưng ý nghĩa đầy đủ của chữ ký, sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú ở Columbus, vẫn cần được giải mã đầy đủ, có vẻ như nó bao gồm những hàm ý Kinh thánh cũng như hàng hải. Một số người nhìn thấy trong hình dạng của nó là cây cột buồm chính của con tàu, số khác nhìn thấy dấu thập tự, và số khác nữa thì nhìn thấy những hàm ý bí hiểm về sự khẩn cầu và thánh ca.

Khi đến Santo Domingo, trước sự rất đổi ngạc nhiên của ông, Columbus nhận được sự đón chào nhiệt thành với “vinh dự lớn lao và tấm thịnh tình” (Las Casas nói) từ một nguồn ít có khả năng: Nicolás de Ovando. Sau một năm sống trong bóng tối, Columbus xuất hiện nổi

bật trước ánh mặt trời chói chang. Thiện chí bất ngờ của vị thống đốc còn mở rộng sang cả việc để Columbus ở trong ngôi nhà mới xây của thống đốc “với mệnh lệnh rằng phải đáp ứng ông ấy mọi thứ”.

Việc trình diễn lòng hiếu khách đã che giấu xung đột dai dẳng giữa thống đốc hiện tại và thống đốc trước kia của Hispaniola. Columbus nhanh chóng cảm thấy bị xúc phạm trước sự coi thường được thấy rõ; Las Casas nhận thấy, những hành động không tên này được ông “coi là sự xúc phạm và lăng nhục phẩm giá của mình”. Ferdinand nhìn nhận hành vi đạo đức giả của Ovando là “nụ hôn của bộ cặp”. Chất độc được giấu trong nụ hôn bao gồm việc Ovando thả Francisco Porras, người đã được thừa nhận là “kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn” với sự có mặt của chính Columbus, trong một hành động được tính toán để làm nhục người tiền nhiệm của anh ta. “Anh ta thậm chí còn đề xuất trừng phạt những người đã cầm vũ khí để bảo vệ Đô đốc.” Về sau, Columbus thì thăm một cách tối nghĩa với Diego con trai mình về anh em nhà Porras, “Họ đã làm những việc rất tệ, với sự độc ác chưa từng có. Nếu Vua và Nữ hoàng không trừng phạt họ, ta không biết ai sẽ dám đem theo nhiều người hơn để phụng sự họ”. Sự nổi loạn của đám này được tha thứ và bị lãng quên, anh em nhà Porras được nhận lại lương, vị thế, và tước hiệu của mình.

Cũng với tinh thần như vậy, Ovando loại Đô đốc Đại dương ra khỏi những giao tiếp chính thức với Ferdinand và Isabella. Qua đó, Columbus nhận thấy mình là một tù nhân thay vì khách quý, bị Ovando khinh bỉ và đẩy vào nguy hiểm, không thừa nhận danh vị của Đô đốc với tư cách là “tổng chỉ huy” của đội tàu. Ovando tuyên bố, thiện ý không phải là việc của anh ta. Thật khó hình dung Columbus, một người tính khí nóng nảy, lại bị đẩy vào thân phận một chư hầu ở thủ phủ của cái đế chế mà ông đã khám phá ra trong khi Ovando bắt đầu hạ nhục ông, nhưng ông không còn lựa chọn. Ferdinand rồi đây sẽ thay mặt cha mình thể hiện sự căm phẫn.

Một tháng sau, vào ngày 12 tháng 9, Columbus, Ferdinand con trai ông, và những người hầu lên đường về Tây Ban Nha trên một chiếc tàu buồm riêng được một tàu khác hộ tống. Số còn lại trong thủy thủ đoàn của Columbus, những người mà đã phải chịu đựng một năm trời khổ sở trên bãi biển tại Jamaica, ở lại trên đảo Hispaniola. Trong đó, nhiều người là những kẻ nổi loạn lúc trước, mà Las Casas nhận xét qua loa, “một số sau này vượt biển sang Puerto Rico để định cư trên đảo – hoặc, nói một cách chính xác hơn, tàn phá nó”.

Thời tiết trở nên dữ dội. Cách bờ biển hai hải lý, cột buồm chính của một con tàu thuộc đội tàu nhỏ bé của Columbus bị gãy “ngay trên boong”, nhiều khả năng là do gió mạnh. Columbus ra lệnh cho con tàu đã bị hư hại quay lại Santo Domingo, còn mình tiếp tục hành trình đến Castile trên con tàu hộ tống. Nhưng “sau khi đi với thời tiết khá tốt được khoảng một phần ba quãng đường”, Ferdinand báo cáo, “chúng tôi gặp một cơn bão khủng khiếp đẩy mình vào hoàn cảnh hiểm nghèo vô cùng”. Đó là ngày 19 tháng 10. Hôm sau, cột buồm chính của tàu “gãy thành bốn đoạn”, dồn các hành khách vào một tình thế khẩn cấp khác.

Ferdinand gắn sự sống sót của họ với “sự dũng cảm của *Adelantado* và sự tài tình của Đô đốc, người đã không thể ra khỏi giường do bệnh gút”. Dù thế, hai anh em “nghĩ ra một cột buồm tạm thời” – nghĩa là một sự thay thế – “bằng trục căng buồm hình tam giác được chúng tôi dùng dây cột chắc đoạn giữa với mấy tấm ván được dỡ ra từ đuôi tàu và khoang mũi”. Con tàu vẫn đi được, chừng nào thời tiết không gây rắc rối cho họ.

Chẳng mấy chốc một cơn bão khác đổ xuống, vặn gãy cột buồm.

Sau khi sửa chữa thêm, con tàu đi nốt 700 hải lý cuối cùng đến cảng Sanlúcar de Barrameda ở phía nam Tây Ban Nha, được Columbus nhìn thấy lần cuối cách đây hai năm rưỡi. Yếu ớt và không được bảo vệ,

ông đã sống sót, và chừng nào ông còn sống, lời hứa hẹn về một đế chế Columbus – được các vị Quân chủ phê chuẩn – vẫn còn. Bất chấp về thanh bình lộng lẫy của cảng Dry, Jamaica, thời gian ông ở đó thật vô cùng chán nản, quãng thời gian được dành để chăm sóc các vết thương thể xác và tâm lý của ông. Một năm trên bãi biển của ông chẳng hề thanh bình: không có gì hay ho với bản thân, hay với “Ấn Độ”. Điều kiện tốt nhất của nó là tạo nơi ẩn náu.

Nhiều trong số 140 người ra đi cùng Columbus đã không còn sống để nhìn thấy phần kết của cuộc hành trình. Một số đào ngũ ở Hispaniola. 30 người chết vì bệnh tật, chết đuối, hay chết trong những trận đánh nhau với người Anh-điêng hay với đám nổi loạn. Đối mặt với bệnh tật, đám nổi loạn, người Anh-điêng thù địch và sự vỡ mộng của mình, Columbus nằm trong số sống sót, cũng như con trai và em trai ông.

Bất kể việc ông đã thăm dò rộng rãi vùng bờ biển ở nơi nay là Panama và Costa Rica, ông không bao giờ nắm rõ mình đã đến được nơi nào trên thế giới. Song Columbus vẫn nhận thấy mình đã tìm ra một thực thể vĩ đại nào đó mà có vẻ như ông càng khám phá nó càng trải dài hơn, một nơi không có những đường biên xác định, rất ít được các nhà văn thời cổ đại biết đến hay mô tả, nơi mà cả Kinh thánh cũng chỉ đề cập mơ hồ, vừa che giấu lại vừa lộ ra sự giàu có không thể tính nổi. Về sau, ông tuyên bố một phần sự giàu có của nó là của chính ông, thậm chí cả khi ông dành toàn bộ thời gian của mình ở Tây Ban Nha không phải trong các cung điện hay nhà thổ, mà trong mấy tu viện khắc khổ hay lão đảo trên lưng lừa dọc theo những con đường mòn dốc núi, bị thúc đẩy bởi hai con quỷ sinh đôi là hư danh và bốn phận.

Đối với người con trai trung thành, những chiến công của Columbus hoàn toàn không phải là một sự tiên định quá rõ ràng. Một cảm giác hỗn độn bao trùm lên suốt cuộc đời và những chuyến thám hiểm của ông, ngăn cản việc ông cố áp đặt ý chí của mình lên đó. Theo cách Ferdinand kể lại sự việc, cha mình luôn dễ bị tổn thương – với những thay đổi bất

thường của các quân vương, sự đồng bóng của người Anh-điêng, sức mạnh của sóng gió bão tố, và tâm trạng nhạy cảm của những người phục vụ dưới quyền. Ông xuất hiện như một con tin của số phận trong trò chơi dây may rủi dưới sự bành trướng của châu Âu; lặp đi lặp lại, những kỳ tích của ông có thể đã đi theo hướng này hay hướng khác nếu không vì ảo tưởng duy nhất của ông, hoặc do Ferdinand khiến độc giả của mình tin như vậy. Cuộc thám hiểm đã thúc đẩy trí tưởng tượng và sự hiểu biết của ông cho những ngày còn lại.

Đối với *Adelantado* Bartholomew em trai Columbus, cuộc hành trình là cơ hội cho những hành động anh hùng, ít nhất trong con mắt người Tây Ban Nha. Nếu không có sự cảnh giác của anh ta, Columbus và nhóm người trung thành với ông sẽ không tồn tại được một năm trên bãi biển. Song, những hành động anh hùng nhất được thực hiện không phải bởi anh em ông, mà bởi Diego Méndez khiêm tốn, người đã sống sót qua chuyến đi gian khổ trên một con thuyền không mái chèo và một năm trong lãnh địa của Nicolás de Ovando để đưa chiếc tàu buồm đến Jamaica giải cứu Columbus và người của ông.

Bất kể những nỗi khó nhọc và sự thất vọng này, Columbus vẫn giữ được sự đam mê đặc biệt đối với El Alto Viaje – Chuyến đi Cuối cùng – có lẽ bởi nó mang lại cho ông cơ hội thể hiện những kỹ năng hàng hải của mình như chưa từng được thể hiện trước đây, và thực hiện chúng một cách kỳ công khiến các nhà thám hiểm ít kinh nghiệm hơn há mồm kinh ngạc. Hoặc có lẽ do các gian khổ của chuyến đi, những sự đảo ngược, tình trạng thiếu thốn, và việc thoát hiểm trong gang tấc đã đưa ông lại gần hơn với Chúa, với Ferdinand con trai ông, và với cảm giác của ông về sứ mệnh.

Giờ đây đã là ngày 7 tháng 11 năm 1504. Ông định quay về Seville để phục hồi sức khỏe, và sau đó lại lên đường một lần nữa, lần này để gặp gỡ và cảm tạ Nữ hoàng đã luôn ủng hộ những chuyến đi của ông hơn chục năm nay. Cùng với nhiều mong đợi khác của ông, điều này đã không thành hiện thực.

Nữ hoàng Isabella vẫn đang ở Medina del Campo, tiếp tục bị suy yếu dần. Chỉ vài tuần trước, vào ngày 4 tháng 10, bà ta đã ký di chúc, trong đó bà ta cổ vũ chồng và con gái chinh phục châu Phi – nơi được một số người coi là thuộc về đế chế Tây Ban Nha – và hoàn thành cuộc viễn chinh Thập tự. Còn có những yêu cầu khác: bà ta sẽ được chôn cất trong bộ quần áo tu sĩ của Dòng Thánh Francisco, và bà ta chỉ định Juana con gái mình làm “người thừa kế tất cả”. Đối với Vua Ferdinand, bà ta cảm ơn về những nỗ lực của ông ta, và ông ta sẽ nhận được một nửa số thu nhập chảy vào Tây Ban Nha từ đế chế mà Columbus đã khám phá ra cho cả hai người – vùng đất Ấn Độ.

Ngoài ra, một đoạn bổ sung vào di chúc của bà ta khẳng định rằng “mục đích chính của chúng ta là tìm cách đưa vào nơi ấy đức tin Ki-tô giáo thiêng liêng và đảm bảo rằng những người ở đó chấp nhận nó, và cũng để gửi đến các giám mục, thầy tu, linh mục, và những người có học khác, vốn biết sợ Chúa để hướng dẫn cho mọi người về đức tin và dạy và truyền bá cho họ những phong tục tốt đẹp”.

Cho đến lúc này bà ta đã ban phước cho một chuyến đi mới đến Ấn Độ, không phải do Columbus hay một trong các em ông dẫn đầu, mà là Juan de la Cosa, người vẽ bản đồ. Sau đó, bà ta cũng giao cho Alonso de Ojeda, mà Columbus coi là kẻ xâm phạm lãnh địa riêng của mình, làm thống đốc vịnh Urabá, nay nằm giữa Colombia và Panama. Mặc dù chuyến đi được sự hỗ trợ của một tập hợp những converso và quý tộc, nhưng nó bắt đầu rất chậm, sự tồn tại khiêm tốn của nó đủ để đánh động Đô đốc. Ông phàn nàn rằng “các quý tộc của các lãnh địa giờ đây tích lũy những nỗi tức giận như thể họ là con lợn lòi hoang dã, đang trông đợi sự biến đổi lớn về tình thế”.

Mặc dù Columbus đã vạch ra sơ bộ một chuyến đi khác trong trí tưởng tượng, nhưng rõ ràng là sức khỏe của ông sẽ không đáp ứng được với những đòi hỏi của cuộc sống nơi biển cả. Ông đã bị huỷ hoại một cách trầm trọng, giống như một trong những con tàu của ông đã bị hà ăn quá mục nát, không chịu nổi một cơn sóng quật khác.

Vào ngày 26 tháng 11, 19 ngày sau khi Columbus đến Sanlúcar de Barrameda, thì Isabella I, Nữ hoàng xứ Castile và León, qua đời tại Medina del Campo. Bà ta thọ 53 tuổi. Những hy vọng của Columbus về việc có được sự ủng hộ cho một chuyến đi khác cũng ra đi cùng với bà ta. Với tất cả sự thống trị tàn bạo của mình, bà ta là một lãnh đạo đầy quyền lực, đưa giới quý tộc vào vòng kiểm soát và Castile vào một bề ngoài trật tự. Suy ngẫm về quan điểm truyền thống ở thời kỳ đó, Peter Martyr mô tả bà ta như “tấm gương về đạo đức, nơi ẩn náu những điều tốt đẹp, tai họa cho cái ác”. Nhưng bà ta sẽ luôn được nhớ đến như người bảo trợ cho Tòa án Dị giáo và những chuyến đi của Christopher Columbus.

Con trai ông viết, “Cái chết của bà ấy khiến Đô đốc rất đau khổ, vì bà ấy luôn giúp đỡ và sủng ái ông ấy, trong khi Vua luôn tìm thấy điều gì đó ngược lại và không cảm tình với những dự án của ông ấy”. Ferdinand không phải là người quan sát duy nhất nhận ra sự khác biệt trong cách hai vị quân vương đối xử với Columbus. Las Casas quan sát, “Tôi không biết tại sao, cũng không biết vì động cơ gì, vị Vua Công giáo không những không để cho ông ấy thấy một dấu hiệu cụ thể nào của sự biết ơn, trong khi những gì ông ấy nói thì rất ca ngợi, mà còn làm tất cả để đảm bảo rằng con đường tiến lên [của Columbus] bị chặn đứng”. Nhà biên niên sử lắc đầu khó hiểu, và bỗng dừng đi đến chỗ bảo vệ con người mà ông ta đã dành những cuốn sách dày để lên án. “Tôi không bao giờ hiểu nổi sự ghét bỏ này”, ông ta thú nhận, “trừ phi đó là do nhà vua chú ý nhiều hơn vào các nhân chứng giả mạo được đám người ở tòa án ghen tức với ông ấy đưa ra để chống lại Đô đốc”. Chiến dịch bôi nhọ chống lại Columbus vẫn tiếp tục mà không giảm.

Thật đau đớn khi suy ngẫm về việc Columbus bước vào vòng thỏa thuận cuối cùng của mình với Vua Ferdinand. Giống như Nicolás de Ovando, nhà vua thừa nhận các thành tựu và việc phụng sự ngại vàng của nhà thám hiểm, nhưng không hứa hẹn điều gì cho tương lai. Không chấp nhận thực tế này, Columbus kiên trì van nài vị Quân chủ

xác nhận tước hiệu của ông, và thậm chí ủng hộ những chuyến đi trong tương lai, mặc dù ông hầu như không thể đi lại trên đất liền, nói gì đến vượt Đại dương. Ông đã sống đủ lâu để thấy thời của mình trôi qua, tất cả quá ngắn ngủi. Giờ đây ông mặc cả với nhà vua cũng như với chính cái chết để có thêm thời gian, tiền bạc, và vinh quang. Columbus đã hồi phục sức khỏe đủ để lên kế hoạch cho một chuyến viếng thăm triều đình Tây Ban Nha di động, đoán rằng nó đang ở Valladolid. Ông đề nghị đi bằng chiếc kiệu trang trí cầu kỳ đã có lần được dùng để vận chuyển thi hài một hồng y đến chôn cất ở nhà thờ Seville, nhưng rồi lại để kế hoạch đó sang bên và thay vào đó đi như ông vẫn thường đi trên đất liền, trên lưng một con la.

Sau nhiều lần trì hoãn, cuối cùng ông lên đường vào tháng 5 năm 1505, có người em trai Bartholomew hộ tống. Rất cần thuyết phục vị Quân chủ một lần cuối để gột rửa tên tuổi và phục hồi quyền lợi, của cải, và danh dự của mình. Ông nói thẳng ý định của mình trong một lá thư ông viết cho nhà vua vào tháng sau đó: “Sự cai quản và vị trí mà thần có là đỉnh cao vinh dự của thần” – một khái niệm trở thành sự ám ảnh đối với ông – “thần bị đuổi khỏi đó một cách bất công; thần xin cúi mình cầu xin Bệ hạ ban lệnh cho con trai thần được đặt vào vị trí cai quản mà thần đã từng giữ”.

Khi gặp họ, nhà vua “đón tiếp ông ấy một cách lịch sự và tuyên bố phục hồi mọi quyền lợi và đặc quyền, nhưng ý định thực sự của ông ta là lấy đi tất cả những thứ đó”, con trai ông quan sát, “và lẽ ra ông ta đã làm thế nếu không có cảm giác xấu hổ, một sức mạnh lớn đối với những tâm hồn quý tộc”. Giờ đây vùng đất Ấn Độ được Columbus khám phá ra bắt đầu thực hiện những lời hứa của mình, “Vua Công giáo bức bối với Đô đốc về phần chia rất lớn ông ấy được nhận từ chúng thông qua các thỏa ước của ông ấy với Nữ hoàng”.

Vào thời gian thỏa ước ban đầu, Columbus hứa tìm ra một tuyến đường biển giống như tuyến đường buôn bán của Marco Polo, và thiết

lập những quan hệ giao thương với Đại Hãn, vì lợi ích của Tây Ban Nha. Quyền thống trị các vùng đất ông có thể khám phá ra trên đường, và sau đó là sự giàu có, được ban cho Columbus gần như một thứ mới được thêm vào sau đó, một sản phẩm phụ của chuyến thám hiểm thương mại, nhưng Đô đốc lại đặt sự nhấn mạnh hoàn toàn khác lên Công cuộc Chinh phục Ấn Độ, tự coi là đã hoàn thành một sứ mệnh do Chúa gọi cảm hứng và thậm chí dẫn dắt. Dưới những sự bảo hộ này, Columbus tin mình là người được nhận một vinh dự lớn và lâu dài, nó đã vượt quá cả luật lệ lẫn trí nhớ của con người thế tục.

Khi các vị Quân chủ trở nên ý thức về việc ông đã không thực hiện được điều mà ông đã hứa lúc ban đầu và mức độ choáng ngợp của tất cả những gì ông đã khám phá ra, họ bèn thay đổi các điều kiện của thỏa thuận để đảm bảo rằng Columbus ở lại vị trí của mình, như là kẻ tội tở của họ chứ không phải một đối thủ cạnh tranh. Từ quan điểm của họ, họ có quyền cư xử với ông như họ muốn; từ góc nhìn của ông, các vị Quân chủ đã vi phạm hợp đồng giữa họ một cách khó lý giải. Columbus trấn tĩnh lại, và cố thuyết phục Ferdinand duy trì vị thế và những tước hiệu của ông. “Thần sẽ phụng sự ngài tất cả những ngày còn lại trong đời mình, dù có thể nó còn ít ỏi”, và theo Las Casas thì ông thề rằng trong tương lai, sự phụng sự của ông “sẽ cho thấy còn lấy lừng hơn một trăm lần so với những gì thần đã làm cho Bệ hạ tính tới hôm nay”.

Những lời hứa hẹn này đã tái khởi động các thỏa thuận giữa Ferdinand và vị Đô đốc mà tên tuổi đã bị vấy bẩn, người mà con trai ông nhận ra rằng nhà vua “muốn lấy lại sự kiểm soát tuyệt đối” với vùng đất Ấn Độ và “vứt bỏ như ông ta mong muốn các chức vụ chỉ được ban cho Đô đốc”. Thừa nhận rằng Columbus vẫn còn chút sức sống trong mình, và một số quyền đối với những khám phá của ông ở Ấn Độ, nhà vua đưa ra một thỏa thuận mới và yêu cầu cần có một trọng tài để giải quyết vấn đề; Columbus mắc câu, đưa ra tên của người bạn mình ở triều đình là Diego Deza, một cựu thầy dòng Francisco và giờ là Tổng Giám mục của Seville và là người kế vị Tomás de Torquemada

trong vai trò Tổng Quan tòa (của Tòa án Dị giáo) trên toàn Tây Ban Nha, và là người sau này bị Giáo hoàng khiển trách vì quá tích cực. Vị giám mục xác nhận rằng Columbus có quyền đối với việc điều hành nhưng chuyển toàn bộ sự việc sang các luật sư để giải quyết. Bằng một giọng văn mạnh mẽ khác thường, Las Casas viết, “Nhà vua quanh co về vấn đề này nên một lần nữa Đô đốc lại thỉnh cầu, nhắc nhở Bộ hạ về sự phụng sự mà ông ấy đã dành cho nhà vua, sự tù tội bất công mà ông ấy phải chịu đựng, và không thể chấp nhận với cái cách mà ông ấy đã bị tước đi các chức vị, phẩm hàm, và những vinh dự mà các Bộ hạ đã ban cho mình”.

Sau đó ở Seville, vẫn luôn kiên trì, Columbus nói với nhà vua rằng “ông ấy không hề muốn phải đến trước pháp luật hay tranh cãi về trường hợp của mình trước các quan tòa. Ông ấy chỉ đơn giản muốn Bộ hạ... ban cho mình thứ mà ông ấy nghĩ là xứng đáng”. Đô đốc giải thích rằng ông “mệt mỏi đến tận xương tủy và đơn giản là muốn đi đâu đó một mình và nghỉ ngơi”. Những cuộc gặp gỡ không kết quả đã làm cạn kiệt sự kiên nhẫn và sức khỏe của ông. Ngày càng ốm yếu hơn, Columbus viết một đơn thỉnh cầu chính thức với phần kết là, “Thần thực sự tin rằng nỗi đau do sự chậm trễ trong chuyện giải quyết việc của mình là nguyên nhân khiến thần tê liệt như thế này”.

Ông lấp đầy thời giờ nhàn rỗi bằng cách ngồi buồn phiền về thu nhập từ Ấn Độ của mình đã bị mất đi, giải thích rằng người Anh-điêng “đã và vẫn là sự của cải thực sự của hòn đảo”. Họ trồng trọt lương thực, nướng bánh, và khai thác vàng, là những thứ mà người “Ki-tô giáo” phụ thuộc tất cả vào, song ông vẫn bị rối trí khi nghe nói rằng “cứ bảy người Ấn Độ thì có sáu người chết do hệ quả trực tiếp của sự đối xử vô nhân đạo trừng phạt họ: một số bị kiếm đâm chém thành từng mảnh, số khác bị đập đến chết, và số khác nữa thì chết do bị lạm dụng, đói khát, và điều kiện sống khủng khiếp mà họ buộc phải tồn tại trong đó”. Biểu hiện tiếc nuối này không dẫn tới một sự nhận lỗi như mong đợi. Thay

vào đó, tình trạng thảm khốc đồng nghĩa với một nguồn thu nhập lớn đã bị mất đi – nguồn thu nhập của Tây Ban Nha, và của chính ông.

Ông đưa ra một lý do nông cạn tương tự cho việc mình đã gửi những con tàu chở đầy nô lệ trở về Tây Ban Nha. Đó chỉ là biện pháp hoàn toàn tạm thời, giờ thì ông giải thích như vậy. Ông đã định cải đạo họ sang đức tin thiêng liêng, dạy họ các phong tục và kỹ năng của người Tây Ban Nha, rồi sau đó trở về Hispaniola, nơi ấy họ có thể truyền lại mọi điều đã học được cho người của mình.

Những cuộc tranh luận và kiến nghị cứ tiếp tục mà không có sự trì hoãn. Ngay cả Columbus cũng nhận thấy mình đã hết lựa chọn, hết may mắn, và hết cả thời gian. Sự kiên trì sẽ chẳng mang ông đến đâu. Từ giường bệnh, ông viết cho Giám mục xứ Seville rằng do nhà vua có vẻ cương quyết không tôn trọng “những lời hứa mà ông ấy đã đưa ra cùng với Nữ hoàng (Cầu Chúa cho linh hồn bà ấy yên nghỉ) cả bằng lời lẫn bằng văn bản, tôi cảm thấy rằng nó là những nỗ lực vô vọng đến nản lòng đối với một người quê mùa đơn giản như tôi nếu tiếp tục cuộc chiến”.

Cái chết của Nữ hoàng Isabella ảnh hưởng đến toàn bộ Tây Ban Nha và đế chế đang bành trướng của nó, đe dọa gây nên sự bất ổn chính trị và thậm chí là nội chiến. Juana, con gái của Ferdinand và Isabella, đã cưới Philip Tóc vàngⁱ. Thần kinh bất ổn, cô ta được biết đến như là “Juana la Loca” – Juana Điên. Được sự ủng hộ của giới quý tộc, Philip chồng cô ta trở thành Vua xứ Castile, thay thế cha vợ. Một quãng thời gian có vẻ là Juana sẽ cai trị, bất kể sự nhu nhược của mình, và người ta hiểu rằng Ferdinand sẽ trở thành người nhiếp chính lâu dài. Để hiện thực hóa kế hoạch này, Ferdinand cho in đồng tiền xu với dòng chữ “Ferdinand và Juana, Vua và Nữ hoàng xứ Castile, León, và Aragón”, kiểm soát tiền tệ là con đường nhanh nhất để kiểm soát quyền lực.

i. (1478-1506). Là vua Philip I xứ Castile, hay còn được gọi là Philip Handsome – Philip đẹp trai. Là thành viên đầu tiên của nhà Habsburg trở thành Vua xứ Castile.

Đồng thời, Philip cũng tìm cách thành lập một liên minh với Juana la Loca để chống lại Ferdinand. Vào mùa thu năm 1505, mùa màng thất bát, đẩy giá lúa mì lên tới mức không tưởng, càng làm tăng thêm cảm giác hỗn loạn đang gây xáo trộn Tây Ban Nha.

Cuộc khủng hoảng trầm trọng hơn khi Ferdinand thu xếp cưới Germaine de Foixⁱ, mới 18 tuổi so với độ tuổi 44 đã trưởng thành của Ferdinand, và thậm chí còn bất ổn hơn khi cô này là cháu gái của Vua Pháp, nhân vật từ lâu không được chào đón trong giới ngoại giao Tây Ban Nha. Xét độ tuổi của Germaine, viễn cảnh về người thừa kế bất ngờ xuất hiện, kéo theo là trật tự cũ của Ferdinand và Isabella, rồi các vương quốc Aragon và Castile, cùng sự ổn định và vĩ đại mà họ là những người đại diện, có vẻ sẽ tàn lụi vào những dòng biên niên của quá khứ.

Vào ngày 22 tháng 3 năm 1506, Ferdinand cưới cô dâu trẻ, tạo nên sân khấu cho cuộc nội chiến. Philip và Juana thực hiện mọi nỗ lực để khẳng định quyền lực của mình. Rồi một ngày tháng 9, Philip bị quá sức trong lúc chơi một môn bóng Tây Ban Nha tên là pelota, nhưng đã tỏ ra hồi phục. Ít ngày sau, vào ngày 25 tháng 9, anh ta lại chơi, lại bị ốm, và ra đi khi đêm xuống. Người ta nghi ngờ Philip chết vì bị đầu độc, còn Vua Ferdinand là thủ phạm, nhưng chẳng có gì được chứng minh. Cái chết này đã làm dấy lên những cuộc nổi loạn và đẩy Juana la Loca mong manh, giờ đây đã gần 30 tuổi, vào tình trạng trầm cảm nặng, từ chối nói năng hay ăn uống. Ferdinand và Nữ hoàng Germaine mới của ông ta liên kết lại, giành được sự ủng hộ cần thiết – hay ít nhất là không thù địch – của giới chức giáo hội. Ông ta ở lại vị trí của mình với tư cách nhiếp chính.

Ngược với bối cảnh chính trị hỗn loạn này, Columbus tìm cách để có được những quyền của mình, theo cách ông nhìn thấy chúng, được hồi phục và xác nhận mãi mãi.

i. ((?))1488-1536). Là cháu gái của vua Louis XII của Pháp. (BT)



Vua Ferdinand rời Valladolid đến thăm Columbus, người mà, con trai ông giải thích, “bị đau đớn rất nhiều do bệnh gút và khổ sở khi thấy mình đang bị rơi từ địa vị từ trên cao xuống, cũng như những căn bệnh khác”. Nhà hàng hải già không còn được sủng ái, nếu không muốn nói là thực sự bị ghét bỏ, nhưng vẫn đủ quan trọng để nhà vua thể hiện sự quan tâm. Họ đã có một lịch sử lâu dài, bắt đầu với việc Isabella tài trợ cho hải hành thứ nhất, và kết thúc với việc cả hai con trai của Columbus đều đang phụng sự với tư cách các cậu bé phục vụ trong triều đình.

Columbus mất nhiều năm trời để chiếm được vị trí trong triều đình. Với tất cả tham vọng và mong muốn tạo được sức ảnh hưởng cá nhân lên Tây Ban Nha và những người cai trị nó, có điều gì đó thật khác thường, như thuộc về một thế giới khác trong ông, điều gì đó vượt ra khỏi lòng mộ đạo và thuyết thần bí thông thường, điều gì đó thúc đẩy và hành hạ thay vì an ủi ông. Đức tin của ông không hề mang lại cho ông sự bình yên. Ông đã đưa mình vượt quá những giới hạn của sự chịu đựng, và chẳng còn lại bao nhiêu sức lực.

Columbus cảm thấy quá yếu nên không thể gượng dậy trên giường để chào nhà vua; để thay thế mình, ông cử Bartholomew người em trai tin cậy, người đã mang tới một lá thư trong đó Columbus, “giữa những hoàn cảnh trái ngược và khốn cùng”, xin lỗi về việc không thể tự chào đón nhà vua.

Ferdinand định cứu vãn danh dự của cha mình khỏi những âm mưu chống lại ông, nhưng mô tả của anh ta cho thấy người thủy thủ năm xưa đang bị suy sụp nhanh chóng, sống nhờ vào danh tiếng và những tư lợi mà họ được hưởng thay vì những nhiệm vụ của công cuộc khám phá, điều mà gây ra những nguy hiểm không cần thiết cho cuộc sống của những người đã phục vụ ông. Ông đã tạo nên các cuộc khủng

hoảng để thể hiện khả năng của mình trong việc thoát khỏi chúng, hay để thể hiện sự tử vì đạo của mình với thế giới. Dưới danh nghĩa khám phá, hay ý chí thần thánh, hay các vị Quân chủ, ông dựng lên những sự đối đầu, hay khẳng khẳng hiểu lầm các hoa tiêu của mình và người Anh-điêng, phỉnh phờ họ thông qua sự áp đặt sức mạnh của cá nhân mình để họ nói ra điều ông muốn nghe. Chỉ khi ở giữa một cuộc khủng hoảng, bị mắc cạn trên một bãi biển, hay bị một cơn bão chết người vây kín, Columbus mới chăm chú để tâm đến những nhiệm vụ cần thiết cho việc sống còn; nếu không thì ông chìm đắm trong các hoang tưởng vĩ đại và có phần vô thức tìm kiếm những cơ hội để tự đặt mình vào con đường hiểm nguy, để quyến rũ ma quỷ và sau đó lớn tiếng ngợi ca Chúa vì đã cứu giúp ông khỏi hoạn nạn. Tinh thần phong phú của ông đã sáng tác ra những vấn đề hết sức to lớn, cũng như những khám phá vô cùng vĩ đại mà nhờ chúng ông trở nên nổi tiếng.

Mặc dù các chuyến đi của Columbus đã mang đến những khám phá bất hủ, nhưng ông hiếm khi hài lòng về chúng. Ông vẫn tin rằng Trung Hoa nằm ngay nơi chân trời, rằng từ đại dương có thể đến được thiên đường, và rằng ông đã đi đến vùng rìa của “Ấn Độ”. Nguyên tắc đạo đức nơi ông vẫn hoàn toàn cứng nhắc. Có thể nói rằng qua bốn chuyến đi, ông đã khám phá ra mọi thứ, nhưng lại chẳng học được điều gì. Những định kiến của ông lẽ ra đã được kiểm chứng và mở rộng ra chút ít thông qua các trải nghiệm của mình, nhưng cuối cùng chúng vẫn vẹn nguyên, như một thành trì của đức tin và ý chí trong một thế giới mà ông đã góp phần thay đổi.

Trên thực tế, thế giới đã chuyển động xa hơn những gì ông biết, đem những khám phá của ông vào một lãnh địa mới trong đó “thế giới khác” được biết đến là Tân Thế giới. Tên tuổi ông gắn với việc khám phá ra một lục địa mà ông không bao giờ thừa nhận và lục địa đó được đặt theo tên của một người khác – Amerigo Vespucci. Những khám phá thường là theo kiểu thất thường và đan chéo với nhau; lúc có lúc không nên sự công nhận thường là tùy tiện.

Columbus mòn mỏi trong căn phòng trọ khiêm tốn ở Valladolid, nhưng trái với truyền thuyết, ông không bao giờ cô đơn mà cũng chẳng nghèo khổ. Hai người con trai Ferdinand và Diego chăm sóc ông, cùng một số bạn đồng hành trong những chuyến đi gần đây, đặc biệt là anh hùng Diego Méndez. Tất cả đều thấy rõ là ông đang chết.

Những rủi ro hành hạ ông vào cuối đời là chủ đề của nhiều suy đoán. Các triệu chứng mà ông kể lại và những người khác xác nhận, thường phù hợp với việc đi lại tập tễnh và bệnh viêm khớp đau đớn – thứ mà Columbus gọi là “gút” – và sốt rét, do một loài ký sinh trùng gây ra và được muỗi anophele lan truyền, với những dấu hiệu như sốt cao, lạnh run, và chứng thiếu máu đều hành hạ ông. Đau đầu, chóng mặt, buồn nôn, và đi ngoài là những triệu chứng phổ biến, và nếu ông bị sốt rét, mà chắc là thế, thì ông thường khổ sở. Xem xét những triệu chứng của ông, một số bác sĩ hiện đại chẩn đoán đó là một dạng viêm khớp phản ứng được biết đến trước kia như là hội chứng Reiter. Bị mắc bệnh do lây nhiễm, căn bệnh này có thể dẫn đến viêm mắt trầm trọng (ví dụ như viêm kết mạc) và các khớp sưng lên đau đớn, cả hai triệu chứng đã từng hành hạ Columbus hàng năm trời. Nếu ông bị viêm khớp phản ứng, ông hẳn sẽ bị viêm đường tiết niệu và đau dạ dày. Nhiều triệu chứng của các căn bệnh này đến và đi theo thời gian, nhưng rõ ràng là ông phải chịu đựng rất nhiều dày vò từ những ảnh hưởng liên hợp của chúng.

Sau một mùa đông trôi qua trong sự suy sụp dần dần, ngày 19 tháng 5, Columbus đọc cho chép lại di chúc của mình. Trong đó, ông chỉ định người con trai Diego là người thực hiện, và đưa vào cả những điều khoản đối với mẹ của Ferdinand con trai ông là Beatriz de Arana, người “khiến lương tâm tôi trĩu nặng”. Nhưng ông từ chối nói kỹ hơn: “Tôi không được phép giải thích lý do cho việc này”.

Vào ngày 20 tháng 5 năm 1506, Columbus mất ở Valladolid, “sau khi đã thành kính tiếp nhận mọi lễ ban phước của nhà thờ và

nói những lời cuối cùng này, *manus tuas, Domine, commenda spiritum meum*ⁱ, Chúa, với lòng từ tâm và nhân từ của Người, chắc hẳn đã chấp nhận ông ấy trong sự vinh quang của mình. *Ad quem nos cum eo perducatur. Amen.*ⁱⁱ”

Ông thọ 54 tuổi.

Las Casas nhận xét, “Và thế là con người ấy, đã bằng những nỗ lực của chính bản thân ông, đã khám phá ra một thế giới khác rộng lớn hơn và được ban phước hơn rất nhiều thế giới mà chúng ta biết đến trước đó, đã rời bỏ cuộc đời này trong tình cảnh khốn cùng với nỗi cay đắng và sự nghèo khổ, như ông ấy vẫn nói, không có một mái nhà mà ông ấy có thể gọi là của mình để trú mưa và nghỉ ngơi sau những vất vả. Ông ấy chết đi, bị lấy mất và tước mất vị trí và danh dự mà ông ấy đã có được bằng những nỗ lực quả cảm không mệt mỏi và bằng cả việc mạo hiểm sinh mạng mình hết lần này đến lần khác”.

Đám tang khiêm tốn của Columbus đi xuyên qua Valladolid tới một tu viện Dòng Francisco, tại đây thi hài của ông được mai táng trong một hầm mộ. Đó không phải là nơi yên nghỉ cuối cùng của ông; thay vào đó, nó đánh dấu sự khởi đầu của một thiên tiểu thuyết vô tận và thường gây nên những chuỗi các tranh cãi cay đắng về hài cốt và di sản của ông.

Năm 1509, ba năm sau khi ông mất, thi hài ông được chuyển đến nhà nguyện Santa Ana ở tu viện Santa María de Las Cuevas, gần Seville, nơi ông đã có những năm tháng ở ẩn và suy ngẫm giữa các chuyến đi thứ ba và thứ tư. Diego con trai ông, người sau đó trở thành Đô đốc thứ hai, chết năm 1526, và anh ta cũng được chôn ở Las Cuevas. Một thập

i. Nguyên văn tiếng La-tinh, nghĩa là “Lạy Cha! Con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha”.

ii. Nguyên văn tiếng La-tinh, nghĩa là “Chúng ta bên con và dẫn dắt con. Amen!”.

kỷ sau, vào năm 1536, Đô đốc thứ ba, Luís Columbusⁱ, đã chuyển hài cốt của hai cha con, cùng với hài cốt của em trai ông là Bartholomew và vợ ông, Felipa Moñiz, đến nhà thờ Santa María la Menor ở Santo Domingo trên đảo Hispaniola.

Vài năm sau, Luís Columbus, người đã từ bỏ những trách nhiệm quản lý của gia đình để đổi lấy một tước hiệu – Công tước xứ Veragua – và khoản lợi tức hằng năm, bị buộc tội đã lấy hai vợ, và bị phạt 10 năm phục vụ trong quân ngũ ở Bắc Phi. Thậm chí khi bị giam giữ ở những tiền đồn xa xôi, Luís Columbus, người có một lịch sử lãng nhãng khá lâu với đàn bà, đã hối lộ cho đám lính gác, tìm được một người tình và sau đó cưới cô ta, mặc dù ba người vợ trước đều đang còn sống. Anh ta lại bị đi đày một lần nữa, lần này đến Oran, một thành phố cảng lớn ở Algeria, và mất ở đây năm 1572 ở độ tuổi 50. Anh ta được mai táng ở nơi đã trở thành nghĩa trang gia đình Columbus tại nhà thờ Santo Domingo.

Năm 1697, Tây Ban Nha cắt một phần của Hispaniola, nay là Haiti, cho Pháp, và sau đó cắt nốt phần còn lại của hòn đảo. Để ngăn việc các hài cốt của gia đình Columbus thuộc về người Pháp, vào năm 1795 đã được chở bằng thuyền đến Havana, Cuba, và được chôn cất trong một nhà thờ khác, có vẻ là vĩnh viễn. Nhưng chuyện đã không được như vậy. Vào năm 1877, một linh mục của nhà thờ ở Santo Domingo phát hiện ra một chiếc quan tài bằng chì chứa đầy xương, một số giả thuyết cho rằng đó là “Người khám phá ra châu Mỹ, Đô đốc thứ nhất”, và một viên đạn chì. Một năm sau, những cuộc khai quật tiếp theo tìm thấy một cái biển khác, trên đó viết “Di hài còn lại của Đô đốc thứ nhất, Ngài Christopher Columbus, nhà khám phá”. Không rõ ai đã đặt mấy tấm biển ở đó, cũng như tầm quan trọng của viên đạn.

Sau đó, di hài ở Havana được xác định thực sự là của Diego Columbus, con trai vị Đô đốc, còn di hài của chính Columbus thì vẫn

i. ((?)1520-1572). Là con trai của Diego Columbus. (BT)

được chôn cất ở nhà thờ Santo Domingo. Vào năm 1879, một báo cáo do Học viện Lịch sử Hoàng gia Tây Ban Nha thực hiện, đã liệt kê không dưới năm địa điểm chôn cất Columbus. Sau Chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ năm 1898, Tây Ban Nha vận chuyển thứ có vẻ là di hài của Columbus trong chiếc quan tài bằng chì tới Cadiz, và sau đó ngược sông Guadalquivir. Vào ngày 19 tháng 1 năm 1899, chiếc áo quan bằng chì được chôn lại ở nhà thờ Seville, là nhà thờ thứ ba lưu giữ thi thể của Đô đốc. Như ông đã từng làm trong đời, Đô đốc Đại dương đồng thời kết nối và chia tách ba đất nước và hai lục địa.

Ngày nay, Tây Ban Nha coi Seville là nơi yên nghỉ cuối cùng cho di hài của Columbus. Cộng hòa Dominica khẳng định rằng Columbus và Luís, người cháu phiêu bạt của ông, được chôn cất ở Santo Domingo, và rằng Seville chỉ có di hài Diego con trai ông. Việc thử nghiệm DNA trên các di hài không đưa ra được kết luận. Mâu thuẫn có vẻ sẽ không được giải quyết sớm. Và không ai biết tại sao lại tìm thấy viên đạn chì bên cạnh di hài của Columbus. Những lần khai quật và chôn đi chôn lại di hài ông đã đánh thức linh hồn không ngủ yên của một nhà hải hành không có nơi yên nghỉ cuối cùng, mang theo định mệnh đeo đuổi những bến bờ mà ông đã khám phá ra trong suốt cuộc đời mình.

PHÂN KẾT



NGÀY COLUMBUS

Việc hạ thấp giá trị của Columbus một cách mạnh mẽ dường như là một hiện tượng mới có gần đây, nhưng thực ra nó đã bắt nguồn từ khi các chuyến đi của ông diễn ra. Người điều tra pháp lý Tây Ban Nha, Francisco de Bobadilla, đã từng xích ông và gửi về quê nhà. Vua Ferdinand khinh thị ông. Sự ghét bỏ rõ rệt của Giám mục Fonseca đối với Columbus được nhiều người biết đến. Amerigo Vespucci duy trì ấn tượng rằng chính ông ta, chứ không phải Columbus, đã khám phá ra Tân Thế giới, và để tên mình đặt cho lục địa này. Đại úy hải quân từng dưới quyền ông, Alonso de Ojeda, đã đưa ra tuyên bố về quyền hạn đối với những lãnh thổ mà Columbus là người đặt chân đến đầu tiên. Nicolás de Ovando, người kế tục Columbus trong vai trò thống đốc Hispaniola, khiến cho cuộc sống của ông bị nguy hiểm và nhạo báng ông. Anh em nhà Porras, cùng Francisco Roldán và những người khác đã từng ra khơi với Columbus thì nổi loạn mà không bị hay bị trừng phạt rất nhẹ nhàng.

Tổn hại lâu dài nhất đối với danh tiếng của Columbus đến từ ngòi bút của Bartolomé de Las Casas. Đến Hispaniola cùng với vị thống đốc mới là Nicolas de Ovando vào năm 1502, Las Casas bắt đầu như một người sở hữu nô lệ. Vào năm 1510, ông ta trở thành linh mục đầu tiên được phong chức ở châu Mỹ, thường được gọi là “Nhà truyền đạo

của người Ấn Độ”. Trong lời than van đầy ảnh hưởng của ông ta ở cuốn *Brevísima relación de la destrucción de las Indias* (Tạm dịch: Mô tả ngắn gọn về sự hủy diệt Ấn Độ), được viết năm 1542, ông ta đã phơi bày sự hành hạ và tội diệt chủng của thực dân Tây Ban Nha nổi bước Columbus.

Las Casas bênh vực cho các nạn nhân gần như bị tuyệt chủng bởi sự tàn bạo này – “những con người đơn giản nhất trên thế giới”, ông ta viết về những người Anh-điêng Taíno, “chịu đau khổ kéo dài, rứt rứt, và dễ phục tùng, ... không ác tâm hay mưu mẹo, hoàn toàn trung thành và nghe lời” – tóm lại, họ là dạng người mà ngai vàng Tây Ban Nha mong muốn có. Song, thay vì nuôi dưỡng những con người nhẹ nhàng và nhanh trí này, “chúng ta biết rõ người của chúng ta, qua sự độc ác và xấu xa của họ, đã làm sụt giảm dân số và để lãng phí một khu vực rộng hơn cả 10 vương quốc, mỗi vương quốc lại lớn hơn bán đảo Iberia”. Họ giết hàng loạt trẻ con Anh-điêng, “có trường hợp đâm xuyên qua người mẹ và đưa trẻ chỉ với một cú vung kiếm”. Người Tây Ban Nha thậm chí còn độc ác hơn với các vị thủ lĩnh Anh-điêng, trói họ vào “vỉ nướng làm từ những thanh que được đặt trên mấy cái chĩa đóng xuống đất rồi quay họ trên ngọn lửa nhỏ, khiến họ gào thét trong sự đau đớn tột cùng và chết dần”.

Las Casas đã chứng kiến tất cả những điều này. Ông ta đánh giá rằng “hành vi bạo ngược và hiểm ác của người Ki-tô giáo trong 40 năm qua đã dẫn tới những cái chết bất công và hoàn toàn không có lý do xác đáng của hơn 12 triệu linh hồn, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em”. Thực sự, ông ta tin rằng 15 triệu là con số tính toán chính xác hơn về số người đã chết do bị người Ki-tô giáo hành hạ, giết hàng loạt, và “chế độ nô lệ tàn nhẫn, ác nghiệt và tội lỗi nhất mà con người từng gây ra đối với đồng loại mình”. Các số liệu của Las Casas từ lâu vẫn gây tranh cãi, nhưng ngay cả những đánh giá mang tính thận trọng hơn cũng khá khắc nghiệt: trong số 250.000 người Anh-điêng dưới quyền cai trị của người Tây Ban

Nha, chỉ 40.000 người còn sống sót sau 15 năm. Sau vài thập kỷ, chỉ còn vài trăm người sống sót. Nhiều người chết do các bệnh truyền nhiễm vì bị phơi nhiễm trước những mầm bệnh từ người châu Âu, hoặc từ gia súc của họ, khiến cư dân Tân Thế giới bất lực trước chúng.

Và nguyên nhân của bi kịch này là gì? Theo lời ông ta, “Trần trụi và đơn giản: lòng tham”.

Bản cáo trạng của Las Casas có được sự ủng hộ từ một trong những đối thủ cạnh tranh mới xuất hiện của Tây Ban Nha là nước Anh, nơi bắt nguồn “Huyền thoại Đen” Tây Ban Nhaⁱ. Hàng thế kỷ sau đó, Tây Ban Nha và các thủy thủ ra khơi dưới ngọn cờ Tây Ban Nha đều bị coi là lũ giết người và trộm cắp. Cái bóng của Huyền thoại Đen bao trùm lên Columbus như nó đã bao trùm những nhà thám hiểm khác từ Tây Ban Nha. Những nhà thám hiểm ra khơi dưới ngọn cờ Tây Ban Nha đều bị coi là phường giết người và trộm cắp có thói quen hành động tàn nhẫn cực kỳ vô nhân đạo. Dù không có ý đó, nhưng mô tả của Las Casas đóng vai trò như một lời kêu gọi các đối thủ mà chủ yếu theo đạo Tin Lành của Tây Ban Nha tham gia giải cứu Tân Thế giới khỏi những điều kinh khủng hơn nữa. Người Anh-điêng sống sót trở thành những con tốt trong cuộc chiến địa chính trị nằm ngoài tầm hiểu biết của họ. Kể cả tôn giáo cũng chẳng mang lại mấy sự chỉ dẫn liên quan đến những việc làm của những người thám hiểm và việc thu phục đế chế. Cả Las Casas lẫn những người cai trị ngoan đạo của Tây Ban Nha đều tin rằng Chúa đứng về phía của họ, cũng tương tự như nước Anh.

Vào năm 1510, tám năm sau khi đến Hispaniola, Las Casas trở thành một nhà truyền giáo cho người Taíno của Cuba. Một thời gian ông ta bóc lột sức lao động của người Anh-điêng, sau đó từ bỏ việc này, và đến năm 1514 thì tuyên bố phản đối Công cuộc Chinh phục Ấn

i. Nguyên văn: “Black Legend”. Tên của một phong cách viết sử trong giai đoạn thế kỷ 16 mang tính chủ quan, chống lại đất nước Tây Ban Nha cũng như con người, và văn hóa của đất nước này.

Độ của Tây Ban Nha, trong khi vẫn khuyến khích người Anh-điêng cải sang Ki-tô giáo. Vào những năm cuối đời, ông ta đưa ra thuyết Tự xác địnhⁱ. Nó tuyên bố một cách đơn giản rằng, mọi sức mạnh xuất phát từ con người, rằng những người dân ủy quyền cho những nhà thống trị để phụng sự lợi ích của nhân dân, và những việc làm quan trọng của chính quyền cần phải được thông qua dân chúng. “Không có quốc gia nào, ông vua nào, hay hoàng đế nào có thể chuyển nhượng các lãnh thổ, hay thay đổi hệ thống chính trị mà không được sự đồng tình của cư dân nơi đó”, ông ta khẳng định. Las Casas sống đến ngày 17 tháng 7 năm 1566, và chết ở tuổi 92.

Không phải mọi người đều thù địch với Columbus hay thờ ơ trước những đau khổ và thành tựu của ông. Diego Méndez người bạn trung thành với ông luôn coi chuyến đi giải cứu đây tuyệt vọng trên một chiếc thuyền độc mộc đã được chế lại để vượt biển khơi đến Hispaniola là cuộc phiêu lưu vĩ đại của đời mình. Trong di chúc của mình, để ngày 19 tháng 6 năm 1536, anh ta hướng dẫn những người thực hiện dựng một tấm bia đá – “loại tốt nhất” – để kỷ niệm sự kiện đó. Anh ta ra lệnh, ở giữa tấm bia đá “để hình một chiếc thuyền độc mộc, là một thân gỗ rỗng có mấy người Ấn Độ đang chèo, vì tôi đã điều khiển một chiếc thuyền như vậy vượt qua 300 hải lý, và bên trên chỉ cần khắc mấy chữ CANOA (thuyền độc mộc)”.

Ngày nay, hình tượng Columbus nhà thám hiểm hiện diện ở khắp nơi. Nhiều tượng điêu khắc, tượng đài, và bia kỷ niệm Columbus có rất nhiều tại các quảng trường công cộng ở Genoa, Barcelona, Madrid, thành phố Mexico, Seville, và những thành phố khắp vùng Caribbean và châu Mỹ. Trên đường phố, những bức tượng này bộc lộ lần lượt các tính chất có phần vừa anh hùng, vừa lỗ bịch và đáng sợ; chúng mô tả

i. Nguyên văn: “Doctrine of Self-Determination”.

một biểu tượng chinh phục kịch côm. Những con sông, thành phố, thị trấn, đường phố lớn, và đất nước Colombia đều được đặt theo tên ông để vinh danh.

Đặc biệt ở Hoa Kỳ, tấm gương và những chuyến đi của ông đã trả lời cho một mong muốn không ngừng nghỉ về nhu cầu tự khẳng định mình và thể hiện bản sắc. Bắt đầu từ thế kỷ 18, tên ông được dùng để đặt cho thủ phủ của bang Nam Carolina, thủ phủ của Ohio, và con sông Columbia hùng mạnh ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương. Thông qua một đạo luật Nghị viện vào năm 1871, nơi đặt thủ đô của đất nước được gọi là District of Columbia. Thành phố New York có trường Đại học Columbia, giao lộ Columbus, và đại lộ Columbus.

Bức tượng ông bằng đá hoa cương được đặt trên đỉnh một cột đá granite cao hơn 20m vươn lên trên giao lộ Columbus. Được Gaetano Russo thiết kế vào năm 1892, phần đế đài tưởng niệm bằng cẩm thạch ghi:

Gửi đến

CHRISTOPHER COLUMBUS

Cư dân Ý ở Mỹ,

Ban đầu bị giễu cợt,

Trong cuộc hành trình bị đe dọa,

Sau đó bị xiềng xích,

Vừa vị tha vừa áp bức, với

Thế giới ông mang lại một Thế giới.

Columbus đã dựng lên một tấm gương chiếu vào Cựu Thế giới, hé lộ và khuếch đại sự vô nhân đạo và lòng tham của nó cùng với lòng mộ đạo, sự tò mò, và tính hoa mỹ. Những chuyến đi của Columbus làm lộ ra nhiều sự thật nghiệt ngã về các giới hạn hiểu biết của con người, nhưng đã quá muộn để đảo ngược các hệ quả của những chuyến

đi này. Sợi chỉ đỏ của chúng giờ đây đã được dệt sâu vào tấm vải của lịch sử châu Âu và thế giới.

Do tất cả sự khinh miệt mà Columbus phải chịu đựng, bốn chuyến hải hành của ông đã làm nên một trong những câu chuyện phiêu lưu vĩ đại nhất trong lịch sử. Mặc dù ông không phải là nhà thám hiểm đầu tiên nhìn thấy hay đến thăm những bến bờ xa xôi của châu Mỹ, nhưng khám phá của ông đã vĩnh viễn gieo trồng một thực tế về Tân Thế giới trong trí tưởng tượng – và những âm mưu chính trị – của Cựu Thế giới. Columbus đã thay đổi mãi mãi ý tưởng về hình ảnh của một đế chế châu Âu. Ông có một tầm nhìn – và đồng thời là sự ảo tưởng – để hình dung, và tự thuyết phục mình cùng những người khác rằng ông đã tìm ra một thứ gì đó rất bao la, quan trọng, và lâu dài.

Vì tất cả các thành tựu và những sự mắc nợ ấy, những chuyến đi của Columbus mới chỉ là khởi đầu, dẫn khởi động các hệ quả của nó – chính trị, văn hóa, và khoa học – mà còn kéo dài đến tận ngày nay. Với sự phức tạp và tính mâu thuẫn mạnh mẽ, tấm gương về cuộc đời ông đang nói với kỷ nguyên đầy bất đồng của chúng ta một cách khẩn thiết hơn bao giờ hết.

LỜI CẢM ƠN



Trong suốt những năm tháng nghiên cứu về những chuyến hải hành của Columbus, câu hỏi mà tôi nhận được thường xuyên nhất là “Ý ông là ông ấy thực hiện những *bốn* chuyến hải hành cơ à? Chuyện gì đã xảy ra trong những chuyến kia? Ông ấy đã đi đâu? Những chuyến hải hành đó liệu có đáng chú ý không?” Tôi đáp lại rằng tôi nghĩ những chuyến hải hành đó vô cùng đáng chú ý, rằng chúng có tầm quan trọng ngang với chuyến đi đầu tiên, trong bối cảnh đặt nền móng cho những chuyến đi tiếp theo, mỗi chuyến đầy tính phiêu lưu và bi kịch hơn chuyến đi trước. Nhiều người đã giúp tôi biến ý tưởng này thành hiện thực.

Người đại diện văn học của tôi, Suzanne Gluck, ở William Morris Endeavor, một lần nữa chứng minh vì sao cô ấy là người giỏi nhất. Tài năng soay sở của cô ấy giúp ích rất nhiều trong quá trình nghiên cứu về Columbus. Ngoài ra ở WME, tôi còn nhận được sự trợ giúp đặc lực từ Sarah Ceglarski, Caroline D’Onofrio, Elizabeth Tingue, và Eric Zohn.

Tôi may mắn tìm thấy người biên tập lý tưởng cho cuốn sách này là Wendy Wolf, giám đốc biên tập sách phi hư cấu ở nhà xuất bản Viking Penguin. Từ thời điểm chúng tôi tiến hành thảo luận về những chuyến hải hành của Columbus, chúng tôi dường như lao vào giữa một cuộc nói chuyện đã bắt đầu từ lâu. Tôi cũng gửi sự trân trọng của mình tới Susan Petersen Kennedy, Paul Slovak, Carolyn Coleburn, Hal

Fessenden, Sharon Gonzalez, Carla Bolte, Sonya Cheuse, và Margaret Riggs ở nhà xuất bản Viking Penguin tại thành phố New York; và tới người vẽ bản đồ Jeff Ward.

Ở cả New York và Genoa, nước Ý, bà Anna Basoli đã hỗ trợ tôi trong việc nghiên cứu và dịch thuật không quản mệt mỏi. Tôi cũng biết ơn giáo sư Alfonso Assini, giám đốc điều phối của Cơ quan Lưu trữ Quốc gia (States Archives) tại Genoa. Cũng tại Genoa, những tài liệu từ Hiệp hội Liguria về Lịch sử Quốc gia (Società Ligure di Storia Patria) tỏ ra rất hữu ích.

Alfred Crosby, giáo sư danh dự ở Đại học Texas, đã hào phóng nói thêm về cuốn sách đầy ảnh hưởng *Columbian Exchange* (Tạm dịch: Thời kỳ trao đổi Columbus) của ông. Giáo sư Kathleen Deagan, đồng tác giả cuốn *Columbus's Outpost among the Taínos* (Tạm dịch: Tiền đồn của Columbus giữa những người Taino), đã góp ý cho tôi trong những nghiên cứu về vùng Caribbean. Ông Carter Emmart, giám đốc về minh họa không gian tại Trung tâm Rose về Trái đất và Vũ trụ thuộc Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Mỹ (Rose Center for Earth and Space of the American Museum of Natural History), đã đưa ra những quan điểm trên phương diện khoa học và triết học về công cuộc thám hiểm của Columbus. Ông Larry Fox đã đưa ra những ý kiến về vấn đề điều hướng trên biển dựa trên kinh nghiệm đi biển dày dặn; bà Daniella Gitlin đã cung cấp bản dịch và những bình luận hữu ích về cuốn *Columbus et su secreto* (1976) (Tạm dịch: Columbus và những bí mật của ông). Ash Green, người đã biên tập cuốn sách của tôi về những chuyến đi của Marco Polo, tham gia rất đúng lúc để động viên tôi viết về Columbus. Toby Greenberg, nhà nghiên cứu hình ảnh, đã thu thập hàng loạt những bức ảnh có liên quan đến Columbus. Heather Halstead, giám đốc điều hành của Reach the World, đã chia sẻ sự nhiệt tình của bà về những chuyến hải hành xuyên Đại Tây Dương từ sau khi biết tới Columbus. Gail Jacobs đã cứu sống tôi theo đúng nghĩa đen, điều mà tôi sẽ luôn ghi nhớ.

Payne Johnson đã kể cho tôi những điều ông biết về những chuyến hải hành sau này của Columbus. Edmund và Sylvia Morris đã mang tới cho tôi niềm cảm hứng và tình bạn thân thiết trong suốt những năm qua. Vincent Pica, chỉ huy hạm đội tàu của Lực lượng Hỗ trợ Bảo vệ bờ biển Hoa Kỳ (the United States Coast Guard Auxiliary), đã đem tới cho tôi những kiến thức về việc điều khiển tàu biển. David Hurst Thomas, giám tuyển chuyên khoa Nhân học ở Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Mỹ (the American Museum of Natural History), đã cho tôi biết đến những tài liệu về Columbus trong viện của ông. Tôi cũng biết ơn sự đóng góp của Chip và Susan Fisher, Cesar Polinia, Nicole Robson, Lisa J. Rosenthal, Jeannette Watson Sanger, Matthew Schaeffer, Olga Valdes Skidmore, Joseph Thanhauser III, và tất nhiên, Henry. Lời cảm ơn của tôi cũng dành cho Daniel Dolgin và tới Loraine Dolgin-Gardner về những ý kiến chuyên môn trong việc du hành. Dan, một trong những người hữu ích nhất trên đời, cũng đã đọc bản thảo một cách cẩn trọng, và sự tỉ mỉ đó đã giúp ích rất nhiều cho cuốn sách này.

Con gái tôi Sara đã đóng góp kỹ năng biên tập ấn tượng của mình cho việc hoàn thành bản thảo. Và con trai tôi Nicholas, một thủy thủ đầy sức cạnh tranh, đã giúp tôi hiểu một vài vấn đề về điều hướng trên biển mà Columbus đã gặp phải.

Tại Thư viện Xã hội New York (New York Society Library), thủ thư trưởng Mark Bartlett luôn sẵn sàng trả lời những câu hỏi với sự tháo vát thường lệ. Daniel M. Rossner, ủy viên quản trị của tôi, chỉ ra bài viết khiêu khích của V. S. Naipaul về Columbus và Robinson Crusoe, và Sara Elliott Holliday đã làm sáng tỏ những chi tiết liên quan đến Bartolomé de Las Casas.

Thêm vào đó, tôi đã tham khảo ý kiến của Cộng đồng người Hispanic tại Mỹ (Hispanic Society of America) ở phía Bắc Manhattan, và Thư viện LuEsther T. Mertz (LuEsther T. Mertz Library) ở Vườn Thực vật New York (New York Botanical Garden), nơi mà thủ thư

tra cứu Jane Dorfman đã lấy ra những tài liệu về Thời kỳ trao đổi Columbus; cùng với bộ sưu tập về hiện vật của người Taíno ở Trung tâm văn hóa El Museo del Barrio tại New York (El Museo del Barrio New York). Những công trình nghiên cứu về Columbus của thư viện Butler tại Đại học Columbia là một nguồn tư liệu thiết yếu. Lời cảm ơn của tôi gửi tới các thủ thư tra cứu của thư viện đã giúp cho việc nghiên cứu đi đúng hướng. Tôi cũng cảm ơn chương trình thực tập nghiên cứu MFA của Đại học Columbia và Patricia O'Toole vì những hỗ trợ cho việc nghiên cứu của cuốn sách này.

Người bạn của tôi James B. Garvin, nhà khoa học đứng đầu Trung tâm Du hành Vũ trụ Goddard (Goddard Space Flight Center) của NASA ở Greenbelt, Maryland, đã cung cấp ý kiến giám định chuyên môn về việc truy tìm dấu vết của Columbus trên Đại Tây Dương và trong Thời kỳ trao đổi Columbus. Xin được cảm ơn người bạn cũ của tôi Claire L. Parkinson, nhà khoa học Nghiên cứu Dự án biển (Aqua Project Scientist), cũng ở Goddard.

Trung tâm lưu trữ trường Đại học Harvard (Harvard University Archives), tại Cambridge, Massachusetts, đã rất thoải mái cho tôi tiếp cận bộ sưu tập hoàn chỉnh về Columbus của Samuel Eliot Morison, tác giả cuốn *Admiral of the Ocean Sea* (1942) (Tạm dịch: Đô đốc Đại dương). Tôi rất biết ơn sự trợ giúp của giám đốc Edward L. Widmer, và Ken Ward tại Thư viện John Carter Brown thuộc trường Đại học Brown trong việc tận dụng tối đa những tài liệu trong bộ sưu tập phi thường này. Richard King, người từng làm việc tại thư viện John Carter Brown ở Đại học Brown và giờ là trưởng giám tuyển và thủ thư tại Thư viện Watkinson, Cao đẳng Trinity, tại Hartford, Connecticut, đã giúp tôi nghiên cứu với sự nhanh nhẹn trong cách nghĩ của ông.

Ở Thư viện Quốc hội tại Washington. D.C. (Library of Congress), tôi nợ ơn Thomas Mann, thủ thư tra cứu, cũng như với Everette Larson ở phân khu 'Người châu Mỹ La-tinh gốc Tây Ban Nha' và John Hébert,

trường phân khu Địa lý và Bản đồ, vì kiến thức của họ đối với những ghi chép lịch sử phức tạp về những chuyến hải hành của Columbus. Vào tháng 5 năm 2009, tôi đã tham dự Hội nghị chuyên đề của Thư viện, “Khám phá thế giới của Waldseemüller”, nơi mà diễn giả Owen Gingerich và Nicolás Wey Gómez đã phân tích chu đáo công trình tái hiện mang tính phôi thai bằng hải đồ này về Tân Thế giới. Bất cứ ai muốn đi ngược thời gian về năm 1507 chỉ cần đứng trước tấm bản đồ khổng lồ này đang được trưng bày tại Thư viện.

Tôi rất vui mừng được tiến hành nghiên cứu một lần nữa tại Kho lưu trữ tổng hợp về Thổ dân Anh-điêng (Archivo General de Indias) tại Seville. Ngày nay những thành phần nằm trong bộ sưu tập của kho, bao gồm bản mô phỏng điện tử và những hình ảnh liên quan tới Columbus, có thể được tìm thấy trên Internet tại trang web <http://pares.mcu.es>. Tôi muốn gửi lời cảm ơn tới Pilar Lazáro và các nhân viên vì sự hợp tác đối với những thắc mắc của tôi. Tôi cũng xin tỏ lòng biết ơn đối với Thư viện Columbus (Biblioteca Colombina), đặt tại Nhà thờ Seville (website www.institucioncolumbina.org). Tại đây hàng ngàn ấn phẩm từ các thư viện của Christopher Columbus và con trai ông Ferdinand vẫn được nghiên cứu. Bước chân vào thư viện này cũng giống như nhìn vào trong tâm trí của Columbus vậy.

Tại thành phố Palos de la Frontera, Tây Ban Nha, tôi đã tới thăm Tu viện La Rábida (La Rábida Monastery), nơi Columbus lên kế hoạch cho chuyến hải hành đầu tiên. Phần lớn không gian vẫn được bảo toàn hoặc khôi phục lại như thời nhà thám hiểm còn sống. Tại Madrid, bộ sưu tập của Bảo tàng Hàng hải (Museo Naval) vẫn hữu ích như ngày nào, đặc biệt là tấm hải đồ da bò của Juan de la Cosa.

Tại Rio De Janeiro, Brazil, tôi tiến hành nghiên cứu tại Phòng đọc Hoàng gia Bồ Đào Nha (Real Gabinete Português de Leitura), nơi có một nhánh học thuật truyền thống chuyên sâu về các mối liên kết giữa Columbus và người Bồ Đào Nha. (Công trình của Baretto

Mascarenhas năm 1977, “*Colombo*” *Português* (Tạm dịch: “Colombus” Người Bồ Đào Nha), là một ví dụ.) Tôi vô cùng biết ơn Jacqueline Philomeno vì tình bạn nồng ấm và sự thấu hiểu của bà.

Nghiên cứu của tôi đại Cộng hòa Dominica, nơi từng là cái nôi cho đế chế của Columbus, đã đưa tôi đến với La Isabela (ở Puerto Plata), nơi đặt thành trì và nhà của Columbus. Tại Santo Domingo, những bộ sưu tập của các Bảo tàng của các Dòng họ Hoàng Gia (Museo de las Casas Reales), Bảo tàng Thành Columbus (Museo Alcáza de Colón), và Bảo tàng người Dominica (Museo del Hombre Dominicano), với bộ sưu tập toàn diện các hiện vật của người Taíno, điểm sáng của các chuyến hải hành của Columbus. Mayra Castillo, Tiffany Singh, và Alejandro Tolentino đã khiến cho tôi cảm thấy được chào đón và hướng dẫn tôi trong việc nghiên cứu, cũng giống như các nhân viên tài giỏi của khách sạn nơi tôi ở, Hostal Nicolas de Ovando, nơi hậu duệ của Columbus từng sinh sống khi còn ở Santo Domingo. Đối với những kiến thức chuyên sâu về Cộng hòa Dominica, tôi mang ơn Marcela Manubens, phó chủ tịch cấp cao của Tập đoàn Philips-Van Heusen về Trách nhiệm Xã hội Toàn cầu (Phillips–Van Heusen Corporation for Global Social Responsibility – PVH), và đồng nghiệp của bà là Juan Carlos Contreras, quản lý khu vực của PVH. Tôi muốn gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Frank Moya Pons, nhà sử học người Dominica, vì đã thực hiện nhiều nghiên cứu về Columbus.

CHÚ THÍCH NGUỒN DẪN



Những áng văn không ngừng mở rộng về Columbus bao gồm rất nhiều ngôn ngữ đa dạng và truyền thống lịch sử. Để đem tới cái nhìn ban đầu về tầm cỡ của nó, cuốn *Bibliografia colombiana, 1793-1990* (Tạm dịch: Tiểu sử của Columbus, 1793-1990) của Simonetta Conti, bao gồm các cuốn sách và các bài viết bằng nhiều ngôn ngữ, có độ dày lên tới hơn bảy trăm trang, vậy mà thậm chí cuốn yếu lược này hoàn thành trước sự tuôn trào của các văn bản và các bản dịch bổ sung nhân dịp lễ kỷ niệm 500 năm Columbus tìm ra châu Mỹ năm 1992. Như đã làm rõ trong lời kể của tôi, di sản và danh tiếng của Columbus ngay từ đầu đã đầy tranh cãi. Xuyên suốt sự nghiệp của ông, vinh quang và tủi nhục luôn song hành, và cuộc đua ấy tiếp diễn cho tới tận ngày nay.

May mắn thay, Columbus, con trai ông, cùng hàng loạt quan chức Tây Ban Nha, thủy thủ, và các nhà sử học đều để lại dấu ấn trong những hành động của ông – thường rất hoành tráng và đầy say mê, biện hộ cho hoặc chống lại Đô đốc Đại dương, và trong nhiều trường hợp, cả biện hộ cho *và* chống lại ông. Những báo cáo trực tiếp này, cùng với những bằng chứng thường mang tính tương phản, mang tới một cách nhìn đa chiều về những chuyến hải hành của Columbus. Ấn phẩm *Repertorium Columbianum* (Tạm dịch: Kho tàng về Columbus), bao gồm hơn năm nghìn trang tài liệu nguyên gốc được xuất bản thành 13 tập dưới sự giám sát của Geoffrey Symcox ở UCLA bắt đầu những năm cuối thập niên 1980, có đóng góp rất lớn vào chủ đề này, tương tự như công trình nhiều tập *Nuova Raccolta Colombiana* (Tạm dịch: Bộ sưu tập mới về Columbus), xuất bản

bằng tiếng Ý và tiếng Anh bởi Viện Đúc tiền và Đa ký Quốc gia (the Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato) với nhà xuất bản trực thuộc là Thư viện Quốc gia (Libreria dello Stato) tại Rome gần thời điểm kỉ niệm 500 năm chuyến hải hành đầu tiên của Columbus, năm 1992.

Trong số những công trình nổi bật của các nhà nghiên cứu người Mỹ, cuốn sách *Admiral of the Ocean Sea* (1942) (Tạm dịch: Đô đốc Đại dương) của Samuel Eliot Morison vẫn là cơ sở dữ liệu hàng hải lớn nhất liên quan đến Columbus. Morison đã tập trung vào so sánh đường đi của Columbus và những chuyến đi của chính mình theo đường hàng hải và hàng không, mở rộng hơn chủ đề nghiên cứu. Quan điểm của Morison về những con người và nền văn hóa mà Columbus và thủy thủ đoàn chạm trán ở Tân Thế giới được phản ánh qua góc nhìn quý tộc của ông và qua góc nhìn của giai đoạn Chiến tranh thế giới lần thứ 2. Trong nỗ lực truy tìm dấu tích những chuyến hải hành của Columbus với đội tàu hiện đại, ông đôi khi dựa vào những dữ liệu sai lệch, và dẫn đến kết quả nhiều lần cập bến của ông lệch đi nhiều dặm so với tuyến đường giả định của Columbus. (Nói cách khác, Morison đôi khi đi tìm vị Đô đốc ở những địa điểm sai lệch.) Để xem thêm, đọc *The Track of the Columbus Caravels in 1492* (Tạm dịch: Theo chân những con tàu của Columbus năm 1492) của tác giả Hobbs.

Ấn phẩm đầy đủ và chất lượng mang tên *Life and Voyages of Christopher Columbus* (1828) (Tạm dịch: Cuộc đời và những chuyến hải hành của Christopher Columbus) của tác giả Washington Irving đem tới sắc màu và bối cảnh còn thiếu trong công trình nghiên cứu thiên về kỹ thuật của Morison – và ngay cả Morison cũng dựa khá nhiều vào câu chuyện của Irving. Gần đây hơn, tiểu sử ngắn gọn *Columbus* (1991) của Felipe Fernández-Armesto đem tới những phê bình súc tích về chủ đề này, và tác phẩm *The Mysterious History of Columbus* (1991) (Tạm dịch: Lịch sử bí ẩn của Columbus) của Noble Wilford đưa ra những bình luận mang tính khiêu khích về những câu hỏi xoay quanh những chuyến hải hành của vị Đô đốc. Cuối cùng, cuốn *The Worlds of Christopher Columbus* (1992) (Tạm dịch: Những thế giới của Christopher Columbus) của William D. Phillips Jr. và Carla Rahn Phillips, áp đặt bối cảnh lên cuộc đời và thời đại của Columbus. Những ấn phẩm tiểu sử bằng tiếng nước ngoài về Columbus thường

đi theo hướng của Morison, ví dụ như ấn phẩm *Cristoforo Colombo* (xuất bản bởi Viện Địa lý Agostini (Istituto Geografico de Agostini), năm 1974, gồm hai tập) của Paolo Emilio Tavian. Một ngoại lệ là tác phẩm kỹ lưỡng *Christophe Columbe* (1884-1885) của Henry Harisse, khắc họa hình ảnh một Columbus trong sự ôn hoà có thể nói là đáng chú ý theo những tiêu chuẩn hiện đại. Tôi biết ơn tất cả những nhà sử học này bởi cách tiếp cận nhiệt huyết, nghiêm túc với chủ đề lớn về Christopher Columbus.

Trong phần lớn các trường hợp, tôi đều dẫn nguồn các trích dẫn trong bài viết của mình, cho dù đó có là chính Columbus, con trai ông Ferdinand, Bartolomé de Las Casas, hay những nhà phê bình như Peter Martyr.

MỞ ĐẦU

Trong số tất cả những câu hỏi xoay quanh những chuyến hải hành của Columbus, địa điểm ông đặt chân lên đầu tiên nằm trong số hóc búa nhất và cũng bộc lộ rõ nhất động cơ của ông. Columbus có một sự thúc đẩy mạnh mẽ về việc tuyên bố ông đã tìm ra một điều gì đó đáng chú ý, và đoạt lấy nó cho Tây Ban Nha (và cho tài sản cũng như tước hiệu sau này của ông), do đó dường như điều ông quan tâm nhất là sự chính xác nhất có thể về thứ mà ông tìm thấy, và nơi mà ông tìm thấy nó. Nhưng cũng có những lý do để ông mập mờ về vị trí chính xác. Do chìm đắm vào ảo tưởng về Trung Quốc, ông đã nghĩ mình đang tới châu Á. Thêm vào đó, ông không muốn tiết lộ thông tin của mình với các đối thủ, bao gồm cả những người trong hoàng gia Tây Ban Nha. Do đó ông đã phải lèo lái giữa việc tiết lộ khám phá của mình với những cản trở của ông về vị trí địa lý của chúng. Bất kỳ ai tham gia vào đoàn thủy thủ của ông, thế rằng Cuba thuộc đất liền thay vì thừa nhận nó là một hòn đảo, như Columbus, đã có thể khiến ông làm mờ đi lộ trình của mình. Thêm vào những sự suy xét là yếu tố thay đổi về địa lý sau 500 năm xói mòn càng khiến cho cơ hội xác định chính xác vị trí đầu tiên ông đặt chân càng nhỏ đi. Dù sao đi nữa thì có rất nhiều giả thuyết.

Tờ *National Geographic* tháng 11 năm 1986 đưa ra một giả thuyết của Joseph Judge sau một cuộc điều tra khoa học toàn diện về địa

điểm đặt chân đầu tiên của Columbus tiến hành trong 5 năm. “Không dưới 9 hòn đảo có thể là nơi đặt chân đã được đưa ra, biện hộ và phản đối.” bao gồm “đảo Cat, Watling, Conception, Samana, nhóm đảo san hô Plana, Mayaguana, East Caicos, Grand Turk và Egg ở phía tây bắc của Bahamas”. Mỗi ứng viên cho vị trí đặt chân đầu tiên đều do một người danh tiếng đề xuất. Ví dụ như đảo Samana là lựa chọn vào năm 1862 của Gustavus V. Fox, trợ lý thư ký về hàng hải của Tổng thống Lincoln; tờ *National Geographic* cũng xác nhận lựa chọn này vào năm 1894, và vấn đề này chìm xuống cho tới năm 1942, khi Samuel Eliot Morison đề xuất một cách dứt khoát rằng đó là đảo Watling, nay là đảo San Salvador – cách 65 dặm về phía tây của đảo san hô Samana. Tuy nhiên một ý kiến bất đồng trong số tháng 11 năm 1986 của tờ *National Geographic*, Luis Marden lập luận rằng sau một cuộc khảo sát toàn diện các chứng cứ và kỹ thuật điều hướng hàng hải trong thời đại của Columbus, và rằng Morison và những học giả khác có thể đã nhầm lẫn về đơn vị đo lường cơ bản nhất, hải lý đường biển, mà theo Marden là tương đương với 2,82 dặm hàng hải, đã loại bỏ khả năng đảo san hô Samana là điểm đặt chân đầu tiên với kết quả chênh lệch hàng chục dặm. Ông kết luận. “Chúng ta không thể nói rằng chúng ta đã xác định chính xác vị trí đặt chân của Columbus. Các dòng hải lưu có thể khác nhau, và còn rất nhiều yếu tố chưa được biết tới.” Tuy nhiên, hòn đảo không người Samana vẫn là lựa chọn của tiến sĩ James B. Garvin, nhà khoa học đứng đầu tại Trung tâm Du hành vũ trụ Goddard của NASA ở Greenbelt, MD, dựa vào những phân tích cẩn thận của ông về dữ liệu vệ tinh đường đi của Columbus.

Tất cả những lựa chọn này đều có chung một giả định: Columbus muốn chỉ ra điểm đặt chân đầu tiên thực sự của ông. Trên cơ sở này cả Morison và Judge đều khẳng định câu trả lời nhất định phải sát với những mô tả của Columbus trong nhật ký. Tuy nhiên hướng tiếp cận này có thể cũng không chính xác. Mô tả của Columbus rất chung chung, như thể ông không chú ý, hoặc cố tình làm cho nó trở nên mơ hồ. Và còn sự xói mòn của các rạn đá, bãi cạn, cảng biển, và bãi biển, vốn hoàn toàn có khả năng xảy ra theo thời gian, thì sao? Có khi nào Columbus che giấu điểm dừng chân đầu tiên để bảo vệ tuyên bố của ông, giống như các kho báu bị chôn giấu mà ông không

muốn ai khác biết tới? Ông không tự hào tới mức không thể làm sai lệch thông tin trong nhật ký cho những mục đích của riêng mình, và còn thứ gì thích hợp cho việc đó hơn là điểm dừng chân đầu tiên để khiến cho các đối thủ của ông đi chệch hướng? Hoặc ông thực sự muốn ghi lại, nhưng lại xuất hiện một trong những gián đoạn ảo giác nào đó? Hãy nhớ rằng đây cũng chính là Columbus mà, trong các chuyến đi sau, tin rằng biển dốc lên nối tiếp với thiên đường. Ông viết về hiện tượng ấy với niềm tin vững vàng như với các phát kiến khác của mình vậy. Ai có thể nói chính xác liệu Columbus có bị ảo tưởng hay không? Chính vì những câu hỏi này mà việc xác định chính xác vị trí đặt chân đầu tiên của Columbus dường như khó có thể thực hiện được.

Để có cái nhìn khác nữa về lịch sử trôi dạt của vị trí đặt chân đầu tiên, đọc cuốn *The Mysterious History of Columbus* (Tạm dịch: Lịch sử bí ẩn về Columbus) của John Noble Wilford, từ trang 129 trở đi.

CHƯƠNG 1: BA MƯƠI BA NGÀY

Luis de Torres không phải chủ nhân của một dinh thự khổng lồ ở Tân Thế giới như nhiều người lầm tưởng.

Thuốc lá được nhắc tới trong cuốn sách *Journals and Other Documents on the Life and Voyages of Christopher Columbus* (Tạm dịch: Các bài báo và tài liệu khác về cuộc đời và những chuyến hải hành của Christopher Columbus), trang 91, chú thích 2. Fernández de Oviedo bàn luận về dừa ở trang 99 ấn phẩm *Oviedo on Columbus* (Tạm dịch: Oviedo nói về Columbus).

Chuyến đi tiếp theo, bắt đầu vào khoảng ngày 16 tháng 12, được ghi chép như sau trong nhật ký hàng hải của Columbus:

Mạo hiểm đi vào “một cánh tay của biển” với vào đất liền trên một con thuyền dài, ông quan sát các làng cùng những căn nhà đầy sức hút, trong khi cư dân ở đó tỏ ra sợ hãi. Một người nhìn vào những người châu Âu đang tiến tới cùng vũ khí của họ, một người thì ngửi mùi khác lạ toát ra từ cơ thể họ, và rồi “họ đều bỏ chạy”. Những nhà thám hiểm cho rằng “những người đó hẳn đã phải khổ sở vì họ tỏ ra rất sợ hãi”. Khổ sở bởi ai? Columbus không nhắc tới, nhưng

phán đoán của ông khá tốt. Ngay khi ông cùng thủy thủ đoàn tới gần, “lửa cảnh báo” được thắp lên ở các đồn canh ở khắp nơi, cảnh báo, thay vì báo hiệu, việc ông đặt chân lên vùng đất lạ này. “Những người này hẳn đã phải khổ sở vì họ tỏ ra rất sợ hãi.” Choáng ngợp bởi cát, biển và không khí dễ chịu, Columbus đặt tên cho vùng này là Paradise Valley, và con sông là Guadalquivir theo dòng sông chính chảy tới Seville.

Vào nửa đêm ngày chủ nhật, 16 tháng 12, một “cơn gió nhẹ ngoài khơi” thổi lên, và cùng với đó là vận may của nhà thám hiểm. Ông “dong buồm đón sát hướng gió dọc theo bờ biển Hispaniola”. Vào lúc 3 giờ sáng, “một cơn gió thổi lên” và khi mà ông đang ra tới “giữa vịnh” – không ai đoán được là vịnh nào, bởi Columbus che dấu đường đi để đảm bảo bí mật – đội tàu của ông bắt gặp một vật thể nhỏ đơn độc: một chiếc thuyền độc mộc chở theo một người Anh-điêng. Columbus viết rằng ông bắn khoản làm thế nào mà “người Ấn Độ này có thể trôi nổi giữa cơn gió mạnh như vậy”, và tiến nhanh tới gần để bắt anh ta và “đem lên tàu”. Columbus sử dụng nghi thức thông thường khi đối mặt với những vị khách không hợp tác, tặng những hạt thủy tinh, chuông nhỏ, và nhẫn đồng cho người Anh-điêng, người mà ông chở đi 16 dặm tới một địa điểm “gần biển”. Xuống thuyền ở một vùng định cư khác với những căn nhà mới, người Anh-điêng kia trở thành đại sứ thiện chí của nhà thám hiểm, nói với những người bản địa rằng người thủ lĩnh vĩ đại cùng tùy tùng, vị Đô đốc Đại dương và những người Ki-tô giáo, như họ tự xưng, là “những người tốt”, và xác nhận lại những tin đồn vốn đã tới tai các thổ dân.

Bước ra từ lùm cây rậm rạp là 500 người, và sau cùng là tộc trưởng của họ. Bị ấn tượng và cảm thấy thỏa mãn, vị Đô đốc mô tả cảnh tượng phi thường: “Người này theo sau người kia, nhóm này theo sau nhóm kia, họ tiến gần con tàu, không mang gì theo người, mặc dù họ đeo những miếng vàng tinh xảo nhất trên tai hoặc trên mũi, thứ mà họ cho đi một cách niềm nở”. Ông đáp lại sự hào phóng của họ, và để dụ họ đổi vàng, bằng cách ra lệnh đối xử với họ một cách trang trọng bởi “họ là những người tuyệt vời nhất trên thế giới và hơn cả là tử tế nhất”. Trong những nghi lễ tôn kính này, vị vua 21 tuổi của họ ngồi yên trên bờ biển, chiếm được thiện ý của Columbus

bằng cách tiết lộ những thông tin về vị trí tìm vàng. Họ thậm chí còn gọi cho ông nhớ về quê hương thứ hai. “Vị vua này và những người khác trần truồng như mới được mẹ sinh ra, kể cả phụ nữ, mà không thấy xấu hổ; và họ là những người đàn ông và đàn bà đẹp nhất mà ông thấy từ trước tới nay; họ trắng tới mức nếu mặc đồ và che chắn khỏi ánh nắng và không khí họ có thể trắng gần như người Tây Ban Nha.” Số vàng khổng lồ mà ông có thể kiếm được khiến Columbus không tiếc lời khen ngợi hòn đảo của họ, thậm chí ông còn tuyên bố ở Castile “không có nơi nào có thể sánh với vẻ đẹp và sự hoàn mỹ của nơi này”. Ông cho rằng ngay cả những lùm cây cũng đặc biệt, “lá của chúng không phải màu xanh, mà có phần ngả xanh ánh đen rất lộng lẫy”. Ông kết luận rằng tại đây có “mọi thứ mà một người có thể mong muốn”.

Đêm đó, vị vua trẻ dạo quanh con tàu, nghi ngờ câu chuyện về Vua Ferdinand và Hoàng hậu Isabella, và về nhiệm vụ của Columbus. Qua các thông dịch viên, nhà thám hiểm và các thuộc hạ nghe được rằng nhà vua tin rằng ba con tàu này đến từ bầu trời, cùng với các “vị Quân chủ của Castile”, những người “không thuộc về thế giới này”.

Columbus diễn giải những lời nói ngây thơ đó với tính cơ hội một cách đáng sợ. “Ngài có thể tin rằng hòn đảo này cũng như tất cả các hòn đảo khác thuộc về mình giống như Castile vậy.” Và “Ở đây không thiếu thứ gì ngoại trừ một khu định cư, và để ra lệnh cho họ [những người thổ dân] theo ý Ngài muốn”. Với những đánh giá đó, ông điềm nhiên thực hiện bước tiếp theo: “Tôi, cùng với những người trên tàu, vốn không nhiều, có thể đánh chiếm tất cả những hòn đảo này mà không gặp trở ngại gì; bởi tôi đã nhìn thấy khi mà chỉ có ba thủy thủ bước lên bờ, trong khi có rất nhiều người Anh-điêng, họ đều bỏ chạy, không có ý định kháng cự”. Thậm chí còn tốt hơn, “họ không có vũ khí, hoàn toàn không có phòng bị... do đó kể cả một nghìn người [trong số họ] cũng không đánh lại nổi ba người [đến từ Castile] cho nên họ rất thích hợp để bị sai bảo và bắt làm việc, gieo hạt hay bất cứ việc gì khác, và các Ngài có thể xây dựng các thành phố và dạy họ ăn mặc, và [sống] theo phong tục của chúng ta”. Nói cách khác, sự trần trụi, ngây thơ và tử tế của họ có thể bị lợi dụng để chống lại họ; những “con người tuyệt nhất trên thế

giới” có thể trở thành nô lệ lý tưởng của Castile, như những gì ông muốn các vị Quân chủ của ông nghĩ. Nếu ông không thể mang về cho Ferdinand và Isabella vàng và một con đường trực tiếp qua biển tới chỗ những người Anh-điêng, ông có thể mang về cho họ những nô lệ và một đế chế.

CHƯƠNG 2: NGƯỜI CON CỦA GENOA

Để biết thêm về đánh giá về thành phố La Superba của một người trong cuộc, “Genoa, Niềm kiêu hãnh”, đọc *Vita privata genovese nel Rinascimento* (1915) (Tạm dịch: Đời sống cá nhân của người Genoa trong thời kỳ Phục hưng) và *Vita della Repubblica di Genova nell’Età di Cristoforo Colombo* (1952) (Tạm dịch: Đời sống tại Cộng hòa Genoa trong thời đại của Christopher Columbus) của Emilio Pandiani.

Trích dẫn của Piccolomini lấy từ ấn phẩm *Liguria and Genoa at the Time of Columbus* (1992) (Tạm dịch: Liguria và Genoa trong thời đại của Columbus) của Gaetano Ferro, trang 197 (tập 3 trong *Nuova Raccolta Colombiana*).

Paolo Emilio Taviani đã bàn luận về phả hệ nhà mẹ của Columbus trong ấn phẩm *Cristoforo Colombo: Genius of the Sea* (1990) (Tạm dịch: Cristoforo Colombo: Thiên tài của Biển cả). Xem thêm ấn phẩm *Christopher Columbus: Documents and Proofs of His Genoese Origin* (1932) (Tạm dịch: Christopher Columbus: Tài liệu và chứng cứ về nguồn gốc Genoa của ông) của Ủy ban Columbus (Commissione Colombiana), tại Genoa và ấn phẩm *The Christopher Columbus Encyclopedia* (1992) (Tạm dịch: Bách khoa toàn thư về Christopher Columbus) của Silvio A. Bedini, tập 1, trang 283.

Chi tiết về bệnh dịch có thể được tìm thấy trong ấn phẩm *Vita della Repubblica di Genova* (1952) (Tạm dịch: Đời sống tại Cộng hòa Genoa) của Pandiani.

Miêu tả về cảng, thành phố và giao thương của Genoa lấy từ ấn phẩm *Vita della Repubblica di Genova*. Ấn phẩm *Vita privata genovese nel Rinascimento* của Pandiani mô tả giao thương và hàng hải của người Genoa. Bằng chứng về việc sử dụng nô lệ ở Genoa, vốn in đậm trong tâm trí Columbus, có trong ấn phẩm *Vita privata genovese nel Rinascimento* cũng của tác giả này, trang 205-213.

Một trong những người đầu tiên ca ngợi Genoa là học giả kiêm nhà du hành (đôi khi còn được biết đến như “du khách đầu tiên”) người Ý ở thế kỉ XIV Francesco Petrarca, hoặc Petrarch. Trong cuốn “*Itinerarium ad Sepulcrum Domini*” (Tạm dịch: Hành trình tới mộ Thánh), một cuốn cẩm nang du lịch ông viết cho một người bạn vào năm 1350, Petrarca viết rằng, “Hãy tới Genoa. Tại đây bạn sẽ thấy hiện lên từ những rạn núi đá gồ ghề là một thành phố uy nghiêm với những bức tường kiêu hãnh và những con người tuyệt vời, nơi mà vẻ đẹp đó khiến nó được mệnh danh là Thiếu nữ của Biển cả.”

Có rất nhiều nghiên cứu về Tòa án dị giáo. Những tóm tắt hữu ích bao gồm *The Persecution of the Jews and Muslims of Portugal* (2007) (Tạm dịch: Sự hành hạ đối với người Do Thái và người Islam giáo ở Bồ Đào Nha) của François Soyer, trang 140 trở đi. Ngoài ra, ấn phẩm *1492* (2009) của Felipe Fernández-Armesto chứa đựng đánh giá sáng suốt về chủ đề này trong bối cảnh toàn cầu, bắt đầu từ trang 99.

Một phân tích về các chứng cứ của cuộc hôn nhân giữa Perestrello và Columbus có thể được tìm thấy trong *Christopher Columbus' Portuguese Family* (Tạm dịch: Gia đình Bồ Đào Nha của Christopher Columbus), một nghiên cứu của Rebecca Catz được đưa ra ở Hội nghị chuyên đề lần thứ XIII về Các truyền thống của Bồ Đào Nha ở UCLA vào ngày 21 tháng 4 năm 1990, và trong cuốn sách của bà mang tên *Christopher Columbus and the Portuguese* (1993) (Tạm dịch: Christopher Columbus và người Bồ Đào Nha), trang 15-16. Xem thêm *Las Casas on Columbus* (Tạm dịch: Las Casas nói về Columbus), trang 30-47. Để biết thêm về những tranh cãi xoay quanh cái chết của Felipa, đọc ấn phẩm cũ nhưng đáng tin cậy *Christopher Columbus* (1892) của Justin Winsor, trang 154-155.

Sự quả quyết của ông về việc ông thấy Ferdinand và Isabella chiếm thành Alhambra có thể tìm thấy trong ấn phẩm *The Mysterious History of Columbus* (Tạm dịch: Lịch sử bí ẩn của Columbus) của Wilford, trang 25-26. Cuối cùng, ấn phẩm *Journals and Other Documents on the Life and Voyages of Christopher Columbus* bàn luận về lối sống tiêu dao của các vị Quân chủ ở trang 299.

CHƯƠNG 3: ĐẦM TÀU

Với người đi biển, những rạn san hô tiềm ẩn mối đe dọa chết người, nhưng với một nhà hải dương học hay những người yêu thiên nhiên, chúng nằm trong hàng ngũ những kì quan của biển cả: mỏng manh, hệ sinh thái đa dạng của san hô cứng làm từ những bộ “khung xương” đá vôi (canxi cacbonat), thành phần chính của ngọc trai, vỏ trứng và đặc biệt là vỏ của sinh vật biển thể nhuyễn. Tuy nhiên, một rạn san hô có ý nghĩa nhiều hơn là chỉ một đồng vỏ. Bọt biển, giun biển, và những nhuyễn thể có hai mảnh vỏ, cùng nhiều sinh vật biển khác khoan vào lớp canxi cacbonat, làm chúng vỡ ra thành các mảnh nhỏ lấp chỗ trống trong cấu trúc rạn. Cuối cùng, rong và các vi sinh vật khác giữ cho rạn san hô duy trì vị trí của nó. Gần về cuối cuộc hải hành của mình trên *Beagle*, một con tàu khảo sát nhỏ, Charles Darwin bị cuốn hút bởi các rạn khi đi qua Ấn Độ Dương vào năm 1836, và sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, đưa ra một giả thiết về sự hình thành của san hô vào năm sau đó, trong đó ông chia làm 3 loại: rạn san hô viền bờ, rạn san hô chắn bờ, và rạn san hô vòng. Rạn viền bờ thường bao quanh rìa lục địa và đường bờ biển của các đảo, đặc biệt là ở vùng Caribbean. Xa hơn ngoài khơi là rạn chắn bờ, hình thành khi đáy biển sụt lún, và khi rạn viền bờ bị kéo ra xa.

Rạn san hô chắn bờ xuất hiện nhiều ở vùng biển Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và vùng Caribbean. Rạn san hô Great Barrier ở Úc, trải dài trên 1200 dặm, được coi là rạn san hô lớn nhất trong số các rạn chắn biển. Sau cùng, khi rạn chìm sâu xuống khỏi mặt biển, nó có thể được coi là rạn vòng và bao quanh một đầm phá.

Trong chuyến hải hành ra biển, Columbus đã nhầm lẫn rằng sự xuất hiện của tảo mơ báo hiệu ông đã gần bờ, và chỉ khi tiến hành đo độ sâu của Đại Tây Dương ông mới nhận ra mình vẫn còn ở rất xa bờ, một sai lầm ông đã không lặp lại khi tiến vào đất liền.

Để biết thêm về vùng biển Sargasso đầy mê hoặc cùng rong biển, đọc ấn phẩm *The Gulf Stream* (2008) (Tạm dịch: Dòng hải lưu Gulf Stream) của Stan Ulanski, trang 78-81, một ghi chép rất đáng giá.

CHƯƠNG 4: “NHỮNG NGƯỜI TỪ TRÊN TRỜI”

Để biết thêm về Hiệp ước Alcáçovas, tìm đọc cuốn *Admiral of the Ocean Sea* của Morion, trang 40 và 344.

Việc Columbus vô tình trở về Bồ Đào Nha thay vì Tây Ban Nha vẫn còn là một trong những đề tài tranh cãi nóng nhất trong giới học thuật nghiên cứu về Columbus. Những người tin vào việc ông xuất thân từ Bồ Đào Nha dùng việc đó như một ví dụ về nơi mà ông thực sự hướng về. Những người khác cho rằng việc Columbus trở về bán đảo Iberia cho thấy trong vô thức ông luôn muốn trở về Bồ Đào Nha, hoặc ông có một nhân dạng bí mật và theo hầu vua João II thay vì nhà tài trợ công khai của ông, Ferdinand và Isabella. Hoặc thậm chí ông vốn hoạt động với tư cách một gián điệp của Bồ Đào Nha. Columbus quả thật có ý muốn ở lại Bồ Đào Nha sau những năm tháng ông sống tại đó, nhưng trên thực tế, vua João II đã có ý định ám sát Columbus để ngăn ông trở về Tây Ban Nha, và nhà thám hiểm đã hối hận khi buộc phải tắm rửa trên bờ biển Bồ Đào Nha giữa một cơn bão dữ dội. Nếu thời tiết tốt hơn, ông đã có thể tiến thẳng về Tây Ban Nha thay vì phải đi một đoạn đường vòng nguy hiểm.

Nếu nhờ một phép màu nào đó Columbus vượt qua Thái Bình Dương và đặt chân tới Trung Quốc, sẽ chẳng có Đại Hãn nào chào đón ông như cách mà Marco Polo đã từng nhận được; thay vào đó ông sẽ bị cự tuyệt bởi triều đình nhà Minh bởi họ đã cấm giao thương đường biển và cô lập đất nước. Vì sao chúng ta biết được điều đó? Bởi đó chính là điều đã xảy ra với anh họ (phía nhà vợ) của Columbus, Rafael Perestrello. Ông ra khơi trên danh nghĩa của Bồ Đào Nha tới Trung Quốc vào năm 1513, trở thành người châu Âu đầu tiên làm được điều đó. Perestrello giao thương rất thành công ở Quảng Châu, nhưng khi lời mời thiết lập mối quan hệ giao thương chính thức của sứ quán Bồ Đào Nha được trình lên triều đình Trung Quốc, hoàng đế nhà Minh lúc bấy giờ là Chính Đức (Zhengde) đã bắt giam họ, và mọi thương vụ giữa hai quốc gia đều chấm dứt.

Letter on the First Voyage (Tạm dịch: Lá thư về chuyến hải hành thứ nhất) của Columbus, còn được biết đến với tên gọi *The Spanish Letter of Columbus* (Tạm dịch: Bức thư bằng tiếng Tây Ban Nha của

Columbus) mang một lịch sử hấp dẫn dưới nhiều lời kể khác nhau. Văn bản gốc dài bốn trang với chữ đen, không có tiêu đề, nhiều khả năng được xuất bản lần đầu tiên ở Barcelona vào tháng 4 năm 1493, dựa trên bản thảo gốc của Columbus, ra đời ngày 15 tháng 2 năm đó. Vị Đô đốc gọi nó là *Columbus's Letter to Santángel* (Tạm dịch: Bức thư của Columbus gửi Santángel) mặc dù thực ra nó được gửi tới các vị Quân chủ của ông. Có thể theo thông lệ của hoàng gia, một nhân vật trung gian, như bộ trưởng tài chính của vua Ferdinand lúc đó là Luís de Santángel, có nhiệm vụ đọc hoặc tóm tắt một văn bản như vậy cho nhà vua thay vì họ nhận trực tiếp lá thư đó.

Bản dịch tiếng Latin của Leandro de Cosco, có thể đã được hoàn thành vào cuối tháng 4 cùng năm, đã nâng tầm giá trị của văn bản, và nó trải qua 9 lần tái bản trong một năm. Một bản sao có thể được tìm thấy ở Thư viện Công cộng New York (New York Public Library), mặc dù những hình ảnh bên trong dễ gây hiểu lầm. Một bức miêu tả một nhân vật được cho là Columbus xuống khỏi một con thuyền galley lớn có nhiều mái chèo. Tấm hình đó, cũng như các hình khác, đơn giản chỉ là hình ảnh in lại từ những cuốn sách đã được xuất bản từ trước ở Thụy Sĩ. Tuy nhiên, *Letter on the First Voyage* của Columbus vẫn được xếp là văn bản đáng chú ý đầu tiên về châu Mỹ.

CHƯƠNG 5: DÒNG SÔNG MÁU

Việc cấp tiền cho đội tàu trong chuyến hải hành thứ hai được mô tả trong ấn phẩm *Christopher Columbus: Accounts and Letters* (Tạm dịch: Christopher Columbus: Những ghi chép và thư từ) tập 6, phần 2 của *Nuova Raccolta Colombiana*.

Những nhận xét của Las Casas về chuyến hải hành được nhắc tới trong ấn phẩm *Rivers of Gold* (2003) (Tạm dịch: Những dòng sông Vàng) của Hugh Thomas, trang 304.

Để biết thêm về những bàn luận chi tiết của Fernández de Oviedo, Las Casas, và Martyr, cùng với những nhà sử học Tây Ban Nha khác từng viết về Columbus, tìm đọc *Oviedo on Columbus*, tập 9, *Repertorium Columbianum* (2000), trang 9-27. Chi tiết về tiểu sử của Fernández de Oviedo được lấy từ ấn phẩm *Oviedo*, trang ix-xvii.

The Discoverers (1983) (Tạm dịch: Những người khám phá) của Daniel Boorstin đem tới những khái quát ngắn gọn về thời kỳ đầy biến động của cuộc thám hiểm ở trang 248-259.

Mô tả của Coma về khởi hành ồn ào từ Cadiz có thể tìm thấy ở “Syllacio’s Letter to the Duke of Milan 13 December 1494” (Tạm dịch: Bức thư của Syllacio gửi Công tước Milan ngày 13 tháng 12 năm 1494) trong ấn phẩm *Journals and Other Documents on the Life and Voyages of Christopher Columbus* của Morison, trang 229-230. Mô tả về “nữ thợ săn” xuất hiện ở trang 231.

Các loài động vật trên tàu được mô tả trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters*, tập 6 thuộc *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 17.

Fernández-Armesto bàn luận về sự hoan hỉ trong *Columbus*, trang 53.

Báo cáo về Doña Beatriz de Peraza có thể được tìm thấy trong *Admiral of the Ocean Sea* của Morison, trang 399.

Câu chuyện về thầy dòng và những kẻ ăn thịt người được nhắc tới trong *Admiral of the Ocean Sea*, trang 405. Nhìn chung, những chứng cứ mà Columbus và những người tham gia chuyến hải hành để lại đáng tin cậy hơn những nỗ lực diễn giải lại trải nghiệm đó sau này của họ. Những bàn luận mang tính học thuật về chủ đề không mấy dễ chịu này có trong bài viết “Island Carib Cannibalism” (Tạm dịch: Tục ăn thịt người của người đảo Carib) của Myers.

Peter Martyr được cho là mô tả *areíto* dựa trên những quan sát của Santiago Cañizares, người đã chứng kiến buổi lễ đó. Và thông tin về âm nhạc cũng như nhạc cụ của người Taíno được lấy từ bài viết của Lynne Guitar “New Notes about Taíno Music and Its Influence on Contemporary Dominican Life” (Tạm dịch: Những ghi chép mới về âm nhạc của người Taíno và ảnh hưởng của nó tới đời sống của người Dominica hiện đại). Peter Martyr còn được biết đến với tên gọi Peter Martyr d’Anghiera.

Bức thư của Peter Martyr gửi cho Hồng y Ascanio Sforza nằm trong *The Discovery of the New World in the Writings of Peter Martyr of Anghiera* (Tạm dịch: Sự khám phá của Thế giới Mới trong những ghi chép của Peter Martyr vùng Anghiera), tập 2 thuộc *Nuova Raccolta Colombiana* (1992), trang 229.

Những nhận xét của Guillermo Coma lấy từ *Journals and Other Documents on the Life and Voyages of Christopher Columbus* của Morison, trang 236.

Những giải thích của Fernández de Oviedo về các loại táo độc nằm ở trang 91 cuốn *Natural History of the West Indies* (Tạm dịch: Lịch sử tự nhiên của miền Tây Ấn Độ) của Fernández de Oviedo y Valdés.

Thuật ngữ “buccaneer” (Ý nghĩa: cướp biển) bắt nguồn từ một từ tiếng Pháp chỉ giá đỡ, *boucan*, dùng để nướng thịt, một thuật ngữ ban đầu chỉ nghề nghiệp của những “freebooters” (Ý nghĩa: lục lâm), một từ khác cũng có nguồn gốc liên quan tới cướp biển, ám chỉ sự cướp bóc và chiến lợi phẩm.

Những nhận xét của Columbus về thành phố La Isabela có trong *Columbus's Outpost among the Taínos* (2002) của Kathleen Deagan và José María Cruxent, trang 48-50 và 54.

CHƯƠNG 6: CUỘC NỔI LOẠN

Danh sách những nhu yếu phẩm được yêu cầu có trong *Columbus's Outpost among the Taínos* của Deagan và Cruxent, trang 137.

Vương quốc Castile của Ferdinand và Isabella chỉ là đế chế gần đây nhất chiếm đóng thành phố vốn luôn bị tranh chấp Cadiz, được cho là do người Phoenicia thành lập như một trung tâm buôn bán, với tên gọi Gadir, có nghĩa là “thành phố bao quanh bởi tường”. Vào năm 711, người Moor chiếm thành phố, và nắm chủ quyền cho đến năm 1262, khi nó bị chinh phạt bởi hoàng đế Alfonso X của Castile. Dưới sự trị vì của Tây Ban Nha, thành phố mang tên Cadiz. Tới thời đại của các cuộc thám hiểm, Cadiz thu hút những người đi biển từ khắp châu Âu, đặc biệt là Genoa. Ước tính, gần một nửa dân cư của thành phố là người từ Genoa tới đây tìm kiếm cơ hội, và họ gần như đều đón nhận được một cơ hội cho riêng mình.

Đề xuất của Columbus với triều đình được trích dẫn trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters*, tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 13-39.

Những bức thư của Ferdinand và Isabella bắt đầu từ ngày 13 tháng 4 được trích dẫn từ *Admiral of the Ocean Sea* của Morison, trang 436.

Fernández de Oviedo bàn luận về việc đào vàng ở trang 106-109 ấn phẩm *Natural History of the West Indies* (1959) của Fernández de Oviedo y Valdés.

Mô tả của Las Casas về Ojeda có trong *Admiral of the Ocean Sea* của Morison, trang 432-433.

Ở trang 36 ấn phẩm *Columbus's Outpost among the Taínos* của Deagan và Cruxent, các tác giả viết rằng những người Anh-điêng ăn, ngoài giống hutia, “kỳ nhông, chim, rắn, ấu trùng bọ khổng lồ, và côn trùng. Chuỗi thức ăn này không hấp dẫn những người Tây Ban Nha”, trái lại họ thấy ghê tởm tập tục này.

Những mô tả rõ ràng và sống động của Andrés Bernaldez về người Anh-điêng ở Jamaica lấy từ *Admiral of the Ocean Sea* của Morison, trang 474-476.

Nhận xét của Columbus về chuyến hải hành thứ hai có trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters*, tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana*, được viết vào ngày 26 tháng 2 năm 1495, nằm đây đó ở trang 267-325.

CHƯƠNG 7: GIỮA NHỮNG NGƯỜI TAÍNO

Những gì Michele de Cuneo viết về La Bella Saonese trích dẫn từ *Admiral of the Ocean Sea* của Morison, trang 478. Những quan sát khác của ông có trong *Admiral of the Ocean Sea*, trang 482-488.

Columbus viết về việc cải đạo người Anh-điêng sang Ki-tô giáo trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters*, tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 340-341. Và ông giải thích về những ý tưởng giáo dục người người Anh-điêng ở trang 355.

Las Casas bàn luận về chó săn thỏ và những người Anh-điêng trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters*, tập 6, phần 2, trong *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 113, 152. Và ông tìm hiểu về sự dày vò của Columbus đối với Thổ dân ở trang 492 cuốn *Admiral of the Ocean Sea*.

Bên cạnh Peter Martyr, chính Columbus cũng nhắc tới hàng loạt cái chết của những người Anh-điêng trong bức thư gửi Ferdinand và

Isabella ngày 15 tháng 10 năm 1495, trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters*, tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 337. Trong đó ông nói nạn đói đã giết $\frac{2}{3}$ trong số 50.000 thổ dân của vùng và “nó vẫn chưa kết thúc, và chúng tôi cũng không biết khi nào thì nó sẽ chấm dứt”. Để biết thêm các thống kê về sự sụt giảm dân số của người Anh-điêng, đọc *Admiral of the Ocean Sea*, trang 493.

Ấn phẩm *The Dominican Republic* (1998) của Frank Moya Pons đánh giá cấu trúc chính trị của người Anh-điêng, trang 22-23.

Aguado được trích dẫn từ *Columbus's Outpost among the Taínos* của Deagan và Cruxent, trang 63-64, dựa theo Las Casas.

Ramon Pané và những điều tra của ông về người Anh-điêng được nghiên cứu kỹ lưỡng trong cuốn *Cave of the Jagua* [tên bị lỗi] (Tạm dịch: Hang động của Jagua) của Antonio M. Stevens-Arroyo, trang 41-83.

Giai thoại về người không đầu ở La Isabela xuất hiện trong *Columbus's Outpost among the Taínos* ở trang 72, dẫn lời Las Casas. Tôi đã chỉnh sửa cú pháp của bản dịch một chút.

PHẦN CHUYỂN TIẾP: THỜI KỲ TRAO ĐỔI COLUMBUS

Điểm xuất phát cho việc nghiên cứu Thời kỳ trao đổi Columbus là công trình của Alfred Crosby xuất bản năm 1972, *The Columbian Exchange: Biological and Cultural Consequences of 1492* (tái bản năm 2003) (Tạm dịch: Thời kỳ trao đổi Columbus: Hệ quả sinh học và văn hóa năm 1492). Những nghiên cứu liên quan tới đề tài vang dội này bao gồm: *The Aboriginal Population of Central Mexico on the Eve of the Spanish Conquest* (1963) (Tạm dịch: Thổ dân miền Trung Mexico trước thềm cuộc xâm lược của Tây Ban Nha) của Woodrow W. Borah và Sherburne F. Cook; *Born to Die* (Tạm dịch: Sinh ra để chết) của Noble David Cook; *The Native Population of the Americas in 1492* (1992) (Tạm dịch: Thổ dân châu Mỹ năm 1492) do William M. Denevan biên tập; *Historia verdadera de la conquista de la Nueva España* (1956) (Tạm dịch: Câu chuyện có thật về cuộc chinh phục Tây Ban Nha Mới) của Bernal Díaz del Castillo; *Plagues and Peoples* (1976) (Tạm dịch: Bệnh dịch và Con người) của William H. McNeill; *A Plague of Sheep* (1994) (Tạm dịch: Một bệnh dịch của

cừu) của Elinor G. K. Melville; *The History and Social Influence of the Potato* (1993) (Tạm dịch: Lịch sử và ảnh hưởng xã hội của khoai tây) của Redcliffe N. Salaman; và *American Indian Holocaust and Survival* (1987) (Tạm dịch: Sự diệt chủng và tàn dư của thổ dân châu Mỹ) của Russel Thornton.

Bảng biểu sau mô tả mức độ ảnh hưởng của thời kỳ trao đổi Columbus lên cả Cựu Thế giới và Tân Thế giới:

	Cựu Thế giới sang Tân Thế giới	Tân Thế giới sang Cựu Thế giới
<i>Bệnh dịch</i>	Đậu mùa Sởi Thủy đậu Sốt rét Sốt vàng da Cúm Cảm cúm	Giang mai?
<i>Động vật</i>	Ngựa Gia súc Lợn Cừu Dê Gà	Gà tây Đà mã Nam Mỹ Lạc đà cừu Nam Mỹ Chuột lang
<i>Cây cỏ</i>	Gạo Lúa mì Đại mạch Yến mạch Cà phê Mía Chuối Dưa Ô liu Bồ công anh Hoa cúc Cỏ ba lá Cỏ phấn hương Cỏ Kentucky Bluegrass	Ngô (Bắp) Khoai Đậu Thuốc lá Đậu phộng Bí đỏ mềm Ớt Cà chua Bí ngô Dừa Cacao (Sô-cô-la) Nhựa cây chicle (Kẹo cao su) Đu đủ Sắn (Bột sắn) Ồi Bơ

CHƯƠNG 8: “TIẾNG GẦM LỚN”

Những than vãn không ngừng nghỉ của Columbus về những kẻ gièm pha tại triều đình và sức ép ông phải chịu ở chuyến hải hành thứ ba có trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters of the Second, Third, and Fourth Voyages* (Tạm dịch: Christopher Columbus: Những ghi chép và thư từ về chuyến hải hành thứ hai, thứ ba, và thứ tư) tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 66-67.

Để biết thêm về những ý tưởng chói sáng của Columbus về các Thánh địa, đọc *Christopher Columbus, Lost Biblical Sites, and the Last Crusade* (Tạm dịch: Christopher Columbus, những thánh địa đã mất, và cuộc Thập tự chinh cuối cùng) của Delno C. West.

Miệng Rồng (Dragon's Mouth) được nhắc đến trong *Las Casas on Columbus*, trang 46. Trong khi đó, tài liệu tham khảo về thiên đường mặt đất và đặc điểm của những người ông chạm trán có trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters of the Second, Third, and Fourth Voyages*, tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana*, trang 87 trở đi.

Những quan sát của Columbus rằng “thế giới thật nhỏ” có trong “Letter Rarissima” (Tạm dịch: Bức thư Rarissima), trích dẫn trong *Nuova Raccolta Colombiana*, tập 6, phần 1. Columbus viết lá thư này ở Jamaica vào tháng 6 năm 1503.

Để biết thêm về Columbus và người Anh-điêng vùng Guaiqueri và *chicha*, đọc *The Caribbean as Columbus Saw It* (1964) (Tạm dịch: Vùng Caribbean trong con mắt của Columbus) của Morison và Obregón, từ trang 160. Nghiên cứu này có chứa những ảnh chụp những quang cảnh có thể Columbus có thể đã trông thấy, tuy nhiên năm trăm năm xói mòn và những thay đổi khác đã làm biến đổi vùng đất và vùng biển. Tuy nhiên, tài liệu này vẫn được coi là một góc nhìn gợi mở của Columbus về những cảng biển neo tàu và cảng biển thương mại.

CHƯƠNG 9: CUỘC NỔI LOẠN CỦA ROLDÁN

Để biết thêm về những ghi chép đầy đủ về những hành động đáp trả qua lại giữa hai bên theo lời kể của Ferdinand Columbus, đọc *The*

Life of the Admiral Christopher Columbus by His Son Ferdinand (1959) (Tạm dịch: Cuộc đời của Đô đốc Christopher Columbus theo lời con trai Ferdinand) của Fernando Colón và *The History of the Life and Deeds of the Admiral Don Christopher Columbus, Attributed to His Son Fernando Colón* (2004) (Tạm dịch: Lịch sử về cuộc đời và sự nghiệp của Đô đốc Don Christopher Columbus, theo lời con trai ông Fernando Colón). Ngoài ra, Las Casas đưa ra đánh giá chua cay trong *Las Casas on Columbus: The Third Voyage* (Tạm dịch: Las Casas về Columbus: Chuyến hải hành thứ ba) tập 11 trong *Repertorium Columbianum* (1999). Las Casas phản nản rằng Roldán chưa từng bị đưa ra xét xử tại Tây Ban Nha - nhờ dòng dõi gia đình ông, trong khi dòng dõi của Columbus thì chống lại ông.

CHƯƠNG 10: “XÍCH LẠI GỬI TÔI VỀ”

Bức thư gửi Doña Juana có trong *The Four Voyages of Columbus* (1988) (Tạm dịch: Bốn hải hành của Columbus) của Cecil Jane, tập 2, trang 54.

Những bức thư từ Bobadilla có đầy đủ trong *Las Casas on Columbus: The Third Voyage*, trang 24-128. Tại đây, cũng như nhiều nghiên cứu khác, Las Casas cho thấy tinh thần của một nhà sử học khi ông hạn chế những bình luận chất chúa và những kiến thức ngoài lề để tập trung vào vấn đề chính.

Bối cảnh về cuộc điều tra của Bobadilla lấy từ nghiên cứu cải chính *La caída de Cristobál Colón, el juicio de Bobadilla* (2006) (Tạm dịch: Sự sa sút của Christopher Columbus, phiên tòa của Bobadilla) của Consuelo Varela.

Trong *Las Casas on Columbus: The Third Voyage*, trang 136, Las Casas viết rằng Vellejo là “người bạn tốt của tôi”. Bức thư mà trong đó Columbus thể thốt rằng ông đã rất tận tụy, và nói “Tôi thể.” cũng nằm trong ấn phẩm này, trang 43.

Sắc lệnh Hoàng gia khôi phục lại tài sản của Columbus nằm trong *Journals and Other Documents on the Life and Voyages of Christopher Columbus* của Morison, trang 300-302.

CHƯƠNG 11: EL ALTO VIAJE

Tác phẩm *The Mysterious History of Columbus* của John Noble Wilford mang tới những bàn luận cuốn hút về *Book of Prophecies* (Tạm dịch: Sách tiên tri) thần bí ở trang 217 và 223.

Thư viện khổng lồ của Ferdinand làm nổi bật phương diện ham đọc sách và có học vấn của gia đình Columbus. Tuy Columbus, là một nhà hàng hải, được xem như một người táo bạo, ông được giáo dục rất chuyên sâu về biển, và trong suốt cuộc đời ông luôn khát khao tìm kiếm (thậm chí áp dụng) những thông tin mới cùng tri thức. Em trai ông Bartholomew, tất nhiên, là một người buôn bán đồ và sách, và con trai ông là một nhà sử học và một người sưu tầm sách.

Ferdinand Columbus không lập gia đình.

CHƯƠNG 12: NHỮNG KẺ BƠ VƠ CHỐN THIÊN ĐƯỜNG

Những miêu tả đáng chú ý của Columbus về việc cho con tàu của ông bay lên và nghe thấy giọng nói của Chúa có trong *Christopher Columbus: Accounts and Letters of the Second, Third, and Fourth Voyages*, tập 6, phần 1 trong *Nuova Raccolta Colombiana* trang 143 trở đi. Toàn bộ lá thư là một lời than khóc đặc biệt vốn dễ dàng bỏ qua nếu nó không tự kịch hóa và chua chát một cách trần trụi đến thế.

“Account by Diego Mendez of Certain Incidents on Christopher Columbus’s Last Voyage” (Tạm dịch: Ghi chép của Diego Mendez về một vài sự việc trong chuyến hải hành cuối cùng của Christopher Columbus) có trong *The Four Voyages of Christopher Columbus* (1969) (Tạm dịch: Bốn hải hành của Christopher Columbus) của J. M. Cohen, trang 305-317.

CHƯƠNG 13: NGÀY 29 THÁNG 2 NĂM 1504

Chuyến đi vượt biển đầu tiên của Las Casas: dẫn từ *Toward the Setting Sun* (2008) (Tạm dịch: Về phía Mặt trời lặn) của David Boyle, trang 264.

Chi tiết về cái chết của Isabella có trong nghiên cứu tường tận của Hugh Thomas, *Rivers of Gold*, trang 236. Thomas tỏ ra ít bận tâm

tới sự vô nhân tính của Columbus hơn những nhà sử học đương đại khác, và bao quát một góc nhìn rộng lớn hơn về thời kỳ khám phá trong những ghi chép chắc chắn của ông.

Danh tiếng về lòng mộ đạo của Isabella truyền lại sau khi bà qua đời. Một cuộc vận động đã diễn ra nhằm phong thánh cho bà dựa vào sự bao bọc của bà với người nghèo và những người Anh-điêng vùng Caribbean, mặc cho sự ủng hộ nhiệt tình của bà đối với Tòa án dị giáo và việc trục xuất người Do Thái khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492, năm mà Columbus thực hiện chuyến hải hành lần đầu tiên. Gần đây nhất vào năm 1974, Giáo hoàng Paul VI đề cử Isabella I được tuyên phúc, bước thứ ba trong bốn bước trong trình tự phong thánh. Một người được tuyên phúc là người được Nhà thờ Ki-tô giáo thừa nhận đã lên thiên đàng, và có thể nói đỡ [trước Chúa] thay cho những con chiên cầu nguyện với mình. Bà qua đời trước chồng mình, vua Ferdinand II, người sống thêm 8 năm, tới năm 1512.

Để biết thêm về hàng loạt vấn đề về sức khỏe của Columbus, đọc *The Mysterious History of Columbus* của Wilford, trang 240 trở đi. Và những chi tiết về việc chôn cất Columbus có trong “Burial Places of Columbus” (Tạm dịch: Những nơi chôn cất Columbus) trong *The Christopher Columbus Encyclopedia* của Silvio Bedini, tập 1, trang 77-80.

PHẦN KẾT

Công trình tưởng niệm Đài phun nước Columbus ở Ga Union tại Washington, DC, là một trong những ví dụ nổi bật, thậm chí đôi khi phi thường về sự công nhận chính thức đối với công lao của Christopher Columbus. Đài phun nước Columbus được thiết kế bởi Lorado Taft, một nhà điêu khắc người Mỹ ưa thích sự nổi tiếng với vai trò diễn giả và nhà giáo dục. Một trăm năm mươi nghìn người đã tham dự buổi lễ khánh thành vào ngày 6 tháng 8 năm 1912, được tài trợ bởi tổ chức Hiệp sĩ Columbus, Hội bằng hữu Ki-tô giáo lớn nhất thế giới, thành lập vào năm 1882 và tất nhiên được đặt tên theo Christopher Columbus. (Những hiệp sĩ này tuy nhiên không thuộc

dòng hiệp sĩ hay dòng thánh nào như Dòng hiệp sĩ Malta; tổ chức này lập ra với mục đích từ thiện.) Trong buổi lễ, Tướng Robert K. Evans, phụ trách quân sự, đảm nhiệm vị trí nguyên soái, dẫn đầu 15.000 quân, 50.000 đại diện của tổ chức Hiệp sĩ Columbus, xe ngựa diễu hành, những người tham gia trong trang phục hiệp sĩ, và hàng nghìn phương tiện cơ giới với chủ tịch William Howard Taft dự khán trên khán đài. Một sự kiện đại chúng có quy mô lớn khác là một Thánh lễ có sự tham gia của Hồng y James Gibbons cùng sự tham dự của 10.000 người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỌN LỌC



SÁCH

Abulafia, David. *The Discovery of Mankind: Atlantic Encounters in the Age of Columbus*. New Haven: Yale University Press, 2008.

Airaldi, Gabriella, et al. *Cristoforo Colombo nella Genova del suo tempo*. Torino: Edizioni RAI, 1985.

Baker, J. A. *Complete History of the Inquisition in Portugal, Spain, Italy, the East and West-Indies*. Westminster: O. Payne, 1736.

Bedini, Silvio A., ed. *The Christopher Columbus Encyclopedia*. 2 vols. New York: Simon & Schuster, 1992.

Benzoni, Girolamo. *History of the New World*. Translated and edited by W. H. Smith. London: Hakluyt Society, 1857. (Originally published 1565.)

Berggren, J. L. *Ptolemy's Geography: An Annotated Translation of the Theoretical Chapters*. Princeton: Princeton University Press, 2000.

Bergreen, Laurence. *Over the Edge of the World: Magellan's Terrifying Circumnavigation of the Globe*. New York: William Morrow, 2003.

———. *Marco Polo: From Venice to Xanadu*. New York: Alfred A. Knopf, 2007.

Birmingham, Stephen. *The Grandees: America's Sephardic Elite*. New York: Harper & Row, 1971.

The Book of Privileges Issued to Christopher Columbus by King Fernando

and Queen Isabel, 1492–1502. Edited and translated by Helen Nader. Vol. 2, *Repertorium Columbianum*. Berkeley: University of California Press, 1996.

Boorstin, Daniel J. *The Discoverers*. New York: Random House, 1983. Borah, Woodrow W., and Sherburne F. Cook. *The Aboriginal Population of Central Mexico on the Eve of the Spanish Conquest*. Berkeley: University of California Press, 1963.

Boyle, David. *Toward the Setting Sun: Columbus, Cabot, Vespucci, and the Race for America*. New York: Walker, 2008.

Bradford, Ernle. *Christopher Columbus*. New York: Viking, 1973.

Braudel, Fernand. *The Structures of Everyday Life: The Limits of the Possible*. London: Collins, 1981.

Brinton, Daniel G. *The Maya Chronicles*. New York: AMS Press, 1969. (Originally printed 1882.)

Brook, Timothy. *The Confusions of Pleasure: Commerce and Culture in Ming China*. Berkeley: University of California Press, 1998.

Brown, Lloyd A. *The Story of Maps*. New York: Dover, 1977. (Originally published 1949.)

Catz, Rebecca. *Christopher Columbus and the Portuguese, 1476–1498*. Westport, CT: Greenwood, 1993.

Cesarini, Secondo Francesco. “Nomi ricorrenti di banchieri (alcuni legati al papato) nella preparazione dell’impresa Colombiana.” In *Atti e Memorie, Nuova Serie*, vol. 34–35. Savona: Società Savonese di Storia Patria, 1998–1999.

Christopher Columbus: Accounts and Letters of the Second, Third, and Fourth Voyages. Translated by Luciano F. Farina and Mark A. Beckwith. Vol. 6, part 1, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1994.

Christopher Columbus: Accounts and Letters of the Second, Third, and Fourth Voyages. Edited by Paolo Emilio Taviani, Consuelo Varela, Juan Gil, and Marina Conti. Translated by Luciano F. Farina and Mark A. Beckwith. Vol. 6, part 2, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1994.

Christopher Columbus and His Family: The Genoese and Ligurian

Documents. Edited by John Dotson. Vol. 4, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 1998.

Christopher Columbus: The Journal, Account of the First Voyage and Discovery of the Indies. Translated by Marc A. Beckwith and Luciano Farina. Edited by Paolo Emilio Taviani and Consuelo Varela. Vol. 1, part 1, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1992.

Christopher Columbus: The Journal, Account of the First Voyage and Discovery of the Indies. Translated by Marc A. Beckwith and Luciano Farina. Edited by Paolo Emilio Taviani and Consuelo Varela. Vol. 1, part 2, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1992.

Christopher Columbus's Discoveries in the Testimonials of Diego Alvarez Chanca and Andrés Bernaldez. Translated by Giocchino Triolo and Luciano F. Farina. Vol. 5, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1992.

Clough, Cecil H., and P.E.H. Hair. *The European Outthrust and Encounter: The First Phase c. 1400–c. 1700*. Liverpool: Liverpool University Press, 1994.

Cohen, J. M., ed. and trans. *The Four Voyages of Christopher Columbus*. London: Penguin, 1969.

Colón, Cristóbal. *Textos y documentos completos: relaciones de viajes, cartas y memorials, edición, prólogo y notas de Consuelo Varela*. Madrid: Alianza, 1982.

Colón, Fernando. *The History of the Life and Deeds of the Admiral Don Christopher Columbus, Attributed to His Son Fernando Colón*. Edited by Ilaria Caraci Luzzana. Translated by Geoffrey Symcox and Blair Sullivan. Turnhout, Belgium: Brepols, 2004.

———. *The Life of the Admiral Christopher Columbus by His Son Ferdinand*. Translated by Benjamin Keen. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1959.

Columbus, Christopher. *Columbus Discovers America A.D. 1492* (letters of Christopher Columbus and of Ferdinand Columbus). Historical booklets; no. 104, n.p., n.d. Columbia University Libraries.

Columbus, Ferdinand. *Historie Concerning the Life and Deeds of the Admiral Don Christopher Columbus*. Edited by Paolo Emilio Taviani and Ilaria Luzzana Caraci. Translated by Luciano F. Farina. Vol. 4, part 1, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1998.

Columbus, Ferdinand. *Historie Concerning the Life and Deeds of the Admiral Don Christopher Columbus*. Translated and edited by Luciano F. Farina. Vol. 4, part 2, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1998.

Conti, Simonetta. *Bibliografia colombiana, 1793–1990*. Genova: Cassa di Risparmio di Genova e Imperia, 1990.

Cook, Noble David. *Born to Die: Disease and New World Conquest, 1492–1650*. Cambridge: Cambridge University Press, 1998.

Crane, Nicholas. *Mercator: The Man Who Mapped the Planet*. London: Weidenfeld & Nicolson, 2002.

Crayton, Michael, and Gail Saunders. *Islanders in the Stream: A History of the Bahamian People*. Vol. 1. Athens: University of Georgia Press, 1992.

Crosby, Alfred W., Jr. *The Columbian Exchange: Biological and Cultural Consequences of 1492*. Westport, CT: Greenwood, 1972.

Crow, John A. *Spain: The Root and the Flower*. New York: Harper & Row, 1975.

Darwin, Charles. *The Voyage of the Beagle*. Washington, DC: National Geographic Society, 2004.

Davidson, Miles H. *Columbus Then and Now: A Life Reexamined*. Norman: University of Oklahoma Press, 1997.

Deagan, Kathleen, and José María Cruxent. *Columbus's Outpost among the Taínos: Spain and America at La Isabela, 1493–1498*. New Haven: Yale University Press, 2002.

De Madariaga, Salvador. *Christopher Columbus: Being the Life of the Very Magnificent Lord Don Cristóbal Colón*. New York: Macmillan, 1940.

De Negri, Teofilo Ossian. *Storia di Genova*. Milano: Aldo Martello Editore, 1968.

Denevan, William M., ed. *The Native Population of the Americas in 1492*. 2nd ed. Madison: University of Wisconsin Press, 1992.

De Vorse, Louis, Jr. *In the Wake of Columbus: Islands and Controversy*. Edited by John Parker. Detroit: Wayne State University Press, 1985.

Diamond, Jared. *Collapse: How Societies Choose to Fail or Succeed*. New York: Viking Penguin, 2005.

Díaz del Castillo, Bernal. *Historia verdadera de la conquista de la Nueva España*. Translated by A. P. Maudslay (*The Discovery and Conquest of Mexico, 1517–1521*). New York: Farrar, Straus, and Cudahy, 1956.

Didiez Burgos, Ramón J. *Guanahani y Mayaguain, las primeras isletas descubiertas en el Nuevo Mundo: análisis del diario de Colón*. Santo Domingo: Editora Cultural Dominicana, 1974.

The Discovery of the New World in the Writings of Peter Martyr of Anghiera. Edited by Ernesto Lunardi et al. Translated by Felix Azzola and Luciano F. Farina. Vol. 2, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1992.

Dor-Ner, Zvi. *Columbus and the Age of Discovery*. New York: William Morrow, 1991.

Drew, David. *The Lost Chronicles of the Maya Kings*. Berkeley: University of California Press, 1999.

Dugard, Martin. *The Last Voyage of Columbus*. New York: Little, Brown, 2005.

Ebbesmeyer, Curtis, and Eric Scigliano. *Flotsametrics and the Floating World*. New York: HarperCollins, 2009.

Epstein, Steven A. *Genoa and the Genoese, 958–1528*. Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1996.

Fernández-Armesto, Felipe. *Amerigo: The Man Who Gave His Name to America*. New York: Random House, 2007.

———. *Columbus*. Oxford: Oxford University Press, 1991.

———. *1492: The Year the World Began*. New York: HarperCollins, 2009.

———, ed. *The Times Atlas of World Exploration: 3,000 Years of Exploring, Explorers, and Mapmaking*. New York: HarperCollins, 1991.

Fernández de Oviedo y Valdés, Gonzalo. *Natural History of the West Indies*. Translated and edited by Sterling A. Stoudemire. Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1959.

Ferro, Gaetano. *Liguria and Genoa at the Time of Columbus*. Translated by Anne Goodrich Heck. Vol. 3, *Nuova Raccolta Colombiana*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1992.

Fiske, John. *The Discovery of America: With Some Account of Ancient America and the Spanish Conquest*. 2 vols. Boston: Houghton Mifflin, 1896.

Freud, Sigmund. *Totem and Taboo: Some Points of Agreement between the Mental Lives of Savages and Neurotics*. Translated by James Strachey. New York: W. W. Norton, 1950.

Frimmer, Steven. *Neverland: Fabled Places and Fabulous Voyages of History and Legend*. New York: Viking, 1976.

Frye, John. *Los Otros: Columbus and the Three Who Made His Enterprise of the Indies Succeed*. Lewistown, NY: E. Mellan, 1992.

Fuson, Robert H., trans. *The Log of Christopher Columbus*. Camden, ME: International Marine Publishing, 1987.

Gardiner, Robert, ed. *Cogs, Caravels and Galleons: The Sailing Ship, 1000–1650*. Annapolis: Naval Institute Press, 1994.

Genoa, Commissione Colombiana. *Cristoforo Colombo, documenti & prove della sua appartenenza a Genova*. Bergamo: Officine Dell' Istituto Italiano D'Arti Grafiche, 1931.

Genoa, Commissione Colombiana. *Christopher Columbus: Documents and Proofs of His Genoese Origin*. English-German edition. Bergamo: Officine Dell' Istituto Italiano D'Arti Grafiche, 1932.

Gerace, Donald T., ed. *Columbus and His World: Proceedings First San Salvador Conference*. Fort Lauderdale, FL: Station, 1987.

Gerber, Jane S. *The Jews of Spain*. New York: Free Press, 1992.

- Gil, Juan. *Columbiana: Estudios sobre Cristóbal Colón, 1984–2006*. Santo Domingo: Academia Dominicana de la Historia, 2007.
- Gould, Alicia B[ache]. *Nueva lista documentada de los tripulantes de Colón en 1492*. Madrid: Academia de la Historia, 1984.
- Granzotto, Gianni. *Christopher Columbus: The Dream and the Obsession*. Garden City, NY: Doubleday, 1985.
- Guillen y Tato, Julio. *La parla marinera en el diario del primer viaje de Cristóbal Colón*. Madrid: Instituto Histórico de Marina, 1951.
- Haliczer, Stephen. "The Expulsion of the Jews as Social Process." *The Jews of Spain and the Expulsion of 1492*. Edited by Moshe Lazar and Stephen Haliczer. Lancaster, CA: Labyrinthos, 1997.
- Haring, Clarence Henry. *Trade and Navigation Between Spain and the Indies in the Time of the Hapsburgs*. Cambridge: Harvard University Press, 1918.
- Harrisse, Henry. *Christophe Columbe: Son origine, sa vie, ses voyages, sa famille & ses descendants*. 2 vols. Paris: E. Leroux, 1884–5.
- . *Christopher Columbus and the Bank of St. George* (Ufficio di San Giorgio in Genoa): Two Letters Addressed to Samuel L. M. Barlow, Esquire, by Henry Harrisse. New York, 1888. (Privately printed.)
- Heers, Jacques. *Christophe Colomb*. Paris: Hachette, 1981.
- Henige, David. *Historical Evidence and Argument*. Madison: University of Wisconsin Press, 2005.
- Hitchings, Henry. *The Secret Life of Words: How English Became English*. London: John Murray, 2008.
- Houben, H. H. *Christopher Columbus: The Tragedy of a Discoverer*. Translated by John Linton. New York: E. P. Dutton, 1936.
- Houston, Stephen D. *The First Writing: Script Invention as History and Process*. Cambridge: Cambridge University Press, 2004.
- Houston, Stephen D., et al. "Maya Systems." *The Oxford Encyclopedia of Mesoamerican Cultures*. Edited by David Carrasco. Oxford: Oxford University Press, 2006.
- Howgego, Raymond John. *Encyclopedia of Exploration, 1800 to 1850*. Sydney: Hordern House, 2004.

Irving, Washington. *The Life and Voyages of Christopher Columbus*. New York: University Society Publishers, 1828.

Italian Reports on America, 1493–1522: Accounts by Contemporary Observers. Edited by Geoffrey Symcox. Translated by Theodore Cachey Jr. and John C. McLucas. Vol. 10, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 2002.

Italian Reports on America, 1493–1522: Letters, Dispatches, and Papal Bulls. Edited by Geoffrey Symcox and Luciano Formisano. Translated by Peter D. Diehl. Vol. 12, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 2001.

Jane, Cecil, ed. and trans. *The Four Voyages of Columbus*. New York: Dover, 1988.

Keay, John. *The Spice Route: A History*. London: John Murray, 2005.

Kuhn, Thomas S. *The Structure of Scientific Revolutions*, 3rd ed. Chicago: University of Chicago Press, 1996.

Landström, Björn. *Columbus: The Story of Don Cristóbal Colón, Admiral of the Ocean, and His Four Voyages Westward to the Indies, According to Contemporary Sources*. Retold and illustrated by Björn Landström. Translated by Michael Phillips and Hugh W. Stubbs. New York: Macmillan, 1967.

Larner, John. *Marco Polo and the Discovery of the World*. New Haven: Yale University Press, 1999.

Las Casas, Bartolomé de. *A Short Account of the Destruction of the Indies*. Edited and translated by Nigel Griffin. London: Penguin, 1992, rev. 2004.

Las Casas on Columbus: Background and the Second and Fourth Voyages. Edited and translated by Nigel Griffin. Vol. 7, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 1999.

Las Casas on Columbus: The Third Voyage. Edited by Geoffrey Symcox. Vol. 11, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 2001.

Lea, Henry Charles. *A History of the Inquisition of Spain*. Vol. 3. New York: AMS Press, 1988. (Originally published 1906–1907.)

———. *Torture*. Philadelphia: University of Philadelphia Press, 1973. (Originally published 1866.)

León Guerrero, Montserrat. *Los compañeros de Don Cristóbal Colón en su segundo viaje a las Indias*. Valladolid: Instituto Interuniversitario de Estudios de Iberoamérica y Portugal, 1998.

Lester, Toby. *The Fourth Part of the World: The Race to the Ends of the Earth, and the Epic Story of the Map that Gave America Its Name*. New York: Free Press, 2009.

Lewis, Monty, and Sara Lewis. *Explorer Chartbook: Far Bahamas*. 4th ed. Ocean City, MD: Lewis Offshore, 2008.

Library of Congress. *Hispanic and Portuguese Collections: An Illustrated Guide*. Washington, DC: Library of Congress, 1996.

Limborch, Philippus van. *The History of the Inquisition*. Translated by Samuel Chandler. 2 vols. London: J. Gray, 1731.

Liss, Peggy K. *Isabel the Queen: Life and Times*. Rev. ed. Philadelphia: University of Pennsylvania Press, 2004.

Lockhart, James, ed. and trans. *We People Here: Nahuatl Accounts of the Conquest of Mexico*. Berkeley: University of California Press, 1993.

Lowney, Chris. *A Vanished World: Muslims, Christians, and Jews in Medieval Spain*. New York: Oxford University Press, 2006.

Machiavelli, Niccolò. *The Prince*. Translated and edited by Paul Sonnino. Atlantic Highlands, NJ: Humanities Press, 1996.

McNeill, William H. *Plagues and Peoples*. Garden City, NY: Anchor, 1976.

Mandeville, John. *The Travels of Sir John Mandeville*. Translated by C.W.R.D. Moseley. London: Penguin, 1983.

Mann, Charles C. *1491: New Revelations of the Americas before Columbus*. New York: Alfred A. Knopf, 2006.

Manzano Manzano, Juan. *Colón y su secreto: el predescubrimiento*. Madrid: Cultura Hispánica, 1989.

Marchant, John, et al. *A Review of the Bloody Tribunal; Or the Horrid Cruelties of the Inquisition*. Perth: G. Johnston, 1770.

Markham, Clements R., trans. and ed. *The Letters of Amerigo Vespucci and Other Documents Illustrative of His Career*. London: Hakluyt Society, 1894.

Martínez-Hidalgo, José María. *Columbus' Ships*. Edited by Howard I. Chapelle. Barre, MA: Barre Publishers, 1966.

Mascarenhas, Barreto. "*Colombo*" *Português: Provas Documentais*. 2 vols. Lisboa: Nova Arraniada, 1977.

Maxwell, Judith M., and Robert H. Hill. *Kaqchikel Chronicles: The Definitive Edition*. Austin: University of Texas Press, 2006.

Melville, Elinor G. K. *A Plague of Sheep: Environmental Consequences of the Conquest of Mexico*. Cambridge: Cambridge University Press, 1994.

Michener, James. *Caribbean*. New York: Random House, 1989.

Milani, Virgil I. *The Written Language of Christopher Columbus*. Buffalo: State University of New York at Buffalo, 1973.

Milhou, Alain. *Colón y su mentalidad mesiánica en el ambiente franciscanista español*. Valladolid: Casa-Museo de Colón, Seminario Americanista de la Universidad de Valladolid, 1983.

Mocatta, Frederic David. *The Jews of Spain and Portugal and the Inquisition*. New York: Cooper Square Publishers, 1973.

Morgan, Edmund S. *American Heroes: Profiles of Men and Women Who Shaped Early America*. New York: W. W. Norton, 2009.

Morison, Samuel Eliot. *Admiral of the Ocean Sea: A Life of Christopher Columbus*. 2 vols. Boston: Little, Brown, 1942.

———. *Admiral of the Ocean Sea: A Life of Christopher Columbus*. Boston: Little, Brown, 1942. (1 vol. abridgment.)

———. *Christopher Columbus, Mariner*. New York: Meridian, 1983.

———. *The European Discovery of America: The Southern Voyages, 1492–1616*. New York: Oxford University Press, 1974.

———. *The Second Voyage of Christopher Columbus from Cadiz to Hispaniola and the Discovery of the Lesser Antilles*. Oxford: Oxford University Press, 1939.

———, ed. and trans. *Journals and Other Documents on the Life and Voyages of Christopher Columbus*. New York: Heritage, 1963.

Morison, Samuel Eliot, and Mauricio Obregón. *The Caribbean as*

Columbus Saw It. Boston: Atlantic Monthly Press, 1964.

Moya Pons, Frank. *Después de Colón: Trabajo, sociedad y política en la economía del oro*. Madrid: Alianza Editorial, 1987.

———. *The Dominican Republic: A National History*. Princeton, NJ: Markus Wiener, 1998.

———. *Los Restos de Colón—Bibliografía*. Santo Domingo: Academia Dominicana de la Historia, 2006.

Munro, John H. *Textiles, Towns and Trade: Essays in the Economic History of Late-Medieval England and the Low Countries*. Brookfield, VT: Variorum, 1994.

Naipaul, V. S. "Columbus and Crusoe." In *The Writer and the World*. New York: Vintage, 2003.

Navarrete, Martín Fernández de. *Colección de los viages y descubrimientos, que hicieron por mar los Españoles desde fines del siglo XV, con varios documentos inéditos concernientes á la historia de la marina castellana y de los establecimientos españoles en Indias*. 2nd ed. 5 vols. Madrid: de Ordean de S.M. en la Imprenta Nacional, 1837–1880.

Nunn, George E. *The Columbus and Magellan Concepts of South American Geography*. Glenside, 1932. (Privately printed.)

———. *The Geographical Conceptions of Columbus: A Critical Consideration of Four Problems*. New York: American Geographical Society, 1924.

Ober, Frederick A. *Amerigo Vespucci*. New York: Harper & Brothers, 1907.

Obregón, Mauricio. *From Argonauts to Astronauts: An Unconventional History of Discovery*. New York: Harper & Row, 1980.

Oviedo on Columbus. Edited by Jesús Carillo. Translated by Diane Avallé-Arce. Vol. 9, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 2000.

Pandiani, Emilio. *Vita privata genovese nel Rinascimento*. Genova: Tipografia Nazionale di Luigi Sambolino, 1915.

———. *Vita della Repubblica di Genova nell'Età di Cristoforo Colombo*. Genova: Pubblicazione del Civico Istituto Colombiano, Comitato Cittadino per le Celebrazioni Colombiane, 1952.

Parr, Charles McKew. *So Noble a Captain*. New York: Thomas Y. Crowell, 1953.

Parry, J. H. *The Discovery of the Sea*. Berkeley: University of California Press, 1981.

Pérez-Mallaina, Pablo E. *Spain's Men of the Sea*. Translated by Carla Rahn Phillips. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 1998.

Phillips, William D., Jr., and Carla Rahn Phillips. *The Worlds of Christopher Columbus*. Cambridge: Cambridge University Press, 1992.

Pike, Ruth. *Enterprise and Adventure: The Genoese in Seville and the Opening of the New World*. Ithaca, NY: Cornell University Press, 1966.

———. *Linajudos and Conversos in Seville*. New York: Peter Lang, 2000. Polo, Marco. *Marco Polo: The Description of the World*. Translated by A. C. Moule and Paul Pelliot. 2 vols. New York: AMS Press, 1976.

———. *The Travels of Marco Polo, the Venetian*. Translated by W. Marsden. Revised by T. Wright and Peter Harris. New York: Alfred A. Knopf, 2008.

Provost, Foster. *Columbus: An Annotated Guide to the Scholarship on His Life and Writings, 1750–1988*. Detroit, MI: Published for the John Carter Brown Library by Omnigraphics, 1991.

———. *Columbus Dictionary*. Detroit, MI: Published for the John Carter Brown Library by Omnigraphics, 1991.

Ptak, Roderich. *China, the Portuguese, and the Nanyang: Oceans and Routes, Regions and Trades (c. 1000–1600)*. Aldershot, Hampshire, UK; Burlington, VT: Ashgate/Variorum, 2004.

Qétel, Claude. *History of Syphilis*. Translated by Judith Braddock and Brian Pike. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 1990.

“The Recovery of Ptolemy's *Geography* in Renaissance Italy and Its impact in Spain and Portugal in the Period of the Discoveries.” In *Geography, Cartography and Nautical Science in the Renaissance: The Impact of the Great Discoveries*, by W.G.L. Randles. Aldershot,

Hampshire, UK; Burlington, VT: Ashgate/Variorum, 2000.

Rosengarten, Frederic, Jr. *e Book of Spices*. Rev. ed. New York: Pyramid, 1973.

Roth, Norman. *Conversos, Inquisition, and the Expulsion of the Jews from Spain*. Madison: University of Wisconsin Press, 1995.

Rouse, Irving. *The Tainos: Rise and Decline of the People Who Greeted Columbus*. New Haven: Yale University Press, 1992.

Rumeu de Armas, Antonio, ed., *El Libro Copiador de Cristóbal Colón*, 2 vols. Madrid: Real Academia de la Historia, 1989.

———. *Hernando Colón, historiador de descubrimiento de América*. Madrid: Instituto de Cultura Hispánica, 1973.

Salaman, Redcliffe N. *The History and Social Influence of the Potato*. Cambridge: Cambridge University Press, 1993.

Sale, Kirkpatrick. *The Conquest of Paradise: Christopher Columbus and the Columbian Legacy*. New York: Alfred A. Knopf, 1990.

Sauer, Carol Ortwin. *The Early Spanish Main*. Berkeley: University of California Press, 1966.

Smith, Bradley. *Columbus in the New World*. Garden City, NY: Doubleday, 1962.

Smith, Roger Craig. "Vanguard of Empire: 15th and 16th-Century Iberian Ship Technology in the Age of Discovery." PhD dissertation. Texas A&M University, 1989.

———. *Vanguard of Empire: Ships of Exploration in the Age of Columbus*. New York: Oxford University Press, 1993.

Soyer, François. *The Persecution of the Jews and Muslims of Portugal: King Manuel I and the End of Religious Tolerance (1496–7)*. Leiden; Boston: Brill, 2007.

Stevens-Arroyo, Antonio M. *Cave of the Jagua [sic]: The Mythological World of the Tainos*. Scranton, PA: University of Scranton Press, 2006.

Taviani, Paolo Emilio. *Christopher Columbus: The Grand Design*. Translated by William Weaver. London: Orbis, 1985.

———. *Columbus: The Great Adventure*. Translated by Luciano F. Farina and Marc A. Beckwith. New York: Orion, 1991.

———. “Il ruolo di Genova e Liguria nella formazione culturale di Colombo.” In *Cristoforo Colombo e l'Apertura degli Spazi*. Roma: Istituto Poligrafico e Zecca dello Stato, 1992.

Testimonies from the Columbian Lawsuits. Edited and translated by William D. Phillips, Jr. Vol. 8, *Repertorium Columbianum*. Turnhout, Belgium: Brepols, 2000.

Thacher, John Boyd. *Christopher Columbus: His Life, His Works, His Remains, As Revealed by Original Printed and Manuscript Records, Together with an Essay on Peter Martyr of Anghiera and Bartolomé de Las Casas, the First Historians of America*. 3 vols. New York; London: G. P. Putnam's Sons, 1903–4.

Thomas, David Hurst, ed. *Columbian Consequences*. Vol. 1, *Archaeological and Historical Perspectives on the Spanish Borderlands West*. Washington, DC: Smithsonian Institution Press, 1989.

———. *Columbian Consequences*. Vol. 2, *Archaeological and Historical Perspectives on the Spanish Borderlands East*. Washington, DC: Smithsonian Institution Press, 1990.

———. *Columbian Consequences*. Vol. 3, *The Spanish Borderlands in Pan-American Perspective*. Washington, DC: Smithsonian Institution Press, 1991.

Thomas, Hugh. *Rivers of Gold: The Rise of the Spanish Empire, from Columbus to Magellan*. New York: Random House, 2003.

Thornton, Russel. *American Indian Holocaust and Survival: A Population History Since 1492*. Norman: University of Oklahoma Press, 1987.

Torre y del Cerro, José de la. *Beatriz Enríquez de Harana y Cristóbal Colón: estudio y documentos*. Madrid: Compañía Iberoamericana de Publicaciones, 1933.

Ulanski, Stan. *The Gulf Stream: Tiny Plankton, Giant Bluefin, and the Amazing Story of the Powerful River in the Atlantic*. Chapel Hill: University of North Carolina Press, 2008.

Varela, Consuelo. *La caída de Cristobál Colón, el juicio de Bobadilla*. Madrid: Marcial Pons, Ediciones de Historia, 2006.

Viola, Herman J., and Carolyn Margolis. *Seeds of Change: A Quincentennial Commemoration*. Washington, DC: Smithsonian Institution Press, 1991.

Wassermann, Jakob. *Christopher Columbus: Don Quixote of the Seas*. Translated by Eric Sutton. London: M. Secker, 1930.

Wey Gómez, Nicolás. *The Tropics of Empire: Why Columbus Sailed South to the Indies*. Cambridge, MA: MIT Press, 2008.

Wiesenthal, Simon. *Sails of Hope: The Secret Mission of Christopher Columbus*. Translated by Richard and Clara Winston. New York: Macmillan, 1973.

Wilford, John Noble. *The Mapmakers*. New York: Alfred A. Knopf, 2000.

———. *The Mysterious History of Columbus*. New York: Alfred A. Knopf, 1991.

Winsor, Justin. *Christopher Columbus and How He Received and Imparted the Spirit of Discovery*. Boston: Houghton Mifflin, 1892.

———, ed. *Narrative and Critical History of America*. Vol. 2. Boston: Houghton Mifflin, 1886.

Zamora, Margarita. *Reading Columbus*. Berkeley: University of California Press, 1993.

Zhang, Tianze. *Sino-Portuguese Trade from 1514 to 1644: A Synthesis of Portuguese and Chinese Sources*. Leyden: Late E. J. Brill, 1934.

CÁC ĐẦU BÁO VÀ TẠP CHÍ

Cook, Noble David. "Sickness, Starvation, and Death in Early Hispaniola." *Journal of Interdisciplinary History*, vol. 32, no. 3 (Winter 2002), pp. 349–86.

Deagan, Kathleen A. "La Isabela: Europe's First Foothold in the New World." *National Geographic*, vol. 181, no. 1, pp. 40–53.

Grennes, Thomas. "The Columbian Exchange and the Reversal of Fortune." *Cato Journal*, vol. 27, no. 1 (Winter 2007).

Guitar, Lynn. "New Notes about Taíno Music and Its Influence on Contemporary Dominican Life." *Issues in Caribbean Amerindian Studies*, vol. 7, no. 1 (Dec. 2006–Dec. 2007), p. 394.

Hobbs, William Herbert. "The Track of the Columbus Caravels in 1492." *Hispanic American Historical Review*, vol. 30, no. 1 (Feb. 1950), pp. 63–73.

Judge, Joseph, and James L. Stanfield. "Where Columbus Found the New World." *National Geographic*, vol. 170, no. 5 (Nov. 1986), pp. 566–99.

Keegan, William F. "Beachhead in the Bahamas: Columbus Encounters a New World." *Archeology*, Jan./Feb. 1992, pp. 44–50.

Keith, Donald H., Toni L. Carell, and Denise C. Lakey. "The Search for Columbus' Caravel *Gallega* and the Site of Santa María de Belén." *Journal of Field Archeology*, vol. 17, no. 2 (Summer 1990), pp. 123–40.

Kingsbury, John M. "Christopher Columbus as a Botanist." *Arnoldia*, vol. 2, no. 52 (Spring 1992), pp. 11–28.

Lyon, Eugene. "15th-Century Manuscript Yields First Look at *Niña*." *National Geographic*, vol. 170, no. 5 (Nov. 1986).

———. "Search for Columbus." *National Geographic*, vol. 181, no. 1 (Jan. 1992), pp. 2–39.

———. "The *Niña*, the *Santa Cruz*, and Other Caravels as Described in the *Libro de Armadas* and Other Spanish Records." *American Neptune*, vol. 53 (1993), pp. 239–46.

Marden, Luis. "Tracking Columbus across the Atlantic." *National Geographic*, vol. 170, no. 5 (Nov. 1986).

Myers, Robert A. "Island Carib Cannibalism." *New West Indian Guide* (Leiden), vol. 58, no. 3–4 (1984), pp. 147–84.

Parodi, Giuseppe. "L'Arte dei Macherolii." *Atti della Società Ligure di Storia Patria* (Genova), *Miscellanea Storica*, vol. 53 (1926).

Rumeu de Armas, Antonio. "Cristobál Colón y Doña Beatriz de Bobadilla en las antevisperas del descubrimiento." *El Museo Canario* (Las Palmas de Gran Canaria), vols. 75–76, no. 21 (1960).

———. “Los amoríos de doña Beatriz de Bobadilla.” *Anuario de Estudios Atlánticos*, no. 31 (1985), pp. 413–55.

Taylor, Paul S. “Spanish Seamen in the New World during the Colonial Period.” *Hispanic American Historical Review*, vol. 5 (1922).

Torodash, Martin. “Columbus Historiography Since 1939.” *Hispanic American Historical Review*, vol. 46, no. 4 (Nov. 1966), pp. 409–28.

Varela, Consuelo. “Proof That Columbus Was Born in 1451: A New Document.” *American Historical Review*, vol. 12, no. 2 (Jan. 1907), pp. 270–79.

Vignaud, Henry. “Columbus a Spaniard and a Jew.” *American Historical Review*, vol. 18, no. 3 (Apr. 1913), pp. 505–12.

West, Delno C. “Christopher Columbus, Lost Biblical Sites, and the Last Crusade.” *Catholic Historical Review*, vol. 78, no. 4 (Oct. 1992), pp. v–vi, 519, 541.

Wilford, John Noble. “What Doomed the Maya? Maybe Warfare Run Amok.” *New York Times*, March 10, 2009.

MỤC TỪ TRA CỨU

A

Adelantado 287, 288, 369, 371, 373, 375, 380, 404, 426, 435, 440, 449, 464, 466, 467, 469-473, 486, 492, 508, 509, 513, 515 (xem thêm “Columbus, Bartholomew”)
Aguja 352, 422, 423, 439
Almanach perpetuum 496
America 22, 394, 395, 537
Anacaona 253, 304, 366, 400, 504, 505
Antigua 404
areíto 208, 209, 504, 553

À

Àn Độ 13, 16, 17, 34, 40,48, 50, 61, 70, 71, 75, 93, 95, 97, 103, 117, 120, 121, 123, 137, 145, 146, 152, 154-156, 160, 161, 167, 170-172, 177, 180, 181, 183, 195, 197, 198, 205, 221, 232, 233, 236, 238, 241, 248, 259, 263, 267, 268, 271, 272, 276, 284, 286, 289, 290, 297, 298, 320, 322, 323, 333, 334, 339, 340, 342, 344, 347, 352, 355, 356, 358, 359, 362, 363, 365, 373, 376, 377, 396, 401, 403, 404, 406, 407, 412, 413, 422, 427, 429, 435, 437, 447, 448, 465, 473, 475, 488, 490, 494, 514, 516, 518, 519, 520, 524

B

bán đảo Iberia 15, 81, 91, 116, 148, 182, 191, 321, 530
batata 72
Bắc Mỹ 191, 326, 328
batey 206
Bechalla 90
Behechio 253, 295, 299, 304, 366
bệnh (của Columbus) 235, 294, 344, 422, 523, 525
bệnh dịch 76, 80, 104, 235, 239, 330, 438, 504
bệnh giang mai 21, 176, 235, 236, 329, 367

Bermuda 431, 440, 476-479
Bernáldez, Andrés 97, 117, 258, 335
biển Sargasso 146, 147
Bobadilla, Beatriz de 193, 194
Bobadilla, Francisco de 403-414, 416, 417, 419-423, 437-438, 441, 529
Bồ Đào Nha 15, 43, 46, 50, 56, 62, 64, 74, 76, 77, 79-96, 99-104, 108-115, 135, 136, 147, 154, 163, 168-172, 174, 175, 177, 181, 182, 188, 191, 192, 195, 289, 290, 292, 305, 318, 319, 321, 340, 341, 394, 396, 428, 435, 437, 478, 495, 496
bông 28, 31, 34, 36, 43, 73, 127, 128, 145, 158, 200, 204-206, 249, 280, 290, 313, 335, 348
Book of Privileges 421
Book of Prophecies 429, 430
Brazil 192, 345, 390, 393, 396
Buil, Fray 186, 255, 291, 305
bướm 78, 273, 276, 281

C

cá mập 152, 461, 462
cá mút 263, 270
các vị Quân chủ Công giáo 13, 115, 116, 118, 120, 125, 183, 186, 188, 198, 233, 237, 255, 300, 313, 320-322, 335, 385, 386, 401, 437, 449 (xem thêm “Ferdinand và Isabella”)
cacao 445, 446
cacique 128
Cadiz 67, 151, 192, 233, 237, 238, 248, 258, 284, 288, 293, 420, 435, 470, 528
cảng Dry 481, 486, 514
cao su 89, 206
Caonabó 221, 223-226, 239, 252, 253, 296, 298-301, 305, 309, 316, 318, 333, 336, 337, 367, 505
Caribbean 31, 49, 61, 69, 72, 113, 123, 133, 147-149, 170, 177, 189, 197, 207, 213, 259,

- 281, 315, 344, 363, 375, 427, 435, 441, 461, 479, 481, 502, 532
- carrack 68
- Castile 31, 36-38, 73, 95, 108, 111, 114, 115, 117, 123-125, 133, 136, 137, 143, 162, 166, 169, 170, 173, 194, 201, 223, 227, 230, 234, 242, 247, 250, 263, 264, 265, 280, 287, 290, 292, 306, 314, 348, 354, 366, 386, 396, 401-405, 414, 417, 434, 439, 491, 492, 500, 501, 505, 513, 517, 521, 522
- Cathay 92, 156, 259, 480 (xem thêm “Trung Hoa”)
- cây cọ 49, 137, 195, 263, 269, 325, 452, 467
- cây nhũ hương 37, 73, 89, 90, 161, 249, 355
- cây thông 58, 59, 103, 443
- cây thù 72, 73, 161, 204, 321
- Chanca, Diego Alvarez 190, 198, 200, 203, 204, 210, 217-221, 224-227, 230, 235, 242, 249, 250, 327, 329
- châu Á 20, 22, 42-44, 67, 70, 92, 93, 95, 100, 105, 112, 128, 129, 132, 173, 258, 259, 430, 448, 543
- châu Mỹ 21, 22, 97, 107, 112, 155, 206, 327-330, 358, 394, 436, 437, 446, 448, 455, 527, 529, 532
- châu Phi 75, 88, 92, 93, 95, 96, 100, 113, 118, 174, 182, 192, 193, 212, 258, 260, 516
- chicha 360
- chuông nhỏ 28, 65, 66, 70, 108, 125, 133, 200, 229, 261, 298, 301, 361, 449, 453, 456, 464, 483
- Cibao 129, 234-236, 243-248, 290, 294, 299, 306, 313
- Çipango 30, 43, 106, 112, 129 (xem thêm “Nhật Bản”)
- cobo 207
- cohoba 208, 209, 310
- Colina* 188
- Colombia 392, 479, 516, 533
- Columbus, Bartholomew 111, 286, 312, 365, 366, 368, 431, 435, 467
- Columbus, Diego (con) 102, 287, 338, 435, 451, 512, 525, 526-528
- Columbus, Diego (em) 79, 244, 255, 291, 364, 365-368, 370, 387, 404, 405, 412, 419
- Columbus, Ferdinand 24, 39, 95, 98, 99, 183, 189, 210, 222, 224, 226, 230, 234, 237, 244, 246, 261-263, 265, 272, 273, 275, 283, 287, 294, 296, 297, 299, 313, 316, 317, 319, 320, 323, 338, 363, 365, 367-372, 375-379, 385, 387, 388, 390, 398, 399, 400-403, 409, 413, 417-419, 426, 427, 429, 430, 435, 437, 439-443, 445, 446, 448, 449, 451, 453, 454, 461, 464, 466-468, 470, 472-474, 477-479, 481-483, 486, 487, 491-495, 497-495, 497-500, 503, 506-508, 510, 512, 515, 517
- Coma, Guillermo 192, 196, 203, 220, 222, 227, 228, 232, 233, 248, 250
- công cuộc chinh phục Ấn Độ 172, 340, 365, 370, 391, 410, 417, 420, 459, 519, 531
- công cuộc Tái chinh phục 15, 117, 403
- Cosa, Juan de la 55, 130, 190, 202, 260, 392, 393, 516
- Costa Rica 452, 514
- Crosby, Alfred 328-330, 536
- củ mài 28, 133, 249, 250, 313
- Cuba 43, 45, 49, 50, 51, 58-61, 66, 67, 156, 157, 177, 255-257, 259-262, 265-272, 274-278, 334, 447, 479, 494, 503, 527, 531
- Cuneo, Michele de 195, 213-215, 217, 250, 283, 288, 291, 292, 306
- Cựu Thế giới 22, 326-330, 533, 534
- D
- dẫn đường dự đoán 53, 147, 153, 154, 269, 318, 319, 355
- Dias, Bartolomeu 74, 95, 113, 136, 172, 259
- Dominica 196, 197, 198, 219, 230, 248, 305, 343, 436, 528
- Dòng Thánh Francisco 323, 335, 338, 516, 526
- Dragon’s Mouth 351 (xem thêm “Miệng Rồng”)
- dừa 72
- Đ
- đặc quyền của Columbus 108, 188, 284, 307, 421, 488, 518
- Đại Hãn 16, 21, 34, 41, 42, 44-46, 48, 49, 59, 64, 66, 67, 70, 74, 97, 105, 117, 138, 159, 161, 178, 180, 187, 242, 259, 266, 276, 323, 334, 362, 480, 519
- Đại Tây Dương 17, 56, 57, 60, 76, 91, 93, 96, 103, 146, 147, 153, 192, 193, 197, 198, 232, 292, 306, 326, 327, 328, 377, 392, 394, 422, 435, 472, 495
- đảo Gomera 182, 193, 194, 195, 197
- đảo Grand Canary 193, 194, 435
- đảo Madeira 94, 98, 100, 102, 104, 154, 182, 292
- đảo Margarita 351, 363
- đảo Santa María 14, 17, 35, 37, 55, 128-132, 134, 135, 138, 160, 162, 167, 169, 170, 188
- đậu gà 164, 240, 250, 306, 320
- đậu hạt 72, 240, 306, 320, 330, 449
- địa cầu (những hình dung và phỏng đoán) 42, 43, 97, 104, 105, 112, 151, 192, 258, 284, 357-359, 395, 497
- Địa Trung Hải 52, 80, 81, 83, 89, 90, 93, 196, 258, 495

Đôi lạng gió xích đạo 342, 352, 359

đồng (kim loại) 145, 253, 314, 334, 360, 361
443, 445

E

El Alto Viaje 426, 515

El Correo 340

encomienda 384

Ephemerides astronomicae 496

F

Ferdinand và Isabella 15, 20, 21, 23, 24, 29, 31,
48, 49, 57, 61, 62, 70, 94, 111, 113, 115-119,
125, 129, 131, 134, 136, 148, 165, 168, 169,
172-174, 178, 181, 183, 186-188, 191, 198,
201, 215, 238, 242, 245, 275, 284, 288, 292,
317, 321, 332-335, 340, 351, 361, 379, 380,
391, 398, 403, 404, 407, 408, 412, 418-422,
427, 474, 501, 512, 521, 522

Fieschi, Bartolomeo 434, 485

Fonseca, Juan Rodríguez de 187, 293, 340, 391,
417, 529

Frontera, Palos de la 56, 176, 539

G

galley 75, 81, 88, 90, 122, 344, 443

Genoa 38, 40, 57, 69, 75-93, 97, 99-101, 103,
108, 110, 112, 117, 121, 132, 153, 158, 161,
173, 186, 189, 205, 213, 258, 287, 290, 318,
339, 340, 374, 385, 434, 464, 485, 500, 532

Geography 107, 117

gia vị 44, 48, 49, 66, 87, 92, 97, 105, 106, 109,
112, 127, 136, 157, 206, 238, 248, 290, 300,
334, 341, 357, 381, 446

Giáo hoàng Alexander VI 182, 183, 191, 192,
322

Granada 15, 16, 117, 118, 402, 419, 445

Guacanagari 126, 131-133, 137, 139, 220-230,
248, 253, 260, 261, 293, 295, 296, 322

guamó 207

guanín 279, 360, 452

Guarionex 253, 257, 295, 302, 311-313, 371,
372, 422, 423

Guatiguaná 291, 293, 294, 295

Guayacoa 253

Guinea 50, 62, 96, 112, 172, 175

güira 207

H

hải lưu Gulf Stream 147, 326, 394, 436

Haiti 67, 74, 123, 136, 225, 442, 527

Hàng Châu 42, 105, 106 (xem thêm “Quinsay”)

hạt thủy tinh 28, 34, 36, 65, 70, 108, 125, 127,
143, 253, 261, 360

hạt tiêu 48, 81, 105, 145, 300

hệ thống cống nạp 128, 301, 302, 313, 321, 371,
372, 390, 411

Henry nhà Hàng hải 91, 92, 93, 100, 101, 340

Hiệp ước Alcáçovas 174

Hiệp ước Tordesillas 289, 321, 340, 342, 393,
396

Higuanamá 295

Hispaniola 11, 12, 67, 69, 122, 126, 129, 139,
141, 142, 146, 157, 158, 176, 181, 189, 203,
204, 210, 212, 218, 234, 236, 238, 252-254,
257, 258, 260, 275, 279, 282, 284, 290, 291,
293, 295, 304, 305, 307, 315, 319, 323, 324,
332, 333, 338, 339, 341-343, 349, 354, 363-
368, 370, 373-375, 380, 382, 384, 390, 393,
397, 399, 400, 401, 403-405, 407, 409, 413,
416, 421, 423, 428, 437, 438, 439, 449, 478-
481, 483, 484, 486-488, 493, 494, 497, 499,
500, 503, 511-514, 521, 527, 529, 531, 532

Honduras 442, 448, 449

I

India 314

Indio 161

Isla de Gracia 349, 350, 359

J

Jamaica 26, 140, 255, 262, 263, 265, 266, 276,
279, 281, 282, 359, 427, 442, 480, 481, 483,
485-491, 493, 494, 497, 499, 500, 502, 503,
505, 506, 511, 513-515

K

khí nhện 455

khu định cư 94, 124, 237, 245, 250-252, 264,
288, 291, 324, 369, 383, 391, 406, 467, 471,
473, 477

L

La Capitana 431, 464, 475, 478

La Gallega 188, 434, 440, 463, 465, 467, 476,
478

La Gorda 404, 405, 417, 418

La Isabela 232-235, 237, 244, 247, 248, 250,
252-255, 273, 284, 285, 287-289, 291, 293,
295, 296, 298, 299, 305-307, 314, 315, 323-
325, 367, 370, 387, 415, 416

La Navidad 141, 144, 180, 197, 200, 201, 203,
204, 220, 222, 223, 225, 226, 234, 237, 254,
295, 298

Lá thư về chuyến hải hành thứ nhất 155

La Vaquerños 340, 350

Lisbon 40, 74, 81, 91-93, 96-98, 104, 108, 110,
112, 113, 168, 171-174, 260, 319

lợn biển 141, 208, 441
lợn lòi 455, 516
lòng mộ đạo (của Columbus) 40, 41, 49, 50, 55, 77, 98, 99, 155, 198, 323, 335, 338, 428, 429, 511, 516, 523
lời buộc tội (Columbus) 247, 251, 306, 307, 405, 406, 413-416

M

maguey 207, 428
Mandeville, John 47, 259, 267
mappa mundi 112, 190
maraca 207
Mariagalante 188, 190, 198
Martyr, Peter 205, 208, 209, 211, 212, 228, 229, 244, 246, 256, 258, 271, 273, 275, 277, 285, 294, 298, 299, 302, 303, 314, 321, 322, 374, 505, 517
mayohuacán 207, 428
Miếng Rỗng 349-351, 362, 397
mũi Cruz 266, 267, 278, 279
mũi Gracias á Dios 442
mũi Hảo Vọng 74, 95, 172, 396
mũi Honduras 442
mũi Lindo 66
mũi San Miguel 503
mũi St. Vincent 91, 292, 318
Mújica, Adrián de 378, 387-389, 400

N

Nam Mỹ 61, 256, 328, 344, 345, 348, 392, 393, 396
nao 55, 188, 283, 316, 350, 354
Naturalis historia 361
ngô 28, 204, 328-330, 354, 360, 457, 463
ngọc trai 44, 47, 106, 109, 112, 126, 175, 221, 349, 352-354, 361-363, 384, 391-393, 422, 429, 490
ngựa 126, 189, 193, 197, 228, 243, 245, 253, 296, 297, 299, 327, 328, 329, 333, 383, 386, 407, 447, 469, 472
người Carib 65, 69, 133, 139, 143, 144, 147, 160, 182, 203, 204, 210-214, 217, 218, 220, 248, 249, 253, 290, 304, 305, 377
người Do Thái 16, 45, 46, 117, 118, 119, 120, 187, 190, 496
người Islam giáo 15, 96, 116-118
người Ki-tô giáo 29, 47, 48, 49, 51, 62, 71, 86, 103, 105, 106, 114, 124, 125, 143, 144, 159, 200, 215, 220, 221, 224-226, 236, 252-254, 257, 283, 289, 294, 295, 298, 302, 303, 309, 311-313, 316, 319, 362, 371, 386, 390, 397, 405, 406, 414, 416, 447, 453-456, 459, 466, 469, 470, 471, 472, 475, 482, 488, 493, 494,

497-499, 504, 510, 530
người Maya 443-446, 457, 467
người Moor 15, 16, 45, 259, 301, 402, 435, 449
người Taíno 28, 61, 69, 71, 143, 144, 198, 207, 208, 214, 229, 278, 290, 304, 305, 307, 308, 309, 344, 354, 360, 531
nguyệt thực 26, 283, 284, 496-499, 507
Nhật Bản 30, 38, 42, 43, 55, 56, 106, 112, 129
Niña 14, 17, 28, 54, 55, 59, 67, 130, 133, 134, 139-145, 147, 151-154, 162, 164-166, 168-175, 189, 387
nô lệ 21, 29, 61, 69, 75, 81, 86, 89, 96, 117, 132, 200, 206, 248, 262, 290, 291, 293, 301, 302, 306, 317, 327, 329, 352, 357, 371, 383, 386, 387, 391, 393, 414, 446, 468, 521, 529, 530
nơi ở (của người Anh-điêng) 45, 63, 66, 124, 200, 204-206, 224, 308, 354, 393
nữ hoàng Isabella I xứ Castile 114-119, 190, 194, 233, 289, 397, 505, 516, 517, 521, 523

O

Ojeda, Alonso de 204, 234, 243, 252, 298, 391, 490, 505, 516, 529
otro mundo 362, 428
Oviedo, Fernández de 211, 215, 216, 236, 299, 302, 304

Ơ

ớt 72, 145, 146, 330

P

Palos de la Frontera 16, 54-56, 134, 176, 189, 340, 392
Panama 393, 457, 458, 462, 463, 514, 516
Pané, Ramon 309-313, 322
Paria 346, 351, 352, 362-364, 384, 397, 437, 488
pháo đài Concepción 313, 368, 370, 377, 378, 385, 388, 404
pháo đài Fortaleza 223, 245
pháo đài Santo Tomás 246, 252
Pinta 14, 17, 20, 28, 45, 47, 53, 55, 134, 137, 138, 140, 148, 151, 152, 163, 175, 434
Pinzón, Francisco Martín 55, 189, 190, 197
Pinzón, Martín Alonso 47, 53-57, 137, 138, 140, 148, 151, 152, 154, 163, 176, 189, 190, 197
Pinzón, Vicente Yáñez 28, 55, 140, 153, 189, 190, 197, 393, 442
Pliny 362
Polo, Marco 20, 21, 42, 47, 81, 93, 105, 106, 107, 112, 129, 139, 145, 154, 158, 161, 176, 188, 258, 276, 281, 347, 362, 428, 430, 443, 447, 457, 481, 507, 518

Porras, Diego 431, 491, 506, 512, 529
Porras, Francisco 431, 434, 491-493, 506-508, 510-512, 529
Porto Santo 100-102
Ptolemy 107, 112, 113, 117, 255, 359
Puerto Bello 457, 460, 478
Puerto Bueno 265, 266, 481
Puerto de Gibara 45
Puerto de la Concepción 74
Puerto de San Nicolas 67
Puerto Gordo 462
Puerto Grande 261
Puerto Plata 315, 540
Puerto Rico 143, 191, 203, 218, 228, 423, 437, 513
Puerto Santo 66
Punta del Aguja 352
Punta Fraile 66

Q

quần đảo Azores 76, 92-94, 102, 103, 153, 154, 162, 163, 166, 167, 169, 170, 183, 318, 355, 356, 488
quần đảo Bahamas 28, 34, 37, 42
quần đảo Canary 17, 75, 83, 146, 154, 155, 162, 174, 177, 193, 194, 292, 341, 375, 436
quần đảo mũi Verde 76, 110, 174, 182, 183, 192, 340, 342, 488
quê 47, 48, 161, 300, 321
Quibián 464, 466, 469-472, 476, 477, 508
Quinsay 42, 45, 106, 112

R

repartimiento 384
Rio Belén 463, 464, 466, 467
Rio de Desastres 451
Rio de Gracia 141
Rio De Janeiro 539
Rio de Oro 141
Rio Guadalquivir 216
Rio Veragua 466

S

sản 71, 72, 133, 209, 249, 261, 266, 279, 303, 306, 316, 317, 328, 329, 386, 406, 483, 495
Santa Clara 189, 268, 286, 315
Santa Cruz 387
Santa Gloria 264, 265, 482
Santa María 14, 17, 35, 55, 128-132, 134, 135, 138, 160, 188, 190, 220, 223, 340, 393
Santa María de Guadalupe 199
Santa María de la Antigua 202, 210
Santa María de la Concepción 31
Santa María de la Redonda 210

Santa María de Montserrate 202
Santa Marta 270
Santiago de Palos 431
Santo Domingo 324, 325, 363-366, 373, 375-377, 387-398, 401, 404, 412, 423, 437-439, 487, 499, 504, 505, 511, 513, 527, 528
sông Ozama 232, 233, 324, 364
sự tự hủy diệt (của người Anh-điêng) 303, 476, 477

T

Tân Thế giới 21-24, 29, 38, 46, 53, 56, 63, 83, 136, 154, 160, 169, 177, 189, 191, 215, 234, 258, 291, 326-330, 348, 430, 455, 524, 529, 531, 534
tảo biển 146, 147, 151, 152, 154, 195
Tây Ban Nha 14, 21, 23, 41, 42, 51, 62, 66, 83, 91, 93, 100, 113-115, 118, 119, 123, 132, 135, 136, 141, 157, 159, 161, 181-183, 188, 191, 192, 251, 277, 288, 289, 321, 322, 324, 327, 332, 333, 335, 338, 340, 361, 364-366, 369, 377, 385, 390, 396, 398, 404, 406, 427, 443, 444, 467, 505, 512, 514, 516, 521, 531, 534
Thái Bình Dương 21, 56, 97, 107, 112, 358, 393, 533
Thánh lễ 98, 275, 406, 448, 449
Thập tự chinh 116, 136, 429
thế giới tâm linh (của người Anh-điêng) 308, 309, 446, 454
The Travels of Marco Polo 20, 47, 281, 347, 447, 481
thiên đường 23, 59, 62, 74, 93, 126, 158, 264, 271, 277, 345, 346, 348, 356-359, 420, 473, 506, 524
thuốc lá 35, 48
thuyền độc mộc 30, 34-36, 44, 50, 64, 68, 128, 147, 160, 264, 265, 285, 361, 405, 406, 444, 456, 464, 478, 485, 486, 492, 502, 532
thư viện Biblioteca Colombina 427
thước đo độ 51, 52, 152, 153, 356
thước trắc tình 152, 153
tiền đồn 59, 94, 148, 181, 231, 287, 288, 290, 305, 366, 376, 388, 406, 500, 505, 527
tô vẽ cơ thể 29, 43, 66, 209, 217, 218, 249, 264, 279, 305, 456
Tòa án Dị giáo 116, 117, 119, 496, 517, 520
tội ác (của người Tây Ban Nha) 69, 161, 214, 215, 296, 297, 300, 305, 317, 381, 404-406, 455, 473, 493-495, 520
Torres, Antonio de 188, 237, 238, 248, 292, 295, 314, 422
trang sức rở tiền 30, 34, 108, 133, 203, 246, 265, 272, 449, 452, 459

Trinidad 344-346, 349, 351, 359, 376, 397, 422, 435
Trung Hoa 20-23, 38, 42, 43, 45, 48, 55, 59, 60, 86, 92, 93, 97, 105, 112, 113, 134, 135, 139, 156, 174, 178, 180, 251, 344, 403, 443, 444, 457, 480, 524
Trung Mỹ 427, 467
tu viện Santa Maria de las Cuevas 419, 428, 526
tục lệ ăn thịt người 47, 58, 59, 69, 121, 200, 217, 242, 248, 249, 304, 319, 322
tước hiệu (của Columbus) 16, 23, 24, 94, 180, 183, 418, 420, 421, 429, 518, 519

V

Valladolid 114, 287, 332, 338, 505, 518, 523, 525, 526
vàng 23, 30, 31, 38, 42-45, 47, 51, 53, 56, 57, 58, 65, 66, 70, 74, 106, 109, 112, 118, 121, 122, 124, 126-129, 133, 134, 136-144, 157, 158, 159, 161, 162, 172, 175, 181, 188, 205, 206, 216, 221-228, 232, 235-239, 242-248, 253, 261, 262, 265-269, 276, 279, 281, 290, 299-306, 312, 313, 320, 321, 327, 329, 332-335, 338, 339, 341, 347, 352-354, 357, 360, 361, 372, 374, 381-383, 391, 392, 406, 412, 415, 417, 421-423, 429, 443, 453, 456, 458, 459, 464, 466, 471, 489, 507, 520

Venezuela 344, 345, 349, 351, 357, 359, 363, 391, 392, 422, 490
Veragua 444, 459, 464, 466-469, 488, 527
Vespucci, Amerigo 190, 394-396, 524, 529
vẹt 28, 30, 72, 73, 125, 128, 143, 200, 248, 250, 264, 271, 274, 316, 317, 332, 349, 361, 482
Vizcaina 434, 441, 460, 464, 476, 478
vũ khí (của người Anh-điêng) 121, 125, 133, 143-145, 200, 211, 217, 229, 243, 265, 271, 283, 305, 316, 317, 347, 348, 452, 472, 473
vua Alfonso V của Bồ Đào Nha 92, 115, 196, 340
vua Ferdinand II xứ Aragon 114, 115, 194, 298, 369, 402, 435, 516, 517, 522, 523, 529
vua João II của Bồ Đào Nha 92-95, 103, 108-110, 113, 117, 136, 172, 174, 175, 191, 321, 496
Waldseemüller, Martin 395

X

Xaraguá 253, 366, 368, 370-376, 386-388, 393, 398, 400, 404, 405, 409, 504, 505
xích (của Columbus) 410, 412, 414, 415, 417-420, 489, 529
xoáy Cận xích đạo Bắc Đại Tây Dương 146

NGUỒN THAM KHẢO PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

- 1: The Art Archive / Biblioteca Nacional Madrid / Gianni Dagli Orti.
- 2: Erich Lessing / Art Resource, NY.
- 3: Erich Lessing / Art Resource, NY. 4: Museu de Marinha, Lisbon, Portugal / The Bridgeman Art Library.
- 5: Biblioteca Colombina, Seville. 6: Scala / Art Resource, NY.
- 7: Erich Lessing / Art Resource, NY. 8: The Art Archive / General Archive of the Indies Seville / Gianni Dagli Orti.
- 9: © Bettmann / Corbis.
- 10: The Granger Collection, New York. 11: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.
- 12: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.
- 13: akg-images.
- 14: IAM / akg – images. 15: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.
- 16: The Art Archive / Museo de la Torre del Oro Seville / Gianni Dagli Orti. 17: The Granger Collection, New York.
- 18: The Granger Collection, New York. 19: akg – images.
- 20: Centro de Estudios de Historia de México.
- 22: akg – images. 23: Image Select / Art Resource, NY.
- 24: Museo Galileo, Florence – Photo Franca Principe. 25: HM 177 Gonzalo Fernández de Oviedo y Valdes, Historia general y natural de las indias, 1539–1548, The Huntington Library, San Marino, CA.

26: HM 177 Gonzalo Fernández de Oviedo y Valdes, *Historia general y natural de las indias*, 1539–1548, The Huntington Library, San Marino, CA. **27:** akg – images. **28:** Private Collection / The Bridgeman Art Library.

29 – 30: Bibliothèque nationale, Paris, France / Archives Charmet / The Bridgeman Art Library.

31: akg – images.

32: akg – images. **33:** Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University. **34:** The Granger Collection, New York.

35: Scala / Art Resource, NY.

36 – 37: akg – images. **38:** Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

39 – 40: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

41 – 42: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

43 – 44: bpk, Berlin / Staats- und Stadtbibliothek, Augsburg, Germany / Knud Petersen / Art Resource, NY.

45: akg – images. **46:** Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

47 – 48: Library of Congress, Geography and Map Division.

49: The Granger Collection, New York. **50:** akg – images.

51: Biblioteca Colombina, Seville, Spain / The Bridgeman Art Library.

52: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

53: akg – images. **54:** The Art Archive / General Archive of the Indies Seville / Gianni Dagli Orti.

55: Musée des Beaux-Arts Andre Malraux, Le Havre, France / Giraudon / The Bridgeman Art Library.

56: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

57: Erich Lessing / Art Resource, NY.

58: Erich Lessing / Art Resource, NY.

59: The Granger Collection, New York.

60: The Granger Collection, New York.

61: The Granger Collection, New York.

62 – 63: The Art Archive / Museo Navale Pegli / Gianni Dagli Orti.

64 – 65: Art Resource, NY.

66 – 67: Huntington Library and Art Gallery, San Marino, CA, USA /
Photo © AISA / e Bridgeman Art Library.

68 – 69: akg-images.

70 – 71: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

72 – 73: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

74: Courtesy of the John Carter Brown Library at Brown University.

75: bpk, Berlin / Staats- und Stadtbibliothek, Augsburg, Germany /
Knud Petersen / Art Resource, NY.

TỦ SÁCH NHÂN VẬT

1. *44 đời tổng thống Hoa Kỳ*, William A. Degregorio
2. *Adolf Hitler - Chân dung một trùm phát xít*, John Toland
3. *Alexander Hamilton (1757-1804)*, Nguyễn Cảnh Bình biên soạn
4. *Anh em nhà Himmler*, Katrin Himmler
5. *Ataturk - Người khai sinh nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại*, Andrew Mango
6. *Benjamin Franklin - Cuộc đời một người Mỹ*, Walter Isaacson
7. *Columbus: Bốn chuyến hải hành (1492-1504)*, Laurence Bergreen
8. *Einstein - Cuộc đời và vũ trụ*, Walter Isaacson
9. *Elon Musk - Tesla, SpaceX và sứ mệnh tìm kiếm một tương lai ngoài sức tưởng tượng*, Ashlee Vance
10. *Hillary Clinton - Bí mật quốc gia và sự hồi sinh*, Jonathan Ellen và Amie Parners
11. *Hồi ký bà đầm thép*, Margaret Thatcher
12. *Hồi ký chính trị*, Tun Dr Mahathir Mohamad
13. *Hồi ký Lý Quang Diệu: Câu chuyện Singapore*, Lý Quang Diệu
14. *Hồi ký Lý Quang Diệu: Từ thế giới thứ ba vươn lên thứ nhất*, Lý Quang Diệu
15. *Hồi tưởng và suy ngẫm I - Đời tôi*, Mikhail Gorbachev
16. *Hồi tưởng và suy ngẫm II - Đất nước tôi và thế giới*, Mikhail Gorbachev
17. *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*, Kim Byung-Kook & Ezra F. Vogel chủ biên
18. *Napoleon*, Geoffrey Ellis
19. *Napoleon Đại đế*, Andrew Roberts
20. *Nhật hoàng Hirohito và công cuộc kiến thiết nước Nhật hiện đại*, Herbert P. Bix
21. *Những thời khắc quyết định*, George W. Bush
22. *Shogun cuối cùng*, Shiba Ryotaro
23. *Thành Cát Tư Hãn và sự hình thành thế giới hiện đại*, Jack Weatherford
24. *Thomas Jefferson: Nhân sư Mỹ*, Joseph J. Ellis
25. *Tiểu sử David Ben-Gurion - Lịch sử hình thành nhà nước Israel*, Michael Bar-Zohar
26. *Tự truyện Andrew Carnegie - Từ cậu bé nghèo khó trở thành tỉ phú thép giàu nhất nước Mỹ*, Andrew Carnegie
27. *Tự truyện Benjamin Franklin (từ 1706 đến 1757)*, Benjamin Franklin

CÔNG TY TNHH MTV
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính:

Số 46, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 0084.24.38253841 – Fax: 0084.24.38269578

Chi nhánh:

Số 7, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0084.28.38220102
Email: marketing@thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.vn

COLUMBUS: BỐN CHUYẾN HẢI HÀNH
(1492-1504)

*(Dựa trên các ghi chép của Columbus
và những người đồng hành)*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP
TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Bùi Thế Khoa
Sửa bản in: Trịnh Thu Hằng
Thiết kế bìa: Nguyễn Ngọc Mai
Trình bày: Vũ Lê Thư

In 3.000 bản, khổ 16 x 24 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Quốc Duy
Địa chỉ: Số 9, ngách 130/1, ngõ 130 phố Đốc Ngừ, P. Vĩnh Phúc, Q. Ba Đình, Hà Nội.
Xưởng sản xuất: Trụ cầu N25, Đường Tân Xuân, P. Đông Ngạc, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Số ĐKXB: 4374-2018/CXBIPH/02-301/ThG
Quyết định xuất bản số: 1311/QĐ-ThG cấp ngày 10 tháng 12 năm 2018
ISBN: 978-604-77-5386-4. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS)

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà số 14 Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (024) 3233 6043

VP. TP. HCM: 138C Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38220 334 | 35

www.omegaplus.vn | <https://www.facebook.com/groups/congdongomega>

Tìm mua ebook của Omega Plus tại: waka.vn, mikiapp.com, Alezaa.com